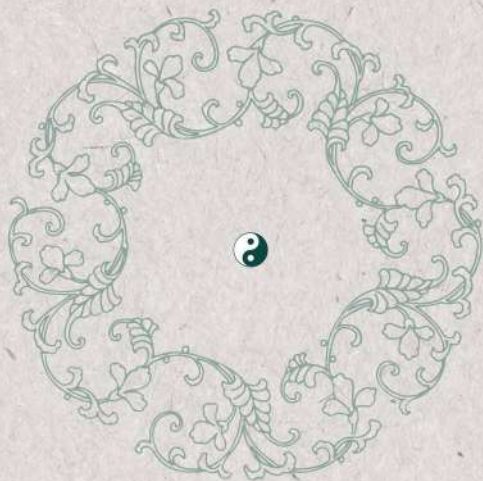


Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN
Dịch và bình chú

DỊCH KINH TUỜNG GIẢI



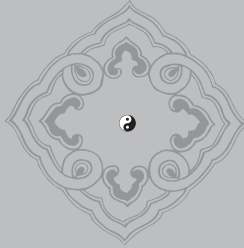
QUYỂN
HẠ

DI CẢO



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

DỊCH KINH TUỜNG GIẢI



QUYỂN
HẠ

Gia đình tác giả giữ bản quyền.

Nhà xuất bản Trẻ xuất bản độc quyền theo hợp đồng sử dụng tác phẩm với gia đình tác giả.

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Nguyễn Duy Cẩn, 1907-1998

Dịch Kinh tương giải. Q. hạ / Thu Giang Nguyễn Duy Cẩn. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014.
600 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Triết học phương Đông).

1. Kinh Dịch. 2. Triết học phương Đông. 3. Bói toán.

1. Yi jing. 2. Philosophy, Eastern. 3. Divination.

133.33 -- dc 23

N573-C21

Thu Giảng NGUYỄN DUY CẦN
Dịch và bình chú

DỊCH KINH TUỜNG GIẢI



QUYỂN
HẠ

DI CẢO

N H Ì X U Á T B Á N T R Ế

TỰA

Kinh Dịch, không phải là bộ sách thuộc về Luân Lý với nghĩa thông thường, vì nó chẳng nêu lên những giá trị bất di bất dịch nào cả. Nó đứng ngoài *Thiện Ác, Thị Phi, Lợi Hại, Vinh Nhục*. Nó đứng ngoài hệ thống tư tưởng Nhị Nguyên. Kinh Dịch thuộc hệ thống Nhất Nguyên luận, là thứ Nhất Nguyên Lương Cực động nghĩa là Âm Dương trong đồ Thái Cực.

Cho nó là Duy Tâm luận hay Duy Vật luận cũng không sao, trong đồ Thái Cực; bên Sáng, thuộc về Duy Tâm luận (bởi Thái Dương hàm chứa Thiếu Âm), bên Tối, thuộc về Duy Vật luận (bởi Thái Âm hàm chứa điểm Thiếu Dương). Cho nên, nói chung thì Dịch là Âm Dương luận. Cả hai tuy Hai, mà Một; tuy Một mà Hai. Nó ngầm chứa mâu thuẫn, nhưng lại không bao giờ mâu thuẫn.

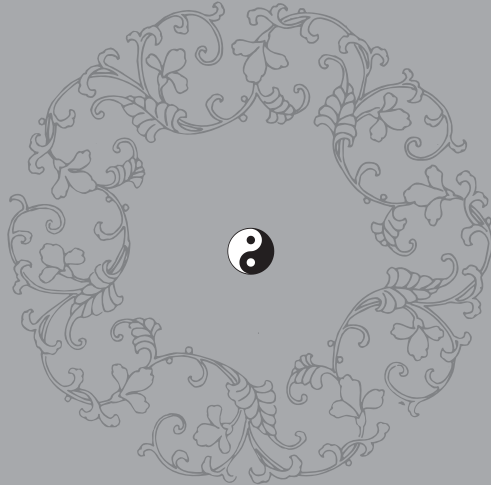
Vì vậy, đọc Dịch đừng chết theo văn tự... Nếu cứ mãi chết theo văn tự, thì Dịch đã chết rồi, đối với các bạn! Phải đọc Dịch như đọc Lão Trang: “đắc ý nhi vong ngôn”! (được ý, hãy quên lời).

Sau khi đã cho xuất bản những sách thuộc về Đạo học Đông phương... tôi cảm thấy hết sức thất vọng vì chưa gặp được người lý tưởng đã được Trang Tử nói

đến: “Có Lòi là vì Ý, được Ý hãy quên Lòi. Ta tìm đâu được kẻ biết quên Lòi, hầu cùng nhau đàm luận?”

Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN

QUYỂN HẠ



31. TRẠCH SƠN HÀM

澤山咸



Hàm, có 2 ý nghĩa,

1/ Hình nhi thượng học.

2/ Hình nhi hạ học.

Thượng Kinh, khởi bằng hai quẻ *Kiên* và *Khôn* (Trời Đất).

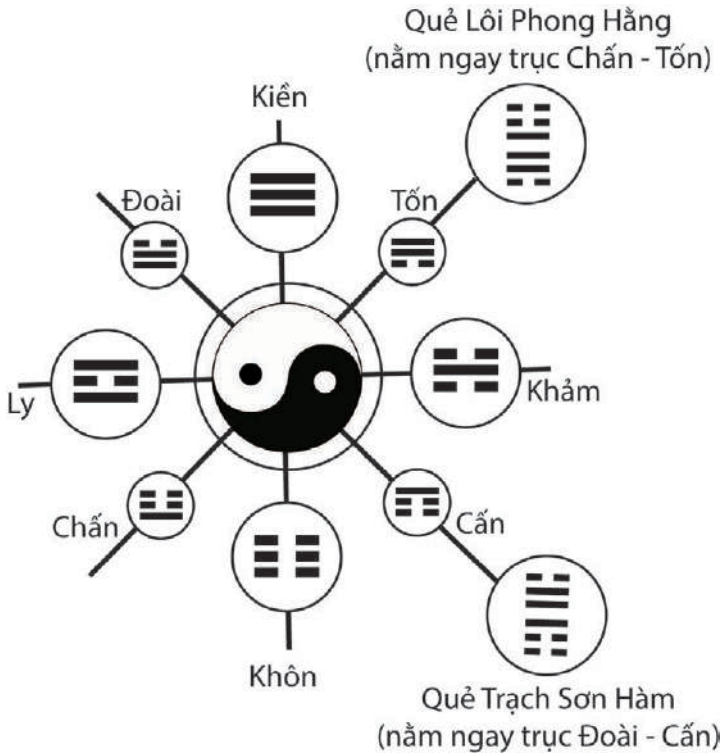
Hạ Kinh, khởi bằng hai quẻ *Hàm* và *Hăng*.

Dưới đây bàn về phần *Hình nhi hạ học*.

Ở quẻ *Hàm*, người con trai phải đứng thế hạ phong, phải đi cầu người con gái ở thế thượng phong. Nghĩa là, nếu muốn có sự tương cảm đầu tiên giữa nam nữ, người con trai phải nhún mình chiều chuộng người con gái, rồi từ đó mới có thể đi đến việc vợ chồng.

Nếu trái lại, người con gái mà đi cầu người con trai, là trái đạo Trời (*Thiên chi Đạo*).

Đây, chẳng phải là thói tục hay luật lệ do con người bày ra, mà chính là một định luật của Thiên Lý đã được ghi trên 2 bảng Hà đồ và Lạc thư (nhất là Hà đồ)



Không hẳn ở đâu, bất cứ ở gầm trời nào, đây là tâm lý chung của loài người và cả loài vật.

Quẻ Hàm, tượng người con trai đứng ở hạ quái, còn người con gái ở thượng quái.

Khi thành vợ chồng rồi, thì bấy giờ, tình thế đảo ngược lại, như ta thấy ở quẻ Hằng.

Sau hôn nhon, người vợ phải chịu phục tùng người chồng vì bây giờ người vợ ở hạ quái, mà ông chồng ở bên trên.

Muốn được hạnh phúc trường cửu, phải thực hiện đúng theo đạo Hằng “*Xuất giá tùng phu*” đâu phải nhon vi mà là thiên lý!

Thoán từ:

Hàm, hanh, lợi trinh, thú nữ kiết.
咸, 亨, 利貞, 取女, 吉。

Thoán truyện:

Hàm cảm dã.
咸, 感也。

*Nhu thượng nhi cương hạ,
nhị khí cảm ứng dĩ tương dĩ,
chi nhi duyệt, nam hạ nữ.*
柔上而剛下, 二氣感應以相與,
止而說, 男下女。

Thị dĩ hanh lợi trinh, thú nữ, kiết dã.
是以亨利貞, 取女吉也。

Thiên địa cảm, nhi vạn vật hóa sinh,
天地感而萬物化生。

Thánh nhơn cảm nhơn tâm nhi thiên hạ hòa bình.
聖人感人心而天下和平。

*Quan kỳ sở cảm nhi thiên địa vạn vật
chi tình khả kiến hi!*

觀其所感而天地萬物之情可見矣。
Hàm, là Cảm (cảm tình)

Sự tương cảm không đâu thắm thiết bằng giữa đôi nam nữ thiếu niên. Sở dĩ tương cảm giữa đôi trai gái mà được sâu mạnh, là nhờ “nam hạ nữ” (người trai nhún mình trước người gái). Thượng là Nhu, Hạ là Cương (là nói đến quẻ trên là Đoài (thiếu nữ) và quẻ dưới là Cấn (thiếu nam), người nam trước đi cầu người nữ, chịu đứng dưới, mới gây được cảm tình của người nữ.

Sự cảm ứng mà to lớn, là khí Dương hạ xuống giao tiếp với khí Âm, âm dương có giao cảm thì vạn vật mới được hóa sinh (*Thiên Địa cảm, nhi vạn vật hóa sinh* 天地而萬物化生). “Hóa” là nói về *khí*, còn “Sinh” là nói về *hình*. Khí hóa mà thành hình.

Bậc Thánh nhân sở dĩ cảm được thiên hạ, giống như Tình của Trời Đất đối với vạn vật, nghĩa là như khí dương bên trên hạ xuống để cảm với khí âm phía dưới! Chính là chỗ mà Lão Tử quả quyết: “*Đại giả nghi vi hạ*” (Kẻ lớn nên hạ mình).

Đại Tượng

Son thượng hữu trạch: Hàm.

Quân tử dĩ “HU” thụ nhơn.

山上有澤，咸
君子以“虛”受人。

Trên núi có cái đầm, cái lợi của núi là chóp núi không lồi ra, mà hãm vô thành một cái đầm chứa nước. Người quân tử xem tượng ấy mà biến tâm mình thành cái “*tâm hu*” có thể chứa được tất cả mọi người trong thiên hạ, bất phân là kẻ hiền hay người ngu, kẻ thiện hay người ác! (*quân tử dĩ “Hu” thụ nhơn* 君子以虛受人。). Đây, là phần *Hình nhi thượng*.

Đúng là chỗ mà mà Lão Tử bảo: “*Thiện giả, ngô thiện chi; bất thiện giả, ngô diệc thiện chi. Tín giả ngô tín chi, bất tín giả ngô diệc tín chi!*”[1]

1. Tốt với ta, ta ở tốt với họ; không tốt với ta, ta vẫn ở tốt với họ như thường. Thành tín với ta, ta thành tín lại; không thành tín với ta, ta vẫn thành tín như thường.

Nghĩa là: luôn luôn ta là người thành tín vô điều kiện, bởi Bản tánh là như vậy! mới là Thiên tánh của bậc Thánh nhơn.

Có chỗ cũng gọi là “*Tâm Vũ Trụ*”, cái Tâm chứa được tất cả thiên hạ vào trong: “*ngô Tâm tiện thị Vũ trụ; Vũ trụ tiện thị ngô tâm*” (Tâm ta là cả Vũ trụ, mà Vũ trụ cũng là Tâm của ta).

Đó là cái Tâm của quẻ Hàm, vì Hàm ở đây cũng có nghĩa là “*bao hàm*”! bao hàm tất cả vạn vật, ôm chầm cả Vũ trụ Vạn vật.

Tiểu Tượng

Sơ Lục: *Hàm kỳ mẫu*

初六：咸其拇。

Tượng viết: *Hàm kỳ mẫu, chí tại ngoại dã.*

象曰：咸其拇，志在外也。

Mẫu 拇, là ngón chon cái

Hào từ mỗi hào được thủ tượng bằng thân người. Từ dưới lên trên, thì hào Sơ là ngón chon cái; hào Nhị, là bắp chon; hào Tam, là trái vế, hào Tứ, là ở lòng bụng; hào Ngũ là trên lưng; hào Thượng là miệng mép.

Hào từ lên cao, thì sức hoạt động càng mạnh thêm lên.

Sơ Lục, “*hàm kỳ mẫu*” chỉ hơi động, chứ chưa động thật, như mới chuyển hơi hơi bằng ngón chon cái, mới ngo ngoe một chút thôi... cho nên chưa nói được về việc làm kết hung cả!

Tượng hào lại nói: “*chí tại ngoại*”, là Sơ được ứng với Tứ bên hào ngoài... chứ chưa hoạt động gì cả.

Lục Nhị: *Hàm kỳ phì, hung, cư kiết.*

六二：咸其腓，凶，居吉。

Hào Nhị, đến “bấp chon” 𠄎, người nóng tính muốn đi một cách vội vàng (chưa bước đi mà bấp thịch ở chon đã máy động rồi).

Như thế là “hung” nếu Nhị vội vã đi tìm hào Ngũ. Xử sự như thế là hoàn toàn thiếu tâm lý. Vì kẻ nhỏ bé, địa vị kém mà đi đến kẻ cao trước, thành ra là người *cầu cạnh quyền thế*, là kẻ không biết tự trọng. Mình không tự trọng thì kẻ trên cũng xem thường xem khinh, làm gì có được một sự cộng tác chân thành? Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người, tâm lý người đời từ xưa đến nay đều vẫn thế!

Cho nên, đừng đến trước, mà phải biết “đợi”, lặng lẽ mà chờ kẻ trên đến cầu mình mới hay, nên hào từ mới căn dặn: “*cư cư*” nghĩa là ở một chỗ mà đợi người ta đến (*cư kiết cư吉*). Ở mà chờ là “tốt”!

Sở dĩ Thánh nhơn căn dặn, nhắc nhở là vì biết Nhị là người có thể thống, biết tự trọng vì Nhị là “âm cư âm vị” lại “đắc trung đắc chánh”, bằng không thì chẳng bao giờ căn dặn, nhắc nhở... Theo lệ thường của Dịch, nếu đối với kẻ bất trung bất chánh, chẳng bao giờ có lời răn dạy. Có nhắc nhở, có bàn bạc là biết chắc là người đúng đắn, trang nghiêm, quân tử!

Cửu Tam: *Hàm kỳ cố, chấp kỳ tùy, vãng lãn.*

九三：咸其股，執其隨，往吝。

Tượng viết: *Hàm kỳ cố, diệc bất xử dã,*

chí tại tùy nhơn, sở chấp hạ dã.

象曰：咸其股，亦不處也，

志在隨人，所執下也。

(“*Cổ 股*”) là trái bắp vế. (Tự nó, nó không động được; có sức của chon động thì nó mới động theo được thôi).

Dùng chữ “*cổ*” là muốn ám chỉ hạng người có tánh *cương táo háo động*, bởi Cửu Tam ở trên hết nội quái, lại làm chủ nội quái.

Ở phía trên có Tứ dương cương, Tứ mà động thì Tam mới động theo, như chon có động thì trái bắp vế mới động theo, cho nên đây là trường hợp hoàn toàn tự mình không được tự do hành động gì cả, trường hợp của người *bị động*.

Muốn cảm hóa người mà không tài “*tự động*” chỉ làm theo cái làm của kẻ khác, thì làm sao được người ta quý trọng mình? Cho nên mới có câu “*chấp kỳ tùy 執其隨*” mà làm, thì “*lỗi*” vậy và cũng là điều đáng hổ thẹn! Kẻ mà “*chí tại tùy nhơn 志在隨人*” là việc làm “*hạ tiện*” vậy (*sở chấp hạ dã 所執下也*).

Tóm lại, muốn “*cảm hóa*” người, mà chính mình hạ mình làm việc *phụ họa* theo kẻ khác, làm sao thành công, làm sao giữ gìn được thể diện của mình? Tâm lý chung của con người, thời nào cũng vậy! Ai mà chịu để cho mình cảm hóa?

Cửu Tứ: *Trình kiệt, hối vong, đồng đồng vãng lai,*
bằng tòng nhĩ tư.

九四：貞吉，悔亡，懂懂往來，朋從爾思。

Tượng viết: *Trình kiệt, hối vong, vị cảm hại dã,*
đồng đồng vãng lai, vị quang đại dã.

象曰：貞吉，悔亡，未感害也，懂懂往來，
未光大也。

Từ đây, hào từ đã đổi giọng, không còn dùng thân thể con người làm thủ tượng nữa, như Sơ là ngón chon cái; Nhị là bắp chon; Tam, là Trái bắp vế, đến Tứ đúng là lên đến phần trên thân thể, thuộc về bộ phận Tim.

Tim, thuộc về phần tinh thần. Tứ, là dương cương ở trên quẻ Đoài, Đoài là vui vẻ, là “hòa duyệt”, nặng về tình cảm, cho nên không còn những danh từ “hối, vong” mà dùng những danh từ “trinh, kiết”.

Chữ “*trinh*” ở đây, là một danh từ tuyệt đẹp. Nó có nghĩa là “*hu trung vô ngã*”: “*Hàm, quân tử dĩ HU thụ nhơn*”. Cho nên, cứ lấy một lòng “*chí công vô tư*” mà cảm hóa, mà ứng phó với đời, *chẳng cần cầu có người ứng mà tự nhiên người người lại ứng về mình, lại chạy theo mình.*

Đây, là người “*dĩ vô sự thủ thiên hạ 以無事取天下*” (chương 57, Đ.Đ.K). Trang Tử, ở thiên Ứng Đế Vương cũng có nói về hào Cửu Tứ này: “*Phép trị của Đấng Minh Vương là công trùm thiên hạ mà làm như không phải mình làm ra. Cảm hóa được cả vạn vật và thiên hạ mà không đợi người cậy đến. Làm mà không để cho ai biết được tên, khiến cho mỗi vật, vật nào cũng tự vui!*”

Phải chăng đó là đức Hư của hào Cửu Tứ mà Trang Tử gọi là “*minh vương*”? Hào Tứ tuy không chiếm ngôi vị Cửu Ngũ mà là con người *đã đắc Đạo* (đã đắc được cái Tâm Hư) quan trọng nhất, quang đại nhất của quẻ Hàm, vì đứng giữa 2 hào Dương, và lại dương cương đắc âm nhu chi vị... Đó là “*đạm nhiên vô cực nhi chúng mỹ tòng chi, thủ thiên địa chi đạo, thánh nhơn chi đức 澹然無極而眾美從之, 此天地之道, 聖人之德*.”. (Dùng dung đối với mọi sự mọi vật mà sự vật

lại chạy theo mình. Đó là đạo của Trời Đất, đức của Thánh nhân vậy!)

*
* *

Trái lại, nếu mình cảm hóa người mà lòng mong mỗi được người biết và hưởng ứng lại, thành ra việc làm của mình *không còn phải* là hành động “*vô cầu*”, mà là một việc làm có chủ đích hữu ý, hữu tâm, hữu ngã! Đâu còn phải là kẻ “*vô ký, vô công, vô danh*” của bậc Chân nhân nữa, mà là của một người *nhiều tính toán*. Mình mong hễ có “*vãng*” thì phải có “*lai*”; hoặc mình thấy có kẻ đến cầu việc (vãng) thì mình mới chịu đến (lai)... té ra tất cả chỉ là một công cuộc bán buôn, lời lỗ... sự qua qua lại lại ấy (vãng lai) có được hai bên đáp ứng (nên gọi là “*đồng đồng vãng lai*”, có ăn có trả, như thế đâu còn phải là hành động của bậc “*minh vương*” (tức là kẻ sáng suốt trên loài người, chứ không phải hẳn là của bậc vua chúa!). Cái đạo ấy *chưa phải là đạo “sáng to” (đại quang dã 大光也)*.

“*Đồng đồng vãng lai, vị đại quang dã 懂懂往來，為大光也*”, không xứng đáng với hào Tú, một bậc “*minh vương*”! Đó là kẻ có hành động “*vô cầu*”.

Cửu Ngũ: Hàm kỳ muội, vô hối.

九五：咸其脢，無悔。

Tượng viết: Hàm kỳ muội, chí mạt dã.

象曰：咸其脢，志末也。

Chữ “末 *mạt*” đây, có nghĩa là *đê tiện*. 晦 *Muội* là nhóm thịt trên lưng, trên bụng 2 đám thịt *trái nhau, trên lưng và trên bụng*.

Hào Ngũ đây, dưới thì vương vấn với Nhị (đâu có tốt “*hàm kỳ phì, hung*”), còn trên, thì lại vui chơi với hào Thượng Lục còn tiểu hơn Nhị nhiều. Thượng Lục là cùng một bọn với nhóm người môi miếng, xu nịnh... Hễ “*đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu*”, chơi thân với Thượng Lục... thì trước sau gì cũng cùng một loại với nhau: “*các đồng kỳ loại*”, nên hào từ mới gọi là “*đê mạt*” (*chí mạt dã 志末也*).

Muốn cảm hóa thiên hạ được, thì ít ra phải như hào Cửu Tứ. Hào này dùng để làm nổi bật lên các chỗ cao xa của hào Cửu Tứ.

Thượng Lục: Hàm kỳ phụ, giáp, thiệt.

Đằng khấu thuyết dã.

上六：咸其輔，頰，舌。

滕口說也。

輔 *phụ*, là cái *mép*;

頰 *giáp*, là cái *má*;

舌 *thiệt*, là cái *lưỡi*.

Ba danh từ này dùng để nói lên sự *vọng ngữ*.

Thượng Lục là âm hào “*đằng khấu thuyết dã*” (Đằng 滕) là múa môi uốn lưỡi để làm cảm động lòng người, nói hay, nói giỏi, ai nghe cũng mê (được gọi là *người miệng lưỡi*). Thuyết này, đang làm bá chủ thời “*hắc ám*”, một tai họa khủng khiếp nhất nhân loại ngày nay. Hiện thời, nhiều nơi trên thế giới, chủ nghĩa my

dân (núp dưới danh hiệu Dân chủ) đang gây loạn ly chưa từng thấy có trước giờ trong lịch sử loài người... Sau thế chiến thứ hai, một quyển sách độc đáo nhan đề: “Le Viol des Foules par la Propagande Politique”, của Serge Tchakhotine ra đời... Quyển này bàn rất rõ ràng và tỉ mỉ hào Thượng Lục của quẻ Hàm: “*đăng khẩu thuyết dã*” các phương pháp để nhồi sọ dân chúng u mê để họ hi sinh hoàn toàn tánh mạng cho chế độ quân phiệt độc tài kiểu Sparte ngày xưa bên Hi Lạp.

32. LÔI PHONG HẰNG

雷風恆



“Hằng giả, cửu dã.”

恆者，久也。

Hằng, là bền bỉ, lâu dài.

Hằng, là quẻ nghịch lại với Hàm.

Ở quẻ Hàm, đôi trai gái còn nhỏ (thiếu nữ và thiếu nam, nay nên vợ nên chồng nên là người đã lớn, *Chấn là trưởng nam, Tốn là trưởng nữ*. Trước ở thời Hàm, thì nữ ở thế thượng phong, nam ở thế hạ phong; giờ đây qua quẻ Hằng thì nam trở lên được ở thế thượng phong, và người nữ phải vào ở thế hạ phong, ngoan ngoãn nghe theo lời chồng! Nam ở ngoại quái, nên phải ra ngoài, lo tranh đấu và kiếm tiền về nuôi vợ con, nên gọi là “ngoại tướng”, còn người đàn bà trở vào trong lãnh phần “nội tướng”.

Nam, ở quẻ Lôi, chủ quẻ; còn Nữ, ở quẻ Phong, làm chủ nội quái.

Đó là do sự định phân tự nhiên của Trời Đất Âm Dương, chứ đâu phải do con người bày ra, nhứt là do

người đàn ông bày ra. Trong thân thể con người, *Khí* thuộc Dương bao bọc *bên ngoài* gọi là Vệ khí, còn *Huyết* thì ở *bên trong* làm chủ các Tạng.

Được đúng với sự phân định như thế, là sức khỏe; còn trái ngược lại, là bệnh hoạn. Trong xã hội loài người, và nhỏ hơn hết là trong một gia đình, đều *phải sống trong trật tự tự nhiên như thế*, mới có được hạnh phúc hằng cửu... nên đặt tên là *Hằng*: “*Dương xướng, Âm họa*”, “*Phu xướng, phụ tùy*” tuy là nhon đạo mà cũng là thiên đạo![1]

Quẻ *Hằng*, cũng tượng trưng trong đạo *hô hấp* nữa. *Hô*, thở ra; *Hấp*, hít vào, là *nguồn gốc của sự sống* (sinh mạng).

Hít vào, chủ *Tĩnh* (quẻ *Tốn*) quẻ thuộc Âm (nhút Âm vi chủ);

Thở ra, chủ *Động* (quẻ *Chấn*) quẻ thuộc Dương (nhút Dương vi chủ).

Gió càng mạnh, Sấm càng to. Gió trợ oai cho sấm sét.

Quẻ *Tốn*, nhút Âm là quẻ *Tĩnh* để dưỡng sinh. Quẻ *Chấn*, nhút Dương sinh, là cảnh *động* nên vạn vật tung bừng sống lên.

Trong gia đình mà “*Phu xướng Phụ tùy*” thì thượng hòa hạ mục, một gia đình hạnh phúc. Trái lại, là hỗn loạn!

1. “*Hàm*”, là tiền hôn, lo đi cưới vợ; còn “*Hằng*” là hậu hôn, sau khi đám cưới.

Cưới vợ lấy chồng, là điều rất quan trọng, nên “*Lễ cưới*” là một *Đại Lễ*!

Thoán từ:

1/ *Hằng hanh, vô cữu, lợi trinh, lợi hữu du vãng.*

恆亨，無咎，利貞，利有攸往。

2/ *Tượng: Hằng, cửu dã. Cương thượng nhi nhu hạ.*

象曰：恆，久也。剛上而柔下。

*Lôi phong tương dự, tổn nhi động,
cương nhu giai ứng: Hằng.*

Hằng, hanh, vô cữu, lợi trinh, cửu u kỳ đạo. Thiên địa chi đạo, hằng cửu nhi bất dĩ dã. Lợi hữu du vãng, chung tắc hữu thi dã.

雷風相與，巽而動，剛柔皆應：恆。
恆，亨，無咎，利貞，久於其道也，天地之道，恆，久而不已也。利有攸往，終則有始也。

3/ *Nhật Nguyệt đắc*

*Thiên nhi năng cửu chiếu, tứ thời biến hóa,
nhi năng cửu thành.*

Thánh nhân cửu u kỳ đạo nhi thiên hạ hóa thành; Quan kỳ sở hằng, nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hi!

日月得天而能久照，
四時變化而能久成。

聖人久於其道，而天下化成。觀其所恆，而天地萬物之情可見矣。

“Hằng 恆” có 2 nghĩa:

1. *Không thay đổi (bất di bất dịch).*
2. *Không thối lui, cứ đi tới mãi, biến mãi.*

Đó là luật *Hằng Chuyển* của Tạo Hóa bởi thấy là luôn luôn như vậy không chuyển biến, mà kỳ thật, là

một sự biến chuyển không ngớt! Luật mâu thuẫn của Kinh Dịch.

Bởi có được vậy, nên mới được “*hanh thông*”. Cũng như khi ta thấy dường như Tĩnh mà thực sự Động cực... Như ta thấy cái chong chóng quay thật lẹ, dường như không có động chút nào cả “*Âm chi chí Nhu, kỳ Động giả chí Cương!*”.

Nếu hiểu chữ “*Hằng*” như một cái gì đứng mãi một chỗ, hoàn toàn bất động, là *hiểu sai*, là *nhìn sai!* Nhờ có “*chuyển*” nên mới bảo là “*lợi hữu du vãng*” 利有攸往 .

Hằng, là cửu 久, là dài lâu...

Quẻ *Hằng*, trên là quẻ *Khôn* bị biến ở hào Sơ; dưới là quẻ *Kiến* bị biến ở hào Sơ. Nên mới nói: *nhất Dương sinh thành quẻ Chấn; nhất Âm sinh thành quẻ Tốn*, hay là “*Cương thượng, nhi Nhu hạ*” (*Cương*, là *Sơ Dương*; *Âm*, là *Sơ Âm*), ở 2 quẻ thượng và quẻ hạ. Đó là tượng *Sấm* ở trên, *Gió* ở dưới, *Sấm* và *Gió* giúp thế lực cho nhau: *Gió càng mạnh, thì Sấm càng to, mà Sấm càng to thì Gió càng lớn!* (gọi chung là “*lôi phong tương dự* 雷風相與”, “*cương nhu giai ứng* 剛柔皆應”, “*tốn nhi động dã* 巽而動也”).

Nhìn chung thể của quẻ *Hằng*, ta thấy 3 hào *Dương* hợp ứng với 3 hào *Âm*, đó là “*Cương Nhu giai ứng*”.

“*Hằng*” đâu phải tro tro như một vật chất cứng! Nó biến mãi như nước ở một dòng sông, nếu ta bước xuống, thấy dường như nước đứng mãi ở một chỗ, kỳ thật, nó đã chảy đi mất hồi nào, từ phút trước qua phút sau. *Cuộc tuần hoàn của sự sự vật vật như cái vòng khép kín, chỗ khởi, đi hết vòng trở lại y như chỗ khởi*, nên

chỗ mà ta thấy là *chung*, lại cũng là chỗ *khởi đầu tiên*: nên mới có nói “*chung tắc hữu thủy dã 終則有始也*”. Có “*chung thủy tuần hoàn*” mãi mãi, nên mới gọi là “*HẰNG*” hay Thường Hằng Vĩnh Cửu, tượng của ĐẠO 道 .

Bốn mùa vùn xoay và cứ mãi mãi chuyển vận: hết Xuân qua Hạ, Hạ mãn Thu sang, Thu tàn Đông kết... mà thành ra Hằng Cửu như mãi mãi “*nhật vãng nguyệt lai; nguyệt vãn nhật lai thiên thu bất tận*”... Nhân đó, Dịch mới nêu lên luật “*Hằng chuyển*” của sự đời, tức là *Động trong Tĩnh, Tĩnh trong Động*, Lễ Nhất Nguyên của Đạo Một. (Xem Dịch Học Tinh Hoa)

Đại Tượng

Lôi Phong Hằng. Quân tử di lập bất dịch phương.

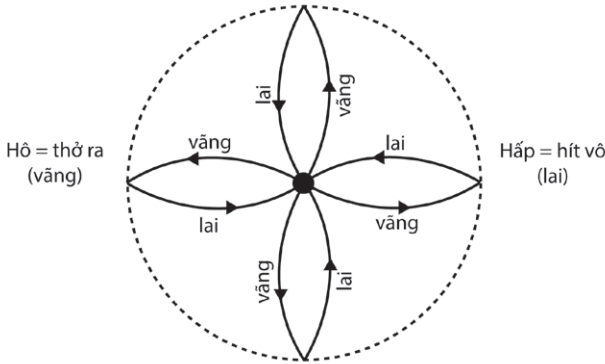
雷風恆。君子以立不易方。

Theo quẻ Lôi Phong Hằng, người quân tử lựa chỗ “bất dịch phương” mà đứng.

Ở đây Đại Tượng bàn thẳng về phần Hình nhi thượng học của Dịch. Về nhơn đạo thì Âm Dương là vợ chồng, còn về thiên đạo thì Âm Dương là việc *đóng* và *mở*, hay *vãng* và *lai*... trong câu “*nhất hạp nhất tịch vị chi biến; vãng lai bất cùng vị chi thông*” của Âm và Dương.

“*Vãng lai*” là một đi, một về, vô cùng vô tận. “*Vãng lai*” là một đi một về, cũng nói về cái đạo Nội Ngoại. Dương thì tán (đi ra), Âm thì tụ (là trở về). Dương, thì động; Âm, thì tĩnh, cho nên học Đạo và thực hiện Đạo, là phải biết trở về cõi Tĩnh: “*Hu cực tĩnh đốc*”.

Thử xem đồ sau đây:



Ở chính giữa cái vòng tròn, là một điểm đen gọi là điểm Hu Vô. Từ trong đi ra là phần dương tán ra; từ ngoài trở vào trong là phần âm tụ. Một ra một vào, một tiến một thoái; một mở một đóng, đó là “một đóng một mở, một ra một vào “nhất hấp nhất tịch”, “nhất vãng nhất lai”, “nhất âm nhất dương”.

Điểm “*Hu Vô chi Tâm*” nằm ngay chỗ gặp gỡ của 2 đường kinh vĩ làm thành chữ thập. Những quẻ *Kiên, Khôn, Ly, Khảm. Tâm Hu* trụ nơi chỗ vô trụ đó, Dịch gọi là “*bất dịch phương*”: “*quân tử lập bất dịch phương* 君子立不易方”.

Toàn thể Bộ Chu Dịch chỉ nói đi nói lại có một điểm chính ấy mà thôi! với đủ mọi khía cạnh. Cho nên Dịch chỉ có 2 nghĩa chánh, là Biến và Bất biến (gọi chung bằng một chữ “*HẰNG*”. Nói là “*HẰNG*” là đã nói “*Chuyển*” (gọi chung là luật “*HẰNG chuyển*” một mâu thuẫn rất quan trọng của Kinh Dịch).

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Tuấn hằng, trinh hung, vô du lợi.

初六：浚恆，貞凶，無攸利。

Tượng viết: *Tuấn hằng chi hung; thủy cầu thâm dã.*

象曰浚恆之凶始求深也。

“*Tuấn*”, là thái quá; “*Tuấn hằng*”, muốn đào sâu tình nghĩa hằng.

“*Hằng*”, là tình nghĩa sâu dài.

Có bản viết là “lai 來” nhưng thực sự là “cầu 求”, nhưng 2 chữ cùng một nghĩa.

Tại sao Sơ Lục lại bị “*trinh hung*” (cái hung rất bền, rất dài lâu, tức là “*quá sức hung*”) Là vì Sơ, bất trung bất chánh (âm cư dương vị), đó là một tên tiểu nhơn ở một địa vị quá kém, lại còn đèo bồng mong tiếp ứng hào Tứ mà không được, bởi giữa Sơ và Tứ có đến 2 hào dương, vì dương không chịu ngó xuống mà chỉ thích ngó lên (dương là thẳng, chỉ có âm mới có giáng (ngó xuống)). Là kẻ dưới và thấp kém lại đèo bồng quá thân mật với Tứ (tuấn hằng, là cầu cạnh một cách quá lộ, được quá thân thì lại tỏ vẻ quá trơ trên, nên bị phải “*trinh hung*”). Người xưa có để lại câu cách ngôn: “*Giao thiếu nhi ngôn thâm, nhục chi đạo dã*” chỗ giao du còn rất cạn, lại mong được xử một cách thâm tình, chỉ là con đường đưa mình đến cái nhục! Thủy cầu thâm dã 始求深也, 恆之凶也。

Tôi thường thấy có nhiều kẻ mới vừa được giới thiệu với các bậc danh nhân cao quý, thì lại tưởng mình đã được thân thiết như các người chí thân, nên ăn nói cười cợt sỗ sàng (nết của kẻ tiểu nhơn) lại còn vỗ vai vỗ vế! Các thanh niên hiếu thắng thường mắc phải tật này... bởi họ bị “mặc cảm tự ti” rất nặng nên tỏ vẻ lố lăng hầu che giấu phần nào sự sợ hãi của họ! Có những kẻ vừa mới kết thân, lại vội vàng nhỏ to tâm sự với người, đó

cũng là một nét tướng tiện... Con người này cũng đáng sợ, đáng khinh, và đáng xa!

*
* *

Câu chuyện sau đây của Hàn Phi Tử có lẽ sẽ minh chứng dễ dàng về việc “*giao thiếu nhi ngôn thân*”:

“Nước Tống có người nhà giàu. Một hôm trời mưa, tường nhà anh ta đổ!

Đứa con nói:

– Cha ơi! Không đắp ngay tường lại, e có trộm vào!

Có người láng giềng đi ngang thấy vậy, cũng nói:

– Này bác ạ! Không đắp ngay tường, e có trộm vào!

Tường chưa kịp đắp, ngay đêm ấy, nhà anh ta quả nhiên mất trộm thật.

Anh ta khen con là khôn ngoan biết lo trước. Nhưng, anh ta lại ngờ người láng giềng là tên gian đạo!

Cùng một câu nói, mà con nói thì khen là tinh khôn, mà láng giềng nói, thì ngờ là tên ăn trộm? Là tại sao?

Tại con là tình thâm nên không có bụng nghi ngờ; người láng giềng là tình sơ nên sinh ra ngờ vực! Thế nên, phận Sơ mà lời nói thân, thế nào cũng làm cho lòng người ngờ vực!

*Cửu Nhị: Hối vong. Cửu nhị hối vong,
năng cửu trung dã.*

九二：悔亡，九二悔亡，能久中也。

Hào Cửu Nhị, mất sự hối lỗi

Cửu Nhị, dương cư âm vị, là trái rồi, nhưng vì Nhị là được đắc trung, ứng với Ngũ cũng đắc trung, lấy Trung mà ứng với Trung là được sự “hàng cửu” ở đạo Trung, tất không có gì phải ăn năn hối lỗi cả! Nên mới nói: “*Cửu Nhị hối vong, năng cửu trung dã* 九二悔亡，能久中也”.

Dịch rất quý chữ Trung: bất luận là việc gì, nếu thái quá hay bất cập đều chẳng bao giờ được trường cửu (lâu dài)! *Phàm bất trung, thì bất cửu!*

Dịch, là *Mâu thuận*. Cho nên hào Cửu Nhị (nội quái là Tốn, có nghĩa là mềm dẻo, thuận thảo) tuy thấy là yếu nhược mà lại hết sức cương cường.

Người đàn bà (tuy là yếu) nhưng lại là hào Dương (cương cường) chung thủy, và làm chủ gia đình (nội tướng) như vị Thủ tướng Chánh phủ. Còn Ngũ (là người đàn ông (trưởng Nam) chỉ là Ngoại tướng mà thôi (chạy bên ngoài) để lo nuôi gia đình.

Địa vị đàn bà đâu phải chỉ là Bà Vợ, mà cũng là Bà Mẹ (thiên sứ vô cùng quan trọng) nên ở đây quẻ Hằng, hào Cửu Nhị là chủ não – hào Dương; còn người chồng là hào Ngũ lại là hào Âm, nên rất yếu đuối đối với đàn bà, tất cả hạnh phúc trong gia đình đều giao trọn quyền cho người đàn bà. Đặt tên là Hằng, vì sự chung tình là yếu tố căn bản để gìn giữ hạnh phúc gia đình, nền tảng của quốc gia theo người Đông phương. Yếu tố căn bản Đạo đức của hào Cửu Nhị là Trung và Trinh.

Cửu Tam: Bất hằng kỳ đức, hoặc thừa chi tu, trinh lân.

九三：不恆其德，或承之羞，貞吝。

Tượng viết: Bất hằng kỳ đức, vô sở dung dã.

象曰：不恆其德，無所容也。

Theo lệ thường, thì dương hào lâm dương vị là đắc chánh, và nếu biết gìn giữ một cách bền vững đức chánh ấy sẽ không bao giờ xấu!

Nhưng mà hào Tam ở đây, lại trái hẳn: *quá cương mà bất trung* thì hay làm càn làm bướng thường sa vào thái quá (*vọng tác*), mà còn toan ứng tiếp với hào Thuộng Lục là một tên đại tiểu nhơn cũng bất trung, không biết gìn giữ đức Chánh của mình cho bền vững, quả là đáng xấu hổ (*bất “hằng” kỳ đức, thừa chi tu, trịnh lãn 不恆其德, 承之羞, 貞吝*).

Kẻ nào “bất “HẰNG” kỳ đức” (không biết giữ cho bền vững đức “HẰNG” của mình) nay trắng mai đen, thì hạng người tráo trở này còn có chỗ nào dung thân! *vô sở dung dã 無所容也?*

Cửu Tứ: Điền vô cầm.

九四：田無禽。

Tượng viết: Cửu phi kỳ vị, an đắc cầm dã.

象曰：久非其位，安得禽也。

Điền 田 là đi săn; *Cầm* 禽, là cầm thú.

Cửu Tứ là hào dương cương, nhưng “*dương cư âm vị*” là bất trung bất chánh, nên mới bảo “*cửu phi kỳ vị*” (hào Cửu không phải chỗ của nó) dù có muốn lên la nơi đó, cũng không phải chỗ của mình, ví như đi săn mà nơi đó không có cầm thú gì cả, đi săn chỉ tốn hao tâm lực và vô ích thôi! Bởi “*cửu phi kỳ vị*” nên “*an đắc cầm dã*”.

Cần để ý đến 2 hào Cửu Nhị và Cửu Tứ. Cả hai đều “*phi kỳ vị*” cả, thế mà Nhị *đắc trung* nên tốt, còn Tứ *bất trung* nên xấu. Đủ biết, chỉ có Trung mới được Hằng thôi!

Xem Dịch phải cần lưu ý điều đó! *Hễ “đắc trung” là “đắc vị”, người quân tử bao giờ cũng cư xử nơi Trung đạo. Đạo “Trung” là “chí công vô tư” nên không thiên vị với bất cứ điều gì, thiện hay ác!*

“Trung giả dã, thiên hạ chi đại bản dã; Hòa giả dã, thiên hạ chi đạt Đạo dã”. Chỉ có 2 hào Nhị và Ngũ là đắc trung đắc vị mà thôi.

*Lục Ngũ: Hằng kỳ đức, trinh,
phụ nhon kiết, phu tử hung.*

六五：恆其德，貞，婦人吉，夫子凶。

*Tượng viết: Phụ nhon trinh kiết, tòng nhất nhi chung
dã, phu tử chế nghĩa, tòng phụ hung dã.*

象曰：婦人貞吉，從一而終也，
夫子制義。從婦凶也。

Theo lệ của Dịch, hễ “*Phu xướng phụ tùy*” (Dương xướng Âm họa).

Dương, thuộc về con số 3.

Âm, thuộc về con số 2.

Số 3, là con số biến của con số Thái Nhất, số 1; còn số 2 là con số tịnh, nên phải phục tòng (Tham Thiên, lưỡng địa nhi ý số). Đó là luật Âm Dương chi phối các hiện tượng trên đời!

*
* *

Hiếu sai luật Trời, làm điên đảo cả nhân sinh!

Tây phương thuộc Kim, mà Kim năng sinh Thủy;

Thủy là tượng người đàn bà, cho nên Tây phương quá trọng người đàn bà, khiến cho họ quên ngay thiên chức. Bởi chất Kim, nên hay sinh Thủy, nịnh bợ đàn bà và đề cao đàn bà trong các phong trào “nam nữ bình quyền”. Đàn bà, không phải không có tài như đàn ông, nhưng không phải đó là thiên chức của họ. Thiên chức của họ cao hơn thiên chức của người đàn ông nhiều, thiên chức của một Bà Mẹ, thiên chức của Đấng “Mẫu nghi thiên hạ”.

Bên Đông phương, trái lại! Đông phương thuộc Mộc, nên được người đàn bà (Thủy) sinh cho, như một Bà Mẹ đối với con. Người đàn bà thương chồng như Mẹ thương con, thương vô điều kiện, luôn luôn sẵn sàng tha thứ cho mọi sự đen bạc... và luôn luôn bảo hộ chồng vô cùng triu mến!

Cho nên, Đông phương đâu cần “thờ Bà” mà được Bà thờ là khác. “Chồng chúa vợ tôi”!

Thần thoại Thiên Chúa giáo đúng như Kinh Dịch: *Chúa Trời sinh bà Eva do một cái xương sườn bên trái của Adam.* Sau khi sinh ra Eva, Chúa Trời bảo: *Từ đây người phải luôn luôn theo người đàn ông này, vì người là người phải luôn luôn kề cận, vì là cái xương sườn của nó!*

Về sau, Tây phương cãi lời Chúa Trời, lại lập thành cái đạo “thờ bà”, khiến cho đạo lý đảo điên, nhơn tình điều đúng: *cả hai, không ai còn được hạnh phúc nữa! hạnh phúc theo sở vọng của mình.*

Thần thoại này có một giá trị siêu hình quan trọng về cương vị chánh của Âm Dương!

Kể ra, có hơi dài dòng, nhưng là để làm công việc nhập môn cho hào Lục Ngũ sau đây của quẻ Hằng!

Lục Ngũ: *Hằng kỳ đức, trinh,
phụ nhon kiết, phu tử hung.*

六五：恆其德，貞，婦人，吉，夫子凶。

Tượng viết: *Phụ nhon trinh kiết, tùng nhất nhi chung
dã. Phu tử chế nghĩa, tùng phụ hung dã.*

象曰：婦人貞吉，從一而終也，
夫子制義，從婦凶也。

Lục Ngũ ứng với hào Cửu Nhị, bản thân là Âm nhu “cử Trung đắc Chánh”, ứng với Cửu Nhị cũng “cử Trung đắc Chánh”. Bởi vậy mà một mực thuận tùng từ đầu tới cuối (Chấn, Lôi vi Nam), Tốn Phong vi Nữ (chí thuận) (Tốn thuận 巽 順) đó là được cái “đức” của “Hằng” và được “trinh chánh” (Hằng kỳ đức, trinh)

Nhưng, khi ta thấy Lục Ngũ thuộc loại âm nhu tùng thuận, hạp thuận với người đàn bà (*phụ nhon 婦人*) mà không hạp thuận với người đàn ông (*phu tử 夫子*). “*Phụ nhon kiết, phu tử hung*”. Xem như trong các loài cầm thú, con trống con đực bao giờ cũng dẫn đầu, con mái con cái bao giờ cũng theo sau, đó là thuận theo luật thiên nhiên tạo hóa nào đâu phải làm theo ý người làm luật!

Nếu, trái lại, người đàn ông mà chạy theo làm nô lệ đàn bà, là đã làm sai với chánh vị của mình, đâu có “tốt” mà còn “hung” nữa là khác! “*phu tử chế nghĩa, tùng phụ, hung dã*” 夫子制義，從婦凶也。

Thượng Lục: *Chấn Hằng, hung.*

Chấn Hằng tại thượng, đại vô công dã.

上六：振恆，凶。
振恆在上，大無功也。

Chấn là làm chấn động, rung động mạnh: *Chấn Hằng tại thượng, đại vô công!*

Hào Thượng Lục ở chót vót thượng quái là quẻ Chấn 振 nên mới nói “*Chấn, Hằng tại thượng*” (quẻ Chấn ở trên chót vót quẻ Hằng), nhân đó, muốn nói đến những cử chỉ náo động của hạng người tiểu nhon. Người *quân tử* bao giờ cũng trầm tĩnh; kẻ *tiểu nhon* bao giờ cũng láu táu...

Ở hào chót vót của quẻ Hằng, nên tánh khí *tiểu nhon tột độ*. Lại còn nằm ngay trên đầu quẻ Chấn (mà Chấn là lôi động) không gặp hung nguy sao được! Đã hung nguy mà việc làm nào cũng không thành công (*đại vô công dã 大無功也*).

Tướng pháp Trung Hoa áp dụng Kinh Dịch nên tả người tiểu nhon như sau đây: “*Mộc dao diệt lạc; nhon dao phúc bạc*” (Cây mà bị rung, thì lá rụng; còn thân người mà rung rinh mãi, là phúc rất mong manh (phúc bạc). Cũng như kẻ hay rùn vai, còn lưng thì eo uốn, đi không thẳng lưng... chuyển như con rắn, là *hết sức bạc phúc*. Có người được thời, sung sướng quá *ngôi run đùi, cười hát hàm, mình mấy run rẩy*... đó là *điềm sắp tiêu tan cả sự nghiệp của mình đó*. Người *cao quý quân tử* *ngôi như núi (ngọa tợ sơn)* *kể như xô không ngã!* những kẻ *ngôi như “ngôi ghé”, thường địa vị xã hội không được vững chắc! thường bị lung lay tróc gốc!*

Người xưa, tìm người giao việc lớn rất kỵ gặp người như hào Thượng Lục quẻ Hằng, những kẻ tiểu nhon với thái độ *khinh phù* (nghĩa là khi nói thì thân mình rung động, cười cợt ngả ngửa ngả nghiêng, thân hình xiêu vẹo, nhãn quang giao động, nhìn người với cặp mắt láo liêng, đứng ngồi không yên chỗ...).

33. THIÊN SƠN ĐỘN

天山遯



“Độn giả, thối dã, ẩn dã”
遯者，退也，陰也。

Tại sao quẻ Độn, theo sau quẻ Hằng?

Hằng, là lâu dài, lâu mãi cũng phải dừng lại và *thối lui*, nên Độn, là *thối lui*, là *ẩn dật*.

“Độn” là nhị âm (bóng tối) lấn dần ánh sáng phải *thối lui* dần ra ngoại quái (Kiên). Nên để ý đến quẻ Đại Tráng là đánh ngược lại quẻ Độn, vì Đại Tráng thì có đến 4 dương lấn nhị âm, *Dương trưởng Âm tiêu*; còn Độn, là *Âm trưởng Dương tiêu*, hai âm lấn 4 dương ra ngoài.

Đây, là quẻ thuộc về tháng sáu Âm trưởng Dương tiêu người quân tử xem đó mà nên nghĩ đến việc *thối lui*, đến thời qui ẩn “*Thiên Địa bế, hiền nhơn ẩn*” (trời chiều ngả bóng xiêng xiêng), đúng là chỗ mà Lão Tử khuyên “*công thành, thân thối, thiên vị đạo dã*”.

Thật là bậc quân tử thức thời, không ai lại còn tham quyền cố vị, ở lại mà tận hưởng sự nghiệp của mình,

thường khi tiểu nhơn tiến lên nắm chánh quyền, người quân tử cần sớm ra đi!

Bóng tối, rất có lợi cho người có nhiều công lao với đời, với nước! Tiểu nhơn mà *tiến*, thì quân tử *lui*, là đạo “*minh triết bảo thân*” vậy, không gì hay bằng!

Đừng lẫn lộn sự *qui ẩn* với sự *trốn tránh*. *Qui ẩn*, là ứng điềm *đương khí tồn thân*, đâu phải vì sợ tiểu nhân mà chạy trốn. Thời “*qui ẩn*” rất lợi cho bậc người quân tử tài cao không biết chừng nào, vì chính đó là lúc “*con ong chế mật*”. Hút mật, thì con ong làm việc trong ánh sáng ban mai, nhưng *chế mật phải âm thầm chế trong bóng tối* của hang ổ!

Thoán từ:

Hanh, tiểu lợi trinh.

恆, 小利貞。

Độn, mới chỉ có nhị âm, nên còn hanh thông, có điều là sẽ chỉ có lợi cho những công việc nhỏ, mà không có lợi cho công việc lớn.

Là ý làm sao?

Thời “*độn*” là *quân tử ẩn*, nên lo việc *trú thu lập ngôn* (công việc làm trong *bóng tối*, nhỏ nhặt mà thôi), chứ *không lợi cho người quân tử ra gánh vác đại sự!* Là vì ở thời *Độn*, phải “*độn*” mới *đúng đạo!* làm theo đạo *Tiểu Súc* và *Đại Súc* (số 9 và số 26).

Thoán Truyện:

Độn hanh, độn nhi hanh dã.

Cương đương vị, nhi ứng, dữ thời hành dã

Tiểu lợi trinh, tẩm nhi trường dã

Độn chi thời, đại hĩ tai!

遯亨，遯而亨也。

剛當位而應，與時行也。

小利貞，浸而長也。

遯之時，義大矣哉

Thân người quân tử tuy thối lui, không phải thối lui để tọa hưởng thanh nhàn, mà thối lui để trước hết gìn giữ Thiên Chân chẳng bị hoen ố vì thế dục! nên Độn mà hanh thông. “*Lợi tiểu trinh*”, là nhờ ở *cảnh qui ẩn mới có thể vừa hàm dưỡng Thiên Chân, vừa lo việc “văn súc” của Tiểu Súc và Đại Súc...* Chưa gấp gì cho lắm, bởi Âm mới chỉ có 2 hào Âm, mà còn đến 4 hào Dương... người quân tử nên kịp thời rút lui, và *trong bóng tối tiếp tục làm công việc “chế mật”,* bởi đó là công việc lâu dài và trường kỳ! (*tẩm nhi trường dã*) dần dần lớn, chứ chưa thật lớn đâu, nên người quân tử cũng kịp thời mà lo dự trừ kế hoạch. Cho nên mới nói: “*Thời Độn, to lắm thay!*”. To lớn, là nhờ còn có thời giờ lo nghĩ đến việc dự trừ kế hoạch... Còn 4 hào Dương là “*cương đương vị*” ứng theo đó mà hành động! (*dữ thời hành 與時行*) vì *thối lui qui ẩn*, đây, là một sự “*qui ẩn có chủ động*”.

Đại Tượng

Thiên hạ hữu Sơn. Độn.

Quân tử dĩ viễn tiểu nhơn, bất ố nhi nghiêm.

天下有山，遯。

君子以遠小人，不惡而嚴。

Chúng ta ở dưới núi, thấy núi là cao, nhưng lên tới đỉnh núi mà nhìn Trời, thì Trời cao lồng lộng làm sao?

“Son cao hữu hạn, còn thiên thể vô cùng” có khác nào thần Sông gặp thần Biển mới than: “Trước đây, tôi tưởng Sông cả là to lớn không biết chừng nào, nên tự hào là lớn nhất, nhưng nay thấy được cái bao la của Biển cả, thì Sông cả có là gì?”... Đó, là tượng của quẻ Độn.

Người quân tử theo đó, học cách xa lánh tiểu nhon (quân tử dĩ viễn tiểu nhon), giữ vẻ nghiêm nghị trang trọng để cho nó nể mà xa mình, chứ không xử ác với chúng (tức là không khinh khi mặt sát) *bất ác nhi nghiêm* 不惡而嚴.

Cái Tâm của người quân tử chứa cả người Thiện lẫn người Ác, chứ không phải chỉ nể có người thiện mà xử ác với kẻ bất thiện, nên *không gây ác cảm với bọn tiểu nhon, tránh được sự trả thù của chúng*, theo nghĩa hẹp!

Nghiêm trang với bọn tiểu nhon, là để khỏi phải bị chúng lòn mặt; rồi tự nhiên đầu vào đó: “các từng kỳ loại”, chúng thấy ta không phải cùng loại với chúng, tự nhiên chúng xa ta! ta khỏi phải đuổi chúng.

Thiên dặn ta, khi nói về *Đạo Tâm*:

Bất đồ ác nhi sinh hiềm,

Bất quán thiện nhi cần thố,

Bất xá trí nhi cận ngu,

Bất phao mê nhi cầu tựu ngộ,

Đạt Đại Đạo hê, quá lượng!

(Đừng thấy dữ mà chê,

Đừng thấy lành mà ngộ.

Đừng bỏ trí mà gần ngu,

Đừng bỏ mê, mà theo ngộ!

Được vậy thì mới đạt được Đạo Tâm!

(Bồ Đề Đạt Ma, Lục Môn Thiếu Thất, tr.77)

Tiểu Tượng

Sơ Lục: *Độn vĩ lệ, vật dụng hữu du vãng.*

初六：遯尾厲，勿用有攸往。

Tượng: *Độn vĩ chi lệ, bất vãng hà tai dã.*

象曰：遯尾之厲，不往何災也。

Theo lệ đọc Dịch, xem quẻ thì lấy hào *Thượng* là đầu (thủ 首; còn hào chót dưới, là đuôi (vĩ 尾)).

Sơ Lục, thuộc về bộ đuôi, nên gọi là *Độn vĩ*. Ở thời Độn, ai ai cũng lo thối lui trước, chỉ còn Sơ Lục này âm tính nên lù ù rù rờ mà lọt ở về sau, không kịp thối lui. Ở thời Độn, như vậy, tất phải gặp nguy!

Vậy, chớ nên háp tấp tiến hành bất cứ việc gì! (*Vật dụng hữu du vãng 勿用有攸往*).

Nếu, khôn ngoan, biết là nguy mà không chịu tiến công bất cứ ở đâu cả, thì cũng sẽ không có tai hại gì (*bất vãng hà tai dã 不往何災也*).

Lục Nhị: *Chấp chi dụng hoàng ngưu chi cách, mạc chi thắng thoát.*

六二：執之用黃牛之革，莫之勝說。

Tượng viết: *Chấp dụng hoàng ngưu, cố chí dã.*

象曰：執用黃牛，固志也。

(*Da bò vàng thật chắc dùng làm dây, thì cột rất chắc 黃牛之革，莫之勝說 dụng hoàng ngưu chi cách, mạc chi thắng thoát*.)

Đây, là nói về 2 hào Nhị và Ngũ, có cái tượng quân thần tương đắc, bởi cả 2 đều đắc trung đắc chánh (nhất

là hào Cửu Ngũ thuộc Dương, “dương cư dương vị”, còn Lục Nhị thì thuộc Âm, “âm cư âm vị” là hay nhất). Hai bên kết hợp với nhau hết sức khăng khít và bền chặt khác nào cột lại với nhau bằng sợi dây da bò vàng, không sao lột ra nổi! (mạc chi thảng thoát).

Trong thời Độn, ai ai cũng tính lui, chỉ có Lục Nhị này keo sơn khăng khít với Cửu Ngũ, quyết chí cùng sinh cùng tử, nên được thành công! Thoán có lời: “*Độn, hanh, tiểu lợi trinh*”, là nói về hào Lục Nhị này rất trung thành với Ngũ! Bởi vậy, hào từ quẻ hào Lục Nhị không thấy dùng chữ “*độn*” (là lui bước). “*Ngũ đầu, Nhị đở*”, dù Ngũ có ra đi “*ẩn dật*” thì Nhị cũng theo một bên không rời!

Cửu Tam: Hệ độn, hữu tật lệ, súc thần thiếp kiết.

九三：繫遯，有疾厲，畜臣妾吉。

Tượng viết: Hệ độn chi lệ, hữu tật báỉ dã.

Súc thần thiếp, kiết, bất khả đại sự dã.

象曰：繫遯之厲，有疾憊也。

畜臣妾，吉，不可大事也。

“Hệ”, là bị hệ lụy, “hệ độn” trốn ra đi nhưng bị vương vấn tư tình, còn phải lo nuôi dưỡng bầy “nô bộc tử tấ”... Làm vậy, không sao, tốt... nhưng người mà đến lúc phải rút lui, còn bận đến bọn thê nhi thần thiếp, là bọn quá tầm thường, không phải là hạng người có thể làm nên một đại sự nào (*bất khả đại sự dã 不可大事也*).

Cũng như kẻ muốn sống ẩn độn mà bị phải một chứng bệnh ngặt nghèo nguy hiểm (hữu tật báỉ dã), thì nên tiếp tục lo nuôi bọn thần thiếp bên mình để họ

săn sóc cho. *Tam*, còn ở *nội quái Cấn*, còn vương vấn nhiều trần tục (Đây, là nói về xã hội thời phong kiến, kẻ có một địa vị nào đều có chung quanh bọn tôi trai mọi gái phụng sự.)

Cửu Tứ: *Háo độn, quân tử kiết, tiểu nhon phù.*

九四：好遯，君子吉，小人否。

Tứ, thoát khỏi nội quái Cấn, qua ngoại Kiền, nên tâm hồn thanh thoát, không bận đến thế noa. Thời Độn, *người quân tử thích sự qui ẩn*, còn *kẻ tiểu nhon rất không ưa việc Độn này!* Bản chất người quân tử bao giờ cũng thích sống một mình, còn bọn tiểu nhon thích sống với quần đoàn, với chỗ đông người, bởi bản chất là nô lệ.[1] ("*quân tử kiết, tiểu nhon phù*" 君子吉，小人否。)

Phải chăng đây, cũng là tiêu chuẩn để có thể phân biệt tiểu nhon quân tử. Ta thấy quẻ Cấn một Dương bận bịu với tập đoàn hai âm tịnh tiến.

(Cửu Tứ gọi là "*háo Độn 好遯*", là vì nó dứt khoát tuyệt giao với Sơ hào! của nội Chấn!) Bản chất Quân tử nên rất ưa sống trong tịch mịch cô liêu.

Cửu Ngũ: *Gia độn, trinh kiết. Dĩ chánh, chí dã.*

九五：嘉遯，貞吉，以正志也。

Gọi là "*Gia độn*" (tăng gấp đôi sự ưa thích sống trong cảnh *qui ẩn*...) *dứt tuyệt với thế nhon và thế sự!*

1. Trang Tử bảo: "Đừng biết sợ gì cả!... Đừng sợ sống cô đơn mà đi tìm bạn bè hay tình thương kẻ khác, tìm hội hè hay kết bạn, hay đi cầu thân với bất cứ một ai, cả những bậc thiêng liêng cao cả, quyền uy tối thượng..."

Hạ ứng với Lục Nhị cùng một đức Trinh, cho nên Ngũ mà bỏ tất cả ra đi thối ẩn, thì Nhị cũng đồng tâm hợp ý cùng dắt nhau đi tị ẩn tránh tiểu nhơn đạo trưởng, thì cách độn như thế, tuyệt đẹp (trinh kiệt).

Cửu Ngũ quyết liệt bỏ xã hội của bọn tiểu nhơn cầm quyền, thì tiểu nhơn không còn có thể dụ được con người ấy... như trường hợp Gandhi dứt khoát từ chối sự cộng tác với chánh quyền Anh, được người trong cả nước theo, cho nên Anh quốc phải trả độc lập cho Ấn Độ. Gandhi, quả đúng là hào Cửu Ngũ quẻ Độn.[1]

Thượng Cửu: Phì độn, vô bất lợi... vô sở nghi dã.

上九：肥遁無不利。。。無所疑也。

Thời “độn” là thời “*tiểu nhơn đạo trưởng, quân tử đạo tiêu*”, người quân tử càng “lui ẩn” xa quần chúng bao nhiêu, càng được tự do đầy đủ bấy nhiêu!

Thượng Cửu là dương cương ở chỗ cuối cùng của ngoại Kiền, không còn phải là kẻ ở trong chánh quyền nữa! mà đây là những bậc *lão thành, hiền nhơn, cao sĩ...*

1. Hẹp lại, về mặt chánh trị trong một nước, Gandhi chủ trương sự “bất hợp tác với chánh quyền nước Anh”.

Còn rộng ra, đối với toàn thể văn minh thế giới, chủ trương “bất hợp tác hoàn toàn với những giá trị của văn minh hiện đại” thì có J. Krishnamurti (như trường hợp Lão Tử và Trang Tử ngày xưa).

Điều quan trọng khi xét qua vấn đề “*đề kháng bất bạo động*” của Gandhi, ta nên tham khảo hào Nhị Ngũ của quẻ Khôn. Gandhi là người thiện dụng thuật “*Nhu thắng cương, nhược thắng cường*” như văn ngôn quẻ Khôn đã nói: “*Khôn chí nhu, nhi động giả chí cương*”! Cuộc cách mạng do Gandhi chủ xướng đã tránh được sự đổ máu cho nhân dân Ấn Độ, tuy dùng đến Nhu của quẻ Khôn mà công dụng còn mạnh hơn Cương đạo của quẻ Kiền! điều mà toàn thể thế giới Âu Mỹ ghê sợ!

Trên, không còn ai phải tôn thờ, dù là bậc chí tôn nguyên thủ; *dưới* cũng không còn hệ ứng với ai (bởi Thượng và Tứ đều là dương cương tất cả). Cho nên, không ai thù ghét, dù kẻ tiểu nhon cũng không ai oán ghét... Họ đây, là bậc Thánh rồi! Đâu phải đợi đến thời Độn, mà họ lo “độn”, họ đã “độn” lâu rồi! tức là họ là người “*thân ngoại*” chỗ mà Lão Tử bảo “*ngoại kỳ thân, nhi thân tồn*”. Họ có đi đến đâu, bọn tiểu nhon cũng không lo sợ bị họ giành giật quyền hành! Cho nên họ đến đâu cũng được yên thân. Họ là hạng người không thích Danh Lợi, cho hay tặng, họ còn chẳng lấy, lựa là họ đi tranh ăn những món thịt thừa, cơm mùa... Câu chuyện Trang Tử và Huệ Tử sau đây sẽ chứng minh việc ấy.

Chương Thu Thủy của Nam Hoa Kinh có câu chuyện ngộ nghĩnh sau đây:

“*Huệ Tử* được làm Tướng quốc nước Lương. *Trang Tử* tính qua nước Lương thăm *Huệ Tử*.

Nhưng, có kẻ nói với *Huệ Tử*: “*Trang Tử* mà qua đây, là để cùng ông tranh ngôi Tướng quốc!”

Huệ Tử đâm lo sợ. Cho kẻ canh gác suốt ba ngày đêm, đợi *Trang Tử* đến thì bắt.

Trang Tử hay chuyện, không đi.

Sau rồi, lại đến. Gặp *Huệ Tử*, *Trang Tử* bảo:

– Phương Nam có con chim, tên là Uyên Sồ. Ông có biết không? Uyên Sồ, từ biển Nam bay qua biển Bắc, nếu không gặp cây ngô đồng, không đậu! Nếu không gặp hột luyên, không ăn! Nếu không gặp nước suối trong, không uống!

Có con chim ụt đang rửa xác chuột chết ở giữa cánh

đồng, thấy Uyên Sô bay ngang, sợ nó giành miếng ăn, nên kêu to lên để dọa Uyên Sô đừng đáp xuống!

Nay, vì sợ mất cái ngôi tướng quốc của ông ở nước Lương, nên ông kêu to lên để dọa tôi sao?”

34. LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

雷天大壯



Quẻ Đại Tráng, là 4 dương tịnh tiến, Dương trưởng Âm tiêu, Âm chỉ còn có 2 hào ở ngoại Chấn. Dương khí đã đến thời Sơ thịnh, *đã đến giữa mùa Xuân (tiết Xuân phân, tháng hai).*

Hễ “thối lui” (Độn) đến mực, thì phải tiến lên lại. Đây, là quẻ lật ngược quẻ Độn.

Đại Tráng, là *Dương đã tráng thịnh.*

Thoán từ:

Đại Tráng, lợi trinh.

大壯，利貞。

Còn gì tốt bằng quẻ Đại Tráng, Dương đã đến thời tráng thịnh rồi!

Kẻ tầm thường thấy vậy, thì mừng; nhưng người quân tử thấy vậy *đâm lo!* Là tại sao hào từ không tán cho mấy chữ “Nguyên Kiết” mà chỉ vồn vện có 2 chữ “*lợi trinh*” (chỉ có lợi, khi nào mà biết giữ gìn bền vững đức trinh của mình)?

Đó chỉ là những lời dạy dỗ khuyên răn, chứ không phải là lời khen tặng!

Lời răn đe: *Con người thường có thói kiêu căng khi đắc thời đắc thế!* Cho nên, đừng bao giờ quên: Việc đời luôn luôn biến chuyển, “*nên*” đó, là “*hư*” đó; “*vinh*” đó, là “*nhục*” đó... chớ có quên *luật Phản Phục!*

Cổ nhân thường bảo: “*Đắc ý thường tư thất ý thời 得意常思失意時*” (Lúc đang đắc ý, càng nên để ý đến khi “thất ý”).

Tiểu nhơn sở dĩ hại được người quân tử, là biết lợi dụng lúc người quân tử đắc chí, tự kiêu tự mãn nên có nhiều sơ hở mà tấn công bất ngờ! *Cái đại họa đáng sợ của người đắc thắng là khi họ được đại thắng, xem thường xem khinh kẻ khác, tự cho là không còn ai thắng nổi mình nữa!*

“*Đại tráng, lợi trinh*” nghĩa là được đại tráng rồi, chưa đủ, còn cần phải gìn giữ cho thật bền vững đạo “*trinh*” của mình!

Bao giờ cũng nên phòng bị, vì Âm Dương thường có sự phản trắc bất thần, dương đó, nhưng chỉ thêm một vài giọt dương nữa, thì dương ấy bỗng biến thành âm.

“*Phúc đó, họa đó*” biết đâu mà lường trước? Cho nên Hệ từ Hạ truyện khuyên ta: “*Nguy giả sử bình; dị giả sử khuynh, kỳ đạo thậm đại!*” 危者使平, 易者使傾, 其道甚大。(Biết là nguy mà lo trước, thì được yên lành; có lòng khinh thường, thì dễ bị nghiêng đổ bất thần). Cái đạo biết “*phòng hoạn*” thật lớn lao không biết chừng nào! “*Kỳ đạo thậm đại!*”.

Đại Tượng

Lôi tại thiên thượng; đại tráng.

Quân tử dĩ phi lễ, phạt lý.

雷在天上，大壯。

君子以非禮弗履。

Sấm vang động trên trời, là tượng quẻ Đại Tráng. Quân tử xem đó mà làm theo, việc không phải Lễ, không làm.

Trước hết, cần định nghĩa chữ Lễ này. Theo Cổ Ngữ, “Lễ”, là *trật tự*, là *tiết điệu*, là *Thái hòa của thiên nhiên, của vũ trụ vạn vật*, hiện ra trong những *tiết điệu của ngày đêm, của tứ thời* (nghĩa là nhịp đôi và nhịp tư). Lễ, là luật Âm Dương tiêu trưởng (Âm tiêu Dương trưởng, Âm trưởng Dương tiêu), nghĩa là “nhất Âm, nhất Dương chi vị Đạo” luôn luôn nối tiếp nhau.

Con người noi theo tiết điệu ấy của Trời Đất mà hành theo, lấy tiết điệu của Trời Đất Âm Dương làm khuôn mẫu cho những hành động có tiết điệu của mình! Không bao giờ để cho có sự ngang cung lỗi nhịp! Người quân tử không khi nào hành động nghịch với Lễ Trời (Thiên Lý).

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Tráng vu chi; Chinh hung, hữu phu.

初九：壯于趾，正凶，有孚。

Tráng vu chi, kỳ phù, cùng dã.

壯于趾，其孚窮也。

Sơ Cửu, là dương cương của thể Kiên (nội Kiên), nên

rất hăng tiến, tiếc vì còn ở vị thấp quá, nếu vọng động hăng hái, có khác gì chỉ dùng có ngón chân thì sao không vấp ngã? “*hữu hung phu*” (chữ “*Chi 趾*”, ám chỉ ngón chon).

Cửu Nhị: Trinh kiết.

九二：貞吉。

Tượng viết: Cửu nhị, trinh kiết, dĩ Trung dã.

象曰：九二貞吉，以中也。

Cũng thuộc dương cương, lại còn được cư trung đắc chánh nữa, tức là Đại Tráng mà không thái quá (vì được đắc Trung).

Theo lệ thường, hễ “âm cư âm vị” mới được đắc chánh, ở đây Nhị, là “dương cư âm vị”, lẽ ra không đắc chánh, nhưng Dịch có biệt lệ này, là hễ *cư trung thì được đắc chánh*, chứ không bao giờ bất chánh như ở các hào khác. Hai hào Nhị Ngũ được hưởng biệt lệ này.

Cho nên, sở dĩ Cửu Nhị được “trinh kiết” là bởi nó được đắc Trung (*dĩ Trung dã 以中也*).

Cửu Tam: Tiểu nhon dụng tráng; quân tử dụng vọng, trinh, lệ, đê dương xúc phiên, luy kỳ giác.

九三：小人用壯，君子用罔，貞厲。

羝羊觸藩，羸其角。

Tượng viết: Tiểu nhon dụng tráng, quân tử dụng dã.

象曰：小人用壯，君子罔也。

Cửu Tam là dương cương, ở vị dương, là *cực dương*. Lại còn ở chỗ cùng cực của nội Kiên, trong thời Đại

Tráng, đó là đến chỗ *cực Tráng* (“vọng 罔” là gan liều, liều lĩnh, chẳng biết sợ gì cả).

Dù là tiểu nhon hay quân tử mà “dụng tráng” (dùng mạnh) hay “dụng vọng” (dùng sự liều lĩnh) đều là *bướng bình cả!*

“Tráng” mà bướng, thì dù có chánh cũng gặp *nguy* (*trinh lệ*). Khác nào con “*dê đực*” ý mình có sừng, hễ thấy *tường giậu* nào cũng “*húc*” ngay vào! *tường không đổ, mà sừng thì gãy*, đó là chỗ mà người xưa bảo “*thái cương tất chiết*” (quá cương thì gãy).

Cửu Tứ: Trinh kiết, hối vong, phiên quyết bất luy, tráng vu đại dư chi phúc.

九四：貞吉，悔亡，藩决不羸，
壯于大輿之輹。

Hào Cửu Tứ đã vượt khỏi nội quái Kiên mà vào thể quẻ Chấn, đó là dương đã lớn đến mức cuối cùng, *quẻ Tráng đã đến hồi cực thịnh*. Đứng đầu quần Dương, chính đây là *lãnh tụ của đám người quân tử!*

Bởi Thánh nhon tác Dịch lo cho những gì quá đầy dễ bị nghiêng đổ, không khéo lại còn đi vào con đường bất chánh, nên có lời răn đe, nhắc nhở nhớ mà gìn giữ đức Trinh Chánh cho bền vững, thì may ra mới khỏi bị hối lỗi (*trinh kiết, hối vong 貞吉，悔亡*).

Phiên 藩 là bờ giậu.

Hào Cửu Tứ, là đã bước lên hào tư rồi, trước mặt là Ngũ và Thượng Lục đều là Âm cả. Như thế thì, trước mặt không có gì chặn lại. Tứ nhờ không còn có gì trở ngại, nên được rộng đường hành động, bèn xuất lĩnh cho cả 3 hào dương đồng tiến lên như vũ bão, như vào

chấn không người! khác nào ngồi trên cỗ xe lớn, mà cốt bánh xe rất vững chắc (*tráng vu đại dư chi phúc* 壯于大輿之輻). Được thế, cứ mà tiến lên (*thượng vãng dã* 上往也)! Cần thiết là có được một cái cốt bánh xe mạnh, thì ngồi xe rất vững! Sức mạnh của Tú là nhờ ở cốt bánh xe vững chắc...

Lục Ngũ: Táng dương vu dị, vô hối.

六五：喪羊于易，無悔。

Loài dê hay đi có bầy, và rất ghét có cái gì chặn đầu, nên bất cứ gặp chướng ngại nào, như tường giậu thì hay húc ngay vào (đó là việc làm táo động).

Quần Dương đang tiến mạnh, nhất là ở thời Đại Tráng thì Ngũ không sao đối phó nổi với quần dương này, trù ra phép dùng “Nhu nhược thắng cương cường”! là con đường duy nhất khiến cho cả bầy dê, có cũng như không!

Có gì cản lại, thì chúng nó húc vào, bằng không để cho có gì cản lại, thì chúng “húc” vào đầu, đó là phép “*làm mất bầy dê*”... nghĩa là chúng không còn có chỗ gì để tranh! “*táng dương*”. “Táng dương” là mất bầy dê, dù có bầy dê, mà như không có bầy dê 喪羊.

Chính là chỗ mà Lão Tử bảo: “*Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh* 夫唯不爭，故天下莫能與之爭。” (Không để cho mình có chỗ để cho người ta cùng tranh.) Đó là cách “*bất tranh nhi thiện thắng*”. Tránh đòn của địch bằng cách không chống đỡ mà tạo cho địch một chỗ hư không, không chỗ cho chúng đánh vào... Như bầy dê sợ dĩ có bức tường giậu trước mặt, nên mới nhào đến mà húc đầu vào,

nếu ta không để cho nó thấy có bức tường thì nó căn cứ vào đâu để tấn công... Đó là thuật “*bất tranh nhi thiện thắng*”!

Quẻ Đại Tráng, trước 4 hào dương, ta để 2 hào âm, tức là “bức tường giậu vô hình”... thì dù có *bầy dê*, cũng không khác nào đã “*mất bầy dê*” (táng dương vu dị).

Tóm lại, đây là thuật “*dĩ nhu chế cương*” theo triết học của Lão Tử! Đây là một thứ đòn “*hu công*” của Nhu đạo.

*Thượng Lục: Đê dương xúc phiên, bất năng thoái,
bất năng toại, vô du lợi, gian, tắc kiết.*

上六：羝羊觸藩，不能退，不能遂，
無攸利，艱，則吉。

Tượng viết: Bất năng thoái, bất năng toại, bất tường dã.

Gian, tắc kiết, cựu bất trường dã.

象曰：不能退，不能遂，不祥也。

艱，則吉，咎不長也。

Hào Thượng Lục ở vào vị cuối cùng của Đại Tráng, ở vào hào trên chót của quẻ ngoại Chấn, tức là ở chỗ cùng cực của Tráng, động cực (tức là lấu tấu chạy quàng như con dê đục (đê dương) ý có sừng nên “húc càn” vào tường giậu, muốn lui lại, thì sừng đã mắc vào giậu không thể lui (bất năng thoái), còn muốn tới nữa, thì sức không thể đẩy cho tường đổ (bất năng toại), kết quả, không nên thân gì cả (vô du lợi).

Tuy nhiên, địa vị của Thượng là đã đến chỗ cùng rồi, mà cùng có thể biến... Nếu biết “biến đổi” cái tánh lao chao táo động của mình, biết xử như ở vào cảnh gian nan nguy hiểm, biết lấy Tĩnh mà chế Động, biết

lấy Nhu mà chế Cương thì cũng có thể biến thành tốt được!

*
* *

Tóm lại, Đại Tráng là quẻ Dương thịnh, Âm suy, lẽ ra phải là quẻ Tốt, nhưng hào từ trong sáu hào, không có hào nào thật tốt cả! Là tại sao?

Là bởi, theo Dịch lý, Đại Tráng là vận hội tốt, nhưng tốt thì đã có xấu nằm trong rồi... *Phúc*, thường là *chỗ núp* của *Họa*; *Thịnh* là *chỗ núp* của cơ *Suy*. Phải để ý mà phòng bị sự tráo trở của Âm Dương! nhất là khi đến cơ thịnh vượng.

35. HỎA ĐỊA TẤN

火地晉



“Tấn giả, tiến dã, tiệm tiến dã”

晉者進也，漸進也。

Nên để ý: quẻ Tấn là quẻ đảo nghịch của quẻ Minh Di. Tấn, là thượng Ly, hạ Khôn; còn Minh Di, thì thượng Khôn, hạ Ly.

Theo thứ tự các quẻ, thì không có gì trắng mà không tiến... nên quẻ Tấn đi sau quẻ Tráng.

Hỏa, trên Đất, là tượng Mặt Trời mọc lên khỏi mặt Đất. Hễ mặt Trời càng lên cao, càng thêm sáng.

Tấn, là tiến lên, cùng một ý với quẻ Thăng (số 46) cũng cùng một ý là tiến lên, nhưng khác ý: Thăng thì cây mọc trên mặt đất cần có sự cố gắng, còn tiến lên của Tấn thì nhẹ nhàng hơn, như không có gì cố gắng! như mặt Trời lên cao nhẹ nhàng.

Thoán từ:

Tấn, khang hậu dụng tích mã phồn thú,
trú nhật tam tiếp.

Tấn, tiến dã, minh xuất địa thượng, thuận nhi lệ hồ đại minh, nhu tiến nhi thượng hành, thị dĩ kang hầu dụng tích mã phồn thứ, trú nhật tam tiếp dã.

晉：康侯用錫馬蕃庶，晝日三接。

晉，進也。明出地上，順而麗乎大明，柔進而上行。是以康侯用錫馬蕃庶，晝日三接也。

Theo tượng của quẻ, ta thấy Trên là sự sáng chói của mặt Trời, còn Dưới là sự hòa thuận (thượng Ly minh; hạ Khôn thuận), có cái nghĩa “quân thần tương đắc, đường như trong nước có vị Khang hầu có tài an bang tế thế, nên được vị Quốc trưởng tín nhiệm, ban nhiều ân sủng để dắt dẫn người trong nước lên con đường tiến thịnh.[1]

Tại sao quái từ chẳng thấy dùng đến những chữ như “hanh”, “kiết”, “lợi” v.v... Là vì, ở vào thời Tấn, mà lại được vượng thế đến mức, thì còn cần gì đến các chữ “hanh”, “kiết”, “lợi” gì nữa? Chỉ nói: Có *bạc Hiền tài* giúp nước, còn Vua Chúa thì *biết dụng Hiền tài* là quá đủ rồi!

Có được một bạc Hiền tài giúp nước, có được một bạc chí tôn biết trọng dụng (như ngày xưa Tề Hoàn Công giao phó việc nước cho Quản Di Ngô... đó là *những điều kiện thiết yếu* tạo nên tiến bộ to lớn).

1. (Kang, là sự yên ổn; Khang hầu, bậc hầu, kế vương, có tài an bang tế thế, được ân thưởng trọng hậu (*dụng tích mã phồn thứ*); mỗi ngày được tiếp kiến với bậc chí tôn đến 3 lần (nghĩa là được xử quá thân). (*trú nhật, tam tiếp*).

Đại Tượng

Minh xuất địa thượng.

Quân tử dĩ tự chiếu Minh đức.

明出地上。

君子以自昭明德。

Ánh sáng mặt Trời hiện lên trên mặt Đất, là tượng quẻ Tấn.

Người quân tử xem đó mà lo làm cho ánh sáng của Thiên Chân được hiện lên, tức là lo làm cho sáng cái đức sáng của lòng mình (*minh minh đức*).

Mình có sáng, thì mới có thể làm sáng được thiên hạ, có “*tự giác*” mới “*giác tha*”! Quái từ nói: “*tự chiếu minh đức*”.

Bất cứ công trình tiến đức tu nghiệp nào, cũng lấy câu “*tự tri giả minh*” 自知者明。 của Lão Tử làm gốc cho đạo tu thân, tề gia, trị quốc .

Nên biết: “*Tự tri*” là việc rất khó, vô cùng khó khăn, đâu phải ai cũng làm được, là bởi phần đông cái Chân tâm con người thường bị che lấp, và cái mà ta nhận là ta chỉ là “*cái ta xã hội*” vì sống lâu ngày trong xã hội nên đã lấy “*cái ta xã hội*” làm cái Ta thật.

Trang Tử, gọi là “*nhân vi*” “*cái ta xã hội*”, và khuyên ta “*vô dĩ nhơn diệt thiên*”, đừng lấy cái ta giả tạo do xã hội un đúc, giết chết chân tâm của mình![1] Thường,

-
1. Nên đọc thêm “*Một Nghệ thuật Sống*” của T.g Nguyễn Duy Cần để hiểu rõ hơn, thế nào là Chân Tâm, Chân Ngã... và phép “*Tự tri*” để làm cho sáng cái đức sáng của mình! Điều mà Dịch Tượng gọi là “*dĩ tự chiếu minh đức*”. Trong quyển “*Một Nghệ thuật Sống*” chúng tôi đã dành một chương đặc biệt nhan đề “*Cách Mạng Cá Nhân*” để bàn về phương pháp

ta có tai, có mắt, có mũi cùng óc suy nghĩ, lòng cảm giác như ai, nhưng có tai mà không biết nghe, chỉ nghe theo cái nghe của kẻ khác, nghe theo thành kiến của xã hội chung quanh; có mắt mà không biết xem, chỉ xem theo cái xem của kẻ khác; có óc mà không biết suy, chỉ suy theo cái suy của kẻ khác; có tâm mà không biết cảm, chỉ cảm theo cái cảm của kẻ khác...

Chữ “tự” ở đây, là then chốt... chỉ ở quẻ Kiền và quẻ Tấn này mới có dùng đến chữ “Tự”. Ở quẻ Kiền, thì “*tự cường bất tức*”, ở quẻ Tấn thì “*tự chiếu minh đức*”, cũng như nhà Phật luôn luôn nhắc ta phải biết “*tự tu, tự ngộ*”, và “*tự giác nhi giác tha*”! Trước khi bàn đến xã hội, phải nghĩ đến Ta trước nhất.

.....

“*Tự Tri*”. Người biết “*tự tri*” mới là người sáng suốt (“*tự tri giả minh*”).

Biết rõ ta là gì? cái “*ta thật*” của ta, mới là một cuộc cách mạng vô cùng lớn lao và vô khó khăn trong đời người. Thành kiến, phong tục, sách vở, lý thuyết, tôn giáo, chế độ, luân lý... là những gì đã tạo ra cái người của ta đây. Một thói quen, lâu ngày biến thành thiên tính thứ hai. Có những kẻ bảo: Tôi thích uống rượu, là vì bản tánh của tôi là vậy! Họ đã đồng hóa “*thói quen*” với “*thiên tính*”! Trẻ con đã bị đồng hóa với Cha nên về sau bị mất Thiên Chân. Biết rõ được cái “*người thật*” của mình, là bước đầu đi vào con đường *sáng suốt và giải thoát*! Và phải làm cách nào để biết rõ “*người thật*” của ta! *Phải thật hữu tâm từng hành vi tư tưởng của ta trong đời sống hằng ngày*. Bấy giờ, ta sẽ thấy phần nhiều đều do ta “*đã mượn cái mũi của kẻ khác mà thở, mượn con mắt kẻ khác mà xem, mượn lỗ tai của kẻ khác mà nghe; mượn óc phán đoán của kẻ khác mà phê bình, tức là ta ưa cái ưa của kẻ khác, ta ghét cái ghét của kẻ khác, ta làm cái làm của kẻ khác*”. Sống theo mình là “*có sống*”. *Sống theo kẻ khác*, là chưa có sống.

(Trích quyển *Một Nghệ thuật Sống*, chương V, trang 47, 48,... 56).

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Tấn như, tòi như, trinh, kiết.

初六：晉如，摧如，貞吉。

Vọng phu, du vô cữu.

罔孚，裕無咎。

Tượng viết: Tấn như, tòi như, độc hành chánh dã;

象曰：晉如，摧如，獨行正也。

Du vô cữu, vị thụ Mạng dã.

裕無咎，未受命也。

Sơ Lục, âm nhu, ở dưới chót quẻ, ứng với Tứ. Cả 2 hào một Sơ thì “âm cư dương vị”, Tứ thì “dương cư âm vị” bất trung bất chánh, nên muốn tiến (tấn như) thì bị ngăn lại (tấn như, tòi như). Chỉ còn có một cách là gìn giữ sự Chánh, thì mới có thể tốt lành (trinh, kiết).

Giả sử, lại có kẻ không tin nơi lòng thành của mình, nơi lòng trinh chánh của mình, thì làm sao đây? Nếu là hạng tiểu nhơn thì lo sợ chạy chọt cầu có được người tin, và như vậy, là có lỗi, bởi còn sợ dư luận.

Người quân tử gặp cảnh này (không được kẻ khác tin) *vẫn thản nhiên* lo tu thân, *không sợ dư luận*, có tin hay không tin, cũng mặc kệ! cứ khoan thai, mình lo cho mình, thì sẽ không có lỗi. “Dữ” là *thản nhiên*. Chỗ phân biệt giữa tiểu nhơn và quân tử là ở chỗ *lòng vẫn thản nhiên, không bao giờ bận đến dư luận!* Vì vậy, người quân tử giữ được sự *độc lập tinh thần*, mà *tiểu nhơn* luôn luôn *nô lệ dư luận!*

Được khen, không mừng, mà bị chê, cũng không buồn... lòng bao giờ cũng *thản nhiên*, lo làm những gì phải làm, *bất chấp dư luận!* Đó là thái độ đặc biệt của

người quân tử. Đừng tưởng thần nhiên đối với du luận là việc tầm thường! Chỉ có những kẻ có *tinh thần bất úy*, độc lập tự do mới làm nổi. Đó là đức Điền Đạm của bậc Thánh, đức đại dũng của người Quân tử!

Hướng chi Sơ Lục còn đang ở địa vị kém nhất, lại cũng chưa “thụ mạng” gì của trên nên được thông dong mà làm công việc tu thân của mình, không bị thúc hối...

Lục Nhị: *Tán như, sâu như, trinh, kiết,*

thụ tư giới phúc vu kỳ vương mẫu.

六二：晉如，愁如，貞吉。

受茲介福，于其王母。

Lục Nhị, có đức Trung Chánh, lẽ ra “tấn” được, nhưng vì ở trên không có hào ứng viện (Ngũ thuộc Âm, âm ngũ âm không ứng được). Vậy, Nhị phải tự mình lo tiến, nên có nhiều khó khăn và sao khổi có lòng buồn.

Nhưng, dù sao Nhị đã có sẵn đức Trung Chánh, chỉ phải đợi một thời thuận tiện, Ngũ phải nghĩ đến người đồng đức là Nhị mà trao cho lộc vị. Đến lúc ấy, Nhị giống như cảnh người gặp được phúc của bà tổ mình (ám chỉ hào Ngũ âm). Nên nói: “*thụ tư giới phúc vu kỳ vương mẫu* 受茲介福，于其王母”.

“Tuợng viết: *Thụ tư giới phúc, dĩ trung chính dã*”.

象曰：受之介福，以中正也

Sở dĩ Nhị được hưởng lộc ấy, là nhờ ở lòng Trung Chính của mình.

Ta nên để ý đến 2 chữ “Trung Chánh” danh từ được thường nhắc đến trong Dịch, bởi nó là yếu tố chánh và là căn bản của người quân tử!

Lục Tam: Chúng doãn, hối vong.[1]

六三：眾允，悔亡。

Theo lệ thường, thì Tam âm là bất trung bất chánh, vì Âm cư Dương vị, nhưng đặc biệt ở thời Tấn, tam âm ở dưới đoàn kết nhau, tin cậy nhau, dắt nhau mà lên, đi tìm bậc Đại minh là hào Lục Ngũ, như vậy làm sao có lỗi?

“*Chúng doãn, hối vong*”

Tất cả đều đồng lòng theo Ngũ, thì lo gì đến hào Lục mà không tiến lên được? Ngày xưa có nói: Lòng dân muốn, thì lòng Trời cũng phải theo. Lòng người là ý trời! Ở với dân, mà lòng dân thán oán, khó mà được đứng vững lâu ngày! Lòng dân là lòng Trời, đâu phải là ngoa! “*Dân chi sở dục, thiên tắc tùng chi* 民之所欲，天得從之。” (Chỗ ước muốn của toàn dân, trời cũng phải theo).

Ngay ở Bình thư cũng đề cao vai trò của “dân chi sở dục” qua câu: “*Thiên thời, Địa lợi, Nhơn hòa... Nhơn hòa vi bản*”! 天時地利人和，人和為本。

Cửu Tú: Cửu Tú, Tấn như, thạch thử, trinh lệ.

九四：晉如，鼫鼠，貞厲。

Tượng viết: Thạch thử trinh lệ, vị bất đáng dã.

象曰：鼫鼠貞厲，位不當也。

Cửu Tú ở không đúng vị của mình (dương cư âm vị) là bất chánh bất trung ở trên Tam; có một bày âm

1. Chữ “*Chúng* 眾” là đại đa số nhân dân; “*doãn* 允” là tin tưởng. “Chúng doãn” đại đa số tin cậy nhau, thì có việc “hối gì” mà không tiêu một nửa!

phía dưới tiến lên (tượng quẻ Khôn) “Tĩnh tấn” là cùng nhau tiến lên một lượt, dẫn đầu là hào Tam.

Tứ, như con chuột đồng (thạch thử) tham ăn mà nhất nhúa hay sợ người... Tứ ở cận Ngũ nên ngôi vị cao, bị tấn công lẽ ra phải bỏ ra đi, nhưng tham, nên cứ ngồi lì một chỗ, sao chạy khỏi tai họa?

Nếu Tứ biết cái quá mà bỏ ngôi vị ra đi, may ra mới được yên ổn! Nhưng vì tánh tham ăn cứ đứng lì một chỗ, nguy tới nơi rồi! (trình lệ). Chữ “trình” ở đây, không phải là trình chính mà là lý lợm vì tham quyền cố vị mà ở ngay chỗ cũ không chịu chạy trốn!

*Lục Ngũ: Hối vong, thất đắc vật tuất,
vãng kiết, vô bất lợi.*

六五：悔亡，失得，勿恤，往吉，無不利。

*Tượng viết: Thất đắc vật tuất, vãng hữu khánh dã.
象曰：失得勿恤，往有慶也。*

Chữ “Tuất 恤”, là lo, ưu tư; “bất đương ưu” không nên lo.

Lục Ngũ, có đức “đại minh” (vì được đắc trung đắc chánh), ở thời Tấn mà được quần âm từng phục, thì có việc gì phải lo?

Lục Ngũ là âm nhu mà ở vào thời Tấn thì sung sướng biết chừng nào! thường lại có lòng (muốn được, sợ mất), nên hào từ khuyên: Đừng sợ “nên hư, đắc thất” gì cả, bởi chẳng những không có gì phải hối lỗi ăn năn mà còn được hưởng hạnh phúc là khác nữa (vãng hữu khánh dã)!

Làm việc, cứ *thần nhiên* mà làm, chớ lo nghĩ gì về việc “nên hư, đắc thất”, thì sẽ thành công hoàn toàn. Đó

là hành động của Thánh nhân trong đạo Tấn! Mà cũng là chỗ Lão Tử khuyên “Thánh nhơn” “*bất dục đắc!*” Là tại sao? Là bởi “muốn được” thì sợ mất. Trên đời có cái gì được mà không mất chẳng? Cho nên, muốn cho lòng được luôn luôn an ổn thanh tịnh, đừng “muốn được, sợ mất”! Sự đời éo le thật, càng muốn được, càng không được! Mới nói: Thánh nhơn không muốn được! (*Thành nhơn bất dục đắc*), há phải là lời nói tầm thường!

Thượng Cửu: Tấn kỳ “giác”, duy dụng phạt áp, lệ kiết, vô cữu, trinh lẫn.

上九：晉其角，維用伐邑，厲吉，無咎，貞吝。

Tượng viết: Duy dụng phạt áp, đạo vị quang dã.

象曰：維用伐邑，道未光也。

Giác 角, là cái sừng.

Thượng Cửu, bản chất là dương cương lại ở chỗ cuối của quẻ, là *Cực Dương*, và ở thời Tấn, thì cũng nói được rằng đây cũng là *cực tiến*.

Cực dương thì sợ sa vào *hung hãn* mà *tiến quá mức* (cực tiến) cũng e sa vào cái họa của sự *đổ nát*.

Ở thời Tấn mà dương cương quá độ có khác gì *loài tê giác* tấn công bằng cái sừng của nó (*tấn kỳ giác* 晉其角).

Hạng người *quá cương cấp*, *chả làm gì nên đại sự cả!* Chỉ nên để cho làm những việc nhỏ tầm thường cho gia đình như dạy con dạy cháu trong nhà, những việc làm trị nội mà thôi, như có thể là lính nội an mà không thể để họ làm lính ngoại biên.

36. ĐỊA HỎA MINH DI 地火明夷



“*Di giả, thương dã*”

夷者傷也

Quẻ này là quẻ đảo nghịch lại với quẻ Tấn.

Tấn, là sự sáng sủa, lý (mặt trời trên mặt đất) bậc lãnh đạo sáng suốt ở trên, có các bậc hiền tài giúp sức; còn *Minh Di*, là “*thời hắc ám*”, ánh sáng đã chui vào lòng đất, các bậc lãnh đạo thì mê muội tối tăm, bọn người *hiền tài bị tiểu nhân hãm hại*, thương tổn, ánh sáng công lý bị che đậy!

Minh Di, là *thời hôn ám*, bậc lãnh đạo hôn mê, các hiền tài bị hãm hại như thời xưa *đời vua Trụ hôn ám bạo ngược*, các hiền thần đều bị hại.

Ở thời này, người quân tử phải xử sự thế nào? Cho khỏi bị hại?

Minh 明, là ám chỉ mặt Trời, tượng Ly.

“Minh di” là ánh sáng bị thương tổn.

Thoán từ:

Minh Di, lợi, gian, trinh.

明夷，利，艱，貞。

Tượng viết: *Minh nhập địa trung, minh di.*

象曰：明入地中，明夷。

*Nội Văn minh nhi ngoại nhu thuận dĩ Mông đại nạn,
Văn Vương dĩ chi.*

Lợi, gian, trinh, hối kỳ minh dã.

內文明而外柔順以蒙大難。文王以之，
利，艱，貞，晦其明也。

“*Minh di*”, là thời mà ánh sáng mặt Trời đã lặn sâu vào lòng đất (*minh nhập địa trung*). Người quân tử xử sự ở thời này, thật khó! Nội quái là quẻ Ly, tượng sự văn minh, còn ngoại quái là tượng của sự nhu thuận quẻ Khôn, nên mới nói “*nội văn minh nhi ngoại nhu thuận*”. Nhưng đây là muốn lấy việc Văn Vương bị bạo chúa Trụ Vương giam ở Dữu Ly để làm tỉ dụ.

Văn Vương là một bậc *Thánh quân, lòng sáng rõ như Mặt Trời*, bị bắt nhốt vào ngục (tượng quẻ Minh Di) Văn Vương xử sự một cách rất nhu thuận, không âm mưu hoạt động gì cả, chỉ ngồi không, đọc sách và nghiên cứu Kinh Dịch. Cho nên Trụ Vương không có cách gì để hạ sát. Đó là “*nội văn minh nhi ngoại nhu thuận, dĩ mông đại nạn*”! (“*mông*” là *che lấp cái khôn ngoan sáng suốt của mình*). “*Nội văn minh*” cũng có nghĩa là giấu sự thông minh của mình vào trong, không cho kẻ ngoài thấy được, chỗ mà Lão Tử bảo: “*kỳ*

bất dục kiến hiên” (đừng để cho kẻ khác bên ngoài thấy được cái tài hiên của mình).[1]

Cũng đừng hiểu một cách nông cạn rằng, chỉ ở trường hợp như Văn Vương bị cầm tù mới lo giấu cái ánh sáng của mình, mà phải biết rằng *bất cứ ở thời buổi nào*, không có một ai có thể chịu nổi cho cái thông minh xuất chúng của mình làm mờ tối cái thông minh của họ! *Lòng ganh tỵ là cái tật xấu trường kỳ của những kẻ cùng trong một nhóm trí thức với nhau*, bề ngoài họ ra vẻ “ca tụng” cái hay cái giỏi của kẻ khác, nhưng đó chỉ là lấy lệ thôi! trong thâm tâm bao giờ cũng chực sẵn cơ

1. Lời của Lão Tử khuyên Khổng Tử:

“Khổng Tử đến Châu, hỏi Lễ. Lão Tử nói: Lời nói của ông là lời nói của những kẻ nay đã xương tàn cốt rụi. Vả, người quân tử đắc thời, thì đi xe, không đắc thời, thì tay vịn nón lá mà đi chơn. Ta nghe rằng: *Kẻ buôn giỏi khéo giữ của quý như không có gì. Người quân tử đức thanh dung mạo như người ngu.* Họ rất khác xa cái kiêu khí và đa dục của ông, thái sắc ấy và dâm chí ấy không ích gì cho thân ông cả! Tôi sợ dĩ bảo cho ông biết có bấy nhiêu thôi!”

Cái học của Lão Tử, đồ hết quẻ Địa Hỏa Minh Di, bên trong nội quái là quẻ Ly, còn bên ngoài là quẻ Khôn (âm u, tâm tối), nên Lão mới bảo “tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc; tri kỳ hùng, thủ kỳ thư; tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục”. “Tri” là nơi trong lòng mình; còn “thủ” là bên ngoài làm như “Thông minh duệ trí, thủ chi dĩ ngu; dũng lực chấn thế, thủ chi dĩ khiếp!” (Mình là kẻ tuyệt thế thông minh, thì hãy làm như kẻ ngu; mình là kẻ sức mạnh làm kinh người, hãy làm như người hay sợ sệt!).

Giả dối ư? Không! Đó là tượng người quân tử thời Minh Di để dự phòng bất trắc.

Gốc trong lòng là quẻ Ly (sáng như mặt Trời; còn bên ngoài (ngoại quái) là quẻ Khôn (có nghĩa là giữ sự âm u, tâm tối).

Trang Tử gọi là “bảo quang chi thời” nghĩa là giấu cái ánh sáng của mình trong một cái bọc.

hội để “bôi lọ” bằng mọi phương tiện mới vừa lòng cho. Trường hợp trò phản thầy cũng thường xảy ra.[1]

Có tài mà cậy chi tài,

Chữ tài liền với chữ tai một vần!

Lão Tử, bởi vậy, không ngót khuyên ta: “*Thông minh duệ trí, thủ chi dĩ ngu! dũng lực chấn thế, thủ chi dĩ khiếp! Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc; tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục... vi thiên hạ khê, vi thiên hạ cốc!*” (Chương 28 – Đ.Đ.K) (Là kẻ thông minh tuyệt vời, hãy làm như kẻ ngu, sức mạnh khiếp thiên hạ, hãy làm như kẻ nhút nhát! Biết trắng, giữ đen; biết vinh, giữ nhục... Hãy làm khe nước cho thiên hạ rửa chon, hãy làm hang sâu cho thiên hạ...)

Trái lại, thiên hạ xưa nay, “nội” chẳng thông minh, mà ngoại thì lại khoe khoang cái thông minh “dỏm” của mình, thích khoe tài hay, phô sắc đẹp... thì làm sao sống được yên với thiên hạ?

Ở về thời Minh Di, cần phải biết dừng đến cái đạo “*minh triết bảo thân*” mới may ra bảo toàn được mạng sống của mình... *Muốn sống được hạnh phúc, nên sống trong bóng tối!*

*
* *

Phân Thoán truyện lại còn nói thêm: “*Lợi gian trinh, hối kỳ minh dã; nội nạn nhi năng chánh kỳ chí, Cơ Tử dĩ chi*” 利，艱，貞，晦其明也，內難而能正其志，箕子以之。

1. Trường hợp Trò phản Thầy cũng thường xảy ra, trừ khi nào Thầy giỏi quá, đưa học trò phải suốt đời thờ mãi...

Đây, lại lấy gương ông *Cơ Tử* mà nói. *Cơ Tử*, là anh ruột Trụ Vương. Thấy Trụ Vương quá bạo ngược, không thể can được, ông giả điên đi làm đũa ở. Sau về với nhà Châu. Tới khi nhà Thương mất, nhà Châu lên, Võ Vương rất quý trọng *Cơ Tử*, mời ra làm bậc Thầy dạy Hồng Phạm, nhưng *Cơ Tử từ chối!* Không chịu làm tôi nhà Châu. Lúc đó Triều Tiên còn là một đảo ở giữa biển, chưa dính vào đất liền. Võ Vương cho mời Thầy là *Cơ Tử* ra đó ở, tự lập thành một nước riêng trọn suốt đời.

Hiện nay *Triều Tiên* còn nhận *Cơ Tử* là *Quốc tổ*. Đó là “*nội nạn nhi năng chánh kỳ chí!*” Ở trong cảnh đang lâm nạn mà khéo xử một cách rất khôn khéo, dù là kẻ địch của mình cũng phải nể tiết khí của mình, khéo giữ bền đạo Chánh không để hoàn cảnh thay đổi chí hướng của mình!

Cơ Tử đã làm được như vậy (*Cơ Tử* dĩ chí). Là nhờ biết dùng chỗ *Hối* làm ra *Minh*, tức là “cái Tối trong cái Sáng”: ngoài Tối, trong Sáng.

Theo Chu Hi, thì lấy nghĩa của hào Lục Ngũ để giải thích quẻ. “*Nội nạn*”, là nói người gần bên vua Trụ; và lại ở trong nước nữa. Hào Lục Ngũ quẻ Minh Di sau đây, cũng có nói về *Cơ Tử*: “*Lục Ngũ, Cơ Tử chi Minh Di, lợi trinh*”. Chính *Lục Ngũ* là *Cơ Tử*.

Đại Tượng

Minh nhập địa trung, Minh Di.

Quân tử dĩ lý chúng, dụng Hối vi Minh

明入地中，明夷。

君子以蒞眾，用晦而明。

Mặt Trời lặn vào trong lòng Đất, đó là tượng của quẻ Minh Di.

Người quân tử nhìn theo tượng đó mà trị dân, dùng chỗ tối mà làm cho sáng.

Là nghĩa gì?

Chữ “ly 菴” có nghĩa là cai trị. Dem cái Sáng trong cái Tối (tức là dem cái Tâm mình (sáng) để trị cái tối của thiên hạ). Đừng dùng cái “*sáng quá*” tức là dòm dõ, mà phải biết bỏ ngờ những tiểu tiết để có thể dung nạp được tất cả mọi người! Trong đời có cái dở nào mà chẳng có cái hay của nó, có cái thiện nào mà không có cái ác của nó (Ôi! Chỉ là những cái gọi là “*mặt trái*” của sự đời!). Có khi càng hay lại càng dở, càng xấu lại càng tốt, càng khổ lại càng sướng, càng vinh lại càng nhục, càng phúc lại càng họa, đó là 2 lẽ tương đối không bao giờ rời nhau. Ở đời “hối” (tối tăm) lại “minh” (sáng chói). Có được như vậy “*dụng hối nhi minh* 用晦而明”. Người ta đã phê phán: “*Lão Tử là kẻ chí ngu*”! và chính cái Ngu đó (thủ chi dĩ ngu) lại là cái chỗ sáng chói của đạo Lão: “*thông minh duệ trí, thủ chi dĩ ngu*” đó là “*dụng hối minh chi đạo*” vậy!

Thấy thì, như bậc Thánh nhơn lơ là, mờ mịt như không biết để ý đến các chi tiết nhỏ nhặt, mà *kỳ thực, không chỗ nào mà bậc Thánh nhơn không xét đến*. Đó là “*dụng hối nhi minh*”.

Tạo hóa sinh ra loài người, đâu có bình đẳng, mà toàn là những bất bình đẳng tự nhiên: có kẻ hiền người ngu, có kẻ khôn người dại, có kẻ thiện người ác, có người quân tử, kẻ tiểu nhơn xen lẫn nhau mà sống như Âm Dương dung nhau mà tồn tại, chứ không bao giờ có việc “*Cô âm hay Cô dương*” mà có thể tồn tại

trên cõi đời tương đối này. *Thánh nhân là người thấy như tối mò, mà thực sự thông minh tuyệt thế.* Lão Tử đã nói rất rõ lẽ này bằng cách lấy mình mà nói:

“Ngã độc bạc hê kỳ vị triêu.

“Như anh nhi chi vị hài,

“Luy luy hê nhược vô sở quy.

(Riêng ta im lặng, chẳng dấu vết chi.

Như trẻ sơ sinh, chưa biết cười.

Rũ rượi mà đi, đi không biết chỗ về.)

我獨泊兮其未兆，

如嬰兒之未孩，

儻儻兮若無所歸。

Ông lại nói thêm:

“Chúng nhơn giai hữu dư, nhi ngã độc nhược di

“Ngã ngu nhơn chi tâm, dã tại!

“Độn độn hê.

“Tục nhơn chiêu chiêu, ngã độc hôn hôn.

眾人皆有餘，而我獨若遺，

我愚人之心，也哉，

沌沌兮！

俗人昭昭，我獨昏昏。

(Người người như có dư (dư tài dư đức)

Riêng ta thiếu thốn (thiếu cả tài lẫn đức)

Lòng ta ngu dốt vậy thay!

Mờ mịt, chứ!

Người đời sáng chói, riêng ta mờ mịt.)

“Chúng nhơn giai hữu dĩ,

“Nhi ngã độc ngoan tự bỉ.

(Người đời đều có chỗ dùng,

Riêng ta ngu dốt, thô lậu.

眾人皆有以，

而我獨頑且鄙。

(Chương 20), Đ.Đ.K

Người đời đều để cho đời lợi dụng được, nên được đời cho là “dùng được” (hữu dụng); riêng ta, không để cho ai lợi dụng được cả, vì không chạy theo thị hiếu của người đời, nên đời cho rằng ta là “vô dụng”, nhờ vậy, mà ta được. Còn tham danh, thì đời lấy danh mà mua chuộc, lợi dụng, sai khiến. Còn tham lợi, thì đời lấy lợi mà lợi dụng, sai khiến. Cho nên mới nói: *“Người đời đều có chỗ dùng! Riêng ta ngu dốt, thô lậu!”*. “Ngu lậu” đây, là cái “ngu lậu” của bậc Thánh. Bởi vậy, người đời thường xem bọn người thoát tục là bọn người “Ngu” vì không biết ham phú quý, mãi cam sống trong cảnh thanh bần! lạc Đạo!

*

* *

Tóm lại, trị dân (ly chúng) không nên lấy chữ “minh” mà trị, nghĩa là quá rọi ánh sáng vào tâm tư thâm kín của người dân (như trong các chế độ độc tài ngu dân, thường cho mật thám theo dõi thu tù, hoặc đời sống riêng tư của dân chúng) tức là *dùng đến đạo hữu vi chí cực xen vào đời sống riêng tư của dân, nhất là bọn trí thức.*

Cũng chính Lão Tử đã nói rất nhiều về quẻ Minh Di này trong câu *“dụng hối nhi minh”* qua chương 58 Đ.Đ.K:

“Kỳ chính muộn muộn,

“Kỳ dân thuần thuần,

“Kỳ chính sát sát,

“Kỳ dân khuyết khuyết!”

(Chính lệnh mà lờ mờ, thì dân ôn hòa; chính lệnh mà dòm dõ, thì lòng dân tội lỗi)

“*Khuyết khuyết*” là nói về mặc cảm tội lỗi, cảm thấy như mình đã làm gì tội lỗi...

Trị nước, trị dân mà biết dùng chánh sách khoan hồng rộng rãi và tin tưởng, không can thiệp đến đời sống tư riêng của nhân dân, thì nhân dân cảm thấy thư thái nhẹ nhàng nên trở thành ôn hòa thuần hậu. Trái lại, khi chính lệnh bủa giăng như lưới rập, khắt khe, xoi bói, dòm dõ thì người dân luôn luôn cảm thấy bốn phương “*rừng có mạch, vách có tai*” đâm ra nghi ngờ, và lo sợ phập phồng, bao giờ cũng đau khổ dày vò vì như bị mặc cảm là một con người tội lỗi.

*
* *

Câu “*hối kỳ minh*” và “*dụng hối nhi minh*” có hai nghĩa khác nhau xa. “*Hối kỳ minh*” là hành động của người quân tử lúc gặp hoạn nạn; còn “*dụng hối nhi minh*” là hành động của người quân tử lúc cầm quyền trị nước.

Rộng ra, hoặc hẹp lại, phép trị nước như trị gia “*dụng hối nhi minh*” phải là phương pháp “*tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*”, hay nói chung, là phép “*vi vô vi nhi vô bất trị*” (hành đạo Vô Vi, thì không còn cái gì là không trị nổi). “*Minh Đạo nhược muội*” là thế (sáng về Đạo dường tối tăm)!

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: *Minh di, vu phi thùỳ kỳ dục; quân tử vu hành.*

Tam nhật bất thực: hữu du vãng, chủ nhơn hữu ngôn.

初九：明夷于飛垂其翼，君子于行，三日不食。有攸往，主人有言。

Tượng viết: *Quân tử vu hành, nghĩa bất thực dã.*

象曰：君子于行，義不食也。

Sơ Cửu, là hào dương cương thuộc nội quái Ly, là sáng (minh), người rất thông minh sáng suốt. Ở thời Minh Di (ánh sáng bị che mờ) tức là thời hắc ám, không có minh quân, cũng không có lương tể để hiểu mình, để nhận nổi cái tài hiển của mình, thì ở làm gì? nhất là mình là người tài giỏi, một cây đình mà ai ai cũng thấy xốn xang muốn nhổ, khó mà tránh được tai họa.

Phàm trong một xã hội tăm tối (minh di) mà có một ánh sáng phát lên, thì ánh sáng ấy phải tắt! Nếu không, thì thiên hạ chung quanh cùng đòi nó phải tắt, hoặc bắt buộc nó phải tắt.

Hiền, thì bị người ganh; tài, thì bị người ghét! Không sao sống được trong thời hắc ám! Như con chim bay, trong khi cánh bị đau mà phải sa xuống (vu phi, thùỳ kỳ dục), người quân tử biết trước không được ai dùng, mà mình cũng nhất định không để cho ai dùng được, chỉ còn có nước ra đi... như Phạm Lãi phải ra đi để khỏi phải bị cái họa của Văn Chủng! Ra đi, không kịp dự phòng, đến có thể phải nhịn đói ba ngày (tam nhật bất thực) cũng phải vội vã ra đi, kéo không còn cơ hội! (Quân tử vu hành, nghĩa bất thực dã 君子于行，義不食也。)(Vu, nghĩa là vãng, ra đi).

Lục Nhị: *Minh di, di vu tả cổ,
dụng chứng mã trang, kiết.*

六二：明夷，夷于左股，用拯馬壯，吉。

Tượng viết: *Lục nhị chi kiết, thuận dĩ tắc dã.*

象曰：六二之吉，順以則也。

Lục Nhị, là chủ nội Ly, là kẻ có tài “chí minh” (rất sáng), âm cư âm vị, đắc trung đắc chánh!

Than ôi! Thời là thời “*minh di*” ánh sáng đã tắt hẳn ở non Đoài! Thiên hạ đều say cả, *một mình ta tỉnh* (ngã độc tỉnh), thế nào mà chẳng bị thương, ví như thân tuy mạnh khỏe, mà *vế bên trái bị thương* (di vu tả cổ). Tuy vế bên trái bị thương mà còn đi được nên Nhị quên nghĩ đến vết thương cứ một mực lo cho thiên hạ đang sống trong cảnh mờ mịt như mình.

Bởi vậy, Nhị lo cứu giúp kẻ khác với một nghị lực phi thường, như con ngựa mạnh, đã một khi cất vó thì không ai theo kịp.

Cái tốt của Lục Nhị, người *chí minh chí chánh* (vì Lục Nhị là chủ chốt của quẻ Ly (là văn minh) của loài người sáng chói nhất). Nhị phải biết thuận theo thời mà cố giữ lại cho nhân loại một cửa quý trong các cửa quý nhất còn lại từ thời “Kim ngân” cho đến thời “Sắt thép” này... chưa hề bao giờ “*bị xét lại*”! Các vị Chánh, từ Phục Hy, Văn Vương, Châu Công, Khổng Tử đến nay đều ôm ấp giữ gìn cho nhân loại, và hiện nay cũng đã được nhìn nhận là “*quán quân kinh chi thủ*”, tôi muốn nói đến Bộ *Kinh Dịch*! Cỡ bạo Tần đốt sách chôn học trò mà còn chẳng làm gì nổi, huống chi ngày nay nó đã vượt biên giới và lan tràn khắp vạn quốc! Đến

khoa học nguyên tử ngày nay còn phải nhìn nhận nó là “*vô tiền khoáng hậu*”!

Chỉ có bộ Kinh Dịch, mới đúng là “*dụng hối nhi minh*” 用晦而明 (tối mà sáng). Nhị đây, là Văn Vương, Khổng Tử, là Tứ Đại Thánh Nhơn!?

*Cửu Tam: Minh di, vu nam thú,
đắc kỳ đại thú, bất khả tật trinh.*
九三：明夷，于南狩，
得其大首，不可疾貞。

Tượng viết: Nam thú chí chí, nãi đại đắc dã.
象曰：南狩志，乃大得也。

Hào Cửu Tam, đứng trên hết quẻ nội Ly, là *cực minh* (hết sức sáng); “*duong cư duong vị*” là *cực duong* (hết sức cương cường).

Đã *cực minh*, lại *cực duong* thì sao khỏi đụng chạm với hào Thượng Lục (hạng người bất minh bất chánh), cực tôn mà cũng cực hôn, cực ám. Thượng Lục làm sao tránh khỏi bị thương? Mà ai đây dám đánh bại Thượng Lục (đầu não bọn tiểu nhon)?

Chỉ có *Tam* mà thôi!

Tam, là người có tài duong cương, có đức văn minh cao nhất, đứng trên hết nội Ly! Nhưng phải coi chừng! vì quá cương e quá nóng nảy mà hư việc chẳng? điều nên đề cao cảnh giác cho *Tam*, đừng quá nóng nảy mà hư việc!

Tam, như một vị Tướng tài, đi tuần thú phương Nam (Ly thuộc phương Nam) lại *bất được* tên “đầu xỏ” là Thượng Lục (cằm đầu bọn tiểu nhon) trong quẻ Khôn.

Một người “chí minh” ở dưới để trị một người “chí ám” bên trên, thì chí khí của Tam đầu phải vừa! Vì sinh linh mà tạo phúc đức, vì thiên hạ mà trị hung tàn, hoài bão ấy lớn không biết chừng nào!

Lục Tứ: *Nhập vu tả phúc, hoạch minh di chi tâm, vu xuất môn đình.*

六四：入于左腹，獲明夷之心，于出門庭。

Tượng viết: *Nhập vu tả phúc, hoạch tâm ý dã.*

象曰：入于左腹，獲心意也。

Hào Lục Tứ, vừa ra khỏi nội Ly, là đã nhập vào ngoại Khôn (cõi *minh di* đầy bóng tối), khác nào “nhập vu tả phúc” (nhập vào bụng phúc trái), đó là đi đến chỗ trung tâm của sự tối tăm.

Mới biết rằng Tứ đã đi cận vị chủ nhơn của bóng tối (và đã biết rõ tâm tư thâm kín của họ), chỉ có cách là bỏ nhà mà ra đi (vu xuất môn đình), ra đi thật xa để tránh cảnh điêu tàn đổ nát của cõi tối tăm hắc ám!

Người quân tử nước loạn không ở; thành loạn không vào (loạn quốc bất cư, loạn thành bất nhập), như lời của Dương Tử.

Lục Ngũ: *Cơ Tử chi Minh di, lợi trinh.*

六五：箕子之明夷，利貞。

Tượng viết: *Cơ Tử chi trinh, minh bất khả tức.*

象曰：箕子之貞，明不可息也。

Theo thông lệ, thì Ngũ là vị chí tôn nhưng Dịch cũng thường có sự biến đổi khác đi. Như hào Lục Ngũ này,

không phải là Vua, mà là người thân với Vua. Là bởi ở thời Minh Di, vua chúa hôm ám, hào Ngũ đắc Trung đắc Chánh đâu có thể dùng để ám chỉ Minh quân.

Ngũ, là Cơ Tử (hoàng thân của vua Trụ). Bởi Ngũ đắc trung đắc chánh, nên Cơ Tử không như Vi Tử bỏ Trụ mà đi, *nhưng cũng không thể thờ Trụ, lại cũng chẳng thờ ai cả.*

Cách xử sự của Cơ Tử không bất lợi, vì không bị giết như Tỉ Can, dù bề ngoài giả như người điên mà trong lòng, dạ chí trinh, không bao giờ tắt (chữ “tức” là tắt đi).

Trong quẻ Minh Di, nhắc Cơ Tử đến 2 lần, đâu phải vô tình mà viết ra như thế! Là để nói rõ tâm sự của người Hiền.

Tỉ Can bị giết, là người “Trung”; Vi Tử bỏ nước ra đi, là người “Trí”; nhưng chỉ có Cơ Tử *không chịu ra đi, mà ở cũng không để bị giết!* Rồi giả điên, ngồi tro tro như thế, cũng đâu phải là phường tham sinh úy tử!

Không phải vậy! Tâm sự của bậc Thánh Hiền đâu phải chỗ mà thế nhọn hiểu nổi! Thử nghĩ, lúc bấy giờ vận mạng nhà Thương chưa hết, công nghiệp nhà Châu chưa thành, Văn Vương vẫn còn giữ đạo làm tôi, mà nhân dân vẫn còn nhiều người luyến Chúa! Cờ trung thần như Tỉ Can thì đã chết rồi, Vi Tử thì cũng đã bỏ đi rồi, nếu một mai mà lòng Trời còn tựa, tổ tiên nhà Thương còn có anh linh khiến cho Trụ Vương vô cơ mà chết đi, thì con của Trụ Vương là Võ Canh tất lên ngôi, biết còn trông cậy vào ai mà chĩnh đón lại việc nước việc nhà? Nếu một người quốc thân hiền thánh như Cơ Tử mà cũng bỏ ra đi hoặc liều mạng chết như Vi Tử hay Tỉ Can thì ngọn lửa tàn còn hoi hóp ấy phải cậy nhờ ai mà nhen lại bây giờ?

Cơ Tử sở dĩ nhấn nhục làm ra một kẻ cuồng dại là mong giữ lại thân, hầu có ngày khôi phục! chẳng phải đó là đại trung, đại trí, đại dũng, đại nhân hay sao?

*
* *

Đây, cũng là một bài học cho những ai, ở thời Minh Di, không làm sao bỏ ra đi, phải ở lại, và ở lại mà đừng bị hại, phải hết sức thận trọng trong khi giao thiệp với bên ngoài mới khỏi bị tai họa.

*Thượng Lục: Bất minh hối,
sơ đăng vu thiên, hậu nhập vu địa.*

上六：不明晦，初登于天，后入于地。

*Tượng viết: Sơ đăng vu thiên, chiếu tứ quốc gia dã.
Hậu nhập vu địa, thất tắc dã.*

象曰：初登于天，照四國家也。后入于地，失則也。

*
* *

Thượng Lục, là hào cuối cùng của quẻ Minh Di, mà chính nó làm chủ cho thời *Minh Di hắc ám*. Nó là đầu não bọn tiểu nham làm hôn ám cả thời trời.

Thượng Lục ở chỗ cùng cực của quẻ Khôn, là tượng của sự *hôn ám cực độ*, vì vậy, đâu còn gì là Minh (sáng nữa). Chỉ thấy trời đất tối om (vì mặt Trời đã lặn trong lòng đất). Theo về thể, thì Thượng là vị cao nhất, mà về đức, thượng là tâm tối tột độ!

“*Sơ đăng vu thiện*”, theo như vị của nó *cao nhất*, đáng lẽ sáng rọi bốn phương *chiếu tứ quốc gia* 照四國家, nhưng “*hậu nhập vu địa*” sau thì lại nhập vào trong lòng đất mà thành ra vô cùng hôn ám, chỉ vì mất Đạo thất Tắc dã 失則也 (*Tắc* 則 là Đạo).

Đời mà mất Đạo, là một cõi *đời địa ngục*.

37. PHONG HỎA GIA NHƠN

風火家人



Hai hào Nhị Ngũ là những hào chủ não của Gia Nhon: Lục Nhị, là người vợ (nội tướng); Cửu Ngũ, là người chồng (ngoại tướng) đóng vai trò quan trọng nhất.

Quẻ Gia Nhon gồm hết những qui luật tự nhiên chi phối đời sống trong một gia đình.

Luật gia đình trong quẻ Gia Nhon, không hẳn là những luật tắc giả tạo hoàn toàn nhon vi do con người tạo ra. Đó là những luật tắc tự nhiên của Dịch đạo đưa ra, không riêng gì cho gia đình, mà cho trật tự chung trong các đoàn thể quốc gia xã hội, từ hẹp đến rộng.

Quẻ Gia Nhon do 2 quẻ Phong là gió và Ly là lửa, tức là *hơi lửa thổi ra thành gió*.

Thoán từ:

Gia nhon lợi nữ trinh.

家人利女貞。

Mỗi hào có một bản chất hợp với địa vị mỗi nhóm người trong gia đình.

Hào trên hết, hào Thượng Cửu, đại diện cho cả Cha và Mẹ, là hào dương cương, tượng quyền tối cao của ông cha trong gia đình, là vị cương minh chân chánh, nhưng thuộc về *vi âm*, là Cương trong Nhu. Cương trong Nhu là nghĩa gì? Là tánh tình phải *Âm nhu mềm dẻo*, nhưng phải biết *cương quyết* rắn rỏi trong lòng từ ái yêu thương của mình. Bà Mẹ phải luôn luôn giữ phận “*phu xướng phụ tùy*”![1]

Hào sơ, số 1, là đại diện cho con (hay các con, cả trai lẫn gái).

Hào nhị, số 2, đại diện cho người Vợ (hoặc những người con gái đầu lòng (con cả) hay người dâu cả).

Hào 3, và hào 5 đại diện cho 2 người anh lớn, riêng 5 là người anh được phép quyền huynh thế phụ, coi sóc và dạy dỗ các em.

Hào 5 cũng đại diện cho người chồng mà 2 là người vợ.

Hào 2 và 4, đại diện cho 2 người vợ của hai người anh lớn (tức là hai người dâu) hoặc 2 đứa con gái, vì trong gia đình Đông phương “*dâu*” là *con gái*.

*
* *

1. Trong “Dịch Tượng Ý Ngôn”, Thái Uyên nói:
“Số Trời đầu ở 1, số Đất đầu ở 2; bởi Âm không đầu, nên phải theo Dương. Số Trời dứt ở 9, số Đất dứt ở 10. Bởi Dương có đầu mà không có đuôi, nên nhờ Đất (Âm) làm đuôi. (Thiên số thì ư như, địa số thì ư nhị; Âm vô thủ tòng ư Dương giả dã; Thiên số chung ư Cửu, địa số chung ư Thập; Dương vô chung, đại kỳ chung giả, địa dã).

Quẻ “*gia nhon*” là những người trong gia đình, mà nói đến gia đình, *phần quan trọng là những người đàn bà và con gái*. Đạo lý căn bản, trước hết là chữ “*Trinh*”.

Theo Đông phương, hễ nói đến 2 chữ Gia đình, là ám chỉ những người đàn bà con gái trong đó. Vai trò chánh và căn bản, là Bà Mẹ và những con gái và con dâu. Muốn định rõ giá trị của một gia đình nào, là phải căn cứ vào những người đàn bà trong đó. Đó là cái linh hồn của gia đình. Tuy gia đình nào cũng có người đàn ông làm chủ, nhưng vai chánh là người đàn bà. Tạo lập hay làm cho tan nát gia đình đều chính do bàn tay của người đàn bà phần lớn.

Trong 2 quẻ cấu thành quẻ “*Gia nhon*”, ta thấy *Ly* cũng *nhất âm*, quẻ *Tốn* cũng *nhất âm*: cả 2 đều là người đàn bà làm chủ, theo định luật sau đây: “quái *địa dương* dĩ *âm* vi chủ”. Quẻ *Ly*, thì hào *Nhị* là âm làm chủ; quẻ *Tốn*, thì hào *Tứ*, là âm làm chủ. Luật Trời là thế!

Chủ nhà, phải để ý đến Bà chủ, chứ không phải Ông chủ. Bà, là nội tướng. *Nhị* và *Tứ*, là *căn bản của 2 quẻ Ly và quẻ Tốn*.

Tượng của quẻ *Gia nhon* nói lên rất rõ ràng tinh thần của gia đình một cách sâu sắc và tế nhị. Hai hào *Nhị* và *Tứ* là 2 con dâu, nhưng nên biết ở gia đình Đông phương, con dâu mới thật con gái, chứ con gái thực sự “*nữ sinh ngoại tộc*”. Trong gia đình Đông phương giá trị con dâu có đến hai cấp bậc: con dâu đồng thời là con gái luôn luôn ở bên cạnh gia đình (thay mặt luôn người con trai). Con gái chỉ có giá trị tạm thời, trong lúc chưa chồng, chứ đến tuổi lấy chồng, thì hết quyền chỉ huy...

Thoán từ bảo: “*Gia nhon, lợi, nữ trinh*”. Người Đông

phương xem hạnh phúc gia đình là có được “con hiền, dâu thảo”!

Phàm muốn xem việc Nước, phải xem trước việc nhà, mà muốn xem việc nhà, trước phải xem bọn phụ nữ “*lợi nữ trinh*”, là nguyên tắc hay tuyệt! Giá trị ấy chưa từng thấy thay đổi! Dù là người Tây phương cũng không có quan niệm khác hơn. Sự hỗn loạn ấy của Tây phương ngày nay, là một tai họa to lớn mà không một thúc giã nào không nhận thấy và đã từng cảnh cáo không tiếc lời nguyên rủa! Sự sụp đổ của nền văn minh Tây phương ngày nay là không còn biết trọng lạy chữ Trinh cho người đàn bà con gái. Sự nên hư hay hạnh phúc tai họa đều do tay người đàn bà cả!

Trong Thoán truyện đã dứt khoát định phận người đàn bà con gái và người đàn ông con trai, giữa Vợ với Chồng, giữa Mẹ với Cha bằng câu này: “*Gia nhon, nữ chính vị hồ nội; nam chính vị hồ ngoại; Nam nữ chính, thiên địa chi đại nghĩa dã*” 家人, 女正位乎内, 男正位乎外。男女正, 天地之大義也。(Quê Gia nhon đã định phận rồi: chỗ *chánh vị của người nữ*, là ở *trong gia đình*; *chánh vị của người nam*, là ở *ngoài gia đình*; Nam nữ đâu đó được Chánh vị rồi, đó là cái đại ý nghĩa của Trời Đất vậy!).

Cho nên, ở hai hào *Nhị và Ngũ* đắc trung đánh chánh, thì Lục *Nhị* thuộc *Nội* quái, phải thuộc về hào Âm (nhị) nên bốn phận vợ là “*nội tướng*”; còn hào Cửu *Ngũ* thuộc về hào Dương, thuộc về *Ngoại* quái, nên bốn phận của người đàn ông là quyền *Ngoại* tướng! Đó là Âm Dương đã định phận rồi, đâu phải là luật lệ của nhon vi.

Từ cổ chí kim, từ Nam chí Bắc, từ Đông chí Tây... giao quyền trị nước cho người đàn bà là sai chánh vị

của Âm Dương! Thỉnh thoảng cũng có ngoại lệ, chỉ khi nào người đàn bà ấy có nam tánh hơn nữ tánh: một người đàn bà đặc trưng đặc chánh lại thuộc Dương cương. Phải là một kẻ “phi thường” ngoại lệ.

*
* *

Câu thứ hai, trong Thoán truyện, là: “*Gia nhon hữu nghiêm quân yên, phụ mẫu chi vị dã* 家人有嚴君焉，父母之謂也。” Trong gia đình mà muốn được “Chánh”, phải có bậc nghiêm quân. Nghiêm quân là Cha và Mẹ vậy (*Phụ mẫu chi vị dã* 父母之謂也).

Ta thường xưng Cha là nghiêm quân hay nghiêm phụ, còn Mẹ là Từ mẫu, là ý muốn nói Mẹ bao giờ cũng dễ tha thứ hơn Cha, nhưng thực sự nếu Mẹ mà không nghiêm thì con dễ hư lắm!

Tục ngữ có câu: “Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà” rất xác đáng! Dịch, vì vậy, gọi cả hai Cha và Mẹ là “nghiêm quân” (*Gia nhon hữu nghiêm quân, phụ mẫu chi vị dã*). Thật sâu sắc thay lời dạy của Dịch Kinh.

Mạnh Tử là một bậc thánh, nhờ Mẹ mà nên người hiền. Gandhi là người thứ nhất dám tự hào: “*Tôi không bao giờ biết nói láo! Bất cứ trong trường hợp nào!*”. Trong quyển Tự thuật ông có ghi: Gandhi lúc nhỏ, đi học về trễ bị mẹ rầy. Ông chối, bà mẹ rất nghiêm nghị, nhất định nhìn ăn! Ông khóc lóc, van xin mẹ cho biết lý do. Mẹ ông nói: Mẹ thà thấy con chết hơn là thấy con nói dối! Nói dối, là một sự ươn hèn khiếp nhục. Có con như thế, mẹ thấy nhục nhã vô cùng. Mẹ không còn muốn sống nữa! Phải biết, bà mẹ của Gandhi có tiếng

là: nói thì làm. Gandhi đứng lên, đi thẳng vào bếp, gắp một cục than cháy bỏ vào bàn tay và nói: Con thề với mẹ, suốt đời con không bao giờ nói dối!

Bà mẹ Gandhi mừng rỡ, ôm con vào lòng, nói: Được vậy thì mẹ mới có thể đủ can đảm sống nữa với con!

Suốt đời Gandhi, dù là một nhà chánh trị, lời nói của ông là một bảo đảm mà kẻ thù, cũng phải nể. Viên Toàn quyền Anh nói: “Lời hứa của Gandhi hơn xa tờ hợp đồng giữa chúng ta và ông ta!”.

*
* *

“Phụ phụ, tử tử, huynh huynh, đệ đệ, phu phu, phụ phụ nhi Gia đạo chánh. Chánh gia nhi thiên hạ định hĩ!” 父父，子子，兄兄，弟弟，夫夫，婦婦而家道正。正家而天下定矣。

Trở lên, chỉ nói về vấn đề trọng trách của Cha và Mẹ, nhưng trong gia đình há chỉ có Cha và Mẹ mà thôi sao? Giờ đây, Thoán truyện bàn đến tất cả mọi người trong gia đình.

Gia đình gồm có 6 hạng người: Cha, con; anh, em, vợ chồng.

“Phụ phụ” là cha cho phải đạo cha; “tử tử” là con cho phải đạo con; “huynh huynh” là anh cho phải đạo anh; “đệ đệ” em phải đạo em; “phu phu” là chồng đáng đạo chồng; “phụ phụ” là vợ phải đạo vợ! Tức là mỗi người trong địa vị mình phải ăn ở sao cho đúng đạo, chớ đừng ý trên hiếp dưới. Kẻ trên phải xứng đáng là người trên, thì người dưới mới xứng đáng là người bề dưới. Trái lại, nếu “thượng bất chánh”, “hạ tắc loạn”,

không còn có thể trách kẻ dưới mà thôi... “Phụ từ, tử hiếu”, còn “phụ bất từ, tử tắc sân thương!”[1]

Đại Tượng

Phong tự Hỏa xuất: Gia nhon.

Quân tử dĩ ngôn hữu vật, nhi hạnh hữu hằng!

風自火出，家人。

君子以言有物，而行有恆。

Quẻ *Gia nhon*, là tượng *Hỏa thối* ra hơi nóng, hơi nóng ấy tạo ra gió, đó là *Gió từ Lửa mà ra* (phong tự hỏa xuất). Lời nói của người quân tử đều xuất phát tự nhiên nơi lòng nhiệt huyết chân thành, không bao giờ nói ra những lời không chân thật với lòng mình. Bởi vậy mới nói: *Nhon vô Tín bất lập*: người quân tử chỉ có một lời (quân tử nhất ngôn). Lời đối trá, người đối trá.

Nơi bản thân, bên trong ví như ngọn lửa. Lửa thì nóng, hơi phải nóng. Nếu lửa nóng mà lời nói lại mát rượi, là lời nói không chân thành, là lời giả dối!

1. Bọn “ngụy quân tử” bị vương quyền mua chuộc bằng cách ban cho áo mũ cân đai nên đã bắt bọn “*nô bộc văn hóa*” ấy viết ra những thứ giáo khoa cho các sĩ tử ấp mộng công hầu câu: “*Quân sử thần tử, thần bất tử bất trung; Phụ sử tử vong, tử bất vong bất hiếu!*”. Nhạc Phi chết thảm vì đã nghe theo.

Cho nên, Trang Tử khi được Vua Chúa đương thời cho mời ra làm Tướng Quốc, ông đã từ chối: “Cái lợi của nghìn vàng quả trọng thật, cái địa vị khanh tướng quả cũng quý thật! *Nhưng các ông chẳng thấy con bò tể hay sao? Được người ta săn sóc, được mặt đồ trang sức vẫn vẻ cực sang trọng để đưa vào Thái miếu. Lúc bấy giờ dù có muốn được làm con lợn côi há còn được nữa không? Các ông hãy đi đi, chớ có đến mà làm nhục ta!* Thà ta sống lê đười ở trũng bùn còn thấy sung sướng hơn là để cho kẻ làm chủ một nước kia trói buộc được ta!”

Cho nên, ta thân trước hết phải *duỡng ngôn*. Có dưỡng ngôn mới tu hạnh, hạnh ấy là *Thành Tín!* Hai chữ “Ngôn Hạnh” là một chữ ghép đôi. Đó là “*Tín thành*”. Thành, là lời nói nghĩ sao nói vậy, nên viết có chữ Ngôn 言 và chữ Thành 誠. Chu Liêm Khê nói: “*Thánh giả, thành nhi dĩ hĩ 聖者誠而以矣。*” (Thánh, là Thành mà thôi vậy).

Nước Lỗ có cái đỉnh rất quý.

Lỗ thua Tề, Tề bắt phải đem đỉnh dâng.

Vua Lỗ tiếc lắm, cho làm cái đỉnh giả đưa sang.

Vua Tề bảo:

– Phải có Nhạc Chính Tử đem sang thì ta mới tin.

Vua Lỗ cho gọi Nhạc Chính Tử đến, bảo đi. Nhạc Chính Tử hỏi:

– Sao không đưa cái đỉnh thật?

Vua Lỗ nói:

– Ta quý nó lắm!

Nhạc Chính Tử bảo:

– Nhà Vua quý cái đỉnh ấy thế nào, thì tôi cũng quý cái đức Tín của tôi như thế!

Sau cùng Vua Lỗ chịu thua, phải đưa đỉnh thật, Nhạc Chính Tử mới chịu đi.

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Nhàn hữu gia, hối vong.

初九：閑有家，悔亡。

Tượng viết: Nhàn hữu gia, chí vị biến dã.

象曰：閑有家，志未變也。

Hào Sơ, nói về phần con cái trong nhà.

Mới bắt đầu, con cái phải được giáo dục ngay từ thuở bé: dạy con dạy thuở còn thơ! (*Nhàn* có nghĩa là phải ngăn chặn lại ngay, đừng để thói xấu lớn lên, khó uốn).

Tuy dương cương, nhưng đây là thứ cây còn non (sinh giả nhu nhược, kỳ tử giả kiên cường)

Cây cối còn non dễ uốn, để cho già rồi, quá cứng, bẻ thì gãy. “*Nhàn hữu gia, chí vị biến*”. (Lúc ban đầu, dễ ngăn ngừa, tánh chưa biến).

Lão Tử căn dặn: “Vi chi ư vị hữu, trị chi ư vị loạn” 為之於未有, 治之於未亂 (ngăn ngừa khi chưa hiện, sửa trị khi chưa loạn). (Chương 64, Đ.Đ.K).

Lục Nhị: Vô du tụy, tại trung quy, trinh, kiết.

六二：無攸遂，在中饋，貞吉。

Tượng viết: Lục nhị chi kiết, thuận dĩ tổn dã.

象曰：六二之吉，順以巽也。

Lục Nhị là âm nhu, âm cư âm vị, thì quá âm, tức quá nhu thuận, nếu xử vào địa vị bà vợ hay bà mẹ (tức là vị bực Gia chủ) thì không tốt, vì “*quá nhu tắc phế*”! Nhưng, nếu là con gái hay nàng dâu thì tốt, bởi chỉ lo cho công việc giao phó (như nấu ăn nấu uống) cho được xong xuôi thì một mực thuận thảo nghe lời gia chủ là được. Còn Bà Mẹ phải là hào Dương cương mới trị nổi gia đình.

Quê Gia nhon, quý nhất là các hào Dương, đủ thấy sự nghiêm nghị phải là đức vô cùng quan trọng! Cho nên các hào Sơ Cửu, Cửu Tam, Cửu Ngũ, và Thượng Cửu mới có tài trị gia.

Vậy mới bảo với hào Lục Nhị, chớ tự chuyên “*vô du tuy* 無攸遂” chỉ nên lo phục vụ việc nấu nướng trong nhà mà thôi! “*tại trung quy* 在中饋” nhứt là biết thuận thảo là tốt nhất (“*thuận dĩ tổn dã*” 順以巽也), đó là chỗ “kiết” của hào Lục Nhị.

Cửu Tam: *Gia nhon, hác hác, hối lệ, kiết.*

Phụ tử hi hi, chúng lẫn.

九三：家人嗃嗃，悔厲，吉。

婦子嘻嘻，終吝。

Tượng viết: *Gia nhon hác hác, vị thất dã.*

Phụ tử hi hi, thất gia tiết dã.

象曰：家人嗃嗃，未失也。

婦子嘻嘻，失家節也。

Cửu Tam, là quá cương (dương cư dương vị), gọi là “*trùng dương*”. Kể ra trị gia như thế có hơi nghiêm khắc quá, và bởi quá nghiêm khắc mà thương tổn đến ân tình, mới nói “*hối lệ* 悔厲”.

Tuy vậy, thà quá nghiêm, còn hơn quá nhu, vì có được như thế mới giữ được nếp sống trang nghiêm trật tự!

Phản đối sự quá nghiêm mà áp dụng chánh sách quá khoan, thì trật tự khó lòng ổn định, gia đình thiếu nghiêm túc, dâu con vui chơi hơn hỏ tối ngày... thì nguy (phụ tử hi hi, chung lẫn), có sự đáng tiếc.

Phàm, nghiêm trị “hác hác” thì có điều “hối lệ” (ăn năn và nguy hiểm), mà lại được kiết (tốt)! Còn quá khoan thứ “hi hi”, phải có điều đáng tiếc xảy ra mà không hối kịp!

Cho nên, “gia nhon hác hác” thì chưa có gì hư hỏng

(vị thất dã 未失也, còn “*phụ tử hi hi*” bọn đàn bà con nít vui chơi hớn hở suốt ngày, thì “lễ tiết” trong nhà hỏng cả! *thất gia tiết dã* 失家節也).

Hào Cửu Tam, là tượng các anh trai phải “nghiêm nghị” để có thể “quyền huynh thế phụ”!

Từ ngày ngọn gió “nam nữ bình quyền” và “tự do vui nhộn” của Âu Mỹ thổi vào Đông phương, người Đông phương bị Tây phương hóa đã ném mùi đau khổ của một gia đình hỗn loạn trong thời buổi “minh di” hay “hắc ám”!

Lục Tứ: Phú gia, đại kiết.

六四：富家，大吉。

Tương viết: Phú gia đại kiết, thuận tại vị dã.

象曰：富家大吉，順在位也。

Chữ “*Phú*” đây, có nghĩa là “*phúc thịnh*” (chứ không có nghĩa là giàu có).

“*Phú gia*” là *nhà có phước*.

Hào Lục Tứ này làm chủ quẻ ngoại Tốn (nhút âm vị chủ quái), thể Tốn là thuận, lại là âm nhu, và âm cư âm vị đắc chánh nữa. Có thể đây là Bà Mẹ hay người con gái lớn, hoặc con dâu lớn lãnh trách nhiệm của bậc *Gia mẫu*. Hào Thượng Cửu mới chánh thức là hàng Phụ mẫu, gọi là Nghiêm huân, người làm cho nhà trở thành phúc thịnh, thì đại kiết, còn gì hơn? Đó là chị cả, hay người dâu cả, hào Tứ này!

Lục Tứ có đức Tốn thuận, lại ở được vị tôn (cao). Trong quẻ Gia nhon, chỉ có 2 hào Nhị và Tứ là thuộc âm, làm chủ 2 quẻ Nội Ly và Ngoại Tốn. Đó là hai cây cột trụ của Gia đình.

Cửu Ngũ: *Vương cách hữu gia, vật tuất, kiết.*

九五：王假有家，勿恤，吉。

Tượng viết: *Vương cách hữu gia, giao tương ái dã.*

象曰：王假有家，交相愛也。

Lấy hình ảnh bậc Vua Chúa để tượng người Cha hay người Chồng (bậc Chúa tể trong gia đình) rất đúng. Là vì phải có đức Dương cương, đặc trưng đặc chánh mà tất cả xem như *thần tượng*. Không cần phải sợ sệt, mà cần thiết là *quý trọng*, được xem như *Thần tượng đối với tất cả mọi người trong gia đình...* Có tôn trọng mới thấy là quý, người cha hay người chồng... phải ý thức rõ vai trò của mình, mà đừng để có sự khinh thường chỉ trích! Phải là người mẫu mực mà tất cả trong gia đình trông vào! Khó xử lắm, vì *Sợ* thì không thương, mà *Thương* hay *lờn*! và sự giao dịch phải nằm trong chữ "*tương ái*"! (*Giao, tương ái dã 交相愛也*).

Thượng Cửu: *Hữu phu, uy như, chung kiết.*

上九：有孚，威如，終吉。

Tượng viết: *Uy như chi kiết, phản thân chi vị dã.*

象曰：威如之吉，反身之謂也。

Với hào Thượng Cửu, sự hình thành một *gia đình kiểu mẫu* đã xong! Bây giờ chỉ lo giữ nề nếp là được.

Phải có đủ 2 mặt: *Trong và Ngoài*. Trong, là giữ mình luôn luôn đúng đắn với cương vị của mình, chí tình, và chí thành. Trong đạo trị gia, có Tình không mà thôi, chưa đủ, bề ngoài phải có sự đối xử *ngghiêm trang lễ độ* (uy như). Bên trong, có đủ *thành tín*, bên ngoài có đủ *lễ độ trang nghiêm*, có trật tự trên dưới phân minh,

là được hạnh phúc. Quá thân dễ có sự khinh lờn, phải đối xử với nhau giữa vợ chồng như khi bắt đầu lúc gặp nhau, hết sức nhã nhặn và cẩn thận dè dặt trong từ cử chỉ, trong từng lời ăn tiếng nói, có thủy có chung hẳn hoi! Đối với kẻ dưới, con cái, trai hay gái, dâu hay rể, cũng phải có lễ độ mực thước như mình cư xử với người dung kẻ lạ lúc ban đầu! *Người Đông phương trong sự giao tế rất trọng về chữ Lễ. Thất lễ, là điều tai hại nhất trong đạo vợ chồng, con cái! Ở xã hội Tây phương vậy mà trong sự giao tế trong gia đình vẫn còn thấy nhiều tệ nhị.*

“*Phản thân*” là gì?

Là phải xét lại mình cho kỹ, cốt sao cho được *chí thành chí tín*, đó là lời dạy cuối cùng của Dịch đạo.[1]
“*Tu thân vi bốn*”, là thế!

-
1. *Dịch, là Biến... luôn luôn Biến, biến trong từng “sát na” chứ đừng nói từng giây từng phút, còn lâu... Ta, biến; mà chung quanh cũng đã biến như ta. Đó là một cái luật, không một sự vật nào trên đời thoát khỏi... Tất cả đồng lưu chuyển...*

Cuộc sống luôn luôn đổi mới, tạo nên những tình cảm mới. Ngày hôm nay, không thể còn giống ngày hôm qua, đây là chỗ tuyệt đẹp của cuộc sống luôn luôn đổi mới... Cho nên, chớ bao giờ có thành kiến đối với mọi người... Tu nhất kiếp, ngộ nhất thời... Mỗi lần ta ra đi... lại đến lúc trở lại nhà gặp lại vợ con mình, hãy biết nhìn họ như những người “mới lạ” dường như mới gặp nhau trong buổi ban đầu!

Dịch, khuyên ta, bất cứ lúc nào cũng nên có lễ độ như lúc ban đầu... Đó là “thủy chung như nhất”... Đó là sự “chung tình”!

38. HỎA TRẠCH KHUÊ

火澤睽



“Khuê giả, quai dã”

睽者，乖也。

Do quẻ Ly (trên) là *lửa bay lên cao*
quẻ Đoài (dưới) là *nước lắng xuống sâu*.

Một cái lên cao, một cái trầm xuống, hai con đường *ngịch hãn nhau* như quẻ Hỏa Thủy Vị Tế. Xấu u? Hẳn là không, như ta sẽ thấy sau đây.

Lại nữa, *Đoài là thiếu nữ (gái nhỏ)*, còn *Ly là gái giữa (trung nữ)*.

Con gái út, thì tâm tư lo cho gia đình vì còn nhỏ sống chung với cha mẹ; còn *đứa con gái giữa (trung nữ)* lớn rồi, có chồng, nên lòng lo nghĩ cho bên chồng (nữ sinh ngoại tộc). Cùng sống trong một gia đình mà chí hướng chống nhau, một bên hướng nội (con gái út), một bên hướng ngoại (con gái giữa). Nên xem lại quẻ *Cách* để so sánh: *Khuê*, chỉ *chống nhau về khuynh hướng*; còn *Cách* là *muốn lột da nhau, chống nhau “một còn một mất”*, như trong các cuộc Cách Mạng có tánh cách thay đổi cả chế độ.

Thoán từ:*Khuê, tiểu sự, kiết.*

睽，小事，吉。

Người ở thời Khuê, tâm chí bất đồng, đường lối không chung nhau, khó thể cùng làm việc lớn, chỉ hội họp nhau trong những công trình nhỏ nhỏ thôi, thì mới tốt! (tiểu sự, kiết).

Người con gái nào cũng vậy, lúc nhỏ ở chung với cha mẹ anh em, nên để hết tâm tư lo cho gia đình; kíp khi lớn lên, thì lòng tự nhiên lo cho bên mình bớt đi mà chú tâm về bên nhà chồng nhiều hơn, có khi quá bận việc bên nhà chồng, không sao còn thời giờ nghĩ đến cha mẹ và gia đình mình nữa, đó là hai khuynh hướng khác nhau. Người phương Đông gọi: “nữ sinh ngoại tộc” là vì thế! Bù lại sự mất mát ấy, con dâu lại thành con gái của gia đình.

Tuy nhiên, *Dịch tuy thấy mâu thuẫn, mà thực sự không có mâu thuẫn.* Nghĩa là Âm Dương tuy Hai mà Một, nên bất cứ ở trường hợp nào *hễ Di thì lại Đồng, Loạn thì lại Trị, Hoán tán thì lại Tuy tụ...* Câu này của Thoán truyện rất là sâu sắc: “*Khuê chi thời “dụng”, đại hĩ tai!* 睽之時用，大矣哉。” (Chỗ Dụng sự của thời Khuê, lớn vậy thay!) Là bởi chính có sự chống đối nhau (Khuê) mà hễ có Loạn liền có sự bù vào cái Loạn, là Trị. Hễ có động thì có phản động để lập lại quân bình. Động nhẹ thì phản động nhẹ, động mạnh thì phản động mạnh để lập lại quân bình *một cách tự nhiên* không cần phải có sức người xen vào!

Lão Tử bàn về “Khuê” có nói một cách rõ ràng về luật bù trừ tự nhiên này:

“*Khúc tắc toàn, Uống tắc trực,*

“*Oa tắc doanh, Tệ tắc tân,*

“*Thiếu tắc đắc, Đa tắc hoặc.*

曲則全, 枉則直,

窪則盈, 敝則新,

少則得, 多則惑。

(*Cái gì khuyết thì lại toàn;*

Cái gì cong thì lại ngay

Cái gì sâu thì lại đầy

Cái gì cũ thì lại mới

Ít thì lại được, nhiều thì lại mê.)

(Chương 22, Đ.Đ.K)

Phải chăng đây là muốn ám chỉ đến luật “Thừa trừ” hay luật “Quân bình” của Tào Hóa: “*Thiên chi đạo giả, tổn hữu dư nhi bổ bất túc*”. Hễ có Âm, liền phải có Dương để giữ cho Âm đừng thái quá hay bất cập, có lạnh ắt có ấm, có nóng ắt có mát... Sự mất quân bình trên không trung giữa Nóng và Lạnh tạo ra những luồng gió nhẹ, nếu có sự quá lạnh hay quá nóng thì có gió lớn để lập lại Quân bình đã mất giữa 2 vùng Nóng Lạnh.

Cho nên mới nói “*Thời Khuê có những công dụng to lớn của nó... Thời Loạn gọi đến sự Trị, nhân đó mà có những giải pháp Hòa bình!* có nhiều bậc Thánh Hiền ra đời!

Bởi vậy Nước với Lửa tuy “*Khue*” mà công hóa dục của chúng tương đồng. Trai và Gái tuy Âm Dương khác nhau, nhưng Trai và Gái lại chạy theo nhau cầu được tương thân tương ái một cách thiết tha. Tuy hai bên là Khuê mà càng cách xa, càng làm cho hai bên

thêm khăng khít. Tất cả mọi sinh vật trên đời... đại để đều như thế cả. *Những mâu thuẫn thu hút nhau.*[1]

Như thế, thì cái diệu dụng của thời Khuê to lớn làm sao ấy! Ví chẳng có Khuê thì làm sao có việc đi tìm sự thông cảm đại đồng? *Thường, cái chỗ càng nghịch nhau lại thấy càng khăng khít với nhau!*

Dịch, hay ở chỗ Âm Dương tương khắc mà lại cũng tương hòa, bạn và thù, thù và bạn đắp đổi nhau luôn, chứ không bao giờ có việc yêu thương và thù hận thiên thu: thương nhau lắm, cắn nhau đau. Một thi sĩ có viết: *“Toàn thể vũ trụ là một bãi chiến trường, trong đó trôi lên một băng Tình ca bất tận”* Người ta yêu nhau trong Địa ngục thắm thiết hơn trong cảnh Thiên đường!

Đại Tượng

Thượng Hỏa, Hạ Trạch: Khuê

Quân tử dĩ Đồng nhi Dị.

上火下澤，睽。

君子以同而異。

Trước đây, nơi Lôi Thoán nói đến *Dị mà Đồng*, nay lại nói *Đồng mà Dị*. Thì danh từ *Dị mà Đồng* hay *Đồng mà Dị* đều để nói lên nguyên lý *Nhất Nguyên luận* của Dịch Lý.

-
1. “*Les contraires s’attirent*”, là một luật tắc vô cùng quan trọng, kẻ học Dịch chớ bao giờ quên. Trong việc vợ chồng thường có sự khắc nhau, đến đổi có câu ngạn ngữ: *“Thương nhau lắm, cắn nhau đau!”* Thật vậy, có *Yêu* mới có *Ghen*... *Ghen*, là một cần thiết... nhưng cũng là một trở ngại, như Aurobindho Ghose đã nói theo Dịch: “*Quand nous avons dépassé les savoirs, alors nous avons la Connaissance. La Raison fut une Aide, le Raison est l’Entrave...*” (*Aperçus & Pensées*, 1938).

Như nói về Âm Dương, thế nhơn thấy theo Nhị Nguyên rằng Âm Dương khác nhau, tức là Hai cái khác nhau, không thể lẫn lộn với nhau. Thánh nhơn với cặp mắt Nhất Nguyên luận bảo rằng tuy thấy có Hai mà thực sự chỉ có Một.

Còn Đại Tượng thì nói *Đồng mà Dị*, là bảo tuy cả hai Đồng nhau (Một) mà sự thật cũng là Hai, vì mỗi bên đều có những đặc tánh không thể lẫn lộn với nhau được.

Ở đây chủ trương *Đồng mà Dị, Dị mà Đồng*, rất giống với chủ trương của nhà Phật: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc*” và “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”, một vấn đề siêu việt nhất của triết lý Đại thừa. (Đọc “Phật Học Tinh Hoa”).

Nói về vấn đề Xã hội học, thì “*Hai mà Một*” đây, là nói về *Trường phái Xã Hội*... còn bảo *Một mà Hai* là nói về *Trường Phái Cá Nhân*. Bởi thấy cá nhân quá ích kỷ, chỉ nghĩ đến mình mà không nghĩ đến kẻ khác nên Trường phái Xã Hội mới đề xướng chủ nghĩa lấy *Xã hội làm thực thể* mà cá nhân không có nghĩa gì cả. Trường phái Xã Hội thì chỉ nói “*Chúng tôi*” mà phủ nhận vấn đề có “*tôi*”... Bởi vậy Trường phái Xã Hội mới chủ trương chỉ có *Công* mà không có *Tư*, còn trường phái Cá Nhân thì chủ trương tất cả đều phải quy về cá nhân. Hai đối cực ấy đều do đầu óc Nhị Nguyên luận bày ra, làm loạn cả nhơn tâm thế sự.

Đại Tượng

“*Quân tử dĩ Đồng nhi Dị*” 君子以同而異. *Qué Khuê*, nói lên quan niệm Nhất Nguyên của Kinh Dịch, đã phá quan niệm Nhị Nguyên mà nói *Đồng mà Dị*, và *Dị mà Đồng*, cả Hai là Một. Giá trị của một Hội, bất

cứ lớn nhỏ gì, đều do giá trị của từng cá nhân trong đó! Hội Nhà Văn quan trọng là những cá nhân hội viên, nếu có được nhiều danh sĩ thì hội nhà văn ấy cao hơn tất cả các hội nhà văn khác gồm những văn sĩ hạng tầm thường! hay hạng bét!

Hay nói như Trang Tử, vấn đề Đồng dị này của quê Khuê đã được Trang Tử khai thác rộng rãi trong hai bài *Tiêu Diêu Du* và *Tề Vật Luận*, tức là quan niệm về *Tự do và Bình đẳng*.

Quan niệm *Bình đẳng của Trang Tử* khác xa quan niệm bình đẳng của xã hội, một thứ bình đẳng máy móc hình thức, là *san bằng mọi sự mọi vật, bất chấp luật bất bình đẳng tự nhiên trong vạn vật và con người!* Theo đó, sang, hèn, trí ngu, lớn nhỏ, trai gái... đều bị bắt buộc phải uốn mình sống theo một khuôn khổ luân lý, giáo dục, luật pháp giống nhau.

Tất cả mọi chế độ chánh trị, xã hội ngày nay mà cả từ xưa... đều ít nhiều quy định một cái gọi là “tận thiên mẫu” để làm tiêu chuẩn chung cho tất cả mọi hành vi tư tưởng con người trong cộng đồng, và bắt buộc phải tuân theo một cách máy móc không phép sai chạy! như thời xưa đòi Tần Thủy Hoàng đốt sách, chôn học trò, và chỉ cho phép đọc những gì chánh quyền cho phép đọc mà thôi, trái lệnh, đều bị tù, bị đày hay chôn sống! bên Hy Lạp có Sparte và chế độ của Lucurge.

Dịch, đề xướng tự do tư tưởng và bênh vực nhân quyền triệt để bằng cách đưa ra câu trong Đại Tượng quê Khuê: *Dị*, là “sự bất bình đẳng tự nhiên”.

Trong thời Khuê, phải cố gắng gìn giữ chỗ “dị biệt” của mình, đừng để cho những tư tưởng “cộng đồng” đàn áp và giết chết: “*bất dĩ Nhơn diệt Thiên!*”! Đừng

để Nhon, là nhon vị, là những ước lệ chung của xã hội giết chết Thiên Chân của mình! cốt yếu của cái học của Trang Tử là chỗ này!

Câu “*quân tử dĩ đồng nhi dị*” cùng đồng một ý với câu: “*quân tử hòa nhi bất đồng*”! “Hòa” là Đồng (của Dịch); còn “*bất đồng*” là chữ Dị của Dịch.

Tiểu Tượng

*Sơ Cửu: Hối vong, táng mã, vật trục tỵ phục,
kiến ác nhon, vô cữu.*

初九：悔亡，喪馬，勿逐，
自復，見惡人，無咎。

Hào Sơ Cửu, tuy là hào dương cương nhưng còn rất nhỏ yếu, ở nhằm thời “Khuê” lại hành động, dĩ nhiên chưa đủ sức nên bị có điều “hữu hối” (ăn năn).

Nhưng, có Tứ (đắc chánh) chính ứng với Sơ giúp sức, nên được “hối vong” không phải ăn năn (*Sơ Cửu, hối vong* 初九悔亡).

Tuy vậy, muốn lên mà đường đi lại có nhiều nổi nhiễu khê, bị Tam am bất chánh ngăn lại, khác nào kẻ đi đường lại bị mất ngựa (*táng mã* 喪馬), nhưng không sao trước sau gì cũng có Tứ sẽ đến tìm mình, rồi cũng sẽ tiếp tục đi được, nên hào từ căn dặn: đừng có chạy bắt ngựa làm chi, vì nó sẽ trở lại (*táng mã, vật trục, tỵ phục* 喪馬，勿逐，自復). Câu “*kiến ác nhon* 見惡人” (là ám chỉ hào Lục Tam) và bè lũ ác như nó.

Ở thời “Khuê”, bạn tốt, tuy có mà quá ít, còn tiểu nhon quá nhiều, vậy đừng chống đối chúng ra mặt, mà nên đi lại với chúng (*kiến ác nhon* 見惡人). Là tại sao khuyên như vậy? Là bị mình đang ở vào thời “Khuê”

đi lại với bọn tiểu nhơn chỉ là một thái độ “cầu an” để tránh sự thù oán của bọn tiểu nhơn *Kiến ác nhơn, dĩ “tị cữu” dã* 見惡人以辟咎也。 “*Tị cữu* 辟咎” là tránh cái họa do tiểu nhơn tiểu tâm ám hại.

Đây, là nỗi khổ tâm triền miên của người quân tử. Sống chung cùng kẻ tiểu nhơn, phải biết dè dặt, luôn luôn đề phòng, điều mà Dịch luôn luôn đề cao cảnh giác bọn người quân tử! Ngay ở thời quẻ Trạch Thiên Quải (số 43) là thời quân tử thịnh, tiểu nhơn suy vậy mà Thánh nhơn còn căn dặn: *Chớ thấy tiểu nhơn ít mà khinh thường!* Huống chi, đang ở thời Khuê quai, tiểu nhơn là cả một lực lượng đáng kể đang chống lại với bọn quân tử suy thoái!

Việc trong thiên hạ, thắng là nhờ ở lòng biết âu lo (ưu hoạn); bại, là bởi dạ hay xem thường xem khinh bọn tiểu nhơn có lực lượng to.

Biết Sợ, là nguồn của Phúc;

Xem khinh, là cửa của Họa!

Điều lành, chớ nên bỏ mất, mà việc ác cũng chớ xem thường mà để nó đến chỗ trưởng thành.

Nhà Tần, chỉ lo phòng ngừa Hung nô, cho xây Vạn Lý Trường Thành, khiến cho nhân dân đồ thán, chỉ sợ cái thế mạnh của Hung Nô mà xem thường cái khổ của bá tánh đang bị mình khu hiếp. Nhưng, về sau, Tần đâu phải mất vì rợ Hung Nô, mà mất chính quyền tại nơi triều nội đã để cho bọn gian nịnh lộng quyền, ngoài thì lòng dân đã chán ngán chỉ mong có ngày sụp đổ! Ôi! Xem thường lòng dân, “*lòng dân, mà nghĩa lý gì?*”. Đó là cái tâm bệnh đáng sợ của những chánh thể độc tài. Tâm sự của bọn độc tài là: “Không cần dân thương, cần nhất là dân biết sợ!”

Cửu Nhị: *Ngộ chủ, vu hạng, vô cữu.*

九二：遇主，于巷，無咎。

Tượng viết: *Ngộ chủ vu hạng, vị thất đạo dã.*

象曰：遇主于巷，未失道也。

Cửu Nhị là dương cương, đắc trung đắc chánh, ứng với Lục Ngũ âm nhu, đắc trung đắc chánh, như vậy, tốt biết chừng nào! Nếu ở thời như thời Thái, hoặc ở vào các thời khác... sáng sủa. Ở đây, lại ở phải vào thời Khuê quai, là “sinh bất phùng thời”, gặp phải thời của sự chống đối, quai lệt! Ngũ, vì vậy, có vẻ tránh né gặp Nhị bởi mình là Nhu mà Nhị là Cương. Cho nên Nhị phải tự mình đi tìm Ngũ (ngay ngoài ngõ hẻm (“ngộ chủ vu hạng” (chữ “hạng 巷” là ngõ hẻm). Chữ “ngộ” đây là nói một sự gặp gỡ tình cờ! Không phải như chữ “kiến 見” là đến viếng. Cần phải lưu ý kỹ đến lối dùng chữ của Dịch học. Ta thấy, ở thời thường mà lại đi ngang ngõ tắt, hoặc rình mò lúc nào bất thần để gặp bậc cao quý chí tôn, thì đâu còn là chánh đạo! Ở đây, có khác, đi ngang đi tắt để hội kiến với bậc cao quý mà hào từ lại khen là “vô cữu” (không lỗi), là không mất đạo (vị thất đạo dã 未失道也).

Ở bất cứ thời nào, nhất là ở thời Khuê quai, phải biết “kính quyền”! Câu chấp, không còn phải là Dịch nữa.

Lục Tam: *Kiến dư duệ, kỳ ngưi xiết, kỳ nhon thiên thả tỉ, vô sơ, hữu chung.*

六三：見輿曳，其牛掣，其人天且劓，無初，有終。

Tượng viết: *Kiến dư duệ, vị bất đáng dã.*

象曰：見輿曳，位不當也。

Có một số danh từ, cần định nghĩa trước mới có thể hiểu được hào tư này.

Chữ “*du* 輿”, là cỗ xe;

Chữ “*duệ* 曳”, là kéo lui lại, người kéo cho xe mình lui lại;

Chữ “*ngưu* 牛”, là con bò kéo xe, cần để ý phân biệt về chữ “*ngưu*”, theo Trung Quốc chữ “*ngưu*” là con bò, còn con trâu gọi là “*thủy ngưu*”, người chúng ta dễ thấy “*ngưu*” là dịch thành “con trâu” (là sai). Các bản dịch xưa nay, tôi thấy dịch sai (ngay ở “*Thập mục ngưu đồ*” của Thiên tông, người ta cũng đã dịch sai là “*Mười bức chăn trâu*”, mà phải dịch “*Mười bức chăn bò*” (người ngoại quốc lại dịch đúng. Họ dịch: “*Les dix tableaux du Domestiquage de la Vache*” (Jean Herbert). Chính cụ Phan Bội Châu, trong bộ *Chu Dịch*, cũng dịch: *ngưu là con trâu kéo xe* (trang 701). Còn các nhà sư dịch Thiên luận, Trúc Thiên và cả Tuệ Sĩ cũng dịch *Ngưu*, là Bò. Khi mà ngay, bộ *Từ Nguyên*, và cả quyển *Caractères Chinois* của P.Léon Wiegner (1924) đều viết về chữ *Ngưu* (trang 301) như sau:

“牛” (*ngưu*) là *Taureau, vache ou bœuf*.

Bộ *Từ điển Grand Dictionnaire Classique de la Langue Chinoise và Petit Dictionnaire Chinois – Français* của F.S.Couvreur cũng dịch *Ngưu, là Bò* (Bœuf, Vache).

Quyển *Petit Lexique Chinois – Annamite – Français* của Tây Dương (Hà Nội, 1932) cũng dịch *Ngưu, là Bò*. Riêng bộ *Hán Việt Từ Điển* của Đào Duy Anh là rõ ràng nhất, hoàn toàn căn cứ vào Bộ *Từ Nguyên*, nói rằng: “*Ngưu* 牛 là con Bò (ta đã nhận lầm chữ 牛 *ngưu*, là trâu. Chính con trâu, gọi là Thủy ngưu 水牛” (trang 53, Bộ Hạ, x.b. năm 1957 do Trường Thi xuất bản).

Sở dĩ có việc dài dòng nhấn mạnh về điểm này, là vì Con Trâu và Con Bò có 2 nghĩa khác nhau tuy đồng một loại. *Trâu thuộc Âm, kéo cày; còn Bò thuộc Dương, kéo xe trên đường bộ.*

Trên đây, nói về việc kéo xe, không thể gọi Ngưu 牛 là Trâu được! Cần sửa lại!

*
* *

Chữ “*xiết 掣*”, là cản lại, không cho lên;

Chữ “*thiên 天*” là người bị hình phạt *cắt mắt* hay *khắc chữ* vào mặt;

Chữ “*ti 鼻*” là hình phạt bị *cắt mũi*.

Ba chữ này, đều nói về sự *hình thương* nên đều có chữ “đao” một bên 刂.

Mặt, mũi đều bị thương cả!

Hào Lục Tam, là hào Âm --, lại cư dương vị, là bất chánh, tuy được chính ứng với hào Thượng Cửu, mà Thượng Cửu lại bất chánh (dương cư âm vị) nên cũng bất lục!

Nhưng, ở thời Khuê ly (bị ly tán) mà Lục Tam lại bị ở kẹt vào hai Dương, nên muốn đi lên thì dưới bị Nhị kéo lại, còn trước mặt, thì Tam bị Tứ cản lại nên sự đi tới thật là nhiều nỗi khó khăn!

Tam, bị kẻ trước người sau gây nhiều cản trở nên bị bắt buộc tranh đấu đến xô xát mà phải bị “dập mặt bẻ mũi” khác nào kẻ bị mắc phải những hình phạt *cắt mặt xẻo mũi*.

Nhị và Tứ là bọn tà tâm (dương cư âm vị cả) mà rốt

cuộc Tam và Lục vẫn cũng được hòa hợp với nhau, dù mình cũng là phường bất chánh. “Vô sơ, hữu chung”, là không có trước, mà lại có sau! 無初，有終。

Lời Tượng nói: “*Kiến du duệ, vị bất đáng dã*” 見輿曳，位不當也. Sở dĩ thấy xe mình bị kéo lui lại, là vì mình ở phải địa vị bất chánh (lục tam cư dương vị). Sau lưng kéo lại, phía trước bị chặn đường đi, chung quy bởi mình “bất đương vị” 不當位也. Còn như “vô sơ, hữu chung” 無初，有終 là dù bị trở ngại, nhưng sau cùng lại được cùng hợp với hào Thượng Cửu, đó là “ngộ cương dã”.

Cửu Tứ: *Khuê cô, ngộ nguyên phu giao phu, lệ vô cự.*

九四：睽孤，遇元夫，交孚，厲，無咎。

Tượng viết: *Giao phu, vô cự, chí hành dã.*

象曰：交孚無咎，志行也。

“cô”, là cô lập, đứng một mình.

“*nguyên phu*”, là ám chỉ hào Sơ Cửu

Tứ Dương bị cô lập (bị cặp giữa hào Tam và Ngũ)

Hào Tứ, bị cô lập (đứng cô lập giữa 2 hào âm cặp trên dưới, nên gọi “*Cửu Tứ khuê cô*”) nhưng lại gặp được hào Sơ Cửu là đồng chí tốt, có thể tin được! (*ngộ nguyên phu*), là gặp được nguyên phu, cho nên tuy “lệ” (nguy) mà “vô cự” (không lỗi).

Cửu Tứ tuy thuộc hào Dương nhưng Dương cư Âm vị, bất chánh, dưới chẳng có chính ứng, bởi Sơ lại là cũng một loại dương, còn mình thì lại bị lạc vào đám âm (nhị và ngũ), và nhất là ở thời Khuê quái (ai cũng xây lưng với mình) thì quả là “cô đơn” rồi!

Vậy, Tứ cần phải có bạn đồng tâm đồng chí (tức là hào Sơ) thì hoàn cảnh đỡ nguy, hào từ mới nói: “ngộ nguyên phu, giao phu” 遇元夫，交孚. Bạn đồng thanh đồng khí, tức cùng là bạn đồng hành nên hào từ nói thêm: “chí hành” 志行, và “giao phu, vô cữu” 交孚無咎.

Lục Ngũ: hối vong, quyết tông phê phu vãng hà cữu.

六五：悔亡，厥宗噬膚，往何咎。

Tượng viết: Quyết tông phê phu, vãng hữu khánh dã.

象曰：厥宗噬膚，往有慶也。

Sở dĩ gọi “Lục Ngũ hối vong” là vì Ngũ là Âm ở vị Dương, nhờ ở hào Ngũ mà được đắc Trung nên cũng được đắc Chánh nữa, và được chính ứng với hào Cửu Nhị, nên được “không gì ăn năn cả” (hối vong)!

Đâu phải nhờ tài âm nhu của Ngũ mà Ngũ làm nên việc đâu, mà chính nhờ đến cái tài dương cương của Nhị.

Câu “quyết tông phê phu”, là nói hào Sơ được ăn sâu vào Ngũ, như *Nhị cắn Ngũ, sâu đến thịt* (“Quyết tông” là chỉ hào Sơ).

Nhị, thâm nhập vào Cửu dễ dàng và sâu đậm như vậy nên sẽ được “phúc khánh” (*vãng hữu khánh*).

Như ở vào thời khác, thì Nhị Ngũ giao du kết hợp đâu có khó khăn như ở thời Khuê này mà Nhị phải đi lên đến Ngũ, gặp Ngũ ở ngoài hẻm hẹp (ngộ chủ vu hạng). Người ta sống đâu phải bất kỳ thời buổi nào cũng dễ, phải biết “tùy thời” như ở thời Khuê quai thì cái gì cũng khó khăn cả.

Thượng Cửu: *Thượng cửu khuê cô, kiến thi phụ đồ tải
qui nhứt xa, tiên trương chi hồ, phi cấu hôn cấu,
vãng ngộ vũ, tác kiết.*

上九：睽孤見豕負涂載鬼一車，
先張之弧，匪寇婚媾，往遇雨則吉。

Tượng viết: *Ngộ vũ chi kiết, quần nghi vong dã.*

象曰：遇雨之吉，群疑亡也。

Thượng Cửu, là kẻ đa nghi nhất thời Khuê nghi Tam ở khoảng giữa Nhị dương và e cho Tam bị cảm dỗ! Rồi lại nghi cả cho 2 dương đã dụ dỗ Tam (nghĩa là hào Nhị và Tứ; vậy thì, còn gì chạy khỏi sự nghi ngờ của Thượng Lục).

Đã nghi, sinh ra kỵ. Kỵ, là ghét! Mà càng ghét, lại càng nghi, thậm chí giữa thanh thiên bạch nhật mà lại nghi Tam đã chở cả một xe ma quỷ (*tải qui nhứt xa* 載鬼一車) và đã tính giương cung bắn Tam cho chết (*tiên trương chi hồ* 先張之弧), nhưng sau, khi Thượng Cửu thấy Tam đâu phải xấu, cả Tứ và Nhị cũng đâu phải là bọn bất thiện, lòng hối hận vì đã “nghi” lắm! Cho nên trước định giương cung bắn chết, sau hối hận nên để cung xuống và cởi ra, không bắn! (*tiên trương chi hồ, hậu thoát chi hồ*). Chẳng những hối hận, lại đâm ra thương, và thương đến đổi cùng Tam kết nghĩa vợ chồng (*phi cấu, hôn cấu*).

Hoàn cảnh này giống như hoàn cảnh của kẻ tâm tư bức rức như bị nắng hạn mà gặp được đám mưa rào... tốt đẹp sung sướng làm sao! (*vãng ngộ vũ, kiết*).

*
* *

Lẽ đời là thế: *hết tan thì hiệp, hết ghét lại thương, hết thù là bạn!* Như trước đây lời Thoán đã nói: “*Khuê chi thời dụng, đại hi tai!*” và lời của Lão Tử:

Khúc tắc toàn

Uống tắc trực

Oa tắc doanh

Tệ tắc tân...

(Khuyết thì lại trở thành toàn,

Cong thì lại trở thành ngay,

Sâu thì lại trở thành đầy,

Cũ thì lại trở thành mới...)

Hay muốn nói một cách khác cho rõ ràng hơn:

Hòng muốn thu lại, là sắp mở rộng đó ra,

Hòng muốn làm yếu đó,

là sắp làm cho đó mạnh hơn,

Hòng muốn vứt bỏ đó, là sắp làm hưng khởi đó,

Hòng muốn cướp đoạt đó, là sắp ban thêm cho đó.

(Tương dục hấp chi,

Tất cố trương chi.

Tương dục nhược chi,

Tất cố cường chi.

Tương dục phế chi,

Tất cố hưng chi.

Tương dục đoạt chi,

Tất cố dư chi...)

(Chương 36)

Chung quy, nói tắt một lời:

Hữu Vô tương sanh

Nan Di tương thành

*Trường Đoán tương hình
 Cao Hạ tương khuynh
 Âm Dương tương hòa
 Tiền Hậu tương tùy.
 (Có Không cùng sinh
 Khó Dễ cùng thành
 Cao Thấp cùng chiều
 Giọng và Tiếng cùng hòa
 Trước Sau cùng theo.)*

*
 * *

Tóm lại:

Thời “*Khuê*” khiến cho ta nhìn bạn như một con heo đầu dính bùn, ta tưởng bạn ta là cỗ xe chứa đầy ma quỷ... Vì vậy, ta sẵn sàng dự bị để tự vệ bằng cách nếu giết đi cũng được!

Té ra trong Âm ta không thấy có Dương... trong người thù, ta không thấy có người bạn...

Tất cả mọi sự việc trên đời, rồi đều “đầu vào đó” như khi ta bức rức nóng nực quá, gặp được cơn mưa to... chính là “*vật cực tắc phản, vật cùng tắc biến*”; “*Khuê quái*” mà đến cực độ thì *Dị* lại biến thành *Đông*, người thù biến thành người bạn! Có gì lạ?

Nhân loại từ xưa đến nay đều trải qua con đường Thượng Cửu của quẻ *Khuê*: *hôm qua là thù, hôm nay là bạn...* “*họa hề, phúc chi sở ỷ*”! Đó là cái nhìn *Tứ Tượng*.

39. THỦY SƠN KIẾN

水山蹇



“Kiến giả, nạn dã”

蹇者，艱也。

Do 2 quẻ *Khảm* (tượng một vực thẳm nguy hiểm trước mặt ta) và quẻ *Cấn* (tượng một ngọn núi cao vách đứng không sao leo qua được). Nghĩa là trước sau, ta bị hãm vào hoàn cảnh không tiến không thoái được (tiến thoái lưỡng nan). Tượng *những khó khăn, ngăn trở*, làm ngăn bước ta trong đời.

Thánh nhơn chỉ cho ta cách để vượt qua các khó khăn ấy nơi quẻ Kiến này.

*
* *

Trước quẻ Kiến, là quẻ Khuê quai (chống đối nhau), thù địch nhau, *Kiến là thời buổi đầy chông gai, gay go hiểm trở*, khác nào một vị tướng hành quân mà bị bao vây (*trùng vi*), thật rất nguy hiểm! Phải thật cẩn thận!

Thoán từ:

*Kiến, lợi Tây Nam, bất lợi Đông Bắc,
lợi kiến đại nhon, trinh, kiết.*

蹇利西南，不利東北，利見大人，貞，吉。

Quẻ Kiến, có lợi đi qua hướng Tây Nam, không lợi qua hướng Đông Bắc! Lợi mà đi gặp bậc đại nhon, giữ bên lòng trinh chính, thì dù có gặp gian nan bực nào, chớ quên cố giữ một lòng trinh chính, thì kết quả sẽ tốt (Kiết 吉). Có lợi gặp bậc Quý Nhân diu dắt từ bước một trên đường đời mới mong thoát khỏi sự truân chuyên.

Theo Hậu thiên Bát quái, hướng Tây Nam là hướng Khôn (đất đai bằng phẳng dễ đi), còn hướng Đông Bắc là hướng Cấn (núi non chón chở, đường sá gập ghềnh, khó đi). Cho nên “*Kiến thời*”, *lúc gặp nhiều nỗi gian nan trên đường đời*, cần tìm những con đường nào dễ đi, chớ tìm lấy những con đường nhiều khúc khuỷu.

*
* *

Trong các quẻ nói về tai nạn, có 3 quẻ chánh, là *Truân, Kiến, Khốn*.

Truân, là bắt đầu đi vào tai nạn.

Kiến, là khoảng chính giữa của tai nạn.

Khốn, là thời cuối cùng của tai nạn.

Có kẻ khuyên ta, lúc nào gặp tai nạn vào thời khoảng nào, thì lật Kinh Dịch, tìm xem trong quẻ ấy dạy ta điều gì?

Không phải như vậy! *Cả 3 quẻ này là Một*.

Tai nạn, đâu phải đợi lúc nó đến, mới tìm phương đối phó, mà phải biết phòng trước, tức là tìm hiểu những nguyên do nào tạo ra tai nạn, và phải nhập tâm trước các phương pháp trừ nạn, khác nào một võ sĩ đâu phải đợi bị người ta tấn công mới đi tìm phép đối phó! Phải luôn sẵn sàng! và chờ đợi một cách thản nhiên!

*
* *

Biết cách thoát nạn, đâu phải dễ, đâu phải ai ai cũng làm nổi! Chỉ có bậc Thánh nhơn mới có thể làm nổi việc này, vì Thánh nhơn là người đã biết trước những gì gây ra tai nạn mà phòng trước!

Như ngày xưa Phạm Lãi lúc hạ được nhà Ngô, liền bỏ ra đi, lại còn viết bức tâm thư gửi cho Văn Chủng chỉ cho cách thoát nạn trước! Vậy, mà bậc tài ba như Văn Chủng chẳng hiểu nổi, nấn ná đợi sự đền ơn trọng hậu của Việt Câu Tiễn, đến khi lâm nạn, thì không bề trốn thoát!

Hàn Tín được Khoái Triệt chỉ dạy cho cách thoát nạn tru diệt của Cao Tổ... thế mà Tín chẳng biết nghe theo để khi bị trói ở cung Vị Ương mới tỏ lòng hối hận!

Cho nên, hào từ khuyên “*lợi kiến đại nhơn*”, tức là *Thánh nhơn*, người mà Dịch khen là “*Tri tiến thối tôn vong chi đạo, nhi bất thất kỳ chánh giả, kỳ duy Thánh nhơn hồ!*” Phạm Lãi, Trương Lương học được cái đạo “*tri tiến thối tôn vong*” chứ cỡ Văn Chủng và Hàn Tín không làm nổi.

“*Lợi kiến đại nhơn*” là Văn Chủng phải nghe theo lời Phạm Lãi là bậc Thánh (đại nhơn); Hàn Tín phải nghe theo Khoái Triệt, cũng là bậc Thánh trí.

Như sau đây, ta thấy hào từ Đại Tượng khuyên: “Quân tử cần nhìn tượng quẻ Kiển mà *phản thân tu đức*”!

Đại Tượng

Sơn thượng hữu Thủy, Kiển.

Quân tử dĩ phản thân tu đức.

山上有水，蹇。

君子以反身修德。

Trên núi có nước, tượng quẻ Kiển. Người quân tử xem đó *quay trở về mình, lo tu đức*.

“*Phản thân tu đức*” là gì?

Tại họa đến cho ta, có phải vì tai họa do bên ngoài đến, hay do phần lớn tại mình? Lấy việc Hàn Tín bị Cao Tổ giết, là tại Cao Tổ hay tại Hàn Tín?[1] Phải chăng do sự kém sáng suốt về tâm lý của Hàn Tín, nên mới có

-
1. Hàn Tín và Bái Công cả hai đều vì *tham quyền* mới có sự lo thanh toán nhau? Có thể nói: Hàn Tín mà gặp Bái Công, chính Hàn Tín gặp Hàn Tín, còn Bái Công gặp Hàn Tín chẳng qua như Bái Công gặp Bái Công, nên đâu có ai có thể buông tha ai? Giả sử Bái Công mà gặp Trương Lương một con người siêu thoát xem phú quý như phù vân sẵn sàng rủ áo công hầu không màng ngôi vị thì Bái Công hại Trương Lương làm gì? Hai con chó con, đang đùa giỡn với nhau rất thân thiết... nếu ta thấy vậy mà thích thú, thì chớ có liệng cho chúng miếng xương vụn. Chúng lập tức, cắn nhau trối chết để giành miếng xương! Giữa Hàn Tín và Hán Vương bị có cái miếng xương vụn (là ngôi Thiên tử) nên Hán Vương không thể không ám hại Hàn Tín... Cả hai đều cho ngôi Thiên tử là quý... mới có cùng tranh, chứ với người như Trương Lương “công thành, thân thoái” thì Hán Vương đâu đi hãm hại Trương Lương làm gì! Hán Vương với Trương Lương không phải “cùng chí hướng”, gặp Hàn Tín mới là “cùng chí hướng” gặp nhau.

sự tranh khôn từ lời nói với Bái Công khiến có sự nghi ngờ, nhất là tài của Hàn Tín đáng sợ như quẻ Tù đã nói: “*Công cái thiên hạ bất thưởng; uy chấn Chúa giả, thân nguy*”! Lời nói của Khoái Triệt thật là *suốt lẽ*: “Tôi chịu cái ơn tri ngộ của Túc Hạ không nở để Túc Hạ lâm vào cái vạ tà đình!... Túc Hạ đóng quân ở đây mà Hán Vương bị Sở vây khốn ở Cố Lăng, mấy lần cho vòi mà Túc Hạ đều kháng cự không chịu về cứu. Bởi không còn có cách gì sai khiến cho nổi, bắt đắ dĩ phải sai Trương Lương đem hịch văn đến gia phong cho Túc Hạ làm Tam Tề Vương. Chia đất phong cho, đó là lấy lợi mà đắ miệng để Túc Hạ đem quân về giúp. Đâu phải vì Túc Hạ công to mà họ thưởng một cách tuyệt vòi như thế, thực chỉ muốn nhờ Túc Hạ phá Sở để đồ thiên hạ cho họ. Tôi chắc rằng thiên hạ sau khi bình định xong, họ sẽ không để cho Túc Hạ ngắ ngưỡng ngòi trên ngòi vương mà hưởng cái phúc thái bình đâu! Bây giờ họ sẽ nhớ lại cái thù mà Túc Hạ đã chống mạng bắt bí bây giờ, và họ lại còn lo Túc Hạ có chí đồ vương, họ sẽ quyết kế hại Túc Hạ đi để trừ cái bệnh trong tâm phúc, và mưu cái nghiệp vững bền cho con cháu. Vậy bây giờ chi bằng thừa lúc hai vương đều mỗi mệt cả, Túc Hạ một mình chiếm lấy đất Tề chia ba thiên hạ mà đứng thành chon vạc, mới có thể giữ thân vô sự. Chú, nếu không nghe lời tôi mà đi phá Sở, sau khi Sở mất, Túc Hạ sẽ không sao tránh khỏi cái vạ tà đình!”

Hàn Tín nói: “*Lời của Tiên sinh thực là suốt lẽ, nhưng lòng Tín này, thực không nở bội Hán!*”

*
* *

Phải chăng Hàn Tín vì tham phú quý, *thích tranh khôn, thấy ai hạ mình thì thích chí...* mà thành kẻ ngu muội!

Cho nên, tai họa sau này của Hàn Tín, đều do Hàn Tín mà ra cả, nếu Hàn Tín giống chí khí như Trương Lương, làm sao Bái Công hãm hại được? Lời của Đại Tượng bảo: “*Quân tử dĩ phản thân tu đức*” là thế! “Đức gì phải lo tu: *đức “minh”! đức “nhẫn”, đức “tri tiến thối tồn vong chi đạo nhi bất thất kỳ chánh*” của hàng Thánh nhơn! *đức “khiêm hạ” đừng ý tài mà tự phụ: tài như ta, thì ai làm gì ta!?*”

*
* *

“Tại nước Sở có người *học cầm lái thuyền!* Ban đầu, gặp lúc đi quanh hay đi thẳng, gặp lúc đi mau hay đi chậm, nhứt nhứt theo đúng theo lời thầy chỉ dạy.

Nhưng, đến lúc xem ông thầy biểu diễn một pha bỏ chèo, và chỉ trương buồm cho thuyền chạy mau như chim bay mây lướt, chỉ trong một phút có thể đi đến ngàn dặm. Chàng ta muốn thử phép chạy buồm một mình tại một khúc sông kia. Thời “may” làm sao! anh ta gặp phải nước cạn, gió êm, sóng lặng... nên thuyền đi theo ý muốn. Ôi! đâu biết, vì nhờ cái “may” mà làm được việc, anh ta hiu hiu tự đắc, tưởng rằng đã đạt được thuật lái thuyền đến mức tối cao rồi! Bèn tạ lễ thầy mà xin về!

Về mặt tự đắc, xem biển cả như ao đầm, xem hồ sâu như trong chén nước... mới đánh trống cho thuyền vượt thẳng ra mặt biển, lại đụng ngay vào chón sâu

thảm hiểm nguy, gặp sóng cao che lấp mặt trời, gặp con gió lốc dốc ngược biển như trút núi, sóng gió hung tợn quá đến đổi cá kình, rồng con cũng thất đảm, đều lo ẩn trốn! Chàng lái thuyền bấy giờ dáo dác ngó tu bề sóng cồn như giận dữ, tan mật, nát hồn, rớt lái, rồi chìm sâu vào bụng cá!

Cái tai họa của anh học lái thuyền này do đâu? Chắc chắn không phải do biển cả sóng cồn... mà chính là *do cái lòng tự kiêu tự đắc* của anh học lái thuyền không kinh nghiệm! chính cũng là cái “may” của anh nó hại anh vậy!

“*Họa Phúc do nhơn tự triệu*!” đừng đổ thừa do tai họa bên ngoài!

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Vãng kiến, lai dự.

初六：往蹇，來譽。

Hễ đi ra mà gặp Kiển nạn, thì hãy trở về là điều đáng khen.

Khi nào gặp nạn, đừng vội tiến lên, mà phải suy nghĩ lại cho kỹ, phải lo thoái lui là hay nhất, nhưng thật sự đâu phải chịu thua bỏ cuộc, mà nên dừng lại (tượng quẻ Cấn) trước sự nguy hiểm (tượng quẻ Khảm). Phải tránh cái đòn của địch, tránh sang một bên, thừa cơ tái chiến (như trong Nhu đạo). Đó là “dụng Nhu chế Cương chi đạo”.

Biết trước là phải gặp nguy, nếu theo Việt Câu Tiễn về triều ăn mừng thắng trận, nên Phạm Lãi đã biết cách “*vãng kiến, lai dự*” bởi “*công cái thiên hạ bất thương, uy chấn Chúa dã, thân nguy*” vì từ xưa tới nay

“sống chung trong cơn hoạn nạn thì dễ, mà sống chung tận hưởng phú quý, khó”.

Hào Sơ Cửu, là loại âm nhu, nên “thủ âm” tốt hơn, tức là “*công thành, thân thoái*” là hay nhất! Ngồi im lặng để chờ thời (*nghi đãi dã*).

Lục Nhị: *Vương thần kiến kiến, phi cung chi cố.*

六二：王臣蹇蹇，匪躬之故。

Tượng viết: *Vương thần kiến kiến, chung vô cữu dã.*

象曰：王臣蹇蹇，終無尤也。

Lục Nhị, đắc trung đắc chánh, được hào Cửu Ngũ chính ứng, đó là Nhị được Ngũ tin dùng và phó thác cho Nhị công việc tế Kiến phò nguy.

Nhị đây là một bực *vuong thần* đang gặp thời vận Kiến nạn mà phải tự mình đảm đương gánh vác việc thiên hạ.

Sở dĩ Nhị ra gánh vác việc nước, há phải đâu vì nghĩ đến bản thân của mình, mà là vì nước vì dân (*phi cung chi cố 匪躬之故*) (cung, là nói về riêng bản thân mình).

Tại sao hào từ hào Nhị, chỉ nói “*phi cung*” mà không thấy bàn về kết quả việc làm của Nhị? Cuối cùng, chỉ có 3 chữ “*chung vô cữu*” (kết quả không có gì đáng chê trách)!

Vói kẻ làm vì làm, không phải vì lợi ích tư riêng, thì người ấy làm một cách “*vô cầu*” đâu cần phải biết chắc được thành công mới làm! Là kẻ anh hùng thì đâu có thể lấy sự thành bại mà luận bàn: “*hưu trương thành bại luận anh hùng!*”

Nếu bảo, chỉ có thành công mới được gọi là anh hùng, thì Jésus, Socrate... không phải anh hùng! Thua xa những bọn gian hùng cướp nước hay sao?

Cửu Tam: *Vãng kiến, lai phản.*

九三：往蹇來反。

Tượng viết: *Vãng kiến lai phản, nội hỉ chi dã.*

象曰：往蹇來反，內喜之也。

Hào Tam, Không như hào Nhị.

Nhị, do lệnh của hào Ngũ giao phó; còn Tam không lãnh phận sự gì cả, chỉ là người cầm đầu một gia đình và vì thương gia đình mà ra đi, để chống lại thời Kiển.

Các người trong gia đình chỉ còn trông đợi một mình Tam mà thôi, đó là hào dương duy nhất của nội quái, cho nên Tam không lợi gì mà phải liều thân nơi hiểm địa (quẻ Khảm ở trên) cứ trở lại nhà đi, đóng vai trò cột trụ gia đình, sẽ được người trong gia đình hoan nghênh! Nên mới nói: “*Vãng Kiến*” đi ra gặp khó khăn, thì trở về “*lai phản*”; thì cả nhà đều vui mừng (*nội hỉ chi dã*) (“Nội” đây, là nội quái, có 2 hào âm) là nơi trú ẩn.

Lục Tứ: *Vãng kiến, lai liên.*

六四：往蹇來連。

Cũng do 2 chữ “vãng” và “lai”, đi tới, rồi trở lui.

Tứ mà tiến lên, gặp trở ngại; mà trở về gặp được chỗ liên hợp, âm gặp dương ở dưới (Tứ ngộ Tam).

Tứ, nếu biết thối lại giao kết với Tam bên mình, thì Tam sẽ còn dẫn theo nhị âm để thêm vây cánh, lập

thành đảng lớn! việc cần phải làm để chống nạn Kiến. Lên, thì hư vì tiến sâu vào hiểm trạng.

Cửu Ngũ: Đại kiến, bằng lai
九五：大蹇朋來。

Tượng viết: Đại kiến bằng lai, dĩ trung tiết dã.
象曰：大蹇朋來，以中節也。

Tại sao lại gọi là “Đại Kiến”?

Là bởi Cửu Ngũ là hào chí tôn, lại ở giữa “Khảm hiểm” nữa, thì nguy hiểm không biết chừng nào! Đó, chẳng qua là một cột đá đứng giữa dòng sông mạnh, một cội cây to đứng sừng giữa trận gió thu, dù Ngũ có tài dương cương đến đâu, cũng khó thoát khỏi tai họa to của thời Kiến!

May, là Ngũ được có Nhị có đức trung chánh sẵn lòng giúp cho, ắt còn dẫn thêm bè bạn đến tiếp giúp Ngũ khá đông! Tự mình đắc trung đắc chánh lại có được bạn trung chánh giúp mình, thật là điều đáng mừng hết sức! (*bằng lai* 朋來)

Tuy nhiên, Ngũ dù là dương cương có tài, nhưng mà chung quanh những kẻ giúp Ngũ, trừ Tam là hào dương cương, còn thì đều là âm nhu như Sơ, Nhị, Tứ nhu nhược bất tài, chỉ có một mình Ngũ là dương cương đắc trung đắc chánh trội hơn hết, thì làm sao làm nên công nghiệp phi thường? Cho nên, hào từ không có chữ “Kiết”, chữ “Khánh” gì cả!

Phải chăng ý của Thánh nhân thật là thâm sâu viên lự thế nào! Chỉ có 2 chữ “*bằng lai* 朋來” mà thôi! Mà đó là những hạng “bằng” nào? Nếu “bằng” là những kẻ bằng mình thì không sao, vì “ba cây chụm lại nên hòn

núi cao”, rủi mà những “bằng hữu” này lại quá tầm thường, thì *nhieu* mà làm gì? chỉ *nhieu* ăn hại thôi, chứ có giúp ích gì cho Ngũ.

*
* *

“Vũ hầu nước Ngụy cùng với quần thần bàn việc; việc gì bàn, quần thần không ai bằng Vũ hầu cả.

Lúc lui châu, Ngụy Vũ Hầu ra về hiu hiu hóm hỏ!

Ngô Khởi, người đã soạn ra bộ Ngô Tử Binh Pháp bèn tiến lên thưa:

- Cận thần đã có ai đem chuyện Sở Trang Vương nói cho Nhà Vua nghe chưa?

Vũ Hầu hỏi:

- Câu chuyện Sở Trang Vương là như thế nào?

Ngô Khởi thưa:

- Khi Sở Trang Vương bàn việc mà hơn tất cả quần thần, lúc lui châu gương mặt buồn bã âu lo. Có người hỏi: Sao Nhà Vua lo âu buồn bã thế? Sở Trang Vương nói: Ta bàn việc mà quần thần không ai bằng ta cả, cho nên ta lo. Cổ nhân có nói: Các Vua chư hầu, ai có Thầy giỏi làm đến Vương đế; ai có bạn giỏi hơn mình, thì làm đến Bá; ai bàn việc mà không còn ai bằng mình, thì mất nước!

Ta nghĩ: Ngu như ta mà quần thần không ai hơn ta, nước ta toàn là một lũ ngu, nước ta có lẽ sắp mất rồi chẳng? Nên ta rất lo!”

*
* *

“Vua nước Yên, là Chiêu Vương, sau khi khôi phục được nước Yên đã bị tàn phá, lên ngôi, hạ mình dùng lễ cực hậu để chiêu hiền! Mới đến hỏi Quách Ngỗ!

Quách Ngỗ nói:

- Bậc *Đế* thân cận với các bậc *Thầy*, với các bậc *Su* phó; bậc *Vương* thân cận với bạn bè ngang tài với mình; bậc *Bá* thì thân cận với bầy tôi; còn những ông *Vua mất nước* thì thân cận với bọn đầy tớ nô lệ mà muôn việc phán ra đều vâng vâng dạ dạ chẳng bao giờ có ai dám chống nghịch!

Chịu khuất tiết mà thờ người Hiền, quay mặt về hướng Bắc mà thụ giới, thì người giỏi gấp trăm mình sẽ đến với mình. Tiến trước người ta, nghỉ sau người ta, chịu hỏi han người ta trước, rồi sau lặng im mà nghe người ta, thì những người giỏi gấp mười mình sẽ đến với mình; người ta tiến trước, mình tiến sau thì những kẻ ngang ngửa tài mình, sẽ đến với mình; còn ngồi dựa ngửa trên ghế cao, cầm cái trượng, chỉ liếc ngang liếc dọc mà sai bảo người ta, thì những kẻ tôi tớ xin xỏ sẽ đến với mình; còn như dùng tàn bạo đánh đập người ta, giậm chon, múa tay, la hét, mắng nhiếc người ta, thì bọn nô lệ mới tới với mình!

Đó là phép hành đạo và cầu hiền của người xưa vậy”.

*Thượng Lục: Vãng kiến, lai thạch, Kiết,
lợi kiến đại nhon.*

上六：往蹇，來碩，吉，利見大人。

*Tượng viết: Vãng kiến lai thạch kiết, chí tại nội dã,
lợi kiến đại nhon, dĩ tùng quý dã.*

象曰：往蹇，來碩吉，志在內也，
利見大人，以從貴也。

Kể về tài, thì đầu bằng Cửu Tam, Kể về đức thì đầu bằng Cửu Ngũ, còn kể về âm nhu thì đầu bằng Sơ, Nhị, Tứ. Nhưng có sao các hào không có hào nào được chữ *Kiết*, mà chỉ có Thượng Lục là được “*Kiết*”?

Là vì Thượng Lục ở vào thời *Kiến* lúc cùng cực của *Kiến* nạn, mà hễ “*vật cực tắc phản*”, “*vật cùng tắc biến*”, mà “*biến tắc thông*”, “*thông tắc cửu*”.

Như trên đã nói: thời *Kiến*, “*lợi kiến đại nhon*”, có lợi mà tìm được *những bậc Thầy để thờ! bậc Thánh nhon để mà thọ giáo!*

Nay Thượng đã được có bậc Thầy, lại là bậc tôn quý (hào Cửu Ngũ), và toàn quẻ, chỉ có hào Ngũ này là tài đức vẹn toàn, lỗi lạc nhất! Vậy thời “vãng kiến” nên trở lại quay về bậc cao lớn nhất, để cả tâm chí vào đó, một lòng từng phục bậc đại quý ấy (*dĩ từng quý dã 以從貴也*).

*
* *

Hán Cao Tổ một mực nghe theo Trương Lương; Võ Vương một mực nghe theo Khương Thượng; Lưu Bị một mực nghe theo Gia Cát; Việt Câu Tiễn một mực nghe theo Phạm Lãi lúc thọ nạn ở Cối Kê; Tề Hoàn Công một mực nghe theo Quản Trọng... đó là “*dĩ từng quý dã*” nên được “*Kiết*”.

40. LÔI THỦY GIẢI

雷水解

giải tán, giải phóng, giải thoát.



“Giải giả, tán dã”

解者，散也。

Trước là quẻ “Kiến nạn”, nhưng nạn cực lại biến ra tốt, tức là “*tai qua nạn khỏi*”, nên tiếp theo là quẻ *Giải*, nghĩa là được giải thoát.

Tượng quẻ do 2 quẻ Chấn (Lôi) và Khảm (là mưa Vũ), có cả *Lôi Vũ* (mưa to có sấm sét, *làm tan đi bầu không khí nóng bức*).

Mưa và Sấm, làm tan hết thủy khí uất nặng nề, *giải cả thủy sự bức nhiệt*, bầu trời trở nên trong sạch mát mẻ. (Xen quẻ *Lôi Địa Dục*, số 16).

Thoán từ:

Giải, lợi Tây Nam, vô sở vãng, kỳ lai phục, kiết.

Hữu du vãng, túc kiết.

解利西南，無所往。其來復吉，
有攸往，夙吉。

Giải, là giải tán, là giải phóng. Đây, là thời mà các sự rắc rối, phiền phức, căng thẳng đã bắt đầu giải tỏa.

Là thời mà ta phải biết mau mau lo phục hồi nếp sống bình thường và yên ổn đã bị cuộc ly loạn làm tan nát. Đó là xây dựng lại lập tức để đem lại sự an cư lạc nghiệp cho dân chúng, đó là ý nghĩa của câu “lợi Tây Nam” tức là hướng mà mặt đất bằng phẳng nhất, yên ổn nhất.

Không khác nào sau một cơn bực bội khô hạn, có được một cơn mưa rào, làm tan hết sự nóng bức ngột thở!

Có điều quan trọng nhất, ở những thời này không nên lo nghĩ đến những công việc viễn vông xa xôi hoặc lo lắng các cuộc kiến tạo xa vời, mà phải gấp lo cho việc an cư lạc nghiệp cho dân, vấn hồi lập tức sự an ninh và xây dựng ngay những gì đã bị đổ nát. Người dân cần được có nhà ở, có cơm ăn, có áo mặc, người dân chưa cần được nhớn như phú quý đài các hay được hãnh diện là dân một nước có danh tiếng hay một cường quốc, mà đang chờ đợi được phục hồi những gì đã mất, một cách mau chóng chùng nào hay chùng nấy!

Đại Tượng

Lôi Vũ tác Giải.

Quân tử dĩ xá quá hữu tội.

雷雨作解。

君子以赦過宥罪。

Mưa và Sấm, tạo ra quẻ Giải.

Người quân tử xem đó mà ân xá hết thảy mọi người, dù gặp phải đũa có tội ác, cũng tha bổng luôn, như ân Trời mưa xuống cho cả thiên hạ, làm cho nhuận Trạch muôn loài!

Tuy mưa gió sấm sét làm cho người cảm thấy sợ, mà kết quả lại rất hay, là quét sạch không khí làm cho bầu trời trở nên *trong sáng và mát mẻ khỏe khoắn hơn*. Người quân tử cũng một thế: đại xá tất cả thiên hạ, tha bổng các tội lỗi...

Thói quen này khiến các Vua Chúa xưa bên Trung Quốc, hễ lâm quốc nạn hoặc thiên tai hay bệnh dịch... hay *ban lệnh Đại Xá để tạ tội với Trời Đất*. Các “uế khí” tập kết biến thành “độc khí” chẳng những do các vi khuẩn mà cũng do oán khí tụ thành độc khí mà người ngày nay gọi là “siêu vi khuẩn”... Sự ân xá là phương pháp làm tiêu các uất khí của con người bị giam cầm lâu ngày trong các ngục thất, người xưa tin như thế!

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Vô cữu.
初六：無咎。

Tượng viết: Cương nhu chi tế, nghĩa vô cữu dã.
象曰：剛柔之際，義無咎也。

Sơ Lục, là thời ban đầu của thời Giải: Nên yên lặng, nghỉ ngơi mà đừng đa đoan tạo thêm việc cho nhon sinh. *Sơ Lục là âm nhu bất chánh, là đưa tiểu nhon.*

Người thì thuộc Âm mà xử vào vị Dương, cho nên không nên cử động gì cả. Hào từ chỉ nói “vô cữu” (không lỗi) chứ không thêm một lời nào cả!

Cửu Nhị: Điền hoạch, tam hồ, đắc hoàng thi, trinh, kiết.
九二：田獲三狐。得黃矢，貞吉。

Tượng viết: Cửu Nhị trinh kiết, đắc trung đạo dã.
象曰：九二貞吉，得中道也。

Cửu Nhị, là hào đặc trưng đặc chánh, chính ứng với Lục Ngũ (vị nguyên thủ).

Nhưng Ngũ là chất âm nhu, nên đức minh dễ bị che lấp, sự uy nghiêm dễ bị xâm phạm, sự phán đoán thiếu cương quyết dễ bị mê hoặc, dễ bị bọn tiểu nhon ở gần làm lung lạc, hướng chi thời hoạn nạn mới vừa giải tán và cuộc trị loạn đang mới bắt đầu, nên Cửu Nhị ra gánh vác hết trách nhiệm ắt trừ được tiểu nhon nếu được Ngũ cương quyết giao phó trách nhiệm và ban bố quyền hành thực sự (nên nhớ: Nhị là dương cương đặc chánh đặc trưng).

Lấy việc đi săn làm thí dụ... Đi săn là làm công việc đi loại trừ đám tiểu nhon... Nói rằng, đã săn được 3 con hồ (cũng gọi là con cáo, một thú thú vật giảo hoạt nhất trong loài thú), tượng 3 hào Âm (dĩ nhiên phải trừ hào âm của Lục Ngũ vì Ngũ đặc trưng đặc chánh). Săn mà bắt được 3 con cáo là hết sức tốt nên được tặng “mũi tên vàng” (hoàng thí). Chữ “hoàng” là màu vàng, màu của Trung ương Thổ, màu tượng trưng của các bậc Vua Chúa.

Hào từ khuyên “*trinh, kiết*” là nên gìn giữ kiên cố lòng trung trinh với sứ mạng, vì *Nhị đây là cột trụ của “nội an”* (*nội quái* là quẻ Khảm) hào Nhị là chủ quái, nên mới gọi là “*nội an*”.

Ở địa vị này rất quan trọng, mà cũng rất khó khăn! Nếu không phải là hạng người “chí công vô tư”, thiếu Trung Chánh, thì càng thêm tai hại cho việc nội an, gây thêm loạn thay vì đem lại sự bình trị, là vì quyền hành sánh ngang với vị nguyên thủ, nếu không tác phúc thì tác họa kinh khủng! “hà chánh mãnh ư hồ!”.

Cửu Nhị trinh kiết, là nhờ ở được chỗ “trung đạo”,

một vị thánh non của thời Giải, đó là đệ nhất Giải Thần vậy. Người Trung Hoa đã khéo tượng trưng người này qua hình ảnh Bao Long đồ trào nhà Tống!

Lục Tam: *Phụ thả thừa, trí khấu chí, trinh lần!*

六三：負且乘，致寇至，貞吝。

Tượng viết: *Phụ thả thừa; diệp khả xú dã.*

Tự ngã trí hung, hựu thù cữu dã.[1]

象曰：負且乘，亦可丑也，
自我致戎，又誰咎也。

Lục Tam, vẫn là âm nhu, lại âm cư dương vị bất chánh bất trung, là *hạng tiểu non* mà lại leo cao, đứng trên hết các hào quẻ Khảm, có khác nào một tên dân phu khiên vác mà lại được ngồi chễm chệ trên xe (tượng làm một vị quan to), đó phải chăng là tự vời họa đến cho mình, khác nào mình “vời bọn trộm cướp đến” để đánh cướp mình.

Dịch, thường nhắc đi nhắc lại: “*Trí thiếu, vị cao, tiến bất cập hi!*” Đây cũng là cái nạn của chế độ dân chủ quá khích thường đem Trí và Ngu đặt ngang hàng! bằng thuyết “*bình đẳng san bằng nhất luật!*”

Cửu Tứ: *Giải nhi mẫu, bằng chí tư phù![2]*

九四：解而拇，朋至斯孚。

-
1. “*Phụ 負*”, là bọn chuyên về việc khuân vác; “*thừa 乘*” là ngồi chễm chệ trên xe, nghi tiết sang trọng dành cho kẻ có quyền bính to.
 2. Mẫu 拇: là ngón chơn cái tượng hào Sơ Lục. “*Giải nhi mẫu*” là hãy cắt đứt ngón chơn cái đi.

Tượng viết: *Giải nhi mẫu, vị đáng vị dã.*

象曰：解而拇，未當位也。

Cửu Tú có tài dương cương, lại ở vào thể quẻ Chấn (ngoại Chấn) cận với hào Lục Ngũ là vị Nguyên thủ, và như vậy Tú là người quân tử đắc thời. Nhưng vì chính ứng với hào Sơ Lục là đứa tiểu nhon tài hèn, đũa bạc, bất trung bất chánh, âm nhu hiểm hóc, nên bọn người quân tử không ai dám thân. Cho nên, nếu Tú muốn được cùng người quân tử thân thiết, phải cương quyết đoạn tuyệt với kẻ tiểu nhon, là Sơ Lục! Tiểu nhon mà lánh xa rồi, thì người quân tử mới đến với mình: “*bằng chí tư phù 朋至斯孚*” như Dịch thường bảo: “*các từng kỳ loại 各從其類*” (quẻ Kiên, hào Cửu Ngũ).

“Giải nhi mẫu 解而拇” là hãy cắt đứt ngón chon cái đi, tức là phải dứt khoát xa lánh Sơ Lục đi! Tại sao, lại nhấn mạnh và dứt khoát như thế, là vì Tú tuy tốt, mà chưa hẳn tốt bởi Tú là dương, nhưng hãy còn là “dương cư âm vị” chưa phải là “đương vị” (hay chánh vị của mình) nên e có khi nhẹ dạ, không nỡ dứt khoát tu tình?

Lục Ngũ: *Quân tử duy hữu Giải,*

Kiệt, hữu phu vu tiểu nhon.

六五：君子維有解，

吉，有孚于小人。

Tượng viết: *Quân tử hữu Giải, tiểu nhon thoái dã.*

象曰：君子有解，小人退也。

Nhìn toàn quẻ, ta chỉ thấy có Nhị Dương, còn tất cả là Âm, mà Ngũ, dù sao, cũng cùng một loại âm, ai mà không nghi ngờ?

Có điều Ngũ là bậc chí tôn, lại làm chủ thời Giải, thật rất quan trọng! nên thánh nhơn lo cho Ngũ mà răn đe rằng: Chớ luyến tiếc, mà phải can đảm *dứt tuyệt với bọn tiểu nhơn cho gấp!* gấp giải tán bọn tiểu nhơn liền, và *chỉ* có cách đó thôi mới tốt! (*quân tử duy hữu giải, kết*).

Muốn biết Ngũ là tiểu nhơn hay quân tử, cứ nhìn bọn chung quanh, hễ *tiểu nhơn* mà còn, thì Ngũ là *tiểu nhơn*; trái lại, nếu tiểu nhơn không còn dám lân la thân cận với Ngũ nữa, Ngũ mới thật là người quân tử!

Cho nên lời Tượng quả quyết: “*Quân tử hữu giải, tiểu nhơn thối dã* 君子有解，小人退也。”.

Ngũ, phải sớm dứt tuyệt với chúng, chứ có bao giờ chúng bỏ Ngũ? Chúng là bọn ăn bám để gì chúng lại buông tha!

Thượng lục: Công dụng xạ chuẩn vu cao dung chi thượng; hoạch chi, vô bất lợi.[1]

上六：公用射隼于高墉之上，
獲之，無不利。

Tượng viết: Công dụng xạ chuẩn dĩ giải bội dã.

象曰：公用射隼，以解悖也。

Thời Giải đã đến cùng rồi...

Trên bức tường cao, con chim ưng đang đậu, tượng một con người tầm thường nhưng đã được đưa lên một

1. “Xạ”, là bắn; “Chuẩn” một loại chim rất mạnh và dữ; “cao dung 高墉” là bức tường cao; “hoạch” là bắn hạ được! “Công”, là một vị hàng công tước, quan lớn; Chữ “bội 悖” là bội loạn (chữ “bội” này ở ngoại quái, là chỉ giặc cướp ở phía ngoài rồi!)

địa vị cao và có nhiều thế lực, và chính hắn làm cản trở sự giải thoát giải nạn dân chúng!

Mục đích là phải bắn hạ cho kỳ được tên độc ác này, phải bắn cho chết con chim ưng này! nên đã dự sẵn cung tên giấu bên mình, đợi lúc thuận tiện thì bắn!

Chim ưng đậu trên tường cao, là tên tặc đã ra ngoài rồi, nhưng vẫn còn đậu trên tường, đủ biết nó còn đang ngạo mạn chưa chịu bay đi hẳn!

Con chim ưng có bị hạ, thì thời Giải mới hoàn tất!

41. SƠN TRẠCH TỔN

山澤損

Bớt đi, giảm đi



Ngoại Khôn, biến hào ba thành ngoại Cấn. Và như thế, *Thái biến thành Tốn!*

Xem quẻ *Tốn*, phải xem luôn quẻ *Ích*, vì *Tốn* là bớt, còn *Ích* là thêm... hai quẻ này bổ túc cho nhau, khi bàn đến chỗ hay dở của 2 quẻ này!

*
* *

Có thể, với 2 quẻ này, Dịch Kinh muốn đề cập đến sự thiết lập một cơ chế khả dĩ tương đối vững bền! theo chủ trương của Lão Tử: “*Quý dĩ tiện vi bốn; cao dĩ hạ vi cơ*” và “*Tốn hữu dư, bổ bất túc!*” (chương 39).

Con người lúc an ổn dễ quên lo nghĩ đến họa hoạn, nên lơ đãng dễ bị hại mà không phòng trước; còn lúc nguy khốn thì rất chu đáo lo lắng phòng loạn nên dễ tránh được. Dịch, khuyên ta luôn luôn phải biết phòng trước nhất là ở trong cảnh an nhàn ổn định (*an giả, bất vong kỳ sở nguy*). Là vì cái đáng sợ, là cái họa đang

ẩn tàng trong cái phúc, nó thường phát ra trong những lúc ta đang hưởng hạnh phúc tuyệt vời! “*Phúc hệ Họa chi sở phục*”! Nền Dịch thường khuyên ta: “Ngụy giả sử bình, dị giả sở khuynh” cũng như câu “Sinh ư tru hoạn; tử ư an lạc”!

*
* *

Bản tánh loài người là *ham sướng sợ khổ* và thích thụ hưởng khoái lạc! Có điều đáng sợ, là được thỏa mãn bất kỳ thị dục nào, lại không bao giờ biết đủ mà dừng (tri túc, tri chí)! Mà hễ đầy quá phải đổ, nguy là lúc đó! Chính ở chỗ *không biết tiết dục* mà họa hoạn sinh ra liên miên bất tận. Vì vậy mà cái khổ không bao giờ dứt được trên cõi đời này. *Cái hạnh phúc của con người, là ở chỗ thiếu thốn, chứ không phải ở chỗ đầy đủ*: có đói ăn mới thấy ngon, nhưng kẻ khôn, khi ăn để thỏa mãn cái đói, chỉ nên ăn có chừng mực thôi, người ta dạy: *đừng ăn no, nhất là no quá!* Lúc ngưng ăn, bụng hãy nên có hơi đói đói! Thế mà việc rất tầm thường ấy, mấy ai làm nổi! Há chỉ có bậc Thánh nhơn mà thôi ư?

Thật vậy, chỉ có bậc Thánh nhơn mới biết “*tri túc tri chí*”! mới học được câu “*tốn chi hữu dư, bổ chi bất túc*”. Quẻ *Tốn* và quẻ *Ích* dạy ta điều ấy!

Thoán từ:

Tốn, hữu phu nguyên kiết, vô cự.

Khả trinh, lợi hữu du vãng

損有孚，元吉，無咎。

可貞，利有攸往。

Hạt chi dụng, nhị quĩ khả dụng hưởng.

曷之用，二簋可用享。

Như đã nói: *Tổn, gốc là quẻ Thái*. So sánh quẻ Thái, ta thấy nội quái là quẻ Kiền, (tổn hạ Kiền hào ba, đem bù lên hào ba quẻ Khôn phía trên, thì thành quẻ Tổn. Đó là “*tổn hạ ích thượng*” (bớt dưới, bù lên trên, tức là bớt của dân mà thêm cho cấp lãnh đạo), chỗ mà Lão Tử, nơi chương 53 viết (và *ché* là *đạo của bọn “đạo tặc”!*)

“Triều đình lộng lấy thật,

Mà ruộng nương đầy cỏ hoang,

Còn kho đựng thì trống trơn.

Áo quần sang trọng thật,

Đeo kiếm bảo,

Ăn uống chán,

Của cải có thừa...

Nhưng đó là đường lối của “đạo tặc”

Đâu phải đường lối của đại Đạo”

朝甚除，*Triều thậm trừ*

田甚蕪，*Điền thậm vu*

倉甚虛，*Thương thậm hư*

服文綵，*Phục văn thái*

帶利劍，*Đái lợi kiếm*

厭飲食，*Yếm ẩm thực*

財貨有餘，*Tài hóa hữu dư*

是謂盜夸，*Thị vị (đạo khoa)*

非道也哉。*Phi đạo dã tai!*

*

* *

Phàm việc *bớt dây cho đó*, khi nào *dây dư mà đó thiếu*. Đạo Trời thì “*bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu*” (tổn hữu dư, bổ bất túc). Nếu không như Đạo Trời mà làm trái lại: “*Tổn Hạ ích thương*” Lão Tử cho đó là “*đạo của người đạo tặc*” (*đạo khoa*).

“*Thiên chi Đạo, tổn hữu dư nhi bổ bất túc.*”

“*Nhơn chi đạo, tắc bất nhiên:*”

“*Tổn bất túc dĩ phụng hữu dư.*”

(Chương 77, Đ.Đ.K)

(*Đạo của Trời: Bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu.*)

Đạo của Người không phải vậy:

“*Bớt chỗ thiếu,*

“*Bù chỗ dư.*”)

Bởi vậy, kẻ giàu, giàu thêm, kẻ nghèo, nghèo thêm. Xã hội vì vậy mà chệnh nghiêng, họa chiến tranh vì đó mà diễn ra giữa những giai cấp cùng đỉnh và phú hào!

*
* *

Tuy nhiên, cũng nên biết “*tùy thời giai hành*”! Và như đã nói trên đây, phải công bình như Đạo Trời: “*bớt dây cho đó*”, khi nào *dây dư mà đó thiếu thực sự!* để đừng mất quân bình!

Đừng bắt dân phục dịch và vợ vét của dân đến tận xương tủy... thì coi chừng, như Đại Tượng sau đây đã cảnh cáo: “*Son hạ hữu trạch, Khuynh!* 山下有澤, 傾。” “*Khuynh*” là đổ nát!

Đại Tượng

Sơn hạ hữu trạch, Tổn.

Quân tử dĩ trùng phạt trất dục.

山下有澤，損。

君子以懲忿窒欲。

Dưới núi có đầm, là cái tượng “*tổn hạ ích thượng*” vét đất trong đầm mà đắp núi phía trên: núi mà cao, đầm cạn đất, lâu ngày phía dưới núi chỉ còn một lỗ hồng trống trơn, thì núi cao phải đổ nát! Hạ từng cơ sở mà bị vét cạn, thượng từng cơ sở làm gì tồn tại? Ngay nội Đoài mà bị vét sạch hào âm, sẽ biến thành Khô Kháo.

*
* *

Người quân tử xem tượng này mà nghĩ đến sự tổn những gì “*hạ đẳng*” trong thân mình để phục vụ cho những gì “*cao cả*” nhất của mình, đó là “*trùng*” những nguyên nhân gây bất bình phần nộ (“*trùng phạt*”, phạt là những sự bất bình phần nộ) do lòng tham dục vô bờ bến gây nên. Phải lo “*trùng phạt trất dục*” cố mà *đề nén đừng cho dục vọng nổi lên* (răn sự giận, lấp lòng dục).

Đứng về phương diện *Dưỡng sinh*, điều *cấm kỵ nhất*, là *sự giận dữ*. Theo Khoa dưỡng sinh, *một con thịnh nộ sẽ làm tiêu hao nguyên khí đến đổi cả ba tháng “tĩnh tọa” cũng không sao bù đắp kịp!*[1] Trong Đơn Kinh

1. Muốn nghiên cứu về thuật *Dưỡng Sinh* theo Đạo Học Đông Phương, nên đọc thêm quyển “*Đạo gia Dưỡng Sinh chi đạo*” của Tiêu Thiên Thạch.

“Huyền diệu Cảnh” bảo: “Trừ bỏ *Giận hờn* và *Dục vọng* là bước đầu để đi vào công phu “*luyện kỹ trúc cơ*” (đắp nền Bốn Mạng).

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Dĩ sự thuyên vãng; vô cữu, chúc tổn chi.

初九：已事遄往，無咎，酌損之。

Tượng viết: Dĩ sự thuyên vãng, thượng hợp chí dã.

象曰：已事遄往，尚合志也。

Đây, là thời *Tổn* (thì phải bớt đi rồi)! “*Tổn hạ Ích thượng*”.

Nhưng hào *Sơ* là hào *Dương cương*, ứng với hào *Tứ* (âm nhu), nên *Sơ* dương phải tự tổn mà giúp cho *Tứ* nhu. Nhưng cần phải đi gấp (thuyên vãng) không nên trù trì, khi mà bên trên kêu gọi, là việc đã đến lúc nguy rồi! như vậy sẽ được không lỗi (vô cữu). Nhưng, hào từ căn dặn: “chúc tổn chi 酌損之”, nghĩa là giúp thì giúp nhưng cần phải cân nhắc cẩn thận, phải biết châm chước, nếu thấy bề trên thật thiếu thốn, thì làm người dân phải lo đóng thuế, giúp sưu... chứ nếu thấy rằng cấp lãnh đạo vẫn phè phỏn vui thú trong cảnh giàu sang thừa thãi, không nên để bị bóc lột, mà mình cũng mang lấy cái lỗi, là nuôi dưỡng tính ỷ lại và lợi dụng của họ.

Sở dĩ, kẻ dưới phải lo giúp đỡ người trên, là bởi ở nhằm thời *Tổn*, nên phải chịu hao mòn và hi sinh mới được yên thân: *tổn hạ ích thượng*, kỳ đạo thượng hành 損下益上，其道上行。

Bất luận ta ở vào hạng người nào, là hàng dân chúng,

là hạng bầy tôi kẻ dưới, là hạng con cháu, là hàng em út đều phải làm theo đạo “tồn hạ ích thượng” nếu mình có dư! Đó là *nhơn đạo* mà cũng là *thiên đạo* “tồn hữu dư, bổ bất túc”.

Cửu Nhị: Lợi trinh, chinh hung.

Phát tồn ích chi.

九二：利貞，征凶，
弗損益之。

Hào Ngũ ở bên trên lẽ ra phải thuộc Dương, nhưng lại thuộc Âm, âm cư dương vị, là bất chánh; còn hào Nhị, lẽ ra phải thuộc âm, mà lại thuộc Dương (dương cư âm vị) nên cũng bất chánh cả hai.

(Chữ “chinh 征” là đi). Chiếu theo ý bất chánh ở hào trên (Lục Ngũ) lại vội vàng ra đi, thì “hung 凶” đấy. Nếu bảo ta làm việc phải, là được “lợi trinh”, trái lại, nếu bảo ta phải phụ họa làm điều bất chánh mà lại vội vàng ra đi tiếp ứng, thì “hung” lắm!

Vậy, hào từ mới khuyên: “Phát tồn” nghĩa là “chớ có bớt” (tồn) cái đức dương cương của mình mà đi chiêu lòng kẻ trên bất chánh, mà phải “tăng thêm” (“ích” là tăng thêm) sự cương quyết gìn giữ lòng “trinh” mình để cho trên kia không đi sâu vào tội ác!

Lời Tượng nói thêm: “Cửu Nhị lợi trinh, trung dĩ vi chí dã 九二利貞，中以為志也。”. Cửu Nhị, hãy cố giữ đức trinh chánh của mình, là bởi hào Nhị tự nó được đắc trung đắc chánh, đã sẵn có đức dương cương trung chánh của mình, hãy biết quý nó, mà can đảm từ chối lòng bất chánh của bề trên! như trường hợp Nhạc Chính Tử cự lại Vua nước Lỗ, không chịu nghe lệnh vua mà làm việc bất chánh:

“Nước Lỗ có một cái đỉnh rất quý. Nước Tề thắng trận, bắt phải đem dâng. Vua Lỗ tiếc lắm, cho làm một cái đỉnh giả đưa sang.

Vua Tề bảo:

- Phải có Nhạc Chính Tử đem đỉnh sang nói ta mới tin!

Vua Lỗ cho gọi Nhạc Chính Tử đến, bảo đi.

Nhạc Chính Tử hỏi:

- Sao không đưa cái đỉnh thật?

Vua Lỗ nói:

- Ta quý cái đỉnh ấy lắm!

Nhạc Chính Tử thưa:

- Nhà Vua quý cái đỉnh ấy thế nào, thì tôi cũng quý cái đức Tín của tôi như thế!

Nhất định không chịu đem đi. Sau cùng, vua Lỗ phải đưa đỉnh thật Nhạc Chính Tử mới chịu đi.

(Hàn Phi Tử)

*
* *

Hào *Cửu Nhị*, đây là *Nhạc Chính Tử* đó! chứ không phải *Quý Trát* một bậc “Ngu Tín”, như *Nhạc Phi* một kẻ “Ngu Trung”. [1]

-
1. Quý Trát, là con vua Ngô (thời Xuân Thu) đi chu du các nước. Khi qua nước Tề vào Vua Tề. Vua Tề thấy Quý Trát có thanh gươm báu, loại kiếm chém đá như chém bùn, muốn xin, nhưng chưa dám nói. Trát biết, định bụng cho mà chưa trao được vì cuộc chu du chưa xong. Khi ở nước Tấn về, thì Vua Tề đã mất rồi! Quý Trát, không dám làm sai

Lục Tam: Tam nhon hành, tắc “tổn” nhứt nhon.

六三：三人行，則損一人。

Dịch lý chỉ có Âm Dương nhị khí nên mới nói: “nhất Âm, nhứt Dương chi vị Đạo”. Âm và Dương là lưỡng nghi. Âm Dương là Lưỡng Nghi mới biến thành Tứ Tượng (tức là Âm trung hữu Dương căn, Dương trung hữu Âm căn), và như vậy, số 3 là số thừa, ắt phải “tổn” đi. Đạo, là Quân bình, cho nên hễ “*thiếu thì bù mà dư thì bớt*”.

Hào từ quẻ Tam, bảo: “*Tam nhon hành, tắc tổn nhứt nhon*” (ba người cùng đi, thì dư một người, ắt phải bớt đi mới đúng với đạo cơ ngẫu). (tổn 損)

Còn như chỉ có một người đi, là còn thiếu một người

.....

với điều ước tín trong lòng, đem thanh gươm báu đến treo chỗ gốc cây bên mộ vua Từ. Rồi mới ra về”, Quý Trát treo gươm bên mộ Vua Từ, mà Vua Từ đã chết rồi, thì còn tặng kiếm cho ai? Cây kiếm này tặng cho bậc hùng anh kiến quốc thì rất đáng vì có thể họ làm được nhiều việc tốt ích lợi cho thiên hạ như các kiếm khách anh hùng. Treo nó bên mộ, trên cành cây... sao Quý Trát không nghĩ rằng mình tặng kiếm báu cho ai? và chần chẫn cho vào tay đại đao, đại thảo khấu nào đây... là cái chắc, vì nếu là người quân tử chả ai lấy của không phải của mình, và như thế, Quý Trát vô tâm giao kiếm báu cho bạn côn đồ đạo tặc... thì tai họa đâu nhỏ đối với những con người hiền lành lương thiện?

Cái “ngu tín” của một chàng Vị Sinh, bất quá ngu tín với một người con gái lỗi hẹn, có chết đi, cũng chỉ thiệt hại có một thân mình... chứ Quý Trát ngu ngốc như thế, hại cho đời đáng sợ. Cũng như ngu trung của Nhạc Phi, làm hại cả nước trước nạn ngoại xâm của quân Kim... Có thể theo Dịch, đây là một người quân tử được một chữ Tín như Quý Trát, hay được chữ Trung như Nhạc Phi, nhưng cả hai chánh thì có chánh nhưng đều “bất đắc Trung” (Trung đây, là Trung đạo của Dịch lý), cái Trung Chánh của 2 hào Nhị Ngũ.

mới đủ đôi, nghĩa là cần phải thêm (ích 益) (nhứt nhơn hành tắc đắc kỳ hữu 一人行, 則得其友。).

*
* *

Luật chung của Tạo Hóa, là luật *Quân bình*, tức là luật *Tương đối* chứ không bao giờ có việc *tuyệt đối* nghĩa là vạn sự vạn vật trên đời chẳng bao giờ có sự cô dương hay cô âm mà sự vật được tồn tại!

Bởi vậy, mới có nói: “*nhứt nhơn hành, tắc đắc kỳ hữu*”.

Hễ có thừa (hữu dư) thì tự nhiên có sự bớt đi (tồn hữu dư); còn hễ có thiếu (bất túc) thì tự nhiên có liền sự “bù vào”. Lão Tử gọi chung là Thiên đạo, như chương 77 của Đ.Đ.K sau đây đã nói lên.

“Thiên chi đạo, kỳ dư tương cung dư?”

“Cao giả ức chi,

“Hạ giả cử chi,

“Hữu dư giả, tồn chi,

“Bất túc giả, bổ chi

“Thiên chi đạo, tồn hữu di bổ bất túc.

(Đạo Trời ư? Khác nào cây cung mà giương lên, chỗ cao, ép xuống; chỗ thấp, nâng lên. Có dư, thì bớt đi; không đủ thì bù vào! Đạo của Trời, là bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu) mà không mất chỗ Trung Chánh.

*
* *

Tượng truyện, hào Tam có viết thêm: “*Nhứt nhơn hành, Tam tắc “nghi” dã*”.

象曰：一人行，三則疑也。

(*Nghi* 疑, là nghi ngờ, ngờ vực)

Hễ có một người đi, ắt rồi sẽ gặp bạn đường! Mà 3 người cùng đi, ắt phải bớt đi một người, bằng không, sẽ có sự nghi ngờ. Nghi ngờ gì? Nghi ngờ sẽ có sự chia sẻ tình thường trước đây giữa 2 người!

*
* *

Sự việc này cũng dễ hiểu. Cứ thử lấy một thí dụ: tình thường giữa 2 vợ chồng sống chung trong một nhà, bao giờ cũng có sự khăng khít. Bỗng có một người đến ở chung, liền 2 người trong gia đình sinh ra có nghi ngờ! Đừng có đem luân lý ra mà bênh vực, vì tình yêu bao giờ cũng là tình cảm, bất chấp lý luận, bất chấp luân lý. Nếu người thứ ba này là một người đàn bà con gái, thì dù là người chí thân của bà vợ, người vợ vẫn có sự nghi ngờ (thường không được nói ra). Cái mới nào cũng hay hơn cái cũ, vợ mình đâu có đẹp hơn vợ người! Anh chồng, cứ so sánh mãi giữa 2 người đàn bà, và dễ thường không có cái cảm tưởng “cái mới bao giờ cũng hay hơn cái cũ”, vì là “vật mới lạ” (phạm sự nan cầu, giai tuyệt mỹ). Người đàn bà, nếu đã có chồng, lại còn phải bị một con so sánh! Thật tể nhị làm sao, mà cũng rắc rối làm sao! Còn chưa một người bạn trai thì cũng thêm rắc rối vô cùng! Bởi vậy Thánh nhơn là kẻ đáo để nhân tình khuyên dứt khoát: “*Tam, tắc nghi dã 三, 則疑也* [1]”.

1. Cái thói của ngày xưa: “Chồng Chúa, Vợ Tôi”, và “Trai năm Thê, bảy Thiếp; Gái chính chuyên, một Chồng”, thật là tai hại cho Tình Yêu.

Đừng nói là giữa tình vợ chồng, mà ngay bất cứ trong cuộc hội họp nào, công hay tư, yếu tố thứ ba, là yếu tố hủy hoại! Đừng hiểu lộn số Ba này là số biến của số Một.

*
* *

Để kết luận: Nên nhớ giữa sự đoàn kết giữa các cường quốc, nếu ta “làm mặt khôn” mà thân thiết với cả 2 cường quốc, thì sự đoàn kết (gọi là đồng minh) cũng không đi vào đâu cả, bởi đã đặt lên vấn đề không

.....

Tình Yêu nào mà không phải là Ích kỷ... “Một Vợ một Chồng, tát biển Đông cũng được”, trái lại “Một Chồng, nhiều Vợ” sao cho khỏi gây đau lòng vô ích cho người đàn bà, và đó là nguyên nhân của sự Ngoại Tình (đồng sàng dị mộng).

“Một vợ, một chồng” còn không sao giữ trọn chữ Chung tình, hà huống Chồng Một Vợ Hai mà bảo cho gia đình được đầm ấm, là giả dối! Cuộc đời, luôn luôn “tréo cẳng ngỗng” làm sao có được Hạnh phúc. Bởi vậy, những người đàn ông hay đàn bà cao siêu thoát thực luôn luôn là kẻ thích sống trong cảnh *Cô đơn* (hay *Cô độc*).

Sống trong *Cô đơn*, có thể được không?

Sao lại không thể được, nếu mình hiểu rõ lời nói sau đây của Dịch Kinh: “nhứt nhưn hành, tắc đắc kỳ hữu” (Kẻ đi một mình, ắt được bạn lành). Luật Bù Trừ (Ích Tồn chi đạo) là thế! “Thiên chi Đạo, tồn hữu dư; bổ bất túc”. Cho nên Cổ nhưn tỏ ý vui mừng, mà phát ra câu nói này: “Đắc nhất Tri Kỳ, khả dĩ Bất hận”. Người nào có đồng bạn, đáng nghi ngờ về lòng Trung Tín của họ (Bạn thân của đồng người, không là bạn thân của ai cả: “L’Ami de tout le monde n’est ami de Personne”. Thường là kẻ thích sự cầu thân để kết bè kết đảng, là kẻ theo đạo “Đắc nhân tâm để được Thành công” của nhà tỉ phú Mỹ Dale Camergie. Sách này, bán chạy nhất vì đã đáp ứng lòng vị lợi và thích thành công của con người ngày nay, sống không ngoài khẩu hiệu DANH và LỢI.

còn ai tin ai nữa cả, vì vậy, mà chánh sách ngoại giao ngày nay hoàn toàn hỏng cả! Cho nên Lão Tử quả quyết: “*dùng Trí trị nước, nước loạn!*” Thời nào bằng thời này, ai cũng chủ trương Liên Hợp mà kỳ thật, *càng liên hợp càng chia ly*, theo luật căn bản của Kinh Dịch: “*Hợp giả, ly dã* 合着離也。” Bằng chứng: “Liên Hợp Quốc, là chỗ mà vạn quốc nhận thấy rõ sự “ly” biệt hơn đâu cả! Chiến tranh vẫn tiếp diễn, từ “đại hội các nước” mà ta gọi là Hội đồng Liên Hiệp Quốc đến nay...

Lục Tứ: Tổn kỳ tật, sử thuyên, hữu hi vô cữu.

六四：損其疾，使遄有喜，無咎。

Tượng viết: Tổn kỳ tật, diệc khả hi dã.

象曰：損其疾，亦可喜也。

Theo lệ thường, hễ Âm mà gặp Dương, thì Dương chạy theo Âm, nghĩa là Âm hút Dương. Ở thời Tổn, phải có sự bớt đi, mà sự “tổn” đây phải có việc “tổn hạ ích thượng”, hào Sơ dương phải chạy lên tiếp hào Tứ âm.

Nhờ vậy, Sơ dương mới chữa được cố tật của Tứ, tật “âm nhu” (tổn kỳ tật 損其疾), và Sơ phải giúp mau (thuyên 遄), là mau lẹ vì Tứ mắc bệnh hơi nặng, bởi “âm cư âm vị” là quá âm (cực âm), được thế, mới có thể có việc đáng vui mừng (hữu hi 有喜) và không có lỗi (vô cữu 無咎).

Lục Ngũ: Hoặc ích chi thập bằng chi quy, phát khắc vi, nguyên kiết.

六五：或益之十朋之龜，弗克違，元吉。

Tượng viết: Lục Ngũ nguyên kiết, tự thượng hựu dã.

象曰：六五元吉，自上佑也。

Hào Lục Ngũ, ở địa vị chí tôn có đức *nhu trung* lại được bần chính ứng với mình là Cửu Nhị (đắc trung đắc chính, lại là dương cương) và được Cửu Nhị giúp mình ở vào thời “*Tổn hạ Ích thượng*” rất thuận thời, lại còn được Cương Nhu tương ứng thì còn gì tốt đẹp cho bằng! “*Nguyên Kiết*”[1] là vậy! Sở dĩ hào Ngũ được nguyên Kiết là nhờ được ở đức “*nhu trung*” (nhu đắc trung) thu được nhơn tâm. Mà đã được nhơn tâm thì lòng Trời cũng theo đó mà giúp cho! 自上佑也!

Hay thay câu nói này: *được nhơn tâm là được cả thiên thời!*

Thượng Cửu: Phát tổn, ích chi, vô cữu trính kiết.

Lợi hữu du vãng, đắc thần vô gia

Phát tổn ích chi, đại đắc chí dã.

上九：弗損益之無咎，貞吉。

利有攸往，得臣無家。

弗損益之，大得志也。

Thượng Cửu ở chót vót quẻ Tổn, đó là *Tổn cực độ*, mà đang ở thời “*tổn hạ ích thượng*” thì quả đây là hạng con người thụ hưởng quá nhiều tiền của công sức của lê dân, đã từng vơ vét của nhơn dân tận cùng! như thời

-
1. “*Thập bằng chi quy*”: là một con Rùa thật lớn, một con rùa thiêng nặng tới 10 bằng (nghĩa là chu vi con rùa lớn đến 2.100 thước!) “*Hoặc 或*” là thản hoặc, có người đem tặng mình một con rùa thiêng to lớn (hay một món đồ to tát) mà ta không thể từ chối (phất khắc vi), thực là tốt lắm (nguyên kiết).

xưa Vua Chúa Pharaons bên Ai Cập, như bên Hi Lạp các nhà độc tài bên xứ Sparte, như bên Trung Hoa thời Tần Thủy Hoàng v.v... và hiện nay trong những chế độ quân phiệt (militarisme), đúng là những con người của hào Thượng Cửu của thời *“tôn hạ ích thượng”*.

Nếu không bị dân hạ bệ, thì tự nhiên không cần ai đánh đổ, cũng tự đổ vì cái luật *“vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản”*.

42. PHONG LÔI ÍCH

風雷益



Quẻ Phong Lôi Ích gồm 2 quẻ Tốn thượng và Chấn hạ. Tốn, là Gió; Chấn, là Sấm sét. Hai thứ này phụ ích nhau: *Gió càng to; thì Sấm sét lại càng to*, cho nên gọi là *Phong Lôi Ích*.

Sấm sét, do Gió lớn mà có, nên gọi là *Phong Lôi*.

Thoán từ:

Ích, lợi hữu du vãng, lợi thiệp đại xuyên.

益，利有攸往，利涉大川。

Trong thời quẻ Ích, chỉ nên lo *làm cho lợi cho thiên hạ*, lý tưởng của các nhà Cách Mạng chân chính từ xưa chí nay.

Có lẽ các bậc hiền thánh ngày xưa đều mộng một xã hội lý tưởng trong đó toàn thể dân chúng đều được an cư lạc nghiệp, ấm no hạnh phúc! Được vậy, thì việc gì mà không xong (lợi hữu du vãng), dù có gặp gì nguy nan cách mấy, cũng được qua khỏi (lợi thiệp đại xuyên).

*
* *

Thoán truyện giảng rộng ra Thoán từ, nói:

a. “*Ích, tổn thượng ích hạ* 益，損上益下。

“*Dân duyệt vô cương* 民說無疆

b. “*Tự thượng há hạ* 自上下下

“*Kỳ đạo đại quang* 其道大光

c. “*Lợi hữu du vãng* 利有攸往

“*Trung chánh hữu khánh* 中正有慶

“*Lợi thiệp đại xuyên* 利涉大川

“*Mộc đạo nãi hành* 木道乃行

“*Ích động nhi Tốn* 益動而巽

“*Nhật tiến vô cương* 日進無疆

“*Thiên thí địa sinh* 天施地生

“*Kỳ ích vô phương* 其益無方

“*Phàm ích chi đạo* 凡益之道

“*Dữ thời giai hành* 與時皆行。

a/ “*Ích*” là quẻ “*tổn thượng ích hạ*”, là bớt một hào dương ở quẻ Kiển (tổn thượng) mà làm lợi ích cho 2 hào âm ở dưới (ích hạ) thì dân chúng sẽ được hả hê biết chừng nào (như trong các cuộc cách mạng người ta rêu rao tịch biên hết gia sản kẻ giàu đem phân phát cho kẻ nghèo) thì chẳng người dân nào mà chẳng thích (*Tổn thượng ích hạ, dân duyệt vô cương* 損上益下，民說無疆。).

b/ Tự mình ở địa vị cao (bất cứ là địa vị nào) mà chịu nhún nhường, khuất mình theo kẻ dưới (*tự thượng há hạ*

hạ 自上下下) thì cái đạo của người quân tử trở nên rất sáng chói (*kỳ đạo đại quang* 其道大光). Đó là tất cả ý nghĩa của quẻ Ích. Thật rất hợp với thuyết “*Khiêm hạ*” của Lão Tử “*hòa kỳ quang, đồng kỳ trần*”; “*quý dĩ tiên vi bản, cao dĩ hạ vi cô*”, “*hậu kỳ thân*” và “*bất cảm vi thiên hạ tiên*”

c/ Quái từ có câu: “*lợi hữu du vãng, Trung chánh hữu Khánh*”. Hai chữ Trung Chánh là ám chỉ 2 hào Nhị Ngũ của quẻ Ích. Nếu là kẻ có quyền hành lớn mà biết hành cái đạo Khiêm hạ (tổn thượng ích hạ) thì phúc cho thiên hạ biết chừng nào!

*
* *

“*Lợi thiệp đại xuyên, mộc đạo nãi hành*”. “*Mộc đạo*” là gì? Có lẽ là muốn nói về *đạo Dương* là đạo dương cương của người quân tử, việc gì của quang minh chánh đại như mặt trời mọc ở hướng Đông.

“*Ích động nhi Tốn, nhựt tiến vô cương*”. Phương Tốn bên hướng Đông (chỗ vượng của Mộc khí (hay Mộc đạo). Theo Hà đồ, hướng Đông là hướng “âm tiêu dương trưởng” (tức là hành đạo của thời Ích, thời của người quân tử; “*nhựt tiến*” từ Chấn đến Tốn, từ giờ Thìn đến giờ Tị giờ của Thái dương).

*
* *

Câu “*nhựt tiến vô cương*” cũng có nghĩa là “*tổn thượng ích hạ*” phải *thực hành mau lẹ*, chớ nên chần chừ hứa hẹn... Là vì dân thiếu, thì phải mau cứu chữa bởi dân

đâu “*có dư*” mà “*trữ*” như hạng phú hào... Hạng phú hào chưa bao giờ biết cảnh đói của hạng nghèo...

Câu chuyện sau đây của Trang Tử.

“Trang Tử nghèo túng... sang Giám Hà Hầu vay lúa! Giám Hà Hầu nói: Tôi có cái ấp sắp nộp tiền lúa! Tôi sẽ giúp ông trăm lượng. Có được không?”

Trang Tử giận:

- Hôm qua, khi Châu đến đây, giữa đường nghe có tiếng kêu. Nghảnh lại trông, thì thấy một con cá đang vùng vẫy tung một bùm nước của vết bánh xe. Châu tôi hỏi: Cá đến đây để làm gì? Cá nói: “Tôi là thủy thần ở bể Đông, ông có thể giúp tôi một chén nước mà cứu tôi không?” Châu tôi nói: “Để tôi qua chơi bên phía Nam nước Ngô nước Việt, rồi khi về, tôi sẽ lấy nước sông Tây Giang về đón người. Có được không?” Cá giận nói: “Tôi chỉ cần nước, ông cho xin một ít là đủ sống! Nay nói như ông, đợi đến lúc ông về, thì hãy đến hàng cá khô, sẽ thấy tôi nơi đó!”

(Trích thiên Ngoại Vật)

*
* *

“*Thiên thí, địa sinh, ký ích vô phương*”. Nói rộng ra, việc Trời Đất Âm Dương giúp cho vạn vật cũng phải “*tổn thượng ích hạ*” trên mưa xuống, ánh sáng mặt Trời mặt Trăng cũng trên rọi xuống... cho vạn vật được sinh hóa! “*Kỳ ích “vô phương*” là vô lượng, vô hạn...

Tóm lại, sự giúp ích của trên ban xuống phải cho phù hợp với mỗi vật...

Dù ở vào thời nào, “tổn thượng ích hạ” hay “tổn hạ ích thượng” đều phải thích ứng với sự vật, nên bảo “*dữ Thời giai hành*”. Nghĩa là chưa phải lúc cho mà cho, chưa phải lúc bớt mà bớt, tai hại hơn là có lợi... Cần nước mà cho nước quá ít, không được, mà quá nhiều càng không được, hạn hán hay lụt lội là thái quá, là bất cập... đó là mất đạo Trung, mà dù cho Trời Đất cũng đều đem đến tai họa cho loài người loài vật.

Bởi vậy, bậc Thánh nhân cứ dặn tới dặn lui mãi câu: “*dữ Thời giai hành*”!

Đại Tượng

Phong, Lôi Ích.

風雷益。

Quân tử dĩ kiến thiện tắc thiên hữu quá, tắc cải.

君子以見善則遷，有過則改。

Quẻ Ích, do 2 đơn quái là Phong và Lôi tạo thành. Người quân tử xem đó mà làm theo: hễ thấy ai làm việc thiện thì lập tức làm theo; còn thấy mình có lỗi, lập tức hối sửa... “*Kiến thiên tắc thiên (thiên, là nghiêng theo); hữu quá tắc cải* 見善則遷，有過則改。”.

Phong và Lôi đi cặp nhau, luôn luôn giúp ích cho nhau: hễ gió càng dữ, sấm càng to, mà sấm càng to, thì gió càng mạnh.

Thượng quái và Hạ quái, vì thế, dính liền nhau như một khối và mật thiết đến nỗi có câu cách ngôn về chánh trị này: “Vấn đề xã hội chung quy là một vấn đề cá nhân”. “Trung chánh hữu khánh” là thế!

Sở dĩ “thượng ích hạ”, thực sự thượng cũng vừa làm

“ích cho chính mình”! như Sấm và Gió, Gió và Sấm nương nhau và làm cho nhau được thịnh vượng.

Như Lão Tử đã nói: *“Thánh nhơn bất tích, ký dĩ vi nhơn, ký dĩ hữu; ký dĩ dĩ nhơn ký dĩ đa. Thiên chi đạo, lợi nhi bất tại!”* (Bực Thánh nhơn không tích trữ gì cho mình cả! Càng vì người, mình càng thêm có; càng cho người, mình càng có thêm. Đạo của Trời, lợi chứ không hại!).

Theo Lão Tử, đạo Tồn, là đạo của con người (nhơn chi đạo); còn đạo Ích, là đạo của Trời (Thiên chi đạo): *“Thiên chi đạo, tổn hữu dư bổ bất túc; nhơn chi đạo bất nhiên, tổn bất túc, nhi phụng hữu dư!”* (Chương 77, Đ.Đ.K)

*
* *

Nhân tiện, chúng tôi thấy cần bàn sâu hơn, thuyết *“Tồn chi nhi Ích, Ích chi nhi Tồn”* (chương 42, Đ.Đ.K) của Lão Tử để hiểu rõ hơn thuyết Tồn hạ ích thượng của quẻ Tồn, và “Tồn thượng ích hạ” của quẻ Ích – Kinh Dịch. Sự liên quan mật thiết giữa Dịch học và Lão học rất rõ ràng.

Kẻ cầm quyền thiên hạ thường hay dùng chánh sách “tồn hạ ích thượng” bóc lột nhân dân đến tận xương tủy mà di tích còn lưu đến nay của thời các Vua Chúa Ai Cập Pharaons, các “Kim tự tháp” sờ sờ còn đó, tượng trưng xương máu đắp nên còn! như Vạn Lý Trường Thành của Tần Thủy Hoàng mà nhân loại ngày nay tán thưởng là “Kỳ quan vũ trụ”!

Chiếu theo luật Quân bình của Vũ Trụ, thì “bớt là

thêm” mà “thêm là bớt”, và Lão Tử đã nói: “Sự vật trong đời: *bớt là thêm, mà thêm là bớt*”: “*Vạn vật hoặc tổn chi nhi ích, hoặc ích chi nhi tổn*” 萬物或損之而益, 或益之而損. “*Cường lương giả, bất đắc kỳ tử dã* 強梁者不得其死也.”. Lại nói thêm: “*Ngô tương dĩ vi giáo phụ dã* 吾將以為教父也.” (ta cho rằng: người nói những lời trên đây là Thầy ta vậy!) Nói gì? nói rằng: *Dùng bạo động, chết bạo tàn* (cường lương giả, bất đắc kỳ tử dã).

Như thế, Lão Tử, như Kinh Dịch, bảo rằng: *trên đời không bao giờ có hiện tượng cô âm hay cô dương, giả sử anh muốn thu rút đó lại, là anh sắp làm cho đó mở rộng thêm ra; anh muốn làm cho đó yếu đi, là anh sắp làm cho đó mạnh thêm lên; anh muốn vứt bỏ đó đi, là anh sắp làm cho đó hưng khởi thêm lên; anh muốn cướp đoạt đó, là anh sắp ban thêm cho đó vậy!* Không bao giờ, luật Quân bình tự nhiên của Tạo hóa (tức là Đạo) cho phép Âm thắng Dương hoặc Dương thắng Âm hoàn toàn đâu, tự nhiên phải có sự lập lại quân bình! Cho nên ở dưới thấp sẽ được nâng lên cao, ở trên cao sẽ bị đè xuống dưới, dư thì bớt đi, thiếu thì bù vào! Chính vì thế, mà “*Khúc tắc toàn; uống tắc trực; oa tắc doanh; tệ tắc tân*” (cái gì khuyết thì lại toàn; còn cái gì cong thì lại được sửa cho ngay; cái gì sâu, thì được lấp lại cho đầy; cái gì cũ thì lại được trở thành mới một cách tự nhiên!).

Bạn dụng tư tâm mưu lợi cho bạn, và bất chấp có hại kẻ khác... Hãy coi chừng! Bạn đã vô tình gây tai họa cho chính bạn đấy! vì bạn đã giúp cho kẻ bị bạn bức hiếp có đủ sức mạnh để lật đổ lại bạn! Chắc chắn là như vậy! và như thế cái đạo “*Tổn hạ ích thượng*”

của bạn sẽ giúp cho dân chúng một ngày kia mạnh lên và làm lại cái việc “tổn thượng ích hạ” cho họ không chùng! Hễ “tức nước, vỡ bờ” là chuyện thường tình, có gì lạ!

Cho nên biện chứng Kinh Dịch sẽ bảo: “*Thắng, là Bại; và Đại thắng, là Đại bại!*” “*Bĩ cực, thái lai*”, “*tổn cực, ích lai*”!

Đó là một bài học sâu sắc thâm trầm của Kinh Dịch! “*Âm Dương bất trắc, vị chi thần*”!

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Lợi dụng vi đại tác, nguyên kiết, vô cữu.

初九：利用為大作，元吉，無咎。

Hào Sơ Cửu, ở nội Chấn, là chủ quẻ Chấn (quái đa âm, dĩ dương vi chủ).

Sơ Cửu là hào dương cương, lại đắc chánh (vì dương cư dương vị) tánh khí dương cương tánh tình cương quyết có tài và có thể đảm đương việc lớn. Chính ứng với hào Tứ bên trên, thuộc Âm, đó là Âm Dương tương tế. Hướng chi ở thời Ích, nên *thượng há hạ* là việc đương nhiên.

Như thế, Sơ Cửu là kẻ có tài, gặp thời, gặp chủ. Thời, là thời Ích, được Lục Tứ là hào cận với quân vương, lại là hào nhu thuận; tuy nhiên, dù sao cũng phải biết mà lo cẩn thận bởi “vị tiểu” mà “nhiệm trọng” e không kham nổi việc lớn trong thiên hạ!

Lục Nhị: Hoặc Ích chi; thập bằng chi qui; phát khắc vi; vĩnh trinh, kiết.

Vương dụng hưởng vu đế, kiết.

六二：或益之，十朋之龜，
弗克違，永貞，吉。
王用享于帝，吉。

Lục Nhị, là hào âm, đắc trung đắc chánh, âm cư âm vị, lại ở thời Ích hạ, được người trên giúp ích cho nhiều, có thể được Cửu Ngũ giao cho trọng trách khó mà từ chối được! Chỉ sợ Nhị, là âm nhu nên có thói nhút nhát, thiếu cương quyết, nên chi hào từ khuyên “*Vĩnh trình kiết*”.

Theo Trình Y Xuyên luận, thì Nhị có được cái Tâm Hư: hào Nhị âm nhu trung chánh, lại “*trống lòng*”!

Người quân tử Trung Chánh, lòng bao giờ cũng phải “*Hư Vô*”.

“Ôi! lòng mà “*đầy*” thì không còn nhận được việc gì, chứ mà được “*rỗng không*” thì tất cả đều *đua nhau chạy về*, tức là chỗ mà Lão Tử bảo: “*Tâm thiện uyên*”.

Bao nhiêu nước đều chảy tụ vào nơi thấp nhất.

Lục Nhị vốn có cái Tâm Hư, là hào Âm ở giữa quẻ, nên được Cửu Ngũ giúp cho, mà cả thiên hạ đều cùng theo giúp “*Ích*”, vì *Tâm Hư là Đạo của Trời*, và Lão đã minh xác:

Thiên chi đạo: hư kỳ tâm dã.

Bất tranh nhi thiện thắng,

Bất ngôn như thiện ứng,

Bất triệu như tự lai (Chương 73)

天之道：虛其心也

不爭而善勝

不言而善應

不召而自來。

(Đạo của Trời, là cái Tâm hư, nên

- Không tranh mà lại thắng vẹn toàn;
- Không nói mà có kẻ nghe;
- *Không gọi mà ai ai cũng tự đến...*)

Cho nên Lời Tượng cũng tán thêm: “*Tự ngoại lai dã 自外來也*”.

Lục Tam: Ích chi dụng, hung sự, vô cữu,
hữu phu, trung hành, cáo công dụng khuê.

六三：益之用，凶事，無咎，
有孚，中行，告公用圭。

Lục Tam là hào âm, lại ở vị dương, bất trung bất chánh, cho nên muốn ban phúc cho Tam, không nên ban phúc cho nó, làm thế nó tưởng bỏ đâm ra kiêu căng mà mang họa. Trái lại, nên đem đến cho nó những việc ngăn trở gay go để nó được trui rèn! “*ích chi dụng hung sự*”!

Cổ nonh ngày xưa thường nói: “Trời toan trao sự nghiệp lớn lao cho ai, tất trước hết đầy đọa và làm khổ nhọc tâm trí, đau mệt xương gân, đói lạnh thân thể, hễ toan làm việc gì thì khiến cho gặp nhiều nỗi truân chuyên, trái ý nghịch lòng, cố làm kích động lòng kiên nhẫn, tăng cái tinh thần dám làm dám nghĩ những gì mà thể nonh không dám làm... Sự nghèo khổ, khốn đốn, trải qua nhiều cảnh trái ngang... chính là để đào tạo ý chí... để sau này đảm đương nổi đại sự!”

Câu chuyện Lưu Bình Dương Lễ là một thí dụ đơn giản nhất: Lưu Bình biếng nhác, không chịu khổ công học tập, nên thi rớt. Dương Lễ thi đậu cao, ra làm quan. Bình đến thăm Lễ. Lễ mắng chửi làm đủ việc nhọc

nhần để Bình tức trí mà chăm lo học tập lại. Lễ lại còn lên cho vợ mình đến nuôi Bình ăn học đến thành tài! Sau khi Bình thi đậu, vợ Lễ trốn về với chồng. Lưu Bình đến thăm Dương Lễ để trả thù... lại gặp vợ Lễ, sự thật mới rõ lòng tốt của bạn. Lễ đã “ích chí dụng hung sự” để Bình lo học! nếu lại nuông chiều nâng đỡ là làm hại cho Bình! Tục ngữ ta có câu: “Thuốc đắng dã tật...!”

*Lục Tứ: Trung hành cáo công,
tùng lợi dụng vi ý thiên quốc.*

六四：中行告公，
從利用為依遷國。

Tượng viết: Cáo công tùng dĩ ích chí dã.

象曰：告公從，以益志也。

Lục Tứ cận với Cửu Ngũ, tuy không phải nguyên thủ, nhưng được cận với Cửu Ngũ, trách nhiệm càng thêm nặng, hiềm gì Tứ thuộc loại âm nhu lại bất trung. Như vậy, Tứ cần phải theo đạo Trung mà đi, thì trên, Vua mới có thể tin dùng, bởi lòng thành của mình ai cũng biết, chí mình ai cũng hay là mong giúp ích cho nhân dân.

Kẻ thờ Vua (hay nói rộng ra, kẻ thờ một lý tưởng chánh giáo nào) chẳng nên lo người trên không nghe, mà nên lo chí hướng của mình có chí thành chưa, mà thôi!

*Cửu Ngũ: Hữu phu huệ tâm, vật vấn,
nguyên kiết, hữu phu, huệ ngã đức.*

九五：有孚惠心，勿問，
元吉，有孚惠我德。

Cửu Ngũ có tài dương, có đức Trung Chánh, mà địa vị lại ở ngôi chí tôn thì lòng thương lo cho thiên hạ quả là chí thành (nghĩa là do tự lòng phát xuất tự nhiên như mặt Trời chiếu sáng thiên hạ do tự tánh của mình). Tức là do bản tánh tự nhiên. Mà tự nhiên là gì? Là “bất đắc bất nhiên” (không vậy không được) mà ở đây Dịch Kinh gọi là “*hữu phu huệ tâm* 有孚惠心”.

(Chữ “*phu 孚*” là *chí thành*; chữ “*huệ tâm*” là cái *Chân tâm* mà nhà Lão gọi là “*Thiên Chân*”, nhà Phật gọi là *Chân Như Bản Lai Diện Mục*).

Phần đông người chúng ta ít ai biết hành động tự nhiên theo bản tánh, mà thường hành động theo sự tính toán lợi hại của lòng ích kỷ, theo thành kiến xã hội, hoặc những giáo điều luân lý hay tôn giáo nào... nên không còn gọi được là hành động tự nhiên nữa!

“*Vật vấn*”, là đừng hỏi tại sao kẻ chí thành giúp “ích” cho thiên hạ... Họ sẽ không biết đâu! Họ chỉ biết do một mạng lệnh vô hình nào nơi trong lòng họ sai khiến thôi! Họ làm một cách “vô cầu”, “vô niệm”.

*
* *

Lời tượng viết thêm:

“*Hữu phu huệ tâm*” vật vấn chi hĩ! *Huệ ngã đức, đại đắc chí dã.*

有孚惠心。勿問之矣，惠我德，大得志也。

Chữ “*đại đắc chí*” nói lên tất cả sự sung sướng của người quân tử hành đạo Ích cho thiên hạ. Chỉ biết làm được vậy, thì họ đã được thỏa chí rồi, như con chim hót, không biết hót để làm gì? chỉ hót được là vui!

Việc gọi là “*thiện chí thành*” (không phải “*thiện*” đây là nói về lẽ thiện ác, mà để nói lên được sự hoàn toàn theo sở ước! Không bao giờ có sự tính toán cân nhắc lợi hại gì cả, cũng không bao giờ nghĩ đến sự làm ân làm phúc để được ân đền nghĩa trả! Nhà Phật gọi là hành động “*bố thí ba la mật*” nghĩa là ban ân mà không biết là mình ban ân, mà kẻ thọ ân cũng chẳng hay biết ai là ân nhân của mình! Lão Trang gọi là hành động “*vô cầu*”! “*Huệ ngã đức*” là cái *Huệ tâm*, chính là cái đức Huệ tự nhiên như mặt Trời tự nhiên chiếu sáng vạn vật mà đâu có biết mình soi sáng... *Cửu Ngũ*, là người có đức Huệ ấy.

Thượng Cửu: Mạc ích chi, hoặc kích chi,

lập tâm, vật hằng, hung.

上九：莫益之，或擊之，
立心勿恆，凶。

Tượng viết: Mạc ích chi, thiên từ dã.

象曰：莫益之，偏辭也，

Hoặc kích chi, tự ngoại lai dã.

或擊之，自外來也。

Hào Thượng Cửu là hào cuối cùng của quẻ Ích, nên lòng tham cầu được sự giúp ích càng tăng gia vô độ, không biết đâu là cùng được (thường gọi lòng tham không đáy).

Ôi! Việc đòi nhiều khi gặp toàn mâu thuẫn: “Càng muốn được, lại càng không được!” Là tại cái muốn bao giờ cũng vô hạn, thì làm sao thỏa mãn được cái vô cùng vô tận. Trang Tử, trong thiên Dưỡng Sinh Chủ cũng đã có than: “*Sức hiểu biết của ta thì có hạn, mà lòng muốn hiểu biết của ta, lại vô hạn. “Lấy cái hữu hạn*

chạy theo vô hạn, là nguy!” (ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri dã vô nhai; dĩ hữu nhai tùy vô nhai, đãi hĩ! 吾生也有涯, 而知也無涯, 以有涯隨無涯, 殆矣。 Những ai không bao giờ nghĩ đến mình, lại được thiên hạ nghĩ đến mình; trái lại, kẻ nào chỉ nghĩ đến mình thôi, thì thiên hạ không ai thềm nghĩ đến mình cả! lại còn oán ghét là khác! (*mạc ích chi, hoặc kích chi* 莫益之, 或擊之。) (“Kích”, là phản đối, công kích).

Lời tượng lại còn nói thêm: “*Mạc ích chi thiên từ dã* 莫益之, 偏辭也” thiên từ là những lời lẽ thiên vị công kích mình, đánh đổ mình một cách quá hần học, oán ghét, đều do thiên hạ bên ngoài mang đến cho mình (*tự ngoại lai dã* 自外來也).

*
* *

Tóm lại, nên để ý 2 hào Thượng Cửu của 2 quẻ Tổn và quẻ Ích. Theo nghĩa của danh từ, thì Tổn là xấu, mà Ích là tốt. Nhưng, với luật thừa trừ của Tạo Hóa thì bao giờ cũng có mâu thuẫn nằm trong sự vật: trong Dương có Âm, trong Âm có Dương, trong Phúc có Họa, trong Họa có Phúc... Cho nên, hào *Thượng Cửu quẻ Tổn (xấu) lại rất tốt; mà hào Thượng Cửu quẻ Ích (tốt) lại quá xấu!*

43. TRẠCH THIÊN QUẢI

澤天夬



Tại sao sau quẻ Ích, là quẻ Quải, Quyết? Là bởi “Ích” là thêm, mà thêm mãi tất phải tràn đầy, mà đầy thì đổ.

Nước chầm (đoài) mà dung lên đến tận trời (trạch thượng ư thiên) tất nhiên vừa phải nứt, như nước dâng đến tràn bờ. Cho nên chữ Quyết có thêm bộ Thủy bên chữ Quải 夬.

Theo thể của quẻ, năm Dương đang xúm nhau lùa một hào âm còn lại, để hất tuốt ra ngoài, nên Quải cũng có nghĩa là *cuong quyết, quyết liệt*; cũng có ý là làm nứt vừa chứa đồ, “nứt bờ” chứa nước!

Lời Thoán sau đây sẽ nói lên chỗ khó khăn đó.

*
* *

Sự tuyên chiến của quân tử quyết thắng cho kỳ cùng bọn tiểu nhon và nhất quyết không để chúng được sống sót! Có khác nào một cuộc chiến đại quy mô đối với địch, địch cả bên trong và bên ngoài! Giặc bên trong

còn nguy hiểm hơn giặc bên ngoài. Nội chiến là một thứ chiến tranh vô cùng nguy hiểm vì nó nằm ngay trong lòng ra! Tay cầm búa, là tượng một sự quyết liệt, nên quẻ cũng gọi là *Quyết*.

Thoán từ:

*Quái, dương vu vương đình, phù hiệu hữu lệ,
cáo tự ấ, bất lợi tức nhưng, lợi hữu du vãng.[1]*
夬，揚于王庭，孚號有厲，告自邑，
不利即戎，利有攸往。

Quẻ Quái, là quẻ mà hào Dương đã lên đến ngôi Cửu Ngũ, lấn hào Âm đến mức cùng chông chênh ở hào Thượng Lục, thuộc về tượng cuối Xuân qua Hạ (tiết Cốc Vũ, tháng ba) tại cung Thìn.

Quẻ Quái, là quẻ Dương thịnh Âm suy (5 dương, 1 âm) lẽ ra phải tốt, nhưng vì hào Âm cuối cùng là hào Thượng Lục, chính là tên đầu đảng của bọn tiểu nhân. Phải coi chừng! Và nên nhớ: đuổi tặc khấu (nhứt là tên đầu đảng) đừng có đưa chúng đến thế cùng! (“Cùng khấu, vật truy”).

Sự lý trong thiên hạ rất vô thường! cơ họa phúc thì bất trắc nhất là mưu của kẻ tiểu nhân, nên Thoán từ răn đe: tuy phe quân tử thịnh, nhưng chớ nên kiêu,

-
1. “Dương vu vương đình”, là nên tuyên bố tội ác bọn tiểu nơn trước mặt công chúng; “phù hiệu” là lời xuất mạng lệnh, lấy lòng chí thành mà phát mạng lệnh; “Cáo tự ấ” trước lo tự trị mình cho được công minh sáng suốt; “tức nhưng” là chuyên dùng võ lực, “bất lợi tức nhưng”, là muốn tiểu nơn an lòng qui phục, đừng dùng võ lực, như thường khuyên có đuổi giặc, đừng đuổi chúng đến đường cùng (cùng khấu vật truy).

phe tiểu nhơn tuy suy, nhưng chó khá xem thường, nên quái từ bảo “*hữu lệ*”, mong cho người quân tử thường đề phòng sự phản trắc của tiểu nhơn!

Như ta thấy ở quẻ Bác, 5 tiểu nhơn khứ một quân tử, thì Thánh nhơn đã hết sức lo cho quân tử, là phải, nhưng đến quẻ Quái, 5 quân tử khứ trừ một tiểu nhơn mà Thánh nhơn lại càng răn đe người quân tử, ý tứ Kinh Dịch quả là thâm thúy không biết chừng nào!

*
* *

Có nhiều cách khứ trừ tiểu nhơn! Nhưng cách nào cũng có sự nguy hiểm. *Nếu chỉ còn một tên tiểu nhơn còn sót lại trong chánh quyền không khéo “một con sâu, làm rầu nồi canh”! sự quyến rũ của tiểu nhân đáng sợ, là vì sự bất chánh và tội lỗi là điều rất quyến rũ, chứ như việc làm theo chánh đạo là việc khó làm! Khó bắt chước!*

Đây, là điểm cực kỳ quan trọng cho công trình Văn hóa và Giáo dục! Một quyển sách đòi truy dễ lan tràn và cảm dỗ thiên hạ, nhất là bọn thanh thiếu niên. Sách đạo đức, thì không sao quyến rũ được dễ dàng thanh thiếu niên bằng một quyển sách tội phong bại tục! Việc mà Văn học sử bao giờ cũng cảnh cáo!

Trong một gia đình mà có một đứa con hư. Đáng sợ thật! Trong một cơ quan hay triều đại mà có xen vào một tên tiểu nhơn, thì các tội trung sẽ đi mất hết mà kẻ còn lại, sẽ bị hại không sai, vì kẻ bề trên nào cũng vậy, thích bọn nịnh hơn người trung!

Trong lòng ta, chỉ có một tật xấu thôi mà còn ẩn núp trong tâm can, cũng đủ làm cho thiên lương mờ mịt!

Kẻ nào bị tình dục ngự trị, chắc chắn sẽ dễ trở thành một kẻ đui mù ngu ngốc! Như văn hào Pascal đã nói: “Tình có những lý lẽ riêng tư của nó mà Lý Trí không bao giờ hiểu nổi”.

*
* *

Và như vậy, trong sự tranh đấu quyết liệt loại trừ cái Ác, đừng quên những nguyên tắc sau đây:

Sự cương quyết tuy cần, nhưng *phải biết dung hòa với lòng phúc hậu*, đó là quẻ Kiền (nội quái) là cương cường, cương quyết, nhưng bên ngoài là quẻ Đoài (vui vẻ, tươi cười) như nụ cười của cô gái trẻ (Đoài vi thiếu nữ) đầy vẻ âu yếm dịu dàng. *2 đức tánh khó dung hòa nhưng không phải không thể dung hòa!* Dùng vũ lực mà trừ bọn tiểu nhon phải có lòng Từ. “*nhất viết Từ*” như Lão Tử đã bảo.

“Câu chuyện Quý Cao sau đây cũng có ý nói về Cương và Nhu này:

Quý Cao làm quan sĩ sư coi về hình ngục của nước Vệ, có làm án chặt chôn một người!

Sau nước Vệ gặp loạn, Quý Cao chạy trốn. Ra đến cửa thành, gặp người giữ cửa thành lại chính là người mình chặt chôn ngày trước.

Người ấy bảo: “Kia, có chỗ tường đổ!”

Quý Cao nói: Người quân tử không trèo tường!

Người ấy lại bảo: “Kia, có lỗ hồng!”

Quý Cao nói: Người quân tử không chui lỗ hồng!

Người ấy lại bảo: “Thôi, đây có cái nhà!”

Quý Cao mới chạy vào nhà. Quân lính đuổi theo, không thể bắt được!

Lúc Quý Cao sắp đi, bảo người giữ thành: Trước, ta theo phép nước mà chặt chôn người, nay ta gặp nạn, chính là cái dịp cho người báo thù, tại sao ba lần chỉ lối cho ta trốn? thương ta như thế, là nghĩa làm sao?

Người giữ thành nói:

– Tội tôi đáng phải chặt chôn, đó là phép nước, tôi biết nhưng lại không theo, vậy thì tránh sao cho khỏi! Nhưng lúc ông luận tội, thấy ông xoay sở pháp luật đả đốn do dự mãi, ý muốn nói tay, tôi cũng biết! Lúc án đã định, đem ra hành hình, nét mặt ông buồn rầu, không nở nhìn, tôi lại cũng biết lắm! Ông làm như thế, há phải vị riêng gì tôi, đó là tâm địa của bậc quân tử tự nhiên như vậy. Thế nên, tôi muốn cứu ông!”

Câu chuyện đã nói lên: *Có lý mà có tình!*

Đại Tượng

Trạch thượng u thiên: Quải.

澤上於天，夬。

Quân tử dĩ thí lộc cập hạ, cư đức tắc kỵ.

君子以施禄及下，居德则忌。

Nước đầm mà dâng cao tới trời, đó là tượng quẻ Quải. Người quân tử xem tượng ấy mà ban bố ân lộc cho khắp cả thiên hạ, nhưng ban bố hậu lộc cho người người mà không bao giờ kể đến đức ấy của mình!

“*Thí đức*” (ban bố ân đức) mà không phải cố ý “thí đức”, thì đức ấy mới là “đức lớn của Trời Đất”. Đây, cũng là chỗ mà Lão Tử bảo: “*Thượng đức bất đức*”

(chương 38 Đ.Đ.K). Đức mà cao, không phải là đức ban bố ra để được một cái gì có lợi về tinh thần hay vật chất “thí đức” vô cầu! và vô niệm. Nếu còn biết “*thí đức*” là “*đức thí*” là còn nghĩ đến mình, là còn có một sự tính toán lòi lỗ bán buôn, mong được ân đền nghĩa trả![1]

Trời ban ân huệ cho toàn thể nhân sinh há vì muốn được vạn vật biết ân mà trả ân hay ghi ân? Hành động “*thí đức*” của Thánh nhơn rất kỵ có việc ghi ân đức ấy (*cư đức tắc kỵ* 居德則忌).

Đối với Thánh nhơn, hễ còn nghĩ đến sự “*tích đức*” là “*tán đức*” làm cho đức ấy tiêu tan! *Làm ân mà kể ân, là mất ân*. Lập đức mà cho là thí đức thì cũng mất luôn đức! Huống hồ bắt dân chúng tạc hình mà thờ, luôn luôn ca tụng công đức của mình... là điều tối kỵ của người quân tử ngày xưa.

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: *Tráng vu tiền chỉ, vãng, bất thắng vi cửu.*

壯于前趾，往不勝為咎。

Tượng viết: *Bất thắng nhi vãng, cửu dã.*

象曰：不勝而往，咎也。

-
1. Trong “*Phật Học Tinh Hoa*”, bàn về *Bồ thí Ba la mật* chúng tôi có viết: “Bồ Tát, hơn xa cái hạnh của bậc Thiên thừa, là vì “*bồ thí vì bồ thí*”, nghĩa là “*cho ra*” là vì *phải cho ra*; không thể không vậy cho được, như Mặt Trời rọi chiếu vạn vật là vì bản tánh của nó là chiếu ánh sáng! ngoài ra không phải vì mục đích lo đời hay mưu cầu phúc báo cho mình” (trang 250, P.H.T.H, x.b năm 1965)

“*Tráng vu tiên chỉ*” là tiến mạnh tới mắt cá! (趾 là ngón chon). Nghĩa là Sơ Cửu tiến hành hăng hái theo cái bọn quần dương để tấn công nhất âm, vì đó cũng là phận sự của hào Sơ. Bởi Sơ còn ở vị thấp, sức còn yếu mà cố hăng hái tiến lên e không cất nổi gánh nặng, mà thành ra có “tội”!

Có “*tri kỷ, tri bỉ*” thì may ra mới chiến thắng được! Bất cứ trong cuộc tranh đấu nào, nguyên tắc trên, là nguyên tắc chánh.

Cửu Nhị: *Dịch hào, mộ dạ hữu hung vật tuất.*

九二：惕號，莫夜有戎，勿恤。

Tượng viết: *Hữu hung vật tuất, đắc trung dã.*

象曰：有戎勿恤，得道也。

Quái, là thời mà người quân tử quyết bày trừ tiểu nhon tận gốc, nếu *thắng* sẽ là hạnh phúc cho cả xã hội, nếu *bại* thì họa lây cho cả xã hội.

Cửu Nhị đắc trung đắc chánh, dương dương nên hiểu rõ phận mình, trong lòng luôn luôn cẩn thận dè dặt, phòng ưu lự hoạn (mộ dạ hữu hung 莫夜有戎) nên không có gì phải sợ cả (vật tuất 勿恤) bởi đêm ngày (mộ dạ) đã biết lo nghĩ sắp đặt sẵn không cho bất ngờ bất chợt, nên khi gặp tai nạn hay hữu sự thì chẳng còn có gì phải lo nữa! Ban đêm mà gặp giặc đến bất ngờ, thật là khó khăn nguy hiểm, nhưng nếu ta biết phòng bị trước, thì không sao phải lo sợ kinh hoàng mà còn được ung dung hành động và đối phó!

*
* *

Như đã nói: Thắng kẻ tiểu nhơn hoặc lo loại trừ tiểu nhơn giống như một việc hành quân. Quái từ quẻ Quái, nơi hào Nhị này, tuy chỉ có 8 chữ, là “*Dịch* 惕, *Hào* 號, *Mộ* 莫, *Đạ* 夜, *Hữu Nhung* 有戎, *Vật Tuất* 勿恤” có thể xem như là tư cách của kẻ làm *Đại tướng*!

Từ xưa, binh lực sở dĩ bị thất bại, vì 2 có:

1/ Khi chưa có giặc, thì hờ hững dửng dưng, đó là do sự không rõ cái nghĩa của hai chữ “*dịch hào* 惕號” (biết lo sợ phòng trước để cảnh cáo bè bạn quân nhân).

2/ Thoạt nghe giặc đến, thì sinh ra hốt hoảng, bởi không hiểu rõ 4 chữ “*hữu nhung vật tuất* 有戎勿恤” (nghĩa gặp giặc đến thì biết thần nhiên bình tĩnh như không có việc gì!)

Vô sự, lo lắng phòng bị như đang xảy ra tai biến; khi hữu sự, mà nhập cuộc thì điềm tĩnh và hành động như không có gì phải lo sợ cả!

Đó là *những đặc tánh của vị Thượng Tướng*!

Đời, là một bãi chiến trường, ta phải luôn luôn phòng bị như một võ sĩ đang đứng giữa võ đài, luôn luôn sẵn sàng và chờ đợi những đòn bất ngờ của địch thủ. Cho nên người quân tử hay bậc Thánh nhơn bao giờ cũng có những đức tánh của một vị Thượng Tướng![1] rất trái với thường nhơn, hễ “*vô sự*” thì thần nhiên như

1. Trong quyển “*Tinh Hoa Đạo Học Đông Phương*”, trong chương thứ III, nhan đề “*Để thực hiện Tâm Hư*” có bàn đến phương pháp *Sống Trong Hiện Tại* (trang 52-70).

Trong quyển “*Cái Cười của Thánh Nhơn*” (nên đọc bài “*Học nghề ăn trộm*” của Pháp Diễn Thiền Sư dạy phép “*Tu Thiên*” (trang 239-246).

“sống say chết ngủ” không biết lo phòng gì cả, một khi “hữu sự” thì, “cuống cuồng” như kẻ mất hồn![1]

Cửu Tam: Tráng vu qui, hữu hung, quân tử quyết quyết,
độc hành ngộ vũ, nhược nhu, hữu uẩn, vô cữu.

九三：壯于頄，有凶，君子夬夬，
獨行遇雨，若濡有愠，無咎。

Tượng viết: Quân tử quyết quyết, chung vô cữu dã.[2]

象曰：君子夬夬，終無咎也。

Oai vũ hiện lên trên mặt (tráng vu qui) đem đến hung sự cho người quân tử cương quyết đi một mình, lại gặp mưa (độc hành ngộ vũ) bị mưa ướt hết!

Hoàn cảnh có vẻ mơ hồ (không rõ ràng) trong khi tất cả đều quyết tâm trừ khử bọn tiểu nhon, mà chỉ có một mình Tam lại đi kết liên với một kẻ đại tiểu nhon là Thượng Lục (mà tất cả đều nhất định trừ khử cho kỳ được).

Thế thì, ngoài mặt đóng vai quân tử (cùng đoàn) mà tâm tư lại theo tiểu nhon vì có sự ứng chiếu (Tam Lục tương ứng).

Nhưng chưa sao, bởi dù gì, Tam là dương cương, lại dương cư dương vị là đắc chánh, Tam vẫn là người tốt. Nhưng, chơi với tiểu nhon lâu ngày khó mà giữ vững dạ quân tử của mình; vậy Tam phải *thật cương quyết*

-
1. Nên đọc thêm “Cái Dũng của Thánh Nhơn”, chương thứ IV “Phòng sự bất ngờ”.
 2. 頄 qui, xương gò má (quyền); “tráng vu qui 壯于頄” sắc dữ dần, cường bạo hiện lên đầy mặt; “độc hành ngộ vũ”, đi một mình gặp mưa; “hữu uẩn”, có người gian).

cố giữ mãi tinh thần (*quyết quyết 夬 夬*) rồi sau này tên đại tiểu nhon là Thượng Lục sẽ bị loại trừ...

Có 2 con đường: nếu Tam mà “*tráng vu qui*” quyết liệt theo tiểu nhon thì “hung” sẽ đến; nhưng nếu Tam tuy chơi với tiểu nhon mà lòng “*quyết*” theo bè quân tử, thì Tam sẽ được “vô cữu 無咎”.

(*quân tử quyết quyết, chung vô cữu dã. 君子夬夬, 終無咎也。*)

Cửu Tứ: Đồn vô phu, kỳ hành thứ thu.[1]

Khiên dương hối vong, văn ngôn bất tín.

九四：臀無膚，其行次且，
牽羊悔亡，聞言不信。

Tượng viết: Kỳ hành thứ thu, vị bất đáng dã.

Văn ngôn bất tín, thông bất minh dã.

象曰：其行次且，位不當也，聞言不信，
聰不明也。

Hào Tứ, là hào Dương ở vị Âm (dương cư âm vị) là bất trung bất chánh, tài sức không vững. Ở thời Quyết, bày Dương đang tiến lên để đánh đổ một Âm, lẽ nào Tứ lại ngồi yên một chỗ để bày Dương chê cười? Mà muốn đi, thì khập khểnh như người ngồi bàn ăn mà không có thịt, lại phải đi tìm thịt, nhưng đi chập chững không đi được!

Thánh nhon mới nghĩ ra phương pháp: Trong lúc

1. “Đồn 臀” là cái bàn tròn; “phu 膚” là thịt; “thứ thu 次且” là chập chững; “kỳ hành thứ thu 其行次且” là chập chững như đứa trẻ mới tập đi!

quần dương cùng tiến, mình tự thấy không đủ sức vì thiếu tài, thì sao không biết nhường cho bầy dương đi trước, mình sẽ theo sau, như người chẵn dê đi theo sau bầy dê, lừa nó đi... Hễ chúng đi tới đâu, mình cũng đi tới đó! nên gọi là “Khiên dương hối vong”, có gì phải “hối”!

Nhưng, bởi Tứ là kẻ *không thông minh* (bất trung bất chánh) nên đâu có chịu tin (văn ngôn bất tín 聞言不信) vì theo ý ngu của Tứ, thì làm gì có việc dễ dàng như thế được! (*thông bất minh dã 聰不明也*).

Cửu Ngũ: Nghiện lục, quyết quyết, trung hành vô cựu.

九五：莧陸，夬夬，中行無咎。

Ngũ gần sát Thượng Lục, mà Thượng Lục lại là một tên đại tiểu nhon, có nên sợ cho Ngũ “gần mực thì đen” chẳng?

Khỏi phải lo! Là vì Ngũ đặc trung đặc chánh, là kẻ dương cương cư cương vị, thì vô lý lại bị ảnh hưởng xấu của Thượng Lục?

Lý là như vậy! nhưng tình đời có khi lại khác! là bởi Ngũ là Dương, mà Lục là Âm, nên Âm Dương cơ ngẫu có đan díu với nhau, thì cũng là lẽ thường!

Hào từ nói: “*Nghiện lục quyết quyết*” (nghiện lục, là một thứ rau đắng, không ăn được). Ngũ *quyết* đào tận gốc rễ của nó để mà rút đi! Có được ý chí quyết liệt ấy mà tuyệt giao với người tiểu nhon thì mới có thể cầm đầu bọn người quân tử! Nhưng *tâm lý thông thường của con người, không phải người quân tử là kẻ ghét tuyệt đối tiểu nhon đâu?* Rắc rối thay! Dịch đã bảo: “*Dương trung hữu Âm căn*” ghê sợ chưa? Cho nên lòng người là

một bầu mâu thuẫn, người quân tử tuy bề ngoài ghét tiểu nhân, nhưng bên trong lại yêu tha thiết kẻ tiểu nhân, có một cái gì làm cho ta như bị thu hút vào tâm trạng mâu thuẫn này! đâu ta chỉ ưa thích uống chén rượu đào ngon ngọt đầy hương thơm bát ngát mà ta lại cũng thích những món ăn thức uống đầy cay đắng khó ưa! Âm hay Dương đều có sức hấp dẫn của nó! Cho nên không có thứ hạnh phúc nào tuyệt vời mà trong đó không có đau thương chua chát!

Bạc minh quân nào, tuy rất ưa các bậc trung thân mà cũng thích nghe lời dùa nịnh ton hót! Cho nên, không gì đáng sợ bằng sự căm dỗ sa đọa!. Trên đời không có sự việc gì chỉ có một mặt![1]

Thượng Lục: Vô hào, chung hữu hung

上六：無號，終有凶。

Tượng viết: Vô hào chi hung, chung bất khả trường dã.

象曰：無號之凶，終不可長也。

Thượng Lục, là hào Âm còn sót, nằm trên ngũ Dương, chính là tên đầu đảng bọn tiểu nhân thời Quải! Dù có kêu gào than khóc (vô hào 無號) cũng vô ích, đây là chỗ cuối cùng của tên bạo Chúa!

Tuy nhiên, thấy như tất cả đều được giải quyết hoàn toàn rất dễ dàng, nhưng có đâu quá dễ dàng... Quải mà đến cùng rồi, sẽ biến thành quẻ Cấu, và như vậy tiểu

1. Trong truyện Tây Du Ký, Tam Tạng là bậc Thánh tâm, vậy mà không ưa Tôn Ngộ Không quá bộc trực, lại thích nghe theo Bát Giới nên thường bị lâm vào nhiều tai nạn... Người viết truyện rất thâm về tâm lý con người, ghét trung, thích nịnh.

nhon chưa bị diệt hết, lại còn sẽ có cơ hội phục sinh!
“chung bất khả trường!” 終不可長

Câu “chung bất khả trường” có 2 nghĩa: “Chung” là chỗ chung kết của hành động tiểu nhon, và sự cáo chung ấy cũng chỉ ở bên ngoài mà thôi. Tiêu diệt tiểu nhon đâu phải dễ, bởi không tiểu nhon làm gì có quân tử: *cặp Âm Dương là cặp “bất khả ly”*, không có Âm thì Dương cũng không còn! *“họa hê phúc chi sở ý”!*

Cái chỗ nguy hiểm đáng sợ, là tiểu nhon đang tiềm tàng (hay tiềm phục) Coi chừng! thường lúc “đại thắng” lại là chỗ về sau sẽ gây “đại bại”? Giả sử, nó không đợi đến hồi phục sinh, chỉ dư hưởng lúc nó còn đang “nằm vùng” trong đám người quân tử, tai họa ngấm ngấm vẫn cũng đáng sợ!

Ngay đối với bản thân, ta dù đã tiêu diệt được một tật xấu nào, tật xấu ấy tuy thấy đã bị tiêu diệt, nhưng sự thật đâu có dễ dàng như ta đã tưởng! biết đâu chỉ là một sự dồn ép đang đợi một thời cơ thuận tiện nào sẽ được phục sinh một cách bất ngờ... Theo luật “Quân bình” của Tạo Hóa, *cái gì ta cố ép xuống sẽ lại nổ bùng lên mau lẹ*, mà Lão Tử đã diễn tả một cách rõ ràng độc đáo:

Tương dục hấp chi,

Tất cố trương chi.

Tương dục nhược chi,

Tất cố cường chi.

Tương dục phế chi,

Tất cố hưng chi.

Tương dục đoạt chi,

Tất cố dũ chi.

Thị vi vi minh!

(Chương 36, Đ.Đ.K)

*(Hòng muốn thu rút lại, là sắp mở rộng đó ra
 Hòng muốn làm yếu đó, là sắp làm đó mạnh lên
 Hòng muốn vứt bỏ đó, là sắp làm hưng khởi đó
 Hòng muốn cướp đoạt đó, là sắp ban thêm cho đó
 Đó là, ánh sáng nhiệm mầu của Đạo!)*

*
 * *

Sự biến chuyển của Trời Đất tuy nhìn không thấy, nhưng luôn luôn âm thầm biến đổi không bao giờ ngưng, như *Liệt Tử* đã nêu lên trong bài *Dục Hùng* sau đây:

“Dục Hùng, thầy của Châu Văn Vương nói: Sự vận chuyển trong Trời Đất không bao giờ ngưng (thiên hành kiện, tự cường bất túc). Trong Trời Đất luôn luôn có sự biến bí mật, ai mà biết được! Cho nên, giẫm bên này, là tăng bên kia; đầy bên này, thì voi bên kia! Tăng giảm, đầy voi, sinh tử qua qua, lại lại, nối tiếp nhau mật thiết và bất tận, ai mà thấy được sự biến hóa ấy?”

Một cái khí “không” đột nhiên tăng lên; một cái hình “không” đột nhiên giảm đi, và cứ biến chuyển từ từ, nên ta không thấy nó lúc đầy hoặc lúc nó voi đi một cách đột ngột. Cũng như người ta từ lúc sinh ra tới lúc già, dung mạo, hình thái, trí tuệ không lúc nào mà không thay đổi: da, móng tay, móng chơn, tóc, mọc rồi lại rụng liên tiếp nhau không ngừng, nhưng vì sự biến chuyển từng phút từng giờ quá nhỏ nên ta không thể thấy ngay được, mãi về sau mới thấy!”

Nói rộng ra, ta có thể quan niệm rằng: sự “bại” chưa ắt là bại hẳn, mà sự “thắng” chưa ắt là thắng hẳn,

“chung bất khả trường 終不可長”; cái gọi là bị cáo chung biết đâu không phải là việc đang bắt đầu khởi phục một cách mạnh mẽ?

Các nước bị xâm lăng mà địch thủ lăm le tiêu diệt là những nước sau này có cơ được phục sinh lạ lùng! “đêm càng sâu, bình minh càng mau đến chóng”, và đến một cách rục rờ chưa từng thấy có! Đạo Trời, là thế ấy, há phải hư vọng của con người? Lão Tử đã nói toạc ra sự thật, là: hòng muốn phế đó, là làm cho đó hưng lên (tương dục phế chi, tất cố hưng chi).

44. THIÊN PHONG CẦU

天風姤



Sau khi hào “Âm” cuối cùng của thời Quải bị đánh bại, Âm đầu có hoàn toàn chết, nó đã âm thầm trở vào quẻ Cấu tại Sơ hào, đó là hào Thiếu âm của quẻ nội Tốn và là sơ hào của quẻ Cấu.

Cấu, thuộc về *tháng năm (Hạ Chi)* đã bắt đầu đục lần các hào Dương để đi lần đến quẻ cực Âm, là quẻ Khôn (tháng 10, tiết Lập Đông).

Thiệu Khang Tiết nói: “*Quẻ Phục* tiếp quẻ *Bác*, đó là *loạn cực trị sinh*; còn *Cấu* tiếp quẻ *Quải*, là *trị cực, loạn sinh*. *Thiên Lý* là *như vậy!*”

Thoán từ:

Cấu, nữ tráng, vật dụng thú nữ.

姤, 女壯, 勿用取女。

“*Cấu 姤*” là *ngộ* (gặp gỡ), là Âm gặp Dương. Âm đây là đứa con gái lớn (trưởng nữ), gặp bạn Dương, nên đặt tên là Cấu (sự gặp gỡ): “*Cấu, ngộ giả: Nhu ngộ Cương dã*”.

Âm bắt đầu tiến lên, đó là Dương bắt đầu lui dần. Đây, là thời buổi đã bắt đầu đi vào con đường “hắc ám”!

Nhút Âm bắt đầu bước mạnh vào quần dương, là thời thịnh trị bắt đầu đi vào ly loạn.

Như, ta đã thấy trong lịch sử loài người: đoàn lũ đàn ông con trai sống chung hòa bình thơ thái, một người đàn bà bước vào, là đã bắt đầu có loạn.

Mâm loạn vào quẻ Kiền, là cô con gái này (cô gái lớn (trưởng nữ) nên mới nói và khuyên “nữ tráng, vật dụng thú nữ” (cô gái lớn này vào quẻ Kiền, biến Kiền thành Tốn, nhưng than ôi “nội tổn” thì lại lấy hào Âm này làm chủ quẻ (quái đả dương, dĩ âm vi chủ). Mà cả quẻ Cấu này, cũng chỉ có Sơ hào Âm này làm chủ của toàn quẻ! Mới có hào từ khuyên “vật dụng thú nữ” (đừng có cưới nàng), nghĩa là không nên tính việc lâu bền với nàng (bất khả dĩ trường dã).

Việc đòi đều có những điều trái cựa như Dịch đã khám phá! Âm tuy yếu mềm, vậy mà Âm lại làm chủ Dương... Thời xưa, có Bao Tự (thời Châu U Vương); Đắc Kỷ (thời Ân Trụ); Muội Hi (thời nhà Thương) đã từng làm nghiêng đổ các triều đại... Cho nên, hào từ quẻ Cấu bảo: “vật dụng thú nữ” (đừng cưới)! đó là bọn con gái đàn bà làm cho “khuyh thành, khuyh quốc”.

Mới vừa vào đầu thời Cấu, đã khuyên “vật dụng thú nữ”; thời Cấu, là thời mà Âm làm chủ Dương (nhất âm, ngũ dương); đến thời thứ hai, thì 2 âm lấn tứ dương thành ra quẻ Độn; rồi ba âm, biến Kiền thành quẻ Bĩ; bốn âm, thì biến Kiền thành quẻ Quán; năm âm, thì biến Kiền thành ra quẻ Bác...

Ta thấy, Cấu, nhất âm sinh là bắt đầu đi vào con

đường hắc ám và ly loạn, bắt đầu thời “hắc ám” thực sự trong chu kỳ đại hóa.[1]

Đại Tượng

Thiên hạ hữu phong: Cấu.

天下有風，姤。

Hậu dĩ thí mạng, cáo tứ phương.

后以施命，誥四方。

Dưới Trời (Kiền) có Gió (Tốn) là Thiên Phong Cấu.

Tình trạng giống như ở quẻ Quán (số 20). Quán, thì Tốn (gió) ở quẻ Trên, Khôn (đất) ở quẻ Dưới, nghĩa là Gió thổi trên mặt đất; còn ở đây, quẻ Cấu, thì Gió thổi dưới vòm trời (trên là Kiền, dưới là Phong (Tốn) tức là Gió thổi trong “lòng không” giữa Trời Đất!

Trong 2 trường hợp, Gió đều thấm nhập vào tất cả mọi vật, không đâu không có!

Nhưng ở Quán, thì gió thổi trên mặt đất, tượng bậc quân vương tham quan cuộc sống của nhân dân để hiểu rõ phong tục của dân hầu tìm cách dạy dỗ chúng theo từng địa phương; trái lại, ở quẻ Cấu, thì nhà lãnh đạo tối cao lại không gần với dân chúng, mà “gió” tượng “bậc lãnh đạo” ở thật cao, cách xa dân chúng... tuy nhiên, nói là xa mà lại rất gần! Gió thổi bên trên, không chỗ nào không có. Trời, tuy cao, mà có gió là môi giới thấm nhuần vạn vật không thiếu một chỗ nào! nhờ gió mà Thiên khí thấm nhuần được cả vạn vật!

Trời (thiên khí) không tiếp ngay với Đất, mà tiếp xúc bằng gió thổi cùng khắp bốn phương. Người Quân

1. Xem “Chu Dịch Huyền Giải” về quyển Hoàng Cực Kinh Thế.

tử khác nào Trời cao, cách xa nhon thế cả khoảng rộng mênh mông, nhưng vẫn cũng tiếp xúc được bằng những lời giáo huấn qua môi giới sách vở, Kinh luận... như gió thổi cùng khắp bốn phương thiên hạ, không đâu không đến...

Vua, như Trời

Mà Thánh nhon cũng như Trời

Vua dạy bốn phương bằng mạng lệnh, Thánh nhon dạy thiên hạ bằng những văn nghệ phẩm của mình, chẳng những trong hiện thế mà cả ở hậu thế! Khổng Tử đi dạy các vua chúa đương thời... nhưng khi ông tác Dịch, thì lưu lại cho hậu thế và cả thiên hạ trong hoàn vũ chứ đâu có bị hạn chế trong đời sống của một thời, của một đời người, của một thế hệ... Bộ *Kinh Dịch* đã bay khắp vạn quốc! đó là “*hậu dĩ thi Mạng, cáo tứ phương* 后以施命，誥四方。”.

Cho nên Huyền học chia ra có 2 thứ quyền lực, quyền lực trong thời gian và quyền lực vượt thời gian là quyền lực của Thánh Nhon, quyền lực siêu thời gian và siêu cả không gian!

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Hệ vu kim nĩ, trinh khiết;

hữu du vãng, kiến hung. Luy thi phu trịch trực.[1]

初六：繫于金柅，貞吉。

有攸往，見凶，羸豕孚蹢躅。

-
1. “Kim nĩ 金柅” là cái hãm xe (frein) bằng chất kim khí, rất chắc; “hệ 繫”, là trói lại, buộc lại; “luy thi 羸豕” là con heo con; “trịch trực 蹢躅” là nhảy nhót!

Tượng viết: *Hệ vu kim nĩ, nhu đạo khiên dã.*

象曰：繫乎金柅，柔道牽也。

Sơ Lục, hào còn nhỏ bé, âm nhu, lại âm cư dương, là một đứa tiểu nhon. Nhưng, coi chừng! vì nó lại cũng là chúa tể của quẻ Cấu đấy! Nó có một thế lực ngầm ngấm, càng ngày càng lớn, dẫn thiên hạ đi lần vào thời bế! thời Bác loạn. Đâu phải là việc nhỏ?

Người Quân tử biết thế, nên không dám khinh thường, phải lo kềm chế nó như lo dùng đến “cái hãm” bằng đồng để chế nó, không để cho nó hành động tự do (*hệ vu kim nĩ* 繫乎金柅, và còn phải thật kiên trì “trình” mới mong “hãm” nó nổi!

Nếu vô tâm sơ ý mà để cho nó “tiến” lên, tất nhiên sẽ gặp sự hung dữ (hữu du vãng, kiến hung dã 有攸往, 見凶也).

Hào từ khuyên ta: đứa tiểu nhon này, tuy hiện còn đang bé nhỏ... nhưng chó khá xem thường, tuy nay như con heo con gầy còm, nhưng sẽ có ngày lớn lên mà nhảy nhót (*luy, thĩ phu trịch trục*).

Đừng bao giờ để tiểu nhon vào nhà, tuy hiện còn nhỏ, chưa có thế lực gì, nhưng “nuôi nó” thì đó là cái tai vạ mà mình đang ôm ấp!

Đối với công việc tu thân cũng thế! Một cái tật nhỏ nhỏ không đâu, nếu không gấp tiêu trừ, một ngày nó một lớn, thì nó sẽ là chủ mình.

Tham vọng con người, nay còn nhỏ, tham việc nhỏ... Càng ngày càng lớn, cái tham cũng nhân đó mà trưởng thành... Không sao trừ nổi!

Phật giáo dạy ta, ngay trong một ý niệm bất chánh

phải lo chận lại ngay... Ban đầu chỉ là một tà niệm... Phật giáo gọi đó là một ác niệm và cũng là một ý nghiệp rồi! Lâu ngày ý nghiệp ấy thành ra hành nghiệp, rồi đến thân nghiệp mà phải bị nghiệp quả suốt đời!

Cửu Nhị: Bao hữu ngư, vô cự, bất lợi tân.

九二：包有魚，無咎，不利賓。

Tượng viết: Bao hữu ngư, nghĩa bất cập tân dã.

象曰：包有魚，義不及賓也。

Người đọc Dịch không thể không lưu ý đến điều căn bản này: đó là lẽ tương đối của sự vật, hay nói cho đúng hơn, lẽ tương đối của Âm Dương.

Tùy công dụng của nó trong trật tự vũ trụ và nhơn sinh mà có chia phần Thiện Ác. Căn bản của Dịch, chính là đây, và cũng chính đây là phần cực kỳ quan trọng vì nó đã đánh tan cái thành kiến căn bản của Nhị Nguyên luận, là “chấp Có” hoặc “chấp Không”!

“Thời”, là thời gian;

“Vị”, là không gian.

Âm, theo bản chất có tánh cách thấp kém, tiêu cực; còn Dương có tánh cách cao quý, tích cực, nhưng nếu trong 6 hào, tượng cho 6 thời, nếu được đắc vị, đương vị thì tốt, mà thất vị hay bất đương vị thì xấu!

Toàn 64 quẻ 384 hào, Thánh nhơn luận về kiết hung đều căn cứ vào 2 yếu tố thời gian và không gian, là Thời và Vị, chứ tự nó không có cái gì là tuyệt đối tốt hay tuyệt đối xấu. Nói về Cương Nhu mỗi thứ đều có chỗ thiện, chỗ bất thiện của nó: lúc cần phải dùng Cương thì Cương là thiện, là chánh đạo; lúc cần phải

dùng đến Nhu, thì Nhu là thiện, là chánh đạo. Chỉ có Trung và Chánh mới không có chỗ bất thiện mà thôi!

*
* *

Giờ đây, xin bàn về hào Nhị của quẻ Cẩu!

Sơ, ở thời Cẩu, là một đứa tiểu nhon, nhưng đã bị Nhị chế ngự, nên Sơ phải phục tùng Nhị, tượng như một con cá bị Nhị cầm chắc trong tay (bao hữu ngư 包有魚), nên không tội lỗi gì (vô cữu 無咎).

Nhị, đắc trung đắc chánh, có đức cương trung nên có đủ tài đức nắm giữ Sơ trong bàn tay mà nó hóa thành kẻ tốt. Vậy, chớ để cho nó gặp kẻ khác, e không đâu có đủ tài đức như Nhị, thì không hay cho Nhị và cả người khác, bởi không khéo lại bị Sơ quyến rũ mà trở thành kẻ tiểu nhon! Cái nguy ở chỗ: *trị tiểu nhon, nếu không đủ tài đức trị tiểu nhon, thường lại bị tiểu nhon mà mình biến thành tiểu nhon*, như những kẻ trị cọp mà không trị nổi cọp, sẽ bị cọp ăn là khác! lại cũng như kẻ cứu người chết chìm, lại không đủ sức cứu còn bị kẻ chết đuối lôi mình xuống đáy nước!

Cho nên đừng để cho Sơ lọt vào tay Tứ, bởi Tứ không đủ tài đức cứu Sơ, sẽ bị Sơ mà hại luôn cho cả hai Sơ và Tứ. Theo lẽ, thì Tứ ứng Sơ, một Âm một Dương chính ứng là tốt, nhưng *Tứ bất trung bất chánh* không đủ sức cứu Sơ đâu, không bằng Nhị đắc trung, nên mới bảo: “*bất lợi tân 不利賓*”. Chữ “tân” đây là ám chỉ hào Cửu Tứ.

“*Bao ngư*” là khuyên Nhị phải nắm giữ Sơ đừng để nó chạy theo Tứ, vì sẽ có hại cho cả 2 người!

Cửu Tam: Đôn vô phu, kỳ hành thứ thu, lệ, vô đại cự.

九三：臀無膚，其行次且，厲，無大咎。

Tượng viết: Kỳ hành thứ thu, hành vi khiên dã.

象曰：其行次且，行未牽也。

Theo lẽ thường, âm dương rất ưa nhau, mà trong toàn quẻ Cấu chỉ có một Âm (ở Sơ hào) thì sao cho khỏi mỗi anh dương anh nào lại chẳng ao ước được vui vẻ với Sơ.

Tiếc gì, Sơ đã cùng Nhị gặp gỡ rồi lúc vừa chớm nở (Nhị sát cận bên Sơ là tài đức vẹn toàn, hữu quyền hữu lộc, nên Tam không làm sao chạy theo Sơ được nữa!)

Tam, vốn là dương cương lại đắc vị “dương cương cư dương vị” đâu có thể ngồi yên, cần chạy lên trên với hào Thượng Cửu, nhưng than ôi! Thượng Cửu cũng là loại dương như mình, thì ở không yên mà đi tìm Thượng Cửu không tiện! Tam, dù sao cũng là dương cương đắc chánh, chẳng lẽ lại mãi mê làm sao? Vậy, phải biết an phận thủ thường (hay an thân thủ phận), thì không lợi lỗi gì lớn (vô đại cự 無大咎).

Cửu Tứ: Bao vô ngư, khởi hung.

九四：包無魚，起凶。

Tượng viết: Vô ngư chi hung, viễn dân dã.

象曰：無魚之凶，遠民也。

Tứ, là dương cư âm vị, bất chánh bất trung.

Lẽ ra chính ứng với Sơ, nhưng Sơ đã bị lọt vào tay Nhị, có khác nào “con cá” (ngư 魚: cá) đã bị lọt vào tay kẻ khác, thì Tứ kể như đã mất con cá (Sơ, là con cá).

Tứ là kẻ ở trên, địa vị trên, còn Sơ là kẻ ở địa vị dưới, vậy mà trên không thu hút được ai, dưới thì dân bỏ đi theo kẻ khác, tức là ở vào trường hợp “*Xa dân*” (*viễn dân 遠民*) hoặc “*dân xa mình*”! quá xấu, là hung.

Sách xưa có nói: “*Thiên thời, Địa lợi, Nhơn hòa, Nhơn hòa vi bản!* 天時地利人和, 人和為本。” Cho nên *mất lòng dân, là mất nước!* Làm cha mẹ mà mất lòng con, làm chồng mà mất lòng vợ, làm thầy mà mất lòng trò, làm chủ mà mất lòng tớ, làm chúa tể mà mất lòng dân, là đại họa trong đời người! Bởi vậy, bị “*dân xa lánh*” vì mình đã “*lánh xa dân*”, là sắp đi đến một đại họa to ngất trời!

Cửu Ngũ: Dĩ kỷ, bao qua, hàm chương,
hữu vận tự thiên.[1]

九五：以杞包瓜，含章，
有隕自天。

Tượng viết: Cửu ngũ hàm chương, trung chánh

Hữu vận tự thiên, chí bất xá Mạng dã.

象曰：九五含章，中正也，
有隕自天，志不舍命也。

Hào Cửu Ngũ ví như một cây cao to lớn có thể che chở được cây nhỏ chung quanh... là hào Dương cương đắc trung đắc chánh, lại đứng ở ngôi chí tôn. Đúc tốt,

-
1. “*Kỷ杞*”, là một thứ cây cao lớn, có thể che được các cây nhỏ chung quanh; “*Qua 瓜*” là cây dưa, thuộc loài âm, thường có dây leo vào cây to, tượng hào Sơ Lục (thuộc người đàn bà ví như dây cát đặng dựa vào cội cây to, là người lẹ mọn, còn cây “*Kỷ*” là tượng hào Cửu Ngũ). “*Cát đặng đeo bóng tùng quân*”.

vị cao mà lại biết trọng hiền mà không khoe khoang (hàm chương) may mắn được sự nghiệp to lớn như được thời vận lớn, như trời chiều người (*hữu vận tỵ thiên*).

Thượng Cửu: Cấu kỳ giác, lãn vô cữu.

上九：姤其角，吝無咎。

Tượng viết: Cấu kỳ giác, thượng cùng lãn dã.

象曰：姤其角，上窮吝也。

Thượng Cửu ở chót vót quẻ, đã là dương cương, lại quá cương mà bản thân bất trung bất chính, đó là “*thái cương tắc chiết*” nên thủ tượng là “*cái sừng*” (giác 角).

Ở trên đầu quẻ Kiên mà đi gặp gỡ với người ta (cấu, là gặp gỡ) bằng cách dùng “sừng” mà húc vào người, thì ai chịu cùng giao hữu với mình? Đâu phải đó là cách gặp gỡ “cấu”, như thế, thì bè bạn cũng phân ly chỉ mang lấy xấu hổ, còn trách lỗi cho ai được? (*lãn, vô cữu 吝無咎*).

“*Vô cữu*” là không biết phải qui lỗi vào ai (*vô sở qui cữu 無所歸咎*).

*
* *

Tóm lại, hào *Sơ Lục trong quẻ là người đàn bà đáng sợ*, mà như ta thấy văn hào Hermann de Keyserling đã bình phẩm chung về người đàn bà.

“*Những mùi hương thơm ngào ngạt đều do những chất bị trở mình. Đất mà nảy sinh được các thứ hoa đẹp nhất phải được ủ phân*. Cho nên, những đóa hoa đẹp

nhất và những con rắn đẹp nhất đều rất độc; những người đàn bà đẹp nhất và quyến rũ nhất là những người đàn bà giả dối nhất!”

Đàn bà trong quẻ Cấu, rất đẹp, rất hiểm ác, nghĩa là rất tiểu nhon.

Các hào Dương đều chú ý có một mình nó mà thôi, nó là trung tâm chú ý của mọi người! Ai mà chế phục được nó, vì thủ đoạn của nó rất cao cường, cỡ Bao Tử, Đắc kỷ hay Muội Hỷ chớ có vừa đâu, sẽ trị được nó! Trong 5 hào Dương, chỉ có 2 hào Nhị và Ngũ mới thu phục được nó mà thôi!

Trị tiểu nhon, chỉ có lượng Bao dung, nghĩa là không nên dùng “Cương” mà phải khéo dùng “Nhu”, tức là sự dịu dàng và rộng lượng mới cảm hóa được. Cho nên chỉ có 2 hào Nhị và Ngũ mới có dùng đến chữ “BAO”: Ngũ, thì hào từ nói: “dĩ kỷ bao qua”, còn Nhị, thì nói “Bao hữu ngư”.

Trong Thiên Chúa giáo có câu chuyện một người đàn bà bị “tội” dâm ô và bị dân chúng bắt được tại trận, lôi ra giữa công chúng để bị thụ hình ném đá cho chết. Trong tất cả mọi người, chỉ có một mình Jésum đã khuất phục được nàng mà thôi! Ngài đã bao dung!

Một người đàn bà nữa, tuyệt đẹp, lại đa dâm, làm nghề kỹ nữ, là Marie Madeleine; nhưng sau cùng, chỉ có một mình Jésum đã khuất phục... và người đàn bà ấy đã được tôn thánh! Jésum, là hào Ngũ quẻ Cấu.

Phải chăng hào Sơ Lục quẻ Cấu đây là tượng trưng nơi 2 người đàn bà “xấu xa” và “tội lỗi” này?

Độc quẻ Cấu, thánh nhon dạy ta chỉ có một chữ thôi, là chữ “Bao”, là đầu não thuật xử thế, nói chung,

chứ không phải nói riêng về người đàn bà hay kẻ tiểu nhân! “*Bao*” là “*bao dung*” như Lão Tử đã bảo, trong Đạo Đức Kinh, Chương 16: “*Tri Thường Dung, Dung nãi công, Công nãi Vương, Vương nãi Thiên, Thiên nãi Đạo, Đạo nãi Cửu...*”

(*Biết đạo “Thường” thì “bao dung”; bao dung thì được công bình; công bình thì bao khắp; bao khắp là Trời, Trời là Đạo, có Đạo thì mới được lâu dài...*).

Chữ “*Thường*” là ám chỉ *Đạo* (thường Hằng bất biến).

45. TRẠCH ĐỊA TỤY

澤地萃



“*Tụy giả, tụ dã*”

萃者，聚也。

Cần để ý đến quẻ Tỉ và quẻ Tụy, đồng một ý là “hội tụ”, nhưng có khác nhau.

Quẻ *Tỉ*, thì trên là nước của Khảm, nước trên mặt đất.

Còn quẻ *Tụy*, thì trên là nước của Đoài, nước trong đầm, *ăn sâu vào mặt đất*.

Tỉ, là *mặt nước cùng mặt đất dính sát nhau, không kể hở*, dùng để nói lên sự đoàn kết chặt chẽ giữa con người!

Tụy, là nước, nhưng chẳng những mặt nước và mặt đất dính sát nhau, lại còn ăn sâu vào lòng đất, vì cái đáy hồ ăn sâu vào trong lòng đất.

Cũng cùng một ý, là “tụ hợp” với nhau, nhưng ở *Tỉ* chỉ có nhút Dương thống trị quần âm tại hào Cửu Ngũ, còn ở *Tụy* thì có đến Nhị Dương ở 2 hào Tứ và Ngũ tiếp sức, nhau, nên ý “tụ hợp” mạnh thế hơn, sâu đậm hơn như mặt nước đáy đầm ăn sâu vào lòng đất.

Thoán từ:

*Tụy hanh, vương cách hữu miếu, lợi kiến đại nhơn:
Hanh, lợi trinh; dụng đại sinh, kiết, lợi hữu du vãng.*

萃，亨，王假有廟。利見大人，
亨，利貞。用大牲，吉，利有攸往。

Cần đọc thêm quẻ Hoán (Phong Thủy Hoán số 59) nơi lời Thoán để hiểu câu “*Hoán, hanh, vương cách hữu miếu*” của Hoán mà so sánh với lời Thoán này của quẻ Tụy: “*Tụy, hanh, vương cách hữu miếu*”.

Sự *tụ hợp* nhiều người trong một cộng đồng là việc rất cần thiết và cũng rất tự nhiên... Là bởi, nếu muốn củng cố lâu ngày tình người trong một gia đình, phải qui tụ các người trong gia đình *chung quanh bàn thờ tổ tiên* để nhắc nhở cho nhau sợi dây liên lạc giữa các người cùng họ! Thiếu sự thờ cúng tổ tiên khiến cho trong dòng họ bà con càng ngày càng xa cách. Những lễ tế đền Hùng của người Việt Nam cũng do câu “*Tụy hanh, vương cách hữu miếu*”! Tục ngữ có câu: Cây có cội, nước có nguồn. Trong một quốc gia, dù là vô thần, vẫn không bao giờ quên “*Tụy hanh*” chung quanh ngày giỗ vị Thần Tượng Quốc Gia. Lễ giỗ tổ phải là một nghi lễ vô cùng quan trọng để người trong cả dân tộc mến yêu nhau mãi mãi...

Trong gia đình cần phải có một người trưởng tộc lo việc thiên thu lễ bái; trong một quốc gia, ngày lễ giỗ kẻ đứng ra lập quốc, phải được xem là một ngày lễ lớn nhất trong năm.

Người chủ tế phải là người đầu bầy, phải là người đại tài đại đức, nên mới nói “*lợi kiến đại nhơn, hanh*” 利見大人，亨”.

Đại Tượng

Trạch thượng ư địa, Tuy

Quân tử dĩ trừ hung khí, giới bất ngu.

象曰：澤上於地，萃。

君子以除戎器戒不虞。

Trên mặt đất, có cái đầm, nên đặt tên là Tuy.

Người quân tử xem theo tượng ấy, nước đầm, hồ mà dâng lên cao, thì tràn đầy lan rộng ra! Phải phòng bị sự tràn ngập ấy! Khi dân chúng tụ họp đông, thường biến thành một lũ người vô tâm dễ bị lôi cuốn do các phần tử xấu xúi giục mà sinh ra xô xát tranh cạnh và cướp bóc (đám đông nào cũng vậy), vậy phải phòng xa lo chuẩn bị khí giới (các đồ hung khí) để kịp bầy trừ sự hỗn loạn!

Đó là cái nạn của sự “*tuy tụ*”: cá nhân nào mà đi vào đám đông đều dễ trở thành vô tâm vô thức cả! và bởi thế, những chánh thể mang danh là “dân chủ” ưa tụ tập dân chúng thành nhóm đông để dễ bề cai trị, như trị những con người trong quân đội! “*giới bất ngu 戒不虞*” là phòng chặn trước những bất ngờ không hay có thể xảy ra.[1]

*
* *

1. Đọc các quyển “Psychologie des Foules” của Dr Gustave LeBon, và “Psychologie des Masses” của André Jousain, nhất là quyển “Le Viol des Foules par la Propagande Politique” của Serge Tchakhotine... để biết Kinh Dịch đã biết rõ 4.500 năm trước đây...

Ở đây “*Tuy*” tượng cái *đầm nước*, chỗ *tụ hợp các dòng nước tản mác trên núi cao*, chúng tôi liên nghĩ đến công việc thành lập một Hội Vạn Quốc (*S.D.N Société des Nations*) khoảng 1919, và tiếp đó sau Thế chiến thứ 2 khủng khiếp quá (1941–45) thành lập *Hội Liên Hiệp Quốc (Organisation des Nations-Unies (1945))*...

Mục đích hội này là để “*Giới bất ngu*” chặn trước không cho có Thế giới chiến... bằng cách ngồi lại bàn Hội nghị (Nhưng cũng chỉ là “*trò tiên vi Lễ, hậu vi Binh*!”), như chúng ta đã thấy, cả 2 Hội: *Hội Vạn Quốc (S.D.N)* và *Hội đồng Liên Hiệp Quốc (ONU)*, đã và đang đi vào con đường phá sản, vì chưa từng lúc nào bằng lúc này, chiến tranh cục bộ đã tràn lan khắp chốn. Trước các sự xung đột và chiến tranh cục bộ này... *Hội đồng Liên Hiệp Quốc* chẳng ra cái “*cóc*” gì cả! Theo Đại Tượng quẻ *Tuy*, đã khuyên: “*Quân tử dĩ trừ hung khí, giới bất ngu*”! nghĩa là bảo, chẳng cần chỉ ngồi lại để bàn tán mà cần dự phòng binh lực để dùng Vũ lực trị kẻ ngang tàng bất chấp lẽ phải, ý muốn khuyên, *cần có một đạo quân, tinh nhuệ nhất và mạnh nhất, hiệu quả nhất* thì may ra các nước hội viên mới biết nể những nghị quyết của *Hội đồng Bảo an* đã đưa ra.[1]

1. Về vấn đề Chiến tranh và *Hội đồng Liên Hiệp Quốc* ngày nay, đã được nhà văn Aldons Huxley phanh phui với nhiều tài liệu xác đáng, ta thấy rõ nơi “*Tuy tụ*” đại qui mô này chỉ là một “*trò hề*” (*une Comédie*) thảm thiết... Không khéo “*Tụ*” riết rồi lại “*Tán*”, vì như Dịch Kinh đã nói: *Tụ để mà tán; rồi tán để mà tụ lại*... “*vãng lai bất cùng*” vị chi *Biển*! *Hội đồng Liên Hiệp Quốc* đã đang thành công trong thất bại! Có như vậy, mới đúng với nguyên lý *Tuy Hoán* (Hợp–Ly tán) và đúng theo nhãn quan của Dịch Lý: Càng bàn đến Hòa Bình, càng tạo thêm Chiến tranh. Nguồn gốc Chiến tranh là chủ nghĩa Quốc gia. Hễ ngày nào còn chủ Nghĩa Quốc gia là ngày đó thế giới còn có sự xung đột.

Tiểu Tượng

Sơ Lục: *Hữu phu bất chung, nãi loạn nãi Tụy, nhược hào, nhất ác vi tiểu, vật tuất, vãng vô cự.*

初六：有孚不終，乃亂乃萃，若號，一握為笑，勿恤，往無咎。

Tượng viết: *Nãi loạn, nãi tụy, kỳ chí loạn dã.*

象曰：乃亂乃萃，其志亂也。

Hào Sơ, bất chánh (âm cư dương vị) tánh chất nhu nhược, không cương quyết.

Đáng lẽ ở vào thời “Tụy tụy” phải nhìn lên hào Tứ mong điều hội hợp, nhưng vì nhu nhược nên rồi không chung thủy với Tứ, lại chạy nhập bầy với bọn tiểu nhon với các hào âm của nội quái! Và như vậy càng gây rối loạn ngay trong hàng ngũ của mình!

Quái từ khuyên Sơ: Hãy kêu gọi bạn tốt của mình là Tứ tiếp cho thì sẽ được vui vẻ tươi cười, dù bọn xấu có rẻ rúng chê cười cũng mặc! (*vật tuất 勿恤*).

Sơ vẫn cương quyết theo bọn đồng minh quân tử của mình là Tứ (“vãng” là bảo nên tới lui với hào Tứ), thì “vô cự”.

*
* *

Chỗ khổ tâm của Sơ Lục, là tâm chí quá nhu nhược, dễ cho bầy tiểu nhon làm cho lòng rối loạn (nãi loạn nãi tụy): chí của Sơ rối loạn là phải, vì bị luật “*Các đồng kỳ loại*”, nên mới nói: “*Kỳ chí loạn dã*”!

Lục Nhị: Dẫn, kiết, vô cữu, phu nãi lợi dụng, thược.

六二：引，吉，無咎，孚乃利用禴。

Tượng viết: Dẫn kiết vô cữu, trung vị biến dã.

象曰：引，吉，無咎，中未變也。

Trong thời Tụy, đừng chọn lựa cầu thả con đường của mình.

Lục Nhị, âm nhu, đắc trung đắc chánh, thượng ứng với Cửu Ngũ, cũng đắc trung đắc chánh: hai hào đều được Trung Chánh, lại một Âm một Dương nên nhóm người này (Nhị và Ngũ) là nhóm người rất tốt cho thời “Tụy tỵ”.

Nhưng còn e, Nhị bị kẹt giữa một bầy âm (Sơ và Tam), mà Nhị và Ngũ còn xa nhau, nên có lời răn: Nhị định theo (tụy tỵ) với Ngũ, thì hãy “dẫn 引” bọn âm cùng với mình lên hợp tác với Ngũ, thì rất tốt!

Sở dĩ Ngũ có đức Trung nên lòng không thay đổi (trung vị biến dã 中未變也) nên khuyên Nhị cố mà rũ cả lũ cả bầy lên cùng giúp cho Ngũ.

Lục Tam: Tụy như, ta như, vô du lợi vãng,
vô cữu, tiểu lãn.

六三：萃如嗟如，無攸利往，無咎，小吝。

Tượng viết: Vãng vô cữu, thượng tổn dã.

象曰：往無咎，上巽也。

Theo lệ, thì Tam và Thượng Lục tương ứng, nhưng vì cả hai đều cùng một loại âm, không ứng với nhau được, nên Tam tuy có khuynh hướng theo Lục, nhưng lại thích chạy theo Tứ và Ngũ, bởi cả 2 đều thuộc Dương để đoàn tụ (Âm Dương tương hội).

Tiếp gì, Tứ đã cùng Sơ là chính ứng, còn Ngũ thì ứng với Nhị, và bởi Tam, *bất chánh bất trung*, nên Tứ và Ngũ không thềm “tụ tụ”! Cho nên Tam càng muốn “tụ hợp” với Tứ–Ngũ bao nhiêu, lại càng thấy xa xôi cách trở bấy nhiêu, và chỉ còn than thở, ta thán... mà thôi (*tuy như, ta như, vô du lợi* 萃如嗟如, 無攸利).

Lời Tượng, khuyên Tam, chỉ còn có một điều, là đi theo Thượng Lục thượng ứng phút đi cho rồi! (vãng vô cự, thượng Tốn đã 往無咎, 上巽也。) vì Thượng Lục có tánh “thuận” (Tốn, là thuận). Tam mà theo Thượng, Thượng sẽ cho, bởi dù sao cũng là đồng loại với nhau (các tòng kỳ loại), mặc dù theo như vậy, thấy cũng có phần thẹn (*tiểu lẩn*, là hơi thẹn thùng một chút).

Thời “Tụ Tụ” phải có bạn, Tam mà theo Lục, đàn bà với đàn bà thì kết bạn với nhau cũng đỡ cô đơn! cũng không xấu gì!

Cửu Tứ: *Đại kiết, vô cự.*

九四：大吉，無咎。

Chữ “*đại kiết*” nghĩa là gì? Là mở rộng lòng ra, là hoàn toàn cởi mở với người, không còn ích kỷ vụ lợi gì nữa cả; tức là *lo cho đại đa số quần chúng! lo một cách chí công vô tư.*

Trong xã hội, hiện chỉ còn có Ngũ là đặc trưng đặc chánh, Tứ phải nhìn theo đó mà đi, chung quanh toàn là âm nhu tiểu nhon, không khéo sa vào bè lũ chúng. Được vậy, thiên hạ sẽ theo mà hoàn thành được sứ mạng của hào dương!

Cửu Tứ là vị cận thần của Cửu Ngũ, hai hào tốt nhất

quẻ Tụ Tụ. Có được vậy mới không có lỗi (*vô cữu* 無咎).

Cửu Ngũ: *Tụ, hữu vị, vô cữu, phi phu.*

Nguyên vĩnh trinh, hối vong.

九五：萃有位，無咎，匪孚，
元永貞，悔亡。

Tương viết: *Tụ hữu vị, chí vị quang dã.*

象曰：萃有位，志未光也。

Quẻ này, trên dưới bốn Âm đều tụ vào Nhị Dương. Tứ mới bước vào quẻ trên, chưa phải vào chánh vị, cho nên chỉ có Ngũ có đủ đức Dương cương đắc chánh, đức thịnh vị tôn, thiên hạ đều “tụ tụ” theo mà không có gì lỗi cả (*Tụ, hữu vị, vô cữu*).

Cận Ngũ, còn có Tứ, tuy là người tốt, nhưng là “Dương cư Âm vị” (chưa hẳn là tốt) còn cần tu kiểm lại thân mình và mở rộng tấm lòng để lo việc thiên hạ, nên cũng chưa phải là kẻ đồng tình tương ứng, đồng khí tương cầu, còn đợi... một thời gian (nếu muốn trở thành người tốt và hoàn toàn tin nơi Ngũ. (cho nên Ngũ chưa chắc đã lấy được lòng tin của Tứ (*phi phu* 匪孚)). Hào từ khuyên Ngũ phải cố được “vĩnh trinh” (“Nguyên” đây, là gọi *Cửu Ngũ* vị nguyên thủ). Chùng nào vị nguyên thủ này “vĩnh trinh” thì mới được “*hối vong*”!

Tụ Ngũ đắc vị mà người chưa đủ đức mình, cần phải tu đức thêm nữa, cho được sự hoàn toàn tâm phục mới được, chú thiên hạ theo vì ngôi vị, chưa đủ! (*chí vị quang* 志未光) Chưa sáng lắm!

Thượng Lục: *Tề tu, thế di, vô cữu.*

上六：齎咨涕洟，無咎。

Tượng viết: Tề tư thế di, vị an thương dã.

象曰：齎咨涕洟，未安上也。

Hào Thượng Lục âm nhu, lại ở chỗ cùng cực của thời “Tụy tụy” bất trung bất chánh, là kẻ tiểu nhân, dù có đi cầu “tụy tụy” với ai, cũng chẳng có ai chịu “tụy” với mình... chỉ còn biết “than thân, trách phận, khóc lóc” (“Tế tư”, là than thở; “thế di” là khóc lóc chảy nước mắt nước mũi...). Nhưng đó cũng là số phận của nó, biết sao bây giờ!

Càng muốn Tụy tụy, càng bị Hoán tán... luật tự nhiên của Tạo hóa! Càng muốn được, dễ mất...[1] Muốn hiểu dễ dàng hơn, cần nhìn Quẻ Chuyển (Nội chuyển) của quẻ Tụy và đọc quẻ Hoán.

-
1. Các quẻ trong quẻ Chuyển, không nói đến Tụy như mây tụy lại trên núi để mưa và nước đọng thành hồ... mà lại là *trận gió to* (ngoại Tốn), nội Cấn (nghĩa là gió thật to bay trên các đỉnh núi, làm tan mây... phải chăng là nói đến sự Hoán tán?

Ở Thoán từ của 2 quẻ Tụy và quẻ Hoán đều nói: “*Hoán, hanh, vương cách hữu miếu*”. Thoán từ của quẻ Tụy cũng nói: “*Tụy, hanh, vương cách hữu miếu*”.

Tốn trên 2 hào Dương; Cấn dưới 2 hào Âm, ta thấy Nhị Dương ở thượng phong hiếp Nhị Âm ở dưới thấp: đó là gió to. Cho nên, mới nói Tụy mà Tán (trong quẻ Tụy có mầm của quẻ Tán).

46. ĐỊA PHONG THĂNG

地風升



Nội, là quẻ Tốn (tượng Mộc)

Ngoại, là quẻ Khôn (đất)

Có nghĩa là *cây mọc trên mặt đất*, càng lớn, càng cao, cho nên đặt tên là *Thăng* (nghĩa là *vượt lên cao*) vượt lên một cách *nhẹ nhàng tự nhiên*.

Cũng cần để ý mà so sánh *Thăng* với quẻ *Tấn* (*Hỏa Địa Tấn*, số 35). Cả hai có đồng một ý là *tiến lên*. Nhưng *Tấn*, là do quẻ *Ly* (*thượng quái*) còn hạ quái là quẻ *Khôn* (*đất*) tượng mặt *Trời* (*Ly*) mọc lên khỏi mặt đất trong cảnh bình minh, mặt trời càng cao càng sáng một cách dễ dàng và nhẹ nhàng như không cần phải cố gắng! Còn quẻ *Thăng* đây, là tượng cây mọc trên mặt đất, phải cố gắng mới vượt lên lần lần lên trên mặt đất (mộc phải khắc thổ mới lên được cao). Sự lên cao phải nặng nề và cố gắng.

Thoán từ:

Thăng, nguyên hanh.

Dụng kiến đại nhon, vật tuất, nam chinh kiết.

升，元亨。用見大人，勿恤，南征吉。

Thăng, là đi lên, và lên như buồm thuận gió, chắc chắn là được hanh thông.

Nhưng, sở dĩ được “nguyên, hanh” chẳng phải chỉ vì thời thế xui nên, mà chính nhờ ở trong thời “Thăng” này có nhiều bậc đại tài đại đức được toàn thể người người tôn quý, đó là đấng Đại nhơn này, đó là hai hào Nhị Ngũ của quẻ Thăng vậy! Tại sao lại cho các bậc Đại nhơn này quý nhất? Hai hào Nhị Ngũ này đều gồm một cách đầy đủ điều hòa cả Cương lẫn Nhu, cả Nhu lẫn Cương, thủy đều đắc Trung đắc Chánh, tiếp ứng nhau, nên mới tạo nên đại thế trong đời.

Trong 64 quẻ của Dịch Kinh, chỉ có 3 quẻ này, được quái từ phê bằng 2 chữ “NGUYÊN HANH” mà thôi: là những quẻ Thăng, quẻ Đỉnh và quẻ Đại Hữu.

Thường, dù là được phê “*Nguyên Hanh*”, lại còn thêm sự rắn đẽ bằng thêm 2 chữ “*lợi trinh*”. Ở 3 quẻ này, tuyệt không có gì rắn dạy nữa cả! Ngay cả quẻ Su cũng không được “nguyên hanh”!

Đành rằng được “Âm cư Âm vị” hay “Dương cư Dương vị” là hay; nhưng cũng không sao hay bằng “*trong Âm có Dương, trong Dương có Âm*” nghĩa là “*Âm trung hữu Dương căn*”, “*Dương trung hữu Âm căn*”! Lại còn được “*Dương cư Dương vị*”, “*Âm cư Âm vị*” thì thật là tuyệt hảo! Đây, là chỗ kỳ diệu nhất của Dịch Lý.

Trở về quẻ Thăng, ta thấy Nội Tốn, là *thuận*; mà Ngoại Khôn cũng là *thuận*. Câu “*cương trung nhi ứng*” là nói về hào Cửu Nhị ứng với hào Lục Ngũ, Nhu Cương tương ứng, nên mới được hai chữ “*Đại Hanh*”! “*Tốn nhi thuận, cương trung nhi ứng, thị dĩ đại hanh*”

巽而順，剛中而應，是以大亨。”。 Đây là nói về hào Nhị (Dương thì thẳng, cho nên hào Dương ở dưới nhìn lên trên và đến với Ngũ phía trên là thuận Đạo vậy). Đó là tượng quẻ “*Thủy Hỏa Ký Tế*”.

“*Đại nhơn*” trong câu “Dụng kiến đại nhơn, vật tuất” là ám chỉ hào Cửu Nhị: thiên hạ mà thấy được bậc Đại nhơn này, thì chẳng cần phải lo gì nữa (*vật tuất 勿恤*).

“*Nam chinh*” là bảo cứ tiến lên theo vòng chu kỳ từ quẻ Phục đến quẻ Kiên, tức là tiến theo vòng Thiếu dương (Dương tiến, Âm tiêu). Tiến về phương Nam. “*Nam chinh, kiết 南征吉*”.

Đại Tượng

Địa trung sinh Mộc, Thăng.

Quân tử dĩ thuận đức, tích tiểu dĩ cao đại.

地中生木，升。

君子以順德，積小以高大。

Trong đất, cây mọc lên, đó là tượng quẻ Thăng, là càng lớn càng cao, vượt lên mãi.

Người quân tử xem đó mà thuận theo cái “Đức 德” của mình, càng ngày càng vượt lên cao; *thực hiện đến tận cùng* cái “Đức” của mình, từ lúc mới nẩy mầm đến lúc trưởng thành.

Nên để ý đến chữ “Đức” ở đây, không có nghĩa là đức tánh mà là cái “Đức” *hiện của Đạo* mà Tạo Hóa đã phúc cho. “Đức” là *hiện tướng của Đạo* gọi là *Chân Tâm* (hay *Thiên Tánh*), nhà Lão gọi là *Thiên Chân*, nhà Phật gọi là *Bản Lai Diện Mục*...

Chữ “*thuận Đức*” của Đại Tượng quẻ Thăng muốn

nói, là việc mà nhà Đạo, gọi là *Bảo toàn Thiên Chân* đừng để nhân vi giết chết, như Trang Tử đã nói ở thiên Thu Thủy: “*Vô dĩ nhơn diệt Thiên, vô dĩ cố diệt Mạng... Cẩn thủ nhi vật thất, thị vị Phán Kỳ Chân*”.

Trong quyển “*Trang Tử Tinh Hoa*”, tôi đã viết: “Một cội cây từ lúc đâm chồi nảy mộng, trở lá đơm bông, các giai đoạn biến thể tuy nhiều, nhưng cái Sống của cây từ đầu chí cuối vẫn Một, đó là thuận theo Tánh tự nhiên của mình cũng gọi là *thuận theo cái Thiên đức của mình*, chuyển theo cuộc biến hóa vô tận của Trời Đất âm dương, trải qua nắng mưa bốn thời tám tiết... mà không bao giờ mất Tánh của mình. “Tánh” ấy, gọi là “Đức”! (*Trang Tử Tinh Hoa*, trang 126).

*
* *

Người quân tử thấy cây mọc trên đất càng ngày càng cao, và lo cho nó giữ toàn được Thiên Chân của nó... lo từ việc nhỏ đến việc lớn (“tích thiếu dĩ cao đại”... nghĩa là từ nó còn nhỏ đến nó lên cao và to lớn). Bảo toàn Thiên Chân, là lo nó khỏi bị xã hội làm cho nó bị “*tàn sinh tổn Tánh*”![1]

Tiểu Tượng

Sơ Lục: *Doãn thăng, đại kiết.*

初六：允升，大吉。

1. Đọc *Trang Tử Nam Hoa Kinh*, bài “*Thất Tánh*” (trang 636) và bài “*Tân sinh tổn Tánh*”

Tượng viết: *Doãn thăng đại kiết, thượng hợp chí dã.*

象曰：允升大吉，上合志也。

Đây là bước đầu của công việc thượng thăng. Để cho việc vượt lên, cây cối cần phải lo rút mạnh sinh lực dưới đất bằng rễ; tuy còn nhỏ bé yếu đuối và chưa có công lao gì to lớn, nhưng đã được “thuận” (tốn, là thuận) với sự nâng đỡ bên trên của 2 hào dương mà vươn lên (2 hào Dương ấy là Kiên khí hay dương khí).

“Doãn 允” là tin tưởng. Hai hào dương bên trên tiếp sinh khí cho Sơ Lục vượt lên nên gọi là “doãn thăng”. Nếu âm và âm tin nhau thì gọi là “hối vong”, còn dương với âm tin nhau, thì được “đại kiết”, nghĩa là tốt hơn đồng loại gặp nhau, có đủ Âm và Dương mới gọi là “hợp chí”.

“Doãn thăng, đại kiết, thượng hợp chí dã”.

允升大吉，上合志也。

*
* *

Hai hào Dương của nội Tốn, tượng các “tối đại lực” của Đan điền, đưa nhựa sống hút trong lòng đất để đưa lên thân cây, chuyển sang qua các cành lá, đến tận đầu ngọn! Đó là phép tu “đạo dẫn” của Khí công học.

Cửu Nhị: *Phu, nãi lợi, dụng thược, vô cữu.*

九二：孚乃利，用禴，無咎。

Tượng viết: *Cửu Nhị chi phu, hữu hỉ dã.*

象曰：九二之孚，有喜也。

Cửu Nhị chính ứng với Lục Ngũ.

Cửu Nhị là dương cương ở phía dưới; Lục Ngũ là âm nhu lại ở trên.

Cả hai đều có đủ Âm Dương Nhu Cương hỗn hợp nên hết sức thông cảm với nhau và một dạ chí thành, cho nên Nhị được trọn lòng tin của Ngũ.

Phàm bất cứ việc làm nào mà chí thành, thì luôn luôn “*vô cữu*”, nhờ đó mà tha hồ dư sức thi thố ân trạch cho tất cả mọi người trong thiên hạ, há không phải là việc đáng vui lắm hay sao? (*hữu hi dã* 有喜也).

Cửu Tam: Thăng hư ấp.

九三：升虛邑。

Tượng viết: Thăng hư ấp, vô sở nghi dã.

象曰：升虛邑，無所疑也。

Tới đây, các trở ngại bế tắc đều tiêu tan cả. Ta có thể tiến lên hết sức dễ dàng.

Hào Dương này thật mạnh, nhờ hào Nhị tiếp sức. Tam, là dương hào cư dương vị, đắc chánh, lại còn ở trên hết nội quái, mà toàn quẻ là âm... Cho nên, Tốn cực nên có tài dương cương lại còn được pha vào đức thuận của quẻ Tốn, nên được 3 âm ở trên ngoại quái phục tùng ngoan ngoãn. Ở vào thời Thăng mà sức vượt lên của mình như thế, thì “thăng” tới đâu mà chẳng được dễ dàng? Tựa như mình đi vào một cái ấp bỏ trống, không ai ngăn cản! (*thăng hư ấp* 升虛邑).

Lời Tượng lại còn nói thêm: “*thăng hư ấp, vô sở nghi dã*”, như đi vào ấp không người, đừng nghi ngờ gì cả!

*Lục Tứ: Vương dụng hanh, vu kỳ sơn,
thuận sự dã. Kiết, vô cự dã.*

六四：王用亨于岐山，吉，無咎。

Lục Tứ, có đức âm nhu đắc chánh (âm cư âm vị) lại ở vào thể của ngoại Khôn. Nếu ngày xưa, đây là bậc vương hầu như Văn Vương được thịnh hành tại Kỳ Sơn 岐山. Văn Vương chỉ là vua chư hầu, chưa phải là Thiên tử còn ở dưới quyền của vua Trụ.

Được như Văn Vương, việc làm phải thuận thời (thuận sự dã 順事也) nên được “kiết, vô cự”! Làm vua chư hầu mà thế lực mạnh ở Kỳ Sơn, là đã đạt được mục đích của mình rồi!

Kỳ Sơn, ở phía Tây Trung Quốc, chỗ ở của Văn Vương, còn con là Châu Công, là một bậc đại hiền có công soạn thêm Thoán truyện bổ túc cho Thoán từ của Văn Vương. Bây giờ các nước bạn chung quanh đều tôn trọng, nên kể ra đã để lại cho đời sau một sự nghiệp kiến thức vĩ đại là bộ Kinh Dịch.

Lục Ngũ: Trinh kiết, thăng giai, đại đắc chí dã.

六五：貞吉，升階。大得志也。

Thuộc âm nhu, lại được đắc trung đắc chánh, gồm cả Cương Nhu, còn được nhiều bậc hiền tài giúp ở ngôi chí tôn, nên gọi là “thăng giai” (giai, là cấp bậc). “Thăng giai 升階” là đã được đưa lên giai cấp cao nhất thiên hạ. Được vậy, là được “đại đắc chí 大得志”.

Thượng Lục: Minh thăng, lợi vu bất tức chi trinh.

上六：冥升，利于不息之貞。

Tượng viết: *Minh thăng tại thượng tiêu, bất phú dã.*

象曰：冥升在上消，不富也。

Đây là hào chót vót quẻ Thăng, nhưng vì là âm nhu nên ra *người hôn ám*. Thăng đến cực độ mà lại còn cầu được “thăng” thêm nữa! Thật là con người hết sức hôn ám! hết sức mê loạn!

Thượng Lục, được “âm cư âm vị” nên, dù sao, cũng đắc chánh! nên, nếu biết theo người quân tử mà cầu tiến thì tốt, nghĩa là cầu tiến về Đạo Tâm; trái lại, nếu lại chiều theo bản chất âm mà cầu “*minh thăng 冥升*” chữ minh đây, không phải sáng, mà là tối (*khoảng mặt Trời lặn xuống mặt đất, lối 6 giờ chiều*) thì phải tiêu trầm như mặt trời lặn! “Tiêu” là dương tiêu, nên còn gì nữa, mà không phải là “*bất phú 不富*”.

47. TRẠCH THỦY KHỔN

澤水困

Mệt mỏi, kiệt quệ



Quẻ Khốn tiếp sau quẻ Thăng, là vì *hể lên mãi, lên cao đến ngất trời, thì phải bị khốn đốn*, bị ngã nặng mà chết! (thăng bất dĩ, tất khốn).

Theo thể của quẻ, thì Khốn do ngoại Đoài, nội Khảm (Âm trên, Dương dưới). Ngoại quái nhị Dương nằm dưới nhất Âm, còn Nội quái nhất Dương lại sụp vào ổ âm; đều là dương cương bị âm nhu che lấp, đó là *Quân tử lọt vào thế lực của tiểu nhân*, thế đạo đang lâm vào cơn cùng khốn! nên đặt tên là Khốn.

Thoán từ:

Khốn hanh Trinh. Đại nhơn kiệt, vô cữu.

Hữu ngôn bất tín.

困，亨，貞，大人吉，無咎。
有言不信。

Đoài, là cái miệng; *Khảm*, là nguy khốn, tức là cái tai họa do Miệng.

Chữ “*Tín* 信” có nghĩa là *kín miệng, ít lời*. Theo tâm lý, kẻ nhiều lời là người khó giữ chữ Tín, trước sau gì cũng để lộ ra những gì cần phải giữ kín. Trong cảnh nguy khốn mà chung quanh ta bọn tiểu nhon hay dòm giỏ, rình mò ta ngay trong lời ăn tiếng nói, nếu không dè dặt, ít lời và kín miệng thì nguy! *Trên là Đoài (tựa cái miệng); dưới là Khảm (tượng nước miếng): nói đến khô nước miếng, là nói quá nhiều!* nên mới căn dặn chữ “*Tín*”, kẻ mà ta có thể tin được, là kẻ *ít lời!* và chỉ nói một lời...

Theo tượng quẻ Khôn, trên là nước đầm, dưới là nước chảy (thượng Đoài hạ Khảm) nhưng *đầm bị rịn nước* và lâu ngày làm cạn nước của đầm. Đó là đầm không có nước, *đầm đã cạn nước*, tượng sự *kiệt lực* vì *nói nhiều quá! Nói nhiều hao khí lực!* Đạo gia khuyên: *nên câm lặng để dưỡng khí.*

Nếu là bậc đại nhon (quân tử) sống ở thời Khôn nên gìn giữ khí tiết, không để cho thời cuộc thay đổi; bề ngoài, nên *“thủ khẩu như bình, phòng ý như thành”*, *im lặng là tốt nhất*, vì có nói gì nữa, cũng không ai tin, mà cũng không nên tin ai bằng lời nói hay bằng sự tuyên truyền! *hữu ngôn bất tín, thượng khẩu nãi cùng*
有言不信, 尚口乃窮。

“*Thượng khẩu* 尚口”, là “*đua miệng*” *đua tranh nhau trong lời nói*, đã không ăn thua gì lại còn vờ họa đến cho mình là khác!

Hai chữ “*thượng khẩu*” cũng có thể hiểu là “*múa miệng khoe khôn*” để được tiếng là kẻ có tài; hoặc là “*xảo ngôn tâng bợ*” để cầu thân, để mua lòng kẻ khác, hoặc là “*bươi móc*” tội lỗi, nói xấu kẻ khác để che lỗi mình; hoặc dùng miệng lưỡi để lừa gạt kẻ khác... đều

có thể gọi chung là “*thượng khẩu*” mà nhà Phật gọi là “*vọng ngữ*”. Kết cuộc, chỉ làm cho ta đến bước đường cùng của thời “*Khốn*” mà thôi (“*thượng khẩu nãi cùng 尚口乃窮*”).

*
* *

Như thế, thì quả quyết chỉ có người quân tử không hám danh hám lợi mới có thể xử nổi ở thời *Khốn*! Chú *hạng tiểu nhơn háo danh, háo thắng làm sao tiết kiệm được lời nói của mình*. Cho nên mới nói “*trinh đại nhơn kiệt*”. Hạng kẻ tiểu nhơn mà sống trong thời “*Khốn*” khó giữ toàn thân mạng mà thường *chết vì cái vạ miệng!* “*Khốn hanh, kỳ duy quân tử hồ! 困亨，其唯君子乎。*” (Ở thời *Khốn* mà được hanh thông, chỉ có Thánh nhơn mà thôi ư?)

Đại Tượng

Trạch vô thủy: Khốn.

Quân tử dĩ trí Mạng, toại chí.

象曰：澤無水，困
君子以致命，遂志。

Đầm cạn nước, là tượng quẻ Khốn.

Đầm cạn nước, là cái đầm trống không, như cái “lòng không” (Tâm không) của người học Đạo!

“Trí Mạng 致命” là đi đến chỗ gọi là “Tâm Hư”.

Có tu được Tâm Hư mới có thể, trong thời *Khốn*, giữ được sự điềm đạm chí cực: “*Điềm đạm Hư Vô*” không để cho ngoại vật làm động đến Tâm mình.

Điềm đạm là “*nhu nhu*” *bất động*, không còn bị vấn đề thị phi, thiện ác, vinh nhục, đắc thất... làm điên đảo lòng mình, giữ được sự tỉnh minh phi thường trước mọi biến cố! Có làm chủ được lòng mình, mới làm chủ được tình thế gian nguy thời “*Khổn*”!

Văn Vương bị giam nơi Dữu lý, sống chết trong tay bọn Vu Hồn Bí Trọng và cái “cao hứng” bất thần của bạo chúa không biết lúc nào, vậy mà vẫn giữ được sự điềm tĩnh như không có gì, lặng lẽ ngồi viết xong phần Thoán từ của Kinh Dịch lưu lại đời sau một tác phẩm vô tiền khoáng hậu, thử hỏi Văn Vương nếu không giữ được lòng Trinh Chính thì làm sao có đủ tinh thần sáng suốt mà sáng tạo được như thế? Ngay lúc mà lòng bị ngổn ngang về thế sự, không thể ngồi mà đọc nổi Kinh Dịch thay, hướng hồ lại sáng tác nổi Thoán từ của Kinh Dịch. Nhân vì có cảnh “*Khổn*” đó, mới tỏ rõ được cái tài đức phi thường của Thánh nhơn! Nên mới có lời khen: “*Khổn hanh, kỳ duy Thánh nhơn hồ!*” 困亨，其唯聖人乎。 Ở thời *Khổn* nguy mà giữ được lòng *thản nhiên bình tĩnh* hanh thông, phải chăng chỉ có bậc Thánh nhơn mà thôi ư?

Tiểu Tượng

Sơ Lục: *Đôn khổn vu châu mộc, nhập vu u cốc, tam tuế bất dịch.*

初六：臀困于株木，入于幽谷，三歲不覿。

Tượng viết: *Nhập vu u cốc, u bất minh dã.*

象曰：入于幽谷，幽不明也。

“*Châu mộc* 株木”, là gốc cây trụ cành, chỉ còn có cái gốc trời lên thôi.

“*U cốc* 幽谷” là hang tối

“*đôn*”, là cái mông, bàn tròn.

Sơ Lục, là hào âm nhu, ở vào địa vị thấp nhất, là chỗ bất trung bất chánh (âm cư dương vị), ở vào thời Khốn thì *khốn khổ đến chừng nào, có khác nào muốn ngồi nghỉ mệt, đâu có chỗ ngồi, như ngồi trên một gốc cây đã trụi cành chỉ còn trơ trơ một gốc cây trôi lên trôi, muốn cựa quậy thì bị dính trên gốc cây, mà có đi, lại rớt vào hang tối, đến ba năm chẳng gặp được ai! như lạc vào chốn hoang vu, không làm sao có gặp ai cứu cả!*

Trên thì có hào Cửu Tứ là nơi tiếp ứng, nhưng khôn thay, “*Tứ*” này là một kẻ bất tài, bất trung bất chánh, thì còn cậy nhờ ai? “*Tứ*” đã chẳng những bất trung bất chánh mà dưới nó, không ai đỡ đầu, như cái *lưới âm, không chỗ đứng!*

Tự mình mà không độ nổi mình, thì còn lo độ ai trong thời khốn đốn này? Hoàn cảnh đành là tuyệt vọng! Một kẻ nhu nhược như Sơ Lục mà gặp tai họa thì nguy không thể nói!

Cửu Nhị: Khốn vu tửu thực, chu phát phương lai, lợi dụng hưởng thực, chinh hung vô cự.[1]

九二：困于酒食，朱紱方來，
利用亨食，征凶，無咎。

Tượng viết: Khốn vu tửu thực, trung hữu khánh dã.

象曰：困于酒食，中有慶也。

-
1. “*Chu phát phương lai* 朱紱方來” là chơn đeo vớ đỏ (đồ phẩm phục các vị quan ở triều) ám chỉ bọn quan lại tại triều kéo đến Nhị và tặng Nhị đủ phương tiện vật chất, nào áo mũ, cân đai... và cả bạc tiền.

Cửu Nhị, là hạng quân tử (đắc trung đắc chánh), cùng với Cửu Ngũ *đồng loại dương cương*, nên không sao khế hợp được! Cửu Ngũ để ý đến Nhị, tuy quý trọng mà không thực tâm muốn dùng. Cho nên Nhị vẫn buồn, dù được ân lộc đầy đủ phủ phê: “Hữu danh vô thực”! Hay gì!

Phải biết *chịu nhục mà làm thịnh*, nếu nóng tánh mà muốn hành động chống lại (chinh) *tất gặp ngay tai họa*... Cũng cần giữ mồm giữ miệng, vì cả hai “Ngũ” như “Nhị” đều là dương cương cả!

Ở, thì phải chịu nhục; mà đi, thì đi cũng không được! vì đã bị theo dõi!

Đó là tâm trạng của Hàn Tín, được lưu dụng ở triều đình, chức phụng đằng hoàng, nhưng thực quyền chẳng có!

Hào Từ khuyên: Nên lo việc “tế tự thần linh” ý muốn bảo chỉ còn có Trời mới cứu được! và hãy lo cầu nguyện, một việc làm miễn cưỡng... như Trương Lương tìm kế đi tu, ăn chay, tĩnh tọa... may ra! Chứ như Hàn Tín, đã sa vào cảnh Cửu Nhị, lại còn khoe khoang khôn đại với Bái Công thì bảo đừng bị đại họa sao được! Hai con hổ tranh nhau (dù là trong thái độ và lời nói) thì con hổ ở thế có quyền hành bao giờ cũng thắng!

*
* *

“Một hôm Hàn Tín với Bái Công luận bàn về tài ba các Tướng, người nào có thể chống giặc, người nào có thể cầm quân, ai có thể cầm quân nhiều, ai có thể cầm quân ít... nhất nhất Hàn Tín kể bày cặn kẽ. Bái Công thích lắm, hỏi:

– Như Trẫm có thể cầm được bao nhiêu quân?

Tín nói:

– Bệ hạ bắt quá cầm được cỡ 10 vạn quân mà thôi!

Bái Công lại hỏi:

– Còn như Tướng quân thì như thế nào?

Tín, nói:

– Như thần, thì càng nhiều càng tốt!

Thoán từ đã có lời răn đe, nhấn nhủ: “*hữu ngôn bất tín, luận khẩu 乃窮。*” Tranh đua bằng lời nói cao thấp, thì là vùi họa đến không sai.

Lục Tam: *Khốn vu thạch, cứ vu tật lê, nhập vu kỳ cung, bất kiến kỳ thê, hung.*[1]

六三：困于石，據于蒺藜，入于其宮，不見其妻，凶。

Tượng viết: *Cứ vu tật lê, thừa cương dã, nhập vu kỳ cung bất kiến kỳ thê, bất tường dã.*

象曰：據于蒺藜，乘剛也，入于其宮，不見其妻，不祥也。

Lục Tam, là âm nhu, lại bất trung bất chánh (âm cư dương vị).

Khảm, là nguy hiểm, mà Tam lại đứng trên hết quẻ Khảm, tức là đã đi đến điểm cực độ của sự nguy hiểm, tiến lên thì đụng phải hào Tứ của ngoại Đoài là dương

1. “Tật lê”, là bụi gai;

“Cung 宮”, là ở nhà.

“Bất kiến kỳ thê”, là nói về hào Âm của hào Lục Tam.

cương, nên bị dừng lại; còn như muốn đi xuống lại cũng gặp dương cương của Cửu Nhị. Cho nên xuống không được! Khác nào trên thì đầu va vào đá, còn xuống thì như ngồi lên bụi gai (*tật lê*). “Khổn vu thạch, cú vu tật lê”.

Tiến thối đều chẳng được, thì chỉ còn có trở về nhà, nhưng về tới nhà, cũng không thấy có vợ ở nhà (“*nhập vu kỳ cung, bất kiến kỳ thê* 入于其宮，不見其妻”.)

*
* *

Phàm là người quân tử muốn giữ gìn thân mạng, phải kén chọn thật kỹ chỗ mình đang “dựa vào” (*cứ 據*) để gởi thân, đừng bao giờ xem thường việc ấy!

Tam, muốn “dựa” vào *Tứ*, nhưng *Tứ* là dương cương chỉ ngó lên, không thềm ngó xuống... khác nào *Tam* phải va đầu vào phiến đá! Còn theo *Nhị*, thì *Nhị* đã cùng phối hợp với *Ngũ* rồi, đâu có chịu để cho *Tam* cõi trên mình mình! Thế như gởi thân ngồi trên cây gai, làm sao ngồi yên? Phải chăng kết quả là sự “bất tường”!

Ngạn ngữ có câu: “Chim khôn lựa cây lành mà đỗ; Trai khôn lựa Chúa thánh mà thờ!”

Nhưng đây, là nói về thân phận các nước nhược tiểu “dựa vào” các cường quốc để mưu độc lập cho mình, rốt cuộc vì “dựa” phải vào chỗ “vô sở cứ” (không phải chỗ mà mình dựa) mà thành ra suốt đời cứ đi từ kiếp nô lệ này qua kiếp nô lệ khác, không dứt kiếp tôi đòi! Đó là “*Khổn vu thạch, cú vu tật lê*” (va đầu vào phiến đá, hay ngồi trên bụi gai”).

Cửu Tứ: *Lai từ từ, Khốn vu kim xa, lãn, hữu chung.*

九四：來徐徐，困于金車，吝，有終。

Tượng viết: *Lai từ từ, chí tại hạ dã.*

Tuy bất đáng dã, hữu dự dã.

象曰：來徐徐，志在下也。

雖不當位，有與也。

Cửu Tứ, sở dĩ đến từ từ trên chiếc “Kim xa” (xe vàng) uể oải, đáng thẹn (lãn 吝) nhưng, kết cuộc cũng được (hữu chung 有終).

Tứ, bản chất dương cương nhưng ở không đúng vị (dương cư âm vị), biết mình còn kém tài kém đức, nên đối với bản thân chưa xong trong thời Khốn, mới nghĩ đến người bạn phía dưới là Sơ hào (chí tại hạ dã) có lẽ sẽ tiếp cho? Nhưng, khó! Là vì giữa Tứ và Sơ còn có Nhị, thế lực mạnh lắm, lại còn bức ép Sơ đang bị khốn ở dưới, đến đôi 2 bên muốn thân nhau (2 bên tiếp ứng với nhau bằng 1 âm 1 dương là phải nghĩa lắm), nhưng phải từ từ... Nhưng, nếu Tứ mà biết trì chí kiên gan, một lòng quyết ứng với Sơ, kết quả tất nhiên sẽ được!

Sở dĩ “lai từ từ” vì Tứ ở chưa phải chỗ của mình, “cư bất đáng vị”, nhưng rồi sau cũng sẽ được việc (hữu dự dã 有與也).

Cửu Ngũ: *Tị ngoạt, khốn vu xích phát,*

nãi từ hữu duyệt, lợi dụng tế tự.[1]

九五：劓刖，困于赤紱，

乃徐有說，利用祭祀。

1. “Tị ngoạt” là hình phạt bị cắt mũi, chặt chơn; “Xích phát” là vớ đỏ, phẩm phục các quan triều (mang vớ đỏ).

*Tượng viết: Tị ngoạt, chí vị đắc dã, nãi từ hữu duyệt,
dĩ trung trực dã, lợi dụng tế tự, thụ phúc dã.*

象曰：劓刖，志未得也，乃徐有說，
以中直也，利用祭祀，受福也。

Cửu Ngũ, là hào dương cương, đắc trung đắc chánh, ở ngôi chí tôn, lẽ ra, là người cứu khổ phò nguy ở thời khốn khổ này, nhưng éo le thay, những kẻ thân của Ngũ đều bị thương, hay nói cho đúng hơn, tìm cách làm thương tổn Ngũ, trên thì Thượng Lục toan ra tay đè nén, dưới thì Cửu Tứ cũng toan làm phản và khuynh đảo. Cỡ như Cửu Nhị là thân tín nhất, dù mình đã ban “vớ đỏ” nó vẫn đứng dung buồn bã không muốn thật tâm tiếp ứng với mình, thì có khác nào trên thì bị cắt mũi, dưới bị chặt chơn. Nhưng dù sao, thì Nhị rồi cũng sẽ hợp với Ngũ một cách từ từ (bởi cả hai đều cùng một loại dương cương (*nãi từ, hữu duyệt* 乃徐有說)).

Cũng có lợi mà cầu nguyện (lợi dụng tế tự) sẽ có được phước! (*thụ phúc dã* 受福也). Cầu nguyện (prier) không hẳn là một sự mê tín, mà thường là một sự tập trung ý tưởng mạnh vào điều mình mong muốn! Một lý tưởng mà mình muốn lắm, sẽ thành một thực thể sau khi là một ý lực! Với ý muốn cương quyết một cái hư sẽ thành cái thực, một nguyện cầu mà thành thực tế!

*Thượng Lục: Khốn vu cát lữ, vu nghiết ngọt viết động
hối, hữu hối, chinh kiết.*

上六：困于葛藟于臲卼曰動悔，
有悔，征吉。

Tượng viết: Khốn vu cát lữ,
 vị đáng dã động hối hữu hối, kiết hành dã.[1]
 象曰：困于葛藟，未當也，動悔
 有悔，吉行也。

Hào Thượng Lục là hào cuối cùng của quẻ Khốn, tức là khốn khổ đến cực độ rồi, theo lệ, thì vật cùng tắc biến, nên mới nói: “*Khốn vu cát lữ*”. Hoàn cảnh rắc rối như bị chùm dây sắn ràng buộc, nên đi đứng không vững vàng, khắp khểnh. Như thế, cảnh khốn khổ đã đến mức cùng tột rồi, tự nó rồi sẽ tự giải. Đừng lo.

Nhưng, nhơn lực, óc thông minh của con người cũng phải biết phòng xa viễn lự, hễ bất cứ việc gì, nên tự hỏi: E động mà có hối chăng? (động, hối 動悔).

Dù ở hoàn cảnh “khốn cùng” mà có cùng cơ biến, nhưng lòng cứ “hữu hối” mãi... thì chắc chắn hành động mình sẽ được tốt! (*hữu hối, chinh, kiết 有悔征吉*).

*
* *

Nơi Hệ từ Hạ truyện có câu: “*Nguy giả sử bình, dị giả sử khuynh*”, là để nói về quẻ Khốn này! Biết phòng trước, biết lo sợ trước... thì sẽ được yên ổn; trái lại, cứ xem thường xem khinh mọi việc, thì dễ bị đổ nát! Tức là “*sinh w wu hoạn; tử w an lạc*”.

*
* *

1. “*Cát lữ*”, là ngụm dây sắn; “*nghiết ngột*”, là gập ghềnh, khắp khểnh.

Quản Trọng khuyên Tề Hoàn Công nên cứu nước Hình đang bị nước khác xâm lấn. “Bọn nhung địch là giống sài lang, lòng tham không đáy! Để cho Hình thua, thì Tề ắt cũng lâm nguy theo. Phải lo trước, chứ đừng thấy ta đang sống trong an lạc mà yên chí không lo họa hoạn! Điều *yên vui là món thuốc độc, chớ nên ôm ấp!* Xin Chúa công gấp cứu nước Hình!”

“*Yên vui là món thuốc độc, chớ khá ôm ấp!*” Phải chăng vì Quản Trọng ý muốn răn đời, không tránh được cái tật nói quá lời, làm cho người nghe phải sợ hãi chẳng?

Không phải thế đâu! Nếu Quản Trọng mà nói thật hết lời, chắc chắn thiên hạ sẽ còn hãi hùng hơn nữa! Là vì, chết vì thuốc độc, trong ngàn vạn người chỉ có một, *còn chết vì yên vui (an lạc) thì tất cả người người trong thiên hạ đều bị cả!* Cái độc của sự yên vui, thật là thảm khốc không biết chừng nào! Ở đây, Quản Trọng chỉ đem có một việc mà người đời ai cũng sợ để làm thí dụ mà thôi!

*
* *

Xe đi trên mặt đất, không chỗ nào nhàn từ bằng khoảng đường quanh co khúc khuỷu như cái ruột dê; mà không có khoảng nào thất nhân thất đức bằng những con đường rộng thẳng và phẳng lý! Thuyền đi trên nước, chẳng chỗ nào nhàn từ bằng những khúc sông sâu hiểm như dòng thác; mà không có chỗ nào bất nhân bằng những nơi rộng lớn, êm tợ ao tù! “Sinh u vu hoạn; tử u an lạc”!

Bởi biết có nguy, lòng âu lo phòng bị mà thân mới được an toàn; bởi thấy quá dễ, nên sinh dạ khinh thường mà thân mới tan nát! Người đời sống vì những lúc lo và phải lo; còn chết dễ dàng quá bởi cảnh quá an toàn không gì phải lo sợ cả? Lẽ ấy rất rõ ràng, nhưng sở dĩ người đời không biết lo sợ, vì thói quen không hay suy xét đến mà thôi!

*
* *

Ở thời Khổn mà *không biết phòng xa*, nguy hiểm vô cùng! Như thế, chỉ có thời Khổn mới phải biết lo, các thời khác đâu cần phải lo? Có phải vậy không?

Hẳn là Không! Là vì như ta đã thấy các thời an toàn sung sướng nhất lại còn phải cần lo xa nhiều hơn nữa; vả lại, ở đời, lúc nào mà chẳng có loạn, nhất là lòng mình đã loạn, thì đời làm sao không loạn? “Việc trong thiên hạ, mầm họa đâu phải sinh ra trong lúc loạn ly, mà thường dễ sinh ra trong những lúc thái bình. Họa đâu phải sinh ra trong cơn khốn đốn họa hoạn mà thường dễ sinh ra trong những lúc đang hưởng hạnh phúc tuyệt vời”.[1]

1. Trích trong quyển “Tinh Hoa Đạo Học Đông Phương” (trang 31) (1972).

48. THỦY PHONG TỈNH

水風井



Với quẻ Tỉnh, Dịch đề cập đến vấn đề *căn bản của sự Sống*, và nói về những phương pháp *nuôi dưỡng cái gốc của Sinh Mạng* (cả vật chất lẫn tinh thần).

Đó là phép “*Tu Chân Nội Lý*” của Đạo gia.

Nơi ngoài đời, Tỉnh là cái *giếng sâu*.

Nơi thân thể của con người, là cái *Rún* giữa bụng. *Cái rún*, là tượng quẻ Tỉnh.

Lấy theo giọng đọc, Tỉnh cũng có nghĩa là “*tĩnh ngộ*”.

Theo tượng quẻ có câu: “*Mộc thượng hữu Thủy*” (Trên ngọn cây có nước). “*Tốn*”, là *tượng Mộc*. Ngoại quái là *Khảm* (Nước).

Cây, thuộc Mộc, mộc khí là nguồn gốc của sự sống trên mặt địa cầu, hút Nước (chứa trong lòng đất) tức là hấp thụ tất cả sinh khí trong lòng đất (gọi chung là địa mạch (forces telluriques) mà sinh ra tân dịch, đưa từ gốc rễ cây lên đến các ngọn cây, nên mới nói: “trên ngọn cây có nước” (mộc thượng hữu thủy 木上有水).

Cho nên, *trên cây thường hay có giọt nước đọng ở*

đầu cành, ở đầu các lá non. Thế, có khác nào nước mạch trong giếng rỏ ra!

Nhìn kỹ tượng quẻ Tỉnh, ta thấy trên là một hào âm (dưới cũng hào âm).

Âm có tánh hút vô, tụ lại, nghĩa là hút sinh khí bên dưới trái đất; còn hào âm phía trên cũng là nơi hút thiên khí cho cả 2 luồng khí Âm Dương gặp nhau nơi lòng giếng (lòng giếng là một lỗ không mà Đạo gia gọi là “*hố sâu của Đan điền*”). “*Khí hải*” (bể chứa khí thiêng của Trời Đất).

Ta thấy Dương là Không, mà Âm cũng là Không, hợp nhau mới thành ra Có ($H + O = H_2O$). Ta nên so sánh với quan niệm Phật giáo về chữ “*Không và Sắc*”: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc*”; và “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*” và rốt cùng “*vạn cảnh giai không*”. Học Phật, cần cố gắng hiểu cho được cái nghĩa “*bất dị*” và “*tức thị*” này, thì mới có thể đi sâu vào Phật học, cũng như học Dịch, cũng phải cố gắng hiểu cho kỳ được câu “*Âm “bất dị” Dương*”, và “*Âm tức thị Dương*”, tức là “*Âm trung hữu Dương căn*”; và “*Dương trung hữu Âm căn*”, và Âm Dương là “*bất nhị*” (không phải hai), thì mới hiểu được mật pháp của *Đan Điền Khí Hải* (tượng ở tại cái Rún), đúng hơn ở dưới Rún.

Nước trong giếng là bất tận, nơi mà ta “múc” mãi không bao giờ cạn, là như “lòng biển cả”, mà Trang Tử đã khéo tả ở thiên Thu Thủy: “*Dưới Trời, nước không đâu nhiều hơn biển cả. Đó là nơi muôn sông đổ về không bao giờ thôi, mà không hề đầy; rồi nước biển lại chảy vào sông rạch không bao giờ ngưng, mà không hề vơi...*” (“*Thiên hạ chi thủy mạc đại ư hải, vạn xuyên quy chi bất tri hà thời chỉ, nhi bất doanh; vĩ lưu tiết chi*

bất tri hà thời dĩ, nhi bất hư 天下之水，莫大於海，萬川歸之不知何時止，而不盈，尾閭泄之不知何時已而不虛。”).

Cho nên Đạo gia khuyên ta “*hãy để cho Lòng mình to rộng như Biển cả thu hút cả sông rạch vào trong. Sự yên lặng trầm hùng của Biển cả luôn luôn bất biến. Nó cảm thấy không có lưng, voi!*”[1]

Hào tử Thoán có nói: “*vô táng, vô đắc, vãng lai tinh tinh 無喪，無得，往來井井。*”

Đọc Dịch, phải biết Biến... cho nên đọc Dịch, nên nhớ là đang đọc Kinh “Vô tự” (đừng chấp trong văn tự). Như chữ “Tĩnh” đây là một. “Tĩnh”, tùy lúc, khi có nghĩa là giếng nước, khi có nghĩa là tĩnh mạch, tĩnh cực (thủ tịnh đốc), danh từ biến cả, có khi biến cả chữ viết, biến cả theo giọng đọc...v.v... Không hiểu như vậy, đọc Dịch suốt đời cũng vô ích. Dịch, sở dĩ hay, là ở chỗ tượng trưng và kêu gọi... không phải như khoa học tự nhiên chính xác ngày nay, chết cứng theo hình thức.

Ở đây ta thấy Thánh nhơn đã ví cái giếng nước như một cái Đan Điền Khí Hải, như cái Biển cả... sóng gió ba đào, hoặc cuộn cuộn chảy như thác đổ liên hồi, từ trên cao không gián đoạn.

Thoán từ:

Tĩnh, cải áp bất cải Tĩnh, vô táng, vô đắc, vãng lai tinh tinh. Ngật chí, diệc vị duật tinh, huy kỳ bình, hung.
井，改邑不改井，無喪無得，往來井井，
汜至，亦未繙井，羸其瓶，凶。

1. Đọc “Tĩnh Hoa Đạo Học Đông Phương”, bài “Tiếng Nói Của Hư Vô”.

“Tĩnh”, là cái giếng, tức là đối với một thôn ấp nào, trong làng, là chỗ mà ai ai cũng phải dôn về đó.

Chỗ chứa nước, là chỗ chứa lẽ sống con người trong ấp.

Giếng nước (tĩnh) bao giờ cũng ở một chỗ nhất định (phải lựa chỗ có mạch nước). Còn ấp, thì có thể, vì phương tiện mà thay chỗ ở, chứ cái giếng, nhất định phải ở một chỗ! Nên mới nói: “*Tĩnh, cải ấp bất cải tĩnh* 井, 改邑不改井”.

Nước trong giếng, theo mạch mà có hoài, chảy mãi không bao giờ hết (vô táng 無喪) chứa mãi mà không bao giờ tràn, chỉ giữ ở một mức nào đó, chứ không tràn, và đó là giữ được mực “trung” (vô đắc 無得).

Đạo của Trời Đất Âm Dương bao giờ cũng ở mực Trung (không thái quá, không bất cập); cuộc đời dù có biến dâu (thương hải tang điền), tình đời dù có nóng lạnh, đổi thay mà Đạo của Trời Đất không bao giờ thay đổi, như lòng biển cả chẳng có lung voi...

“Tĩnh, vãng lai, tĩnh tĩnh 井, 往來, 井井。”.
“Vãng” là có người đến mức nước, mức xong thì ra đi.
“Lai” là đi lại, đi lại giếng để mức nước!

“Tĩnh tĩnh” là cái tĩnh của tĩnh, tĩnh trong cái tĩnh, ý nói về phận sự và công việc của tĩnh là đóng vai trò của giếng nước, *không mời ai đến (lai), không cấm ai đi (vãng)*, đứng một chỗ mà chứng kiến sự vãng lai vô cùng của sự đời! của Trời Đất!

Đạo, là “vô cùng”. Giếng, vì vậy, có thể tượng trưng cho *Đạo Hằng* (thường hằng bất biến).

*
* *

“Ngật chí, diệc vị duật tinh, luy kỳ bình, hung” 迄至，亦未繙井，羸其瓶，凶。Người đi kiếm nước, chưa kịp thòng dây gàu xuống giếng, thì làm bể bình đựng nước, thành ra có mức nước lên được, cũng chẳng có gì để chứa đựng! thì dù có làm được việc kéo nước lên, thành ra cũng chẳng lấy được nước đem về. Là kẻ công không rồi! Đó là “hung”. Thì việc đời cũng vậy: bất cứ làm việc gì, mà “bán đồ nhi phế” (nửa chùng bỏ đi) thì có làm cũng như không làm gì cả). Ý muốn bảo: cần được sự bền chí, thì việc gì cũng xong!

*
* *

Tượng quẻ *Tinh*, cũng là *tượng của mọi tổ chức xã hội trong nhân loại với những nhu cầu tự nhiên cả tâm lẫn cụu*.

Sự tổ chức ấy phải luôn luôn giữ một thể thức bất di bất dịch, không lệ thuộc về vấn đề chánh trị. Là bởi chánh trị là việc tạm thời, hình thức luôn luôn phải thay đổi như các trang sức bên ngoài theo bốn mùa tám tiết! chứ cái “lẽ Sống” của con người không bao giờ thay đổi những nhu thiết căn bản.

Dù sao, một tổ chức chánh trị và xã hội nào cũng phải có đủ 2 yếu tố này: *cần đi sâu vào căn bản của sự sống*. Bất cứ việc làm nào mà có tánh cách hời hợt, lung chùng... là hung triệu cả! Phải như cái giếng, nước không bao giờ cạn, chảy mãi mà không bao giờ tràn... *Giáo dục, văn hóa cũng phải như cái giếng, bao giờ cũng giữ được mức quân bình, phải giữ cho kỳ được đạo Trung!* Trong lúc tạo cho mình một mức độ cao về văn hóa, phải biết đào sâu đến tận gốc rễ của *Sinh*

Mạng thiêng liêng siêu việt nhất của mình, tức là phải dùng cái gàu dài để múc nước tận dưới đáy sâu.[1]

Tóm lại, phải đào thật sâu đến tận Bản Tánh thiêng liêng nhất; và phải đừng bao giờ làm cái việc hời hợt, bỏ mứa... “bán đồ nhi phế”.

Đại Tượng

Mộc thượng hữu Thủy: Tỉnh.

Quân tử dĩ lao dân, khuyến tướng.

象曰：木上有水，井。

君以勞民，勸相。

Trên cây có nước, là tượng của quẻ Tỉnh.

Cây, là giống sinh vật, nhờ hấp thụ tất cả sinh khí dưới lòng đất mà hóa thành một chất tinh dịch đưa từ gốc rễ đến tận ngọn cây, nên trên ngọn, thường có nước đọng ở đầu cành, và đầu lá non.

Như nước ở các mạch trong giếng chảy ra, dẫn lên tận các đầu cành đầu ngọn, và nhờ có nước thấm nhuần mà trở thành non dẹt, mà được sự nuôi dưỡng toàn thân.

Người quân tử xem đó mà tổ chức xã hội loài người như cơ cấu của cây, hút sinh khí để nuôi dưỡng toàn thể nhơn loại bằng cách đào sâu đến tận nguồn gốc sự sống, sinh lực của Trời Đất ngụ ở trung tâm trái đất,

1. Hiền giả Epictète cũng có nói: “Nơi ta là một nguồn suối trong bất tuyệt, hãy đào sâu mãi thì sẽ gặp”. (Au fond de toi est une source intarissable pourvu que tu la creuses sans cette.)

mà nhà tu Thiên gọi là Đan Điền Khí Hải nằm ngay cuống Rún. Người Nhật gọi là HARA.[1]

Ở đây, Thánh nhơn tác Dịch đã đá động đến *phép tu dưỡng tối thượng thừa của Đạo Học Đông Phương*, chỗ mà Lão Tử đã bảo:

Hư Kỳ Tâm

Thực Kỳ Phúc[2]

Thị dĩ Thánh nhơn

chi đạo dã

Thoán truyện đã có nói: “*Tĩnh, tĩnh dưỡng nhi bất cùng dã*” 井, 井養如不窮也。

Đây, là một phép “*Tu Chân Phục Mạng*” của Đạo gia... Một cái học mà suốt một đời người chưa ắt làm xong trong một kiếp!

-
1. Nghiên cứu về Dưỡng Sinh học, cần nhất rành về phép “nội công”; muốn học Nội công phải thông hiểu về Đan Điền Khí Hải (Đọc tập 18, 19, Thiên Đạo Tinh Hoa, trang 496, 498...). Quyển “*HARA, centre vital de l'Homme*” tác giả Karlfried Grof Dürckheim, bàn khá rõ về quẻ Phục (phục kỳ kiến Thiên Địa chi tâm hồ). *Bạch Ẩn thiên sư*, dạy về phép Dưỡng Sinh nói: “*La partie de mon Corps au-dessous du Nombriil (Kikai-Tanden), mes Reins, mes Jambes et le Centre de mes Pieds sont la véritable patrie de mon Âme, mon propre Amida-Bouddha*” (p.225, HARA, Courrier du Livre, Paris 1974). (Phần phía dưới Rún của tôi, chỗ gọi là Đan Điền Khí Hải, bộ Thận (thủy, hỏa), bộ chơn và giữa lòng bàn chơn (là nơi quẻ hương chân thật của Tâm hồn tôi, là Đấng Phật A-di-đà của tôi vậy). Theo pháp Tịnh Độ Tông, kẻ nào tụng Kinh A-di-đà, khi chết sẽ được đưa về Tây phương Chân thể gọi là A-di-đà phương.
 2. “*Thực kỳ phúc*” có thể hiểu theo 2 ý khác nhau. “*Thực kỳ phúc*” là “*no dợ*” (nghĩa cạn thông thường); nghĩa bóng và sâu, ám chỉ “Đan Điền Khí Hải”.

“*Đan Điền Khí Hải*” là nơi tụ hội của Chân Khí, như cái giếng sâu trong lòng Đất. Khí Nguyên Nhất đọng lại biến thành “nước giếng” (gọi là ngọc trì) đối với thân thể con người, còn đối với cây, đó là “tân dịch” do nước giếng biến thành.

Trong quyển “*Nguyên Khí luận*” có đoạn nói: “*Nguyên khí* (hay Nguyên Nhất chi khí) của Trời Đất Âm Dương bắt nguồn từ quẻ Khảm ngự trị tại hướng Bắc.

Chân khí nơi con người giống như Chân khí của Trời Đất, sinh tại Mạng môn (tức là giữa 2 trái Thận). Đó là Chân khí hay Sinh khí. Nguyên khí là nguồn gốc của Sinh khí. Thận, là tạng ở phía dưới thân thể, Mạng môn là một cái Huyệt ở ngang Rún, là căn bản của Ngũ Tạng, của Thập Nhị Kinh, cửa vào ra của Hô Hấp nguồn gốc của Tam Tiêu, khí ấy là căn nguyên của mạng sống cả tinh thần lẫn vật chất của con người... phản ứng ngay nơi cặp lỗ tai. Khi gốc rễ của cây bị đốn, thì cành lá khô héo vì thiếu chất dinh dưỡng. Mạng môn có thể do Thận thủy bên trái sinh ra, có thể hoặc do ở khoảng giữa hai trái Thận... Dù sao, Nguyên Khí (hay Chân Khí) nằm ngay tại Đan Điền Khí Hải và cần phải được “đầy” luôn luôn.

Thuyết cho rằng Mạng Môn ở giữa hai quả Thận là thuyết của Hải Thượng Lãn Ông, theo chúng tôi, là chính xác hơn.

Ở Đại Tượng quẻ Tỉnh có câu: “*quân tử dĩ lao dân khuyến tướng*”. Khó nhất là những danh từ “*lao dân*” và “*khuyến tướng*”. Trong quyển Chu Dịch, Phan Sào Nam dịch câu này, cho rằng “*lao dân*”, “*khuyến tướng*” là “*an ủi dân, và khuyến dân nên giúp đỡ lẫn nhau*”! Theo ông, “*lao dân*” là “*ủy lạo*”... sao lại có những ý

nghĩa quá tầm thường và cũng không ăn ý gì với tượng quả Tĩnh (là giếng sâu, lấy nước mà nuôi dưỡng cây)?

Thực sự, chữ “*lao*” là ám chỉ “*công lao*” hay “*công phu tu dưỡng*” như nước dưỡng cây. “*Khuyến tướng*” là khuyên nên căn cứ vào “*tượng*” của quả Tĩnh mà hành cái công phu “*Tu Chân, phản Tĩnh*”.

“Tĩnh” có 2 nghĩa, như trước đây đã nói: *Tinh*, là giếng nước, và *Tinh* cũng có nghĩa là “*tinh ngộ*” đến chỗ Mạng Sống của con người (Mạng môn).

Sự quan trọng của quả Tĩnh về phần tu dưỡng quá cao siêu này, vậy mà những sách của người Việt Nam trước đây, chưa thấy ai đề cập đến, chỉ thấy nói thoáng qua trong bản dịch của Richard Wilhem, thật đáng tiếc. Jacques Lavier, trong quyển “*Les Secrets du Yi-King*” đã nói: “*La simple lecture, et à plus forte raison l'étude et l'exploitation du Yi-King, demandent une certaine connaissance préalable de la Doctrine taoïste*” (p.15). Chỉ đọc qua thôi, và nhất là khi muốn nghiên cứu hoặc khai thác quyển Dịch Kinh, cần phải biết qua về Đạo giáo. Còn Richard Wilhem, ai lại không biết, nhà học giả bác học này là đệ tử ruột của một Đạo sĩ vừa truyền đạo Dịch, vừa truyền phép tu luyện và dưỡng sinh theo Đạo học Trung Hoa.

Phan tiên sinh (Bội Châu) chắc chắn còn thiếu nhiều về cái học của Đạo giáo! bởi vậy, đã không sao hiểu được phép dưỡng sinh của quả Tĩnh, nên bình luận một cách quá hời hợt nông cạn.

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Tỉnh nê, bất thực, cựu tỉnh vô cầm.

初六：井泥不食，舊井無禽。

Tượng viết: Tỉnh nê bất thực, hạ dã.

Cựu tỉnh vô cầm, thời xá dã.

象曰：井泥不食，下也，
舊井無禽，時舍也。

Tất cả 6 hào quẻ này, đều lấy tượng quẻ Tỉnh mà luận.

“Tỉnh” là cái giếng nước, có công dụng là nuôi dưỡng, sở dĩ nuôi dưỡng được là nhờ nơi Nước có hơi ấm (hơi ấm, thuộc Dương (tượng quẻ Khảm, hỏa trong thủy)).

Nước mạch bao giờ cũng có hơi ấm, như tượng quẻ Khảm, chứ không bao giờ lạnh ngắt. Khi nước mà lạnh ngắt là Khảm đã thành Khôn.

Sơ Lục, là âm nhu, lại ở dưới chót, bản chất hèn hạ như giếng không có nước mạch (tức là không được trong sạch, thấy đục như nước bùn, nên không ai thèm mức nước ấy mà dùng! (tỉnh nê bất thực 井泥不食). Giếng không ai tới mức, lâu ngày thành giếng hoang (giếng bỏ) đến như cầm thú cũng chẳng thèm ngó tới dù có khát (cựu tỉnh, vô cầm 舊井無禽).

Tóm lại, hào này ám chỉ hạng người hèn hạ và vô dụng (hạ dã), hạng người hiện thời bị xã hội bỏ (thời xá dã 時舍也).

Cửu Nhị: Tỉnh cốc, xạ phụ, úng tộ lậu.

九二：井谷，射鮒，瓮敝漏。

Giếng nằm trong hang tối (*tĩnh cốc* 井谷), mạch nước tuy có, nhưng chỉ rỉ ra từng giọt, bắn vào mình các con cá con, những loài ếch nhái (“xạ phụ” là giọt nước mạch bắn ra trên mình các con vật nhỏ dưới đáy giếng). “*Ứng tệ lậu*”, là nước rỉ ra từng giọt.

Đại ý muốn bảo: Cửu Nhị tuy là dương cương, nhưng mà còn ở dưới thấp (cận với đất bùn, hào Sơ Lục) còn trên thì không có tiếp ứng (bởi 2 hào Nhị và Ngũ, đều cùng loại thuộc dương, nên không có sự tiếp ứng thân thiết được. Bởi vậy, Nhị mất đạo của Tỉnh, nên không còn phải là giếng, chỉ như một cái hang tối mà thôi, nên gọi là “tĩnh cốc”!

Lời Tượng viết thêm:

“*Tĩnh cốc xạ phụ, vô dự dã*” 井谷射鮒，無與也。 “*Vô dự*”, là không ai giúp được thành ra như kẻ sống cô đơn, bơ vơ trong một hoàn cảnh bất lực... Dù có tài dương cương, nhưng vì giao du với bọn “bùn lầy nước đọng” rác rưởi, tức là bọn “đồ bỏ” trong xã hội, không sao làm nên được việc gì có giá trị!

Cửu Tam: Tĩnh điệp, bất thực, vi ngã tâm trắc, khả dụng cấp, vương minh, tịnh thụ kỳ phúc.

九三：井渫不食，為我心惻，
可用汲，王明，并受其福。

Tượng viết: Tĩnh điệp bất thực, hành trắc dã, cầu vương minh, thụ phúc dã.

象曰：井渫不食，行惻也，
求王明，受福也。

Cửu Tam, dương cư dương vị, đắc chánh, lại ở trên hết nội quái (Tốn), là người có tài có đức nên

sẵn một lòng tế thể độ nhọn, như giếng mạch tốt, có nước trong... Lẽ ra người ta có thể múc lên mà dùng được rồi, nhưng vì còn ở hạ quái chưa lên đến thượng Khảm, nên cũng chưa làm sao múc lên được, nên mới nói: *“tinh điệp bất thực”*.

Tiếc cho Tam, vì Tam có tài mà *chưa có thời!* kẻ đi đường thấy mà xót xa động lòng trắc ẩn (hành trắc 行惻) và mong ngày nào, có bực mình vương thu dụng, thì thiên hạ mới nhờ được cái tài đức ấy 求王明受福.

Ôi! Cỡ tài ba như Hàn Tín mà chỉ làm một tên lính hầu Hạng Võ, phải đợi đến “minh vương” Hán Cao Tổ thì Hàn Tín mới có thể thi thố tài Đại Tướng của mình! Nhà Thương có Thành Thang thì Y Doãn mới được đắc dụng, giết được Kiệt mà cứu muôn dân; nhà Châu có Văn Vương, thì Khương Thượng mới hạ được Trụ Vương mà cứu được trăm họ điêu linh vì bạo chúa!

Ở hào Cửu Tam, quan trọng là ở *“hành trắc”* và *“vương minh”*. Có được nhân dân ca tụng thì Thành Thang mới biết được tài của Y Doãn; nhờ có nhân dân bàn tán về tài đức của Tử Nha, mà Văn Vương mới biết đi cầu Khương Thượng!

Cho nên, có *“hành trắc”* đi trước, sau mới có *“minh vương”*. Bậc hiền tài ngày xưa đều do dư luận quần chúng chấp nhận trước, các bậc vương minh mới biết mà đi tìm... hoặc do các bậc đại trí thức trong thiên hạ tiến cử.

Lục Tứ: Tinh trứ, vô cữu; tu tinh dã.

九四：井甃無咎，修井也。

“*Tinh trứu*” là giếng xây bằng gạch để giữ nước giếng được trong sạch, không bị đất chung quanh làm dơ đục.

“*Tứ*” tuy thuộc âm nhu, nhưng trên tiếp với Cửu Ngũ, nên được thế lực của Ngũ mà thành công. “*Tứ*”, là âm nhu đắc chánh, tuy chưa đến Ngũ, mực nước chưa đến mực trung, vẫn xài được, nên mới nói “*vô cự*” (không lỗi).

Cửu Ngũ: Tinh liệt, hàn tuyên thực.

九五：井冽，寒泉食。

Tượng viết: Hàn tuyên[1] chi thực, trung chánh dã.

象曰：寒泉之食，中正也。

“*Liệt 冽*” là nước trong veo, lạnh buốt, thuần Âm nên rất bổ Âm. Tuy nhiên, vẫn có Dương khí bên trong.

Nước giếng mà lạnh buốt, trong vắt, mức lên được cho mọi người uống, là thứ nước tốt nhất, dĩ nhiên là tương đối thôi.

Hào Cửu Ngũ dương cương đắc trung đắc chánh lại đứng vào vị tôn quý nhất, là tượng nước giếng trong trẻo như suối trong và mát lạnh (*hàn tuyên*). “*Trung chánh dã*”, là nói về hào Cửu Ngũ đắc trung đắc chánh, hào tốt nhất của quẻ *Tinh*, là hạng người *đã đắc Đạo*,

1. Chữ “*hàn tuyên*” không hẳn là thuộc Âm, vì Thủy nào cũng đều “xuất ư Hỏa” cả! (Thủy xuất ư Hỏa).

Công thức của Nước là H₂O, nghĩa là có 2 phần Hydro. Mà *Hydro*, là Hỏa đấy! đúng là tượng quẻ *Khảm* (Âm trung hữu Dương căn).

Khoa học ngày nay cũng đã nghĩ cách rút chất Hydro trong nước để làm chất đốt, và bom nguyên tử chất Hydrogène (gọi là *Bombe H*) nổ dữ dội lắm.

là nguồn sống tinh thần của con người! “Thánh nhân đắc kỳ Tỉnh chi đạo 聖人得其井之道”, tức là những hạng đại giáo chủ cỡ Bồ Đề Đạt Ma hay Lục Tổ Huệ Năng, Lão Tử, Trang Tử hay Thích Ca Mâu Ni.

Thượng Lục: Tỉnh thu, vật mạc, hữu phu nguyên kiết.

上六：井收勿幕，有孚元吉。

Tượng viết: Nguyên kiết tại thượng, đại thành dã.

象曰：元吉在上，大成也。

Giếng bây giờ là để cho tất cả mọi người: tự ý muốn dùng thì dùng, không gì ngăn cản.

Dù thiên hạ có đến đông bực nào, giếng cũng có đủ cho tất cả mọi người dùng: Giếng chứa nước *bất tận*. Thiên hạ càng mức nước dùng, thì *giếng không bao giờ cạn*. “Nguyên kiết, đại thành dã 元吉大成也”.

Bộ Dịch Kinh có thể được xem là một bộ sách trong trời, cao siêu và *bất tận* mà người ta từ đời này qua đời khác, dùng mãi mà không bao giờ hết ý... bất cứ ở vào hoàn cảnh nào! Một thứ sách như quyển Kinh Dịch này, một quyển sách mà các học giả toàn thế giới phải chứng nhận là *bất tận*, mà bậc tiên hiền đã để lại như một kho tàng quý báu vô giá, không một ai cướp đoạt được! cho toàn thể loài người, không phân biệt quốc gia dân tộc nào! được sánh như Giếng nước không bao giờ cạn.

49. TRẠCH HỎA CÁCH

澤火革

Sự cách mạng, sự thay đổi,
thay cũ đổi mới.



Cách, 革 nguyên *tám da thú mỗi năm mỗi thay da*.

Từ đó, có nghĩa rộng, là có những cuộc biến động *thay cũ đổi mới* (canh tân), những cuộc thay đổi lớn lao có tánh cách thay đổi cả một chế độ xã hội. Trong cuộc thay đổi này có 2 bên chống đối nhau đều lăm le tiêu diệt luôn bên đối phương, như ta đã thấy xảy ra bên Tây phương cỡ *cuộc Cách mạng bên Pháp năm 1789*, dĩ nhiên có sự đổ máu, giết lẫn nhau một cách hết sức tàn khốc dã man.

Trước đây, ở quẻ số 38 tên là *Khue*, cũng là tượng 2 cô gái: ngoại quái là Ly (trưởng nữ), và nội quái là Đoài (thiếu nữ), tượng 2 chị em một nhà, em gái nhỏ (Đoài) thì nhìn vào trong, lo cho gia đình; còn cô trung nữ gả lấy chồng, nên lòng lo nghĩ cho bên ngoài, bên chồng! chỉ có khuynh hướng khác nhau thôi bất quá thì Lửa bên trên cứ cháy và thăng lên, đi lo cho việc nhà chồng,

còn cô gái nhỏ thuộc nội quái, là cô em gái nhỏ là Đoài (nước) bên dưới lo phần thắm nhuần cho gia đình cha mẹ là Đoài.

Chứ ở quẻ *Cách*, thì có khác. Nước ở trên, với tánh cách lắng xuống và có khuynh hướng lăm le làm cho tắt lò lửa phía dưới, còn lửa phía dưới thì thăng lên, đốt nước cho cạn mới vừa lòng cho, vì bản tánh như vậy! Hai bên, *Nước với Lửa chống hẳn nhau*, và trong khi đụng độ có lẽ phải có sự *một mất một còn!* và biến thành sự *Cách Mạng*.

Như cuộc *Cách Mạng* đã làm điều đúng nước Pháp năm 1789 đã giết vua Louis thứ 16, đánh ngã chế độ Quân chủ, là *Cách Mạng đẫm máu* đã hi sinh không biết bao nhiêu bậc anh tài trong nước.

Quẻ *Cách* là một trong những quẻ tối quan trọng, vì nó đã động đến một hiện tượng cần thiết đưa nhân loại từ Tĩnh (giếng lâu ngày úng trệ, sinh ra quá cũ và thối đi) đến *Cách* (là thay cũ đổi mới) của ý thức hệ.

Nhưng, lẽ ra *Cách*, là phương pháp tự nhiên của Tạo Hóa “tệ tắc tân” (cái gì cũ sẽ trở thành mới) thì *Cách* sẽ đưa nhân loại lên một cảnh trí sáng sủa tốt đẹp hơn là sự úng trệ. Thế mà lắm khi không phải vậy: “*Cách*” thay vì đưa nhân loại lên cao, thì lại xô nhân loại vào cõi địa ngục vô cùng đau khổ. Là tại sao?

Là tại người ta *đã đặt sai vấn đề*: đã đem *Cách Mạng* chế độ chánh trị đi trước, *thay vì phải lo làm một cuộc Cách Mạng Văn hóa và Giáo dục trước hết!* Trong quẻ *Cách*, thánh nhơn soạn Dịch đã dẫn đo suy nghĩ và đã phác họa một kế hoạch hết sức chu đáo (trước đây có trên 4.500 năm).

*
* *

Đại Tượng của quẻ Cách, Thánh non đã nêu rõ lịch trình Cách Mạng phải cần theo phương châm “*tuần tự nhi tiến*” chứ không nên làm cái việc “*đốt giai đoạn*” và *đột biến*.

Thoán từ quẻ Cách có câu rất sâu sắc: “*Thiên Địa Cách, nhi tứ thời thành; Thang Võ cách mạng, thuận hồ Thiên nhi ứng hồ Nhơn. Cách chi thời, đại hĩ tai!*”
天地革而四時成。湯武革命，順乎天而應乎人。革之時大矣哉。

(Bốn mùa vắn xoay là “Cách” của Trời Đất, các vua Thang vua Võ “cách mạng” thuận lòng Trời, thỏa bụng người! “Cách” mà đúng thời, lớn vậy thay!)

“*Cách*” có 2 nghĩa:

1. Theo lịch trình tự nhiên của Lịch sử: cái gì đã lâu ngày, tất phải có sự tích trệ, và “tích trệ” lâu ngày mà chẳng lo thay đổi, thì tệ bệnh không sao trừ nổi! Và như vậy, rất sai với Đạo Dịch (tức là “*Đạo của Tự Nhiên*”: “*Nhon pháp Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp Tự Nhiên*” (Lão Tử).

Dịch, là Biến, và có biến và *biến theo tự nhiên* thì mới có thể lâu dài “*thuận Thiên giả tồn*”! Lão Tử đã bảo: “*Tệ tắc Tân*” (cái cũ, ắt phải đổi thành mới). Có khi để tự nhiên, thì “*bốn mùa*” cũng tự nhiên tiến hành, Trời Đất có bao giờ đốt giai đoạn, hết Xuân bỏ Hạ mà sang Thu? Bởi vậy, kẻ thiết tha dùng nhân vi thay đổi xã hội là Khổng Tử còn phải nói: “*Ta cũng đâu muốn nói gì! Ta cũng không muốn nói gì cả, bốn mùa cứ tuần tự vận hành, vận vật nhân đó mà tự nhiên sinh sôi*

nấy nở... Trời có nói gì đâu?": "Dư dục vô ngôn, tứ thời hành yên, vạn vật sinh yên! thiên hà ngôn tai!" 予何言哉，四時行焉。萬物生焉。天何言哉。

Còn như thấy “thời” đã đến rồi, nhân tâm đã trưởng thành rồi, mà còn cứ khu khu ôm ấp cái “*cũ đã quá thời*” thì Thánh nhơn thấy có phận sự tạo ra cuộc Cách Mạng để cho “*tệ tác tân*”.

Ở giai đoạn này, phải bắt tay vào việc để mà “*thế thiên hành đạo*” cho hợp thời, hợp với trình độ văn minh văn hóa, đâu phải là việc dễ, kẻ đứng lên gây thành phong trào Cách mạng, phải ít ra, là một bậc Thánh “*thượng tri thiên văn, hạ tri địa lý, trung tri nhơn sự*”, nghĩa là phải biết rõ thiên thời, địa lợi, nhơn hòa!

Bởi vậy, Thánh nhơn soạn Dịch, khuyên ta phải biết “*minh thời 明時*”. “*Cách*” mà “*đúng thời*” thì “*cách*” hợp với Đạo Trời, còn “*cách*” mà “*sái thời*” thì “*cách*” chỉ sẽ đem lại bao điều hối hận ăn năn! chỗ mà Khổng Tử đã than khi già và sau khi học Dịch: “*Giá cho ta sống thêm vài năm nữa để học Dịch cho được đầy đủ trọn vẹn, thì có thể tránh được nhiều lầm lỗi lớn!*”

*
* *

“*Cách*” mà phải “*đột xuất*”, “*đột biến*” là vì thiếu trầm tĩnh, hối hả đem một chế độ này (mà ta cho là hay) tròng vào đầu nhân dân, khi mà “*dân khí*” còn quá chừng thấp kém! như cuộc đại Cách mạng Pháp năm 1789.

Sở dĩ cuộc cách mạng nói trên đây đã thành cuộc

cách mạng hết sức tàn khốc... cuối cùng Pháp giết Vua (tưởng là tiêu diệt được chế độ Quân chủ), cuối cùng lại đưa một vị Đế (trên các vị Đế) một *Napoléon Bonaparte*, gọi là “*Napoléon Đại Đế*”.

Đúng là câu chuyện Bà lão Thành Syracuse: “Xưa kia, vua Denys l’Ancien nước Syracuse trị dân một cách hết sức tàn ác, sưu thuế nặng nề quá lẽ, vợ vét dân chúng đến tận xương tủy... đến đỗi trăm họ phải cầu khẩn cho vua chóng chết. Duy trong nước chỉ có một mù già lụ khụ, sáng nào cũng đến giáo đường cầu nguyện thần minh ủng hộ cho bạo chúa được trường thọ. Vậy, cũng chưa đủ, lại còn vái lạy thần minh hễ có làm chết thì làm chết mình, thay cho mạng Chúa! Vua Denys xét mình tài đức thật không đáng thương đáng tiếc như thế, nên được tin như thế, hết sức quái lạ, bèn vùi mù già vào trước bệ mà phán hỏi, vì có gì mù lại cầu khẩn thần linh như thế?”

Mù già tâu:

– Già cầu nguyện như thế, thật là phải lẽ. Nguyên, trước đây, khi ta còn nhỏ, nước ta đã gặp phải hôn quân trị vì, thật hết sức đau khổ cho nhân dân! Ta cầu nguyện cho nước nhà thoát khỏi hôn quân. Sau, có kẻ hành thích. Vua khác lên kế nghiệp, ngờ đâu lại tàn bạo hơn vua trước gấp mấy! Ta lại nghĩ, giả sử mà vua này chết đi, thì có lẽ thiên hạ thoát khỏi lầm than! Hay đâu, vua ấy qua đời, thì lại đến Bệ hạ lên ngôi. Trăm họ lại còn cực khổ hơn cả hai đời trước. Bởi vậy, ta không còn nuôi ảo vọng nữa, ta sợ rằng, có lẽ rồi đây Nhà Vua lại băng hà mất đi, rồi lại phải gặp một nhà Vua khác tàn ác hơn nữa, thì sống cũng như chết! Ấy, ta đem thân mình xin thí, với thần minh để cầu cho Vua trường thọ. Là vì lẽ đó!

Vua Denys nghe xong, không dám làm tội mù già, vì mù đã không còn thiết tha gì đến kiếp sống thừa thừa nữa!”[1]

Ta nên biết: dân khí nào chế độ nấy! Dân khí phải là “nhân”, mà “chế độ là quả”!

Chế độ đâu phải là linh đôn tuyệt đối của hạnh phúc loài người! Tốt hay xấu, dở hoặc hay, đều do có được thích hợp với nhau không? Cách mạng Pháp (chỉ nói riêng Pháp) sở dĩ hỏng, là tại người ta quá nóng nảy, quá vội vàng hấp tấp đặt lên đầu dân chúng một chế độ quá cao (chế độ dân chủ) trong khi trình độ văn hóa còn quá thấp!

Như vậy, ta thấy cần phải nâng cao dân khí, bởi đó mới là vấn đề tiên quyết trong sự tồn vong của một dân tộc!

Nâng cao dân trí và dân khí thuộc về phạm vi của Văn hóa và Giáo dục. *Chánh trị* đến rất muộn, nó chỉ *trị ngọn*, chứ không *trị gốc*! Ta phải tìm đến tận gốc, đó là cuộc Cách Mạng về Văn hóa, như một chánh khách lỗi lạc thời Chiến (1914–1918) là *Georges Clémenceau* đã than: “*Điều mà tôi bực lòng nhất về tình trạng nước*

1. Trích trong quyển *Le Parfum des Humanités* của E. Vayrac (bản dịch Việt văn của Nguyễn Văn Vĩnh) (Ed. Trung Bắc Tân Văn, 1925).

Anatole France, cũng có viết lại bài này và có lời kết luận khá ngộ nghĩnh sau đây: “*Cette vieille était fort sensée, et j’estime comme elle, que les moutons font sagement de se laisser tondre par leur vieux berger, de peur qu’il n’en vienne un plus jeune qui les tonde de plus près*”. (*Les Opinions de M. Jérôme Coignard*, Chap. III). (Mù già này thiết là biết lẽ phải! Ta cũng nghĩ như Mù rằng đàn cừ khôn hơn, hãy cứ để cho lão chăn cừu già nó húi lông, kéo mà gặp phải gặp đứa trẻ hơn nó càng húi nhẵn bộ lông.)

Pháp của chúng tôi ngày nay, là suốt cả một cuộc đời tranh đấu không ngừng cho những gì mà người ta gọi là Tự do Bình đẳng: nào là tự do báo chí, tự do diễn đàn... Rốt cùng, tôi nhận thấy rằng những thứ tự do đó, lại đưa nhân dân nước Pháp vào con đường nô lệ tồi tệ nhất, là sự ngu độn! Trước khi ban cho người dân tự do bình đẳng, phải dạy cho họ biết phép xử dụng Tự do cách nào cho phải lẽ! Theo tôi, sự chuẩn bị dường như chưa đủ!”

*
* *

Còn một chi tiết mà ta đừng nên bỏ qua, không thật lưu ý đến, là ở quê Khuê, người chị lớn (trung nữ) ở thế thượng phong, nên bất quá hai chị em không đồng ý chí thì đường ai nấy đi, nghĩa là “xây lưng nhau” (quai); còn ở quê Cách, người chị ở thế hạ phong mà người em ở thế thượng phong, nên thiếu độ lượng khoan hòa (tuổi trẻ nào cũng thế) của người lớn tuổi!

Như ta thấy, “Cách” có tánh cách như “súc giếng” thay nước cũ lâu ngày bị tích tụ nơi giếng cho “nước mới” mới chảy ra. Và như vậy, cần phải dè dặt, cẩn thận, không nên bất chấp thời gian mà “đốt giai đoạn” điều cấm kỵ nhất trong vấn đề tạo lập một nền văn hóa vững bền!

Chế độ “dân chủ” dĩ nhiên cao hơn chế độ “quân chủ”, nhưng nếu người dân mà dân trí cả dân khí còn thấp kém quá, lại cho sống quá sớm trong chế độ dân chủ, không có lợi! Là vì, “dân chủ” là chế độ của những kẻ đã trưởng thành, đã “làm chủ lấy mình” rồi (tự thắng, tự chủ): “thắng nonh giả hữu lực, tự thắng giả cường”! Tự chủ, tự thắng, tự trị là trình độ trưởng thành!

Đại Tượng

Trạch trung hữu hỏa: Cách.

Quân tử dĩ trì lịch minh thời!

象曰：澤中有火，革。

君子以治歷明時。

Trong nước có lửa, tượng của quẻ Cách. Người quân tử noi theo đó mà chế ra lịch để minh định thời tiết.

Lửa mà đốt Nước, nước sôi dần dần... để chuyển Nước thành Khí. Đó là *nóng từ từ*, chứ không phải nóng đột ngột, lửa vừa đụng đến nước, nước sôi liền! Nước nóng dần đến một độ hóa chuyển thì đột ngột nước sôi. Nghĩa là, *không bao giờ có sự đột biến*, mà là *tiệm biến*, đó là những gì Dịch Đại Tượng muốn nói với chúng ta. cuộc Cách Mạng, làm Văn hóa và Giáo dục, bao giờ cũng không có việc *đốt giai đoạn*.

“*Lịch 歷*” là một công trình minh định thời gian, cho ta biết bốn mùa tám tiết vận chuyển tiếp tục nhau từ từ chứ không có việc đốt giai đoạn. Tỉ như, đây mới là tháng 8 vừa mới đến tiết Thu phân, vậy phải biết đợi qua tháng 9 mới đến tiết Sung giáng... và nếu muốn đến mau tiết Vũ thủy, thì phải đợi qua tháng 10, tháng 11, tháng 12.

Lịch, chiếu theo luật Tiêu Trưởng của Âm Dương... khuyên ta, nếu muốn trồng trọt, cũng phải biết theo thời, lúc nào trồng, lúc nào gặt.

(có thứ cây chỉ nên lật lá lúc sáng sớm lúc bình minh mặt Trời chưa mọc v.v...)

“*Quân tử dĩ trì lịch, minh thời*”, là khuyên người quân tử phải biết “*dĩ thiên hạ cách nhi tứ thời thành*”!

Và Trình Y Xuyên nói: “*Dịch giả, Thiên Nhơn tương hợp nhi dĩ hi!*” Dịch, là gì? “Là Trời (Thiên nhiên) và Con Người tương giao tương hợp mà thôi vậy!” “*Thiên nhơn tương ứng, tương giao!*” Trình Minh Đạo lại quá quyết hơn: “*Dịch giả, Thiên Nhơn vi Nhất!*”.

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Cung dụng hoàng ngưu chi Cách.

初九：鞏用黃牛之革。

Tượng viết: Cung dụng hoàng ngưu, bất khả dĩ hữu vi.

象曰：鞏用黃牛，不可以有為。

Như ta thấy, đã trình bày trên đây, cuộc cách mạng chế độ không phải dễ! Cho nên, chỉ nên làm khi nào đã đến hồi “vạn bất đắc dĩ”.

Lại nữa, đâu phải ai cũng làm được, phải biết vừa thuận với lẽ Trời, vừa ứng với lòng người

Hào Sơ Cửu, chưa thể nghĩ được việc tiến công vào việc “Cách”, bởi Sơ ở địa vị bất trung, thiếu cả “thời” và “vị”... và như vậy, đã chẳng thành công, còn e gây tai họa cho bản thân trước hết! Bởi Sơ là dương cương cư dương vị nên “táo tánh”, mà táo tánh bên chôn... e hư cả việc lớn!

Chỉ còn “*cung dụng hoàng ngưu chi cách*” thì may ra!

Hoàng ngưu, là con bò vàng (*ngưu*, là con bò, tượng sự ôn hòa nhu thuận, “*ngưu giả, thuận dã 牛者, 順也.*”). “*Cách*”, là bộ da. “*Củng*” là buộc chặt, gìn giữ lòng Trung (*Trung* đây, là Trung đạo, chứ không có nghĩa thường như trung nghĩa, trung hậu...). Màu

vàng, là màu của Trung ương thổ, ám chỉ cần phải giữ theo *Trung đạo*.

Làm cách mạng rất kỵ sự tham lam và táo động! mà phải bị cách ngược chiều.

Lục Nhị: *Dĩ nhật, nãi Cách chi, chinh, kiết, vô cữu.*

六二：己日乃革之，征吉，無咎。

Tới đây, thời Cách đã đến với hào Nhị, “nhu thuận, đắc trung đắc chánh” ở đúng và hào Trung của quẻ Ly ☲ và là chủ của quẻ Ly, tức là tượng của Văn Minh, được hào Cửu Ngũ bên trên hoàn toàn tín nhiệm.

Và như thế, thời “Cách” đã đến! Có sẵn “thời” và “vị” thì hãy bắt tay làm việc “Cách” là phải rồi, nhưng vì là hào Âm mà cư Âm, nên quá thận trọng, không vội vã... đúng là một việc làm, mà “chinh 征” thì tốt 吉 kiết).

Cửu Tam: *Chinh, hung, trinh lệ,*

cách ngôn tam tựu, hữu phu.

九三：征凶，貞厲，

革言三就，有孚。

Tượng viết: *Cách ngôn tam tựu, hựu hà chi hĩ!*

象曰：革言三就，又何之矣。

Cương hào, lại ở vị Cương, nên quá cương nên Tam quá nóng nảy, bôn chôn, hối hả và hăng hái quá! Nếu vội tiến hành (*chinh 征*) thì chắc chắn có “hung” triệu! đi nghịch lại với chánh nghĩa.

Làm cách mạng mà chỉ nghe theo lời xúi giục, kích thích, bông bột... thì chỉ là việc bông bột nhứt thôi, thì không nên. Bởi vậy hào từ có lời khuyên răn: Tam,

cần phải có chương trình kế hoạch kỹ lưỡng đã, có hợp với thiên thời địa lợi chưa, nhất là có được nhân tâm chưa... suy đi xét lại nhiều lần cho thật chín chắn (tam tỵ) phải tế tâm viển lự mới có thể may ra có kết quả!

Tuy nhiên, bảo phải “cách ngôn tam tỵ”, cũng đủ rồi, coi chừng nếu lại quá tế tam suy nghĩ quá, lại mất hứng lại còn sinh lòng do dự mà mắc phải cái bệnh “nghị luận đa, thành công thiếu”!

Hễ một khi đã suy nghĩ chín chắn rồi, thì phải *dám làm!*

Cửu Tứ: Hối vong, hữu phu, cải mạng, kiết.

九四：悔亡，有孚，改命，吉。

Tượng viết: Cải mạng chi kiết, tín chí dã.

象曰：改命之吉，信志也。

Tứ, là cương dương, tuy không đúng vị, mà không sao, phải biết tùy cơ ứng biến! Dù sao, ở đây, Tứ đã vượt khỏi nội quái rồi, và đã lên đến ngoại Đoài. Đóng ở đây, là dương cư âm, có đầy đủ âm dương, đầy đủ Cương Nhu, nên có thể cử hành đại sự! Nên mới nói “Cửu Tứ, hối vong” (không có gì hối hận). Thời gian dự bị cho “Cách” cũng khá lâu, thế là “*hữu phu*”, *cải mạng* “*kiết*” 有孚，改命，吉。 Chữ “cãi” đây, chính là chữ “cách”.

Chữ “tín 信” là sự “tự tín” và được cả thiên hạ tin nữa, đó là kết quả “tốt” của một chí hướng chung của ta và người.

Cửu Ngũ: Đại nhon, hổ biến, vị chiêm, hữu phu.

九五：大人虎變，未占有孚。

Tượng viết: Đại nhon, hổ biến, kỳ văn bỉnh dã.

象曰：大人虎變，其文炳也。

“*Cách*”, mà lên tới hào Cửu Ngũ, thì *Cách* đã thành thực được chín phần mười rồi! Ngũ, có tài dương cương, lại có đức Trung Chánh, ở địa vị cao nhất của một lãnh tụ ở thời *Cách*, thật xứng đáng gọi là bậc Đại nhon, nên nói “*Cửu Ngũ đại nhon*”.

“*Hổ biến*” là con hổ đã thay lông mới, những vằn đen trên nền lông trắng làm nổi lên rực rỡ, từ xa nhìn thấy rất rõ ràng nổi lên rất uy nghi. Đó là Cửu Ngũ đã thành công và đã biến hình thêm vẻ uy nghi hùng dũng... đúng là một *thần tượng* mà ai ai cũng kính trọng và khâm phục tôn thờ!

Hổ, là giống thú có “*văn thái*”, đến lúc thay lông đổi lớp thật là đẹp và uy nghiêm.

“*Hổ biến*” nói về ai đây? Nói về hào Cửu Ngũ hay nói về nhân dân? Theo Phan Bội Châu thì cho rằng “*Hổ biến*” này là *nhân dân*! Còn Richard Wilhem lại cho rằng chính là Cửu Ngũ.

Ai nói đúng, ai nói sai? Cả hai đều nói đúng, mà cả hai đều nói sai![1]

-
1. Ở đây, ta thấy chữ “*tương dịch*” vô cùng quan trọng: Trong quyển “*Dịch Học Tinh Hoa*”, tôi đã nhấn mạnh về điểm này. “*Câu “duy biến sở thích” là biến để cho nội ngoại tương ứng và tương biến*”. “*Cách mạng bên ngoài, vì vậy, cần phải đi đôi với cuộc Cách mạng bên trong, cả hai cuộc cách mạng phải được tương ứng tương thích, bằng không, cuộc cách mạng bên ngoài chỉ có cái hình thức hữu danh vô thực, không đủ sức hóa được bên trong, cũng như làm những cuộc cách mạng bên trong mà không có những cuộc cách mạng bên ngoài làm trợ duyên cũng khó mà thành công. Anh hùng tạo thời thế, đồng thời thời thế tạo anh hùng, phải luôn luôn bổ túc cho nhau. Đây là một luật tất*”

Là vì, nếu có biến, là có “*tương biến*” cả bao giờ có sự đơn phương tự biến mà không biến đổi chung quanh. Anh hùng tạo thời thế, mà thời thế cũng tạo anh hùng! Như con người sống trong mùa đông thì phải bị lạnh, chẳng những người lạnh mà cả hoàn cảnh chung quanh đều lạnh. “*Vật Ngã vi nhất*”, không bao giờ có ảnh hưởng một chiều, đó là *hiện tượng cảm ứng hay tương dịch*.

Âm cạnh Dương bị Dương ảnh hưởng mà chính nó cũng ảnh hưởng lại Dương. Cho nên, nếu vị lãnh tụ đã “*hổ biến*” thì nhân dân cũng cùng biến theo: “*gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”. Ảnh hưởng trong và ngoài xảy ra một lượt.

Chữ “*vị chiêm 未占*” ở hào Cửu Ngũ, giống như xưa kia vua Thành Thang lúc chưa hạ được vua Kiệt nhà Hạ, từng binh đến đâu, nhân dân nơi đó vui mừng bảo với nhau: Chờ Vua ta đến, Vua đến thì ta mới sống! Làm cách mạng được vậy, cần gì phải đợi “*bói*” mới lương binh, hễ xuất sư là thắng, vì ta đâu cần đến Thiên thời Địa lợi nữa, chỉ được Nhơn hòa là được thiên hạ!

.....

chung cho tất cả, bất cứ thuộc về phần hình nhi thượng hay hình nhi hạ, nơi đạo tu thân và xử thế. Gọi là Tương dịch, mà cũng là tự dịch... Câu “tương dịch” như câu “hổ biến” không phải riêng ám chỉ hào Cửu Ngũ hay nhân dân.” (Dịch Học Tinh Hoa, trang 102, 103).

Nhận xét này của Kinh Dịch, Krishnamurti cũng cùng một nhận xét khi ông nói: “*Une révolutions intérieure et une révolution extérieure en même temps. Non pas l'une précédant l'autre, elles doivent être simultanées. Les deux doivent avoir lieu sans que l'accent soit mis sur l'une plutôt que sur l'autre... Les révolution intérieure et extérieures sont une seule et même chose.*” *L'Impossible Question*, Ed. Delachaux et Niestlé, 1973, page 45).

Thượng Lục: Quân tử báo biến[1], tiểu nhân cách diện,
chính hung, cư trinh, kiết.

上六：君子豹變，小人革面，
征凶，居貞吉。

Tượng viết: Quân tử báo biến, kỳ văn úy dã,
tiểu nhân Cách diện, thuận dĩ tùng quân dã.

象曰：君子豹變，其文蔚也，
小人革面，順以從君也。

Cửu Ngũ, thì “Cửu Ngũ đại nhân hổ biến”; Thượng Lục thì “Thượng Lục quân tử báo biến”.

“Hổ biến” và “báo biến” khác nhau chỗ nào! Da lông Cọp (Hổ) đẹp hơn da lông con beo (báo). Da cọp có vằn đen rõ ràng có lớp lớp rõ rệt nổi lên, còn da beo thì lốm đốm điểm đen, không rục rở vằn thái bằng!

Hai bộ lông này, dùng để ám chỉ “Da cọp” thì các lần dài rõ ràng, tượng cho những đường lối cách mạng có thứ tự và có những đường hướng rõ rệt ai nhìn vào đều phân biệt và hiểu dễ dàng được, nhân dân đến một cách tự nhiên; còn “Da beo” tượng trưng những chi tiết vụn vặt sánh với những đốm đen nhỏ (trên da con beo) cũng nhìn thấy rõ, nhưng nhỏ hơn nhiều. “Báo biến” là nhân dân biến lốm đốm chứ không có đường hướng rõ rệt như bậc quân tử ở hào Cửu Ngũ.

“Dương”, tượng người quân tử.

“Âm”, tượng chúng dân.

*
* *

1. Báo豹

Thượng Lục của quẻ Cách (tuy thuộc Âm) nhưng khi đi đến cùng, thì sớm muộn gì sẽ biến thành Dương dù chưa hẳn là Dương.

Trong *thời Cách*, có 2 hạng người: quân tử và tiểu nhân. *Quân tử* thì *hỗ biến* còn *tiểu nhân* ở cùng cực của thời Cách, dù muốn dù không, rồi cũng phải biến theo phần đông, tuy chưa “cách” được đến tâm, mà cũng đã “cách” được trong thái độ và gương mặt (“diện” là ngoài mặt). Họ phải bị bắt buộc theo số đông người quân tử và có thể với thời gian sẽ quen nếp sống của quân tử, rồi sẽ trở thành “quân tử miễn cưỡng ngoài mặt”! “*quân tử xu thời*”!

Thượng Lục là một tên *tiểu nhân*, thuộc âm nhu, đang phải học làm *quân tử* vì người quân tử đông, mà tiểu nhân bị suy thế rồi, cho nên hào từ mới nói: “*tiểu nhân cách diện, thuận dĩ tùng quân tử* 小人革面, 順以從君子” (Kẻ tiểu nhân chỉ “thay đổi được bộ mặt mà thôi, để có thể chạy theo người quân tử”).

Cách mạng thành công, bao giờ cũng còn lại một lớp *tiểu nhân* chưa sao theo kịp người quân tử, vậy ta cần để họ tự nhiên, đừng bắt ép và bó buộc họ: “*chinh hung* 征凶”, phải biết “*cư trính* 居貞”, là tiếp tục sống vẹn toàn theo nếp sống nhà Cách Mạng (là đạo Trung Chánh), rồi tự nhiên phần thiểu số còn lại mà lạc lõng, tự mình lần lần sẽ trở thành những bậc người quân tử chỉ có bộ lớp “da beo”. Chữ “quân tử” dùng ở hào *Thượng Lục*, là ám chỉ bọn người quân tử *học làm quân tử*... chưa phải là bậc chánh nhân quân tử!

*
* *

Rộng ra, hào Cửu Ngũ quẻ Cách đây, đứng về phương diện Chánh trị, là một vị lãnh tụ cao nhất của giới Hành chánh, còn rộng ra giới Văn hóa và Giáo dục, Cửu Ngũ là kẻ đã làm được một cuộc đại cách mạng “hỗ biến” như một Thích Ca đã “hỗ biến” các phái triết học Ấn Độ thời bấy giờ, như một *Bồ Đề Đạt Ma* đã “hỗ biến” *Phật giáo* thành *Thiền Học Trung Hoa* và đã được tôn là Đệ nhất tổ của *Thiền học Trung Hoa*... đưa *Phật học Thượng Thừa* lên khỏi cây sào trăm thước của *Phật học*.^[1]

Chính là hào Cửu Ngũ quẻ Cách.

1. Đọc quyển “*Thiền Đạo Tinh Hoa*” của Thu Giang Nguyễn Duy Cần.

50. HỎA PHONG ĐỈNH

火風鼎



Tại sao quẻ *Đỉnh* sắp sau quẻ *Cách*?

“*Cách*” là biến cách được các giống vật, mà biến cách được, không gì bằng dùng đến cái *Đỉnh*, ta gọi là *cái vạc*!

Vạc, để nấu các giống vật, biến đồ sống thành đồ chín, đổi giống cứng thành giống mềm, cho nên công dụng là để “*cách*” (*thay đổi*) *được vật*.

Hình vẽ cái chảo lớn, trên có 2 quai, dưới có 2 chon cho cái vạc đứng vững. *Đỉnh*, là hình ảnh cái chảo bằng đồng để nấu ăn, để tế lễ. Trên là quẻ Ly (Hỏa); dưới là quẻ Tốn có gió để lòn, nuôi ngọn lửa. *Tốn cũng có nghĩa là cây củi* (Tốn vi Mộc) để nuôi lửa! Đó là “mộc năng sinh hỏa”.

*
* *

Trong các quẻ có 2 quẻ *Tĩnh* và *Đỉnh* bàn về *việc ăn uống, sự nuôi dưỡng*.

Tinh, nói về món ăn tinh thần.

Đinh, cũng nói về việc cung cấp về món ăn.

Hai quẻ này đi liền nhau, nhưng ở giữa có quẻ

Nói về sự Ăn uống, Dịch Kinh có đến 4 quẻ, là:

quẻ *Nhu* (số 5)

quẻ *Di* (số 27)

quẻ *Tinh* (số 48)

quẻ *Đinh* (số 50)

Thoán từ:

Đinh, nguyên kiết, hanh.

鼎，元吉，亨。

Đinh, có tài hóa chuyển cái gì sống sượng thành ra chín mềm; hóa chuyển cái gì cứng rắn thành ra mềm mại (tức là biến cái *ương* thành cái *nhu*), cái Ác thành cái Thiện như công trình các bậc Thầy hay các Giáo chủ (như Jésus, Phật tổ...).

Thủy Hỏa là 2 giống tuy khác nhau, mà lại hợp nhau (ly mà hợp), có công dụng hóa chuyển được sự vật thành một món đồ nuôi dưỡng tinh thần. Tại sao nuôi vật mà lại nuôi được tinh thần?

Vật chất tinh thần đâu phải hai, mà là một. Sự *nấu nướng* là cả một nghệ thuật khá quan trọng và tế nhị, cho nên những bậc chân tu rất chú ý đến “món ăn”, “cách nấu ăn” và cả “cách ăn”[1] như ta đã thấy bác sĩ

1. “Ngày xưa bên Trung Hoa, Nhật Bản, nơi các Thiền viện, việc coi sóc bếp núc ăn uống được giao phó cho một vị cao tăng thông hiểu Y lý phụ trách.

Nhật, Osawha đã trình bày khá đầy đủ phương pháp dưỡng sinh của ông trong quyển “*Le Zen Macrobiotique*” (*Thiền và đạo Dưỡng Sinh*)[1]. Đọc sách để nuôi dưỡng tinh thần không đọc sách một chiều và cần nhất là biết *làm sao cho được tiêu hóa*. Cả 2 lối vật chất và tinh thần.

Quẻ *Tinh* cũng bàn về phép phân phối món ăn cho thiên hạ, nhất là cho bậc trung thứ; còn quẻ *Đỉnh* là bàn đến Văn Hóa, hạng tối cao dành riêng cho các hiền giả có bốn phận hóa dân (Nên đọc kỹ các *quẻ Nhu (số 5)*; *quẻ Di (số 27)*; *quẻ Tinh (số 50)* và sau cùng *quẻ Đỉnh*, đều bàn về phép ăn uống, nghĩa là đều bàn về *thuật dưỡng sinh* cả.

.....

Như về đời nhà Đường, vị danh tăng là *Phong Can* lúc đi khuyến hóa ở Kinh Triệu gặp Lưu Khâu Dẫn sắp được bổ nhiệm làm vị Thái thú Thai Châu. Lưu thái thú hỏi Phong Can thiền sư: Ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai, vị nào là Cao tăng?

Phong Can thiền sư nói:

– *Có Hàn Sơn Thập Đắc hiện đang coi việc nấu cơm và rửa bát ở chùa ấy! Đó là Văn Thủ Bồ Tát.*

Lưu Khâu Dẫn đến chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai quả gặp đặng Hàn Sơn Thập Đắc, thỏa nguyện bình sinh.

Theo các võ sư Thiếu Lâm chân truyền ngày xưa, các môn đồ thụ giáo ở Tung Sơn đều phải ăn uống chay lạt theo qui luật nhà chùa, dù sự luyện tập hết sức cực nhọc và công phu, và nếu muốn đạt đến mức độ siêu đẳng, *các Cao đồ phải học rành Y lý và Dịch lý thuộc ngành vũ thuật mà trong đó phép ăn uống để bảo tồn khí lực chiếm một vai trò tối quan trọng!*

(Trích quyển *Zen và Dưỡng sinh*, tr.193)

1. Bản dịch ra Việt văn của *Thái Khắc Lễ*.

Khoa *Hatha-Yoga* của Ấn Độ cũng quan trọng vấn đề Ăn uống. Đọc quyển “*Traité de Médecine d’Alimentation*” của bác sĩ Paul Carton (1931). Theo đây, có vẻ khắc khổ... chưa có thể nói là hoàn toàn vì còn câu chấp.

Toàn quẻ có 6 hào, tượng cho phép dùng lửa (Ly) do cây củi (Tốn, mộc) đốt lên, và có ngọn gió lò (Tốn, phong) luồn vào để nuôi hỏa. Chụm củi, rồi đốt lửa, sau đó dùng quạt mà quạt vào phía dưới (tức là làm nổi gió) để nuôi lửa cháy mạnh hơn và lâu hơn. Đó là “*Tốn pháp*” của Đạo gia, “*lư đỉnh hườn đôn*”: lư (là lò), đỉnh (là chảo).

Nói về món ăn, thực sự là nói chung về những *món ăn cả vật chất lẫn tinh thần*, và việc nấu nướng trong nền Văn hóa chung của Đạo học Đông phương là *một bộ môn có tánh cách thiêng liêng*.

Thoán truyện:

– “*Dĩ Mộc Tốn Hỏa, phanhh nhiệm dã*”[1]

以木巽火，亨飪也。

– *Thánh nhơn phanhh, dĩ hưởng Thượng đế, nhi “đại phanhh” dĩ hưởng Thánh Hiền.*

聖人亨，以享上帝，而
大亨以養聖賢。

“*Tốn巽*” là *gió* (phong) mà cũng là *mộc* (cây), mà cũng có nghĩa là *nhập* (vào) như gió lòn vào các khe cửa, các lỗ hổng nhỏ...

Gió lọt vào, tức là dùng Mộc đưa Hỏa (Mộc đây là *Mộc khí thuộc Gan* (can 干); *Hỏa khí, thuộc về Tâm*; *Thủy khí thuộc về Thận*).

Sơ hào, thuộc về cái *chơn* 足 túc.

1. Chữ 亨 có 2 giọng đọc:

a. *Hanh*: là thông.

b. *Phanhh*: nấu nướng. Để phân biệt, thường viết có bộ hỏa ở dưới 烹

Nhị hào và Tam hào, là *cái bụng* 腹 phúc.

Ngũ hào thuộc về Tai (nhĩ), hào Ngũ cũng ám chỉ về 2 quai trên vạc (cũng thuộc về cái Đỉnh (vạc).

Có thể nói “Đỉnh”, là cái đạo về việc nấu nướng (*phanh nhiệm chi đạo* 烹飪之道 đó là bỏ tà qui chánh (tà đạo và chánh đạo 去邪從正, “nhứt nhứt tâm” (mỗi ngày một mới), “đỉnh chi nhứt tâm”, sở dĩ gọi là “đại phanh” là để di dưỡng những bậc Thánh nhơn, không thể dùng cho bọn tiểu nhơn tiểu khí tầm thường (gọi chung là “thế nhơn 世人”).

*
* *

“*Phanh nhiệm 烹飪*” là *nấu nướng*. Thế nhơn cho công việc này là quá tầm thường nhỏ mọn, nhưng bậc hiền thánh lại cho là điều quan trọng nhất để thực hiện đạo Dưỡng Sinh: *Ăn uống và Hô hấp*, hai nguồn sinh lực của con người *rút từ lòng đất (địa mạch)* và *không khí bên trên không trung (thiên căn)*. Người xưa bảo rất đúng: “*Con người là cái Cây biết đi*”, và Cây, thì bao giờ cũng nhờ Địa mạch nên mới có chủ trương về thuật dưỡng sinh là *đừng ăn các món ăn ở xa chỗ ở của mình*, tốt nhất là nên ăn những món ăn thổ sản (như gạo sản xuất trong địa phương).[1]

1. Một điểm khá quan trọng khác của người xưa là cần *tránh dùng những kẻ dữ, hèn hạ và dơ dáy đứng nấu ăn*. Là tại sao?

Trong bài “*L’Hygiène Occulte*” (*Phép Vệ sinh thần bí*), Bác sĩ Ely Star viết: “*Phải cẩn thận đừng để bọn tôi tớ hung dữ, ác độc, dơ dáy... đụng chạm vào những món đồ ta dùng hằng ngày. Ta cần tự tay giặt áo mình, nấu món ăn cho mình... Những kẻ thường gặp tai nạn là những*

Như đã nói: Đạo dưỡng sinh có 2 bộ phận quan trọng nhất trong cơ thể con người: *Bộ Tỳ vị* (thuộc Thổ) và tạng *Phế* (thuộc Kim). Bộ Tỳ vị là bộ phận Trung Ương Mồ Kỵ Thổ, màu vàng, nên Cửu Ngũ (bạc Vua Chúa) lấy sắc vàng làm căn bản tượng trưng địa vị mình.

.....

kẻ hung dữ, bỗng Mạng bị các hung tinh xâm phạm (như các người mà Mạng Thân có nhiều Sát tinh (như Lục Sát tinh) các *từ điện nơi họ phát ra trên 2 bàn tay, cặp mắt, tiếng nói...* Miệng, cặp mắt, hai bàn tay là chỗ phát điện rất mạnh. Cặp mắt lé (lưỡng nhãn bất đồng, tâm trung bất chánh); miệng rắn (xà khẩu), trán trượt (front fuyant)... Khi người nấu ăn đang nấu *cắm họ không cho chửi rửa, nói lời hung ác vì từ lực họ đi thẳng vào món ăn.* "Les aliments préparés par un chef ou une cuisinière *méchante* peuvent amener des *maux d'estomac*, et même provoquer à la longue des *désordres nerveux dans cet organe essentiel*; *qu'une nourrice peut rendre malade l'enfant à qui elle donne le sein*, si elle a contre ses maîtres *une animosité justifiée*; *qu'une garde-malade malveillante peut contaminer fluidiquement par son contact, son regard et ses imprécations, les remèdes confiés à ses soins, lesquels, au lieu de produire les effets curatif, seront au contraire, pour le patient qui les ingénera, de véritables poisons fluidiques!* Que dirions-nous donc alors du *baiser* et des *rappports intimes*.

Sự *đụng chạm* (contact) bằng tay, miệng, tư tưởng, tình cảm thật rất quan trọng, cho nên ta thấy trước đây, *nơi các Thiền viện, việc coi sóc bếp núc ăn uống được giao phó cho một vị cao tăng.*

Các đạo như ngày xưa gìn giữ rất kỹ *mền, mùng, chiếu, gối, áo quần, khăn mũ của mình*, không cho tay người lạ mó vào, dĩ nhiên họ chẳng bao giờ chịu dùng những đồ dùng của kẻ khác.

Ngày nay, nhất là *thời đại Quần chúng...* thì *ăn uống tập thể... có lẽ sau này bao nhiêu sự sạch sẽ cá nhân sẽ không còn nữa.*

Tục này của nhà tu vẫn còn dư âm trong xã hội Ấn Độ, nhưng rồi thế giới văn minh khiến người ta mất đi cả những thói tốt... mà chỉ còn ở những bậc Hiền Thánh sống cảnh sống Qui ẩn nơi phòng văn hay am tự hẻo lánh mới tránh được sự xa cạ với quần đoàn... với kẻ tục như hạ đẳng... Dù ngày nay đã bỏ sự chia phần giai cấp, nhưng nhờ đó mà cao thấp có ngày sẽ được san bằng?

Bởi sự “*phanh nhiệm*” là việc quan trọng lại có vẻ thiêng liêng cao quý, nên Thánh Nhân ngày xưa dùng đó để làm đồ tế lễ đáng Tối Cao (là Thượng đế), là nhân đó, lấy việc “*phanh nhiệm*” làm việc phụng dưỡng Thánh Hiền (*dĩ đại phanh dĩ dưỡng Thánh Hiền*).

Tại sao có câu “*Thánh nhân “phanh” dĩ hưởng Thượng đế*”, còn “*phanh hưởng Thánh hiền, thì bảo “đại phanh”?*”

“*Đại phanh*”, là đồ cung dưỡng Thánh hiền phải thật “*phong hậu*”. Thờ Thượng đế chỉ cần ở lòng thành là đủ; nhưng đối với các bậc Thánh hiền, còn phải “*ăn*” nữa, nên sự “*phanh dưỡng*” phải được hậu trọng hơn, vì nó cụ thể và thực tiễn hơn! Đó là việc ngày xưa. Ngày nay, bậc Thầy (tôn sư hay hiền thánh) đâu còn được trọng vọng như thế nữa! Giá trị truyền thống đã phai mờ! có khi đã mất hẳn!

“*Tốn nhi nhĩ mục thông minh: Nhu; tiến nhi thượng hành, đắc trung, nhi ứng hồ cương, thị dĩ nguyên hanh.*”[1]

1. *Nhi (tai) thuộc Thận (thủy);*

Mục (mắt) thuộc Tim (hỏa).

Sự thông minh của con người căn cứ vào 2 cơ quan căn bản này, là Tâm và Thận.

Khoa Dưỡng Sinh của Đông phương bao giờ cũng lưu tâm đến 2 năng khiếu này: “*Nhi Mục thông minh*”. Sự già cỗi suy sụp của 2 quan năng là giúp ta đánh giá sự thành công hay thất bại trong công phu tu dưỡng.

Người già nào cũng bị mất mờ tai lãng. Chỉ có những ai giữ được 2 năng khiếu ấy luôn luôn vững vàng mới là người được đắc quả “*trường sinh cứu thị*”: *Tu nội công giúp cho mắt ta thấy xa và nghe xa hơn...* Trái lại, mất mờ tai lãng là Chân khí đã tởng mát... dấu hiệu của sự *suy sụp Chân Âm và Chân Dương*. Quê Đĩnh bàn về thuật Dưỡng Sinh, căn cứ vào câu này!

巽而耳目聰明。柔進而上行，得中而應乎剛，是以元亨。

Quẻ Ly, là tượng con mắt ; còn hào Âm ở giữa quẻ Ly, (— —) là lỗ tai (nhĩ) tức là lỗ trống trong cái tai. Tốn và Ly hợp nhau thành quẻ Đỉnh mà có đức của Tốn (là thuận) và có tài của nhĩ mục (Tai, làm cho *nghe thông*; Mắt làm cho mắt *thấy rõ ràng*, gọi chung là “*nhĩ mục thông minh* 耳目聰明” thông minh 聰明 .

Thế là “*nhu tiến nhi thiện hành*”, đặc trưng nhi ứng hồ cương (là *Lục Ngũ* ứng với *Cửu Nhị*). Cương Nhu cùng đặc trưng, thì ra làm việc đời, còn có việc gì mà chẳng được “*đại thông*”, nên mới được “*nguyên hanh* 元亨”.

Đại Tượng

Mộc thượng hữu Hỏa: Đỉnh.

象曰：木上有火，鼎。

Quân tử dĩ chánh vị, ngưng Mạng.

君子以正位凝命。

Trên, là Ly (Hỏa); dưới là Mộc, cây (tức là Tốn (Mộc)).

Trên Cúi là Lửa, đó là tượng quẻ Đỉnh. Lửa, là hơi của Lửa (gọi là Gió)! Đó là tượng của quẻ Đỉnh (lò luyện thuốc Trường sinh).

Người quân tử noi theo đó để làm công việc “*ngưng thần tụ khí*” nơi chánh vị, là chỗ “*Khí Hải Đan Điền*”). (Xem quẻ Tỉnh số 48).

Ta nên để ý: những danh từ dùng trên đây trùng với các thuật ngữ các đạo gia dùng trong các quyển Đơn Kinh (Kinh sách dạy phép luyện *Kim đơn* 金丹 “*hoàn tinh bổ não*”)

“Chánh vị”, là 4 vị trí chánh quanh Đôn điền.

“Ngung 凝” là ngưng kết.

“Mạng 命” là Thần.

Hễ “Khí” ngưng, thì “Thần” đọng (kết lại), gọi là Mạng (tức là Mạng môn).

Bốn danh từ “Chánh vị ngưng Mạng” 正位凝命, đây là phép Thủ Khảm Điền Ly, đó là “ngưng mạng” theo Đạo gia.

Tóm lại, *quẻ Đỉnh là quẻ của Đạo gia*, tu theo phép Phục Mạng (Đọc “Đỉnh Khí Trục Luận” và “Nội Kinh Tri Yếu” của Tiết Sanh Bạch, chương Đạo Sinh). Xem Đại Tượng của quẻ Tỉnh.

Richard Wilhem, một đệ tử của Đạo gia có giới thiệu sơ phần Đại Tượng này như sau: “*Ces paroles renferment des indications sur la manière de cultiver la Vie, telles qu’elles se transmettent oralement (tâm truyền tâm) dans l’enseignement secret du Yoga Pratique Chinois*” (p.230). Như vậy, R. Wilhem đã nhận thấy trong Đại Tượng quẻ Đỉnh dành riêng về phép dưỡng sinh bí truyền của Đạo học Trung Hoa, mà tiếc cho các nhà dịch quyển Dịch Kinh như Phan Bội Châu lại không nhận thấy nổi! hoặc biết mà xem thường, bỏ qua chẳng? Thật đáng tiếc!

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Đỉnh, điền chỉ, lợi xuất bĩ, đắc thiếp,
dĩ kỳ tử, vô cữu.

初六：鼎顛趾，利出否，
得妾，以其子，無咎。

Tượng viết: *Đỉnh điên chỉ, vị bội dã,*

lợi xuất bĩ, dĩ tòng quý dã.

象曰：鼎顛趾，未悖也，
利出否，以從貴也。

Sơ Lục ở dưới chót quẻ Đỉnh, chưa kịp dùng, đó là tượng cái Vạc đã bị chống cẳng lên trời, đồ dơ bẩn bên trong bị úp xuống mà đổ ra ngoài hết!

Nên mới nói: “Đỉnh điên chỉ, lợi xuất bĩ” (cái “đỉnh” bị úp xuống cho đồ dơ trong đỉnh đổ trút ra ngoài hết.)

Là ý muốn bảo: Sơ Lục chẳng có tài đức gì cả! Như cái đỉnh bị lật úp; nhưng cũng may, là có thể đồ dơ bên trong mới được đổ sạch! tượng như người có vợ rồi, lại còn gặp một nàng thiếp, được lợi là sinh được đứa con. Cái dở, là vạc úp, may mà vớt được đồ dơ chứa trong, nên “không lỗi” “vô lẫn”.

Sơ, là cái chon của vạc, chỉ dùng để cho cái vạc đứng thôi, ngoài ra chẳng còn có công dụng gì khác. Rủi là vạc ngã nhưng may là đồ dơ bên trong được đổ ra ngoài. Như vậy, vẫn có công dụng, là *làm sạch bao tử!* Đây, là nói về việc thụ trai, nhịn ăn, cử ăn, còn về Đạo giáo, là phép “*tịch cốc*”!

Cửu Nhị: *Đỉnh hữu thực, ngã cửu hữu tật,*

bất ngã năng tức, kiết.

九二：鼎有實，我仇有疾，
不我能即，吉。

Tượng viết: *Đỉnh hữu thực, thận sở chi dã;*

ngã cửu hữu tật, chung vô vu dã.

象曰：鼎有實，慎所之也。
我仇有疾，終無尤也。

Trong “đỉnh” có đồ ăn.

Hào Cửu Nhị, là dương cương ở vị “đắc trung” tượng trong vạc có chứa đầy thức ăn (đỉnh hữu thực 鼎有實). Dù có những kẻ thù ta (ngã cừ 我仇) cũng không ai làm gì được ta, nên gọi là “tốt”.

Nhị, có tài dương cương, ắt có ngày làm nên việc lớn trong xã hội, nhưng vì ở cận với Sơ là một kẻ tiểu nhân nên cũng đáng lo vì nó rắp tâm dèm pha hãm hại, nhưng không làm gì hại được vì bản thân của Nhị là người quân tử lại còn được chính ứng với hào Lục Ngũ. Cho nên Sơ dù có ganh tỵ và ghét vợ cách mấy cũng không sao tới gần được (*túc 即*), là đến gần; “bất ngã năng túc 不我能即”.

Mình đã là người quân tử mà lại còn biết thận trọng dè dặt từ bước đi bước đứng (*thận sở chi dã 慎所之也*), nên kết cuộc chẳng có gì lầm lỗi cả (*chung vô vuu dã 終無尤也*).

Cửu Tam: Đỉnh nhĩ cách, kỳ hành tắc, trī cao, bất thực, phương vũ, khuy hối, chung kiệt.

九三：鼎耳革，其行塞，雉膏，不食，方雨虧悔，終吉。

Twong viết: Đỉnh nhĩ cách, thất kỳ nghĩa dã.

象曰：鼎耳革，失其義也。

Cửu Tam, là “dương cư dương vị” ở vào vị của cái “lòng chon vạc” là người có bản chất tốt. Nhưng ở trên, Ngũ không phải chính ứng với mình, chính ứng là Thượng cùng một loại dương nên rồi cũng không cảm được! lại còn bị Tứ và Ngũ gián cách nữa là khác.

Chữ “nhĩ 耳” là cái quai vạc; cái quai vạc là 2 hào Ngũ và Tứ đang biến cách, không thể dùng để khiêng cái vạc lên được (*kỳ hành tắc 其行塞*).

Tam, là người có tài chưa gặp được thời, nên chưa được đắc dụng; ví như một món ăn thật ngon như “mỡ chim Trĩ” (雉膏, là mỡ chim Trĩ) chưa đưa ra được cho người ăn! (*trĩ cao bất thực 雉膏不食*).

Người có tài như Tam, thế nào Ngũ là bậc thông minh sớm muộn gì cũng sẽ gặp nhau, như sắp được trời mưa (*phương vũ 方雨*) Tam sẽ đem tài ra giúp thiên hạ!

Cái đỉnh nhờ có 2 quai phía trên, mới có thể bung lên được, mới đổ đồ ăn ra mà dùng như “mỡ chim trĩ” rất ngon mà chưa ăn được! Phải đợi ráp cái quai vào mới có thể dùng được, đó đều là lời nói ví thôi!

Như Hàn Tín lúc chưa đến thời, nên chưa được tiến dẫn... lên Hán Cao Tổ,... đâu phải là kẻ bất tài, vì chưa đến thời vận hanh thông thì cũng nên biết thu hình mà chờ “vận”!

Cửu Tứ: Đỉnh chiết túc, phúc công thúc,
kỳ hình ốc, hung.

九四：鼎折足，覆公餗，
其形渥，凶。

Tượng viết: Phúc công phúc, tín như hà dã!

象曰：覆公餗，信如何也。

Chon đỉnh gãy, bữa ăn của Vua đổ hết, dính dơ quần áo. Hung.

Hào Cửu Tứ, dương cư âm vị, là hạng người bất tài,

dưới thì ứng với Sơ, cũng là một kẻ tiểu nhon. Tứ đã hư hèn, gặp Sơ hôn ám, có khác nào Đinh bị “*chiết túc*” = gãy chon), làm sao chẳng bị đổ nhào. Việc đời, có bao giờ nền tảng căn bản không có, mà đứng vững được! Bất tài, mà gánh vác việc to thì đã chẳng những không làm gì được, lại còn bị tai họa là khác.

Hệ từ bày giải hào Cửu Tứ này có viết: “*Đức bạc nhi vị tôn; trí tiểu nhi mưu đại; lực tiểu nhi nhiệm trọng, tiến bất cập hi!*” 德薄而位尊，知小而謀大，利力而任重，鮮不及矣。

(Đức mỏng mà ngôi cao; trí nhỏ mà mưu đồ việc lớn; sức yếu mà cán đáng việc nặng, ít thấy được thành công!) nếu không nói là ít thấy thoát khỏi tai họa!

Lục Ngũ: *Đỉnh hoàng nhĩ, “kim huyệt”, lợi trinh.*

六五：鼎黃耳，金鉉，利貞。

Tượng viết: *Đỉnh hoàng nhĩ, trung dĩ vi thực dã.*

象曰：鼎黃耳，中以為實也。

Lục Ngũ ở giữa ngoại Ly, đứng ở vào chỗ quai vạc.

Bởi Ngũ có đức trung chánh, nên mới gọi nó là “quai vạc sắc vàng, có những cái vòng bằng vàng 金鉉, kim huyệt, là những cái vòng bằng vàng.

Nếu Ngũ giữ vững bền lòng trung chánh của mình, thì đây là chỗ thiên hạ trông vào.

Tượng nói thêm: “Trong lòng Đỉnh có đầy đức tốt”, thay vì nói đồ ăn ngon đựng đầy trong lòng vạc: “*Đỉnh hoàng nhĩ, trung dĩ vi thực*”.

Hào này tuyệt đẹp.

Thượng Cửu: Đỉnh “ngọc huyền”, đại kết vô bất lợi.

上九：鼎玉鉉，大吉，無不利。

Thượng Cửu, chất dương cương mà xử ở vị âm nhu (dương cư âm vị), cho nên *không quá cương mà cũng chẳng quá nhu*.

Ở cuối quẻ Đỉnh, tức là Đỉnh đã thành công.

Đỉnh đã có những vòng ngọc thạch (ngọc huyền 玉鉉).

Ngọc Thạch, là giống dương cương màu xanh óng ánh, rất chắc và rất đẹp mắt. Hào này càng đẹp hơn Ngũ!

51. BÁT THUẦN CHẤN

八純震



“Chấn giả, Động dã”

震者，動也。

“Chấn giả, Kinh dã”

震者，驚也。

Sơ hào quẻ Kiền ☰ giao hoán với Sơ hào quẻ Khôn ☷ nên Sơ dương của Kiền thay vào Sơ âm của quẻ Khôn mà thành Chấn.

Quẻ Chấn, là “nhất dương sinh” thuộc về Thiếu Dương: Chấn chồng lên Chấn là tượng *Sấm nổ rền trời*, vang động khắp chốn. (Xem quẻ Dự số 16).

Tượng đũa Trượng Nam cầm quyền quá mạnh bạo khiến ai ai cũng lo sợ *kinh hoàng*.

Thoán từ:

Chấn Hanh, chấn lai khích khích tiểu ngôn hách hách.[1] Chấn kinh bách lý, bất táng chủy sởng.

1. “*Khích khích*”, là nơm nớp; “*hách hách*” là êm hòa; “*tiểu 笑*”, là cười lên.

震，亨，震來虩虩笑言啞啞。
震驚百里，不喪匕鬯。

Ta có thể chia ra làm 2 phần: Phần “*Hình Nhi Thượng*” (A) và phần *Hình Nhi Hạ* (B):

(A) “*Chấn hanh*”, là tượng sấm sét làm vang động vậy mà đây là điềm làm chuyển động vạn vật sống lại. Vì vậy, mới dịch chữ *Chấn* ra chữ “*đánh thức*”, ta thường gọi “*tiếng sấm đêm đông*” (thiên hạ đang ngủ say, bỗng tiếng sấm nổ, làm tất cả thức dậy kinh hoàng ám chỉ sự “*hốt nhiên đắc ngộ*”. Bởi vậy *Thiên tông* chủ trương đánh thẳng vào tâm tư mơ ngủ của con người để cho họ “*giác ngộ*”! bằng những cách “*nói nghịch*” “*hoặc bằng những cái đánh, cái đá, cái chửi mắng bất ngờ, đột ngột!* gọi là *Đốn pháp*.”

“*Chấn lai, khích khích; tiểu ngôn hách hách*”. Tiếng sấm làm ta giật mình, ban đầu thì ngờ ngác lo sợ, nhưng sau đó, lại có tiếng cười thoải mái (*tiểu ngôn hách hách* 笑言啞啞).

(Nhân quả Chấn, mà tôi đã viết quyển “*Cái Cười của Thánh nhân*” 聖人微笑. Tôi đã viết: “*Cái cười của Thiên, là cái cười đắc Ngộ của Thánh nhân, trước tiên là một sự “ngạc nhiên” vì là một nhận xét nghịch lại với lối suy tư và thành kiến lâu nay của mình! Vừa ngạc nhiên, lại vừa tỉnh ngộ (chân lai khích khích), vừa tỉnh ngộ vừa cười xòa (tiểu ngôn hách hách), đó là cái cười của người đắc ngộ vừa phá tan được cái Vô minh của mình! Đọc một câu văn u mặc, ta có cảm tưởng đầu tiên, gặp một đối thủ, một kẻ thù dám nói nghịch lại ta. Nhưng rồi, người thù ấy biến thành bạn; rồi người bạn ấy lại trở thành người Thầy!*”

Trở lên, là giảng theo “hình nhi thượng”. Chấn, là tượng của thời Thiếu Dương mà tôi đã tiên liệu sắp tới và Giác ngộ Đốn pháp.

(B) Đó, là bàn về nghĩa tối cao của Chấn; giờ đây, xin trở về với nghĩa trung thừa... với hạng “trung hơn dĩ hạ”! Tại sao nghe tiếng sấm, trước sợ, sau cười? nghĩa là Sợ mà rồi Không sợ? Chữ “sợ” trước, là sợ để lo phòng bị; chữ “sợ” sau là hậu quả tốt đẹp của lòng biết phòng bị trước! cho nên, gặp tai biến mà như không, là nhờ đã biết phòng trước nên khỏi phải lo sợ gì nữa. Từ đây, giảng theo hình nhi hạ.

Thời Chấn là thời không biết bao nhiêu biến cố dồn dập làm cho ai ai cũng phải *kinh nguy*, người quân tử vì đã biết phòng bị trước, nên khi xảy ra “*kinh nguy*” bất ngờ, không còn gì ngạc nhiên lo sợ cả!

Đi xe sắp đến ngã ba ngã tư đã tiên liệu, bóp kèn hay bóp chuông và nhìn trước sau, bên tả bên hữu, xe lại hãm chậm lại... thì khi gặp xe bên trái hay bên phải đến bất ngờ, mình cũng đã sẵn sàng đối phó một cách bình tĩnh rồi!

Mà việc đời, phải biết phòng trước những biến cố bất ngờ... như một võ sĩ thượng đài đã tiên liệu trước các thứ đòn hiểm độc bất ngờ mà luôn luôn sẵn sàng phòng thủ trước. Thời Chấn thì phải làm như vậy, các thời khác có nên không cần phòng bị nữa không? Ôi! đời người, lúc nào mà không phải là thời Chấn! Chớ bao giờ quên câu “*Phúc trung hữu Họa*” (Phúc hễ, họa chi sở phục)!

*
* *

“*Liệt Tử* nghèo, có khi đói.

Có người mách cho Vua Trịnh Tử Dương biết, và nói: *Liệt Tử* là người Hiền, nay ở nước ta mà phải bần cùng, chẳng hóa ra Nhà Vua không biết quý kẻ hiền tài!

Tử Dương nghe, sai sứ giả đem cho *Liệt Tử* vài mươi xe thóc.

Liệt Tử ra tiếp sứ, vái hai vái, xin từ, không nhận.

Sứ ra về.

Liệt Tử vào nhà trong. Vợ ngóng trông, bực tức, tự đập vào ngực mà rằng:

– Thiếp nghe, vợ con các bậc đạo đức cao thượng đều được an nhàn vui vẻ, nay vợ con tiên sinh túng đói, Vua đưa cho tiên sinh thóc gạo, tiên sinh lại từ, là nghĩa làm sao?

Liệt Tử cười, bảo vợ:

– Vua mà biết ta, đâu phải chính Nhà Vua biết ta, mà tại nghe có người nói mới biết ta; Vua mà nghe người nói mới biết ta mà cho thóc, thì lúc buồn ý bắt tội ta, tất cũng vì nghe người nói mà bắt tội ta! Kẻ mà chỉ vì nghe nói mà tin, chứ tự mình không biết gì cả, là hạng người nông nổi! Cho nên ta không nhận thóc. Vả chẳng, chịu bổng lộc của người ta, hoặc khi người mắc nạn mà ta không liều chết giúp người, là bất nghĩa. Mà nếu chết liều để giúp kẻ vô đạo, thì lại còn “nghĩa” thế nào được!

Tử Dương, sau quả bị nạn, chết!

Đại Tượng

Tán lời, Chấn.

象曰：洊雷，震。

Quân tử dĩ khủng cụ, tu tỉnh.
君子以恐懼，修省。（靜）

“*Tấn lôi*”, là *lôi trùng điệp* (do 2 quẻ Chấn lập thành) là tượng quẻ Chấn.

Người quân tử xem đó mà lo dự phòng trước luôn luôn, lấy việc “*ưu tư viễn lự*” lo xa, mà tu đức “*điềm đạm*” chí cực của mình!

Về phương pháp “*tu tỉnh*” đến mức *điềm đạm chí cực* này của Đại Tượng quẻ Chấn, tôi đã soạn quyển *Cái Dưng của Thánh Nhân* để đáp ứng câu “*quân tử dĩ khủng cụ tu tỉnh*” này. Đó là đức căn bản của Thánh Nhân, có thể với phép Tĩnh tọa Cương Điền, ta thực hiện được dễ dàng chữ “*tỉnh 省*” (đồng nghĩa với chữ 靜 (tĩnh)).

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Chấn lai kích kích, hậu tiểu ngôn hách hách.

初九：震來虩虩，後笑言啞啞。

Quẻ này, nguyên là quẻ Khôn ☷, vì có hào Sơ Cửu quẻ Kiền xen vào Sơ Lục của quẻ Khôn mà biến thành quẻ Chấn, và chính hào Sơ Cửu này cầm đầu và bắt đầu thời Chấn. Được Chấn lai (hào Dương của Kiền) đến, đó là chỗ cốt yếu nhất của toàn quẻ!

Câu: “Chấn lai kích kích, hậu tiểu ngôn hách hách” đã giảng rồi ở Thoán từ.

Lục Nhị: Chấn lai, lệ, ức táng bối, tề vu cửu lãng, vật trực, thất nhựt đắc.

六二：震來厲，億喪貝，躋于九陵，勿逐，七日得。

Tượng viết: Chấn lai lệ, thừa cương dã.

象曰：震來厲，乘剛也。

Thời Chấn đến, Nhị đâm lo như leo lên chín tầng cao (tê vu cửu lǎng) trên gò cao, lo gì? Lo đang cỡi trên lưng của Sơ là dương cương (*Chấn lai, lệ, thừa Cương dã*), nên Nhị lo bởi Sơ quá hung hăng mà mình thuộc về âm nhu. Nhưng Nhị, đắc trung đắc chánh mà ở thời Chấn, nên vẫn là tay khéo xử!

Thôi! Thì đành rút lên cao để tị nạn. Sợ là lo xa vậy, chứ Sơ vẫn là người quân tử “dương cư dương vị”, nên Sơ chẳng hại gì cho Nhị cả đâu.

Thật ra, Nhị sợ khí thế của Sơ quá hăng tiến, khí thế mãnh liệt nên đâm ra lo và có lẽ quá lo! Bất quá, Sơ chỉ xâm lấn Nhị trong một thời gian ngắn, cỡ 7 ngày rồi cũng sẽ trả lại cả những gì Sơ đã xâm chiếm, tiền bạc, của cải, nhà cửa!

Đây, là trường hợp nhà cửa bị trưng dụng, rồi sau, sẽ lại được giao hoàn cho chủ cũ... Nên mới nói: “*Vật trục, thất nhứt đắc*” là khuyên Nhị hãy ráng bình tĩnh, đừng chạy theo đòi... tự nhiên rồi người ta trả lại.

Thời Chấn, mà gặp hào Nhị... chớ lo: “tiên ưu, hậu lạc”!

Lục Tam: Chấn tô tô, chấn hành vô sảng.

六三：震蘇蘇，震行無眚。

(“Tô tô”, là sợ đến rụng rời ngơ ngác).

Tại sao sợ đến rụng rời, là bởi Tam là hào *bất trung bất chánh*, không đâu tiếp ứng cả vì *lục* và *tam* đều cùng một loại âm! Cho nên Tam *cẩn lánh* mình đi chỗ

khác, như đi “tị nạn” vậy, vì chỗ mình đang ở (ngôi vị) là vị bất chánh! (âm cư dương vị) nay không còn thuận với mình nữa.

“*Chấn tô tô, chấn hành vô sánh*” 震蘇蘇，震行無肯。

Ta nên để ý: Địa vị (ngôi vị hay chỗ ở) nếu gặp cảnh “bất đắc vị” (âm cư dương vị, hay dương cư âm vị) thì cuộc sống không bao giờ yên thân nơi mình đang cư trú, nên mới có nói: “*an kỳ sở an, vị chi chánh; an kỳ sở bất an, vị chi bất chánh dã*”. Dịch gọi là “bất đương vị”. Bất trung, nên không biết “*tấn thối*”, chẳng rõ phép “*tôn vong*” (giữ cho còn, hoặc làm cho mất). Thời Chấn, là phải tự mình lay chuyển (nội Chấn), lại sợ một sự thay đổi nếp sống xưa nay căn cứ vào lòng “*tư kỷ*” là bất hợp thời “*thời chỉ tác chỉ, thời hành tác hành*”! Dịch bảo: “*Chấn vi Long*” (Chấn, là tượng con Rồng. Rồng, là biến. Nếu chẳng Biến, thì chết).

Cửu Tú: Chấn toại nê.

九四：震遂泥。

Tượng viết: Chấn toại nê, vị quang dã.

象曰，震遂泥，未光也。

Hào Cửu Tú, là hào “*bất trung bất chánh*” (dương cư âm vị).

Ở vào thời Chấn, là thời kinh nguy vô cùng hiểm hóc, vậy mà Tú đức tánh xấu xa, lại còn sa sập vào giữa bầy âm (trên, 2 âm) (dưới, 2 âm) đến đổi bị say đắm trong chốn bùn lầy (“*toại nê*”) (thỏa thích vui say trong chốn bùn lầy). Bị “*Chấn*” (ở đây là sự chuyển động nặng nề

giữa vũng bùn lầy) gọi là “sa lầy”,[1] càng vũng vầy càng sa đọa thêm.

Lời Tượng bảo “*Chấn toại nê, vị quang dã*”. “Vị quang” là mất lần *ánh sáng của tâm linh*.

Lục Ngũ: *Chấn vãng lai, lệ, ức vô táng hữu sự*.[2]

六五：震往來，厲，億無喪，有事。

1. “Vũng bùn lầy”, là nơi vũng bùn mà khi xuống đó, chỉ bị sụp càng giờ càng lún sâu... càng động chuyển, càng cựa quậy, lại càng bị lún sâu thêm đến mất dạng.
2. Sự “*kinh hoàng*” là do lòng người bám vào Danh, Lợi, mà Đạo học bảo *bỏ hết đi, sao mà chẳng kinh hoàng?* hưởng hồ *bị hoàn cảnh bắt buộc phải bỏ tất cả*... như bị thiên tai lũ lụt, hay chiến tranh tàn phá! Một chân lý “*vô kỷ, vô ngã*” đem thuyết cho hạng “*chấp trước trong vòng Danh Lợi*”, sao chẳng làm cho họ kinh hoàng như “*lôi vũ*”?

Trong quyển “*Phật Học Tinh Hoa*”, tôi đã nhấn mạnh về điểm này:

Phật ngày kia, trong khi đại định, ngồi dưới cội bồ đề, bỗng hoá nhiên đại ngộ: cái Ngã là giả! Bao nhiêu bức màn vô minh che lấp Chân tâm *rớt đi từng mảnh!* Một trạng thái *cực kỳ biến chuyển nhanh chóng* của thế giới vô thường chứng cho Người cái cảnh vạn cảnh giai không vi diệu của Niết Bàn Thanh tịnh! Ai đọc đến đây mà không kinh khiếp!

“Người ta thuật rằng: lúc Người *đắc Đạo vô ngã*, thì *Trời Đất rung chuyển, sấm sét nổ long Trời lở Đất*... ngay chỗ Người ngồi *đều tan thành tro bụi!* Đó là cái giả ảnh mà bấy lâu nay Người đã ôm ấp về Bản Ngã của Người, nay đã *rung chuyển và rã tan thành tro bụi!*” (*Phật Học Tinh Hoa*, 1965, tr.40)

“Phật do dự, sau khi *đắc Đạo*, không biết mình có nên đem cái *đạo Vô ngã* này mà truyền giáo cho nhân loại đang sống hoằng hoại trong Hữu Ngã, có ai chịu nghe chẳng? Vì làm thế, sẽ *gây sự kinh hoàng khủng cụ*... bởi trái với lòng nguyện ước được “*phì đại bản ngã*” của mình một thỏa mãn của lòng tham dục vô bờ bến của bản ngã... ti tiến và vụ lợi của con người!” (trang 43, 44).

Jésus, ngày xưa, bảo những kẻ muốn theo Người hỏi Đạo: “Các người hãy về, *bán tất cả của cải, đem cho hết kẻ nghèo*... rồi đến đây, ta sẽ nói cho nghe!”

Tượng viết: *Chấn vãng lai lệ, nguy hành dã.*

Kỳ sự tại trung, đại vô táng dã.

象曰：震往來，厲，危行也。

其事在中，大無喪也。

Hào Lục Ngũ tuy đắc trung, nhưng vì ở thời Chấn nên cũng thường xảy ra nhiều điều kinh cụ. “Chấn” mà đến (“lai”) cũng nguy, mà (“vãng”) đi cũng nguy, nên mới “*Chấn vãng lai, lệ*”... nhưng Ngũ cứ hãy giữ vững đức trung chính của mình, đừng để mất (“úc vô táng”)... Đó là lời Thánh nhơn răn dạy Lục Ngũ đó!

6. Thượng Lục: *Chấn “tác tác”,*

thị “quắc quắc”, chinh hung.

上六：震索索，視矍矍，征凶。

Tượng viết: *Chấn bất vu kỳ cùng, vu kỳ lân,*

vô cữu, hôn cấu hữu ngôn.

象曰：震不于其躬，于其鄰，

無咎，婚媾有言。

.....

“Jésus a dit: “Vends tout ton bien et le donne aux pauvres” au jeune homme fortuné qui lui demandait conseil, et lequel, nous est-il dit dans l’Evangile, “s’en retourna fort triste, car il possédait de grands biens”.

(Christianisme et Communisme)

Hiện thời, tất cả đều đã hỏng cả, là vì chưa đắc trung, nhân loại chưa “tiến bộ” đến chỗ “vô ngã” để thực hiện Tâm Hư... Chính Phật giáo cũng đã hỏng, vì đi quá sớm!

Phật, Lão... và hiện nay Krishnamurti... đều là những nhân vật “thanh bần tột độ”, đúng là bậc Thánh nhơn theo Dịch lý: “bậc Thánh nhơn “vô kỷ, vô công, vô danh” tức là bậc Thánh nhơn của quẻ “Vô Vọng” (số 25).

*Tượng: Chấn tác tác, trung vị đắc dã,
tuy hung, vô cữu, úy lân giới dã.[1]*

震索索，中未得也，
雖凶無咎，畏鄰戒也。

*
* *

Thượng Lục, là âm nhu đến cực độ lại gặp thời Chấn cũng cực độ (ở hào chót vót của quẻ Trùng Chấn!) nên tinh thần ủ rũ mỗi mệ, sợ sệt, kinh hoàng thêm.

Người gặp hoàn cảnh này, tốt hơn hết, nên yên lặng, nếu mà động tác, ắt gặp việc hung (*chinh hung 征凶*).

Tuy Chấn Kinh chưa đến, mới đến nhà lân cận thôi (vu kỳ lân) nghĩa là đến Ngũ (cận với Lục) mà Lục đã biết lo xa dự liệu, thấy nguy đến nhà láng giềng nên phòng trước (*úy lân giới dã 畏隣介也*). Kể ra cũng hay (*tuy hung, vô cữu 雖凶無咎*). Đây là ý tưởng theo hình nhi hạ học của Dịch.

*
* *

Tóm lại, trong toàn quẻ, không có hào nào mà không bị phê vào một chữ “Chấn Kinh”.

Sơ, thì Chấn lai khích kích;

Nhi, thì Chấn lai lệ;

Tam, thì Chấn tô tô;

1. “tác tác 索索” là ủ dột, mỗi mệ, bàng hoàng... bủn rủn.
“quặc quặc 矍矍”, là kinh ngạc, kinh cụ, kinh hoàng.

*Tứ, thì Chấn toại nê;
Ngũ, thì Chấn vãng lai;
Lục, thì Chấn tác tác.*

Và như vậy, ta thấy ý Thánh nhân muốn nói với chúng ta: phạm ở đời không ai không phải ở vào thời Chấn! mà đây lại là thời “Chấn”! Trần gian đầy khổ lụy! Trần gian là cõi địa ngục, chưa bao giờ thấy là cảnh thiên đàng! Đừng bao giờ nghe bọn làm chánh trị “nhà nghề” rêu rao sẽ biến thế gian này thành một cõi thiên đường trên dương thế.

Càng muốn biến thế gian thành thiên đàng, mà con người bị đưa vào địa ngục! càng lo cho đời bao nhiêu, càng làm cho đời loạn thêm chừng nấy!

Luật “thừa trừ” của Tạo hóa, của Trời Đất Âm Dương mà ta cần lưu ý nhất, là câu “*Phúc hễ Họa chi sở phục*”! Phúc càng sâu, Họa càng thâm! Cẩn thận đấy! hỡi những ai quá giàu lòng Bác Ái mà chẳng biết dùng! cái mộng phiêu lưu của mình!

Và sau hết, sau khi nghiền ngẫm quẻ Chấn, cần lưu ý điều này: kẻ nào gặp nhiều tai họa, kẻ ấy dễ thành người diêm tĩnh nhất! Dân chúng nước nào mà bị nhiều đau thương thống khổ nhất, người dân dễ trở thành diêm tĩnh nhất trước cái chết luôn luôn đe dọa đời sống mình!

“Chấn hanh, chấn lai khích khích, tiểu ngôn hách hách!

Việc đời hễ có Động thì có chuyển, có chuyển phải có biến. Mà, hễ Động cực thì Tĩnh sinh, bởi vậy sau quẻ Chấn có quẻ Cấn, Cấn là Tĩnh... Sau cơn mưa to gió lớn, sẽ là một bầu trời quang đặng! và trong trẻo!

Theo đời, cũng vậy.

Theo Đạo, thì có Chấn mới có Cấn, và có Cấn mới được giải thoát... diệt được Bản Ngã để sống hòa đồng cùng Vũ Trụ Vạn Vật.

52. BÁT THUẦN CẤN

八純艮



“Cấn giả, chỉ dã”

艮者，止也。

“Cấn giả, tịnh dã”

艮者，靜也。

Cấn, là tượng núi, sự bất động

Nguyên là quẻ Khôn, hào thượng Kiên đắp vào trên đỉnh cao của Khôn mà biến thành quẻ Cấn: trên đầu núi càng cao thì khí dương càng nhẹ... Hào Dương đứng trên cao.

Hai quẻ Chấn và Cấn đảo nghịch nhau: Chấn là Động, Cấn là Tĩnh.

Chấn, Dương bắt đầu sinh ra và tiến lên, và khi tiến đến cùng, thì ngừng lại, nên Cấn, có nghĩa là ngừng lại (Cấn giả chỉ dã).

Thoán từ:

*Cấn kỳ bối, bất hoạch kỳ thân, hành kỳ đình,
bất kiến kỳ nhơn, vô cữu.*

艮其背，不獲其身，行其庭，
不見其人，無咎。

“Cấn” là chỗ dừng lại (Cấn giả, chỉ dã); dừng lại ở phía lưng (*cấn kỳ bối*); không thấy thân mình (*bất hoạch kỳ thân*); đi trước sân (hành kỳ đình); không thấy có ai cả (bất kiến kỳ nhơn).

Ý nghĩa toàn là bóng dáng: “Quẻ Cấn dùng để nói lên sự *“chỉ nên dừng lại chỗ chỉ thiện”* (tượng hào dương dừng lại trên chót vót của quẻ, sau khi dương khí tiến, từ dưới lên tới trên đỉnh núi, mà thôi! Đó là chỗ mà Dịch gọi *“Động cực Tĩnh sinh”*. Gọi Cấn là *chỗ tịnh của Tâm mình!* (Tâm Tịnh 心靜).

Quẻ Cấn, như ta vừa thấy, là để bàn về phép *“làm cách nào cho Tâm mình trở thành cực tịnh”*, tức là phép tu *“Tĩnh quán”!* một trong những phép *Tĩnh tọa* của Đạo gia[1] và Thiền đạo của Phật gia, *“Vạn biến như lô, thủ tâm như tĩnh tọa”*.

Mà đây cũng là phép *“diên niên thọ mạng”* (phép sống lâu) qua câu này của Nội Kinh:

*Diêm đạm hư vô,
Chân khí từng chi,
Tĩnh thần nội thủ,
Bịnh an từng lai!*
(Đạo Sinh)

1. Richard Wilhem cũng nhận thấy như vậy *“Il est possible que le Texte contienne des allusions à des pratiques du Yoga”* (page 238). Các bộ Dịch của chúng ta (của Ngô Tất Tố và Phan Sào Nam) không lưu ý đến việc này, cực kỳ quan trọng cho những người tìm Đạo.

Trở lại câu “*Cấn kỳ bối*”. Trong thân thể con người, tất cả đều động, *riêng chỉ có cái lưng là không động*. Nó thuộc về *Tĩnh*, cho nên *khi ngồi Tĩnh tọa, lưng phải thật ngay[1] vững vàng như núi*.

Thân thể con người luôn luôn động, như tai, mắt, miệng, mũi, tay, chơn rặt là những chỗ động chuyển không ngừng... *chỉ có cái lưng không động* (nên mới gọi “*cấn kỳ bối*”... cho nên trong khoa Tướng Pháp Trung Hoa, tướng lưng rất quan trọng để định đoạt tương lai sang hèn... do chỗ động tĩnh của nó. *Tướng đi kỳ nhất là cái lưng chuyển động*).

“*Bất hoạch kỳ thân*” là bảo hãy quên mình; “*bất kiến kỳ nhơn*” là bảo đừng thấy có người... bởi giờ Tĩnh tọa thì “*Bĩ Ngã*” phải “*tuong vong*”. Đó là hết nghĩa của quẻ Cấn rồi vậy!

Câu “*bất hoạch kỳ thân*” và “*bất kiến kỳ nhơn*” là đồng một nghĩa với câu này trong Kinh Kim Cương: *Vô ngã tướng, vô nhơn tướng* 無我相, 無人相。

-
1. Theo *Tướng pháp*, cũng nói: *Dù đi đứng, chớ bao giờ để cho lưng chuyển động*. Lưng chuyển động thì bất cứ sự nghiệp gì của mình cũng không được bền vững. “*Mộc dao diệp lạc...*” cây mà dao động làm cho lá rụng, con người đi mà *lưng không ngay* hoặc *ngồi mà rung đùi*, sự nghiệp dễ bị tan nát, “*nhơn dao phúc bạc*” rất *bạc phúc*. Thường nhơn có thói quen, ngồi không yên ổn đã lao chao ngồi đứng không vững vàng, lại hay múa tay múa chơn, hoặc rung đùi rung cẳng “*nhơn dao phúc bạc*”.
- Trái lại, người khác thường (phi thường) thì ngồi có vẻ thư thái nghiêm trang, *không lắc mình, không rung gối, không co chơn, không duỗi cẳng*.

Thoán Truyện:

*Cán, chỉ dã, thời chỉ tắc chỉ, thời hành tắc hành, động
tĩnh bất thất kỳ thời, kỳ đạo quang minh!*

Cán kỳ chỉ, chỉ kỳ sở dã.

Thượng hạ địch ứng, bất tương dự dã.

Thị dĩ, bất hoạch kỳ thân, hành kỳ đình

bất kiến kỳ nhon, vô cữu dã.

艮止也，時止則止，時行則行，

動靜不失其時，其道光明。

艮其止，止其所也。

上下敵應，不相與也。

是以不獲其身，行其庭。

不見其人，無咎也。

Chữ “*chỉ*” có 2 nghĩa:

1. *Im lặng, im lìm.*

2. *Đi đến nơi đến chốn, và dừng lại.*

Chữ “*chỉ 止*” này rất quan trọng trong đời sống con người, cho nên Thánh nhon căn dặn ta: “*tri chỉ 知止*”. Hay nhất, mà cũng là *khó nhất*. Là tại sao? Tại cái bệnh trầm trọng nhất đã làm cho con người đau khổ nhất, là chỗ “*không biết dừng*”. Chỗ độc đáo của cái học Lão Trang, ở câu: “*Tri túc, tri chỉ*” 知足知止. Cái chết đau thương của các bậc “*vĩ nhân*” như Alexandre Đại Đế (Alexandre le Grand), của Napoléon Đại Đế (Napoléon Premier)... đã nói lên sự “*tri túc, chỉ chỉ*” là *vô cùng khó khăn! nhất là khi mình là kẻ bách chiến bách thắng!*

Thánh nhon, hề biết đủ, thì dừng lại ngay, hơn chúng nhon chỗ đó! Ngay trong vấn đề ăn uống: hề thấy đủ

rồi, không ăn nữa. Có gì khó hiểu, nhưng không phải ai cũng làm được!

Bất cứ vấn đề nào trong nhân sinh, mấy ai là người biết đủ: “*tự thắng giả cường*”. Sự thèm khát của con người thì vô tận, dục vọng không bao giờ nguôi: có một muốn mười, có mười muốn trăm, có trăm muốn ngàn... và cứ thế mà “lòng tham không đáy”! Đó là chỗ *đại họa* của con người, nên Lão Tử bảo: “*Họa mạc đại ư bất tri túc* 禍莫大於不知足” (Không họa nào lớn bằng không biết đủ).

Cái khó nhất, là “*biết đủ*”. Phải biết rõ *đến đâu là đủ*, bởi có biết đủ mới biết đã đến chỗ đủ mà *dừng lại*: “*thời chỉ tắc chi*” 時止則止; nếu thấy chưa đủ, thì phải làm thêm cho đủ: “*thời hành tắc hành*” 時行則行.

Tóm lại, phải biết *lúc nào phải làm mà làm cho được đầy đủ*; *lúc nào phải dừng lại mà dừng*, để cho sự động tịnh chẳng sai thời (*động tịnh bất thất kỳ thời* 動靜不失其時).

Đạo này sáng suốt làm sao “*kỳ đạo quang minh* 其道光明”!

Thảo nào Dịch Hệ Từ chẳng bảo: “*Tri tiến thoái, tôn vong chi đạo nhi bất thất kỳ chánh giả, kỳ duy Thánh Nhân hồ!*”

Đúng vậy! *Chỉ có bậc Thánh Nhân mà thôi!* Khác với Chấn, thời Cấn nên dùng đạo Nhu (nhu đạo).

Đại Tượng

Kiểm Sơn: Cấn

Quân tử dĩ tư bất xuất kỳ vị.

兼山，艮。
君子以思不出其位。

Núi trên, núi dưới dính liền nhau.

Người quân tử noi theo đó mà không để cho sự suy tư vượt khỏi cương vị của mình! Tức là chánh vị của mình, là cái gọi là Thiên Chân hay Bản Lai Diện Mục.

Đây cũng là *phép Tĩnh tọa hay Tọa thiên*. Cẩn “*dĩ tư bất xuất kỳ vị*” 以思不出其位 là bảo phải “*dứt niệm*”, dừng lại tất cả mọi suy tư theo Nhị Nguyên Luận. “*Dứt niệm*”, là “*vô cầu*”, “*vô niệm*”, trở về với “*Chân tâm*”. Trong quyển *Cái Dững của Thánh Nhân*, tôi có phác họa về một lối Tĩnh tọa của Cương Điền, có nói: “*Tĩnh tọa là “vô cầu”, “đừng lo gì”: chớ cầu hết bệnh, cũng đừng cầu kiện khang: nhứt thiết việc gì cũng không nên tư vọng 思妄 hoàn toàn “vô niệm”.*”

“*Tư 思*” là “*suy tư*”, là “*tưởng niệm*”. *Núi và núi*, trên dưới, ngang dọc đều *dính liền* nhau như một khối, tức là ám chỉ câu *Thiện Ác giai Thiên Lý*: Theo Địa lý, núi cao và núi thấp kế nhau, cái cao hơn thuộc Dương, cái thấp thuộc Âm.

Núi trên, là thiện niệm.

Núi dưới, là ác niệm.

mà theo Dịch lý thì “*Thiện Ác giai Thiên Lý*” (Thiện và Ác đều là Lẽ Trời cả).

Cả hai *dính liền* nhau như dãy núi trùng trùng, như một khối “*Âm Dương bất khả phân*” trong đồ Thái Cực. Theo đó mới có “*luật Lương Cự*”.

Còn suy tư theo Nhị Nguyên phân biệt Âm Dương Thiện Ác, và chỉ chấp một bên bỏ một bên, sẽ không

bao giờ đạt đến Đạo Tâm như Nhất Nguyên, không nhận có hai mà cả hai là Một:

*Bất đồ Ác nhi sinh hiềm,
Bất quán Thiện nhi cần thố,
Bất xả trí nhi cận ngu,
Bất phao mê nhi cần tựu ngộ.*

*Đừng thấy dữ mà chê,
Đừng thấy lành mà mộ,
Đừng bỏ trí mà gần ngu,
Đừng bỏ mê mà theo ngộ*

Được vậy thì mới đạt được Tâm đạo! (Đạt Đại đạo hề quá lượng!)

Nhà Phật, bảo: *Niệm vô niệm, là niệm Chánh*; còn *“niệm hữu niệm”* là *niệm Tà*. (Đọc “Phật Học Tinh Hoa”, chương *Trí Huệ Bát Nhã*, tr.197, vì cả chương này giải rất rõ cái nghĩa của câu “*Quân tử dĩ tư bất xuất*” của quẻ Cấn, là “*Kiếm sơn*” (núi trên, núi dưới... dính liền nhau như một khối).

Chính vị của Cấn, là “*vô niệm*” 以思不出其位. Chữ “*vị 位*” gần chữ “*nhon*” (là ta), và chữ “*lập 立*” là chỗ đứng mà không động. “*Vị 位*” là “*ngôi*” chánh vị của ta, ngôi *Thiên Chân*.

Quẻ Cấn, là quẻ bàn rất cao siêu, huyền diệu về phép “*Tu Tâm, dưỡng Tánh*” và “*Kiến Tánh thành Phật*” của Thiên Tông Đốn Pháp, theo Hình nhi thượng học.[1]

1. Đây, cũng là phép “*Chỉ quán*” của Phật giáo. Có thể trong quyển *Tọa Thiền Chỉ Quán*, phần thực tiễn nhất, là Chương thứ Chín bàn về phép “*Thiền tọa trị bệnh*”.

Tiểu Tượng

Sơ Lục: *Cấn kỳ chỉ, vô cữu, lợi vĩnh trinh.*

初六：艮其趾，無咎，利永貞。

Tượng viết: *Cấn kỳ chỉ, vị thất chánh dã.*

象曰：艮其趾，未失正也。

Điều ta cần lưu ý: Giữa 2 quẻ Chấn và Cấn có sự liên lạc rất mật thiết.

Hễ Động cực, thì phải dùng đến Tĩnh mà trị, như ta thấy quẻ Cấn đi liền sau quẻ Chấn. *Thời Chấn, phải dùng Cấn để trị, hoặc để phòng!* đó là “*dĩ bất biến ứng vạn biến*”; còn về thời Chấn thì dùng Cấn, tức là “*dĩ nhu thắng cương, dĩ nhược thắng cường*”!

Hào Sơ Lục ở dưới chót quẻ Cấn, tượng ngón chon 趾 chỉ, là ngón chon. Đứng dậy mà đi, thì trước hết phải động ngón chon. Nếu lúc ban đầu mà đã biết dừng ngay (“*Cấn kỳ chỉ 艮其趾*”) thì đâu sợ có gì lỗi, mình đã tự chủ!

“*Dừng lại*” (Cấn, là chỉ) đâu phải là ngưng bật, mà là suy nghĩ, lọc lựa mãi cho thật cẩn thận, như khi ta muốn nói gì, phải đắn đo lo nghĩ thật kỹ, sẽ nói sau như chữ “*ngôn*” đã *hội ý* bằng “*một ý định muốn nói*”

.....

Sau đây, trích một đoạn Chỉ quán trị bệnh:

“*Dưới rún một tấc (Phật giáo Ấn Độ gọi là Ưu-đà-na, Đạo giáo gọi là Đan điền. Nếu biết ngừng tâm (tâm chỉ) ngay nơi đó, đừng cho khí tán, lâu ngày các bệnh đều được trị lành.*

Hoặc *đem tâm ngưng tụ dưới bàn chơn (nơi huyết Dũng Tuyền), thì dù có đi, đứng, nằm, ngồi... đều có thể tự nhiên trị được bệnh.*

Đó là phép “*an tâm chỉ tại*” (*an tâm*, là đặt tâm tư vào một chỗ; *chỉ tại*, là ngừng tại chỗ bệnh đó không cho xao lãng, không có rời khỏi nơi đó).

gì”, rồi suy đi xét lại 3 lần mới nói “Ba lần”, là nói chung “nhiều lần”! Đó là “chỉ kỳ ngôn”. [1]

*Lục Nhị: Cấn kỳ phi, bất chứng kỳ Tùy,
kỳ tâm bất khoái.
艮其腓，不拯其隨，其心不快。*

*Tượng: Bất chứng kỳ Tùy, vị thối thính dã.
不拯其隨，未退聽也。*

Hào Lục Nhị (âm cư âm vị) đặc trung đặc chánh. Đây là hạng người có thể dùng được đạo “Chỉ” (tức là đạo Tịnh hay “Thanh Tịnh Vô Vi”).

Có điều bất lợi, Nhị chính ứng với Ngũ mà Ngũ lại cùng loại (âm ngũ âm) nên không ứng được!

Chỗ hay này, ít ai lưu ý, vì phép tu Tịnh không được giao tiếp với người thứ hai, dù là bậc Tôn sư của mình, mà phải là công phu “tự tu tự đắc” (đó là đạo Vô Sư).

“Tự tu tự ngộ” là chỗ độc đáo của Lão Trang, của Thiên tông Đông độ... như lời của Ngũ Tổ Hoàng Nhấn nói với Lục Tổ Huệ Năng: “Chúng nhơn tha độ, thánh nhơn tự độ”. Bởi thế, Thiên có khẩu hiệu sau đây:

*Bất lập Văn Tự,
Giáo ngoại biệt truyền.
Trực chỉ nhơn tâm,
Kiến Tánh thành Phật!*

-
1. Phân tích chữ “Ngôn”, ta thấy nó có 3 bộ phận: đầu, chấm chủ đầu 丶 ; đến là chữ tam 三 ; rồi đến chữ khẩu 口 là miệng nói ra: 言. Tây phương cũng có câu ngạn ngữ: “Il faut tourner 7 fois la langue avant de parler.” (Uốn lưỡi 7 lần trước khi nói).

*
* *

Nhị ở dưới Tam, Tam là dương cương nhưng *bất trung bất chánh*, nên có quyền chế Nhị mà Nhị chẳng có quyền gì cả, chỉ một mực là thuận tùng (tượng như Nhị là bắp chon, hoạt động theo *bắp về* “*Cán kỳ phi* 艮其腓” (phi là bắp chon) chứ tự nó không hoạt động được. Tam có quyền “Chỉ” Nhị, Nhị không có quyền gì điều khiển Tam, dù biết rõ Tam lầm lỗi (vì Tam bất trung, mà Nhị đắc trung). Như thế, thì Nhị đối với Tam chỉ là kẻ tùy tùng thôi (tâm tùy 心隨) cho nên lòng chẳng thích (kỳ tâm bất khoái 其心不快).

Trường hợp của Nhị, là không dám nói nghịch lại Tam, trái lại, còn phải chịu theo ý Tam là khác. Như vậy, đâu có thể, một kẻ Trung Chánh làm sao có thể nghe theo kẻ bất trung bất chánh? dù đó là “Thầy” của mình!

Chỉ còn một cách duy nhất này, là *bỏ Tam mà đi*, để giữ toàn khí tiết của người quân tử, chứ đâu có thể đóng vai trò phụ họa! Đành là ở vào cảnh của kẻ “*chu hoành dã thủy, vô nhon độ*”, như trường hợp *Bồ Đề Đạt Ma* đến Trung Quốc, gặp phải Lương Võ Đế... Lương Võ đế là kẻ rất hâm mộ Phật giáo, nhưng căn cơ hèn thấp, chỉ biết cất chùa cầu phúc báo, nên Bồ Đề Đạt Ma *bỏ, đi về Giang Bắc lên núi Tung Sơn*, chín năm ngồi day mặt vào vách đá (cửu niên diện bích) nhất quyết *không nói Đạo với bất cứ ai*, dù là những bậc cao tăng của đương thời! Sau cùng gặp Huệ Khả, truyền tâm ấn làm đệ nhị tổ.

Đây, cũng là hoàn cảnh đặc biệt của Lão Tử, *ngung*

tất cả việc đi hành pháp, về sau viết bộ Đạo Đức Kinh rồi đi mất... chứ không chịu làm Thầy ai cả! Lão thuyết về cái “đạo vô sự” nên Thiên cũng “bất lập văn tự”! “Ngã hà ngôn dã”!

Câu “bất chứng kỳ tùy, vị thối thính dã” 不拯其隨，未退聽也。 của lời Tượng, đã nói lên tâm sự của Thánh nhơn ở vào cảnh như “tuyệt vọng” vì đời mà phải bỏ đời (xuất tục)... Đâu phải chẳng muốn cứu chữa người đời, mà chính vì người đời “từ chối” (hay nói cho đúng hơn) vì người đời không biết chịu nghe (vị thối thính dã).

Nói cho phải, nếu bảo vì thiên hạ phân đông “không chịu nghe” thì hơi quá đáng, mà phải nói: dù có muốn nghe, cũng “nghe không vô!”. Rất đơn giản: chỉ có “đồng thính” mới “tương ứng”; có “đồng khí mới tương cầu”!

Thái dương đã mọc... trăm hoa đua nở... và chỉ nở những hoa nào vừa đến thời kỳ nở, chứ những hoa mới búp mộng không làm sao nở được!

Cho nên, thiên hạ chưa hiểu được mình, há phải là lỗi tại mình, bởi Tam bất đắc trung đắc chánh nên không sao hiểu được Nhị, và như vậy, ở vào thời “thiên địa bế, hiền nhơn ẩn”! có lẽ là hay hơn cả!

Ở vào thời Thái âm (khởi từ quẻ Độn) bắt đầu vào thời hắc ám của Thái âm rồi! Thánh nhơn đã bắt đầu đi vào con đường rút lui và “qui ẩn”... Nhờ thế, mà ngày nay ta mới có được những tác phẩm như *Dịch Kinh*, *Lão Tử Đạo Đức Kinh*, *Trang Tử Nam Hoa Kinh*, *Kim Cang Kinh*... liên miên bất thất trong thời “hắc ám” này để cứ giữ mãi một ngọn đèn trong đêm tối mịt mù.

Cửu Tam: Cán kỳ hạn, liệt kỳ dân, lệ huân tâm.

九三：艮其限，列其夤，厲薰心。

Tượng viết: Cán kỳ hạn, nguy, huân tâm dã.

象曰：艮其限，危，薰心也。

Cửu Tam, ở trên hết Nội Cán, làm chủ luôn quẻ Cán, ở ngay phía giữa của Bát Thuần Cán (trung đoạn) chôn mình giữa “quần âm”, đã đến chỗ cực tịnh.

Cán thời Cửu Tam, theo thân thể con người, là ném vào khoảng giữa thân người, khoảng lưng quần. Chỗ từ Rún sắp xuống, hoàn toàn bị tê liệt vì ở ngay chỗ mà trên gặp 2 âm; dưới gặp 2 âm. Như thế, tiến lên, bên trên chẳng ai nghe; lùi xuống dưới, ở dưới cũng không nghe, không ai phục cả! giống như kẻ bị bệnh “quan cách” (thủng trướng 列其夤 liệt kỳ dân (cũng đọc là “di”), nguy không thể nói! nên phải tuyệt đối “câm lặng”.

Đây là trường hợp hoàn toàn bị tê liệt ngay phía giữa (bị chôn giữa quần âm) (thượng bất đáo hạ, hạ bất đáo thượng), cho nên ngọn lửa lòng đã tắt, chỉ còn nhen nhúm bằng một cụm khói đen, thành ra khó thở (huân tâm 薰心).

Nói về công phu tu tĩnh (tĩnh tọa) thì nên “ngưng đi” (cấm chỉ), chữ lo tịnh tâm (tức là Cán Tâm 艮心) chứ đừng luyện công đạo dẫn mà phải bị “tẩu hỏa nhập ma”!

Dù sao, tới kỳ hạn này, tất cả đều phải “ngưng” (Cán kỳ hạn, nguy, huân tâm dã 艮其限，危，薰心也). Trên dưới bị ngăn cách, đó là Tâm Thận bất giao, Thủy Hỏa đã bất đường giao tế rồi. Thủy (Thận) không lên được để chế Hỏa, cho nên bên trên Tâm bị lửa nổi

lên mà đốt cháy quả tim (*huân tâm* (huân, là đốt). Ở đây, Dịch đề cập đến phân hình nhi thượng học, chỉ có những ai chuyên về Y đạo (bởi “*Y đạo thông Tiên đạo*” mới hiểu nổi mà thôi! Đây là *mật pháp* của *Thiền đạo Trung Hoa* do Lục Tổ Huệ Năng khởi xướng, đi thẳng vào Phật thừa: “Trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật”. (Đọc “*Thiền Đạo Tinh Hoa*” tập I)[1]

Như vậy, có lẽ, “Thiền tông đốn pháp” của Lục Tổ Huệ Năng, cũng phần nào do *hào Cửu Tam quẻ Cấn* mà ra, cả cái học của Lão Trang (vì Lão Trang đều do cái học của Kinh Dịch mà ra). Tam Huyền học gồm 3 cái học về Dịch và Lão Trang.

Với *hào Cửu Tam*, *Thiền Tông* đã cảnh cáo phép tu *Thiền tọa* có nhiều nguy hiểm đáng sợ. Bởi vậy, tu theo phép *Tĩnh tọa*, phải cần có *Sư*, còn tu theo *Đốn pháp*, rất kỵ có *Sư*. Đốn pháp là đạo “*vô sư*” mà chính *Krishnamurti* đã *cực lực* bài bác các phép *Tĩnh tọa* hay *Thiền tọa*!

Lục Tứ: *Cấn kỳ thân, vô cữu.*

六四：艮其身，無咎。

-
1. Đây, thuộc về phái tu Thiền, mật truyền của Thích Ca phó chúc cho *Ca Diếp* thiền sư: “*Ta có Chánh pháp nhãn tàng, niết bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng, vi diệu pháp môn*, nay phó chúc *Ca Diếp* với bài kệ pháp sau đây:

Pháp, bốn vô pháp;

Vô pháp pháp diệt pháp

Kim phó vô pháp thời

Pháp pháp hà tăng pháp.

Đây, là “*Phật thừa*” pháp vô pháp, gọi là *Vô trụ pháp*.

(*Thiền Đạo Tinh Hoa*, của tác giả Nguyễn Duy Cần, tập I).

Tượng viết: *Cấn kỳ thân, chỉ chư cung dã.*

象曰：艮其身，止諸躬也。

Lục Tứ là đắc chánh (âm cư âm vị) và cũng vừa bắt đầu lên thượng quái (ngoại Cấn) đúng là ở vào “*thân* 身” của con người.

Ở thời Cấn, là “ngưng” lại, Lục Tứ biết lúc Chỉ mà Chỉ (*thời chỉ tắc chỉ* 時止則止, và “Chỉ” đúng ở thân là chỗ phải chỉ 艮其身 nên “*vô cữu* 無咎” (không lỗi lầm).

*
* *

Chữ “*cung* 躬” là nói về bản thân riêng của mình, nghĩa là nên “hạn chế” cho riêng bản thân mình mà thôi, chứ không giống như ở Thoán từ bảo: “*Cấn kỳ bối* 艮其背” là “*vong ký* 忘已” (quên mình (vong ngã); còn “*cấn kỳ thân* 艮其身” là “dừng lại noi bản thân của mình” (lo cho thân mình) như tu tĩnh tọa để cầu kiện khang (theo đạo dưỡng sinh), tức là tu theo Tiểu thừa Phật giáo, tu theo lối “đạo dẫn” của Đạo gia luyện phép “*trường sinh cứu thị*”.

Bởi vậy, Thánh và Phàm khác nhau xa, là chỗ đó: *Quên mình là Thánh; còn nhớ đến mình, là Phàm!*[1]

1. Richard Wilhem bình giảng đoạn văn Lục Tứ này, viết: “... *tenir le dos calme* signifie *oublier son moi*. C'est le degré suprême de la *Quiétude*. Ici, ce stade n'est pas encore atteint. Sans doute, *on est déjà capable d'immobiliser le moi* avec ses pensées et ses émotions, *mais on n'en est pas encore libéré...*” (page 240).

Il n'en est pas moins vrai que *l'apaisement du Cœur* est une fonction importante *conduisant avec le temps à l'élimination complète des impulsions égoïstes*.

Để cho cái lưng mình bất động là dùng Tịnh để quên mình (tu Tịnh), để luyện đến *Tâm Hu...* Ở đây Lục Tú chỉ chận đứng lại không cho cái “Ngã” hoạt động, để kéo theo tư tưởng và tình cảm băng quơ nữa, chớ chưa đi đến chỗ “giải thoát”! (nghĩa là mới đi đến chỗ gọi là “*cẩn kỳ thân*” chứ chưa đến được trạng thái “*cẩn kỳ bối*”! Nhưng có “*cẩn kỳ thân*”, lâu ngày mới vượt lên “*cẩn kỳ bối*”!

Trong bài “*ngự phong nhi hành*” của Liệt Tử có nói:

“... Ta sẽ nói cho anh biết Thầy ta đã dạy ta như thế nào: *Ròng rã 3 năm*, ta vào cửa Thầy, lòng không dám nghĩ đến Thị Phi, miệng không dám nói đến Lợi Hại, được Thầy ban cho một cái nhìn. *Năm (5) năm sau*, lòng không nghĩ đến Thị Phi, miệng không nói đến Lợi Hại, Thầy ban cho một cái cười. *Bảy (7) năm sau*, lòng thản nhiên không nói đến Thị Phi, miệng không nói đến Lợi Hại, Thầy cho phép cùng ngồi chung một chiếu. *Chín (9) năm sau*, ta để tha hồ cho tâm trí muốn nghĩ gì thì nghĩ, miệng ta muốn nói gì thì nói không còn phải để ý nữa, đến đổi không còn phân biệt cái gì của ta, cái gì của người, thậm chí đến không còn biết ai là Thầy, là Bạn nữa. Ta không còn phân biệt cái gì là trong, cái gì là ngoài nữa, ngũ quan ta đã được thống nhất: mắt như tai, tai như mũi, mũi như miệng, cả thấy đồng nhau. Tâm Trí ta ngưng tụ thành một khối, không biết đâu là Tâm đâu là Trí vì cả hai đã là Một rồi, hình thể ta nhẹ nhàng, thịt xương ta như sương khói, ta không còn biết lưng ta dựa vào đâu, chơn ta đứng nơi nào, ta *tha hồ bay bổng* không khác nào chiếc lá bay: ta không rõ *có phải ta cỡi gió, hay gió cỡi ta...*”

(Trích trong quyển “*Tinh Hoa Đạo Học Đông Phương*”, trang 55, 56).

Lục Ngũ: *Cán kỳ phụ, ngôn hữu tự, hối vong.*

Cán kỳ phụ, dĩ Trung Chánh dã.

六五：艮其輔，言有序，悔亡。

艮其輔，以中正也。

Chữ “*phụ* 輔”, là miệng (mép miệng).

Hào Lục Ngũ đã đi đến trung tâm ngoại Cán (là đi đến sự *Câm lặng*).

“*Cán kỳ phụ*” là đi đến sự “*cám khẩu*” vì lòng đã đến độ cao nhất của “*Tâm Hư*”. Sở dĩ còn nói, là bởi còn bận mắc trong Thị Phi, Thiện Ác... và khi mà ta có một lập trường theo Thị chống Phi, theo Thiện chống Ác... ta phải “*biện bác*” để bênh vực lập trường của mình. Chứ một khi, không còn gì để biện biệt nữa, thì nói cái gì bây giờ. Cho nên Lão Tử mới nói:

“*Thiện giả bất biện,*

“*Biện giả bất thiện.*

Chữ “*thiện*” đây, không phải danh từ đối lập với Ác, mà là sự “*sành Đạo*”, *hiếu Đạo*. Cho nên “*tri giả bất ngôn*” (Biết rõ Đạo, không nói gì nữa cả) tức là không còn bàn đến Nên Hư, Đắc Thất, Thị Phi, Vinh Nhục hay Thiện Ác, bởi “*Thiện Ác giai Thiên Lý*” (Âm Dương là bất nhị).

Không nói, nhưng nếu phải nói, thì chỉ nên nói những gì nên nói, không bao giờ ăn nói suông sã, đụng đầu nói đó... ăn nói một cách thiên vị mất đạo Trung. Lục Ngũ là hào *Đắc Trung Đắc Chánh* nên không bao

giờ rời Trung đạo! Bởi vậy, mới nói: “Ngôn hữu Tự” 言有序.

“Tự 序” là trật tự, và “trật tự” ở đây là chỉ vào “Trật tự của Vũ Trụ” (*ordre de l’Univers*) đúng ngay vào Đạo thể, mà lời nói theo Nhị Nguyên chỉ là theo chỉ có một phần phiến diện, chứ không phải lời nói của Đạo bao giờ cũng thuộc về Nhất Nguyên luận.

*
* *

Trường hợp hào Lục Ngũ quẻ Cấn, ta thấy thực hiện ở các tu sĩ phái Thiên tông “ngôn vô ngôn” (nói mà như không nói), và như Trang Tử đã viết: “Kẻ nào hỏi Đạo là gì? Kẻ ấy là người Ngu! Nhưng kẻ trả lời, lại còn ngu hơn người hỏi!”.

Chính Phật Tổ Như Lai, sau 49 năm thuyết pháp đã tuyên bố: “Ta thuyết pháp trong khoảng 49 năm, nhưng thực sự, chưa từng nói một lời nào!”. Chính Khổng Tử sau cùng cũng đã nói: “Dục dục vô ngôn”!

Thượng Cửu: Đôn cấn, kiết.

上九：敦艮，吉。

Tượng viết: Đôn cấn chi kiết, dĩ hậu chung dã.

象曰：敦艮之吉，以厚終也。

敦 Đôn, là dày dặn.

Thượng Cửu, là hào cuối cùng, cao hơn hết quẻ Cấn, là thời “lặng lẽ cùng cực”, hay nói theo Lão Tử, đó là thời “Trí hư cực, thủ Tĩnh đốc 至虛極守靜篤”.

(Đi đến chỗ cùng cực của *Hư Không*, là giữ được *Tâm* mình trong thế *Tịnh*).

Bản thân là *Dương cương* có tánh “đốc thực” và làm chủ quẻ *Cấn*, và gọi là “*Đôn cấn*” (đúc dầy).

Hai chữ “*đôn*” và “*hậu*” thường đi chung nhau. Cho nên kẻ “*đôn hậu*” là người *hết sức điềm tĩnh*, một đặc tính của *Thánh nhân*. (Xem quyển *Cái Dững* của *Thánh nhân*).

Lục Ngũ, nên tu *Tịnh*; còn *Thượng Lục* là kẻ đã thành công phu “*Tịnh đốc*” 靜篤, “*đắc Thượng dương chi cách*” rồi. Cao hơn một bậc.

Ta cần để ý đến 8 quẻ mà có quẻ *Cấn* ở ngoại quái, là các quẻ:

quẻ *Cấn*

quẻ *Bác*

quẻ *Mông*

quẻ *Cổ*

quẻ *Di*

quẻ *Bí*

quẻ *Tốn*

quẻ *Đại Súc*

tất cả những hào *Thượng Cửu* ở ngoại *Cấn*, hào từ đều tốt cả, nên mới nói “*dĩ hậu chung dã*” (tức là ngoại quái, thuộc về phần sau (hậu vận)).

Tóm lược

Bát Thuần Cấn (vì sự rất quan trọng của nó, xin tóm lược đại cương: *Cấn* là *Tịnh*, là *Chỉ* (dừng lại). Quẻ liên đảo với *Chấn*: *Chấn* là *Động*, *Cấn* là *Tịnh*. *Cấn*,

là *tịnh tâm*, là *Tịnh quán*, là *Tĩnh tọa*, là *Điền đàm hư vô*. *Cấn kỳ bối*: phép ngồi của Tĩnh tọa. Thời chỉ, tắc chỉ, Tri túc, tri chỉ. Họa mạc đại ư bất tri túc. Thời Cấn, nên dùng Nhu đạo: Tri tiến thoái tồn vong chi đạo Chấn, là tu Đốn pháp; Cấn, là tu theo Tiệm pháp.

Đại Tượng

Tuyệt niệm, Vô niệm để trở về Chân Tâm, phục hồi Chân Khí. Phép Tĩnh tọa của Cương Điền. Bất đồ Ác nhi sinh hiềm (của Đạt Ma).

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Thời Chấn, phải dùng Cấn để trị; là “dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Ý nghĩa về chữ Ngôn, “chỉ kỳ ngôn”.

Lục Nhị: “Tự tu, tự ngộ” đó là đạo “Vô sư”; Còn “Cầu sư” để điểm Đạo, là lầm!

Cửu Tam: Tu tâm hư, đắc tâm hư, phải bỏ tất cả các phép “tĩnh tọa”! Đây là, đến độ cao nhất của phép tu Thiền, là Thiền Đông Độ của Lục Tổ Huệ Năng, tĩnh tọa theo Cương Điền (vô cầu, vô niệm).

Lục Tứ: nói về phép tu Tĩnh tọa đều cầu kiện khang, nghĩa là “hữu cầu” hữu “niệm”! nhưng đây là dọn đường đi qua giai đoạn “vô cầu, vô niệm” của hào Cửu Tam (Phật thừa).

*Lục Ngũ: đã đến trung tâm quả Ngoại Cấn: tức là đến trình độ “Tĩnh Khẩu” nghĩa là *Câm Lặng*.*

Thượng Cửu: đã đến chánh thể của quả Cấn rồi, nên mới nói: “Đôn Cấn”, là đã đến bậc Thánh nhơn hay Chân nhơn (tức là người đã đắc Thiên Chân và bảo

toàn được Thiên Chân (gọi chung là *Toàn Chân* (hay *Toàn Thiên Bảo Chân*).

Như thượng Cấn, quẻ Cấn, là “*Đôn cấu chi Kiệt*”.

quẻ Bác, là “*dân sở tái dã*”;

quẻ Mông, là “*lợi ngự khấu dã*”;

quẻ Cổ, “*chí khả tặc dã*”;

quẻ Di, “*đại hữu khánh dã*”;

quẻ Bí, “*thượng đắc chí dã*”;

quẻ Tốn, “*đại đắc chí dã*”;

quẻ Đại Súc, “*đạo đại hành dã*”.

Các quẻ này đều được “*dĩ hậu chung dã*” 以厚終也 (tới chỗ cuối cùng đều được hậu trọng cả).

53. PHONG SƠN TIỆM

風山漸



“Tiệm giả, chỉ dã”

漸者，止也。

“Tiệm giả, tiệm dã”

漸者，漸也。

Quẻ Tiệm, là quẻ biến của quẻ Cấn là Cấn; là quẻ điền đảo của quẻ Qui Muội.

“Tiệm”, là từ từ, thư thả, thông dong, hòa hoãn...

Sau khi Ngưng lại, Dừng lại (là quẻ Cấn, là Chi); mà đã đứng dừng lại rồi, chả lẽ cứ đứng mãi một chỗ mà được ư? thì cũng phải dời đi, cũng phải tiến tới, nhưng có tiến tới, gốc ở Cấn, phải tiến từ từ (tiệm tiệm nhi tiến) vì theo Dịch, cái gì cũng phải theo thời, tuân tự nhi hành, như bốn mùa tám tiết, chứ không có việc cướp thời gian, làm cái việc “đốt giai đoạn”, bất cứ trong công việc gì... Non mòn, biển cạn... thì cũng từ từ! đây là Đạo Trời!

Theo như thể của quẻ, thì thượng Tốn mà hạ Cấn. Chớ bao giờ nóng nảy, vì “dục tốc bất đạt”! Tài hoa của

con người cũng chỉ là sự kiên nhẫn lâu dài! Đó là cái đặc điểm của tánh khí bậc Thánh nhơn.

Hạ Cấn, là tượng phải có sự an nhiên (do thể Cấn chỉ mà chặn lại những sự hối hả vội vàng (đó là nội Cấn); còn bên ngoài thì từ từ để cho nhuần thấm! Được vậy, thì không bao giờ lo hỏng việc!

Thoán từ:

Nữ qui, kiết, lợi trinh.
女歸吉，利貞。

Quẻ Tiệm, là *phải từ từ*, phải dè dặt, như việc con gái về nhà chồng, đâu phải là một điều hấp tấp, vội vã... Người ta thường bảo:

“Hãy cầu nguyện một lần, trước khi ra trận;

“Cầu nguyện hai lần, trước khi vượt biển ra khơi;

“Nhưng, phải cầu nguyện ba lần, trước khi nhất định hôn nhân.”

Câu “*vội bồi, vội lờ*”, những nhà tâm lý học về bề sâu thường khuyên: cần kéo dài lúc “*vị hôn*” (chưa cưới) để có thể, dò xét kỹ lưỡng sau trước... chứ “*biết người, biết mặt, khó biết lòng*”... và chỉ có “*thời gian*” là cần nhất.

Người *con gái* nào mà *quá vội vàng*, vừa gặp, vừa yêu, vừa bôn chôn về nhà chồng, đều gọi là *không trinh chính*! nên Thoán từ mới nhấn mạnh “*lợi trinh 利貞*” “*Tiệm, nữ qui, kiết, lợi trinh*”. Nhứt là ở thời quẻ Tiệm, không có gì vội vàng, hấp tấp mà nên việc. Đàn ông con trai cũng cần để ý: người đàn bà con gái nào quá dễ dãi, chấp nhận bừa bãi tình yêu, là hạng người đáng trách, vì câu: “*vội bồi, vội lờ khác xa cử chỉ người quân tử, kẻ trung trinh*”.

Thoán truyện:

Giảng thêm cho rộng Thoán từ
Tiệm chi tiến dã,
Nữ qui, kết dã.
Tiến đắc vị, vãng hữu công dã.
Tiến dĩ chánh, khả dĩ chánh bang dã.
Kỳ vị cương đắc trung dã.
Chi nhi Tốn, động bất cùng dã.

漸之進也，
 女歸，吉也。
 進得位，往有功也。
 進以正，可以正邦也。
 其位剛得中也。
 止而巽，動不窮也。

– *Tiệm nhi tiến dã, nữ kết dã* 漸而進也，女望吉也。

Cách tiến lên, mà biết “*tiệm tiến*” như ở quẻ Tiệm, là việc rất cần dùng vào việc “nữ qui” (gái gả lấy chồng).

Theo thể của quẻ, ta thấy *trên* là trưởng nữ, dưới là thiếu nam. Nghĩa là ở quẻ Tiệm, người con gái bao giờ cũng già dặn hơn người con trai hiếu sắc! Trong hôn nhân, thường xảy ra trường hợp con gái giữ thế thượng phong và phải đóng vai người chị cả (đàn bà con gái thường thông minh hơn đàn ông con trai nhiều). Cho nên hãy để đàn ông con trai “cầu” mình trước, và phải luôn luôn giữ thái độ “kẻ cả”! Trái lại, trai mà thấy gái xuống nước cầu xin, thì người dễ khinh thường và ruồng bỏ! Còn người trai thì luôn luôn háo thắng, bao giờ cũng có cái mộng “săn mồi” và lấy đó làm hạnh

diện! nhưng “săn mồi” mà quá dễ dàng, lại thường thấy mình không hãnh diện!

Quẻ Tiệm đã phân tích cặn kẽ tâm sự của nam nữ trong vấn đề hôn nhân, đâu phải tầm thường!

Cho nên: “Tiệm mà tiến” (tiệm chi tiến dã) thì nữ qui, tốt (kiết 吉). Trái lại, là Hung!

– “Tiến đắc vị, vãng hữu công dã.”

進得位，往有功也。

“Tiến dĩ chánh, khả dĩ chánh bang dã.”

進以正，可以正邦也。

Theo cái thể của quẻ, thì 4 hào giữa quẻ (tức là *Nhị, Tam, Tứ, Ngũ* đều *đắc chánh cả*). (Nhị là âm, âm cư âm; Tam là dương, dương cư dương; Tứ là âm, âm cư âm; Ngũ là dương, dương cư dương). Âm Dương đều *đắc chánh, đắc vị cả*, nên bảo “tiến đắc vị, vãng hữu công” 進得位，往有功。

Nếu lấy chỗ Chánh vị mà tiến công thì chẳng những Chánh được Nhà mà cũng Chánh được Nước nữa (*khả dĩ chánh bang dã* 可以正邦也).

– “Kỳ vị cương đắc trung dã.”

其位剛得中也。

Là nói về hào Cửu Ngũ. Tiệm mà được đắc trung đắc chánh như Ngũ thì công dụng rất tốt.

– “Chỉ nhi Tốn, động bất cùng dã.”

止而巽，動不窮也。

Theo về Đức của các quẻ nội và ngoại, thì *Nội Cấn*, là lòng thản nhiên yên tĩnh bên trong; còn *Ngoại Tốn* là có sự hòa thuận... vui vẻ, chiều chuộng.

Khi ta tiến lên mà làm việc đời hay (tu thân xử thế) mà bên trong lòng (tâm trung “an lạc” (Cấn là hết bị dục tình vọng động nữa), ngoài thì không gặp nghịch cảnh... thì rất đúng với cái nghĩa của toàn quẻ là “*tiệm tiến*”, nên có động, vẫn chẳng bị khốn cùng (động, bất cùng 動不窮).

Đại Tượng

Son thượng hữu Mộc: Tiệm

Quân tử dĩ cư hiền đức, thiện tục.

象曰：山上有木，漸。

君子以居賢德，善俗。

Tượng của quẻ Tiệm, là từ dưới thấp, lần lần lên cao đều có cây mọc có lớp dưới lớp trên, nên gọi là *Tiệm* (là mọc từ dưới lên trên). *Cây trên núi*, hay *trên núi có cây*.

Người quân tử xem theo đó, thấy rằng cây trên núi khác cây dưới đất bằng, nó bao giờ cũng *cao lớn* (tất nhiên) và *cao lớn như thế đâu phải sớm một chiều mà được* cao lớn như thế! “*Đức*” của người quân tử là *một thứ cội gốc* phải được nuôi dưỡng lâu ngày và *tiệm tiến*...

“*Cư*”, là dự trữ, tích trữ (“*cư hiền đức* 居賢德”). Nhưng mà “*đức*” gì? Chắc chắn, là “*thượng đức*” như Lão Tử đã nói: “*thượng đức bất đức*”, tức là “*đức Tĩnh*” 靜, cần giả Tĩnh dã 艮者靜也。

“*Đức*” này mọc lên *tự nhiên*, lớn lên *tự nhiên*, chẳng cần đến bàn tay con người vun quén, săn sóc... “*Tĩnh*” thì không nóng nảy, *từ từ mà lớn*, mà vững vàng trên nền núi...

Chữ “*hiền đức*” đây, không có nghĩa là hiền từ như

thường dùng, mà có nghĩa là *điềm tĩnh, điềm đạm...* tránh các thứ náo động vọng động như các nhà “*tu muốn đi mau, đi tắt cho mau thành chánh quả!*” Còn muốn cho mau có kết quả, là còn *vọng động*, còn *tham muốn*, cho nên mới có câu: “*muốn thành Phật, sẽ không bao giờ thành Phật!*”, và Lão Tử mới khuyên ta: “*bất dục đắc*”. *Càng muốn được, lòng càng thêm vọng động*, đó là điều cấm kỵ nhất khi tu Tịnh, đối với nhà Thiền.

*
* *

Câu chuyện Bán Cung sau đây minh chứng điều đó:

“Liệt Ngự Khấu cùng với Bá Hôn Vô Nhân bán cung. Liệt Ngự Khấu, tay cầm cung, chỗ cùi chỗ để một chung nước đầy. Bán liên tục mấy phát, mà mặt nước trong chung không chao động!

Bá Hôn Vô Nhân chê: “Cái cách bán này, là cách bán của người quá lo trong việc bán, chưa phải là cách bán của người giữ được “Tâm Bình” trong khi bán!”[1]

Anh hãy đi với tôi lên núi cao kia, kiếm chỗ gần hố sâu thăm thẳm mà bán, chừng ấy, sẽ biết anh có còn giữ được cái vẻ “điềm tĩnh” ấy nữa không?

Bá Hôn Vô Nhân, đứng tận bên mé hố, chơn đứng nửa trên mặt đất, nửa ngoài không không... (nghĩa là chỉ đứng có một chơn thôi), nghiêng đầu ra sau, và giương cung bán... một cách thần nhiên.

1. Nên nhớ, quẻ Tiệm, nội quái là quẻ Cấn, quẻ Cấn lại là quẻ Cấn (Cấn là cực tịnh):

Nội Cấn, là nội Tịnh (lòng phải đừng náo động), tức là lòng phải được điềm đạm: *Điềm tĩnh hư vô chân khí tòng chi...*

Liệt Ngự Khấu thấy vậy, toát mồ hôi, té xỉu trên mặt đất.

Bá Hôn Vô Nhân cười nói: “Bạc chí nhon, con mắt, trên ngó tận mây xanh, dưới nhìn tận đáy vực, ngoài xem tận chơn trời... mà lòng vẫn thản nhiên không bao giờ nao núng! Có được như thế, mới bắn được cái bắn thản nhiên điềm tịnh! Chí như anh, chưa gì cặp mắt đã hốt hoảng, lo sợ, thì dù có bắn, làm gì bắn trúng được?”

(*Liệt Tử*)

*
* *

“Đức Tịnh” này, là đức *Điềm đạm chí cực*, nghĩa là “bất dĩ ngoại vật động kỳ tâm dã” (nghĩa là không để bất kỳ ngoại vật nào làm động tâm mình... như câu chuyện “nuôi gà đá” sau đây của Trang Tử:

“Kỷ Tĩnh Tử lãnh phần tập “gà đá” cho nhà Vua.

Được 10 ngày, hỏi thăm, Tĩnh Tử nói:

– Chưa! Gà còn kiêu khí!

Mười ngày nữa, hỏi thăm. Tĩnh Tử bảo:

– Chưa! Gà còn biết gáy đáp với gà khác! Thấy gà khác, còn biết xúc động!

Mười ngày sau nữa, hỏi thăm. Tĩnh Tử nói:

– Cũng chưa, nó còn hăng hái, còn thịnh khí lắm!

Mười ngày sau nữa, lại hỏi thăm.

Tĩnh Tử đáp:

– Được rồi! Nghe tiếng và thấy mặt đồng loại, nó

không còn biết cảm động nữa! Nó nay thần nhiên như khúc gỗ! Không còn gà nào đối đầu với nó được nữa!”

*
* *

Câu “*dĩ cư hiền đức, thiện tục*”. “*Thiện*” đây có nghĩa “*sành về Đạo*” như trong câu “*bất tranh nhi “thiện” thắng*” (thắng một cách hoàn hảo).

Đức *Tĩnh* của quẻ Tiệm, là chỗ mà Lão Tử gọi là “*Vô Vi nhi Vô bất Vi*” (thấy như là không làm gì cả, mà thực sự không gì không do nó làm! *làm một cách hồn nhiên, không bôn chôn, không hối hả,... từ từ như trăng lên, như hoa nở... âm thầm lặng lẽ... như quẻ Hỏa Địa Tấn.*

Tóm lại, chương Đại Tượng này của quẻ Tiệm, là để bàn đến phép “*tiệm tu*” hay “*tiệm pháp*”! chứ không phải “*đốn pháp*”.

Cho dù có tu theo “*đốn pháp*” đều phải có *Tu* và có *Chứng*. *Tu*, là tiệm; mà *Chứng*, là đốn! Có điều, Đốn pháp con đường ngắn mà thật khó. Tu theo Tiệm pháp, dễ hơn, nhưng dễ sai lầm...

Tiểu Tượng

Sơ Lục: *Hồng tiệm vu can, tiểu tử lệ, hữu ngôn, vô cữu.*

初六：鴻漸于干，小子厲，有言，無咎。

Tượng viết: *Tiểu tử chi lệ, Nghĩa, vô cữu dã.*

象曰：小子之厲，義，無咎也。

Cần đề ý: Trong toàn 6 hào của quẻ Tiệm, đều thủ tượng là “*con chim hồng*”.

Sơ hào, thì nói “*Hồng tiệm vu can*”.
 Hào nhị, thì nói “*Hồng tiệm vu bàn*”.
 Hào tam, thì “*Hồng tiệm vu lục*”.
 Hào tứ, thì “*Hồng tiệm vu mộc*”.
 Hào ngũ, thì “*Hồng tiệm vu lãg*”.
 Hào thượng cửu, thì “*Hồng tiệm vu qui*”.

*
* *

Chim *Hồng* 鴻 là một loại chim tuy sống trên mặt nước, mà *khi bay thì bay thật cao*, có thể *cao trên chín ngàn thước*, thường bay theo thời tiết, gọi là “*hậu điểu*”, hễ mùa nóng thì bay lên di trú ở miền Bắc; mùa lạnh thì bay di trú ở miền Nam.

Chim bay có đoàn và có trật tự, con lớn bay trước dẫn đầu đoàn, và bay theo hàng chữ V. Loại chim này lại có được cái tánh rất chung tình. Một con mái mà chết, con trống nhất định không kết bạn với bất cứ con mái nào khác! Trong hàng ngũ bay, các con lẻ bạn, bay riêng một mình ngoài hàng ngũ.

*
* *

Hào Sơ Lục là hào ở dưới chót quẻ, bản chất Âm nhu, tài còn yếu lắm.

Ở trên không có ứng, vì Tứ cũng thuộc âm (chữ *Can*, là bến sông, bờ sông).

Ở vào thời Tiệm tiến, mà chỉ tiến chút ít thôi, có

khác nào chim Hồng mới bay đến bờ sông thoi (*Hồng tiệm vu can* 鴻漸于干).

Các hào, từ dưới lên trên, chỉ “sức bay” từ gần đến xa của chim Hồng!

Sơ Lục là tượng một người trai cô đơn hay độc thân, muốn tự vạch một đường lối riêng cho đời mình, về sự tiến đức tu nghiệp!

Bởi chỉ có một mình, không được ai tiếp viện và tiếp sức nên bước đường đầu còn chập chững và đầy chông gai! Vì thế, anh chàng cẩn thận, dè dặt, không dám táo bạo hay liều lĩnh. Chính nhờ sự dè dặt cẩn thận ấy mà sau cùng anh sẽ được thành công. Tuy gặp nhiều khó khăn (lệ 厲), nhưng không làm lỗi gì cả (vô cữu).

Lục Nhị: Hồng tiệm vu bàn, ẩm thực hãn hãn, kiết.

六二：鴻漸于磐，飲食衎衎，吉。

Tượng viết: Ẩm thực hãn hãn, bất tố bão dã.[1]

象曰：飲食衎衎，不素飽也。

Lục Nhị, là “cư trung đắc chính”, trên lại được Cửu Ngũ ứng tiếp (vì Nhị Ngũ, đủ cặp Âm Dương) nên tiến lên một cách bình an thông thả! tượng chim Hồng bay từ mé hồ vào đất bằng và đậu lên tảng đá to lớn (*Hồng vu bàn* 鴻于磐) thung dung tự đắc, tượng như được ăn uống thoải mái (ẩm thực hãn hãn). Như thế, là tốt (kiết). Đậu được trên hòn đá cao là được an toàn rồi!

1. “Bàn 磐” là hòn đá lớn;

“Hãn hãn” là vui vẻ;

“Tố bão” không làm gì được ăn no, không cần ăn no.

Nhưng, người quân tử đâu phải chỉ lo nghĩ về việc lo ăn uống no nê, được sung sướng cho mình, chim hồng sống có đàn, cho nên loại chim này yêu thương nhau lắm, khi nó gặp món ăn ngon, có tách hay kêu gọi các con khác cùng ăn... Chúng thảo ăn lắm!

Con người sống trong tập đoàn cũng phải biết chia sẻ ngọt bùi cho người khác, chẳng phải lo cho bè bạn chí thân, mà chung cho cả cộng đồng. Không muốn sống hạnh phúc cho riêng mình, mà sẵn sàng chia sẻ cho đồng loại!

*Cửu Tam: Hồng tiêm vu lục, phu chinh bất phục,
phu dụng bất dục: Hung.*

Lợi ngữ khấu.

九三：鴻漸于陸，夫征不復，
婦孕不育，凶，利御寇。

Tượng viết: Phu chinh bất phục, ly quần, xú dã.

Phụ dụng bất dục, thất kỳ đạo dã.

Lợi dụng ngữ khấu, thuận tương bảo dã.

象曰：夫征不復，離群醜也。

婦孕不育，失其道也。

利用御寇。順相保也。

Cửu Tam đã lên khá cao rồi! lại ở trên chót đầu của Nội quái là *Nội Cấn*, đất bằng.

Chỗ đất bằng (gọi là lục địa) thì khô khan, không hợp với loài hậu điểu (*chim Hồng thích sống trên mặt nước*).

Chim Hồng nay đã bay vào đất liền (hồng tiêm vu lục) được chỗ không có gì nuôi mạng sống của mình và

đồng loại, mà *Tam thuộc Dương* (dương cư dương vị) là *quá cương* nên lòng không nhẫn nại được lâu, phải (bất cứ với giá nào) tiến, nhưng mà bỏ đoàn mà bay đi, đâu nữa? (*Phu chinh bất phục, ly quần, xú dā* 夫征不復, 離群醜也. Đi tới mãi, bỏ bè bạn, xấu lắm). (*Phu chinh bất phục*, là bay tới mãi không ngó lại bạn bè...) đi xa không ngoái trở về nhà, về quê hương...

Tứ, là âm nhu, đứng trên Tam, cố ý dụ Tam theo mình; nhưng rất tiếc, cả hai đều bất trung (chỉ có Nhị Ngũ là đắc trung mà thôi) lại cũng chẳng phải là chánh ứng với nhau. Vậy, cố mà cố kết với nhau chẳng qua như rủ nhau đi làm việc bất trung, như đi làm bọn cướp (chữ “khấu” là ăn cướp, ăn trộm (đầu trộm đuôi cướp). Cho nên, tốt hơn hết, là chống lại (*chế ngự*). *Ngự khấu*, là chống bọn trộm cướp (Ngự, là chế ngự).

Lục Tứ: Hồng tiêm vu Mộc, hoặc đắc kỳ giốc, vô cữu.

六四：鴻漸于木，或得其桷，無咎。

Lục Tứ, là âm nhu đắc chánh (âm cư âm vị), nhưng ở trên gặp phải dương cương.

Tứ ở trên Tam, nên Tứ có khác nào chim *Hồng bay đậu trên cây* (không phải chỗ của nó, bởi nó là loại sống dưới nước) lại phải đậu trên cành cao thì đâu có vững! Nhưng may, nếu gặp được cành cây to (*đắc kỳ giốc* 得其桷) cũng không đến đôi nguy (*vô cữu* 無咎).

*
* *

“*Giốc 桷*” là chốn đậu được an toàn, nhánh cây tốt, chắc và rập.

Cửu Ngũ: Hồng tiệm vu lǎng, phụ tam tuế bất dụng, chung mạc chi thắng, kiết.

九五：鴻漸于陵，婦三歲不孕，
終莫之勝，吉。

Tượng viết: Chung mạc chi thắng, kiết.

Đắc sở nguyện dã.

象曰：終莫之勝，吉。得所愿也。

Ở thời Tiệm, mà Ngũ được xử vào địa vị tối cao, lại còn được chính ứng với Lục Nhị. Nhưng Nhị Ngũ một âm một dương, muốn giao hợp nhau, mà bị Tam Tứ ngăn chận ở giữa (vì cả 2 đều là bất trung) nên Ngũ chưa được thỏa mãn, như người cưới vợ ba năm mà chẳng thụ thai (tam tuế bất dụng). Nhưng rồi Tam Tứ đều là bất trung, nên không sao ngăn cản được mãi và phải chịu thua (chung mạc chi thắng, kiết) nên Nhị Ngũ chung quy được “*đắc kỳ sở nguyện*”! như chim Hồng bay thật cao và đậu thật cao trên đỉnh cao nhất (*hồng tiệm vu lǎng 鴻漸于陵*).

Thượng Cửu: Hồng tiệm vu qui, kỳ vũ khả dụng vi nghi, kiết.

上九：鴻漸于逵，
其羽可用為儀，吉。

Tượng viết: Kỳ vũ khả dụng vi nghi, kiết, bất khả loạn dã.

象曰：其羽可用為儀，吉，不可亂也。

(“*Qui* 逵”), là đường mây, ở giữa trời cao; còn chữ “*lăng* 陵”, là chót núi cao, đỉnh núi cao nhất).

(“*Qui*” là “*vân lộ*” (lộ trình trên mây).

*
* *

Đến hào Ngũ là cao, đến bậc chí tôn rồi, nhưng *Thượng Cửu* còn cao hơn nhiều... tuy thật cao nhưng vô vị (không có ngôi). Đó là người “*xuất thế*”, nếu ở các thời khác, thì đây là hạng người vô dụng trong đời... Nhưng ở thời Tiệm, thì đây chính là những hạng người thuộc hào *Dụng Cửu* (quần long vô thủ), hạng người siêu hơn, những bậc cao sĩ thoát khỏi vòng danh lợi, tức là hạng người mà Lão Tử bảo và khen:

Bất khả đắc nhi sơ
Bất khả đắc nhi thân
Bất khả đắc nhi lợi
Bất khả đắc nhi hại
Bất khả đắc nhi quý
Bất khả đắc nhi tiện
Cố,
Vi thiên hạ quý!

不可得而疏
不可得而親
不可得而利
不可得而害
不可得而貴
不可得而賤

故，
為天下貴。

(Chương 56, Đạo Đức Kinh)

(Không thể lấy sự *thân hay sơ* mà nắm được họ; không thể lấy *lợi hại* mà dụ dỗ, và nắm được họ; không thể lấy sự quý tiện mà lung lay họ, mà nắm được họ; cho nên, họ là *hạng người quý nhất trong loài người!*)

*
* *

Thượng Cửu, là hạng người như *Chim hồng bay tuyệt cao mút mắt, bay tận đường mây (vân lộ)*, là *hạng người không thể lấy gì mà dụ dỗ để họ chịu mình, theo mình...* Đến đổi mấy cái lông Hồng roi xuống còn dùng được để dắt lên mào áo làm biểu tượng, làm nghi biểu!

Lông của chim hồng, rất nhẹ nhàng... nên tục thường gọi “*nhẹ như lông hồng!*”, ám chỉ những gì roi rút của chim Hồng (như các văn phẩm của họ roi rút lại cho loài người) trong đó bao giờ cũng có những tư tưởng siêu thoát nhẹ nhàng... *Sống chung đoàn, mà không bao giờ loạn đoàn.*

*
* *

Từ hào Sơ đến hào Lục, đều thủ tượng bằng chim
Hồng![1] rất là ý vị!

Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,

Đã mòn con mắt, phương trời đăm đăm!

1. Richard Wilhem, bình về hào Thượng Cửu rất hay:

"La vie parvient ici à son terme. L'œuvre est là, achevée! Le chemin s'élève haut dans le Ciel, comme *le vol des oiessauvages lors qu'elles ont laissé le sol loin derrière elles*. Là elles poursuivent leur Vol, conservant l'ordre de leur troupe et offrant la figure de lignes serrées.

Et si leurs plumes viennent à tomber, elles peuvent être utilisées comme ornement dans les ballets sacrés!

Ainsi la vie d'un homme parvenu à la Perfection est une claire lumière pour les êtres terrestres qui lèvent les yeux vers Lui comme vers un modèle." (Yi-King, p.245)

(đi vào Cõi Nhớ của *thiên thu*) như Phật, Lão... Jésus.

54. LÔI TRẠCH QUI MUỘI

雷澤歸妹



Do 2 đơn quái, là Chấn (trưởng nam) và Đoài (thiếu nữ).

Gái nhỏ đó vui cười (Đoài, là vui vẻ) ở thế hạ phong đi cầu người con trai lớn (có vợ rồi) để vào làm bé! (Một tục lệ ngày xưa của Trung Hoa phong kiến: “trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng!”).

Tuy là một tục xưa, thánh nhơn tác Dịch cũng *chê* cái tục này, nhưng *theo Chân lý của Vũ trụ Tạo hóa, thì lại hợp lẽ, thuận Đạo.*

Xem như thần thoại Hy Lạp, ta thấy *Vua Trời là Jupiter (Hy Lạp gọi là Zeus)*. Tượng hào Dương có tánh “*đa dâm*” suốt đời đi tìm đàn bà con gái đẹp (cả tiên lẫn tục) đến đâu có con ở đó... *Vợ là Junon rất chung tình, đứng đắn* ngày đêm theo dõi ông chồng *đa dâm*... Thần thoại này có hàm ý: *Tạo hóa háo sinh, đem dương khí gieo rắc khắp mọi nơi, để sinh sản vô tận.* Đó là bản tánh của Dương khí thật vô hạn! Nếu đem luân lý loài người, thì người đàn bà không ai chịu chia sẻ mối tình

với ai cả, một vợ một chồng! Còn người đàn ông, khác!
Họ có phận sự là gieo giống! như Mặt Trời!

Xã hội Trung Hoa ngày xưa *cho phép người đàn ông được phép đa thê*: “traí 5 thê 7 thiếp!” Các vua chúa, có quyền có cả ngàn cung nữ! Một tục lệ Đông phương chẳng phải chỉ ở Trung Hoa mà cả Trung Đông, và Á-rập... Ngày nay, Tây phương đem chế độ độc phu độc thê vào Đông phương nhưng cũng không sao tránh khỏi thói “đa dâm” của đàn ông. Cho nên, quẻ Qui Muội đề cập đến một phong tục không phải “dã man” mà rất “*tự nhiên*”!

Về đường tâm lý, “*chế độ đa thê*” của Trung Hoa thời cổ vẫn còn tồn tại trên nguyên tắc (!) ngày nay dù đã bị loài người lên án!

*
* *

Theo tục xưa, người Trung Hoa chỉ có quyền cưới vợ chánh thức một người thôi, do Mẹ Cha chủ trương, nên sự lựa chọn do Cha Mẹ định đoạt tất cả. Nhưng, người đàn ông cũng được quyền lựa chọn những mối tình riêng theo sở thích của mình... Người vợ chánh thức, nếu không con nối dòng, phải có bốn phận đứng ra lo cưới thiếp cho chồng! Ngày xưa, Việt Nam, vẫn còn tục ấy, ngay thời buổi cận đại vẫn được cưới thiếp!

Người con gái được người đàn ông lớn tuổi, chọn làm thiếp, dĩ nhiên phải nhận người vợ chánh như người chị cả, tự xem là hàng em út trong nhà. Đây là một sự vô cùng khó khăn, tế nhị, hóc hiểm đòi hỏi hai bên vợ chánh và vợ thứ một cách xử thế vừa tế nhị, vừa rắc rối...

Vợ chánh, là vợ của bốn phận, được nể mà không được yêu thương bằng vợ lẽ, do tình yêu lựa chọn. Nhưng được bề mặt, mất bề trái; được bề trái, mất bề mặt: Dịch đã bảo như thế! Bởi vậy, trong “thâm cung bí sử” có những việc tang thương đáng sợ!

Có hiểu được khá rành về phong tục cổ Trung Hoa về vấn đề hôn nhân mới có thể hiểu phần nào quẻ “ngoại lệ” này!

Thoán từ:

Qui muội, chinh hung, vô du lợi.

歸妹，征凶，無攸利。

Qui muội, là gái theo trai.

Người trai do động tình mà thương gái, gái cũng vui lòng theo trai, theo các bậc tiên hiền đều cho *đây là tà đạo*, không phải là chánh đạo, nên *chê* lắm!

Việc này gây nhiều lo lắng không tốt, đó là một hung triệu cho hạnh phúc gia đình, cho cả hai nam và nữ! không có chút gì lợi cả (*vô du lợi 無攸利*).

Người thiếu nữ ở nội Đoài, với người đàn ông con trai ở ngoại Chấn, đôi lứa không cân xứng, chỉ vì ham vui mà người con gái lại theo trai, xét 2 hào Nhị Ngũ đều bất chánh cả (Nhị thì dương cư âm; Ngũ thì âm cư dương), cho nên cái “*Vui này*” (*duyet 說*) là *cái vui bất chánh*, cái đó là xấu rồi! còn như người con gái tự động theo trai, càng xấu hơn nữa!

Bởi vậy Qui Muội thì “chinh hung” và không lợi được việc gì cả (*vô du lợi 無攸利*).

*
* *

Nói về tình cảm rất nặng giữa Nam Nữ, có tạo đoạn phu phụ cũng là Nam với Nữ, tại sao ở *Hàm* thì nói “*thú nữ kiết*”, còn ở *Qui Muội* thì lại nói “*chinh hung, vô du lợi*”?

Là bởi ở *Hàm*, thì Nam ở hạ quái, Nữ ở thượng quái, *Nam đi cầu Nữ, và Nữ mới thuận mà theo Nam*, các hào Nhị Ngũ đều chính ứng với nhau (Lục Nhị ứng với Cửu Ngũ): “*Dương xướng, Âm họa*”.

Còn ở *Qui Muội*, trái lại, *Nữ đi cầu Nam, quả là bất chánh vô đạo*, mất cả thể thống và lại trái với tâm lý thông thường khiến cho đàn ông khinh đàn bà, làm sao có việc lâu dài được?

Gọi là “*chinh hung*”, là bởi 4 hào giữa quẻ đều bị *Âm Dương điên đảo cả!* Lẽ ra Nhị là Âm mà lại là hào Dương; Tam lẽ ra là hào Dương mà lại là hào Âm; Tứ lẽ ra là hào Âm thì lại là Dương; Ngũ, lẽ ra là Dương, thì lại là Âm, đều là Âm Dương điên đảo cả, thì còn nói gì đến hạnh phúc của tình yêu đôi lứa? Đó là “*Âm Dương Thiên Địa bất giao, nhi vạn vật bất hưng*”. “*Nhu thượng cương dã*” là nói 2 hào Tam Ngũ, lẽ ra phải là Cửu Tam Cửu Ngũ, thì lại là Lục Tam Lục Ngũ: gọi là *Nhu côi Cương* là thế!

Đại Tượng

Trạch thượng hữu lôi: qui muội.

象曰：澤上有雷，歸妹。

Quân tử dĩ vĩnh chung tri tệt.

君子以永終知敝。

Trên đầm có sấm, là tượng *Qui Muội*. Người quân tử xem đó mà thấy, các điều tệt hại làm sao bền vững

được, hãy nên theo lẽ Chánh để cầu được sự vĩnh viễn, và có được chung kết.

Nghĩa là người quân tử nhận thấy được cái “hữu hạn” trong cái “vô hạn”; những cảnh tượng phù du trong cái thiên thu bất tận.

Sấm động làm chao động mặt nước của đầm hồ! Người con gái theo cảm hứng nhất thời của “*ái tình sấm sét*” làm động cảm tâm tư, chỉ trong chốc lát thôi! Cho nên trước sự cảm hứng nhất thời ấy, chớ bao giờ vội vàng hấp tấp! phải dè dặt, cẩn thận để cho thời gian làm lắng đọng mối xúc cảm, để ý nhìn đến phần chung kết như thế nào?

Những thứ “*tình sấm sét*” do *Lôi Chấn* gây nên bất ngờ, lắm khi xô đẩy con người vào cõi “địa ngục thiên thu” sau này, như đoạn văn sau đây nói về mối tình giữa *Kiều và Kim Trọng* trong một đêm mà mẹ cha đi vắng:

*Hoa hương càng tỏ thức hồng,
Đầu mày cuối mắt, càng nồng tẩm yêu.
Sóng tình dường đã xiêu xiêu,
Xem trong âu yếm có chiều lá loi...
Thưa rằng: Đừng lấy làm chơi,
Để cho thưa hết một lời đã nao!
Vẻ chi một đóa yêu đào,
Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh!
Đã cho vào bực “bố kinh”
Đạo tông phu lấy chữ Trinh làm đầu.
Ra tuồng trên bệ trong dâu,
Thì con người ấy, ai cầu làm chi?
Phải điều ăn xối ở thì,*

Tiết trăm năm, nỡ bỏ đi một ngày?
 Ngắm duyên kỳ ngộ xưa nay,
 Lừa đôi ai lại đẹp tày Thôi Trương?
 Mây mưa đánh đổ đá vàng,
 Quá chiều nên đã chán chường yếm anh.
 Trong khi chấp cánh lìa cành,
 Mà lòng ré rúng đã dành một bên.
 Mái Tây đã lạnh hương nguyên,
 Cho duyên đậm ấm ra duyên bẽ bàng.
 Gieo thoi trước chẳng giữ gìn,
 Để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai?

Đoạn thơ văn trên đây, có lẽ Nguyễn Du đã căn cứ vào Qui Muội “*Qui muội, dĩ vĩnh chung chi tộ*” mà hội ý chăng? hoặc chẳng phải như vậy, thì cũng giúp ta hiểu rõ câu kinh này.

Sở dĩ về sau có sự “tệ bạc” là vì lúc ban đầu không biết cẩn thận, không biết giữ gìn “trình tiết”!

Bất luận là việc giao tế giữa trai hay gái, hay việc gì khác, đã muốn có sự chung hợp lâu dài, đều phải hết sức cẩn thận trong lúc ban đầu! “*Vạn sự khởi đầu nan!*” Minh có biết tự trọng, thì người mới trọng!

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: *Qui muội dĩ đệ, phá năng lý, chinh kiết.*

初九：歸妹以娣，跛能履，征吉。

Tượng viết: *Qui muội dĩ đệ, dĩ hằng dã; phá năng lý, kiết, tương thừa dã.*

象曰：歸妹以娣，以恆也，跛能履，吉，相承也。

Sơ Cửu, có đức dương cương, thuộc về phần đũa con gái có đức hiền thực, nhưng vì Sơ còn ở dưới thấp quá lại không có chính ứng (vì Tứ cũng thuộc dương nên không ứng được), tượng là người “đệ thiếp” (Lê xưa bên Trung Quốc, khi bậc Thiên tử hay các bậc Công Hầu) hễ cưới vợ, tuy cưới chỉ có một người, nhưng có năm ba người em gái hay cháu gái được cùng theo người vợ ấy, gọi bằng “đệ 姊”. Sơ Cửu, là phận thấp, nên được theo “cô dâu” cùng về nhà chồng! để lo phục vụ cho cô dâu.

Thiếu nữ bị động vì tư tà, nên mới “*chinh hung*”, còn cô gái “đệ thiếp” này “bị động” vì phận sự. Cho nên, nếu đi làm “đích thê” thì không tốt, mà đi để làm “đệ thiếp” thì xứng với phận, mới có câu “chinh kiết”.

“Qui muội, dĩ “đệ”, dĩ “hằng” là thân phận đệ thiếp, thì theo người vợ đích (đích thê) mà về, là phận thường (“hằng”), nên “kiết”. Dương cư dương, đi giúp việc thì tốt, chứ không phải đến để làm vợ! (vì vợ thì phải là hào âm).

Cửu Nhị: Diếu năng thị, lợi u nhơn chi trinh.

九二：眇能視，利幽人之貞。

Nhị, là hào dương cương, đắc trung đắc chánh, là người con gái trinh thực, hiền hậu, lẽ ra phải có người chồng tốt là Lục Ngũ. Nhưng, tiếc gì ông chồng Lục Ngũ thuộc âm nhu, bất tài, dở dang, nên hào từ tiếc cho Cửu Nhị, như người mắt nheo mà lại hay dòm, và chỉ dòm thấy được gần thôi (cận thị) (“diếu năng thị”) nên cần giữ phận người kín đáo lặng lẽ cho an phận... Có được trinh chánh mới có lợi cho Cửu Nhị mà thôi!

Tóm lại, Cửu Nhị là trường hợp người con gái gặp

phải một người chồng làm cho cô thất vọng. Người đàn ông cùng người đàn bà nên cùng nhau hợp tác như 2 con mắt hợp tác với nhau để xem sự vật. Té ra ông chồng này lại bất trung, bội bạc thành ra cô ấy sống trong cảnh cô đơn, như người chỉ còn có một mắt... nhưng nàng vẫn trung thành suốt đời trong cảnh cô đơn.

Lục Tam: Qui muội dĩ tu, phản qui dĩ đệ; vị đáng dã.

六三：歸妹以須，反歸以娣，未當也。

Lục Tam đứng trên hết nội quái, lẽ ra đâu phải đi làm “đệ thiếp”! nhưng vì là hào âm, lại cư dương vị, là người *bất chánh*... Vì quá nặng về tình cảm, *thấy ai cũng vui vẻ chạy theo*, quá dễ dãi, nên *không ai thêm cưới làm vợ*. Cứ chờ đợi (*tu*, là chờ đợi), và chờ đợi mãi cũng chẳng thấy ai chịu cưới mình, thôi thì trở về làm người “đệ thiếp” may ra (phản quy dĩ đệ 反歸以娣).

Thật là cảnh cực kỳ ti tiện, nhưng ở đây, đâu phải để nói riêng về con gái mất nết?

Ở đời còn biết bao kẻ sẵn sàng chạy theo người, nhưng vì quá cầu cạnh nên không ai chịu dùng mình! Rốt cùng, xin đi ở làm kẻ “nô tỳ” không hơn không kém! mà còn bị khinh.

Cửu Tứ: Qui muội khiên kỳ, trì qui hữu thời.

九四：歸妹愆期，遲歸有時。

Tượng viết: Khiên kỳ chi chí, hữu đãi nhi hành dã.

象曰：愆期之志，有待而行也。

Cửu Tứ, khác Lục Tam, vì Cửu Tứ là dương cương, người con gái đã quý lại hiền, lẽ ra phải được sớm có

chồng, nhưng vì không có chính ứng bởi Tứ và Sơ cùng một loại dương nên không cảm nhau.

Chờ có người tốt đến cưới, Tứ là cô gái kén chồng, tuy muộn mà không sao, sau sẽ được vừa lòng! Không bao giờ ế chồng!

*Lục Ngũ: Đế Ất qui muội, kỳ quân chi duệ,
bất như kỳ đệ chi duệ lương, nguyệt cơ vọng, kiết.[1]*

六五：帝乙歸妹，其君之袂，
不如其娣之袂良，月幾望，吉。

*Tượng viết: Đế Ất qui muội, bất như kỳ đệ chi duệ lương
dã, kỳ vị tại trung, dĩ thực hành dã.*

象曰：帝乙歸妹，不如其娣之袂良也，
其位在中，以實行也。

Đế Ất là một vị Vua đời nhà Thương, gả em gái cho người dân thường.

Lục Ngũ, là âm nhu, tượng người em gái của vua Đế Ất, chính ứng với hào Cửu Nhị là người thuộc về cấp dân thứ.

Áo quần trang sức của nàng Quận chúa còn kém xa trang sức các cô hầu theo Quận chúa (“duệ” là ống tay áo). “Đế Ất qui muội bất như kỳ đệ chi duệ, lương dã 帝乙歸妹，不如其娣之袂，良也。

Ý muốn nói: ăn thua là ở nơi lòng đạo đức của cô dâu, chú không ăn thua gì đến áo quần trang sức bên ngoài.

1. “Vọng” 吉 (nguyệt cơ vọng) đêm rằm. “Cơ”, là xấp xỉ (sắp đến ngày xấp xỉ rằm). Ý muốn nói: cơ thịnh mà chưa hẳn đầy tròn, tròn mà chưa khuyết. Nếu đến rằm, thì sắp khuyết. “Cơ vọng” là chưa hẳn là rằm, chưa hẳn là qua rằm, khoảng 14 âm lịch.

Như vậy, mấy câu trên đều để tả một cô gái rất cao quý, nhưng chẳng kiêu xa chung diện (chung diện vừa phải thì phải, nhưng chung diện một cách diêm dúa thì không phải hạng người đứng đắn tôn quý cỡ Quận chúa này). Bởi vậy, mới nói, là một vì Quận Chúa mà vu qui, ăn mặc thua xa các cô hầu “*đê thiếp*”! Giống như mặt trăng đã xấp xỉ đến rằm, tuy viên mãn mà chưa đầy... thật tốt 月幾望, 吉 (nguyệt cơ vọng, kiết).

Tuy xử vào vị tôn quý mà vẫn khiêm tốn... luôn luôn tỏ ra là một cô gái mẫu mực nhất, là vì nhờ được đắc trung đắc chánh (nên mới có câu “*kỳ vị tại Trung 其位在中*”).

Hào Lục Ngũ (em gái vua Đế Ất) quả là kiểu mẫu người con gái gương mẫu, đoan trang, thùy my, ở địa vị tôn quý mà xử sự hết sức khiêm cung, không chút kiêu kỳ!

Vua Đế Ất nhân cơ hội gả em có cho ra một bản luật, khuyên hàng quý phái dù lấy chồng thấp kém địa vị quý tộc, vẫn phải trọng kính chồng, không được phép coi thường! (Đế Ất đòi nhà Thương mà đã có bộ óc dân chủ rồi!) Đế Ất là vị Vua thứ 29 nhà Thương.

Quận chúa đã được Vua anh lo việc hôn nhân, đâu phải như Lục Tam tự mình phóng đảng theo trai...

Không chung diện, không kiêu xa... như mặt trăng xấp xỉ đêm rằm... không bao giờ đứng ngang mặt Trời, là đối với người chồng dân dã...

Hào Cửu Ngũ này, là hào tốt nhất trong quẻ Qui Muội!

*6. Thương Lục: Nữ thừa khuông, vô thực,
sĩ khuê dương, vô huyết, vô du lợi.*

上六：女承筐無實，
士刲羊無血，無攸利。

Hào này, có thể gọi là hào *xấu nhất* trong quẻ, cùng một hạng với Lục Tam.

Quẻ cuối cùng của Qui Muội, tượng bao nhiêu con gái đều đã gả hết rồi! bây giờ mới nghĩ đến mình, bản thân không có chính ứng (vì Tứ cũng cùng một loại âm), thì có ai đâu chịu đi cưới mình. Mình đã là người con gái bất chánh bất trung, còn ai “*câu*” đến? Mới có câu: “*Nữ thừa khuông vô thực*” (trong giỏ không có gì cả để dâng cúng tổ tiên) nghĩa là không có nghĩa vụ làm vợ, như đàn bà đi chợ về mà rổ thúng trống trơn. Cho nên, không ra cái gì cả, như cái rổ không.

Các hào đều có ghi 2 chữ “qui muội” (gái vu qui), riêng Thượng Lục, không có nhắc đến hai chữ “qui muội” đủ thấy Lục này đã “hết xài” rồi!

Việc tế lễ trong cuộc lễ hôn nhân, thì gái phải có giỏ đầy đồ cúng, còn trai phải cúng một con dê... Nhưng đây gái thì cái giỏ không, còn trai thì dâng cúng con dê, nhưng con dê không còn máu!

Câu “*khuê dương*” là cắt cổ con dê, nhưng cắt mà không có máu. Nghĩa vụ làm chồng của người trai, là cắt cổ dê lấy máu dâng lên bàn thờ tổ tiên, nhưng giả vờ cắt chứ không có cắt thiệt, lấy gì có máu, ý muốn bảo, làm mà không thành tâm, làm lấy lệ...

Ý chánh của hào này, là đôi trai gái cầu hôn với nhau, không có gì thực cả, gái thì bụng rỗng trong đó chẳng có gì để cúng tế, còn người trai thì giả vờ cắt cổ dê lấy máu tế thần, nhưng cũng giả vờ, chứ đâu có cắt thật mà ra máu, thành cả 2 đều *bất chánh cả!*

55. LÔI HỎA PHONG

雷火豐



“Phong giả, đại dã”

豐者，大也。

Do 2 đơn quái *Chấn*, là *sấm sét* và *Ly*, là *lửa hội hợp* thành hình.

Bên trong là ngọn lửa (nội *Ly*) là thần quang, là thông minh tuyệt thế... phát ra ngoài bằng những luồng điện nổ to thành *sấm sét* vang trời: đó là *thời Cực thịnh, cực vượng... thời Phong thái*.

Lại cũng cần lưu ý điều này: *Dịch lý rất kỳ những gì thái quá*, vì “*Cực tắc Phản*”, “*Cùng tắc Biến*”! Và có *Biến*, mới có *Thông*.

Thời Phong, là *thời của Văn Minh cao nhất*, *thời Văn minh đến hồi cực thịnh*, mà cũng chính là *thời đáng lo* hơn là *đáng mừng*! Vì cũng là gần đi đến chỗ suy vi rồi! *Phong*, cũng có nghĩa là *vui khi sum họp*, nhưng phải *phòng sự chia ly sắp đến*.

Thoán từ:

Phong, hanh, vương cách chi, vật ưu, nghi nhật trung.

豐亨王假之，勿憂，宜日中。

Quẻ Phong, có cái tượng “*nội minh*”, “*ngoại động*” tức là “*nội thánh, ngoại vương*” dùng tài thông minh của mình để “*kiến cơ lập nghiệp*” mà là “*đại nghiệp*” (Phong giả, đại dã 豐者, 大也.).

“*Cách chi 假之*” nghĩa là làm đến nơi đến chốn... không phải việc “*bán đồ nhi phê*”. Chỉ có bậc Vương, bậc Đế may ra mới có thể làm được việc gì cho đến cùng nhưng phải có quyền độc tài mới có thể như các Nhà Vua Ai Cập (Pharaons) như Tần Thủy Hoàng, mới làm xong nổi các kỳ công hay “*kỳ quan thế giới*” cỡ Kim Tự Tháp, cỡ Vạn Lý Trường Thành... nên mới nói, “*Vương cách chi*”.

Chỉ khi nào Mặt Trời chuyển động mạnh thì ánh sáng mới thật tỏ rõ chói lọi, tượng hạ Ly thượng Chấn của quẻ Phong. Thường được gọi là “*Nhật lệ trung thiên*”, “*Quang minh thịnh đại*”...

Sự cao cả hoàn toàn như thời Phong cực thịnh... lại phải e “*thịnh cực mà có cơ suy*”... cho nên thời Phong tuy đáng mừng lại cũng đáng lo... Là thường mầm họa núp trong Phúc: phúc nhỏ, họa nhỏ; phúc to, họa to... chưa từng thấy có Phúc mà không có Họa, theo liền một bên như Âm Dương.

Lẽ trong thiên hạ, bất cứ trong trường hợp nào, cá nhân hay toàn thể, *hễ thịnh cực thì cái triệu suy vong đã nằm sẵn nơi trong rồi*. Cũng như mặt trời lúc đứng bóng thế nào cũng sắp xế; mặt trăng lúc tròn đầy, thế

nào cũng sắp khuyết. Phong là thời cực thịnh, vậy phải lo đến cái cơ suy sắp đến! Sự vật đã như thế, việc đời nào có khác chi!

Ôi! Luật thịnh suy, đắc thất vinh nhục... quả là đáng sợ! mà cũng đáng mừng vì “Trị cực loạn sinh; Loạn cực trị sinh”.

Thoán Truyện:

*Phong, đại dã, minh dĩ động, cố phong,
vương cách chi, thượng đại dã.*

Vật ưu, nghi nhựt trung, nghi chiếu thiên hạ dã.

Nhựt trung, tắc trắc;

Nguyệt doanh, tắc thực.

*Thiên Địa doanh hư, dữ thời tiêu tức nhi
huống ư nhơn hồ! hướng ư qui thần hồ![1]*

1. “Thiên địa doanh hư, dữ thời tiêu tức, nhi hướng ư nhơn hồ!...”

Trong *Lục Vân Tiên* có đoạn luận tương tự như sau, lấy theo câu Kinh Dịch trên đây:

*“... Việc người đâu khác mặt trăng trên trời
Tuy rằng soi khắp mọi nơi
Khi mờ, khi tỏ, khi vơi, khi đầy!
Sao con chẳng hiểu việc này,
Mà con phải hỏi lại thầy làm chi?”*

(Câu 60-64)

Lục Vân Tiên khi từ già Thầy đi xuống Kinh (đi thi); bâng khuâng số phận sau này, trở lại hỏi Thầy. Thầy bèn dắt Vân Tiên ra trước sân, chỉ Trăng mà nói: “Việc người đâu khác mặt trăng trên trời...”

“Phong”, là lớn (phong, đại dã). Lấy cái thần minh sáng suốt trong lòng mình (nội lý), đem mà truyền bá quảng biến cho mọi người trong thiên hạ (ngoại chốn) như tiếng sấm sét để thức tỉnh loài người... Đó là “nội thánh, ngoại vương” (minh dĩ động cố phong 明以動故豐. Tiếng nói “pháp” của các Thiền sư, thường được ví như “lôi ngôn”

豐，大也，明以動，故豐，
 王假之，尚大也。
 勿憂宜日中，宜照天下也。
 日中則昃，月盈則食。
 天地盈虛，與時消息而況於人乎，
 況於鬼神乎。

*
 * *

– *Nhật trung tắc trắc;*

Nguyệt doanh tắc hư.

日中則昃，

月盈則食。

Mặt Trời, lúc đứng bóng, ắt xế;

Mặt Trăng mà tròn đầy rồi, ắt khuyết lần.

Bốn chữ “*doanh hư tiêu tức*” là luật của thiên nhiên Tạo hóa, huống hồ con người, huống hồ cái đạo luân chuyển của Âm Dương Quỷ Thần![1]

.....

tiếng nói như sấm sét, bởi nó đánh tan được những màn u minh che giấu con người trong mê muội giống như kẻ “ngủ say”.

Thiền truyện rất nhiều câu chuyện như đòn sấm sét, như sau:

Thiền sư Đức Sơn Tuyên Giám, tay cầm cây trụ trường bảo các đồ chúng:

– Nói được, đánh ba chục hèo!

– Nói không được, đánh ba chục hèo!

1. Danh từ “*quỷ thần*” trong Kinh Dịch là để ám chỉ Âm và Dương.

Đại Tượng

Lôi điện giai chí, Phong.

Quân tử dĩ chiết ngục trí hình.

象曰：雷電皆至，豐。

君子以折獄致刑。

Sấm và Sét cùng đến, là tượng quẻ Phong.

Người quân tử xem tượng này mà đem tấm lòng sáng suốt của mình rọi vào bóng tối của các ngục tù, giải oan và dựng hình một cách minh chánh và mau lẹ, không khác nào sấm sét chớp nháng nổ trên không trung làm tung ra các xiềng xích bất công.

Một văn hào danh tiếng quốc tế nói “Mỗi khi tôi đến viếng một nước nào, bao giờ tôi cũng chú ý đến hai điều: đến tận các trường học và đến tận các khám đường và trại giam.”

Nói thế, vô hình chung ông đã đá động đến quẻ Phong nơi lời Đại Tượng trên đây.

Hạng tù tội phải chăng đều phải chịu hình phạt nặng nề? *Không hẳn họ là người có tội!* Người phạm tội có thể chia ra làm 2 hạng: một hạng tâm thường sở dĩ phạm tội là vì thiếu giáo dục hoặc vì bị giáo dục sai lầm! Cần giáo dục lại thay vì hành hạ, bởi họ không được xã hội săn sóc chu đáo! Một hạng khác, là hạng người đại trí thức không chịu nổi sự giáo dục hẹp hòi, không chịu phục tùng sự bất công vô lý của thứ giáo dục vô cùng sơ đẳng cho bọn ngu dân. Họ là những con người tự do trong một xã hội độc tài và lạc hậu. Họ là những con người lớn trong một xã hội con nít...

Lời xưa có câu: “*Nhật Nguyệt tuy minh, nan chiếu*

phúc bồn chi hạ” (Mặt Trời mặt Trăng tuy sáng, tuy soi sáng mọi vật, nhưng cũng khó soi thấu nơi lòng chậu úp).

Cho nên với “sấm sét” để đập tan các chậu úp, để tìm chân lý và đem lại công lý cho mọi người trong bóng tối các trại giam và tù ngục. Đó là việc cần phải làm của người quân tử nhất là ở thời Phong (thời mà ai ai cũng tin là cực điểm của văn minh, biết đâu chẳng phải là cực điểm dã man! Luật lương cực của Dịch Lý rất quan trọng).

Tiểu Tượng

*Sơ Cửu: Ngô kỳ phối chủ, tuy tuần,
vô cữu vãng hữu thượng.[1]*

初九：遇其配主，雖旬，
無咎往有尚。

Tượng: Tuy tuần vô cữu, quá tuần, tai dã.[2]

象曰：雖旬無咎，過旬災也。

Hào Sơ Cửu dương cương đắc chánh ở thể nội Ly, nên sẵn có đức minh (sáng), ứng với hào Tứ, đầu của quẻ Chấn (Lôi) cũng dương cương nên sẵn có tánh động chuyển. Đó là Sơ và Tứ gặp nhau, Sơ gọi Tứ là “phối chủ” 配主.

“Sơ ngô kỳ phối chủ” là “Minh” (quẻ Ly) và “Động” (Chấn) giúp nhau.

Nhờ có Tứ mà “đức minh” của Sơ mới được hữu dụng.

Hai bên cùng cân đối, cùng cân lực lại giúp lẫn nhau, nên không có gì là “hối lỗi” (vô cữu).

1. “Phối 配”, là sánh nhau, như vợ chồng;

2. “Tuần 旬”, là sự cân đối, đầu quẻ Chấn (Lôi).

Lẽ ra phải có sự thông cảm lẫn nhau, nghĩa là phải có đủ cặp Âm Dương, ở đây Dương gặp Dương làm sao có sự tương ứng? Nhưng, ở đây thì “*Sơ minh, Tứ động*” (tức là “*Tri Hành Hợp Nhất*” giúp nhau mà được thành công, lưỡng dương đồng đức, quý không biết chừng nào! Đây lại là biến lệ của Dịch lý.

Tuy nhiên, đồng lực mà hợp tác, phải có sự cân đối, có sự thăng bằng lực lượng, nếu có một bên lấn, một bên thua, sẽ có sự tranh thắng, tai họa sinh ra, như đã nói ở hào từ “*quá tuần, tai dã*” 過旬災也.

Lục Nhị: *Phong kỳ bậu, nhật trung kiến đấu vãng,
đắc nghi tât, hữu phu, phát nhược, kiết.*

六二：豐其蔀，日中見斗往，
得疑疾，有孚發若吉。

Tượng viết: *Hữu phu, phát nhược, tín dĩ phát chí dã.*

象曰：有孚發若，信以發志也。

Hào Lục Nhị, làm chủ nội Ly, cư trung đắc chánh, là con người sáng suốt.

Nhưng vì hào chính ứng là Ngũ, lại là người bất chánh (âm cư dương vị) đã chưa đủ tài giúp Nhị lại còn nghi kỵ Nhị là khác!

Ngũ, là âm gặp Nhị cũng là âm, làm sao có sự thông cảm được? Đó là bậc hiền thần không gặp Chúa Thánh, như mặt Trời bị mây che lấp (nên mới nói “*Phong kỳ bậu, nhật trung kiến đấu*”)[1]

1. “*Bậu 蔀*”, là đồ che bít, nhưng vì che quá rộng lớn (*phong kỳ bậu*) giữa ban ngày thành như ban đêm, nên thấy sao Đấu hiện ra giữa nền trời đen tối (nhật trung kiến Đấu).

“*Phái*” là cái màn bịt kín.

Nhị, xử vào địa vị kẻ làm tôi, mà có đức “minh” (ly giả lệ dã); còn *Ngũ* thì bất chánh, thuộc Âm thành ra đa nghi... nhưng về sau, thấy được lòng trung chính của *Nhị* (*tín dĩ phát chí* 信以發志) nên *Ngũ* hối hận, được gọi là “tốt” (kiết).

Cửu Tam: *Phong kỳ phái, nhật trung kiến muội, chiết kỳ hữu quǎng, vô cựu.*

九三：豐其沛，日中見沫，
折其右肱，無咎。

Nội quái là thể *Ly* minh (sáng suốt) dương cương đắc chánh, đây là một bậc *hiền minh quân tử*, nếu gặp được Vua Thánh bạn *Hiền*, có thể làm nên việc lớn!

Tiếc gì hào *Chánh* ứng của *Tam*, là *Thượng Lục*, một kẻ tài hèn u ám, không giúp gì được *Tam*.

Lại nữa trên *Tam*, là *Tứ* tuy dương cương nhưng bất chánh (dương cư âm vị) nên che bít *Tam*... khiến cho *Tam* sống giữa ban ngày mà như sống cảnh ban đêm tối tăm mờ mịt (*Phong kỳ phái, nhật trung kiến muội* 豐其沛，日中見沫).

Cho nên, gặp hoàn cảnh như vậy, dù có muốn hành động việc gì cũng như người đã mất cánh tay mặt (hữu quǎng 右肱) là cánh tay mặt bị gãy (“*chiết*” là chặt đứt). Cánh tay mặt nói đây, là ám chỉ hào *Thượng Lục* bất lực và quá ươn hèn). Cho nên mới nói “*Phong kỳ phái, bất khả đại sự dã, chiết kỳ hữu quǎng, chung bất khả dụng dã*” 豐其沛，不可大事也，折其右肱，終不可用也。

Cửu Tứ: Phong kỳ bậu, nhật trung kiến đấu,
ngộ kỳ di chủ. Kiết.

九四：豐其蔀，日中見斗，遇其夷主，吉。

Tượng viết: Phong kỳ bậu, vị bất đương dã. Nhật trung
kiến đấu, u bất minh dã; ngộ kỳ di chủ kiết hành dã!

象曰：豐其蔀，位不當也。

日中見斗，幽不明也，遇其夷主吉行也。

Lẽ ra, Cửu Tứ có chất dương cương, lại còn ở cận Ngũ, cũng có thể làm nên đại sự ở thời Phong doanh này! Nhưng, tiếc thay, Tứ lại ở vào cái thế bất trung bất chánh, nghĩa là gặp phải bậc “hôn quân” là Ngũ làm che mất tánh dương cương sáng suốt của mình, thành ra như kẻ đang sống trong lúc ban ngày mà như bị trời đất tối tăm, trên trời thấy hiện lên sao Đẩu! nghĩa là sống trong cảnh ban đêm (ta thường gọi là “thời hắc ám”).

Nhưng, may thay Tứ được Sơ nhận mình làm “*phối chủ*” (Sơ ngộ kỳ phối chủ), nay Sơ lại được Tứ nhận làm “*di chủ*”[1], lấy sự đồng đức, đồng lực để hợp tác với nhau trên phương diện bình đẳng, nên được “tốt” (kiết) ngộ kỳ di chủ, kiết.

Lục Ngũ: Lai chương, hữu khánh, dự, kiết.

六五：來章，有慶，譽，吉。

1. “*Di chủ*” là kẻ bằng nhau, nên gọi là “di chủ”. Sơ, gọi Tứ, là “*phối chủ*”, là kẻ dưới theo kẻ trên; còn Tứ gọi Sơ, là “*di chủ*” là kẻ trên trông xuống kẻ dưới, nhưng không tự cao, nhận là kẻ ngang hàng.

Tượng viết: *Lục Ngũ chi kiết, hữu khánh dã.*

象曰：六五之吉，有慶也。

Hào Lục Ngũ, âm nhu, là kẻ hôn ám (hôn quân) ở vào thời Phong đắc thế mà được tôn lên địa vị tối cao, e rằng không rõ phận, cậy thế mà trở thành hống hách, tự xem là thần thánh mà làm hỏng đại sự!

Cho nên, Thánh nhân có lời răn: Ôi! Ngũ ôi! tài chất người còn hôn ám, không giữ nổi được cơ nghiệp đâu ở thời Phong này! May thay, nhân vật lỗi lạc của thời này, là Sơ, Tam, Tứ đều có tài dương cương cả, mà Ngũ được trung được chánh, vậy nên đi cầu hiền, rước những đại nhơn tài trong nước đến giúp cho (*lai chương* 來章) thì sự nghiệp thời Phong sẽ lên cao được... còn gì tốt đẹp bằng (hữu khánh dã)!

Có “*lai chương*” (mời bậc hiền tài trong thiên hạ đến cùng lo việc nước). Có “*lai chương*”, có đi mời, thì “chương mới lại”.

Biết “*lai chương*”, đó là tất cả cái hay của Lục Ngũ (không phải chỉ nói về bậc Vua Chúa) mà là bảo cho tất cả những ai lãnh việc lớn trong thiên hạ.

*
* *

Đó là trường hợp Thành Thang cầu Y Doãn, Văn Vương cầu Khương Thượng...

Thượng Lục: *Phong kỳ ớc* 豐其屋。

Bậu kỳ gia 蔀其家。

Khuy kỳ hộ 闕其戶。

Quých kỳ vô nhơn 闕其無人。

Tam tuế bất địch, hung. 三歲不覿，凶。

Tượng viết: Phong kỳ ốc 豐其屋。

Thiên tế tường dā 天際翔也。

Khuy kỳ hộ 闕其戶。

Quých kỳ vô nhon 闕其無人。

Tự tàng dā. 自藏也。

Hào Thượng Lục, là chất Âm (bất trung 不中), lại ở vào vị chót vót quẻ Phong: tài hèn mà vị lại cao, tánh lại háo động (vì Chấn, là lôi động, mà ở hào cao nhất của Lôi Chấn nữa).

Mà “động cực” thì lại dễ suy đồi thêm (vì chính mình thuộc chất Âm).

Bởi *được chánh vị* (“âm cư âm vị”) nên được *minh* (sáng) nhưng ở cao chót vót, nên thành ra “*minh*” cực biến thành kẻ kiêu căng hống hách (bởi cốt là tiểu nhon). Từ chỗ “tự cao, tự thị” nên biến thành một kẻ mê tâm ám muội (vì đã đề cao quá đáng cái tiểu ngã của mình), có khác nào cất nhà mà cất nóc quá cao (“phong kỳ ốc” (phong là quá to lớn), nên che mất cái phòng ngủ của mình (“bộ kỳ gia”, “gia” là buồng ở của mình!)).

Ý muốn nói đến lòng “*tự cao tự đại*” quá lớn! đến nỗi che lấp cả lương tri lương giác, vì thế mà bè bạn xa hết, tôi tớ vắng bật, đó là cảnh cô đơn của con người ngạo mạn độc tài ngu xuẩn! (xưa nay có kẻ độc tài nào không phải ngu xuẩn?)

Bất tài vô đức, mà lại kiêu căng xác láo quá trớn, lại được ở ngôi vị quá cao, thiên hạ ai ai cũng sợ và trốn tránh, đến cái nhìn cũng chỉ nhìn trộm ở khe cửa (*khuy kỳ hộ, quých kỳ vô nhon*) lén nhìn trong kẽ cửa, thấy thấy đều lạng lẽ chẳng thấy bóng người. “*Khuy*” là nhìn trộm, nhìn lén.

Nhìn bên ngoài, Thượng Lục như chim liệng giữa trời cao, tha hồ, ngạo nghễ; nhưng, trong thực tế, *họ đã tuyệt hẳn với tất cả mọi người*, tự mình ẩn núp bí mật, không bao giờ dám ra trước quần chúng, bởi không còn ai thương mến kính trọng gì mình nữa cả, mà trong thực tế oán ghét đến cực độ là khác!

Quả là số phận của kẻ độc tài tàn bạo, đến đời ba năm không dám cho ai thấy mặt! (*tam tuế bất địch 三歲不覿*)[1]

“Thời xưa, bên Hy Lạp, *Aristippe* tiếm được ngôi vua Argos, là một tên độc tài vô cùng tàn ác, đã kết liên với các nước hùng cường nhất, binh lính hùng cứ bốn phương, bao nhiêu kẻ thù đều được quét sạch! hễ nghi, thì giết!

Làm một ông Vua độc tài, tưởng như ông không còn biết sợ ai nữa cả! thế mà, sự thật, ông là người rất sợ tất cả mọi người, đến đời đội quân cận vệ, không ai được đến gần bên ông. Quân lính canh gác bên ngoài, canh ở đằng xa, canh ở ngoài xa thôi!

Mỗi tối, khi đã ăn xong buổi tối rồi, thì Nhà Vua đuổi các quan hầu ra ngoài tất cả, rồi tự thân đi khám xét cùng khắp nội cung, coi có ai lẩn núp lại chăng?

Đoạn Vua thân hành ra đóng cửa và gày chốt cẩn thận.

Sau cùng, mới chỉ gọi riêng một trong những bà vợ mà ông tin cẩn nhất đi vào phòng nghỉ của mình.

Mà phòng ngủ được chọn ở một nơi khuất nẻo trên

1. “*địch 覿*”, là thấy rõ được mặt! “*bất địch*” không ai thấy rõ được mặt.

một tầng lầu cao nhất, chỉ chừa có một lỗ hổng để đủ bắt thang lên thôi.

Khi đã lên rồi, thì chính bà thân mẫu của vị hậu phi nào đã được “hầu giá” đem đó, phải vào cất cái thang, và đem giấu nơi một chỗ nào bí mật gần đó, khóa kín cửa lại, đến sáng mai hôm sau mới lại đó lấy thang ra mà bắt lên để Nhà Vua leo xuống.

Vua trèo lên lầu rồi, liền vội vàng đóng sập cửa hầm, kéo giường để lên trên cánh cửa, cẩn thận đến thế, rồi Vua mới dám thử nhắm mắt...

(Trích trong bộ “Sử Ký Thanh Hoa”, *Le Parfum des Humanités* của E. Vayrac, trang 33, nhà x.b. Trung Bắc Chủ Nhật, 1925, Hà Nội).

Kết luận: hào Thương Lục của quê Phong, khi mà vinh quang tột độ rồi, lại là thời phải bỏ tất cả quê hương xứ sở, sống lưu vong nơi đất khách quê người, đầy tủi nhục và đau thương.

56. HỎA SƠN LỮ

火山旅

Người lữ thú, kẻ bị đày biệt xứ.



Theo lệ của Dịch lý, thì “*vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản*”. Bởi vậy, thời Phong là thời cực thịnh, mà thịnh cực phải suy, tức là thời xuống dốc, thời mà mặt trời (Ly) lặn xuống non Đoài, tức là Cấn vi Sơn. Thời hoàng hôn, thời mà mình phải bỏ xứ ra đi, lê thân nơi đất khách quê người tha hương cầu thực... Sau quẻ Phong, là quẻ Lữ, tức là kẻ lữ hành, người lữ thú. Ai đâu biết được nỗi đau lòng của người lữ thú? “Đoạn trường ai có qua cầu mới hay!”.

“Lữ”, là Ly trên, Cấn dưới (tức là ngọn lửa trên đỉnh núi, hoặc là ánh sáng tàn tạ của mặt Trời).

Lửa cháy trên đỉnh núi, là nhờ các rừng cây trên núi, cháy hết lùm cây này, thì bắt sang lùm cây khác, cho nên ngọn lửa không bao giờ được ở yên một chỗ. Con người sống trong hoàn cảnh người lữ thú, đâu có quyền được định cư bất cứ nơi nào mình muốn, mà phải do ý của người cho mình cư trú! (cảnh nô lệ, buồn tủi nhất của con người.)

Thoán từ:

Lữ, tiểu hanh. Lữ trinh kiết.

旅，小亨，旅貞吉。

Lữ mà được chút ít hanh thông, là khi nào được là “Lữ trinh” mới được gọi là “tốt”.

Ý gì vậy? Sao “lữ” mà được “trinh 貞”.

Là muốn nói đến kẻ sống trong cảnh lữ thú, nếu có Tài có Đức sẽ giúp ích cho nơi mình cư ngụ, khiến cho những người chủ cho mình cư ngụ vui vẻ và quyến luyến lại còn tôn quý mình là khác, tức là được hai chữ “lữ trinh” chắc chắn được “kiết”!

Đây, là muốn nói đến hào Lục Ngũ, hào tốt nhất của quẻ: “Lữ tiểu hanh, nhu đắc trung hồ ngoại nhi thuận hồ cương, chi nhi lệ hồ minh, thị dĩ tiểu hanh lữ trinh, kiết, dã. 旅小亨，而得中乎外而順乎剛，止而麗乎明，是以小亨，旅貞，吉。”

Gọi là “tiểu hanh” là vì người này (hào Lục Ngũ) là người nhu thuận, đắc trung đắc chánh ở ngoại quái (bởi vì nói về Lữ, là người lữ thú, bỏ nước (nội quái) mà ra đi, chứ không nói hào Nhị được, bởi Nhị còn ở tại bên trong nước mình (nội Cấn). Cần để ý điều này, mặc dù toàn thể quẻ Lữ đều nói về kẻ ra đi. Tuy Lục Ngũ là âm nhu, nhưng là thứ “nhu trung hữu cương” (âm cư dương vị) có tánh cương quyết và làm chủ được bản thân được làm một ngọn lửa sáng (lệ 麗) soi sáng mọi người chung quanh, và nhờ 2 chữ “minh triết” mà bảo vệ luôn cả thân mạng mình trong cảnh lữ thú (lệ hồ minh 麗乎明).

Ở đây Thánh non tác Dịch muốn bàn riêng về hào Ngũ, vì ở thời quẻ Lữ, Ngũ không còn phải là bậc Vua

Chúa, bậc chí tôn trong nước mình, mà thực sự có thể là một bậc “Vương” đang sống lưu vong; hoặc là một bậc vĩ nhân mất nước mà đi tị nạn chánh trị ở nước ngoài; hoặc là một bậc văn hào có uy danh quốc tế cực chẳng đã phải bỏ nước mà đi, không thể còn sống được dưới bọn côn đồ cướp nước...!

Trừ phi những hạng phi thường, những bậc đại thánh mới có thể sống chung với bọn người cướp nước, tuy không từng phục chúng, nhưng vẫn được chúng trọng vọng và sống hanh thông, tức là hạng người “tri tiến thối tồn vong chi đạo nhi bất thất kỳ chánh dã, kỳ duy Thánh nhơn hồ!”.

Cho nên, ở vào cảnh này, vô cùng khó xử: hạ mình luôn cúi để được an thân, thì bị cái nhục của kẻ chiến bại, không giữ được cái tiết khí của người cao nhon:

*Bất khả đắc nhi thân,
Bất khả đắc nhi sơ
Bất khả đắc nhi lợi
Bất khả đắc nhi hại
Bất khả đắc nhi quý
Bất khả đắc nhi tiện...*

Còn cứng cỏi bực trực thì chỉ vùi họa đến mình thôi!... Cho nên, *tuy nhu thuận, nhưng phải đắc trung* (không thái quá cũng không bất cập), tự thân không mất nhon cách, mà đối với kẻ thù không mất nhon tâm... Ôi “*lữ chi thời, Nghĩa, đại hĩ tai!*” 旅之時，義，大矣哉。 Ôi! là người ở thời Lữ, to tát làm sao!

Đại Tượng

Sơn thượng hữu hỏa: Lữ
象曰：山上有火，旅。

Quân tử dĩ minh thận, dụng hình nhi bất lưu ngục.

君子以明慎，用刑而不留獄。

Trên núi có lửa, là tượng quẻ Lữ. Người quân tử lấy điều “minh thận” (tức là thận trọng trong việc xác minh hình phạt đối với phạm nhân), mà đừng bao giờ kéo dài án lệ và giữ lâu nơi tù ngục, nói rộng ra.

Ôi! “*nhứt nhứt lao tù, thiên thu tại ngoại!*” có sống trong chốn lao lung mới rõ nỗi đau lòng người đương cuộc.

Thời Lữ, là thời “tạm trú”, tâm sự kẻ tha hương cầu thực, đau đớn tui nhục không biết chừng nào như kẻ bị giam lỏng.

Bất cứ ở trường hợp nào, bởi một lý do nào, dù tự nguyện hay bị cưỡng bức mà phải lê thân nơi đất khách quê người (trừ bọn người mất gốc) tiếng gọi của quê hương sao mà tha thiết quá, nhưng không làm sống lại được *hồn quê*.

Dù sao, “lữ” cũng có nghĩa là “*quán trọ*”, không thể dùng làm chỗ ở vĩnh viễn, ngọn lửa trên đỉnh cao đầu có bao giờ ở yên mãi mãi một nơi, vậy thì chốn lao tù hay những trại giam đối với phạm nhân cũng không thể là chỗ ở vĩnh viễn.

Cho nên, trong các án tù, chẳng có án nào đáng sợ bằng án “*chung thân cấm cố*”, “*chung thân biệt xứ*”! Không một ai ở nơi đất khách quê người mà không chua xót khi nhớ đến quê cha đất tổ!

“*Cây có cội, nước có nguồn!*”[1]

-
1. Cây ở nơi này, đem trồng nơi khác... bị đổi tánh khí: Quít Giang Nam đem trồng ở Giang Bắc, sẽ mất cả chất quý của nó. Vấn đề “thổ nghi” vô cùng quan trọng.

Đó là đại ý của Đại Tượng: *đừng kéo dài án lệ!* “Người lữ thứ bao giờ cũng cô đơn.”

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Lữ, tóa tóa, tư kỳ sở thủ tai!

初六：旅瑣瑣，斯其所取災。

Tượng viết: Lữ tóa tóa, chí cùng tai dã.[1]

象曰：旅瑣瑣，志窮災也。

Hào Sơ Lục, là âm nhu (nhu nhược yếu hèn) lại còn rít bón, chỉ chăm chăm trong những việc làm nhỏ mọn bất chánh (âm cư dương vị) là người bản tiện vô tư cách.

Kẻ đi ăn nhờ ở đậu (lữ) dù sao cũng phải biết trọng lấy nhân phẩm mình trước hết, bằng không lại tự vùi họa đến cho mình, nếu không nói là vùi nhục!

Bị nhục, nhất là cái nhục do tư cách nhỏ nhen, tiểu tiết của mình khiến cho kẻ khác khinh khi, là một tai họa (*chí cùng tai dã* 志窮災也).

Khi mình thất thế, tuy không nên tự cao tự đại để gây họa, nhưng cũng phải *biết tự trọng* trước hết! Tự mình không trọng mình, thì kẻ khác làm sao trọng mình?

Ngày xưa, Quan Công thất thủ Hạ Bì, bị Tào Tháo giam cầm, nhưng vẫn giữ tiết tháo hiên ngang, một dạ kiêu hùng trung chánh, nên Tào Tháo hết sức quý trọng, thả cho về với Chúa cũ!

Nguyễn Huỳnh Đức, tôi của Gia Long Nguyễn Ánh, bị Nguyễn Huệ bắt sống... Đức vẫn hiên ngang một dạ

1. “Tóa tóa”, là tản mẫn, tỉ mỉ, keo kiệt, hay để ý về những tiểu tiết, những việc nhỏ mọn...

trung thành với Chúa mình, Huệ phải tỏ lòng ái mộ mà thả cho về với Chúa cũ! (cũng có kẻ lại bảo khác, nhưng cốt yếu vẫn giống nhau).

Trong đám quần thần của Tào Tháo, cũng như Nguyễn Huệ đều tỏ ý không bằng lòng sự quá ưu đãi của Chúa mình đối với những tên giặc đáng sợ, thì Tháo cũng như Huệ đã phải nói: *Nếu ta mà được những bậc tôi trung như thế, làm sao ta không khâm phục?*

Rõ ràng, dù ở tư thế nào, hào Lục Ngũ của quẻ Lữ phải là cái gương chói sáng, cái ngọn đuốc trong khoảng đêm trường! Chứ cỡ tài hèn, chí hẹp và quá hạ tiện quỳ mọp trước mặt kẻ thù, chỉ là vùi Nhục đến cho mình và cho cả nội bộ của mình. Địch thủ nào, dù chẳng nói ra, cũng rất khinh thường bọn ấy! Kẻ đi tị nạn chánh trị ngày nay phải tự mình bắt buộc phải bỏ nước ra đi “ăn nhờ, ở đậu” ở ngoại quốc, thường bị khinh rẻ, như người Việt bị dân bản thổ Mỹ quốc khinh miệt mà chẳng dám hở môi.

Lục Nhị: Lữ, tức thứ, hoài kỳ tu, đắc đồng bộc, trinh.[1]

六二：旅，即次，懷其資，得童仆，貞。

Tượng viết: Đắc đồng bộc trinh, chung vô ưu dã.

象曰：得童仆貞，終無尤也。

Lục Nhị, âm nhu, đắc trung đắc chánh, được chính ứng với hào Lục Ngũ cũng đắc trung đắc chánh, đó là hạng người có nhân cách trượng phu quân tử được sự

1. Chữ “tức thứ 即次”, là kiếm được chỗ ở đậu nghỉ nhờ; “thứ” là quán trọ; chữ “hoài kỳ tu” là chứa của cải.

hưởng ứng của đồng bào cùng một cảnh ngộ lũ thú như mình!

Bên trong, thì giữ được lòng Trung Chánh, nhờ đúng vị (âm cư âm vị) mà được chỗ trú ngụ yên lành trong cảnh tình người lũ thú; còn *bên ngoài* được người người yêu thương vì lòng nhân hậu hồn nhiên của mình.

Lại còn được hào Lục Ngũ chính ứng, thì còn gì quý hơn trong thời lũ thú?

Nhưng, dù sao, ở vào thời Lũ, toàn chỉ là sự tạm bợ, không bao giờ nên nghĩ đến sự vĩnh viễn định cư, dù mình có đắc thời đắc thế như hai hào Nhị Ngũ, dù mình đã được tích trữ tài sản to lớn ngay trên đất khách quê người... lại còn có được một người tớ trung thành sống cạnh bên mình và chăm lo cho mình hết sức chu đáo (“*đồng bộc, trinh, chung vô ưu*”).

Câu “*đồng bộc trinh*” này của hào Lục Nhị, làm cho ta nhớ chuyện xưa thời Ngô Việt Xuân Thu “Việt Câu Tiễn bị Ngô Phù Sai bắt làm tù binh, nhưng có được Phạm Lãi một tôi trung hết lòng phò hộ... Về sau, cũng nhờ mưu kế của “*đồng bộc trinh*” này mà thoát khỏi tai nạn bị cầm tù bên Ngô và lại còn được phục hận nước Ngô, giết được kẻ thù...

Cửu Tam: Lũ, phân kỳ thú, táng kỳ đồng bộc, trinh, lệ.

九三：旅焚其次，喪其童仆，貞厲。

Tượng viết: Lũ phân kỳ thú, diệc dĩ thương hĩ.

Dĩ Lũ dữ hạ, kỳ nghĩa táng dã.

象曰：旅焚其次，亦以傷矣。

以旅與下，其義喪也。

Hào Cửu Tam, là dương cương ở trên chót vót hào nội Cấn, tức là đứng trên đỉnh núi mà ngó xuống, không đắc Trung, nên lòng không ngay chánh. Đó là *kẻ tự cao tự đại!*

Ở thời Lữ lẽ phải biết học theo đạo Nhu của Lão Tử; hào Ba này *trái lại*, kiêu ngạo, kiêu hãnh, tự tôn, tự đại, chẳng những không sao vui được lòng người trên, cũng chẳng làm vui lòng kẻ dưới, lại mất cả “đồng bệ trình” theo mình, thì bảo đừng bị tai họa sao được?

Làm mất hết, cả trên lẫn dưới... có khác nào kẻ sống đời lữ thú mà đi đốt cái nhà trọ của mình đi “*phân kỳ thú*” (“*phân*” là đốt; *thú* là nhà trọ), rồi lại còn làm mất lòng cả với những kẻ theo mình và trung thành với mình... Họa to, đã đến rồi vậy!

Hào từ có ghi chữ “thương”, là làm thương tổn danh dự những kẻ dưới mình, đó là một việc vô cùng ngu dại không biết chừng nào!

Dù sao, ta nên biết kẻ dưới ta bao giờ cũng có cái *tâm cảm “tự ti”* rất nặng rồi! Khó mà được tha thứ cho ta. Cái tai họa cho ta khó tránh khỏi, là khi kẻ dưới tạo phản vì bị nhục! Chung quy, tánh “tự kiêu” tai họa vô cùng to lớn cho hạng người tai mắt.

Cửu Tử: Lữ vu xử, đắc kỳ tư phủ, ngã tâm bất khoái.

九四：旅于處，得其資斧，我心不快。

Tượng viết: Lữ vu xử, vị đắc vị dã.

Đặc kỳ tư phủ, tâm vị khoái dã

象曰：旅于處，未得位也，
得其資斧，心未快也。

Hào Cửu Tứ, tuy là dương cương bất đắc trung nhưng nhờ ở vào vị trí thuộc âm nhu, lại được ở vào hào chót dưới ngoại Ly, đó là cương mà biết sống theo nhu, thật là người rất khéo xử, nhất là ở thời đang phải lê thân nơi đất khách quê người.

Dù không được như hào Nhị, tìm được nơi ăn chốn ở yên lành, vẫn cũng tìm được một nơi trú tạm và có đủ tiền bạc, vật dụng, lại có cái “cái búa” (tượng trưng khí giới tùy thân là khác. (Phủ 斧): là cái búa).

Tuy có chỗ ở, có tiền bạc đầy đủ, có đủ đồ vật dùng và có cái khí giới tùy thân, mà lòng chẳng được vui sướng, bởi không có ai giúp đỡ: trên thì Ngũ là kẻ âm nhu vô lực, dưới không người gánh vác đỡ đầu (“Sơ” quá nhu nhược). Cho nên một mình tự lo, tự liệu nơi đất khách quê người, há chẳng đáng buồn sao? (ngô tâm bất khoái).

*
* *

Lại nữa, dù mình có đầy đủ tiện nghi vật chất, lòng vẫn không bao giờ yên, vì phải luôn luôn giữ bên mình một *cán búa* để phòng vệ, thì còn gì là vui sướng bởi *chưa được an thân!* (tâm vị khoái dã 心未快也).

Lục Ngũ: Xạ trĩ, nhứt thĩ vong, chung dĩ dự mạng.

六五：射雉一矢亡，終以譽命。

Tượng viết: Chung dĩ dự Mạng, thượng dã dã.

象曰：終以譽命，上逮也。

Hào Lục Ngũ có nghĩa là người bắn con chim trĩ,

chỉ có một phát, mà hạ ngay con chim. Được chủ nhân khen và giao cho trọng trách. Ấm chỉ, kẻ lữ thứ nhưng có tài và được trọng dụng.

Theo lệ thường, hào Ngũ là hào chí tôn, nhưng ở vào thời quẻ Lữ, thì không phải là bậc chí tôn nữa, mà đây là một hạng quốc quân nào thuộc về hàng lữ khách (tức là vua một nước đang sống lưu vong), hoặc đây là hạng người quốc khách đang sống lưu vong nước ngoài (ngoại quái Ly), như Quốc vương Sihanovet sống lưu vong bên Trung Quốc, luôn luôn tìm cách trở về quê cha đất tổ.

Lục Ngũ có đức nhu thuận, xử sự khiêm cung. Được đắc trung, nên xử sự trên dưới đều đẹp, không quá nhún, không quá kiêu... mực thước hòa hài, đang hoàng thể thống.

Xử vào thời Lữ mà được như vậy là khéo léo lắm rồi, tượng như người bắn chim trĩ, chỉ mất có một cây tên mà bắn trúng chim, nên được khen là giỏi và được mời cùng nhà Vua cộng tác.

Đây là hạng người tài hoa và đứng đắn được tôn quý ngay ở nước mà mình đến tạm trú hay lưu vong. Dù sao cũng nên lo trở về quê hương xứ sở của mình, lo đến nhân dân và đồng bào đồng loại mà đừng nghĩ đến sự lập nghiệp ở xứ người... Vì Lữ là tạm thời! Xưa nay, vinh quang là được “mang áo gấm về làng”!

*
* *

Theo lệ thường, người quốc khách, khi đến trình diện với Quốc quân, có thói quen là dâng cho Vua một

con chim trĩ[1]. Ở đây, ta thấy vị quốc khách này muốn vào giúp việc với Nhà Vua, nên bắn con chim trĩ đang bay để tỏ tài của mình. Với mục đích ấy, anh đã đạt được ý nguyện, vì chỉ tốn có một cây tên mà bắt được chim. Nhờ vậy được Vua ban khen và giao cho trọng trách – nghĩa một công, hai việc.

Lữ (chim trĩ đậu trên núi).

Thường cũng có những trường hợp mà người *lữ thú* có tài, tính việc lâu dài lập nghiệp ở ngoại quốc. Nếu khéo xử, thì họ sẽ có nhiều bạn bè giúp đỡ ngay ở trên đất khách quê người và cũng có thể làm nên đại nghiệp.

Nhưng dù sao, họ như “cái cây quý” đem trồng đất khác... như sâm Cao Ly mà đem trồng bên Mỹ quốc chỉ còn có vóc vạc là cây sâm, mà thực chất chả còn gì quý nữa! Đối với phương diện quốc gia dân tộc, bị cái nhục vong quốc.

*
* *

Trở lên, là nói những kẻ còn ở trong dòng thời gian và không gian, chứ không dám nói đến các *hạng người siêu việt vượt khỏi thời gian và không gian* (những con người vượt khỏi ranh giới thời gian và không gian, tức là loại con người của “*quần long vô thủ*”, những kẻ mà ngày nay gọi là “*công dân quốc tế*”, những con người chỉ thấy có con người mà thôi, không để ý tới màu da, dân tộc

1. Tại sao lại nói đến *chim trĩ*.

Trong *Thuyết quái*, quẻ Ly là tượng *chim trĩ*, “*chim lửa*”. “*Ly vi trĩ*” 離為雉. Quẻ Hỏa Sơn Lữ (con *chim trĩ đậu trên cao* hay *bay cao*).

Lữ (chim trĩ đậu trên núi).

hay quốc gia nào cả... Đó là những con người có *tâm vóc quốc tế* như *Lão Tử* đã được E.V.Zenker phê bình: *Lão Tử là người của cả Nhân loại, đâu phải ông chỉ sống cho một nước Trung Hoa và cho thời buổi của ông mà thôi đâu, ông là một trong những bậc Thầy thuần túy nhất và sâu sắc nhất của Nhân loại!*” Đó là ngày xưa, ngày nay có một *Krishnamurti*, ông đã bỏ quê hương xứ sở của ông ở Ấn Độ mà đi cùng khắp thế giới gieo mầm Chân Lý... Như *Bồ Đề Đạt Ma*, vì thấy nước nhà quá mê tín dị đoan không sao truyền dạy được đạo Thiên, nên ông bỏ Ấn sang Trung Hoa, và nơi đây ông lập thành một đạo thống gọi là Thiên tông và được tôn là sơ tổ của Thiên tông đốn pháp...; như nhiều sơ tổ phái Thiên ở Việt Nam đều là người bên Ấn Độ và Trung Quốc sang Việt Nam cả, như sơ tổ phái Vô ngôn thông...[1]

*Thượng Cửu: Điều phần kỳ sào, lữ nhơn tiên tiếu,
hậu hào đào, táng ngu vu di, hung.*

上九：鳥焚其巢，旅人先笑，
后號咷，喪牛于易，凶。

Phàm đã là người ăn đậu ở nhờ, Lữ bao giờ cũng là nghịch cảnh, vậy nên xử sự một cách nhu thuận mới

-
1. *Cái hay của quê Lữ là đây*: Phật giáo từ Ấn Độ sang Trung Hoa và từ Trung Hoa sang Việt Nam và Nhật Bản... Phật giáo sơ dĩ có được tâm vóc quốc tế như thế, là nhờ ở những bậc cao tăng như Bồ Đề Đạt Ma... và từ đó đến Lục Tổ Huệ Năng...

Có 2 phái Thiên tông đầu tiên của Việt Nam mà đứng đầu lập phái là 2 người Trung Hoa, *Tì Ni Đa Lưu Chi* (sơ tổ Thiên tông) (Vinitaruçi), và *Vô Ngôn Thông* (sơ tổ phái Thiên thứ hai ở Việt Nam, đệ tử của Bách Trượng Thiên Sư, dòng Nam Nhạc bên Trung Quốc.

(Đọc tập "*Thiền Đạo Tinh Hoa*" của Thu Giang Nguyễn Duy Cần).

phải, nhưng Thượng Cửu dương cương vị thấp mà xử sự quá cương táo vì là hào ở chỗ cùng cực, nên thành ra cương táo quá sức, có khác nào ổ chim đóng trên cao mà bị cháy (*điều phần kỳ sào* 鳥焚其巢).

Ổ chim bị cháy, là chỗ ở của người lữ thú này đã mất rồi, vậy mà cứ ngạo nghễ cười đùa, như kẻ làm mất con bò trong nhà một cách quá dễ dàng (*táng ngư vu di* 喪牛于易).

Ôi! Trước cười cợt mà sau phải khóc gào (*tiên tiếu, hậu hào đào* 先笑后號啡).

*
* *

Ở Tọa quái có câu: “*Lữ quả thị dã, nhơn chí cùng dã*” 旅寡視也，人之窮也。Lữ, là có ít kẻ thân, đó là con đường cùng của con người bởi chung quanh toàn là người dung kẻ lạ.

Toàn quẻ, ta thấy khi cư xử ở cảnh bỏ nước ra đi đến đất khách quê người, quả là một cảnh tượng vô cùng bi đát và tủi nhục: *tự tỳ* (*tự mình nhún mình*) thì mang nhục, mà *tự cao* thì mang họa! Tình huống vô cùng khó xử.

Chỉ có 2 hào Nhị và Ngũ, với cách xử sự nhu thuận đắc trung đắc chánh thì hay nhất... *Toàn quẻ*, không một chỗ nào được gọi là “hanh”, là “kiết” cả!

Lữ sinh ra trong thời tao loạn, đứng vào bước lưu ly, gởi thân đất khách, chỉ dựa đỡ vào bóng mát của núi cao... *may mắn không gặp tai họa* là “đại phúc” lắm rồi, chưa có Phúc nào hơn được! Cỡ như Nhị Ngũ mà

chẳng được một chữ “Kiết”, “chữ Hanh”, hướng hồ lại quá cương và bất trung như Tam và Lục... thì kể gì!

Tóm lại, chỉ còn có 2 chữ *Nhu Trung* là lá bùa hộ thân cho người lữ thứ trong thời Lữ mà thôi như 2 hào Nhị Ngũ vậy.

57. BÁT THUẦN TỐN

八純巽

Sự êm ái, dịu dàng, sự thâm nhập.



“Tốn giả, Nhu nhược thắng Cương cường dã.”

Tốn là Phong, phong là gió.

“Tốn vi Phong”

巽為風。

Có mấy điểm cần lưu ý về quẻ Tốn:

1. Tốn, là quẻ điền đảo của quẻ Đoài.

Đoài cũng như Tốn, đều thuộc về Nhứt Âm Nhị Dương.

2. Sau Tốn, là Đoài, Tốn thì nhất Âm làm chủ quái ở phần dưới chót; Đoài cũng nhất Âm làm chủ quái, nhưng ở phần trên. Cho nên Tốn, là “*Nhu chi căn*” căn bản của Nhu đạo.

*
* *

Xem thể của quẻ *Bát Thuần Tốn*, thì Nhất âm, làm chủ quẻ, tức là phải dùng đến *Nhu đạo*, hay *Nhu thuật* làm căn bản cho hành vi xử thế và xã giao:

Dương là thực chất

Âm là hư chất.

Có hư mới có chỗ nhập vào, đó là tánh của Phong (gió). Gió thì vô hình, vô sắc nên không đâu nó không nhập vào được dù có một “lỗ kẽ” rất nhỏ, nó cũng chui lọt vào được. Bởi vậy mới nói “Tốn vi Phong”, “Phong, nhập dã”. Gió, là sự thâm nhập. Bởi những lẽ nói trên mới sắp quẻ Tốn sau quẻ Lữ...

Lữ, là người khách. Đã là khách thì phải chiều theo chủ. Gió thổi vào nhà, phải có được cửa mở, cửa mà đóng, thì gió phải ở ngoài... Tượng thể là như vậy.

Âm phải luôn luôn phục tùng Dương, như sau đây ở hào Sơ Lục. Trong quẻ Tốn này, Âm là chủ quẻ, nên phải lấy Âm nhu làm chủ động trong các hành vi của mình, cho nên Tốn cũng có nghĩa là thuận. Hướng chi ở quẻ Bát Thuần Tốn, thì Tốn được chồng lên gọi là “lưỡng Tốn”, thì đạo Âm thuận lại được tăng gia, càng phải “âm nhu tốn thuận”! Lão Tử dùng quẻ Tốn làm cơ sở cho giáo lý Đạo học.

*
* *

Tốn là *Trưởng nữ*, hình ảnh của ngọn gió thổi qua, làm cho các cành lá ngã nghiêng (đó là “*Nhu thắng Cang, Nhuợc thắng Cường*”).

Tuy Nhị dương cương cường thật mà cũng không sao gìn giữ được cái cương cường của mình, lại còn vui vẻ thuận tình chấp nhận cho mình đứng vào hàng thứ khách. Đó là Âm nhu đã thắng cương cường rồi vậy.

Bởi vậy nơi quê Khôn đã có nói: “*Âm chi chí Nhu, nhi động giả chí Cương*”.

Gió, vì vậy, thổi tuy nhẹ nhàng mà cành lá phải ngã nghiêng để chiều theo ngọn gió... Đó là gió thổi vào cây, *nhập vào cây*, giúp nó nảy mầm nảy rễ.

Nguyên lý Âm, tự nó là chất cô đọng và im lìm, phải nhờ có khí Dương thâm nhập vào mới hóa chuyển được âm khí để theo mình mà phục vụ, như có *Khí nhập vào Huyết* thì Huyết mới có thể lưu hành... Trong giới thiên nhiên, chính nhờ gió mà làm cho mây tan, trời mới trở nên trong sáng sạch sẽ hơn. Trái lại, khi không trung bị mây đông đặc vẫn vũ nặng nề, thì cảnh âm u lạnh lẽo... nóng bức khó chịu, bỗng có cơn gió nổi lên, mưa tuông nước đổ, trời sẽ lần lần trong sáng lại, mà ta thường nói: “sau khi mưa, trời trở nên sáng tỏ...”

Trong đời sống con người cũng thế: những tư tưởng âm u sẽ bị tiêu tan do ánh sáng nhiệm mầu của những tư tưởng siêu việt *thấm nhập* vào như một luồng gió mát, một ngọn thanh lương giữa cõi đời oi ả!

Trong đời sống xã hội, cũng nhờ ảnh hưởng của một nhân vật sáng chói nào có uy tín to về tinh thần làm đổi hẳn bộ mặt xấu xa đầy tội lỗi của nhiều âm mưu thủ đoạn núp trong bóng tối.

Thoán từ:

Tốn, tiểu hanh, lợi hữu du vãng lợi kiến đại nhân.

巽，小亨，利有攸往，利見大人。

Tốn, có tánh chất nhu thuận như gió (vô hình) thổi lòn những chỗ nào có kẻ hở hay lỗ trống, không đâu cản nó được, là nhờ *gió có tánh chất mềm dẻo* (âm

nhu). Tốn, chất nhu thuận, nhất âm chịu từng phục nhị dương, tượng kẻ nhỏ (tiểu nhon) chịu phục từng người quân tử. Đó là hiện tượng tốt!

Hạng tiểu nhon mà biết thuận theo người quân tử, có thể sẽ được hanh thông; nhưng, bởi là âm nhu mà dụng sự (ứng dụng vào việc gì) không được hanh thông (đại hanh) chỉ được hanh thông trong việc nhỏ (tiểu hanh) mà thôi! Lại còn phải gấp mà tiến hành, không nên trù trù, hay chờ đợi (lợi hữu du vãng).[1]

Muốn được vậy, cần phải kiếm tìm được bậc đại nhon (quân tử) mà theo (lợi kiến đại nhon).

(Khi nào Dịch báo “*lợi kiến đại nhon*” là phải cậy nhờ bậc quân tử thịnh đức, chứ riêng mình chả làm gì nên việc lớn.)

Thoán Truyện:

Trùng Tốn dĩ thân Mạng

Cường Tốn hồ trung chánh, nhi chí hành.

重巽以申命。剛巽乎中正而志行。

Nhu giai thuận hồ cương. 柔皆順乎剛

Thị dĩ tiểu hanh 是以小亨

Lợi hữu du vãng 利有攸往

Lợi kiến đại nhon. 利見大人。

1. “*Trùng Tốn 重巽*” là Bát Thuần Tốn (trên là Tốn, dưới là Tốn chồng lên nhau). Đó là tượng của 2 chữ “*thân Mạng 申命*” (Chữ 申 đây là chữ 身 là bắt chước

1. Theo *Thuyết quái truyện*, “Tốn” có tánh hay do dự, không quả quyết “*Tốn vi bất quả 巽為不果*”.

cách “trùng tổn” mà đồng phát mạng lệnh một lần, rồi tiếp theo một lần nữa!

Chữ “thân 申” cũng có nghĩa là 中 (trung). Trên ra lệnh theo sự vui lòng của kẻ dưới; Dưới, *thuận* mà nghe theo. Trên dưới được hòa khí, *thuận* thảo với nhau. Đó là muốn nói về 2 hào Nhị Ngũ.

2. “*Cương Tổn hồ Trung Chánh*” cũng là nói về 2 hào Nhị Ngũ đều được đắc Trung đắc Chánh, đều là dương cương.

Hễ có Trung là có Chánh, cho nên Nhị là kẻ dưới thuận theo trên mà vẫn là người Trung Chánh.

3. “*Nhu giả thuận hồ Trung Chánh nhi chí hành*” nghĩa là tuy là Âm nhu (ám chỉ 2 hào *Sơ Tứ*) cùng từng phục với đức Trung của bậc Dương Cương (là hào Nhị Ngũ). Nhắc lại thêm một lần nữa (lời Thoán truyện giải thêm lời Thoán từ) là để nhấn mạnh 2 chữ *Chánh trung* và nhắc lại, cần phải theo hào Dương Cương đắc Trung đắc Chánh của hào Ngũ, “*Lợi hữu du vãng; lợi kiến đại nhon*” (Đại nhon, chính là ám chỉ hào Cửu Ngũ). Câu đầu là nói về cái Quả; câu chót là cái Nhân.

*
* *

Sự “thấm nhập” bao giờ cũng có hậu quả tốt, vừa tiến triển, vừa vô hình (thường gọi là vô vi).

Đừng dùng bạo động, mà phải nhấn nhục, lâu dài, đừng để bị gián đoạn..., kết quả thấy tuy chậm mà sâu! Nếu được quý nhân dìu dắt, hay không thể kể!

Đại Tượng

Tùy phong: Tốn

象曰：隨風，巽。

Quân tử dĩ thân mạng hành sự.

君子以申命行事。

Thuận theo Gió, là quẻ Tốn.

Người quân tử noi theo đó mà ban truyền mạng lệnh, trước khi hành sự.

Tốn, là lần lần đi vào (*tiệm nhập*).

Theo thể của quẻ, trên là gió, dưới cũng là gió. Gió này nổi lên trước, gió khác nổi lên tiếp lên sau. Gió thuận theo gió mà tiến lên thành *một luồng gió to*. Trước nhỏ, sau to vì là “Trùng Tốn”!

Sức thâm nhập của Gió là ở chỗ liên tục của nó. Nhờ có sự liên tục không gián đoạn mà gió trở thành mạnh.

Liên tục, thì đâu cần có bạo động, nên dùng sự êm dịu, bền bỉ. Hành động nào mà hấp tấp, thiếu thung dung thì hỏng! Cái *chỗ hay của nhu* là đây, là ở chỗ *kiên nhẫn, từ từ*, êm dịu!

Hành động đột ngột quá, chưa kịp thuyết minh trước cho người đồng sự với ta biết được và hiểu rõ lý do của những gì ta muốn ban hành, thì người sẽ không theo ta mà việc làm của ta sẽ không thành tựu được. Chữ “thân” cũng có nghĩa là “*thân minh*”, là giải nghĩa tinh tường. Chữ “mạng” là *mạng lệnh ban bố* ra, bất cứ của những bậc quyền cao chức trọng nào, hoặc của những bậc đàn anh trong xã hội, hay gia đình!

Chưa bắt đầu hành sự (*sự 事*) mà trước đã lo bày tỏ

cho người người được biết rõ lý do hành động, thì hẳn xướng lên là sẽ có người người theo sau hưởng ứng! Cũng như gió thuận theo gió, gió với gió cùng nổi lên... thì thấy bị “*cuốn theo chiều gió*”, việc gì mà chẳng thành? Một hành động đột ngột, không được dự trù kế hoạch, chỉ tổ gây ra kinh hoàng, hết sức bất lợi... Nếu đột ngột ban hành mạng lệnh là đã tỏ ra cho thiên hạ có một thủ đoạn nào thường xảy ra ở các chế độ độc tài mà không việc quyết định nào dám cho dân chúng biết trước!

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Tiến thoái, lợi vũ nhon chi trinh.

初六：進退，利武人之貞。

Tốn, gốc là ở quẻ Kiên, mất hào Dương ở hào Sơ và được thay thế vào bằng một hào Âm mà biến thành quẻ Tốn, nên Sơ hào bị động và biến này sẽ là chủ của quẻ.

Lời Tượng viết:

Tiến thoái, chí nghi dã 進退，志疑也。

Lợi vũ nhon chi trinh 利武人之貞。

Chí trị dã. 志治也。

Sơ Lục là âm nhu, là người nhu nhược, cho nên tiến không dám tiến, mà lui cũng không dám lui, đa nghi, do dự (*tiến thoái chí nghi dã* 進退，志疑也).

Phải biết lấy cái chí kiên cường của kẻ “chiến sĩ” (vũ nhon) mới trị được cái bệnh do dự, nhút nhát (*chí trị dã* 志治也).

Cửu Nhị: Tốn tại sàng hạ

Dụng sử vu phân nhược, kiết, vô cửu.

九二：巽在床下，
用史巫紛若，吉，無咎。

Hào Cửu Nhị, là hào Dương mà ở vị Âm, tuy đắc trung, nhưng bất chánh (dương cư âm vị) nghĩa là, tuy có nhân cách (đắc trung) hiềm vì ở địa vị bất chính mà sinh ra lòng sợ sệt.

Nếu ở vào thời khác, đó là điều không tốt, nhưng bởi ở thời Tốn đến đổi phải nép mình ở dưới giường (*tốn tại sàng hạ* 巽在床下), nghĩ cũng là hợp lẽ.

Dù sao, cũng là người có nhân cách, nhưng vì hoàn cảnh mà phải ép mình nằm nép dưới giường, vẫn còn nhân cách chưa đến đổi làm việc tà tây siểm nịnh, và như thế cũng còn cảm động được người, với tấm lòng chí thành của mình (hào Nhị là hào dương cương và đắc trung).

Tượng như dùng đến việc cầu thần cầu thánh, cũng không sao, miễn là với một dạ chí thành là được!

(“*Sử vu* 史巫”), là chức quan lo việc tế lễ, để nhượng trừ tai họa; “*phân nhược*” là những cử chỉ rối rít hát múa... của các thầy cúng lễ...).

Hào Cửu Nhị, lấy lòng thành mà cảm động được thần minh, dù phải dùng đến “sử vu” bằng những cách bày trò rối rít, nhưng kết quả được “kiết”, nhờ ở lòng trung thành của Nhị. Nên “*tốt, không lỗi*” (*kiết vô cửu* 吉，無咎).

Cửu Tam: Tần Tốn, lân.

九三：頻巽，吝。

Cửu Tam là hào “*trùng cương*” (dương cư dương vị) nhưng “*bất đắc trung*”, lại còn ở trên chót nội quái... rất khác xa người ở thời “Tốn thuận”. Tam *gượng* làm ra vẻ người nhu thuận... không có chút chân thành, bởi vậy, sự giả dối ấy, ai thấy cũng chán. Thật là điều đáng thẹn và đáng tiếc (*lận 吝*).

Bởi tánh tình “bất trung” nên chí hướng của Tam là cương táo, luôn luôn thất bại nên cuối cùng cũng phải làm ra bộ xuống nước; nhưng vẫn tự kiêu: trước tỏ ra kiêu, sau mới chịu xuống nước vì đã đến *nước cùng* rồi! (*chí cùng dã 志窮也*。)

Lục Tứ: *Hối vong, điền hoạch tam phẩm. Hữu công dã.*

九四：悔亡，田獲三品，有窮也。

Hào Lục Tứ, chất âm nhu, ở giữa 2 hào Dương cương, lại không ai tiếp viện (vì chính ứng là Sơ Lục cùng một loại âm nhu) lẽ ra phải có việc hối (*lận*); nhưng may cho Tứ được đắc chánh (âm cư âm vị) mà được “hối vong *悔亡*” (tức là không bị sự ăn năn hối lỗi), không khác nào đi săn (điền liệp) mà hưởng được “*tam phẩm*”.^[1]

Cửu Ngũ: *Trình kiết, hối vong, vô bất lợi, vô sơ hữu chung; tiên canh tam nhật, hậu canh tam nhật, kiết.*

九五：貞吉，悔亡，無不利，無初有終，

1. Lệ xưa, đi săn, khi về được bao nhiêu món đồ săn, phải chia ra 3 phần (gọi là “*tam phẩm*”: một phần dùng làm đồ tế lễ; một phần để đãi tân khách; còn một phần giao cho nhà bếp).

Khi chia phần mà được cả ba phần, là hạng có công lớn. Cho nên, khi hào từ bảo: chia phần mà được cả ba phẩm, là hạng có công lớn. Hào từ bảo “*được ban ba phẩm*” (hoạch tam phẩm) là khen hào Tứ được chánh đạo của Tốn, nên mới gọi “hữu công”.

先庚三日，后庚三日，吉。

Tượng viết: Cửu Ngũ chi kiết, vị chánh trung dã.

象曰：九五之吉，位正中也。

Hào Cửu Ngũ đúng là cương vị làm chủ động thời Tốn, chỗ xuất phát mang lệnh. Ngũ, đắc Trung đắc Chánh, dương cư dương vị, nên tuy ở thời Tốn mà không Tốn hạ, không Tốn thượng... Như vậy là đáng khen, nên mới có câu “*Cửu Ngũ trình kiết*”.

Lúc đầu, tuy có hối hận, nhưng sau cùng lại được “trình kiết” và mất sự hối lỗi (hối vong), mới có nói: “*Vô sơ, hữu chung 無初有終*”.

Hào từ lại dùng đến Thiên Can để tả một cách tỉ mỉ hơn về cái lẽ “kinh, quyền” của Dịch Lý. “*Kinh*”, là *lẽ thường*; “*Quyền*” là *lẽ biến*. Dịch, sở trường ở chỗ Kinh Quyền, cho nên nhất định không có gì là “cố định” để cho ta “chấp” (cố chấp). Nên nhớ rằng “*Dịch, là Biến*”, học Dịch, phải có tinh thần “vô chấp”!

Câu “*tiên canh nhựt, hậu canh tam nhựt*”. Có rõ được Lý Học Trung Quốc, mới có thể hiểu được câu này.

Thiên Can sắp theo thứ tự trước sau, thì 3 can đầu là Giáp, Ất, Bính, đó là đoạn đầu của Thiên Can. Đoạn giữa là Đinh, Mậu Kỷ: Chỉ đến con số 7, tức là Thiên can *Canh*, là quá mức Trung, vì đứng sau đoạn giữa Đinh, Mậu, Kỷ (là mực Trung).

Phàm việc gì, hễ đắc Trung là hay, mà bất đắc trung là dở. Do đó, ta thấy cần phải tu sửa lại, cho nên Can Canh 庚 biến thành chữ 更 *Canh*, là canh cải, là thay đổi, sửa đổi.

Mạng lệnh xuất phát ở thời Tốn, ban đầu là “hữu hối” (bởi ở thời Tốn là Nhu thuận, mà đây lại là cương cường nên không đúng thời) nên cần phải “Canh biến” trước ba (3) ngày (là Giáp, Ất, Bính), và sau ba ngày (là Tân, Nhâm, Quý) mà so đo khảo nghiệm lại cho thật chu đáo. Làm việc mà chu đáo cẩn thận được như thế, chắc chắn sẽ được thành công, nên mới nói “kiết” (tốt lành)!

Bất cứ ở thời buổi nào, *nhất là ở thời Tốn* (mà thời nào mà chẳng phải là thời Tốn), bất cứ việc làm nào đối với quốc dân, mà mình là bậc lãnh đạo, phải noi theo gương của hào Cửu Ngũ quẻ Tốn này! Muốn làm một công việc Canh tân cải cách nào, đổi loạn ra trị, phải so đo cân nhắc kỹ càng kế hoạch, và sau khi ban hành sắc lệnh cũng phải tiếp tục xem xét coi hậu quả có được như nguyện chưa, coi còn có gì thiếu sót để mà canh tân, cải biến, chứ đừng có thói quen “đánh trống, bỏ dùi” phó mặc, không cần biết đến mạng lệnh có được thi hành đúng mức và chu đáo không, có hợp với quần chúng không?

Cửu Ngũ sở dĩ được “kiết”, là nhờ xử sự vừa được Chánh, vừa được Trung, vừa dịu dàng vừa cứng rắn, kỷ luật vừa nghiêm minh, vừa cởi mở, “*Cửu Ngũ chi kiết, vị Chánh Trung dã*” 九五之吉, 位正中也.

*Thượng Cửu: Tốn tại sàng hạ,
táng kỳ tư phủ, trinh hung.*

上九：巽在床下，
喪其資斧，貞凶。

*Tượng viết: Tốn tại sàng hạ, thượng cùng dã.
Táng kỳ tư phủ, chánh hồ hung dã.*

象曰：巽在床下，上窮也。
喪其資斧，正乎凶也。

Trước đây, ở hào Cửu Nhị cũng có câu: “*Tốn tại sàng hạ*”, tại sao ở hào Nhị thì được khen là “*kiết 吉*”, ở đây Thượng Cửu, lại bị “*hung 凶*”?

Hào Cửu Nhị tuy ở dưới thấp mà được đắc Trung đắc Chánh, tuy “*tốn tại sàng hạ*” nên vẫn được *kiết*. Thượng Cửu, tuy được địa vị trên cao (Tốn lên đến cực độ) lẽ ra “*cực tắc biến*” nhưng vì là kẻ bất trung bất chánh “*đương cư âm vị*”, nên dỏ trò ti tiện, không chịu biến... nên phải bị “*hung*”, mà là thứ “*hung vĩnh viễn*” (*trinh hung 貞 凶*).

58. BÁT THUẦN ĐOÀI

八純兌



- a) “Đoài giả, duyệt dã”
兌者，悅也。
- b) “Đoài vi Trạch”
兌為澤。

Quẻ Đoài, là quẻ ngược lại với quẻ Tốn, và cũng như Tốn, Đoài là thiếu nữ, còn Tốn là trưởng nữ. Đoài, cũng tượng cái hồ.

Ở quẻ Đoài cũng như ở quẻ Tốn, hào Âm là chủ quái.

Hào Dương (2 dương) mà đội Âm lên đầu, là có sự quý mến, chiều chuộng và người con gái nhỏ này được người trai chiều chuộng. Theo cổ tự, Đoài là hình cô gái có miệng cười rất duyên dáng và hấp dẫn với cặp con mắt tình tứ, dễ yêu. Đó là 2 bộ phận quan trọng nhất của người con gái dễ làm cho người trai để ý và yêu thương. Giữa núi cao hiểm trở, cái hồ là nơi mát mẻ và dịu dàng... tức là cái hồn của núi non vậy.

Cho nên Đoài, có nghĩa là làm vui lòng. “Đoài giả, duyệt dã”. Chữ “duyet” vui vẻ, do chữ đoài và bộ tâm.

Đi trên núi mà gặp cái hồ, đi ngoài đời mà gặp một cô gái có miệng cười duyên dáng và vui vẻ, ắt gây được niềm vui sướng, hạnh phúc.

Thoán từ:

Đoài, hanh, trinh.

兌，亨，貞。

Đoài, là vui vẻ, là một tánh khí dễ truyền cảm, nhờ vậy, vui vẻ dễ tạo sự thành công hợp tác. Nhưng vui, là bề ngoài, trong lòng phải “trinh” mới được hanh thông: “Đoài, hanh, trinh”.

Trái lại “duyet” (vui vẻ) mà không trinh, thì sự vui vẻ không được vĩnh viễn, không được bảo đảm bởi không thành thật!

Ta thấy quái từ của 3 quẻ nữ, là Tốn, Ly, Đoài, chỉ có Tốn là được “tiểu hanh”; còn 2 quẻ kia (Ly và Đoài) đều bắt buộc phải có “lợi trinh” mới có được bảo đảm.

Còn 3 quẻ nam, Chấn, Khảm, Cấn, lại không bao giờ nói đến chữ “trinh” trong các hào từ. Là tại sao? Vì, với tánh chất đả âm (nhu), thường dễ xui người con trai đi vào con đường bất chánh lụy vì tình. Còn phái nữ mà mất chữ trinh, thì kể như chẳng còn gì nói đến “lợi hanh” nữa được.

“Duyet”, cần nhất là “Trinh”, tức là ngoài mềm mà trong cứng (tức là quẻ Khảm (☵)). Mềm, là 2 hào “âm” bọc ngoài; còn cứng là “duong” tượng một nét thẳng ở giữa. Câu “ngoài mềm, trong cứng” cũng muốn nói tuy bề ngoài mềm mại dịu dàng, nhưng bên trong là một lòng kiên trinh không bao giờ thay đổi và cương quyết, đó là cái mạnh của phái yếu! “Cương trung nhi nhu

ngoại”. Tây phương bảo: Tình yêu người đàn bà là tình yêu duy nhất thuộc *Âm tụ* khó tan.

Không phải chỉ nói về người đàn bà, mà *bất cứ ai cầm quyền trị nước, cũng phải như vậy*: sợ dĩ dân chúng vui mà theo mình, mà vâng lời và dễ vậy là nhờ *biết xử sự một cách dịu dàng*; khi mà người dân thương mình thì bảo sao họ cũng vui lòng làm cho vui lòng mình, quên cả sự nhọc mệt mà *biết làm cho lòng dân vui* thì dù có bảo họ nhảy vào lửa đỏ, họ cũng chẳng từ nan! (*duyệt dĩ phạm nạn, dân vong kỳ tử*). Đó là trên thuận lòng Trời; dưới ứng lòng Người: “*thuận hồ Thiên nhi ứng hồ nhơn!*”

Đại Tượng

Lệ trạch: Đoài.

麗澤，兌。

Quân tử dĩ bằng hữu giảng tập.

君子以朋友講習。

Đoài, là cái chằm, cái hồ. *Tập Đoài, Đoài bên trên, Đoài bên dưới*, là có đến 2 cái hồ, bên này khô, hồ bên kia chằm thêm vào, nên không bao giờ lung, không bao giờ cạn. Hai bên đắp đổi nhau, để làm lợi ích cho nhau.

Người quân tử xem đó mà học hỏi, và nghiên cứu chung với bạn bè, có 2 bên đắp đổi với nhau mà sự học vấn sẽ càng mau tiến bộ và chu đáo.

Ngạn ngữ có câu: “*Học thầy, không tày học bạn*”. “*Lệ*” có nghĩa là *bám sát nhau như hai cái hồ có chỗ thông đồng bố túc* (Đọc quẻ Đại Súc, và quẻ Sư...)

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Hòa, đoài, kiết

初九：和，兌，吉。

Tượng viết: Hòa đoài chi kiết, hành vị nghi dã.

象曰：和兌之吉，行未疑也。

Sơ Cửu là dương cương, dương cư dương vị, nên đắc chánh, là con người có đức. Ở vào hào chót của của quẻ Đoài, nên Sơ Cửu có tánh khiêm hạ: trên chẳng theo ai (không có chính ứng) làm bậy, cư xử với chung quanh một niềm khiêm cung dàng hoàng và làm vui lòng cả mọi người (hòa đoài 和兌), nên được “tốt” (kiết 吉).

“Hòa đoài” (hòa thuận vui vẻ) với mọi người nhờ tấm lòng chánh trực (đắc chánh) nên chưa có ai nghi ngờ mình (hành vị nghi dã 行未疑也).

Cửu Nhị: Phù đoài, kiết, hối vong.

九二：孚兌，吉，悔亡。

Tượng viết: Phù đoài chi kiết, tín chí dã.

象曰：孚兌之吉，信志也。

Cửu Nhị là hào dương cương đắc trung đắc chánh, là con người thành thực, rất tự trọng, lại hòa hài với tất cả mọi người mà không để mất thể thống và nhân phẩm (nên gọi là “phù đoài”). Tốt (Kiết).

“Phù đoài” mà được tốt lành, là nhờ ở đúng vị “đắc trung đắc chánh”, không bao giờ để cho bất cứ cái gì làm lay chuyển lòng trung chánh của mình, đó là chỗ quý nhất, được một tấm lòng “chí thành” (nên gọi là

“*tín chí* 信志”) nghĩa là hết sức trung thành, hết sức thành thật (trong sao ngoài vậy).

Trình Minh Đạo nhân đó mới nói: “*Thành giả, Thánh dã* 誠者聖也。”

Đây là *bậc Thánh*! Thánh nữ bao giờ cũng cao hơn Thánh nam.

Lục Tam: *Lai Đoài, hung*.

六三：來兌，凶。

Tượng viết: *Lai đoài chi hung, vị bất đáng dã*.

象曰：來兌之凶，位不當也。

Chữ “đáng” (cũng đọc là đương) có nghĩa là đúng, là xứng đáng: “Vị bất đáng” là địa vị không xứng đáng.

Hào Lục Tam, thuộc âm mà ở vị dương (âm cư dương) là “*bất chánh*”. Đây là một cô thiếu nữ ở giữa một bầy con trai (bị tứ dương bao vây), bản thân là con người bất chánh nên chạy theo cả lũ con trai, cầu vui với chúng (“*lai đoài*” là chạy đến bọn trai cầu vui) nên bị chúng coi thường. *Con trai thường tình là thế, gặp gái mà quá dễ dãi chạy theo chúng, thì chúng bao giờ bỏ qua mà không lợi dụng qua đường!* Thân hèn, lại tự xem mình quá rẻ, thì bảo không bị hung họa sao được?

Tại sao với Tam mà dùng đến chữ “*lai*”? “*Lai*” là *chạy đến*, là ngó xuống, tức là Tam nhìn theo Sơ và Nhị, mà Sơ và Nhị đều là kẻ đang hoàng đứng đắn, nên có xem Tam ra cái gì! Nhìn lên Tứ và Ngũ thì đều là người cao quá tầm. Phận hèn đâu dám đèo bồng, hướng chi Tứ đang theo Ngũ... thì còn gì nữa mà đèo bồng? Tất cả bọn trai, đều không ai thèm chơi với Tam thì còn gì

nữa mà không chịu sống theo cái sống đê hèn tủi nhục như loài dĩ điếm hạ tiện.

Phàm đã là người bất tài bất hạnh mà không biết tự xét, còn len lỏi xu quyền cậy thế để *câu thân*... thật là “*vi bất đáng*” phải gặp “hung” là cái chắc!

Hai luồng sáng Âm Dương của Trời Đất, đều cùng chiếu vào Miệng, đó là “*Âm Dương chiếu Hư Vô chi địa*” là *cách quý nhất*. Âm Dương cần đắc địa ở 2 cung Mẹo và Hợi (Thái dương cư Mẹo, là Nhựt xuất lôi môn (Mẹo là cung Chấn, mà Chấn là thuộc loại Sấm sét; còn Âm thì miếu địa là ở cung Hợi (nên gọi là “Nguyệt lãng Thiên Môn”) cùng chiếu vào cung Mùi, tức là Cái Miệng hút được 2 khí Âm Dương (tức là bậc thông minh tuyệt thế).

Miệng ngậm cả Âm Dương... là *quí tướng*. Cho nên *Miệng* là *Hư Vô chi tâm*, nơi nuốt khí tiên thiên vào Đan Điền (bầu Linh Khí của Trời Đất) nằm ngay ở Bụng dưới. *Miệng hở (hô)* là *phá tướng*.

Tướng pháp Trung Hoa, cho rằng *Miệng (Khẩu)* là *chỗ thiêng liêng nhất của một gương mặt, nhất là gương mặt người con gái hay đàn bà*.

Trên đây là nói về Lộc Mạng Tử Vi Đẩu Số; còn về *Tượng Pháp*, *Miệng* là *gồm cả Thiên Địa chi tâm*. Chỉ nhìn cái *Miệng* đủ rõ tâm tư tốt xấu của con người... nó là *cả Sinh Mạng của con người*, nó là *Biển cả* thu rút tất cả dòng sông trên mặt đất liền... mà Lão Tử gọi “*Giang Hải sở dĩ năng vi Bách cốc Vương giả... dĩ kỳ thiên hạ chi*” (Sông biển sở dĩ làm Vua trăm hang, vì nó khéo đứng dưới thấp nhất...) *Các con sông (tượng 2 lỗ tai, 2 con mắt, 2 lỗ mũi) đều chảy vào Bể (Miệng), thông xuống dưới lỗ Rún (và Đan điền khí Hài). Cái Miệng*

cùng với Âm hộ của người đàn bà là Một, có công dụng tương đương, một Trên một Dưới, kêu gọi dục tính.

Theo khoa *Diện Châm*, Bộ sinh dục gắn liền với môi trên, cho nên người môi đầy, nhục dục mạnh. Ở môi trên mà râu đậm đen và cứng (dâm dục) bộ sinh dục nhạy bén và dồi dào quá. Râu thưa là kẻ thận suy, hững hờ về thú dục.

Cửu Tứ: Thượng đoài, vị ninh, giới tật hữu hi.

九四：商兌，未寧，介疾有喜。

Tượng viết: Cửu tứ chi hi, hữu khánh dã.

象曰：九四之喜，有慶也。

Cửu Tứ là dương cương, lại “dương cư âm vị” (là bất chánh vị) đầu phải hoàn toàn là một người quân tử! nên hào từ có những lời như có 2 nghĩa khác nhau (lưỡng dạng).

Hoàn cảnh của Tứ cũng khó khăn, vì trên thì tiếp với Cửu Ngũ là một kẻ trung chánh, còn dưới thì lại gần gũi với một kẻ tà tây bất chánh và siểm nịnh.

Vậy, thì “duyet” (vui) với ai? Quả là khó khăn, nên cần phải dẫn đo cân nhắc, như hạng con buôn (gọi là “thương” (tức là kẻ đong lường cân nhắc như luôn luôn đứng trước cái *cân tiểu ly* mà mắt không rời cái cân). Cười nửa miệng.

Nhưng, may thay, tư chất của Tứ dù sao cũng là dương cương, đồng đức với Ngũ nên quyết theo Chánh bỏ Tà. “*Giới tật*” là quyết bỏ Tam; dĩ nhiên không dám gần với Tam, thì Tứ và Ngũ lại càng tương đắc, đó là cảnh quân thần tế hội, nước mới thành, dân mới an... thật là phúc cho Tứ, đáng mừng cho Tứ (*hữu hi* 有喜).

Không riêng gì đáng mừng cho Tứ, mà mừng cho thiên hạ có được lương thần phò minh chúa! (“hữu khánh 有慶”).

Cửu Ngũ: *Phù vu bác, hữu lệ.*

九五：孚于剝，有厲。

Tượng viết: *Phù vu bác, vị chánh đáng dã.*

象曰：孚于剝，位正當也。

Cửu Ngũ là dương cương đắc trung đắc chánh, là một hạng người *quân tử chánh cống*, khó thể dụ dỗ cho sa ngã!

Nhưng, bởi ở vào thời của Đoài, lại còn mặt thiết kê cận với Thượng Lục là một tên xảo ngôn hiểm độc lại còn khéo dua nịnh (bởi ở thời Đoài, nên Thượng Lục là kẻ dua mỹ).

Nếu Ngũ mà thân với Lục chắc chắn sẽ bị hại. Giữa một người quân tử thật thà và một tên lưu manh xảo ngữ, đứa tiểu nhơn bao giờ cũng hơn người quân tử! Cho nên hào từ mới có lời răn đe: “*Phù vu Bác*”, nghĩa là hãy coi chừng anh Thượng Lục “*bác*” (là làm rúng) mà không dè!

Nên để ý: chữ “*Bác 剝*” trên đây, ám chỉ hào Thượng Lục quẻ Bác, có câu “*Nhu bác cương*” cho nên e rằng Thượng Lục có ý muốn “*bác*” hào Ngũ?

Tại sao, hào từ của mỗi hào đều có dùng chữ Đoài, riêng có hào Cửu Ngũ này lại không dùng chữ Đoài, mà dùng chữ “*bác*”? Như hào Sơ, thì bảo “*hòa đoài*”! hào Cửu Nhị, thì nói “*phù đoài*”! hào Thượng Lục, thì bảo “*dẫn đoài*”! hào Tam, thì nói “*lai đoài*”; hào Tứ, thì

bảo “*thượng đoài*”. Chỉ có Ngũ, không dùng chữ “*đoài*” mà dùng chữ “*bác*”: “*phù vu bác*”? Là nghĩa làm sao?

Là bởi các hào dù có “*duyet*” (vui) lắm, thì tai họa chỉ đến cho một người thôi, chớ hào *Ngũ* là *hào chí tôn* hay *tôn trưởng* mà “*duyet*” lắm, là tai họa sẽ đến cho cả quốc gia xã hội! Cho nên, hào từ phải cẩn thận nghiêm răn người quân tử đứng ở địa vị cao nhất này!

Thượng Lục: Dẫn đoài,

thượng lục dẫn đoài vị quang dã.

上六：引兌，上六引兌，未光也。

Nên biết: *Đoài* là do *Kiên*, một hào âm thay vào thượng quái mà biến thành *Đoài*. Nên *Thượng* đây làm *chủ* *quẻ*.

Thượng là chủ của quẻ “*Đoài duyet*” tức là đến chỗ cùng cực của *Đoài duyet*. Đã đến chỗ “*chí* *cực*” mà lại còn muốn kéo dài thêm tình trạng cực độ ấy, nên mới nói: “*dẫn đoài*”.

“*Dẫn Đoài*” là làm sai đạo Trời rồi! sao không bảo là “*hung*” mà nói “*dẫn Đoài*”?

Là bởi, *Cửu Ngũ* đã biết dư *Thượng Lục* là thứ tiểu nhon, xấu xa, đang lo “*bác*” mình đó, đâu có tin! Cho nên, *Thượng Lục* dù có muốn “*dẫn đoài*” cũng không sao dẫn được, như vậy, có hại gì đến nhân tâm thế đạo, nên hào từ đâu cần gì dùng đến chữ “*hung*” hay “*lấn* *hối*” mất công!

“*Duyet*” đã đến cực độ rồi, lại còn mong kéo dài ra thêm, rõ là tâm sự kẻ tiểu nhon tham lam đến mù cả mắt, *lấn* cả trí, làm gì còn nói đến sự vinh quang? nên mới nói: “*vị quang* 未光” (chưa sáng)! (chưa được sáng

chói). Lão Tử bảo: “*Bất kiến khả dục sử dân tâm bất loạn*”.

Ở đời, kẻ đua nịnh sở dĩ được đắc thời đắc thế, là bởi có người thích đua nịnh. “Thằng nịnh” đâu có tội, kẻ thích đua nịnh mới là người có tội vì đã tạo cơ hội thuận tiện cho bọn đua nịnh thi hành được thủ đoạn ấy! Cũng như thằng trộm ngọc không tội bằng kẻ làm mất ngọc! Nó bị người cảm dỗ.

Người quân tử mà gặp bọn đua nịnh, nên nhớ đến câu “*phu vu bác*”, nghĩa là coi chừng, chúng nó muốn “đẽo” mình đấy! Coi chừng “*nhất tiểu khuynh thành, khuynh quốc*”!

Như ta đã biết: Dịch dạy ta *luật Luông Cực*: Không có cái Hay nào mà chẳng có cái Dở của nó, không có cái Thiện nào mà chẳng có cái Ác của nó... Cái hay của Đoài là ở chỗ nhu yếu, mà cái dở của Đoài, ở chỗ giả dối... (Hư, âm). Mà *giả dối, lại là nguồn gốc của Văn Minh loài người: càng văn minh, càng giả dối*, nhà văn André Gide có nói rất đúng: “*C'est aux plus hypocrites époques que l'Art a le plus resplendi*”. (Chính ở vào những thời buổi giả dối nhất mà Nghệ thuật mới được phát triển huy hoàng nhất) hiện tượng của cực điểm Văn minh ngày nay.

59. PHONG THỦY HOÁN

風水渙



“Hoán giã, tán dã”
渙者，散也。

Hoán, là gió thổi trên mặt nước, làm cho nước không được yên tĩnh mà tụ lại, lại làm cho tan tác, tan rã thành bọt... giống như quẻ *Tụ*, là tụ lại; còn *Hoán*, là tan ra, tan như pháo nổ...

Phàm việc đời, hễ có *Tụ* thì có *Tan*, mà có *Tan* rồi mới có *Tụ*, hợp lại các dòng nước bị chia ra, và tràn lan khắp chốn, nhưng chung quy rồi cũng tụ lại trong các đầm, các hồ, hoặc như các con sông rồi cũng chảy về Biển cả! nghĩa là tan tác cả... (luật *Tụ Tán*).

Trong quẻ “*Hoán tán*” này, nhân *Tán* mà Dịch bàn với ta những phương pháp để nhân *Tán* mà *Tụ* lại. Trong Dịch, ở đâu, ta cũng thấy toàn là Mâu thuẫn.

Thoán từ:

*Hoán hanh, vương cách hữu miếu,
lợi thiệp đại xuyên, lợi trinh.*

渙，亨，王假有廟，
利涉大川，利貞。

Tại sao “Hoán tán” mà lại hanh?, trong khi “Tụy tụy” cũng hanh?

Thoán Truyện:

“Hoán hanh, cương lai nhi bất cùng, nhu đắc vị hồ ngoại, nhi thượng đồng. Vương cách hữu miếu, vương nãi tại trung dã. Lợi thiệp đại xuyên, thừa mộc hữu công dã.”

渙亨，剛來而不窮，柔得位乎外，而上同。王假有廟，王乃在中也。利涉大川，乘木有功也。

Hào Nhị, do hào dương của quẻ Kiền thay vào giữa quẻ Khôn mà biến thành quẻ Khảm. Hào Tứ, nguyên là hào âm của quẻ Khôn, đến thay hào Sơ của quẻ Kiền mà biến thành quẻ Tốn (ngoại Tốn).

Như thế, Dương cương của hào Nhị tiến lần lần lên, toàn gặp âm hào, nên không mắc cảnh khốn cùng, bởi vậy mới nói: *“Hoán hanh cương lai nhi bất cùng”*. Còn “âm nhu” ở ngoại Tốn được thông đồng với bề trên là 2 hào dương Ngũ và Lục: *“nhu đắc vị hồ ngoại, nhi thượng đồng”*. “*Nhu đắc vị*” là nói về hào Tứ (âm cư âm vị), hào Tứ đắc vị ở ngoại Tốn *“nhu đắc vị hồ ngoại”*. “*Nhi thượng đồng*” thông đồng với Thượng (ám chỉ hào Ngũ).

Theo tượng quẻ, thì Cương Nhu, Trong và Ngoài có đủ (nội Khảm, một dương hai âm; ngoại Tốn, một âm hai dương, đó gọi là Âm Dương đều được làm chủ quẻ.)

Quẻ Khảm thì Dương làm chủ; ngoại Tốn, thì Âm

làm chủ. Cho nên mới nói quẻ Hoán có cả Cương Nhu đắc vị (âm ở Tứ, dương ở Ngũ là đắc Nhị) mới có thể làm nên được *Hoán mà Hanh!*[1]

Tình diệu nhất là câu “*Nhu đắc vị hồ ngoại nhi thượng đồng*” là chỉ vào 2 hào 4 và 6. Dương là quân tử, Âm là tiểu nhon, nhưng “*vô tiểu nhon bất thành quân tử*” (vô Âm bất thành Dương) hay là “Vô Âm” Dương không làm gì hoạt động được! Ngoại Tốn thì trên dưới có đủ Âm Dương.

*
* *

Tóm lại, quẻ Hoán, là làm cho *tan tác*, làm cho *tan rã*.

Làm cho “*tan*” cái gì?

Làm cho *tan* cái lòng ích kỷ của ta và của người để đi đến sự hòa đồng nhon ngã.

Cái gì đã làm cho thiên hạ ly tán?

1. *Chỗ kỳ diệu bí ẩn của Dịch lý là ở những quẻ Nội chuyển:*

Ta thấy: Các quẻ trong Nội chuyển, là Ngoại Cấn, Nội Chấn (sấm nổ trong lòng đất).

Quẻ Nội Chấn này là Đạn điền khí được tụ lại đầy đủ, gom lại tất cả Khí lực (nội lực) gọi là *Chân Nhất chi khí*; tức là nói lên câu trong Nội Kinh: *Điền đạm Hư Vô* (tượng quẻ Cấn - cục Tĩnh).

Chân khí tưng chi (tượng Nội Chấn, nhờ Tiên thiên khí nổ to lên (như pháo nổ (tan xác), như nguyên tử nổ, tiết ra một sức nóng kinh hồn (là kiên khí).

Nên mới nói *Tán bên ngoài, mà Tụ bên trong*. Tụ giải thoát, phải làm cho bản ngã tan nát, vì nó đã bọc Thiên Chân không cho phát huy ra được, khác nào công pháo nổ giải được nhiệt khí bị cô đọng bên trong “*Kêu lăm, lại càng tan tác lăm!*”. Bởi vậy, Thoán từ mới nói: “*Hoán, hanh*”

Lòng ích kỷ, chủ nghĩa quốc gia hay yêu nước. Tượng của quẻ Hoán tán là con đường “tán bán ngã”[1]; nguyên nhân của các biến cố nguy hiểm và tai họa trong đời, là lòng ích kỷ.

Tượng quẻ Hoán, là nội Khảm, ngoại Tốn. Tượng của *nội Khảm*, mà Khảm lại ở trong thế nguy hiểm, tức là ly loạn khó thể tránh; nhưng ngoại Tốn là được gió thổi nhẹ nhàng... đó là phép dùng “*Nhu chế Cương, Nhuợc chế Cờng*”!

Được vậy, chỉ còn hình thức của sức mạnh tôn giáo, may ra mới gây được lòng Tin tưởng, dạ Chí thành của con Người.

Cùng dự chung một lễ bái thần linh, tâm hồn con người trong một cộng đồng mới có thể không còn thấy chia phân mà tất cả đều đồng một gốc sinh ra, là *Thượng Đế*. Trong quyển “*Chu Dịch Huyền Giải*” chúng tôi cũng đã có nói: “Âm Dương là bất Nhị, là không thể phân, sở dĩ có khác là để mà sinh, có chia, là để mà hợp, chứ không bao giờ có sự đề cao cái này để phủ nhận cái kia. *Chủ nghĩa quốc gia là nguồn gốc sinh ra chiến tranh*. Những cặp mâu thuẫn (Âm Dương) luôn luôn giữ được mức quân bình, đó là triệu chứng của một nền văn minh cao, trái lại, nếu có sự đề cao cái này để phủ nhận cái kia, như đề cao nước mình, dân tộc mình... để chiếm địa vị bá chủ, thì sức va chạm của nó là dấu hiệu của một tình trạng dã man... Cho nên Tôn giáo mà biến thành Quốc giáo cũng là dã man!”[2]

-
1. Bình giảng về *Lời Thoán*, Richard Wilhem viết: “Ici, il est question de la dispersion et de la dissolution de l'égoïsme qui sépare.” (p. 266)
 2. *Tôn giáo*, Tây phương có danh từ *Religion* do động từ *Relier* (là cột chặt nhau lại). Cho nên, nói đến Quốc giáo (*Religion nationale*) là nói sai!

Ảnh hưởng của nghi lễ trang trọng, của các bài cầu nguyện chung khiến cho tất cả xem nhau như là con một “nhà chung” là Nhân loại. Nên Thoán Từ mới có câu: “*Vương cách hữu miếu!*”.

Có khác nào cùng đi chung trên một chiếc thuyền, tình thương đối với những kẻ “*đồng thuyền*” thường dễ có sự thương nhau khẩn khít, không còn có sự chia rẽ như khi sống chung an toàn trên đất bằng! nên Thoán từ mới nói: “*lợi thiệp đại xuyên, thừa mộc, hữu công dã* 利涉大川，乘木有功也。” Cái lợi của chiến tranh là ở khía cạnh này: các chiến sĩ ngoài mặt trận, thương nhau tha thiết lắm! (Chữ “*thừa mộc*” là cùng nhau ngồi trên một chiếc thuyền).

Đại Tượng

Phong hành thủy thượng: Hoán.

風行水上，渙。

Quân tử dĩ hưởng vu đế, lập miếu.

君子以享于帝，立廟。

Gió thổi trên mặt nước, là quẻ Hoán.

Tiên vương ngày xưa, noi theo đó để lập miếu thờ Thượng đế, và lập miếu thờ tổ tiên.

Vào khoảng Thu Đông, nước bắt đầu lạnh và đặc dần, đến Đông thì băng giá! *Xuân đến, gió xuân thổi lên, làm cho băng giá ấm áp mà tan dần (hoán tán).* Tinh thần dân chúng cũng thế!

Sự cô đọng, cứng rắn của lòng tư kỷ con người làm cho loài người bị chia rẽ, không còn sống chung thành khối nữa! lòng ích kỷ và tham lam là nguồn gốc làm cho xã hội loài người *tan rã*, cho nên hiện tượng của

quẻ *Hoán*, là *tan rã*, là *tan tác*, có lẽ nhân loại rồi đây, sẽ đi đến “thế chiến” mà nhân loại sẽ nổ tung không còn một mảnh, hiện tượng ngày nay, là hiện tượng của quẻ *Hoán tán*![1]

Sở dĩ “*tiên vương dĩ hưởng vu Đế lập miếu*” là để cứu cho thời *Hoán* bớt được cái nạn chia rẽ trầm trọng do lòng yêu nước quá khích.

Dù cho con người ở trong những chế độ vô thần, nghi lễ long trọng đối với những người lập quốc vẫn là bổn phận thiêng liêng để nhắc nhở nguồn gốc chung các người đang sống trong cộng đồng: “cây có cội, nước có nguồn”! Thay vì lập miếu, họ lấy việc “dụng hình” và dựng những hình khổng lồ... cùng khắp thành thị để quốc dân luôn luôn chiêm ngưỡng. Họ không tin nơi thần thánh, nhưng họ rất tin nơi các nhà lãnh đạo của họ như “*thần tượng*” *bất khả xâm phạm* và *rất thiêng liêng*.

Cùng một tâm lý “*dĩ hưởng vu Đế lập miếu*”... là tôn thần thánh, hay thần thánh hóa các nhà lãnh đạo của họ!

Họ cũng không quên đến việc “*thiên niên quý tế*”.

Sợ sự “hoán tán” nên họ luôn luôn lấy sự “tụ hợp” và luôn luôn “hội hợp” như là lẽ sống của chế độ “tập

1. Richard Wilhem bàn về Đại Tượng quẻ *Hoán* có viết:

“L'Egoïsme et la Cupidité isolent les humains. C'est pourquoi il faut qu'une émotion religieuse s'empare de leur cœur. Il doit se dissoudre pris d'un frisson sacré devant l'Eternité, se sentir saisi d'émoi devant la présence pressentie du Créateur commun de tous les êtres et faire l'expérience de l'Unité grâce à la puissance du sentiment de Communion éprouvé lors du culte d'adoration rendu à la Divinité”.

đoàn”; bằng không được như vậy, nhân tâm dễ bị “hoán tán” không phương cứu chữa![1]

Yếu tố “*tôn giáo*” đã được các nhà lãnh đạo chánh trị ngày nay khai thác triệt để và Kinh Dịch, như đã trình bày trên đây, đã nói lên khá rõ ràng ở phần Đại Tượng quẻ Hoán.

Với những ai muốn nghiên cứu thêm về vấn đề này, nên đọc thêm “*Foules en délire, extases collectives (essai sur quelques formes inférieures de la mystique)*” của Philippe de Félice (Ed. Albin Michel); và quyển “*La Propagande, nouvelle force politique*” của Jacques Driencourt (Lib. Armand Colin).

Sự quan trọng vô cùng thiết thực cho thế hệ ngày nay, là quẻ Hoán này, cần tham cứu thật kỹ!

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: *Dụng chĩnh mã tráng, kiết.*

初六：用拯馬壯，吉。

Tượng viết: *Số trung chi kiết, thuận dã.*

象曰：初中之吉，順也。

Sơ Lục, là lúc bắt đầu của quẻ Hoán.

1. Đọc quyển “*Le Viol des Foules par la Propagande Politique*” của Serge Tchakhotine, trang 279 (Gallimard, 1952): “... le second procédé est l’agglomération en foules, par exemple, dans les Temples, processions, etc... dans lesquelles l’individualité se perd au profit de la Communion avec là Multitude (...) (...“les mouvements religieux et leurs cultes forment ainsi la partie la plus importante de la Propagande Politique. (p. 201)

Lúc ban đầu, thiên hạ chia lìa ly tán nhưng cũng còn dễ tụ họp lại rất mau.

Sơ Lục, là âm nhu, bất chánh (âm cư dương vị) nên là kẻ tài hèn sức kém, không chính ứng, lại phải đương đầu với hoàn cảnh Hoán tán, chẳng là gay go làm sao? nhưng may là ở trên có Cửu Nhị là bạn lân cận dương cương đắc trung đắc chánh nên có đủ tài sức cứu vớt cho Sơ khỏi bị sự tan tác tang thương (*dụng chứng 用拯*).

Nhờ Sơ có tánh nhu thuận, biết ý thác vào Nhị, tượng như người đi đường mà được cỡi “con ngựa khỏe” (*mã tráng 馬壯*).

Cái hay của Sơ là biết dựa theo Nhị là hào đắc trung (*sơ trung chi kiết 初中之吉*) và mình có đức nhu thuận (*thuận dã 順也*).

Cửu Nhị: Hoán, bốn kỳ kỳ, hối vong.

九二：渙奔其機，悔亡。

Ở thời Hoán, non tình chệnh mảng, cuộc đời ly tán, cho nên kẻ nào sống phải gặp thời này, dễ có điều “hối” lắm!

Nhưng Cửu Nhị, là dương cương, đắc trung đắc chánh còn phía dưới có Sơ Lục dựa vào mình. Sơ được cỡi con ngựa khỏe, nên mình dựa vào nó như được ngồi vững nơi trên ghế (*ký 機 = ghé*) đỡ dần nhau trong bước lưu ly.

Trong khi, trong thiên hạ, thấy đều bị chia lìa (nhiều nước còn bị cắt đôi) mà mình được một nhà sum họp là việc may mắn ít có, nên bảo Nhị mau dựa vào Sơ (*bôn*

kỳ kỳ 奔其機) là khuyên hãy cúi xuống mà thân với Sơ, đừng bỏ qua cơ hội.

Ý muốn bảo: *Thời Hoán, cần phải có bạn đồng tâm đồng chí* (Sơ, thuộc Âm; Nhị, thuộc Dương, là có đủ cặp Âm Dương rồi!)

Nên lời Tượng nói thêm: “*Hoán bôn kỳ kỳ, đắc nguyện dã* 渙奔其機，得願也。”

Lục Tam: *Hoán kỳ cung, vô hối.*

六三：渙其躬，無悔。

Tượng viết: *Hoán kỳ cung, chí tại ngoại dã.*

象曰：渙其躬，志在外也。

Hào Lục Tam, là âm, bất chánh (Âm cư Dương vị), người ích kỷ chỉ biết lo cho mình. Ở thời Hoán tán mà ích kỷ rất nguy hiểm, nên hào từ khuyên: “*Hoán kỳ cung, chí tại ngoại dã*” (Hãy theo người đó, mà lo “tán” cái bản ngã mình đi, sẽ không có điều hối hận).

“*Hoán kỳ cung*” (chữ “*cung*” đây có nghĩa là một con người co ro cúm rúm như cây cung cong vòng (“*cung* 躬”) tức là con người ích kỷ, co lại như hình cây cung).

“*Hoán kỳ cung*” là “hoán cải” lại cái tánh co cúm của mình, cái bản ngã hẹp hòi của mình vì chính nó, là “mối” sinh ra sự chia rẽ, mối ly tán của loài người!

Cái khổ của con người là cái bản ngã của ta, là cái “*cung*” này, mà cái khổ của nhân loại cũng do cái “*cung*” này!

Vậy, phải đánh cho nó chết, thì mới hành được cái đạo Trời, trong thời Hoán “tán” này. “*Tán ngã*”, là “*hoán kỳ cung*” vậy!

*Lục Tứ: Hoán kỳ quần, nguyên kiết,
hoán hữu khuu, phi di sở tư.*

六四：渙其群，元吉，
渙有丘，匪夷所思。

Tượng viết: Hoán kỳ quần, nguyên kiết, quang đại dã.
象曰：渙其群，元吉，光大也。

Khi ta làm một công việc lớn nào có ảnh hưởng đến xã hội nhân loại, cần nhất là *bác bỏ những tình cảm riêng tư* hay *bè phái* mới được cái công tâm, dám từ bỏ cái gần, mới được cái xa... phải có được một cái nhìn to rộng. Kẻ ấy, phải biết có một cái nhìn trùm lấp, bao quát, rõ được tất cả mọi khía cạnh của sự đòi hỏi với các liên quan mật thiết của nó... Như vậy, nếu không phải là một con người phi thường, khó thể vượt đến đỉnh cao ấy của tư tưởng nhất nguyên luận.

Đó cũng là muốn nói đến sự cần phải *vượt lên trên các thành kiến của quốc gia, của tôn giáo, của chánh trị, của đảng phái*, tức là kẻ có một tâm hồn *siêu quốc gia, siêu tôn giáo, siêu đảng cấp*...

*
* *

Quẻ Hoán, từ hào Tứ sắp lên, phát minh một thứ tư tưởng siêu việt (siêu nhân loại, siêu quốc gia, siêu tín ngưỡng, siêu tôn giáo, siêu chánh trị giai cấp, siêu đảng phái) vì thực ra, *tôn giáo, quốc gia, gia đình... đều là một thứ tư tưởng ích kỷ: Gia đình tôi, quốc gia tôi, dân tộc tôi, tôn giáo tôi, chế độ tôi... toàn thị là một cái Tôi* (hoặc lớn hoặc nhỏ) mà thôi! *Toàn là những trò tuồng của bản ngã.*

Theo lệ thường, hễ *Tán* thì ai cũng mong được *Tu* lại, để đừng bị ly loạn, tan tác... mãi.

“*Tứ*”, là kẻ tiếp cận với “*Ngũ*”. “*Ngũ*” là vị chí tôn, “*Tứ*” là bậc đại thần, lấy đức Nhu thuận mà giúp “*Ngũ*”. “*Ngũ*” thì có đức Cương trung, nên ở đây, gặp *Tứ* là có đủ Cương Nhu tương tế, tiếp nhau mà gánh vác việc đời, cứu thiên hạ ra khỏi vòng “hoán tán”, bỏ các thành kiến riêng tư, bỏ cả địa vị cá nhân, phe đảng để lo chung thiên hạ, lấy cái mà Lão Tử đã bảo “*dĩ bách tách tâm vi tâm*” để mà “hòa kỳ quang, đồng kỳ trần”... “*Hoán kỳ quần* 渙其群” là bỏ cả quần đoàn riêng tư trong đó ta đang sống để “hòa đồng” cùng với mọi người trong nhân loại!

(Chữ “*Khưu 丘*”), là gò đồng hay chỗ ở của mình, quốc gia dân tộc mình; chữ “*quần*” là những bầy, những đoàn thể riêng tư của mình, của quốc gia dân tộc mình; “*phỉ di sở tư* 匪夷所思” nghĩa là phải biết suy nghĩ rộng hơn chỗ thường suy nghĩ riêng tư của mình để được cái nhìn “trùm lấp” bao la (vue planétaire).

Phải biết đánh tan (hoán) “*bầy nhỏ*” (gia đình, quốc gia, đảng phái, tôn giáo) để được “*bầy to*” (là nhân loại), đó là làm tan những nhúm đất nhỏ mà lập thành những gò đồng to (*hoán hữu khưu* 渙有丘).[1]

1. Như Krishnamurti đã nói: “*J'ai pulvérisé le rocher même sur lequel j'ai grandi...*”

(*Le Chant de la Vie*, p. 25)

(Tôi đã làm tan thành tro bụi, cái hòn tảng trên đó tôi đã lớn lên...) Đó là “hoán hữu khưu” vậy.

Cuộc Cách Mạng “đề kháng bất bạo động” do Gandhi đề xướng và thực hiện chẳng những làm lợi cho Ấn Độ mà cũng có lợi cho cả để

*
* *

Tóm lại, ba hào của nội Khảm, chỉ vào thời Hoán và lo cho khỏi bị Hoán; đến hào Lục Tứ trở lên ngoài Tốn thì nước của Khảm đã hóa khí bay lên thành gió, làm tan hết mây mù của thời Hoán.

Làm “tan” cái ít, cái nhỏ (gọi là gia đình hay quốc gia bè phái) để mà nhóm lại được cái rất nhiều, rất to, rất rộng là cả thiên hạ! Công việc vĩ đại như thế, há phải bọn đầu óc hẹp hòi thường ôm ấp những tư tưởng tình cảm quốc gia dân tộc mà làm nổi ư? Phải là những con người “phi thường”. “Hoán kỳ quần, nguyên kiết 渙其群, 元吉”. Quang đại dã 光大也.

Cửu Ngũ: Hoán, hạn kỳ đại hiệu;
hoán vương cư, vô cữu.

九五：渙汗其大號，
渙王居，無咎。

Tượng viết: Hoán vương cư, vô cữu, chánh vị dã.

象曰：渙王居，無咎，正位也。

.....

quốc Anh là khác. Cũng là bài học cho cả thế giới, mà ít đâu làm nổi... (Đọc quyển “Une Ecole d’Héroïsme” của Bác sĩ Louis Corman (Lib. Stock), một quyển sách tuyệt hay viết cho Vạn quốc ngày nay) để giải quyết vấn đề Độc lập và Hòa bình.

(Xem tượng Gandhi, kẻ sành tướng pháp đáng nể nhất là cái Mũi và cặp mi đẩu, trán có long vân, thêm pháp lệnh “thọ đái” là bậc Thầy của thiên hạ).

Gandhi chết được Quốc táng và Quốc tế để tang. Tướng pháp dạy: Mũi dòm ngay miệng: chết cô đơn? Phải chăng nói thế là sai? Bị Tam Bạch Đản, nên chết bị ám sát mà thôi.

Ở thời “hoán tán” đại quy mô, mà sự tan tác chia rẽ vô cùng trầm trọng, cần phải có một “đại tu tưởng” siêu việt lên khỏi các tư tưởng hẹp hòi của quốc gia dân tộc trong đó có chủ nghĩa quốc gia làm đại diện, dùng làm điểm tựa!

Ai ra gánh vác nỗi việc này?

Phải là một vị Thánh quân, “hoán vương cư”, bỏ cả ngai vàng và đèn đài mình ở để chia với dân chúng, làm được cái việc “hòa kỳ quang, đồng kỳ trần”, đó là chỗ “chánh vị” của vị Thánh quân!

Phải chăng, đây là việc mà *Thánh Gandhi* đã làm.

Thượng Cửu: Hoán kỳ huyết khứ, dịch xuất vô cực.

上九：渙其血去，逖出無咎。

Tượng viết: Hoán kỳ huyết, viễn hại dã.

象曰：渙其血，遠害也。

Nên lưu ý: Hoán, từ *Sơ hào*, *Nhị*, *Tứ*, *Ngũ* đều không có chính ứng, chỉ có hào *Thượng Cửu* này mới có chính ứng (lục dương, tam âm).

Ở thời Hoán mà có được người viện ứng là may mắn lắm, như đã nói ở hào *Nhị* (ở thời Hoán, cần phải có bạn).

Lại nữa, thời Hoán mà *Thượng Cửu* là Dương cương, và dương đến đây là đã đến cực độ. Đến cực độ của Hoán, thì lẽ nào cứ Hoán mãi hay sao, phải có sự thay đổi, nên có thể dấu thương cũ đã được trừ khử (*kỳ huyết khứ* 其血去).

“*Hoán kỳ dịch*” (dịch, là sợ hãi), thì sự sợ hãi cũng được đánh tan.

Thời “Hoán” mà đến cực độ rồi, thì *tự nhiên tự nó* cũng *tự tiêu*, đó là lẽ thường của *Dịch đạo*!

60. THỦY TRẠCH TIẾT

水澤節



“Tiết 節” có 2 nghĩa:

1. *mắt (như mắt tre; trúc tiết)*

tre có mắt, đều đều nhau.

2. *rộng ra: có nghĩa là đều đặn qua lại như cái đòng đưa, có chènng mực, có sự hạn chế lại.*

Cái đầm (hay cái hồ) nước có mực, nếu chứa thêm nước nữa, thì nước sẽ tràn bờ. Rộng ra, là *tiết điệu*. Mà *tiết điệu là Lẽ Sống còn của mọi sự mọi vật.*

Trên đầm (hồ) có nước, nước bao giờ cũng đã có mực, nghĩa là nước đã được *tiết chế*, không quá mức. Cho nên nói chung, “Tiết” là *tiết chế*.

Trên đời, sự *tiết chế* là một điều cần thiết để giữ quân bình, “*tồn hữu dư, bổ bất túc*”. “Tiết”, là đạo của Trời (*thiên đạo*) như Lão Tử đã nói:

“*Thiên chi đạo, kỳ du trương cung dư!*”

“*Cao giả ỨC chi; hạ giả CỬ chi; hữu dư giả, tồn chi; bất túc giả, bổ chi.*”

“*Thiên chi đạo: Tồn hữu dư nhi bổ bất túc.*”

“*Nhon chi đạo, tắc bất nhiên: Tồn bất túc, dĩ phụng hữu dư!*” (Chương 77, Đạo đức kinh)

(Đạo Trời ư? khác nào cây cung giương lên; chỗ cao, thì ép xuống; chỗ thấp, thì nâng lên; có dư, thì bớt đi; không đủ, thì bù vào! Đạo của Trời, là “bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu”)

Việc trong thiên hạ, quý nhất là đạo Trung, nghĩa là không cho có cái gì bất cập, cũng không cho cái gì thái quá! Đây là luật căn bản của Dịch.

Thoán từ:

Tiết, hanh; khổ tiết, bất khả trình.

節，亨，苦節，不可貞。

“*Tiết*” là những mắt tre... nói lên sự đều đều có chừng mực, có điều độ... Không cho có gì thái quá, không cho có gì bất cập.

Cho nên, làm được việc điều tiết, là thực hiện Đạo Trời. Người quân tử học đạo “*Tiết*” là học đạo Trời vậy, biết chỗ nào bớt mà bớt, chỗ nào thêm mà thêm, đâu phải còn là việc tầm thường, phi là bậc Thánh nhon, chắc gì làm nổi việc rất tầm thường dễ hiểu này!

*
* *

Bởi lòng tham không tiết chế nổi, mà thường phải phạm vào cái lỗi “thái quá”, gọi là “*khổ tiết*”, tức là chưa học và hành nổi cái phép “*tri túc, tri chi*” của Lão Tử mà con người tự làm hại cho nhân sinh biết mấy! mới có lời răn đe “*Khổ tiết, bất khả trình 苦節不可貞*”.

Thoán Truyện:

“*Khổ tiết bất khả trình, kỳ đạo cùng dã 苦節不可貞, 其道窮也。*” Sở dĩ không giữ được sự lâu bền, đó là đạo Tiết đã bước đến đường cùng!

“Tiết” mà làm cho đúng đạo, đâu phải dễ! Phi là Thánh nhơn, khó mà thực hiện được! “*Đạo chi bất hành dã, ngã tri chi hĩ! Trí giả quá chi, ngu giả bất cập dã. Đạo chi bất minh dã, ngã tri chi hĩ! Hiền giả quá chi, bất tiểu giả bất cập chi! 道之不行也, 我知之矣。智者過之, 愚者不及也。道之不明也, 我知之矣。賢者過之, 不肖者不及也。*”

(Đạo mà không thi hành được, ta đã biết tại sao rồi! *Kẻ trí thì đi quá mức, kẻ ngu thì theo không kịp; Đạo mà không sáng được, ta cũng đã biết tại sao rồi! Người hiền thì đi quá trớn, kẻ thiếu đức thì theo không kịp.*)

Trời có bốn mùa, “thu” không thể kéo dài mãi, “xuân” không thể kéo dài mãi, mà bốn mùa mới tạo thành (*thiên địa “tiết” nhi tứ thời thành 天地節而四時成。*)

Đại Tượng

Trạch thượng hữu thủy: Tiết.

Quân tử dĩ tiết chế số độ, nghị đức hạnh.

澤上有水, 節。

君子以節制數度, 議德行。

Trên đầm (hay hồ) có nước, là quẻ Tiết. Người quân tử xem đó để định chế độ số, và nghị luận về đức hạnh.

“Tiết” là sự có hạn lượng, có độ số... Đầm chứa nước có hạn lượng, quá nhiều thì tràn ra. Đó là tượng quẻ Tiết.

Một vòng châu thiên có 365 độ, chia ra 4 mùa, tám tiết, 72 hạn mỗi mỗi đều có giới hạn, tức là độ số.

Tất cả đều do độ số mà ra. Nhân đó mới nghĩ đến được mức hành động của Trời Đất Âm Dương (“đức” là chỗ sở hành mà Vũ trụ Vạn vật, tức là Dịch đề xướng cái học về con số, những con số chỉ huy và tạo thành các hiện tượng của đạo Trời.

Khoa thuật số Đông phương, chính là một Khoa Toán học rất cao (Mathématiques supérieures) đồng thời cũng là một Khoa Triết số (Philosophie des Nombres).

Với các con số kỳ diệu, các nhà thuật số đã đo lường không gian và thời gian, đánh giá mức độ những ảnh hưởng tinh tú xa gần mạnh yếu, xấu tốt để quyết định mọi chuyện xảy ra dưới trần thế.

Dịch, bàn đến tất cả mọi con số đã ghi trong Hà đồ và Lạc thư.

“*Tiết chế số độ*” là phép “*chế hóa*” âm dương ngũ hành căn cứ vào các con số căn ở Hà đồ.

*
* *

Chính câu “*quân tử dĩ Tiết chế số độ*” trên đây của Đại Tượng mà về sau đời nhà Tống có nổi lên phong trào “*Tượng số học*” cao nhất do Thiệu Ung (tức Thiệu Khang Tiết) thụ nghiệp nơi Lý Chi Tài phái Đồ Thư

(Hà đồ Lạc thu) của phái Trần Đoàn tự Đồ Nam, hiệu Hi Di.[1]

1. Trần Đoàn là tị tổ phái *Tượng Số học*, một nhà Lão học trứ danh, đã lập thành khoa *Tượng số học* của Dịch (vào hồi Tống Sơ) khoảng thế kỷ thứ X. Rất tinh thông Dịch Lý và dùng cái học này để xét cả vận mạng của Trời Đất, qua đời Tống Nhân Tông mới có *Thiệu Ung* và *Chu Liêm Khê* theo quẻ *Tiết* này mà lập thành một môn gọi là *Lý Học*. Thoạt tiên, phái Lý học này có 2 thuyết: một thuyết lấy *Tượng* và *Số* để xét chung vận mạng của Trời Đất quả thuyết Âm Dương tiêu trưởng mà diễn ra cuộc Đại Hóa Lưu Hành, rồi suy diễn ra hành động của Vạn Vật và cả thuật tu dưỡng rất cao; một thuyết nữa, lấy *Đạo học* và *Tâm học* làm cốt yếu.

Thiệu Ung là tác giả bộ *Hoàng Cực Kinh Thế*, nhưng phi là bậc Thánh nhơn, ít ai dám bàn đến *Tượng Số học* quá cao siêu này, nên hiện nay kể như đã hoàn toàn bị thất truyền, trừ một ít học giả lỗi lạc.

Các *Số Tượng* (hay là *Tượng Số*) này phảng phất với cái học của Lão Trang hình nhi thượng học, hoàn toàn xa lạ với người đời nay đang sống chìm sâu trong bóng tối của thời Thái Âm (thời tác giả viết tác phẩm này là thập niên 70-80).

Trong quyển "*Chu Dịch Huyền Giải*" chúng tôi đã đề cập đến quẻ *Tiết* và quẻ *Khiêm*, bàn đến vận mạng của văn minh loài người qua cái nhìn của Dịch Lý!

Trong quyển "*Dịch Học Tinh Hoa*", phần Phụ chú (trang 199-200), chúng tôi đã có nói về thuyết *Thiên Nhơn Tương Hợp* "*Tương thông tương hợp đến đổi "một động một tịnh, cái đạo của Người không lúc nào mà không cùng với Trời Đất Âm Dương tương liên, tương hợp. Một hô một hấp, cái khí trong con người không lúc nào mà không cùng với khí Âm Dương của Trời Đất mà chẳng có sự tương thuận tương thông. Thuận với Trời Đất thiên nhiên thì sống; nghịch với Trời Đất thiên nhiên thì chết". "Tiết điệu" (le rythme) là lẽ sống của vũ trụ vạn vật (Le Rythme, c'est la Vie même). Tiết điệu của Quả tim chỉ huy "nhịp điệu chung" của các bộ phận, do câu "vãng lai bất cùng vị chi biến", "nhất âm nhất dương vị chi Đạo" (Le Rythme, c'est une alternance).*

Khoa học Tây phương ngày nay cũng đã có những nhận định tương tự khoa học thực nghiệm khám phá sau này (khoảng 20 năm về

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Bất xuất hộ đình, vô cữu.

初九：不出戶庭，無咎。

Nên nhớ: ở vào thời Tiết, điều quan trọng nhất là cốt làm sao cho việc gì cũng được *đúng thời đúng tiết*: “*thời hành tắc hành, thời chỉ tắc chỉ*”!

“*Bất xuất hộ đình*” (không ra khỏi sân (sân cửa) hay là cửa sân).

Sơ Cửu, ở vào đầu thời Tiết (là thời phải lo *tiết chế*) mà Sơ Cửu này lại là hào dương cương, lại “*dương cư dương vị*” nên *ham nói* (tánh hay đề cao). Vậy, thời Tiết, Sơ nên biết *cẩn ngôn* và “*tiết lời*” thủ thân, nên khuyên chớ nên ra khỏi cửa sân, được vậy thì “*vô cữu*”!

Trong việc dùng đến ngôn ngữ, không phải bảo: đừng nói gì cả, mà bảo: cái gì đáng nói mới nói, nên im lặng thì im lặng... Đâu phải dễ! Phải là bậc đại trí mới biết lúc nào nên nói, lúc nào không nên nói, đó là một nghệ

.....

sau này), điều mà trước đây, Dịch Kinh cũng đã ấn định rồi có trên 4.500 năm.

Căn cứ vào các con số “*tiết chế số độ*” mà Thiệu Khang Tiết tìm ra cách tính được tương lai cùng luật vận hành của Vũ trụ.

Bác sĩ Lavezzari nhận thấy những tiết điệu chỉ huy vũ trụ hành tinh cũng là những tiết điệu của hơi thở và nhịp đập của quả tim ta... Theo sự nghiên cứu của B.s Lovezzari, mạch nhảy trung bình là 72 đập trong một phút, còn con số của nhịp hô hấp là 18 trong mỗi phút. Tỷ lệ của 2 con số trên đây là , nghĩa là mỗi hô hấp, tim đập 4 lần. Đông Y cũng nói: “*nhứt túc, tứ chí*”. Trong vòng 24 tiếng đồng hồ, con số hô hấp là: $18 \times 60 \times 24 = 25.920$. Con số 25.920 là con số của một nguyên (năm) của Trời Đất (année mondial). Và cũng theo Bác sĩ Lavezzari thì muốn lọc cho sạch buồng phổi và thay vào khí mới phải hô hấp 7 lần, trong khi đó trái tim đập 28 lần, nhân đó ta tìm ra tỉ lệ.

thuật sống vô cùng khó khăn và tế nhị, có lẽ chỉ có bậc Thánh non mới làm nổi mà thôi, cho nên Thánh non là kẻ ít lời nhất. Lại còn “*tri giả bất ngôn*”, “*ngôn giả bất tri*” có một nghĩa siêu hình tối thượng. Thường thì nên cẩn ngôn trong sự giao tế hằng ngày. Dù cho ở chỗ “*thân mật*” nhất, cũng chẳng nên xem thường trong lời nói, ngay với kẻ chí thân! Hàn Tín ngày xưa bị vạ bởi không cẩn ngôn trong lời nói với Hán Lưu Bang.

Cái họa của lời nói thật đáng sợ: “*nhứt ngôn khả dĩ hưng bang*”, mà, “*nhứt ngôn cũng khả dĩ táng bang*”! nếu không nói “*táng Mạn*” là thường.

Cẩn ngôn, là hạnh đầu tiên của hàng Thánh nhân. Người xưa có nói: “*Nói đang sướng mồm mà nín ngay lại được; ý đang hớn hở mà thu hấn lại được; tức giận ham mê đang sôi nổi mà tiêu trừ ngay được, phi là bậc siêu nhân, không ai tài nào làm nổi!*”.[1]

Cửu Nhị: Bất xuất môn đình, hung.

九二：不出門庭，凶。

Tượng viết: Bất xuất môn đình, hung, thất thời cực dã.

象曰：不出門庭凶，失時極也。

1. Hệ Từ Thượng truyện, bàn về Sơ Cửu quẻ Tiết, có nói: *Loạn, sở dĩ sinh ra, là vì ta không biết gìn giữ lời nói cho đúng thời đúng tiết, không biết “thận ngôn”: Làm vua mà không cẩn thận trong lời nói sẽ làm mất bầy tôi; bầy tôi mà không biết cẩn ngôn, thì dễ bị mất mạng; có điều cơ mật phải giữ gìn mà không cẩn ngôn thì sự việc sẽ bại lộ hỏng cả cơ mưu. Người quân tử bao giờ cũng cẩn ngôn không để sơ hở lọt ra bằng lời nói: “Loạn chi sở sinh dã, tắc ngôn ngữ dĩ vi giai; quân bất mật tắc thất thần; thần bất mật, tắc thất thân; cơ sự bất mật, tắc hại thành. Thị dĩ Thánh non thận mật nhi bất xuất dã.”* (Đọc Hệ từ thượng truyện, chương thứ 8, tiết thứ 10).

“*Bất xuất môn đình*” là không ra khỏi được cổng sân, thì có việc “hung” dữ!

Nhị, là dương cương, lại không chính ứng được với Ngũ (vì đồng loại) cho nên Nhị đã mất đức Trung rồi! lại còn lỗi thời (dương cư âm vị) nên mới biến thành hung tượng. Lỗi thời, cũng bởi không hợp được với Ngũ, lại hợp bầy với Sơ (thất thời cực dã 失時極也).

Thời hành động đã đến, lại không chịu nắm cơ hội... thời phải đi ra khỏi cổng sân, lại do dự không đi, như lúc ban đầu, nước đang tụ trong đầm nên nước không chảy ra, nay thì nước đã đầy rồi, tự nhiên *phải tìm đường đi ra*, vậy mà không chịu đi ra (bất xuất môn đình) nên mới có việc “hung”.

Trong đời sống hằng ngày của ta cũng thế. Biết do dự, khi chưa tới thời, là phải! Nhưng, khi thời đã đến mà lại còn do dự, dùng dằng thì nguy! Như *Hàn Tín*, lúc ở Tam Tề, binh quyền một tay, không chịu nghe lời Khoái Triệt xưng vương lập quốc khi biết rằng mình đã bị Hán Vương nghi ngờ... do dự dùng dằng không nỡ... nên về sau, khi sắp bị hành hình ở cung Vị Ương đã phải than: “Ta tiếc không biết nghe lời Khoái Triệt!” Muộn lắm rồi!

Hào Nhị đây, là *Hàn Tín* chí cương, đắc trung ở Nhị, là một viên Đại Tướng, không hợp với Ngũ (Cao Tổ), kết liên với Sơ thấp kém hơn mình... Bởi không “tiết chế” nổi lòng tham dục của mình, nên lúc phải đi ra khỏi lòng bàn tay đầy tham vọng của Hán Bái Công, lại do dự không chịu ra đi, nên gặp *Hung* là phải (*bất xuất môn đình, hung; thất thời cực dã*).

Lục Tam: *Bất tiết nhược, tắc ta nhược, vô cữu.*

六三：不節若，則嗟若，無咎。

Tượng viết: *Bất tiết chi ta, hựu thùỵ cữu dã.*

象曰：不節之嗟，又誰咎也。

Lục Tam âm nhu, bất trung bất chánh, ở trên hết quẻ Đoài, trước mặt là *Khảm hiểm* (biển cả đầy nguy hiểm).

Ở thời Tiết, cần phải biết *tiết chế* lấy mình, đừng để kẻ khác tiết chế mình, may ra mới không có lỗi.

Nhung Tam nhu nhược, không đủ sức tự cường (“tự thắng giả cường”), nên phạm phải vào cái lỗi “phát ngôn bừa bãi”, nên hào từ mới răn dạy như ở hào Sơ: “bất tiết nhược (ăn nói cần rõ) phải rước họa vào thân. Rồi đến nước, than van đau đớn (則嗟若 tắc ta nhược), đó là “*tự chiêu kỳ họa*” nào phải lỗi tại ai? (又誰咎 hựu thùỵ cữu?).

Lục Tứ: *An tiết, hanh.*

六四：安節，亨。

Tượng viết: *An tiết chi hanh, thừa thượng đạo dã.*

象曰：安節之亨，承上道也。

Lục Tứ, nhu thuận, “âm cư âm vị” đắc chánh, trên thừa tiếp với Ngũ, đủ bộ Âm Dương tương đắc, là *đắc thời đắc thế* rồi, chẳng cần miễn cưỡng gì nữa cả! Đó là được “an tiết 安節” mà được cả sự “hanh thông”!

Chữ “an 安” có nghĩa là tự nhiên, không phải miễn cưỡng giả vờ bên ngoài (kiểu sức).

Ở thời Tiết, người ta có thói “kiểu sức” làm việc “tiết”, nên không được lâu bền!

Chỗ “hanh thông” của Tứ, hoàn toàn nhờ ở hào Ngũ, nên nói: “*An tiết chi hanh, thừa Thượng đạo dã*”. “Thượng” là ám chỉ hào Cửu Ngũ.

Cửu Ngũ: *Cam tiết, kiết, vãng hữu thường.*

九五：甘節，吉，往有尚。

Tượng viết: *Cam tiết chi kiết, cư vị Trung dã.*

象曰：甘節之吉，居位中也。

Sự “tiết chế”, nếu muốn có hiệu quả chắc chắn, phải thực hiện một cách dịu dàng, nên gọi là “*Cam tiết* 甘節” (“tiết” mà ngọt ngào như đường mật, nên gọi là “*Cam* 甘”). Khác với hào từ hào Thượng Lục, “*Khổ tiết*” (Khổ 苦), là đắng).

Trong 6 hào quẻ Tiết, chỉ có hào Cửu Ngũ là tốt nhất, và là hào làm chủ động của toàn quẻ.

Ngũ là vị chí tôn, chí cao có tư cách làm chủ cả quẻ. Đã chẳng những tự mình tiết chế được dục vọng của mình (tự thắng giả cường) mà lại còn “tiết chế” cả thiên hạ. Tự tiết (tự thắng) mà lòng vẫn an vui không thấy có sự khổ tâm khổ trí, bắt buộc thiên hạ lo tiết, mà thiên hạ cũng vui lòng nghe theo, đó là tiết một cách ngọt ngào dịu dàng (*cam tiết* 甘節) nên được “tốt” (kiết).

Thượng Lục: *Thượng Lục, khổ tiết, trịnh hung, hối vong.*

上六：苦節，貞凶，悔亡。

Tượng viết: *Khổ tiết trinh hung, kỳ đạo cùng dã.*

象曰：苦節貞凶，其道窮也。

“*Tiết*” mà đáng ghét! Càng kiên nhẫn thêm, càng làm cho khổ tâm thêm. Đó là đạo Tiết đã đến chỗ cùng cực của nó rồi!

*
* *

Thượng Lục, ở hào cuối cùng, lại cũng là ở chỗ cùng cực của sự nguy hiểm (hào trên chót của quẻ Khảm hiểm).

Nếu cứ ôm giữ mãi sự “khổ tiết”, thì dĩ nhiên phải bị hung, gọi là “trinh hung” (hung dữ luôn luôn).

*
* *

Quẻ *Tiết* đi sau quẻ *Hoán*, là rất đúng lẽ: xã hội đã phải trải qua một cuộc “hoán tán”, phong tục đồi bại quá nhiều, công kỹ nghệ đã bị hoang phế đã quá rồi, sự sản xuất kinh tế đã đến mức kiệt quệ không sao sửa đổi nữa được, nếu không dùng đến đạo “*Tiết*” thì làm sao chống nổi “*làn sóng xa xỉ*” càng ngày càng tăng (bởi còn ai còn tin tưởng đến ngày mai mà làm “*tiết kiệm*”? Sống mà không tin còn có ngày mai, thì cứ sống bừa bãi, sống bê tha, ăn xổi ở thì... thật là nguy hiểm cho xã hội sắp đổ nát tan tành, như sắp đi đến thời “*tận thế*”!

*
* *

61. PHONG TRẠCH TRUNG PHÙ

風澤中孚



“Trung Phù giả, Tín Thành dã”
 中孚者，信誠也。

Chữ “Trung 中” là hình vẽ cây tên cắm ngay cái bia (cible), tượng sự Trung Chánh, chân thành tin tưởng nhau (chữ Trung, là chữ then chốt của Kinh Dịch). *“Dịch giả, Trung Chánh nhi dĩ hĩ 易者，中正而已矣。”* Dịch, chỉ là sự Trung Chánh mà thôi!

Chữ “Phù 孚” hình vẽ đĩa hài nhi 子 dưới bàn tay 爪 che chở của Bà Mẹ. Đó là một sự *tin tưởng tuyệt đối* của đứa con đối với Mẹ.

“Tốn” là gió thổi trên núi và làm động mặt nước trên đầm hồ! Đó là tượng cái *Vô hình làm máy động cái Hữu hình*, hay nói cách khác, thấy là toàn những hiện tượng hữu hình của cái vô hình gây nên.

Đoài, là cái hồ ở mùa Thu (Hồ thu).

*
 * *

Quẻ do 2 hào dương (thực thể) bao bọc 2 đầu, ở giữa là 2 hào âm, tượng trưng cho cái *Hư vô* (hay là *Tâm Hư*). Tâm Hư, là Tâm Tự Do, tức là cái Tâm của con đồ (xích tử chi tâm), chưa bị nhiễm các thành kiến, nghĩa là cái *Tâm tự do không thành kiến*, gọi là *Đạo Tâm*.

Quẻ *Trung Phù*, tức là để giải rộng quẻ *Ly* (*Ly trung hư*) tượng con người đắc Đạo "*Hư Kỳ Tâm*" (cũng là nghĩa của quẻ *Ly* ☲). Với quẻ *Phong Trạch Trung Phù*, Dịch đề cập đến căn bản của Thiên đạo: "*trực chỉ nhơn Tâm, Kiến Tánh thành Phật*". Hai quẻ *Ly* và *Trung Phù* liên quan rất mật thiết.

Nhưng căn bản của sự *Biến* này, là trong cái *Bất Biến* (thường hằng vĩnh cửu) thì vai trò bất biến (căn bản của các sự biến) là quẻ "*Trung Phù*" này, một trong 8 quẻ *Kiên, Khôn; Hi Đại Quá; Khảm Ly, Tiểu Quá Trung Phù*. Đây là các quẻ *Bất dịch*.

Còn các quẻ *Biến* (*Dịch*) cả thảy 28 bộ đôi: ($28 \times 2 = 56$ quẻ).

Độc *Dịch* và Học *Dịch*, không thể không lưu ý đến nguyên tắc này: *Biến mà không có biến*, nên *Dịch* mới có câu vô cùng độc đáo, và cũng là nền tảng của bộ *Dịch Kinh* vậy, đó là câu:

"Dĩ bất biến, ứng vạn biến".

Câu châm ngôn vàng ngọc của bậc Đạo Tâm, tức là câu "*dĩ Hư vô chi tâm nhi ứng vạn biến chi sự*".

*
* *

Tóm lại, quẻ *Trung Phù* nói lên có 2 chữ, là *Chánh*

正 và Thành 誠 . Chánh đây, là *Chánh Trung*; Thành đây, là *Thành Tín*.

Đâu phải đây là những ý nghĩa thông thường sơ đẳng của Nho gia Nhị Nguyên luận, mà là những cốt tử của cả Lão Trang, Phật Học Đại thừa, và Nho học Hình Nhi thượng. Ngay ở phần Hình nhi hạ của Nho gia, chữ Tín cũng đã là hết sức khó khăn rồi: “*nhon vô Tín bất lập*”! Chữ “Tín” theo *Hình nhi thượng học*, và là chữ “*Thành 誠*”; nét chánh của bậc Thánh nhân: “*Thành giả, Toàn dã*”; “*Toàn*”, là *Toàn Chân*, là *Toàn Thiên Bảo Châu* căn bản của học thuyết Lão Trang: bảo toàn Thiên Chân. Chân Tâm, được tượng trưng bằng 2 hào âm ngay chính giữa quẻ.

Thoán từ:

Trung Phù, đồn ngư kiết, lợi thiệp đại xuyên, lợi trinh.

中孚，豚魚吉，利涉大川，利貞。

Đồn, là con heo; Ngư, là con cá. Đồn ngư là ngư đàn như loài heo, loài cá.

Thoán Truyện:

“Trung Phù, nhu tại nội, nhi cương đắc trung.

Duyệt nhi Tốn, phu nãi hóa bang dã.

“Đồn ngư, kiết, Tín cập đồn ngư dã.

Lợi thiệp đại xuyên, thừa mộc chu hư dã.

Trung Phù dĩ lợi trinh, nãi ứng hồ thiên dã.

中孚，柔在內而剛得中。

說而巽，孚乃化邦也。

豚魚，吉，信及豚魚也。

利涉大川，乘木舟虛也。
中孚以利貞，乃應乎天也。

Sở dĩ gọi là *Trung Phù*, là vì theo thể của quẻ: hào *Tam Tứ* đều thuộc Âm cả, lại ở giữa quẻ (nên gọi là “*nhu tại nội*”).

Cửu Nhị, và Cửu Ngũ đều là *Cương trung đắc chính* cả (nên gọi (*Cương đắc Trung*)).

“*Nhu tại nội*” nên gọi là *Trung Hu* (Trung tâm là hu - gọi là “*Tâm Hu kỳ Trung*”); còn “*Cương đắc trung*” (nói về hào Nhị và Ngũ) nên gọi là “*Trung thực*” (một hình ảnh của quẻ “*Ly*” thu nhỏ lại: ☲, Lớn hơn, thì 2 âm giữa 4 dương bọc ngoài thành ra quẻ *Trung Phù*:

Ly, là huy hoàng, xán lạn, mà cũng là tượng cái *Tâm Hu* (tức là chỗ mà Nhà Thiên bảo (“*Hu minh tự chiếu* 虛明自照”), (cái Tâm mà được Hu, tự nó sáng lắm) vì chính nó là Chân Tâm, là Đạo Tâm 道心 (hay nói suông với chữ ĐẠO mà thôi).

Tâm Hu, là Tâm không còn thành kiến nào cả, nhờ vậy mà tự nó sáng như gương trong (gọi là “*dụng tâm nhược kính*”) phản ảnh một cách rõ rệt không lu mờ chân tướng các sự vật hiện lên; trái lại, nếu ta có nhiều thành kiến thì nhận thức của ta sai cả, theo chủ quan của mình.

Liệt Tử có nêu lên câu chuyện “Mất búa” sau đây:

“Người kia có làm lạc cái búa nơi nào không rõ, nghi đứa con người láng giềng lấy. Anh nhìn đứa nhỏ từng cử chỉ: rõ là tên ăn trộm búa! Hôm sau, anh tìm thấy cái búa, nằm trong đống đồ vật dưới giường. Bấy giờ, anh thấy đứa nhỏ không có vẻ gì khả nghi nữa cả!”

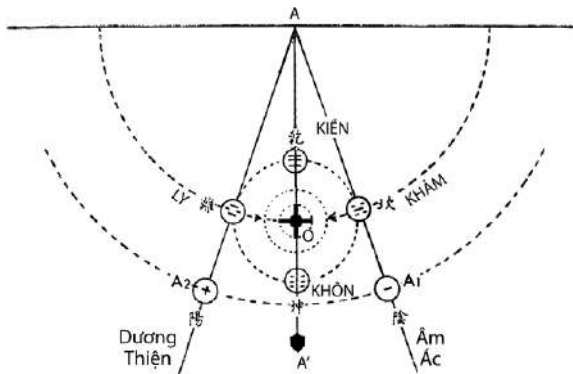
*
* *

Phải biến cái Tâm bằng cái tượng của quẻ Trung Phù. Trung Hư là cái Tâm trong sáng của những bậc Thánh Nhân. Không còn lưu một mảy may thành kiến nào cả về Thị Phi hay Thiện Ác. Dịch truyện dùng thí dụ “heo, cá” (đồn ngu) là muốn nói: với lòng chí thành, thì cũng có thể cảm được giống loại “ngu” nhất, vì theo người xưa, loài heo và loài cá là giống vật “ngu nhất”.

Tâm hư, giống như chiếc thuyền gỗ trống ruột dùng để qua sông lớn bình an... nghĩa là bất cứ đi đâu, làm gì cũng được an bình.

Lòng “thành” cảm động được chẳng những các loài vật, luôn cả loài người, mà còn cảm thông được cả Trời Đất (nãi ứng hồ Thiên dã 乃應乎天也 như thần thoại “cây đàn của Orphée”).

Đây cũng là mật pháp của Khoa “bốc phệ”, cũng có nói: “Phệ, tắc thành tâm”! Thành tâm, là lòng chí thành làm xuất phát được ánh sáng nhiệm mầu của Chân Tâm hay Đan điền.



Tâm Hư (O) - điểm quân bình của Đạo.

Đại Tượng

Trạch thượng hữu phong: Trung Phù.[1]

象曰：澤上有風，中孚。

Quân tử dĩ nghị ngục, hoãn tử.

君子以議獄，緩死。

Trên đầm hồ có gió, là quẻ Trung Phù. Người quân tử xem đó mà *luận lại việc ngục hình, hoãn lại các án tử hình.*

Như ta đã thấy “*thành kiến*” rất tai hại trong sự xét đoán. Xét đoán sai lầm, không đâu tai hại bằng sự xét đoán của các quan tòa có phận sự “*cầm cân Công lý*”! Không gì tai hại bằng bị nghi oan trong vấn đề hình ngục! Không đâu quan trọng bằng hình ngục, và không đâu người ta thọ oan bằng ở nơi tư pháp! Ở đây rất cần có những con người “*chí minh, chí chánh, chí công vô tư*”... nhất là “*vô vọng*”!

Ở đây, cần có những bậc Thánh hơn đâu cả!

Mặt hồ thường phẳng lặng, trong sáng có thể soi mặt được. Nếu có ngọn gió thổi lên, mặt nước sóng chao, gương trong sáng bị sóng lặn tẩn làm mờ cả mặt nước, khác nào đục vọng thổi lên làm cho tâm tư chao động và mờ mịt.

-
1. Gió thổi trên núi làm chao mặt nước hồ.

Trung phù, trùng quái là một hình thức rộng của quẻ Ly ☲ đơn quái. Đó là ý: *cái hiện lên (hữu hình) của cái ẩn (vô hình)*: Trung Phù, là tượng của “*trung hư*” (Tâm hư), lòng của con người không thành kiến, nên dễ đến đón nhận Chân lý hơn. Trường hợp điển hình trong Phật giáo, là sư Huệ Năng (dốt chữ) chưa bị kinh điển nhồi sọ, nên tỏ ra sáng suốt và nhạy cảm là thường; còn sư Thần Tú, trái lại, thuộc quá nhiều

Đừng để cho có một tình cảm thiên tư gì làm cho lòng ta xao xuyến mới có thể nhận thấy rõ chân tướng của sự vật trên đời!

*
* *

Trong Dịch Kinh, những tượng nói về *hình ngục*, có đến 5 quẻ:

Quẻ *Phệ Hạp* (21)

Quẻ *Bí* (22)

Quẻ *Phong* (55)

Quẻ *Lữ* (56)

và Quẻ *Trung Phù* (61)

Người ta khuyên, trước khi nghiên cứu về các bộ hình luật, nên đọc thật kỹ 5 quẻ trên đây, sẽ không có điều sơ sót.

Kẻ nào làm việc về Hình luật nên có lòng Chí Thành và biết thương người như quẻ Trung Phù; đến khi thẩm đoán phải lấy đức Minh của 4 quẻ *Phệ Hạp*, *Bí*, *Phong*, *Lữ*.

.....

kinh sách nên thành kiến quá nhiều, chậm hiểu và nhiều cố chấp bởi bị “nhồi sợ” quá nặng!

Có kẻ hỏi Lục tổ Huệ Năng: “Tại sao Ngũ tổ lại truyền y bát cho ông mà không truyền cho Thần Tú bác học hơn nhiều?”

Lục tổ thưa:

- Bởi Ngài Ngũ tổ biết tôi rất “dốt” Phật pháp!

Chân lý không phải do Ngoài đến, mà do Trong phát động nên quẻ Chuyển, nội Chấn ngoại Cấn, là nói đến công phu của “*Tu chân Nội Lý*” Cương Điền Tĩnh tọa pháp.

– Quê *Phê Hạp*, thì bảo “*minh phạt sắc pháp*” trừ bọn đa ngôn, xảo ngữ, chuyên đi gieo mối hoang mang nghi ngờ giữa cha con, vợ chồng, anh em bè bạn thân nhau, gieo mối hận thù trong lòng dân chúng đối với một hạng người mà chúng không ưa.

Vọng ngữ, là xuyên tạc, chuyện có nói không, việc không nói có, vu khống, nói xấu, dối trá, độc ác...

Những lời nói độc, vu khống, xuyên tạc của bọn ngồi lê đôi mách... thường có tác dụng sát sinh hại mạng kẻ khác một cách thâm độc hơn rắn độc, độc hơn kẻ giết người bằng gươm giáo súng đạn, vì nó giết cả tên tuổi, danh dự, nhân phẩm... kẻ khác.

Vọng ngữ đâu phải là thú tội lỗi riêng gì của bọn ngu phu ngu phụ... Chánh trường, thương trường đã đành là đất dụng võ của bọn người “*Vọng ngữ*” hoành hành, thậm chí những nơi tôn nghiêm như học đường, giáo đường cũng bị vọng ngữ len vào phá hoại! Biết là phải, vẫn cho là quấy, dùng ngụy biện để truyền bá hay tuyên truyền những chủ thuyết my dân, lừa đảo, hại đời, hại nước... Biết là quấy, vẫn cho là phải, và luôn luôn cố tình bóp méo sự thật để bênh vực lập trường sai lạc và tội lỗi của mình...

Ở quê *Bí*, thì có lời răn đe, khuyến cáo không nên để cho tư lợi chen vào hình luật: “*quân tử dĩ Minh thứ chánh, vô cảm chiết ngục*”, nghĩa là, đừng bao giờ biến Công lý, thành một thứ Công lý của kẻ cầm quyền, của người đắc thắng, tìm cách trả thù. Ở quê *Phong* thì “*quân tử dĩ chiết ngục trí hình*”. Kẻ tội lỗi, là người đáng thương nhất! Ôi, “nhứt nhứt lao tù, thiên thu tại ngục”!

Thời *Phong* là thời *văn minh cao nhất*, há chưa phải là thứ văn minh cho con người tội lỗi hay sao? Những

nước văn minh cao nhất, phải là những nước không còn có những thú “trại giam khổng lồ” nhốt con người như loài thú dữ!

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Ngu, kiết, hữu tha, bất yên.

初九：虞吉，有他，不燕。

Bắt đầu quẻ Trung Phù, là Sơ Cửu chính ứng với Lục Tứ.

Tứ, là âm nhu, đắc chánh (âm cư âm vị), là người tin được của Sơ Lục.

Chữ “Ngu 虞” là đo lường cẩn thận; chữ “Yên 燕” là yên ổn

Sơ Cửu “ngu”, là phải đề phòng ngay lúc ban đầu, đó là việc tốt (ngu kiết), vì Tứ là người ở trên, cần dò xét cẩn thận trước khi giao thiệp! Sơ, không làm, mà nhận Tứ.

Cửu Nhị: Minh hạc tại âm, kỳ tử hòa chi,

ngã hữu hảo tước, ngô dữ nhĩ my chi.

九二：鳴鶴在陰，其子和之，

我有好爵，吾與爾靡之。

Tượng viết: Kỳ tử hòa chi, trung tâm nguyện dã.

象曰：其子和之，中心愿也。

Cửu Nhị dương cương đắc trung đắc chính, chính ứng với Cửu Ngũ cũng dương cương đắc trung đắc chánh, có sự cảm ứng chí thành và tự nhiên, khác nào có “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” khác

nào có con hạc mẹ kêu trong bóng tối, vậy mà con nó lại biết nên ứng lại ngay.

Lại như ta có rượu ngon (*ngã hữu hảo tước* 我有好爵) tuy ta chưa mời, nhưng chắc chắn rằng anh chẳng từ chối, cùng uống chung chén rượu mời (*ngô dữ nhĩ my chi*).

Ở Hệ từ có nói: Làm một người quân tử, dù chỉ ở trong nhà mình, chưa cần đi tới đâu, nếu có lời nói của mình thốt ra mà hay, thì bỗng ngoài vạn dặm đã có người ứng theo ngay; hướng hồ là những kẻ ở bên mình? Không bao giờ có *một lời nói* nào “hay” của mình, dù thốt ra, mà không có người hưởng ứng! “*Minh hạc tui âm, kỳ tử hòa chi*” (Hạc mẹ kêu trong bóng tối, vậy mà con nó ngoài trời cũng biết mà họa theo).

*Lục Tam: Đắc địch, hoặc cổ, hoặc bāi,
hoặc khắp, hoặc ca.*

六三：得敵，或鼓或罷，
或泣或歌。

Tượng viết: Hoặc cổ, hoặc bāi, vị bất đáng dã.

象曰：可鼓或罷，位不當也。

Lục Tam là hào âm ở vị dương, là âm nhu bất chánh, lại chính ứng với hào Thượng là tay đối địch với mình (*đắc địch* 得敵). Hai bên ăn ở với nhau mà không ai tin ai cả! dù có khi cùng nhau ca hát, múa nhảy, khóc than... nhưng chỉ là bên ngoài hình thức mà thôi, bên trong không có lòng thành thật!

Sở dĩ như thế, là bởi cả hai đều ở vị bất chánh cả: Tam, thì âm cư dương vị, Thượng Lục, thì dương cư âm vị!

Lục Tứ: Nguyệt cơ vọng, mã thất vong, vô cữu.

六四：月幾望，馬匹亡，無咎。

Tượng viết: Mã thất vong, tuyệt loại thượng dã.

象曰：馬匹亡，絕類上也。

Lục Tứ, là âm cư âm vị, đắc chánh lại cận bên Ngũ, là chúa tể. Ngũ rất tín cẩn nội vị đại thần này, thịnh thế đến cực độ rồi, ví như mặt trời sắp đến rằm (nguyệt cơ vọng).

Nếu Tứ mà được doanh mãi, là trắng rằm, thì nguy cho Tứ (bởi đến cực thịnh không hay). Cái may của Tứ là biết “*tri chí, tri túc*”!

Chẳng những thế mà thôi, Tứ lại bỏ Sơ (vì là chỗ chính ứng) theo Ngũ, có khác nào Sơ và Tứ cùng cặp. Kề nhau cỡi ngựa, nhưng Tứ biết thời thế, nhất tâm tin tưởng nơi Ngũ mà bỏ Sơ, có khác nào đã bỏ mất con ngựa kia của Sơ (thất vong 匹亡) nhờ vậy, không lỗi gì cả (vô cữu 無咎).

Cửu Ngũ: Hữu phu loan như, vô cữu.

九五：有孚攣如，無咎。

Cửu Ngũ, dương cung đắc trung đắc chánh, có sẵn đức “Trung Phù”, ở vị cao nhất, và làm chủ cho thời Trung Phù, ở dưới chính ứng với Cửu Nhị, đồng tâm đồng lực, tiếp giúp nhau.

Cho nên, lòng chí thành của Ngũ ràng buộc được lòng thiên hạ tín phục Ngũ, Ngũ và thiên hạ chẳng phải ràng buộc nhau khấn khít bằng thế lực, mà bằng lòng chí thành... quý báu không biết chừng nào! Thật

là phúc cho thiên hạ có được người cầm quyền trị nước như thế. Hẳn là bậc Thánh quân rồi!

Trái lại, bậc cầm quyền xưa nay chỉ dùng “*thế lực*” bắt buộc lòng người thiên hạ theo mình, chỉ là một sự ràng buộc giả tạo và nguy hiểm! Thiên hạ sợ, chứ không thương, bất quá là chuyện “hồ giả hổ oai” mà thôi! Người ta sợ oai mình, chính là sợ guồng máy an ninh của mình quá độc ác như hổ, chứ vị tất là sợ mình, chỉ là con “hồ” mà thôi!

“Có con hổ dữ hay bắt các giống thú để ăn thịt. Một hôm bắt được con hồ! Hồ, là giống tinh ranh, bảo với hổ: “Liệu đó! Chớ có đụng chạm vào ta mà chết lập tức! Ta do Trời sai xuống, làm Vua muôn thú đấy! Ngươi mà ăn ta, là trái Mạng Trời, nguy đến thân ngươi đó! Không tin, thử để ta đi trước, ngươi theo sau hầu, coi có con thú nào thấy ta mà không sợ hãi, tìm đường trốn tránh cho mau!”

“Hổ cho rằng hồ nói thật, bèn đi theo sau hồ. Quả nhiên, bách thú trông thấy đều kinh hồn bỏ chạy tán loạn. Hồ vẫn không biết rằng bách thú sợ mình mà chạy, cứ tưởng là sợ hồ!”

Từ xưa đến nay, có tên độc tài nào mà dân chúng không sợ nếu không nhờ đến bộ máy an ninh tàn ác của mình, một Hitler bao giờ cũng có những trại giam với bộ an ninh Gestapo mà không một người dân nào dám hó hé!

Chỉ có bậc Thánh quân mới dùng lòng thương và dạ chí thành chí tín làm cho dân thương mến mà vâng lời thôi!

Cho nên, trong quẻ “Trung phù” chỉ có hào Ngũ này

quý nhất! Richard Wilhem, nói: “*Il possède la Vérité qui relie!*”. “*Hữu phu loan như*” (“*Loan như*” là sợi dây trói buộc, mà là sợi dây của lòng “chí thành”! Trong bộ Kinh Dịch, chỉ thấy có 2 chỗ có được “loan như” là hào Cửu Ngũ của quẻ Tiểu Súc (số 9) và hào Cửu Ngũ của quẻ Trung Phù này!

Thượng Cửu: *Hàn âm, đăng vu thiên, trinh hung.*

上九：翰音登于天，貞凶。

Tượng viết: *Hàn âm đăng vu thiên, hà khả trường dã.*

象曰：翰音登于天，何可長也。

(Đọc quẻ này, nên tham khảo thêm quẻ “*Tiết*” trước đây. “*Tiết*”, là đạo lý rất hay sau *Hoán*, “*Trung phù*”, là đạo rất hay sau quẻ “*Tiết*”).

*
* *

Hai chữ “trinh hung” ở đây, lại giống “trinh hung” ở hào Thượng quẻ Tiết!

*
* *

Thượng Cửu, tính chất quá dương cương, gọi là kẻ cương táo, ở thời Trung Phù nên cũng cố giữ chữ Tín, mà cố chấp không biết biến thông, biến thành một người “ngu quân tử”, một kẻ “Vị Sinh chi tín”:

“*Vị Sinh*, người đòi Xuân Thu, có tiếng là một người có hạnh và đức Tín, có ước hẹn với một cô gái, chờ nhau ở dưới cột cầu. Người con gái không đến. Vị Sinh

ngồi đó chờ hoài, đến đổi nước dâng lên cao, Sinh ôm lấy cột cầu mà chết!”

Về sau người ta gọi đây là “Vị Sinh chi Tín” (chữ Tín của chàng Vị Sinh ngu đần, có kinh mà chẳng có quyền!)

Ở thời Trung Phù cực độ mà không biết biến thông, chỉ có tiếng là người có đức Tín, rất có hại cho mình, vì đã đóng vai trò của một nhà Nho “hương nguyệt”.^[1]

1. *Hương nguyệt* là bọn người lưu tục như mọi người trong làng, mà làm ra bộ cao thượng danh giá, người đạo đức giả dối, câu chấp. Đạo đức hương nguyệt, là bọn Giả Quân Tử nguy hiểm hơn bọn Tiểu nhơn thập bội.

62. LÔI SƠN TIỂU QUÁ

雷山小過



“*Tiểu Quá giả, ẩn tàng dã*”
小過者，隱臟也。

Tiểu Quá, là sự ẩn núp trong thời hắc ám.

Nên để ý giữa 2 quẻ *Tiểu Quá* và quẻ *Trung Phù* có sự liên lạc với nhau.

Tiểu Quá, thì nội thực, ngoại hư (nhị dương chiếm phần giữa quẻ; còn *Trung Phù*, thì nội hư, ngoại thực).

Trung Phù là cùng một thể với quẻ *Ly* ☲; còn *Tiểu Quá* là cùng một thể với quẻ *Khảm* ☵

Trung Phù thì Tin tưởng, Thành thật; trái lại *Tiểu Quá* thì nghi ngờ, phập phồng nên cần phải tiểu tâm lo nghĩ và phòng bị như con chim đừng bay cao, mà nên bay thấp về ổ, trú dưới bụi cây, để ẩn núp!

Người quân tử xử vào thời này (tiểu quá) cũng nên lo xa, kiệm đức tu hạnh, từ danh; nếu tiếng tăm to lớn, hãy tìm con đường quy ẩn, mai danh ẩn tích; nếu chức vị cao, thì nên treo ấn từ quan, sống cảnh thanh bần, lạc đạo,... tượng như con chim bay, bay mà kêu tiếng

rất nhỏ, để đừng ai hay biết, không ai thấy rõ (飛鳥遺之音, 不宜上, 宜下, 大吉. *phi điểu dị chi âm, bất nghi thượng, nghi hạ, đại kiết*), thì may ra mới được yên thân toàn mạng!

Cho nên ở *Thoán từ* đã nói:

“Tiểu quá, hanh lợi trình, khả tiểu sự, bất khả đại sự, phi điểu dị chi âm, bất nghi thượng, nghi hạ, đại kiết.”

Chính vì 2 hào Nhị và Ngũ đều nhu thuận, làm việc lớn đâu nên! Chỉ có thể làm được việc nhỏ thôi, đừng lo nghĩ đến việc trèo cao té nặng, phải biết an phận thủ thường mới “tốt”, “thật tốt” (đại kiết).

Tam và Tứ là 2 hào dương bị tứ âm bao bọc, phải chăng, người quân tử đang ở trong tình thế vô cùng nguy hiểm? vì *quẻ Tiểu Quá* thuộc về khu vực của *quẻ Khảm*, Nhị Dương Tứ Âm, mà như ta đã biết, *Khảm* là *nguy hiểm!* và vô cùng nguy hiểm ở thời *Tiểu Quá*, cho nên phải lo “tự nhốt” mình lại, thay vì để cho kẻ khác nhốt mình. Như ngày xưa *Trương Lương* đến thời *Tiểu Quá*, đã biết đóng cửa, ngồi nhà, lo việc “tu tâm dưỡng tánh”, mới thoát khỏi cái họa *Vị Ương* như *Hàn Tín*.

Câu “*Cương thất vị nhi bất trung, thị dĩ bất khả đại sự dã. 剛失位而不中, 是以不可大事也.*”, ở đây *Thoán từ* muốn nói về 2 hào Tam về Tứ, bởi Tam Tứ đều bất trung, nếu không biết an phận mà “hống hách” như *Hàn Tín*, khi bị giải chức rồi, lúc ngồi luận về tài nghệ các tướng tá, *không biết cần ngôn*, lại còn đại ngôn với *Bái Công*: “Bệ hạ bất quá cầm được vạn quân là cùng!” *Bái Công* hỏi lại: “Còn như *Tướng quân* thì sao?” *Tín* đáp: “Càng nhiều, càng tốt! “đa đa, ích thiện”! nên phải bị *Bái Công* giết! Tài của *Hàn Tín* cao hơn *Bái Công* thập bội. Kẻ làm tôi, đừng có cái oai (uy) át chủ.

Đại Tượng

Son thượng hữu lôi: Tiểu quá.

山上有雷，小過。

Quân tử dĩ hạnh quá hồ cung, táng quá hồ ai,

dụng quá hồ kiệm.

君子以行過乎恭，喪過乎哀，

用過乎儉。

Tượng quẻ Tiểu Quá, là: Trên núi có sấm nổ. Tiếng sấm tuy nổ vang, nhưng bị núi cản lại, nên tiếng sấm bị thu hẹp lại, không bay ra xa được!

Người quân tử xem tượng này, biết được rằng ở thời “tiểu quá” không nên làm việc lớn (đại sự) chỉ nên làm những việc nhỏ nhỏ mà thôi! Đối với mình, thì nên biết tự hạ, ở phải cảnh tang tóc thì chỉ nên để cho đau thương chôn giấu trong lòng, không nên làm táng linh đình se súa mà “đình đám, trương hoành”; có mua sấm thì nên *kiệm ước*, chớ nên xa xỉ trang sức! Toàn là những cái “quá” (lỗi lầm) nhỏ nhỏ, nên gọi là “tiểu quá” (“quân tử dĩ hạnh quá hồ cung; tang, quá hồ ai, dụng quá hồ kiệm”).

Chữ “cung” là khiêm cung.

Tuy nhiên, dù gì cũng phải biết giữ mực Trung! Quá “khiêm cung” dễ thành ra thiếu sự chân thật; đau thương nên chỉ giữ ở trong lòng thôi, chớ đừng phô trương bên ngoài bằng đình đám linh đình (*tang, quá hồ ai*); còn sự cần kiệm tuy cần, nhưng đừng quá kiệm mà thành bòn sẻn keo kiệt! (用過乎儉 dụng quá hồ kiệm).

Bất cứ việc gì mà mất *Trung*, không còn phải hành tàng của người Quân tử!

*
* *

Về quẻ Tiểu Quá này, Lão Tử đã tả rất rõ ở chương 67, quyển Đạo Đức Kinh:

Ngã hữu tam bảo, trì nhi bảo chi:

Nhất viết Từ

Nhị viết Kiệm

Tam viết, bất cảm vi thiên hạ tiên.

我有三寶，持而保之。

一曰慈

二曰儉

三曰不敢，為天下先。

(Ta có ba vật báu; hằng giữ và ôm ấp: Một là Từ;

Hai, là Kiệm;

Ba, là Không dám đứng trước thiên hạ.)

*
* *

Phải chăng 2 đức “Kiệm” và “Bất cảm vi thiên hạ tiên” là câu “Dụng quá hồ kiệm” và “Hạnh bất hồ cung” của Tiểu Quá?

Còn chữ “Từ” thì bàng bạc cùng khắp trong quẻ và trong tất cả mọi quẻ của Dịch Kinh: nếu không phải vì “thương người” không bao giờ có bộ Kinh Dịch! “*Tác Dịch giả, kỳ hữu ưu hoạn hồ!* 作易者，其有憂患乎。” (Làm ra sách Dịch, vì thương con người sống trong thời đầy ưu hoạn!) Còn thực tế thì sao? *Có lúc*

nào mà không phải đầy ưu hoạn, nhất là sống trong những lúc hết sức yên ổn, thái bình... tai họa lại cũng dễ đột ngột xuất hiện!

Tiểu Tượng

Sơ Lục: Phi điều dĩ hung.

初六：飛鳥以凶。

Con chim còn nhỏ bé lắm, nên nằm yên trong ổ, đợi có lông cánh đầy đủ sẽ hay; Nếu lại, muốn bay sớm, khó tránh hung họa!

Sơ Lục, là hào âm nhu, bất chánh, vẫn là tư cách đứa tiểu nhon, dù có chính ứng với Tứ, mà Tứ cũng bất trung bất chánh, thì còn làm gì được việc, nếu cưỡng mà bay, e phải gặp cái nạn gãy cánh, mà lâm nguy! Khác nào “Long tại uyên vật dụng”. Ôi! cái bệnh thích lên mặt làm Thầy...! Nguy.

Lục Nhị: Quá kỳ tổ, ngộ kỳ ti, bất cập kỳ quân,
ngộ kỳ thần, vô cữu.

六二：過其祖，遇其妣，不及其君，
遇其臣，無咎。

Tượng viết: Bất cập kỳ quân, thần bất khả quá dã.

象曰：不及其君，臣不可過也。

Hào Lục Nhị vượt qua hào 3 và hào 4 để tìm Ngũ âm (theo các quẻ khác thì chỉ có Âm Dương mới tìm nhau; nhưng ở quẻ “Quá” thì lại khác, vì Quá nên phải đi tìm chính yếu, dù không phải đủ bộ Âm Dương, đây là ngoại lệ của Dịch).

Hào Nhị vượt lên hào Ba (là Cha) leo qua hào Tứ

(là ông nội) để gặp lại bà nội, (hào Ngũ âm là Âm mà cao, tượng Bà nội, nên mới nói (“*quá kỳ tổ, ngộ kỳ tĩ*”), nhưng vì phạm làm tôi như Nhị, đâu được ngang hàng với Vua (hào Ngũ), nên mới nói “bất cập kỳ quân”, đành phải gặp thần 臣 (tôi của Vua). Như vậy, là ý muốn của Nhị, gặp Vua không đặng, thì gặp quan cận thần Nhà Vua cũng có sao, và như vậy cũng đã mãn nguyện! Nếu gặp Ngũ, thì lại bị “quá” không nên!

*Cửu Tam: Phát quá phòng chi,
tùng hoặc tường, chi hung.*

九三：弗過防之，從或戕之凶。

Ở vào thờ Tiểu Quá, Âm mạnh hơn Dương, chính là lúc tiểu nhơn lấn át người quân tử, nên phải dè dặt, cẩn thận... nên quái từ có lời răn dạy: tánh chất quá cương của Tam, đối với bọn tiểu nhơn, chớ quá xem thường chúng mà bị hại (chữ “*tường 戕*” là làm hại; “*chữ phòng 防*” là phải phòng bị cẩn thận). Nếu Tam chẳng biết lo phòng chúng, e có kẻ sẽ làm hại, mà mắc họa.

Quẻ Tiểu Quá, khốn khổ nhất, là hào Cửu Tam này! Nhìn xuống là 2 hào âm đang xông lên toan bức hiếp mình; ngó lên trên, cũng có 2 hào âm toan bức ép mình từ trên.

Cửu Tứ đối với Tam có ích lợi gì không? Cửu Tứ tuy đồng đức là dương cương, nhưng Tứ bất đắc chánh nên còn thua Tam xa, làm gì giúp đỡ được!

Người xưa có nói: “*Quân tử năng úy tiểu nhơn, cố vô đại hoạn*” (người quân tử nếu biết lo sợ kẻ tiểu nhơn, sẽ không bị họa hoạn lớn). Đúng là nói về người ở hào

này! Sợ cho Tam nhiều, bởi Tam có tánh cương táo (quá nóng nảy).

Lời Tượng lại còn nói thêm: “*Tùng hoặc tương chi, hung như hà dã* 從或戕之”. Nếu Tam mà chẳng biết lo phòng trước, cứ miệt thị khinh thường bọn tiểu nhon, thì hung họa trong tương lai, không biết sẽ đến chừng nào?

Cửu Tú: Vô cữu, phát quá ngộ chi, vãng lệ, tắc giới, vật dụng vĩnh trinh.

九四：無咎，弗過遇之，往厲，必戒，勿用永貞。

Tượng viết: Phát quá ngộ chi, vị bất đương dã.

象曰：弗過遇之，位不當也。

Vãng lệ tất giới, chung bất khả trường dã.

往厲必戒，終不可長也。

Cửu Tú cũng đồng cảnh ngộ với Cửu Tam, nhưng nhờ Tú là Dương lại đóng ở cung Âm nên biết tiết chế tánh hung hãn, xử sự biết âm nhu hơn, nên không lỗi (*vô cữu*).

Ở thời này, không nên tấn công mà cần giữ gìn “*thế thủ*”.

Thật là khó xử ở địa vị Tú này! Theo Nhị Âm, thì sợ nguy đến, nhưng cứ giữ mãi thế thủ mà chẳng biết biến thông, thì cũng chưa phải là hợp đạo! Ở trong một thời mà nước nhà vô đạo, lại cố giữ “*Cao ngôn, cao hạnh*”, cũng chưa phải là đúng đạo!

“*Vật dụng vĩnh trinh*” là bảo chó khư khư cố chấp theo một đường lối nào mà chẳng biết biến đổi cho hợp thời, thật là điều đáng tiếc!

Tóm lại,

“*Phát quá ngộ chi*”, là bởi Tứ là dương cương mà lại phải xử theo lối nhu thuận theo vị nhu (dĩ Nhu chế cương) nên cũng là vừa đúng với thời “tiểu quá”!

“*Vãng lệ tắc giới*”, là bởi ở phải thời âm thịnh dương suy, lại không biết “giới cụ” thì kết quả làm sao được lâu dài?

“Vị bất dương”, là hào dương lại cư âm vị nên nhờ có Nhu chế cương, nên không mắc phải cái bệnh “cương táo” mà hỏng cả mọi việc!

*Lục Ngũ: Mật vân bất vũ,
tự ngã Tây giao công dục thủ bỉ tại huyết.*

六五：密云不雨，
自我西郊公弋取彼在穴。

Tượng viết: Mật vân bất vũ, dĩ thượng dã.
象曰：密云不雨，已上也。

Có mưa, là khi nào Dương hạ giáng, mà Âm lại thượng thăng, chứ ở Tiểu Quá, thì hào Ngũ trên thuộc Âm, còn hào Nhị dưới cũng thuộc Âm, thì làm gì có mưa? Cho nên mới nói: *mây kết nhau, mà không mưa được* (mật vân bất vũ).

Ở đây, *mây bay cao quá, làm gì có mưa?* Nghĩa câu này giống với hào từ quẻ Tiểu Súc (số 9).

Ngũ (tuy ở vị tôn) nhưng vì Âm nhiều hơn Dương, nên Ngũ chả làm được việc gì, chẳng qua “đồng loại tương cầu” cùng với Lục Nhị là bạn Âm, cùng nhau quẩn quít vậy thôi!

Ngũ, lại còn xuống kéo Nhị lên giúp mình, lời từ

hang sâu đem lên (*công dục thủ bí tại huyệt* 公 弋 取 彼 在 穴)[1] (là bắt bằng cách đe dọa, cưỡng bức); “*huyệt 穴*” là hang sâu, bởi Nhị ở dưới nội quái là Cấn (núi) nên tượng “*hang sâu trong núi*”.

Tóm lại, ở vào thời Tiểu Quá. Âm khí quá dày đặc, thì Ngũ và Nhị không làm được việc gì đâu, bất quá cặp kè nhau như đôi bạn gái cho qua thời buổi... đỡ buồn cảnh cô đơn.

*Thượng Lục: Phát ngộ quá chi,
phi điểu ly chi, hung. Thị vi tại sảnh.*
上六：弗遇過之，飛鳥離之凶。
是謂災眚。

Tượng viết: Phát ngộ quá chi, dĩ kháng dã.
象曰：弗遇過之，已亢也。

Thượng Lục, bản chất âm nhu, lại ở vào thể Chấn. Chấn, là động như sấm sét vang trời! Chất Âm, mà là hiếu động như Lôi Chấn là điều quá dở!

Tượng như *con chim bay quá cao, cách mặt đất rất xa*, không sao kéo lại kịp, cũng không sao kéo lại được (*phi điểu ly chi... bay rất cao cách xa mặt đất*), làm sao tránh khỏi hung họa?

Kẻ nào ở thời “*tiểu quá*” vô cùng đặc biệt này mà thế đạo toàn ở trong tay bọn tiểu nhon vô sỉ, chẳng có ai còn biết an phận với những gì nhỏ bé của mình, lại đeo bông vận động chạy chọt tìm một địa vị cao, thật cao...

1. Chữ “*Công 公*” là ám chỉ hào Lục Ngũ; “*dục thủ*”, là bắt sống, bằng cách đe dọa! “*Huyệt*” là *hang sâu trong núi*, vì Nhị ở dưới nội quái là Cấn (núi).

do bọn tiểu nhơn ban bố, kẻ ấy làm sao tránh khỏi “tai người, họa trời”, họ đã rời quá xa trật tự tự nhiên của trời đất!

Ở thời Tiểu Quá, 4 âm bao ngoài giữ 2 người quân tử nhốt vào trong... như nhốt vào ngục thất! Không lối thoát, vậy mà vẫn hiu hiu tự đắc đi lòn cúi để nhận một địa vị thừa do chúng ban cho, thật là u mê ám chướng đáng thương biết chừng nào!

63. THỦY HỎA KÝ TẾ

水火既濟



Nước ở trên, Lửa ở dưới mới có được công dụng của Thủy Hỏa, hợp nhau mà Nước mới hóa thành một thứ khí lực dững mãnh.

Ký Tế, do quẻ Thái mà ra, tức là thuộc loại Tam Âm Tam Dương cấu thành.

Từ sự hỗn độn đi vào trật tự, đến đây thì đầu vào đáy, dù là trong từng chi tiết.

Nhút, Tam, Ngũ đều được *dương cư dương vị*. Nhị, Tứ, Lục đều được *âm cư âm vị*.

Nhút (dương) ứng với Tứ (âm);

Nhị (âm) ứng với Ngũ (dương);

Tam (dương) ứng với Lục (âm): Một sự Quân bình đã hoàn toàn được thành lập.

*
* *

Nhưng đạo Trời bao giờ cũng có mâu thuẫn, bao giờ mà được Quân bình (mặc dù Quân bình là cốt tử của

Trời Đất). Nếu tất cả đều được Quân bình, đó là *điểm chết*, cho nên Âm Dương không bao giờ được quân bình mà phải chấp nhận có sự *so le*, có sự chênh lệch giữa Âm Dương. Dương thừa, Âm thiếu thì Trời Đất Vũ Trụ mới có thể chuyển động được do luật “Tham Thiên Lưỡng Địa” là căn bản của mọi cuộc vận hành trong vạn vật.

Trong Thái có Bĩ, trong Bĩ có Thái, trong Âm có Dương, trong Dương có Âm, nên mới có đồ Tứ Tượng: “Âm trung hữu Dương căn; Dương trung hữu Âm căn”. Cái Sống nằm trong cái Chết, cái Chết nằm trong cái Sống, tức là Thiếu dương nằm trong Thái âm, Thiếu âm nằm trong Thái dương.

Ba hào Dương từ dưới, đó là thời chờ đợi Ba Âm cùng tiệm tiến mà hoàn thành cái đạo *Dương trưởng âm tiêu* dọn đường cho cái đạo *Âm trưởng dương tiêu*... Trong Dương đã chứa sẵn cái gốc của Âm, nghĩa là trong Kiên có Khôn, trong Chấn có Tốn...v.v... Tóm lại mỗi quẻ bao giờ cũng có *một kẻ thù nội bộ âm thầm phá hoại*.

Cho nên, *Ký Tế là những điều kiện dẫn ta đi đến vinh quang cực điểm*, ta cần phải cẩn thận, vì như Đại Tượng quẻ Ký Tế có lời căn dặn: “Ký tế, *quân tử dĩ tư hoạn nhi dự phòng chi*. 既濟，君子以思患而預防之” Bởi “*Phúc trung hữu Họa, Họa trung hữu Phúc*” là một định luật của Dịch Lý không bao giờ sai.

Ở Hệ từ Hạ truyện nhân thế khuyên ta: “*Nguy giả sử bình, dị giả sử khuynh*” (Kẻ nào ý thức có cái họa nằm trong cái phúc mà phòng bị thì được yên ổn; nếu lại xem thường xem khinh, thì dễ bị họa bất ngờ)!

Thoán từ:

Ký tế hanh, tiểu, lợi trinh, sơ kiết, chung loạn.

既濟亨小利貞初吉終亂。

Thoán truyện:

Ký tế hanh, tiểu, tiểu giả hanh dã.

Lợi trinh, cương nhu, chánh vị đáng dã.

Sơ kiết, nhu đắc trung dã.

Chung chi, tắc loạn, kỳ đạo cùng dã.

既濟亨，小，小者亨也。

利貞，剛柔，正而位當也。

初吉，柔得中也。

終止則亂，其道窮也。

“Ký tế hanh, tiểu; tiểu giả hanh dã”

Đây, lấy thể Quẻ mà giải thích lời của quẻ. Câu này có nghĩa: Ở thời Ký Tế, thì việc lớn, dĩ nhiên là hanh rồi, còn phải lo sao cho các việc nhỏ cùng được hanh.

“Lợi trinh, cương nhu chánh, nhi vị đáng dã”

Quẻ này, như ta đã thấy các hào Âm hào Dương đều đắc vị cả: Dương thì được “dương cư dương vị”; còn âm thì đều được “âm cư âm vị” cả! Nên mới nói *“Cương Nhu chánh, nhi vị đáng dã 剛柔正而位當也。”* *“Sơ kiết, nhu đắc Trung dã.”*

Sơ, sở dĩ được tốt, là nhờ hào Nhị có đức nhu thuận, lại đắc trung nữa.

Nên để ý về 2 hào Lục Nhị ở Ký Tế, và Cửu Nhị quẻ Thái, tuy giống nhau, nhưng “nhu trung” vẫn thua

“đương trung”, hào Lục Nhị quẻ Ký Tế, không được hoàn mỹ bằng Cửu Nhị quẻ Thái. Tuy nhiên vẫn “kiết” (tốt) nên lời Thoán khen: Sơ kiết.

“Chung, chỉ tắc loạn, kỳ đạo cùng dã”.

Lời của quẻ Ký Tế, chỉ nói hai chữ “chung loạn” là lẽ thường, vì Ký Tế đến cực độ thì biến thành “Vị Tế”, vậy tại sao còn thêm chữ “Chỉ” (dùng lại)? Là ý nghĩa gì: Thông thường, nhân tình hễ đến lúc hanh thông, hay sinh ra lòng “*Kiêu doanh*” (“*Kiêu doanh*” là sự được sống đầy đủ quá, hay sinh ra kiêu thái) mà không lo tiến thêm. Việc đời, nếu không tiến, thì thối chứ không bao giờ có sự dùng lại (chỉ). Trong khi chung quanh ta, người ta tiến lên mãi, mà mình dùng lại, tức là mình thối hóa rồi!

Kể ra, như trong nhơn thân có Thủy Hỏa giao nhau thì khí huyết mới điều hòa. Giả sử Thủy mà ngưng, Hỏa tụ lại một chỗ thì Tâm Thận Thủy Hỏa ngưng động, sinh ra Quan Cách và đi đến bệnh Thủy trương rất nguy!

Dịch, thì lưu chuyển biến dịch mãi không bao giờ ngưng... Cho nên, ngưng lại, là điềm chết! Tư tưởng của con người cũng vậy, nếu bị cố định vào một ý nghĩa *có khuôn thức* không còn biến chuyển nữa, là thứ “tư tưởng chết” mà đầu óc sản xuất tư tưởng cũng tụ chết. Và như vậy, Dịch đã nói lên lẽ sinh tử, tồn vong của văn hóa và văn minh loài người rồi đó! Cái gì cũng phải biết “tùy thời” và “đắc thời”, chớ để cho “lỗi thời” mà hỏng việc vì câu chấp.

Đại Tượng

Thủy tại Hỏa thượng: Ký tế.

水在火上，既濟。

Quân tử dĩ tư hoạn nhi dự phòng chi.

君子以思患而預防之。

Nước ở trên Lửa, là Ký tế.

Người quân tử noi theo đó, nghĩ đến họa hoạn mà phòng ngừa trước!

Lúc con người đang hưởng hạnh phúc, cho đó là phúc và sẽ được như vậy mãi mãi... mà không bao giờ nghĩ rằng “*Phúc hễ, họa chi sở phục; Họa hễ phúc chi sở y!*”!

Trong quyển “*Tinh hoa Đạo học Đông phương*” chúng tôi cũng đã lưu ý kỹ điều này: “*Việc trong thiên hạ, mầm họa đâu phải sinh ra trong lúc loạn ly, mà thường dễ sinh ra trong những lúc thái bình thanh trị. Họa đâu phải sinh ra trong cơn hoạn nạn, mà thường dễ sinh ra trong những lúc đang hưởng hạnh phúc tuyệt vời!*”.

*
* *

Nước, đựng trong một cái ấm, để trên ngọn lửa (tượng quẻ Ký Tế) thì sinh ra hơi nước bốc lên thành một khí lực mạnh.

Nhưng, nung lửa để nấu nước, phải cẩn thận, nếu để nước sôi tràn ra, thì lửa sẽ tắt, khí lực sẽ mất đi! Bằng để lửa nhiều quá, hơi nước sẽ bay đi hết. Đây là sự đụng chạm giữa 2 yếu tố địch thù: hỏa khắc thủy, mà thủy cũng khắc hỏa!

Ngay trong một việc hết sức thông thường xảy ra hằng ngày: có ngày nào mà ta không nấu nước!

Vậy mà có ai chịu lưu ý đến bài học thâm sâu của nó, là nếu muốn có được nước sôi mà dùng, phải biết lúc nào “đủ” để “dừng” lại, tức là biết “tri túc, tri chỉ”!

Việc đời cũng một thế ấy.

Tiểu Tượng

Sơ Cửu: Duệ kỳ luân, nhu kỳ vĩ, vô cữu.[1]

初九：曳其輪，濡其尾，無咎。

Hào Sơ, là hào dương cương đắc chính, thuộc thể Ly (nội Ly) nên lòng quá háng say trên con đường “tiến” (thời Kỳ Tế là phải tiến, vì là thời Tiến). Nhưng cần phải biết tự chế, tự chủ vì là lúc ban đầu, chớ quá say mê mà liều lĩnh, nên hào từ có lời răn đe: *nên từ từ mà đi*, như kéo cái xe cho nó lăn từ từ, kéo lết nó, đừng kéo chạy mau mà hỏng việc (“*Duệ kỳ luân 曳其輪*”).

Ví như *con cáo* toan lội qua sông, hay để đuôi nhúng xuống nước... (bởi con cáo mà *lội mau*, bao giờ cũng để cái đuôi ngoắt lên trên).

Cái “đuôi con cáo” là tượng hào Sơ Cửu đứng sau chót quẻ, như cái đuôi con cáo vậy. (Đầu quẻ, là hào Lục; đuôi quẻ, là hào Sơ). Bởi con cáo lội mà để cái đuôi nó nhúng xuống nước, là nó khôn ngoan, lo lội chậm chậm, vì vậy, không có lỗi (*vô cữu 無咎* (*nhu kỳ vĩ, vô cữu 濡其尾, 無咎*)).

1. *Duệ 曳*, là kéo lê
Luân 輪 là bánh xe
Vĩ 尾 là cái đuôi
Nhu vĩ, đuôi rử xuống nước

*
* *

Thánh nhơn biết rõ tâm lý bọn trẻ tuổi bất cứ việc gì cũng hăng say, say mê, chưa đứng đã muốn đi, chưa đi đã muốn chạy, cho nên những kẻ làm chánh trị hoạt đầu bao giờ muốn đem áp dụng chánh sách đều khéo tạo ra phong trào “*thanh niên tiên phong*”! Cuồng tín, là sở trường của thanh thiếu niên, dễ bị “nhồi sọ”! Khoan nói đến chánh trị, ngay ở các phong trào “đạo đức” hương nguyện cũng là những “học sinh sinh viên” đi đầu trong công chuyện tuyên truyền vận động với sức hăng say kinh khủng! Họ “bảo hoàng” hơn những kẻ phụ thuộc Vua Chúa! “Huyết khí chi nộ” là chỗ sở trường của thanh thiếu niên.

Nên “*Có cuộc cách mạng nào mà không có thanh niên đi đầu*”[1] Cái hay nào cũng có cái dở của nó: trẻ quá, thì thái quá; mà già quá thì bất cập. Bởi vậy, giữa 2 thế hệ Trẻ và Già bao giờ cũng có sự xô xát! Trong chánh trị cũng luôn luôn có sự xô xát giữa nhóm Cấp tiến và Bảo thủ!

Lục Nhị: Phụ táng kỳ phát, vật trục, thất nhật đắc.[2]

六二：婦喪其茀，勿逐，七日得。

1. (*Cách mạng nước Pháp năm 1789...*) đàn bà và con trẻ đi đầu... “lót ổ”! đó là tuổi hăng say, nhiều “huyết khí chi nộ” và dễ bị các tay phù thủy cách mạng lợi dụng. Thời nào cũng vậy: thanh niên thiếu nữ đều là vật hi sinh (trào Hitler và Mussolini là một bằng chứng dễ thấy và dễ hiểu nhất. Trong quyển “Le Viol des Foules par la Propagande Politique” đã nói lên rõ điều đó!)
2. “*Phất 茀*” là cái màn che bốn mặt xe (tục xưa, người đàn bà lúc ra đi, phải có cái “phất” che 4 mặt xe, nếu mất cái phất, không được ra đi).

Tượng viết: Thất nhật đắc, dĩ trung đạo dã.

象曰：七日得，以中道也。

Hào *Lục Nhị* có đức Âm nhu đắc trung đắc chánh (âm cư âm vị), nên vừa có Tài, vừa có Đức, lại còn được chính ứng với hào Cửu Ngũ dương cương đắc trung đắc chính nữa lẽ ra thì phải “đạt kỳ sở ý, đắc kỳ sở nguyện” mới phải nhưng vì Ngũ lại hơi quá cương (cương cư cương vị) tự thấy tự mãn mà chưa làm được cái việc “Khuất kỷ há hiền” để đi liền đến Nhị cầu ra giúp đỡ.

Cho nên, Nhị giống trường hợp người đàn bà đã làm mất cái “phát” nên chưa ra đi được... nên có lời khuyên đừng vội chạy theo Ngũ làm gì (vật trục 勿逐) và chịu khó chờ cỡ chừng 7 ngày sẽ được như ý nguyện, vì Ngũ bao giờ chịu bỏ qua một bậc nhân tài như Lục Nhị! (Nếu Nhị mà cương, thì Nhị nên ra đi; trái lại, Nhị là nhu, thì hãy nên chờ đợi).

Tại sao lại nói: Bảy (7) ngày (thất nhật)? Là vì, theo Dịch lý, con số Bảy (7) là con số của sự xung động; có động mới có biến, có biến mới có thông.

(Chữ “đắc” ở đây, đối nghịch với chữ “táng”).

Cửu Tam: Cao Tông phạt Quỷ Phương tam niên, khắc chi, tiểu nhon, vật dụng.

九三：高宗伐鬼方三年，克之，小人勿用。

Tượng viết: Tam niên khắc chi, bại dã.

象曰：三年克之，憊也。

Vua Cao Tông nhà Thương (tức là Vũ Đinh 武丁) (1352, trước Công nguyên) việc trong thiên hạ đã ổn

định xong, mới viễn chinh đánh bọn bạo loạn ở nước Quỷ
Phương, ba năm mới dẹp xong, bọn tiểu nhon chớ dùng!

*
* *

Hào Cửu Tam, dương cương, lại được “dương cư dương
vị” nên là người quá Cương (bởi thuộc về hào thượng nội
Ly (lửa quá cao) nên tánh quá nóng nảy, dụng Cương có
hơi quá mạnh nên hào từ có lời răn đe: đâu phải dùng
cương, lại quá cương là điều có thể xem thường!

Như trường hợp Vũ Đinh (tức là Cao Tông hoàng đế)
một nước lớn mà đi đánh một nước nhỏ, phải đến ba
năm mới dẹp xong, thật là “mệt”! “Bại 憊, là mệt”, mệt
lắm chứ phải chơi!

“Vật dụng tiểu nhon”, là bảo đừng làm cái việc “hành
quân” vì hành quân là phải dùng đến bọn “tiểu nhon”
tức là quân nhon.

Lục Tứ: Nhu, hữu y như, chung nhật giới.[1]

六四：繻有衣袽，終日戒。

Tượng viết: Chung nhật giới, hữu sở nghi dã.

象曰：終日戒，有所疑也。

Hào Lục Tứ đã vượt đến Thượng quái (ngoại Khảm).
Khảm, là hiểm nguy, là thời bọn đạo tặc có hơi dao
động, việc phòng bị lại càng nên thận trọng.

1. Chữ “nhu 袽” là chiếc thuyền bị nước vào;

“Y như 衣袽”, là đồ để trám những lỗ lủng trong thuyền.

Ý bảo: Thuyền trước khi cho ra khơi, đã phòng trước thuyền lủng, nên đã
đem theo những vật để trám thuyền.

Lục Tứ, là âm nhu đặc chánh, hạng người rất tế tâm lo nghĩ và dự phòng lo xa, như người đi thuyền đã lo trước khi cho thuyền ra khơi, e thuyền bị lũng và đã đem theo đủ đồ vật để trám chiếc thuyền khi bị lũng!

Ở thời Ký Tế, mà lại đã biết lo xa và phòng xa như thế, chắc sẽ không có gì đáng ngại! Nên mới nói: “*hữu sở nghi dã, an dã* 有所疑也”.

Cửu Ngũ: Đông lân sát ngư, bất như Tây lân chi thược tế, thực thụ kỳ phúc.

九五：東鄰殺牛，安也
不如西鄰之禴祭，實受其福。

Xóm ở phương Đông (Đông lân) là hướng thuộc Dương; xóm ở phương Tây (Tây lân) là hướng thuộc Âm.

Đông lân, ám chỉ hào Nhị; Tây lân, ám chỉ hào Ngũ (ngoại quái).[1]

Cửu Ngũ và Lục Nhị, tuy cả hai đều được đặc trưng đắc chính, nhưng Nhị ở nội quái ở vào thời đầu Ký Tế, giống như mặt Trời vừa mọc lên buổi sáng đầy sinh khí, mặt Trăng vừa lúc thượng huyền, nên con đường tiến đang sức! Ngũ, ở vào đoạn sau Ký Tế sắp sửa như mặt Trời sắp xế bóng, mặt Trăng đã quá rằm, nên tiến cầm chừng chứ không tiến mau được nữa. Ký Tế sắp qua Vị Tế. Đây bàn về chữ THỜI.

1. Ở đây, các lời bàn xưa nay, tôi bác cả lời của cả 2 vị Trình và Châu! Các bản Dịch sau, cũng không đứng vững vì đã hiểu sai: Đông thuộc hào Ngũ... (Hào này có nhiều nghi vấn, cả Trình Y Xuyên và Châu Hi cũng đã hiểu sai).

Bởi “*thời*” khác nhau, mà Nhị và Ngũ dù cùng một đức “*Trung*” như nhau, mà phần hưởng thụ lộc Trời của Ngũ thua xa Nhị.

Thượng Lục: Nhu kỳ thủ, lệ.

上六：濡其首，厲。

Thượng Lục, là hào chót vót ở đỉnh cao nhất quẻ Ký Tế. Ở vào nơi cực độ, lại còn ở trên hết hào của quẻ ngoại Khảm (là nguy), đó là hiểm chí cực!

Bản thân là Âm nhu (mà lại cực Nhu) còn địa vị lại rất hiểm nguy, qua sông như kẻ bị ngập cả đầu, không còn lộ lên được nữa. Chính là kẻ chết chìm trong bể hoạn rồi! Ký Tế đến cực độ, làm sao còn có thể kéo dài? (hà khả cửu dã 何可久也).

*
* *

Ba hào ở Thượng quái của quẻ Ký Tế, là thuộc về quẻ Khảm (thượng Khảm), hào từ lần lần càng xấu hơn ở hạ quái (hạ Ly).

Như *Lục Tứ*, thì răn: “*chung nhật giới*” mà chẳng thấy kiết, hanh.

Cửu Ngũ, thì “*sát ngu*” mà không được thụ phúc bằng Lục Nhị.

Thượng Lục, thì “*Nhu kỳ thủ*” bị chết chìm, so với “*Nhu kỳ vĩ*” của hào Sơ...

Cho hay, Họa Phúc, Thịnh Suy... thường lại là việc “*bù trừ*”: Phúc to, thì họa cũng to. Theo lệ của Dịch, quý nhất là “*đắc Trung*”, còn nguy nhất là “*quá Trung*”.

64. HỎA THỦY VỊ TẾ

火水未濟



Quẻ Vị Tế nói về buổi giao thời, từ chỗ đã được an ổn sang qua thời hỗn loạn (nghĩa là *từ Trĩ qua Loạn*).

Ký Tế, là việc đã được an bài; còn *Vị Tế*, là việc còn chưa xong... chứ không phải là thời cùng tận!

Quẻ Ký Tế là thời chuyển giữa 2 mùa Hạ và Đông (tức là mùa Thu); còn Vị Tế là thời chuyển giữa mùa Đông và mùa Hạ (tức là mùa Xuân) với viễn tượng đầy hi vọng đó mà bộ Kinh Dịch chấm dứt... mà không dứt! vì cũng đang bắt đầu một chu kỳ khác, tiếp cái trước.

Quẻ Ký Tế, thì Lửa (Ly) ở dưới thăng lên, còn Nước (Khảm) ở trên giáng xuống, khiến cho hai bên Lửa và Nước gặp nhau để Nước được hóa Khí (hữu dụng).

Còn quẻ Vị Tế, cũng là Lửa và Nước, nước thì cứ giáng xuống, còn lửa cứ thăng lên, không bao giờ gặp nhau, con đường của ai nấy đi, cho nên không có gì ra cái gì, nghĩa là không ra gì cả! (vô du lợi 無攸利) Lửa và Nước ly cách nhau, biết chừng nào gặp nhau?

Thoán từ:

Vị Tế, hanh, tiểu hồ ngật tế, nhu kỳ vĩ, vô du lợi.
未濟，亨，小狐汔濟，濡其尾，無攸利。

“Tế” là cùng, tức là quẻ sau cùng của một vận hội là 64 thời.

“Vị Tế” là chưa đến chỗ cùng, tuy quẻ sau cùng mà thực sự chưa phải là cùng tận.

“Vị Tế” là Nước và Lửa không giao nhau, Lửa không làm sôi được Nước (không đi vào được trong nước) mà Nước cũng không được công dụng của Lửa! Cho nên ở vào thời “Vị Tế”, việc chưa nên, nhưng đâu phải sẽ không bao giờ nên. Bởi chưa nên, vậy phải đợi chờ rồi “vị tế” cũng sẽ nên, mới nói: “Vị tế, hanh”.

“Vị tế” là chưa “tế” chứ đâu phải là “bất tế”. Tế ở đây lại có nghĩa thứ hai của nó, là giao tế: nước và lửa không giao tế nhau được, khác nào “con cáo con” vọt chạc, muốn gắp lợi qua sông mà đuôi nó nhúng sâu dưới nước nên không lợi được! (tiểu hồ ngật tế, nhu kỳ vĩ 小狐汔濟，濡其尾).

(“ngật tế” là sắp sửa lợi qua sông).

*
* *

Dịch sớ dĩ quy kết bằng quẻ Vị Tế, có khác gì qua Xuân rồi mà hoa chưa nở, đêm tối rồi mà trăng chưa mọc... và sắp mọc đêm rằm, vậy thì hi vọng về tương lai còn nhiều!

Cho nên “Vị tế hanh” phải chăng còn hay hơn là “Ký tế hanh tiểu”? Ký tế, có chỗ cùng; còn Vị tế, là vô cùng!

*
* *

Sáu hào trong quẻ; các hào Nhu lại ở vị cương như Sơ, Tam, Ngũ; còn những hào Cương lại ở vị nhu, như Nhị, Tứ, Lục, nghĩa là ở sai lạc ngôi vị cả, nhưng có điều hay là mỗi hào đều được đủ âm dương tương ứng: Sơ với Tứ (đủ âm dương), Tam với Lục (đủ âm dương), Ngũ với Nhị (đủ cặp Âm Dương), cho nên vẫn có thể đồng lao cộng tác, bởi “cương nhu đều được sự “tương ứng” (Cương Nhu ứng dã 剛柔相應也). Hiện, tuy là “vị tế”, mà trong tương lai có lẽ sẽ được hanh thông! “Tuy bất đáng, cương nhu ứng dã.”

Đại Tượng

Hỏa tại thủy thượng, vị tế.

Quân tử dĩ biện vật, cư phương

象曰：火在水上，未濟。

君子以辨物居方。

Lửa ở trên nước, là quẻ Vị Tế.

Thấy vậy, người quân tử mới thận trọng để biện biệt sự vật, hầu đặt mọi vật, vật nào cũng đúng phương vị của nó.

Tỉ như ở quẻ Vị tế này, lửa thì bay lên (Hỏa thăng) là bản tánh của nó, không thể không vậy cho được..., còn Nước thì đổ xuống (Thủy giáng) là bản tánh của Nước, không vậy không được.

Biết vậy, sao lại để Lửa ở trên, Nước ở dưới, thì mỗi vật mỗi theo bản tánh của nó nên không có được công dụng của Thủy Hỏa. Nếu đặt cho trùng, mỗi vật theo

đúng địa vị của nó, để cho lửa ở dưới cho lửa thăng lên; để nước ở trên, thì Nước được Lửa đun mà hóa được một thứ khí lực rất mạnh dùng được nhiều công việc như ở quẻ Ký Tế.

Ta thấy ở *Ký Tế*, các hào Dương đều ở đúng cương vị của nó, các hào Dương đều cư dương vị, các hào Âm đều cư âm vị... cho nên mới có công dụng của Thủy Hỏa.

*
* *

Trong phép dùng người cũng vậy. Phải biết rõ tài năng mà đặt cho họ một địa vị tương xứng, chứ đâu phải ai cũng là người đa tài đa năng làm bất cứ việc gì cũng được, như Trang Tử đã nói: “Không thể bắt chó cày ruộng, bắt trâu giữ nhà!”.

Thuật dùng người cũng như thuật trị nước, đặt sai địa vị sẽ làm hỏng cả mà không thành công được việc gì, lại còn phung phí nhân tài là khác! Như Hạng Võ không nghe lời Phạm Tăng, không biết trọng dụng Hàn Tín, phong cho Hàn Tín một chức chấp kích lang theo hầu dưới trướng, còn Hán Bái Công biết nghe lời Trương Lương trọng dụng Hàn Tín lại dâng đàn bài tước phong cho chức Đại Nguyên Soái phá Sở, nên Bái Công lên ngôi Thiên Tử còn Hạng Võ bị Hàn Tín mà chết thê thảm ở bến Ô Giang!

Tây phương ngày nay ý thức rất rõ điều ấy nên mới có Khoa nghiên cứu Khả năng đặc biệt của mỗi người để hướng họ tìm con đường hoạt động thích hợp với khả năng đặc biệt của họ, tên gọi là “Khoa hướng

nghiệp”. Trước đây trên 4.500 năm, người xưa cũng đã lưu ý kỹ về vấn đề này trong quẻ Kỳ Tế và Vị Tế. Qua thời Chiến quốc, Trang Tử cũng đã ý thức rõ điều quan trọng này khi ông đề xướng thuyết “*Các an kỳ sở an* 各安其所安” và “*Các sinh kỳ sinh* 各生其所生” trong thiên *Tiêu Diêu Du*.

Tiểu Tượng

Sơ Lục: *Nhu kỳ vĩ, lãn.*

初六：濡其尾，吝。

Tượng viết: *Nhu kỳ vĩ, diệc bất tri cực.*

象曰：濡其尾，亦不知極。

Bản chất hào Sơ Lục, là âm nhu, bất chánh, nên nông nổi lại không có tài tế hiểm, vừa đang bắt đầu vào thời Vị Tế, và cũng đang bắt đầu đi vào Nội Khảm đầy nguy hiểm. Khảm, là tượng một con sông lớn chặn trước mặt, muốn qua sông mà không thể lội qua được, một là vì bất tài, hai là cũng không rõ rồi chung cuộc sẽ ra sao? (nhu kỳ vĩ, diệc bất tri cực dã). (“Tri cực” đồng một nghĩa với “tri chung”).

Ở thời vị tế, Sơ quẻ là một kẻ bất tài và nhu nhược (nhút nhát) sẽ không làm nên việc gì cả ở thời “vị tế” này!

Cửu Nhị: *Duệ kỳ luân, trinh kiết.*

九二：曳其輪，貞吉。

Tượng viết: *Cửu nhị trinh kiết, trung dĩ hành chánh dã!*

象曰：九二貞吉，中以行正也。

Cửu Nhị có tài dương cương, lại thượng ứng với Lục Ngũ (ở vị chí tôn).

Ngũ, tuy ở vị *tôn*; còn Nhị ở vị *ti*, nhưng Dương đối với Nhu e có khi dễ mà sinh lòng tự cao chẳng? Phải coi chừng, làm tôi mà lấn chủ, nguy to! Bởi vậy, quái từ mới có lời khuyên răn: Hãy tự giảm thế lực của mình đi, thung dung chậm rãi, vừa bước vừa dừng như “Kéo lết bánh xe (duệ kỳ luân) mới tốt (trinh kiết).

Nhị lẽ ra là bất chánh, bởi “Dương cư âm vị”, nhưng sao lại được “*đắc trung*”. Hễ đắc Trung, tự nhiên đắc chánh, còn Chánh có khi bất trung, chứ Trung thì không bao giờ bất chánh (Chánh hữu bất trung, Trung vô bất chánh 正有不中, 中無不正 đó là thông lệ của Dịch).

Lục Tam: Vị tể, chinh hung, lợi thiệp đại xuyên

六三：未濟，征凶，利涉大川。

Tượng viết: Vị tể chinh hung, vị bất đương dã.

象曰：未濟征凶，位不當也。

Lục Tam, âm nhu, bất trung bất chánh, là kẻ bất tài lại ở vào thời Vị Tế thì sao có thể “tể” khốn phò nguy cho nổi, nếu lại tiến càng lên, e phải mắc họa (征凶 chinh hung).

Tuy nhiên, trong đời hiếm gì kẻ bất tài, vậy mà gặp thời, được hoàn cảnh thuận tiện cũng thường làm nên việc! Như trường hợp Lục Tam. Ở trên hết nội Khảm, là đã gần thoát khỏi hiểm trạng rồi, đã tiến vào đoạn giữa của quẻ (2 hào 3 và 4 thuộc về trung đoạn của quẻ Vị Tế), là có cơ gần “tể” rồi! Khảm hiểm đã lên đến cực điểm, là có cơ thoát hiểm. Lại còn có hào Thượng Cửu

tiếp ứng, thì tuy không làm được việc lớn, cũng có thể “lợi thiệp đại xuyên 利涉大川”.

Hai câu trên đây, có vẻ như nghịch nhau “vị tể chinh hung” rồi lại “lợi thiệp đại xuyên” là tại sao? Tam bất tài mà ham tiến công (chinh 征) phải gặp hung, là việc dĩ nhiên; nhưng nếu chỉ làm bằng việc “lợi thiệp đại xuyên” với thời cơ tốt, Tam cũng có thể làm được, có sao đâu! Là nhờ có Thời... Tuy bất tài mà gặp Thời, có sao? “Hơn nhau chỉ một chữ Thời”!

Cửu Tứ: Trinh kiết, hối vong, chấn dụng phạt Qui
Phuong, tam niên, hữu thưởng vu đại quốc.

九四：貞吉，悔亡，震用伐鬼方，
三年有賞于大國。

Tượng viết: Trinh kiết hối vong, chí hành dã.
象曰：貞吉悔亡，志行也。

Cửu Tứ đã hoàn toàn thoát hiểm (vuợt ra khỏi nội Khảm), và đang tiến vào nơi sáng sủa của ngoại Ly.

Trên Tứ còn có Ngũ, một con người văn minh nhu thuận với địa vị chí tôn đặc trưng đặc chánh. Tứ và Ngũ đủ cặp Âm Dương thật là tương đắc!

Thời “vị tể” đã quá nửa rồi, công việc “tể” cũng sắp đến! nên “trinh kiết 貞吉” là phải.

Tuy nhiên, Tứ ở không đúng vị của mình, là “*Dương cư Âm vị*”, e có điều bất chánh mà “hữu hối”. Cho nên hào từ mới có lời răn đe: “Tứ, địa vị cần củng cố đức Trinh Chính, thì mới có thể được Kiết và không có hối nữa (hối vong 悔亡). Phải cố gắng, dù có phải đi đánh phạt nước Quỷ Phương cũng không nên chán nản, dù

có phải trải qua nhiều nỗi gian khổ ba năm liền (như trường hợp Cao Tông nhà Thương) cũng chớ sờn lòng!

“Chấn 震” là phẫn chấn phát động tài lực dương cương của mình mà hoàn thành công việc “hung suy, bát loạn” (làm cho suy được hưng lên, làm cho loạn được tiêu trừ). Phải cần dùng đến uy vĩ mới làm nên được! Bảo “tam niên” là khuyên hãy nhẫn nại mà đi từ từ, chớ có “dục tốc” mà “bất đạt”!

*
* *

Toàn thể 64 quẻ của Dịch Kinh, kiệt hưng đều do 2 hào Tam Tứ. Là vì Tam là ở thời cuối cùng của Nội quái, còn Tứ là chuyển qua Ngoại quái mà cũng là bắt đầu Ngoại quái, một kỷ nguyên mới...

Đi từ Sơ đến Lục, bao giờ cũng có 2 giai đoạn quan trọng. Vì luật “vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản”, nên hễ *Nội tốt thì Ngoại xấu; Nội xấu thì Ngoại tốt...* Không có sự gì việc gì mà *thủy chung tốt cả hay xấu cả*: Đó là luật lưỡng nghi, lưỡng đoạn. Nghĩa là hễ *tiền kiệt thì hậu hưng*, mà *tiền hưng thì hậu kiệt*, chứ không bao giờ tốt mãi hay xấu mãi, đó là qui luật cực kỳ quan trọng của Dịch... Hễ sáng là bình minh, thì chiều là hoàng hôn và đến cõi tăm tối mịt mù... Mà đêm tối càng sâu, thì bình minh càng mau và càng thêm rực rỡ: thiên lý là thế, chớ khá cương cầu! Hết Khảm, tới Ly, hết Bĩ đến Thái, hết Nhục đến Vinh,... như việc đi đánh phạt nước Quỷ phương ba năm ròng rã, uy danh vang động đến nước ngoài, bên trong lại được ân thưởng trọng hậu! “*Tam niên hữu thưởng vu Đại quốc*” 三年有赏于大国.

Lục Ngũ: *Trinh khiết, vô hối.*

Quân tử chi quang, hữu phu, khiết.

六五：貞吉無悔。

君子之光，有孚。吉。

Tượng viết: *Quân tử chi quang, kỳ huy khiết dã.*

象曰：君子之光，其暉吉也。

Nên để ý về 2 chữ “trinh, khiết” ở hào Ngũ này, với “trinh khiết” ở 2 hào *Nhị* và *Tứ* trên đây.

Ở 2 hào *Nhị* và *Tứ*, thì ý như răn đe nhắc nhở; chú ở hào Ngũ, thì lại là lời Khen (“tán”).

Lục Ngũ, là chủ ở Ngoại Ly, lại đắc trung đắc chánh, cho nên hơn cả 2 hào *Nhị* *Tứ* rất nhiều! Thời Vị Tế đã đến lúc gần tàn, như trời mưa sắp tạnh, vàng Nhựt hiện ra: sau khi mưa, trời quang đấng! Cảnh đêm thâm đã gần tàn mà “vàng đông” sắp rạng... Về “văn minh” (Ly, là văn minh) của quân tử rục rờ biết chừng nào! một kỷ nguyên mới bắt đầu! Cũng như sau cơn mưa, vàng Thái dương như thêm sáng sủa, cảnh rừng sau cơn lửa cháy rụi, đã thành tro giúp cho cây cối mọc sum sê... Cái vẻ rục rờ của một kỷ nguyên mới càng thấy thêm nổi bật sánh với cõi tăm tối âm u của thời xưa đây oan khổ! Lời Tượng còn tán thêm: “Về rục rờ quang huy, tốt đẹp biết chừng nào!” (*quân tử chi quang, kỳ huy, khiết dã* 君子之光其暉吉也。)

Thượng Cửu: *Hữu phu vu ẩm tửu, vô cữu.*

Nhu kỳ thủ, hữu phu, thất thị.

上九：有孚于飲酒，無咎。

濡其首，有孚失是。

Thuộng viết: *Ấm tửu nhu thủ, diệc bất tri tiết dã.*

象曰：飲酒濡首，亦不知節也。

Thuộng Cửu là hào cuối cùng của *Vị Tế*.

Tiền đồ có hai ngã:

1. Một là *Vị tế* mà đến cực độ, thì trở lại “*Tế*”!
2. Đã cực kỳ “*vị tế*”, rồi đây không biết sẽ *Tế* về đâu?

Theo trường hợp thứ nhất, thì *Thuộng Cửu* ở vào một địa vị rất tốt. Còn theo trường hợp thứ hai, thì địa vị *Thuộng Cửu* rất xấu!

Thuộng Cửu là dương cương, lại ở chót vót ngoại Ly, đó là *Cực Minh* (cực sáng). Dương chí cực là *Cương cực*, dĩ nhiên ta đâu có sợ cho *Thuộng* là kẻ bất minh, là bất cương, mà phải lo cho *Thuộng quá minh và quá cương*! Dịch lý rất sợ cái gì thái quá, dù xấu hay tốt.

Cái gì thái quá, đâu có tốt bởi quá minh và quá cương dễ sinh cái bệnh “*táo vọng*”. Đã “*táo vọng*” dễ đi đến “*bạo động*”, ngộ sự khó thành công còn hậu quả có khi vô cùng khốc liệt không chừng.

Giờ là đến thời chung của *Vị tế*, công việc đã có *Tứ* và *Ngũ* làm xong. *Thuộng* cũng nên ung dung chờ đợi thời cơ thuận tiện khác đưa đến, sợ gì? Mình là kẻ có *Tài* kia mà!

Thuộng, tuy là người không có địa vị gì cả trong vấn đề trị an, hễ “*bất tại kỳ vị, bất mưu kỳ chánh*” thì cũng nên “*lạc thiên an mang*” là hơn! Nhưng biết đâu thấy như là “*tiêu cực*” mà lại “*tích cực*” hơn những kẻ “*tích cực*”!

Chữ “*ấm tửu*” đây là hàm ý “*tự lạc*” (tự an vui) chứ

không phải bảo “uống rượu”, mà là hưởng cảnh “tiêu dao” tốt hơn là lo đi hành động!

“*Tự lạc*”, hay “*tiêu dao*” cũng chẳng nên sa vào thái quá! Chớ có mê mệt với trăng hoa đến đổi “*rượu lấm cả đầu*” như những nhà Nho lão thành khi xưa, không còn đặng đắc dụng, lại sa vào các thứ chè chén ả đào, cho đó là mình “sống cái đời Trang Lão”. [1]

Tóm lại, “Vị tế” để sau cùng bộ Kinh Dịch, có một ý nghĩa thâm diệu vô cùng: việc Trời Đất cũng như việc của Con người, hễ “*Chung tắc Thủy*”... Như mặt Trời sau cơn mưa sẽ trở nên trong sáng hơn; rừng bị hỏa hoạn sẽ trở thành xanh tươi hơn trước nhờ những chất thừa đã bị hỏa hoạn tiêu hủy mà thành chất phân; sự quang đăng của một kỷ nguyên mới, càng tăng thêm vẻ huy hoàng rực rỡ sánh với những mục nát của một thời thối nát xa xưa để lại.

Từ cung Tý 子 đi lên đến Ngọ 午 là Âm tiêu Dương trưởng; đến vòng đi xuống từ Mùi 未 đi xuống đến Hợi 亥 là Dương tiêu Âm trưởng, đó là đi đến tận thế (cùng tận một Đại chu kỳ đại hóa). Khi đến cung Tý 子 thì “nhất dương sinh” bắt đầu Trời Đất chuyển qua thời Thiếu dương, gọi là “*Chung nhi phục Thi*”. Sau một

1. Vài câu tiêu biểu của Nguyễn Quý Tân:

Trong bài “*Say sưa thỏa thích*” có mấy câu:

...“*Cứ say sưa, mặc kệ thế tình,*

Xếp vũ trụ vào trong vành mắt cả.

...*Hãy uống rượu, xem hoa, ngắm nguyệt*

Hãy chơi cho khắp hết giang hồ!”

đêm vũ trụ bắt đầu một bình minh, cũng khởi giờ Tý (12 giờ khuya).

Trong Chu Dịch Huyền Giải, chúng tôi đã có nêu vấn đề này: “Theo Hoàng cực Kinh thế” thì Trời mở hội Tý; Đất thành ở hội Sửu; Người sinh ở hội Dần. Hết hội Tị, đến hội Ngọ (quẻ Cấn, nhất âm sinh), Dương bắt đầu tiêu, Âm bắt đầu trưởng để đi lần đến hội Thân (quẻ Bĩ), hội Tuất (quẻ Bác), hội bế vật, nghĩa là đến hội Tận thế, chấm dứt một cuộc đại hóa lưu hành. Qua hội Hợi, thì Trời Đất sẽ tiêu tan tất cả (thời Đại băng giá). Nhưng, phạm sự vật nào hễ có hình ắt có hoại; cái này mà mất đi, thì cái khác lại sinh ra. Cuộc thiên diễn của Vũ Trụ bao giờ cũng đi từ sinh qua tử, rồi từ tử qua sinh... sinh sinh bất tận như trên cái vòng tròn (“thủy tốt nhược hoàn”; và “hoàn vô đoan”).

Theo Thánh Kinh Thiên Chúa giáo, ngày tận thế sau này do Hỏa nạn (như trong Tân ước đã tiên đoán), khác với Dịch Lý, tận thế sẽ là Thủy nạn (một cuộc Đại Băng Giá).

Độc Dịch rất khó.

Mà khó nhất, là Dịch không phải chỉ ở Lời, mà ở *Tượng và Số*; nhưng cũng không phải chỉ ở Tượng và Số, mà là ở Ý: “*Ý tại ngôn ngoại!*”. Ý, lại ở ngoài lời nói (vô ngôn), nhờ Tượng mà hội ý.

Trong *Dịch Thuyết Cương Lĩnh*, Chu Hi có nói: “*Phục Hi vạch ra 8 quẻ, tuy chỉ có mấy nét mà bao quát được hết mọi lẽ huyền vi trong Trời Đất. Kẻ học hiểu được ở Lời thì chỉ hiểu được phần thiểu cận, chỉ khi nào hiểu được phần Tượng, mới có thể mong đạt đến phần tinh thâm diệu nghĩa của nó mà thôi!*” Nhất là dùng về việc bốc phe

mà không tinh về *Tượng luận* thì không sao đoán được tinh vi, còn đọc *Dịch*, cũng chỉ hiểu mơ hồ thôi.[1]

Triết học Đông phương đều đặt căn bản nơi *Tượng*, nên "*Tượng học*" là cốt tử của cái học *Hình Nhị Thượng* bất cứ thuộc địa phận nào của cả Đông lẫn Tây.[2]

Tượng luận, là phần quan trọng bậc nhất của *Dịch Kinh*. Có 3 phần trong *Dịch Kinh* là *Đại tượng*, *Tiểu tượng* và *Tượng số* (điều đã được bàn cặn kẽ ở trước đây, phần kinh văn gồm 3 phần *Thoán*, *Tượng* và *Tiểu tượng*). Nay xin tiếp tục bàn riêng và rộng hơn phần ở *Thuyết Quái* (bộ phận thứ 5 của *Dịch Truyền*).

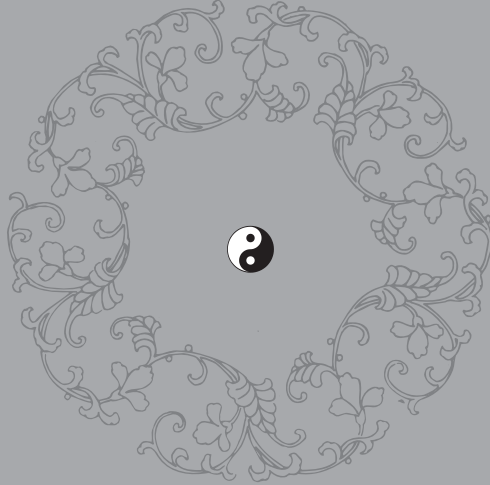
Dịch truyện, theo truyền thuyết, gồm có 7 loại, phân ra cả thảy là 10 thiên, gọi chung là *Thập dục*. Theo nghĩa, đó là cánh chim (dục), nhờ đó ta mới có thể bay cao để có thể nhìn chung đại lược sự cấu tạo phức tạp của 64 quẻ. Dĩ nhiên, dùng đến thập dục, ta bị sa vào cái lỗi mà Tây phương luận lý học khó thể chấp nhận, tức là khó tránh khỏi cái nạn *dông dài và nói đi nói lại, nhắc tới nhắc lui*.

Theo chúng tôi, tuy có vẻ *như là dài dòng*, nhưng *đối với quyển Kinh Dịch*, sự dài dòng cũng *như sự lặp đi lặp lại mãi*, có khác nào sự *đóng đinh*, mỗi khi *đóng* thì *vỗ thêm một cái*, rồi *từ từ đóng mãi đến khi nào cây đinh lún sâu vào tận nút...* Cũng như tưới cây, hãy tưới từ từ cho nước lần lần thấm sâu vào đất rễ, chứ đổ ào nước vào gốc cây, thì không bao giờ nước thấm sâu vào gốc rễ cho kịp.

-
1. Rất tiếc các bản dịch "*Kinh Dịch*" của Ngô Tất Tố, lại bỏ hẳn phần *Thuyết Quái* này; còn bộ *Châu Dịch Bản Nghĩa* của Nguyễn Duy Tinh thì bảo "khó hiểu"!
 2. Đón đọc *Dịch Tượng Luận* của Thu giang Nguyễn Duy Cần.

Dịch Kinh là *công trình cả mấy ngàn năm* góp công sức của các bậc tiên hiền đủ mọi thời đại, nó đâu phải là tác phẩm của một người... mà là *của chung mọi thế hệ*... nhất là từ đời Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh... *Thập Dục*, không phải của một ai mà phải qua không biết bao nhiêu thế hệ... Phải đọc tất cả và rút tinh hoa của nó... tinh hoa của một cái Truyền Thống lâu đời có trên 4.500 năm (chỉ ước lượng thôi).

PHỤ LỤC



LUẬT TUẦN HOÀN THEO QUÊ THỦY TRẠCH TIẾT

“Nhất Âm, nhất Dương chi vị Đạo”
“Vãng lai bất cùng vị chi Biến”
(Dịch Kinh)

Hiền giả ngày xưa, tổng kết bộ Dịch Kinh có nói: “*Dịch giả, thiên nhơn tương hợp nhi dĩ hi!*” Đó là nói lên luật *Thăng Trầm* của Tạo Hóa “*nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo*”.

Quê *Thủy Trạch Tiết* bàn về *tiết điệu* (điều tiết) của Trời Đất, một cái *luật quan trọng nhất của Tạo hóa*. “*Tiết điệu, là lẽ sống của vạn vật*” (*le Rythme, c'est la Vie*).

Tuần hoàn, là trăng tròn rồi khuyết, hết ngày đến đêm, bốn mùa luân phiên thay đổi, “chung nhi phục thủy”, “thủy tốt nhược hoàn”... như cái động “qua lại, lại qua” của cái *đồng đưa* (vãng lai bất cùng vị chi biến), chuyển động không phải chỉ có một chiều, mà chuyển một cách *nhịp nhàng đều đặn*. Gọi chung là *luật “chu kỳ”*, nhân đó mới gọi bộ sách Dịch Kinh là *Chu Dịch (Rythme circulaire)*[1] theo vòng tiêu tường của Âm Dương, đầu và đuôi nối tiếp nhau.

1 *La Physique, science de la matière par excellence, a dématérialisé le monde matériel. Les plus matérialistes doivent en convenir. Le*

1/ Trước hết, xin bàn về *luật Tuần hoàn của tinh tú: về Ánh sáng và Vật chất*. Ánh sáng là khí lực, thiên văn học cũng bảo *Khí lực và Vật chất là Một: Vật chất là Khí lực đọng lại* (la matière est l'énergie condensée); còn *Khí lực là Vật chất tan nhỏ ra* (l'énergie est la matière quintessenciée) = $E = Mc^2$.

Bao nhiêu nhiệt khí ánh sáng đều do sự hủy diệt của vật chất mà ra: vật nào chói sáng thì thể tích của nó bị giảm dần. Chỉ một chút xíu vật chất bị tiêu hủy là có thể sinh ra vô số tinh lực. Cho nên, có thể nói, trên đời không có sự hủy diệt mà chỉ có một sự *sinh sinh bất tận*: "*sinh sinh chi vị Dịch*". (Rien ne se crée, rien ne se perd), Đông phương Dịch đạo bảo: "*vô tăng vô giảm*".[1]

Trong quyển "*Chu Dịch Huyền Giải*" chúng tôi đã bàn khá rõ về lẽ *Tuần hoàn của Trời Đất* với đầu đề "*Nhịp Sống của Đạo*". *Hermès Trismégiste* của Ai Cập cổ đại cũng có nói: "*Il n'y a pas de place pour la Mort*

.....

"*dieu-matière*" des siècles passés s'est transfiguré en "*pure lumière*". Son visage glacial et figé n'était un symbole de mort et de désolation que dans la mesure de notre ignorance et de notre incapacité de le voir sous son aspect véritable..."

(Page 80, *Spiritualité de la Matière*, par Robert Linssen, Ed. Planète (1966)

1. *Hermès Trismégiste*, có nghĩa là "Ba lần To lớn "Trois fois Grand": le "Grand des Grands", le "Plus Grand des Grands", là người Ai Cập. "*Année-lumière*: L'année-lumière est la distance parcourue par la lumière est d'environ 300.000 kilomètres à la seconde, on calcule aisément qu'une *année-lumière* vaut approximativement 9.460.800.000.000 kilomètres, c'est-à-dire dix millions de kilomètres." (*Cycles et Rythmes*, par Robert Tocquet, Editeur Planète, 1969, p.43) (Année-lumière: quang niên (năm ánh sáng).)

dans le Monde. En effet, le monde étant un Vivant éternellement en vie, il n'y a ici-bas que des morts apparentes, ce qu'on tient pour la mort" (Trên cõi đời, không có chỗ nào dành cho cái Chết cả. Thật vậy, Vũ trụ là một Sinh vật không bao giờ chết; trên đời chỉ có những cái chết giả mà người ta cho là Chết thật...[1] Cho nên, theo Dịch lý, đâu có mùa Đông (mùa chết) mà chỉ có một mùa Xuân vĩnh cửu (un Eternel Printemps): "tam thập lục cung đô thị Xuân".

Xem như Mặt Trời, mỗi ngày vì chiếu ánh sáng và nhiệt khí mà thể tích của nó mất *ba trăm sáu chục ngàn triệu tấn*, và cứ như vậy từ mấy triệu triệu thế kỷ... theo các nhà bác học (ông và bà Curie) thì Ánh sáng có thể cũng hóa ra vật chất (phản sinh của Dịch lý). Tóm lại, vũ trụ sẽ tự tiêu hủy để biến thành ánh sáng, rồi ánh sáng lại tạo nên những nguyên tử vật chất. Những nguyên tử này, trước thì rải rác, nhưng về sau nhờ sức hấp dẫn mà hợp lại biến thành những hành tinh hay định tinh, *sự tuần hoàn cứ diễn lại như trước! liên miên bất tận.*

Giờ đây, xin thử định nghĩa 2 chữ *Vũ Trụ*. *Vũ Trụ là gì?* Địa cầu của chúng ta là một hành tinh, chung quanh mặt Trời, còn có nhiều hành tinh khác như Thủy tinh (Mercure), Kim tinh (Vénus), Hỏa tinh (Mars), Mộc tinh (Jupiter), Thổ tinh (Saturne) v.v...

Mỗi hành tinh có một hoặc nhiều hệ tinh quay chung

-
1. Có người bảo dùng chữ "*định tinh*" để ám chỉ các vì sao là sai, vì các tinh tú đâu có cái nào đứng yên mãi một chỗ mà vẫn lưu động như thường. Nói thể *có đúng* mà cũng *có sai*, vì *trên đời có cái gì mà im lìm bất động?* Chữ *Động* và *Tĩnh*, đều là danh từ *tương đối*... Đọc Dịch cần lưu tâm đến *danh từ*... đều là *tương đối cả!*

quanh. Mặt Trời và những hành tinh và hệ tinh ấy gọi chung là Thái dương hệ. Hễ có một hệ Dương liền có một luồng khí âm bao quanh.

Địa cầu cách xa Mặt Trời có đến 149.000.000 cây số. Ánh sáng từ Mặt Trời xuống tới mặt đất, phải mất 8 phút 18 giây (8 minutes 18 secondes). Ánh sáng đi một giây 300.000 cây số (la lumière parcourt 300.000 km à la seconde).

Hành tinh Pluton cách xa mặt Trời 5.901.300.000 cây số, như vậy đủ biết Thái dương hệ (système solaire) rộng lớn biết chừng nào. Vũ trụ có không biết bao nhiêu Thái dương hệ. Như vậy, Thái dương hệ của chúng ta, có thẳm vào đâu!

Ngoài Thái dương hệ có những định tinh (étoiles) tục gọi là ngôi sao. Gần địa cầu nhất là sao *Proxima* cách Thái dương hệ 40.000.000 (bốn mươi triệu) cây số, ánh sáng của nó phải mất bốn năm rưỡi mới chiếu đến mặt đất. Còn có nhiều định tinh ở xa hơn nhiều, ánh sáng phải mất cả một hai thế kỷ mới đến tới mặt đất. Những định tinh xa nhất cách địa cầu, ước chừng 100.000 (một trăm ngàn) “năm ánh sáng” (année-lumière). (“*Năm ánh sáng*”, là dặm đường mà ánh sáng phải đi qua trong một năm).

Gồm lại những định tinh xa gần (ước chừng cũng có đến 20.000.000 (hai chục ngàn triệu) định tinh mới làm thành một Vũ trụ. Mỗi vị định tinh là một ngôi Mặt Trời và cũng là nguồn lực của một Thái dương hệ khác.

Vũ trụ rộng đến nỗi, một tia sáng của nó phải dùng đến 20.000 năm mới chiếu xuyên từ bên này sang bên kia vũ trụ. Nên nhớ: ánh sáng đi từ 30.000 (ba mươi

vạn) cây số trong một giây (30.000 km par seconde).

Mặt Trời của chúng ta đối với vô số định tinh khác, sánh với Vũ Trụ bao la vô tận có nghĩa gì đâu, chỉ là một chấm nhỏ trong hàng triệu triệu chấm khác mà thôi! Nhỏ bé hơn hột cát trong bãi sa mạc mênh mông. Vậy mà, ai ai cũng tưởng mình to lớn nhất, quan trọng nhất không đâu bằng! Có hiểu được chút nào Khoa Thiên văn học ngày nay mới biết được tại sao Đông phương Đạo học bảo “Ta là vô ngã”? Mặt Trời cũng chuyển vận và lôi cuốn những hành tinh bay rất mau trong không gian vô tận (espace infini) với tốc độ 20 cây số trong một giây hướng về định tinh “Ksi” của vùng sao Hercule.

Ngân hà (galaxie) là Vũ trụ của ta; của Thái dương hệ trong đó có địa cầu ta đang sống (La Galaxie, c'est notre Univers actuel).[1]

Mỗi dải ngân hà, tự nó, cũng *đâu có ở mãi một chỗ*, nó quay một vòng mất có đến ba trăm triệu năm (300 millions d'années) với tốc độ 600 cây số mỗi giây (600.000 mètres par seconde).

Ngoài vũ trụ của ta, còn nhiều vũ trụ tương tự như thế. Đó là những cụm “tinh vân” (nébuleuse) quá nhiều và ở quá xa đến nỗi khi ta nhìn lên trời, chỉ thấy như một giải lụa trắng lấm tấm các điểm sáng. Đó, gọi là các cụm tinh vân có vòng xoáy tự vào trong và tán ra

1. (*“La Galaxie, elle aussi, n'est pas immobile. Elle fait un tour sur elle-même en 300 millions d'années et entraîne, dans l'Infini, ses milliards d'étoiles, à la vitesse de 600.000 mètres par seconde. La Galaxie c'est notre Univers.*

Dưới đây là đồ hình một dải Ngân hà (Schéma de la Galaxie). Ngân hà, là Vũ trụ của chúng ta.

ngoài theo vòng thuận, và theo vòng nghịch lại... tức là vào trong rồi trở ra ngoài (2 vòng thuận nghịch), đó là *luật Tu Tán* (Solve et Coagula)[1]

Cụm tinh vân gần nhất với thái dương hệ của chúng ta đã cách mặt địa cầu 850.000 năm ánh sáng. Có nhà thiên văn nói: giả sử từ khi mới khai thiên lập địa mà có một người nào đó gửi một tin bằng vô tuyến điện lên những cụm tinh vân ấy, thì đến ngày nay và hiện giờ chưa có ngôi sao nào nhận được (Si le premier homme avait envoyé un message par radio à toutes les nébuleuses, aucune ne l'aurait reçu). Như cụm tinh vân Andromède xa có đến lối 2.000.000 năm ánh sáng. Hiện ta thấy nó, nhưng là nó ở vào đời cổ sơ nếu nó đã tiêu mất rồi, mà ngày nay ta còn thấy được ở mặt đất lối 2 triệu năm trước và ta vẫn còn thấy đến 2 triệu năm sau này. Thật ngoài sức tưởng tượng cái nghĩa vô tận của Vũ trụ.

-
1. Ta nên biết: Không có một cái động nào mà chẳng *động theo vòng xoay ốc* (một thứ vòng tròn như gió trốt (*tourbillon*) và nhờ vậy mới có sức thu hút chung quanh những gì đồng loại. (Xem tập số 16 (XVI) trang 1.487 về Vòng xoắn)

Sự Tuần hoàn là một hình thức xoay theo vòng xoắn ốc, có được vậy thì khí loãng mới thành cứng. Đây, là một pháp của phép đạo dẫn. Trong phép này có công phu "vận chuyển hà xa" làm cho khí Âm Dương xoay tròn như bánh xe, lâu ngày dòng điện lực cứng và thành hình... "Vous n'avez qu'à faire circuler la Lumière, et c'est là le Secret le plus haut et le plus merveilleux... Lorsqu'on la fait circuler assez longtemps en Cercle, elle se cristallise, c'est le Corps Spirituel" (*Le Secret de la Fleur d'Or*, p.48). Luật Phản Phục của Dịch Lý cũng do đây mà ra: "Les forces tourbillonnantes nous sont aussi un enseignement sur la loi de choc en retour, toujours inévitable, surtout quand le but est manqué, toute la puissance acquise en cours de route s'accumule au centre du retour et revient frapper à son point d'émission."

2/ Giờ đây, xin đề cập đến thuyết bành trướng của Vũ trụ và sức thu hút tương đương của vũ trụ: Đó là thuyết “ Dương hô, Âm hấp” của vũ trụ, như một bộ phổi khổng lồ, hay một quả tim khổng lồ... thở ra hít vô, hay cái lồng ống bễ của thợ rèn, theo lời ví của Lão Tử. Phải chăng muốn nói đến sự nở ra và bành trướng của vũ trụ? Dường như các tinh vân chung quanh ta bỏ ta mà chạy trốn càng xa càng hay. Tại sao vậy? Các tinh vân ở hai chiều vào ra, gọi là tinh vân có vận xoáy ốc.

Nếu đã công nhận có sự bành trướng, theo luật Tuần Hoàn, ta cũng phải công nhận rằng Vũ trụ cũng sẽ có lúc thu súc lại... *Đã có sự bành trướng, tất nhiên có sự thu súc...* Các “vũ trụ” đều phải tuân theo lẽ tuần hoàn điều tiết ấy. Như trên đây đã nêu lên câu nói rất võ lễ của văn hào Maurice Maeterlinck: Vũ trụ, tiêu biểu cho một Nguyên lý Vô hình huyền bí, từ bao giờ đến bao giờ, *hễ có một sự bành trướng thì có một sự thu súc liên tiếp, hễ có một cuộc tiến hóa hay tiến bộ thì có một sự thoái hóa liên tiếp, hễ có vật chất hóa tinh thần thì liên tiếp phải có tinh thần hóa vật chất, hễ có từ “thể đặc” mà bốc lên hơi, liên tiếp sẽ có sự từ “thể hơi” ngưng đọng kết thành “thể đặc”!* Vũ trụ giống như một Quả tim vĩ đại, bóp lại, rồi nở ra, như một bộ Phổi to lớn menh mông, thở ra rồi lại hút vào, như một người ngủ mê rồi tỉnh dậy, thức dậy lại nằm im... Phải chăng đó cũng là *luật Thành, Thịnh, Suy, Hủy* hay *Thành, Trụ, Hoại, Không* của Triết học Đông phương, của Dịch Lý?

Cũng như *lịch trình Suy Hủy* hay *Tử Sinh* của các vì sao trên Thiên Không: sinh ra, phát đạt, rồi chết mất. Ban sơ, là một ngôi sao như một khối hơi lò mờ lạnh

lẽo. Về sau hơi ngưng kết lần lần, ngôi sao phát nhiệt biến ra màu đỏ, rồi lần lần biến ra màu vàng, rồi hóa xanh... nhiệt khí lên đến 3 vạn độ, có khi đến 4 vạn độ. Sức phát triển đến cực điểm thì ngôi sao nguội lại, từ sắc xanh hóa đỏ, đỏ thành đen rồi tắt hẳn! “Vật cùng tắc biến... vật cực tắc phản”.

Đòi một ngôi sao, ước chừng cũng đến vài vạn triệu năm.

*
* *

3/ Giờ đây, xin riêng bàn về *Sự Tuần hoàn của Mặt Trời*, mà ảnh hưởng đối với địa cầu rất quan trọng.

Mặt Trời là một định tinh gồm có một lớp hơi bao bọc một cái ruột đặc.

“Lớp hơi”, là nguồn ánh sáng và nhiệt khí (lumière et chaleur). Lớp hơi này có khi bị *nứt nổ* để lộ lớp ruột đặc bên trong có màu đen sẫm, gọi là “*vết đen mặt trời*” hay “*vết mặt trời*” (taches solaires). Sánh với lớp hơi sáng rực, những vết ấy xem như có màu *đen sẫm*, kỳ thực nó là *sắc đỏ đậm* nên thấy như là *đen*.

“Vết mặt trời” lớn nhỏ không chừng, có cái đường trực kính bằng 3 đường trực kính địa cầu. “Vết mặt Trời” là nơi mà nhiệt độ của nhiệt khí tăng lên rất dữ dội. *Chẳng những nhiệt độ tăng cao mà luồng từ khí cũng phát ra rất mạnh, mạnh gấp 6, 7 ngàn lần từ điện địa cầu.* Vết mặt Trời thường lại đi đôi (một dương một âm) cái trước có âm điện thì cái sau có dương điện (nhút âm nhút dương chi vị Đạo), cái trước có dương điện thì cái sau có âm điện (En général, les taches apparaissent par couples.)

Vết mặt trời hiện ra có chùng, tăng giảm một vòng là 11 năm (đúng hơn là 11 năm 1/8), nghĩa là con số tròn, là 12 năm.

Ảnh hưởng *mặt trời* đối với địa cầu, như thế nào?

Trước hết, điều mà phần đông nhận thấy rõ nhất, là *ảnh hưởng đến thần kinh con người* (nhất là đối với con người nhạy cảm). *Tu sĩ Moreux* nói: “Từ điện do vết mặt trời phát ra, *kích động thần kinh ta rất mạnh*. Trong những lúc mặt trời xung động mạnh (nổ lớn) trẻ con dễ trở nên quạu quọ nóng nảy, hình phạt trong các trường trẻ cũng tăng lên rất cao...”

Bác sĩ Faure nghiên cứu về hiện tượng này cũng cho biết: “ Các vết mặt trời” làm cho những chứng bệnh cấp tính và nguy hiểm tăng lên đáng sợ, nó còn gây nên nhiều sự chết chóc bất ngờ, nhiều vụ tự tử không lý do, nhiều án mạng vô cùng rùng rợn. Các nhà bác học khác quả quyết: “ Những vết mặt trời là thủ phạm đã gây ra những tai nạn xe cộ, máy bay, chiến tranh và những cuộc nổi loạn liên miên, những cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, tài chính, chính trị... dường như thần kinh con người bị kích động quá căng thẳng mà đâm ra điên loạn! Trái lại, những năm mà mặt trời lặng yên thì trên mặt địa cầu thiên hạ được sống trong cảnh thái bình, an cư lạc nghiệp, không có những thiên tai như động đất, núi lửa, lụt lội, bão bùng... cũng như không có những cuộc cách mạng đẫm máu, giết người tập thể...”

Từ năm 1775 đến nay, các nhà thiên văn đã để ý quan sát mặt trời, thấy sự thăng giáng của những “ vết mặt trời” theo một nhịp độ đều đặn rõ rệt... Đại khái như năm 1778, riêng nước Pháp có chiến tranh với

nước Anh, từ 1778 đến 1794, vết mặt trời xung động quá cao, xảy ra cách mạng đẫm máu bên Pháp, bên ta Nguyễn Huệ đem quân đánh Bắc Hà (1787). Hai năm sau, quân Tàu giả danh cứu viện nhà Lê, tràn quân qua nước Việt, toan thôn tính nước Nam. Nguyễn Huệ lại một phen cấp tốc đem quân đánh Thăng Long, xác giặc thây nằm chật đất, máu đỏ thành sông...

Năm 1804, giặc dã do Nã Phá Luân đệ nhất gây ra đến hồi cực độ bên Âu châu. Năm 1816, là trận Waterloo với Bạch Khủng; 1860 vết mặt trời lan rộng, quân Pháp đánh lấy Phi Châu... bên Việt Nam quân Pháp đánh thành Gia Định chiếm Nam Kỳ.

Năm 1870, vết mặt trời tăng, nhiệt độ và điện lực bùng bột phi thường: Pháp Đức chiến tranh. Pháp bị điều đứng suýt mất nước, chiến tranh đã giết hại nhiều bậc anh tài.

Năm 1883, nhiệt độ mặt Trời lại tăng cao: Quân Pháp chiếm cứ châu Phi; ở Việt Nam, quân Pháp đánh Bắc Kỳ, chiếm Trung Kỳ lập thành bảo hộ. Nước ta lúc ấy loạn lạc đến cực điểm, Bắc Kỳ bị nạn lụt, dê vỡ 18 năm liên tiếp, dân gian đói khổ, giặc cướp đốt phá lung tung...

Năm 1893, vết mặt trời lan rộng: Trung Nhật chiến tranh về vấn đề Triều Tiên.

Năm 1905, nhiệt độ tăng lên dữ dội: Nga Nhật chiến tranh.

Năm 1914–17, vết mặt trời lên quá cao: Chiến tranh Nga Đức, Thế chiến thứ nhất (*paroxysme de la Première Guerre Mondiale*), Chiến tranh Pháp Đức (Hitler chiếm Paris), lôi cuốn toàn thế giới vào vòng binh hỏa, mấy mươi triệu sinh linh bỏ thây ở sa trường...

Đó, là lược kể những biến cố to lớn trên hoàn cầu đã đưa đến cho loài người tai họa to lớn, mà lỗi không phải hoàn toàn do loài người gây ra, và luôn luôn nên nhớ rằng *con người đâu phải hoàn toàn độc lập* và tự do hành động theo ý nghĩ riêng tư của mình. Và như thế, có Định Mạng hoàn toàn chẳng? và con người phải chăng chỉ là một con vật đóng vai trò múa rối (des marionnettes)? Nên nhớ rằng vạn vật đều “*ương ứng, tương cầu*” nghĩa là chỉ có “đồng thanh” mới có “*tương ứng*”, có “đồng khí” mới có sự “*tương cầu*”! Chỉ có những sự rung động đồng tình mới hòa nhịp được với nhau mà thôi. Tóm lại, *có Trời mà cũng có Ta*. Con người với óc sáng suốt và ý chí can trường có thể theo phép “*thuận thiên giả tồn*” mà thắng được phần nào thiên nhiên Tạo hóa! Dịch Kinh dạy ta phải sống cách nào để khỏi bị tai họa trong những thời Bĩ loạn.[1]

1. Xem 2 quẻ *Tiểu Súc* và *Đại Súc* (Phong Thiên *Tiểu Súc* (số 9), Sơn Thiên *Đại Súc* (số 26).

Ảnh hưởng của các vụ xung động trên Mặt Trời rất rõ rệt, và đã được Khoa Thiên Văn học ngày nay chứng nhận... *Lẽ nào các vì Tuệ tinh (Comète) mà họ cho là có những chất khí tương tự với Kiềm khí (không phải Nóng mà Lạnh, vì cực dương biến thành âm*. Theo khoa học huyền bí cả Đông phương lẫn Tây phương ngày xưa đều cho... *thế nào cũng có ảnh hưởng khá quan trọng*. Trong quyển *Les Comètes* của tu sĩ Moreux, ở Thiên Văn đài tại Bourges (Directeur de l'Observatoire de Bourges) có nói: “*D’après la Science Secrète des Anciens, les Comètes n’annonçaient pas seulement les événements funestes, les désastres, les guerres, les troubles de toutes sortes. Présages de malheur pour les uns, elles furent nécessairement des présages d’heureux augure pour les autres, comme l’apparition des taches solaires,... Elles magnétisent pour ainsi dire la Terre et les Planètes aussi bien que les soleils en voie de perdition du Fluide Vital... Elles renouvellent en démagnétisant les Planètes des fluides nocives afin d’introduire les nouvelles fluides magnétiques...*” (*Origine et Formation des Mondes*, Abbé Th. Moreux,

4/ Còn *Mặt Trăng*, có ảnh hưởng gì con người và vạn

.....

Gaston Doin, Paris, 1925, Chap VIII, p.233. *La Cosmogonie des Comètes*
"La traversée d'une queue de Comète contenant des gaz toxiques et asphyxiantes occasionne la Fin du Monde..." (La Fin inéluctable de la Civilisation occidentale... par Oswald Spengler). (Độc bộ *Le Déclin de l'Occident*, Oswald Spengler, Ed. NRF, Lib. Gallimard, 1948).

Sách *Kybalion* của Cổ Ai Cập và Cổ Hi Lạp, cũng có nói về Luật Điều Tiết và Tuần Hoàn này như sau:

"Ce Principe *"Ce qui est en Haut est comme ce qui est en Bas..."* implique *la Vérité et les Phénomènes des Divers plans de l'Etre et de la Vie... Comprendre ce Principe confère les moyens de résoudre bien des paradoxes obscurs et bien des secrets cachés de la Nature. Cette Loi universelle, ce Principe de Correspondance, les Anciens Initiés le considéraient comme un des instruments mentaux les plus importants à l'aide duquel l'homme était capable de renverser victorieusement les obstacles qui surgissaient en face de l'Inconnu. C'est à lui qu'il fut possible d'écouter le Voile d'Isis au point d'entrevoir dans un éclair une partie de la figure de la Déesse. Le Principe de Correspondance Connu. En étudiant la monade, il comprend l'archange."* (*Le Kybalion*, p.27 et chapitre VIII (p.79–91).

Với phép *Dưỡng sinh*, nhiều Đạo sĩ đã thắng được bệnh tật và sống rất lâu, đó là những phép *đạo dẫn "trường sinh cửu thị"* (sống lâu mà chẳng bệnh tật gì cả)(1). Nghĩa là *"trường sinh cửu thị" chứ chẳng bao giờ có sự "trường sinh bất tử"! một ảo vọng của con người!*

Alexandra David Néel, trong *Immortalité et Réincarnation* có viết một một đoạn văn rất suốt lẽ, mà tôi hoàn toàn đồng ý:

"Immortalité n'est pas Eternité.

"L'immortel taoïste peut, au plus, espérer durer autant que le monde. Un temps viendra où ce monde avec ses dieux, avec la terre, les astres, avec tout ce qui le constitue, se désintégrera et s'engloutira dans le Chaos dont.

"Le rêve d'immortalité de l'immortel finira; il s'évanouira comme s'évanouit le rêve d'une nuit et nul rêveur ne demeurera pour s'en souvenir." (p.30)

"Devenir immortel ne signifie pas nécessairement une très longue existence du corps physique... La signification principale est: "Sunir avec le "Principe Eternel" et, parcourir, s'élever au dessus de la Nature." (p. 27)

vật trên địa cầu? Dĩ nhiên, làm sao chẳng có. Nó thuộc Âm nên ảnh hưởng trực tiếp người đàn bà con gái.

Mặt Trăng là bạn chí thân của Địa cầu, quay chung quanh Địa cầu non một tháng thì giáp vòng. Ngày đầu, mặt trăng ở một ngã với mặt trời nên ta không thấy vì cả mặt đều tối. Mặt trăng cùng lặn với mặt trời trong một lúc. Ta gọi là *trăng non*. Vài ngày sau ta thấy mặt trăng sáng một vành mỏng, hình như lưỡi liềm (faucille), gọi là *trăng lưỡi liềm*. Mặt trăng mọc trễ hơn mặt trời, nên cũng lặn trễ hơn; bảy ngày sau thời kỳ trăng non, mặt trăng sáng một nửa; ấy là *trăng thượng huyền*... Mười bốn ngày sau, thì Trăng tròn (sáng đến cực điểm của nó) rồi bắt đầu khuyết dần... Bảy ngày sau trăng rằm thì trăng khuyết 1 nửa, gọi là *trăng hạ huyền*. Tuần trăng tròn rồi khuyết, khuyết rồi tròn... Đó là lẽ tuần hoàn của Mặt trăng, thường thi non hay lấy đó mà ví von việc đời người cũng một thế ấy:

...

Việc người nào khác việc trăng trên trời:

Tuy là soi khắp mọi nơi,

Khi mờ, khi tỏ, khi voi, khi đầy!

(Nguyễn Đình Chiểu)

*

* *

Ánh sáng của mặt Trăng ảnh hưởng đời người rất rõ rệt. Tuần trăng ảnh hưởng đến sinh vật, nhất là những ký sinh trùng ở trong cơ thể như sán lã, sán kim... Từ thời trăng non đến trăng tròn, những ký sinh

trùng ấy hoạt động trong đại tiểu trường và bao tử rất mạnh, từ trăng tròn đến trăng tàn thì hoạt động rất yếu.[1]

Bệnh phế lao cũng tăng giảm theo tuần trăng. Đại khái từ thời trăng thượng huyền đến trăng tròn thì bệnh nhon phát sốt và khái huyết rất nhiều; còn từ trăng tròn đến hạ huyền (trăng khuyết) thì bệnh trở rất ít.

*
* *

-
1. Theo Khoa huyền học Đông Tây, đều cho rằng Mặt Trăng cùng với Trái đất có *đồng một tinh linh thể*, cho nên sự trăng lên trăng xuống có *ảnh hưởng trực tế về sức khỏe* con người. Bởi *thể tinh linh* (corps éthérique) là một thứ *sinh lực* (une force vitale) gọi là *Mộc khí* có quan hệ trực tiếp với *Âm khí* (lẽ Sống con người, *tượng ở Gan (foie) và Thận (reins)*). Thận thuộc Thủy; còn gan thuộc Mộc, nên hễ Thủy vượng thì Mộc mới vượng được. Gốc Mộc là Thủy, mà gốc của Thủy, là Kim (Kim thuộc Phế).

Sách Cabale (loại Kinh Dịch) của Trung Đông có nói: "Le Yésod est la Lune, ayant comme Chiffre commun, malgré la séparation des corps physiques et la Lune est le plus ancien des 2 astres; c'est-à-dire qu'en matière éthérique, la Lune est le pôle positif de la batterie, dont la Terre est le pôle négatif (...). Les reflux lunaires jouent un rôle très important dans les processus physiologiques des plantes comme des animaux, dans la germinations et la croissance des plantes et dans la génération des animaux, comme le prouve le cycle sexuel de la femme, qui est de 28 jours lunaires. C'est la lumière de la Lune qui est le facteur de ces activités éthériques, et, comme la Terre et la Lune n'ont ensemble qu'un seul double éthérique, toutes activités de cet ordre sont fortes surtout lors de la pleine Lune.

(Số 9 ở cung Dậu, là chỗ cực âm, nên người xưa đặt cho nó cái tên là Thái Âm (mới có câu *Nam thất, nữ cửu*) Chính Thái âm mới nuôi dưỡng được *mầm sống của vạn vật*, tượng điểm *Thiếu dương nằm trong Thái âm*.

Trong quyển “*Les Influences Astrales*”, tu sĩ *Th. Moreux* có viết rất kỹ về ảnh hưởng Mặt Trăng (influences lunaires) như sau: “Người chúng ta ngày nay nói về ảnh hưởng của Mặt Trăng, *chưa ắt giỏi hơn người xưa...* bởi người xưa ở *Ai Cập*, ở *Babylon*, ở các văn minh tối cổ, lại có nhiều hiểu biết sâu sắc và độc đáo hơn người nay dù có nhiều dụng cụ tinh tế...”

Nói thế, ta có thể chấp nhận được, vì khoa học nguyên tử ngày nay vẫn còn có nhiều hiểu biết nông cạn hơn sự hiểu biết của người xưa qua quyển *Dịch Kinh* hay quyển *Cabbale* của *Ai Cập* và *Do Thái*.

Bác sĩ *Jules Régnanet*, trong quyển *Biodynamique et Radiations*, viết: “*Người xưa hiểu về ảnh hưởng Mặt Trăng sâu sắc hơn người ngày nay rất nhiều.*”

“*La question de l'influence de la Lune sur la végétation est, semble-t-il, aussi vieille que le monde...*”

“*...Tous les bois, même ceux d'essence très dure qui ont été coupés en jeune Lune (trăng non) se sont piqués très rapidement et n'ont pas tardé à être impropres à tout usage; tandis que ceux qui furent coupés en vieille lune (trăng già) sont restés, même au bout de plusieurs années, dans un excellent état de conservation. Et ce, non pas à tel mois plutôt qu'à tel autre, car j'ai eu la curiosité de faire l'expérience pendant chacune des lunaisons de l'année et, invariablement, le résultat a été le même. Le bancoulier sombre littéralement en poussière au bout de 6 mois; le même bois, abattu et débité en vieille-lune, se conserve plusieurs années sans altération.*”

“*Ne jamais planter aucun arbuste ou ombre fruitier pendant la première quinzaine de la lunaison si l'on veut obtenir une fructification convenable.*”

Cây gỗ mà chặt khoảng “trăng non” dễ bị hư, không dùng được lâu; trái lại cây gỗ mà chặt khoảng “trăng già” sẽ dùng được lâu, không mục sớm... Cho nên, trồng cây có trái, cần trồng khoảng “trăng già” mới có trái tốt và sai trái.

Theo Bác sĩ Jules Régnanet, người Trung Hoa đã biết trước việc này, trước Âu châu có trên 3.500 năm, nghĩa là đã biết rõ *Âm khí là nguồn sinh lực của vạn vật: Khí của Thái âm có công dụng nuôi sống và giúp cho vạn vật sinh sôi nảy nở*. Sinh lực Âm, là phần *Mật* (Miel) trong các loài Hoa, nên *Mật ong* loại *Bổ Âm* diệu nhất, kết tinh của thiên nhiên tạo hóa.

Trong quyển “*Dịch Học Tinh Hoa*”, trang 191, chúng tôi cũng đề cập đến *Vai trò của Âm khí. Khí âm do Thái âm sinh ra, mầm sinh là mầm Thiếu dương*.

Khoa học Tây phương ngày nay đang bắt đầu khám phá được công dụng của khí âm (ion négatif) và đã bắt đầu dùng nó trong phương trị liệu. *Những khi có gió mùa nóng như ngọn gió từ dãy Alps mang lại quá nhiều khí dương (ions positifs) thì những người già cảm thấy hơi thở nặng nề, đau nhức ở khắp khớp xương, trẻ con thì lại trở nên dữ dằn... còn tội ác lại càng gia tăng. Trái lại, âm khí làm cho không khí trở nên mát mẻ, dễ chịu và khỏe khoắn. Người ta lại thấy sung sức là khác...”*

J. E. Marcault, trong một bài diễn văn ở Copenhagen (tháng 7 năm 1937) bàn về “*Khoa học Tây phương đối với Tinh linh thể con người*” quả quyết: “*Les ions positifs débilitent la santé, affaiblissent l’Energie vitale, tandis que les ions négatifs accroissent l’Energie vitale et ramènent à la santé les organisme débilites. Avec un*

accroissement des ions positifs du sang, les globales rouges précipitent et meurent plus rapidement que lorsque les ions négatifs prédominent...”

(La Science Occidentale et le Double-Ethérique).

Khoa *Dưỡng Sinh* của Đạo học Đông phương hết sức quan trọng hóa sự Bỏ Âm. Đến đời khoa Lộc Mạng (mà ta thường gọi là “Số Tử Bình”) cũng xem *Mạng thuần Âm* là số ít gặp tai họa dữ dần, lại sống lâu không bệnh là khác. “*Âm vi nhu vật, thân ngộ hình khắc diệp vô thương.*”

C. G. Jung bàn về Richard Wilhem cũng bảo theo Kinh Dịch: “*Các bậc vĩ nhân có óc sáng tạo phi thường đều là những người thuộc về “thuần Âm”*” (*Richard Wilhem possédait au suprême degré le charisme de la Maternité-spirituelle. Il lui dut la pénétration intuitive jamais atteinte qui lui permet d’entrer dans l’Esprit de l’Orient (l’Orient, c’est la Femme, le Sphinx de l’Antiquité-égyptienne) et le rendit apte à produire ses incomparables traductions du Yi-King...*) (Đông phương là người Đàn bà, là Nữ quái Sphinx của Cổ Ai Cập...).

*
* *

Về phần “*Dưỡng Sinh Học*” nên đọc lại kỹ quyển Dịch Học Tinh Hoa (phần Phụ chú chương III: “*Dịch và đạo Trường Xuân bất lão*”. Câu “*Trường sinh cứu thị*” nhiều dịch giả (như Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Hiến Lê, Giản Chi Nguyễn Hữu Văn...) đều đã dịch chữ “*cứu thị*” là *ngó xa*. “*Thị*” không phải chỉ nói riêng về “*thị giác*”, nhưng một khi mà *thị giác* được giữ gìn bền

vững, thì các giác quan khác đều trở thành linh giác cả: hễ thấy được xa, thì đồng thời, cũng nghe được xa... Sau một loạt tu phép dưỡng sinh, nhà đạo sĩ sẽ có được thấy xa, nghe xa, cảm giác đều rất nhạy. (Xin đọc lại quyển “Tinh Hoa Đạo Học Đông Phương” đã có nói: “Người đắc Đạo, sẽ có được cái gọi là “Vương đức” của Chân nhân... “nghe rõ được cả trong chốn vô thanh, thấy rõ được ngay trong chỗ mờ mờ và vô hình, nghĩa là Nghe và Thấy được trong những chỗ “vô thanh, vô sắc”. Trong chốn mờ mờ của Vô sắc, họ thấy rõ cái ánh sáng nhiệm mầu của Đạo (dans la Lumière créée), trong chốn im lìm của cõi Vô thanh, họ nghe rõ được cái nhạc điệu thái hòa của Vũ trụ từ cái cực tiểu đến cái cực đại, trong cái thấy như là mâu thuẫn xung đột của Âm Dương họ thấy được chỗ tương liên tương hợp của nhạc điệu âm dương... Hay nói một cách khác: họ là người đã thấy được rất rõ trong Âm có Dương, trong Dương có Âm.

Chỗ cao quý nhất của Dịch học là đưa ta đến một *sự Giải thoát Toàn diện (Libération Totale et Finale)*, đến cõi “*trường xuân bất lão*” (jeunesse éternelle “*lão nhi ích tráng*” của cả thể chất và tâm hồn... Có được một *tâm hồn trẻ trung (xích tử chi tâm)* thì *thân xác cũng ít mau già cõi.*

Đại thi hào Rabindranath Tagore có một bài ca về chỗ mà Lão Tử bảo “*tử nhi bất vọng giả thọ*” như sau:

“Nguồn sinh khí ngày đêm tuôn chảy trong mạch máu của Ta;

Phải chăng cũng là nguồn sinh khí chảy tuôn trong khắp Kiền Khôn Vũ trụ? Cũng nhảy chung một điệp khúc nhẹ nhàng!

Nguồn sinh khí ấy cũng đã chui qua lòng đất rồi hiện thành hoa cỏ mận màng...

Sự vật cứ trôi chảy không ngừng mà chẳng có một Quyền năng nào chặn lại nổi!

Hòa cùng một nhịp, điệu ca-xang bất tận của bốn mùa;

Màu sắc, âm thanh... như dòng thác ào ạt trôi đi không trở lại...

Cái nhịp sống vô tận ấy của Vạn cổ... đang nhảy múa ngay trong mạch máu của tôi... làm cho tôi vô cùng hạnh diện..”

Phải chăng đây cũng là lời nói của Lục Cửu Ngôn: “*Ngô tâm tiện thị Vũ trụ; Vũ Trụ tiện thị ngô Tâm!*”!

Dưới đây, thử dịch bằng thi văn:

*(Nguồn sinh khí chảy trong mạch lạc,
Cũng là Nguồn bao quát Kiên Khôn.
Ngày đêm lượng sóng trường tồn,
Lên theo giác chủy; xuống lòn cung thương.
Nguồn sinh khí chảy ngang bụi đất,
Trở nét vui trong vật hữu hình,
Trong lá thắm, trong cỏ xanh,
Trong mảnh tơ liễu, trong cành hoa mai.
Biển Tử Sinh lưng voi muôn kỷ,
Cũng nhờ nguồn Sinh Khí chảy ngang.
Tử chi ta được hân hoan,
Cũng nhờ Sinh Khí mở đường lại qua.
Được mãn nguyện nên ta đắc chí,
Vì cái nguồn Sinh Khí cổ kim (câm)
Hiện nay theo bạc phù trầm,
Nhồi nhồi, nhảy nhẩy trong tâm huyết này!)*

SỰ ĐIỀU TIẾT CỦA ĐỊA CẦU VÀ SỰ XOAY VÒNG CỦA ĐỜI SỐNG NHÂN SINH

1. Sự Điều tiết của địa cầu:[1]

Mặt địa cầu cũng thay đổi luôn luôn theo một điều tiết nhất định. Ai cũng biết, cứ xem cây kim nam châm

1. Ảnh hưởng của thủy triều (influence des marées).

Nước biển, cũng trôi sụt có điều tiết. Trong 6 giờ nước dâng: ấy là nước lên. Rồi 6 giờ sau, nước xuống dần: ấy là nước ròng. Ai mà chẳng biết thủy triều là do hấp lực của Mặt Trăng và Mặt Trời. Cứ mỗi tuần, nước biển thay đổi một ít. Đại để cứ 7 ngày thì mực nước cao lên, rồi 7 ngày sau mực nước lại hạ xuống, và cứ tuần hoàn như thế mãi theo con số 7.

Mặt địa cầu cũng rung động có điều tiết. Có những sự rung động hàng mấy thế kỷ mới nhận thấy, cũng có sự rung động hằng ngày. Vỏ địa cầu trời lên, sụt xuống cũng có điều tiết như nước thủy triều. Ta có thể ví như lá phổi phồng lên, xẹp xuống. Vỏ địa cầu mà trời lên cao chừng lối 15 phân, có lẽ cũng do hấp lực của mặt Trăng mặt Trời.

* Hỏa diệm sơn, suối nước nóng, vòi nước nóng cũng hoạt động có điều tiết. Có hỏa diệm sơn phun lửa một lúc, rồi lại nghỉ một lúc, rồi là phun lửa tiếp... Những suối nước nóng, vòi nước nóng cũng phun nước một cách xen kẽ gián đoạn có điều tiết. Bên Ái Nhĩ Lan có một suối nước nóng, cứ 24 giờ lại phun một vòi nước cao từ 30 đến 40 thước, và luôn luôn như vậy.

của địa bàn ở đâu cũng đều chỉ về hướng Nam Bắc thì đủ biết trên địa cầu có một luồng từ khí. Người ta đã ví rất đúng rằng trái đất giống như một thỏi từ thạch lớn (thỏi nam châm) mà phần tích cực (dương điện) ở về hướng Nam, và phần tiêu cực (âm điện) hướng về phía Bắc. Theo luật điện khí, hễ “*dị tính tương hấp, đồng tính tương thôi*” cùng một loại thì đẩy nhau, cùng khác loại thì thu hút nhau

Luồng từ khí trên địa cầu biến thiên, và *biến thiên có điều tiết*. Sự thay đổi có điều tiết của luồng từ khí ấy cũng ảnh hưởng đến cơ thể của con người. Cái đó là cái chắc.

*
* *

Thủy triều ảnh hưởng cơ thể, nhất là cơ thể các loài sinh vật sống gần biển.

Ở biển có một giống ốc có một cách sinh hoạt rất lạ. Sự điều tiết của thủy triều như ghi sâu vào cơ thể giống ốc ấy và qui định sự sinh hoạt của chúng. Tên giống ốc ấy là “*convolute*”.

Cứ đến lúc nước triều xuống thì giống ốc ấy bò ra ngoài cát để kiếm ăn và phơi nắng. Hễ nước lên thì chúng nó lại chui xuống cát, đợi nước ròng lại bò ra như trước.

Ta hãy bắt một mớ ốc ấy đem đi xa, xa chừng cả 100 cây số, bỏ vào một cái bể cạn có chứa nước và cát. Xa như thế thì làm gì còn bị ảnh hưởng điều tiết của thủy triều lên xuống nữa, vậy mà lạ thay, ở trong bể cạn, giống ốc cũng lên xuống có điều tiết rất đúng với thủy

triều. Lạ hơn nữa, là nước triều đâu phải ngày nào cũng lên xuống cùng giờ. Như bữa nay, nước lên đúng 12 giờ, thì ngày mai 12 giờ 50, qua ngày mốt 13 giờ 40. Đại để cứ mỗi ngày nước triều trễ hơn hôm qua có 50 phút. Thế mà ở trong bể cạn giống ốc cũng rúc ra chui vào lớp cát đúng giờ, và dường như chúng cũng biết trừ hao sự sai biệt ấy.

*
* *

Loài thảo mộc cũng tuân theo sự điều tiết của hằng ngày, cũng có thức ngủ như người và thú vật.

Nhiều cây thuộc loại đậu, như đậu xanh, đậu đen, đậu mùng, cây keo, cây hòe, tối thì ngủ, sáng mới thức dậy. Nhất là cây “trinh nữ” (*la sensitive*).

Cây “trinh nữ” có những lá kép mọc đối trên những cọng nhỏ, cọng nhỏ ấy sắp hàng 2 bên cọng lớn. Tối lại những lá 2 bên úp mặt nhau và nằm duỗi theo cọng nhỏ. Mấy cọng nhỏ lại ngả xuống và nằm duỗi theo cọng chính. Khi ấy cọng lớn cũng gục xuống và duỗi theo chiều dài thân cây. Chừng 8 giờ tối thì lá và cọng đã gục xuống đều đủ. Nhưng giấc ngủ không lâu, độ 10 giờ tối thì cọng chính bắt đầu ngược lên, vừa hùng đông thì cọng chính đã ngay thẳng, những cọng nhỏ tách riêng và lá cây trải ra đều đủ.

Có điều lạ này, là nếu ta rọi ánh sáng liên tiếp trên cây trinh nữ để đánh lừa nó, làm cho nó lầm tưởng rằng không có đêm chỉ có ngày dài dằng dẳng thôi, thì giống cây này vẫn thức ngủ có điều tiết như thường.

Cũng có nhiều loại hoa cũng thức ngủ như là cây

trình nữ vậy, như hoa sen, hoa súng, hoa bồ công anh, *ban ngày thì trải ra, ban đêm khép lại.*

Hoa cây “*tị ngộ*” nở tàn cũng theo điều tiết: đại để chừng giờ Tị (9 giờ sáng đến 11 giờ) thì hoa nở đỏ hực đến trưa, khoảng 1 giờ chiều mới khép lại (tàn). Sáng sớm, bắt đầu giờ Thìn thì hoa bắt đầu chớm nở. Đến giờ Tị thì nở hoàn toàn lại đỏ tươi... Qua giờ Mùi thì héo (Nhiều người không hiểu, gọi lầm là hoa “*tý ngộ*”).

Bác sĩ Jules Regnault đã thí nghiệm như thế này: Bác sĩ bảo một người thọ cảm (*sensible*) đứng xây mặt về hướng Tây... rồi chẩn đoán những cơ quan như quả tim, gan, bao tử... Lại bảo người thọ cảm quay về hướng Bắc hay hướng Nam. Bác sĩ xem lại những cơ quan ấy, thì thấy thể tích trước sau có sự sai biệt, nhất là lá gan. Bác sĩ lại bảo xây mặt về hướng Tây như trước, thì thấy giới hạn các cơ quan ấy phù hợp với lúc ban đầu. Bác sĩ lại phân tích máu của người thọ cảm, thì cũng thấy có sự sai biệt quan trọng: người thọ cảm đứng xây về hướng Tây thì mỗi ly thước khối (mm³) có tới 4 triệu 52 vạn hồng huyết cầu, 14% bạch huyết cầu[1]; nếu xây mặt về phương Bắc thì mỗi ly thước khối chỉ có 4 triệu 16 vạn 6 ngàn hồng huyết cầu và 23% bạch huyết cầu.

Nếu để người thọ cảm nằm, thì mạch máu nhảy rất mạnh khi duỗi chon về hướng Tây, mạch máu nhảy rất yếu khi xây đầu về hướng Bắc, duỗi chon hướng Nam.

Do cuộc thí nghiệm ấy, Bác sĩ Jules Regnault kết luận: Cách nghỉ ngơi, *cách nằm ngủ tốt nhất là xoay*

1. Xin đọc lại “*Chu Dịch Huyền Giải*” đã có đưa vấn đề này ra với nhan đề: “*Sự quan hệ của phương hướng đối với con người*”

đầu về hướng Bắc chon đuôi về hướng Nam vì nằm cách đó cơ thể ít hoạt động, được nghỉ ngơi yên tĩnh. Bác sĩ nói: “*Au point de vue des rapports du champ magnétique terrestre avec les influences cosmiques et les réactions sur l’Organisme, les Chinois ont sur nous une avance de trois mille six cents ans (3.600).*” (p. 45 *Biodynamiques et Radiations*). Đó là ông muốn ám chỉ bộ Dịch Kinh với bản Hà đồ Lạc thư, do đó mà sinh ra cái học về Phong Thủy (Địa Lý).

*
* *

Thuật Dưỡng sinh, như ta thấy ở trên, cần phải biết thuận theo Thiên nhiên luật Tuần hoàn và điều tiết. Ở Đông phương, các nhà dưỡng sinh đều là những đạo gia rất thông về luật Tuần hoàn của Tạo hóa nên mới có câu: “*Thuận Thiên giả tôn; nghịch Thiên giả vong!*” Nội Kinh nói rất rõ điều này.

Những quan năng trọng yếu trong thân người, như *sự tuần hoàn của máu huyết, sự hô hấp, sự tiêu hóa, sự bài tiết...* mỗi mỗi đều tác động có điều tiết...

2. Sự điều tiết của quả Tim

Quả tim bóp lại, nở ra đưa máu đi nuôi châu thân. Hai lá phổi hít dưỡng khí vào, nhả thán khí ra cũng một hô một hấp.

Điều tiết của Quả tim chỉ huy nhịp điệu chung các cơ quan trong cơ thể con người, *ăn chịu với nhịp điệu của Trời Đất*, mà Robert Tocquet bảo: “*Vũ trụ là một thứ Quả Tim rất to, đang đập. (l’Univers, un Gros Cœur qui bat).*”

Bác sĩ Lavezzari nhận thấy những điều tiết chỉ huy vũ trụ hành tinh (rythmes planétaires) được tìm thấy lại trong cơ thể con người trong *nhịp điệu của hơi thở* (hô hấp) và *nhịp đập của quả tim*.

Trong 1 phút, quả tim của người khỏe mạnh đập 72 cái (nên để ý đến con số 9 là con số căn của Dịch ở Hà đồ và Lạc Thư); còn con số của nhịp hô hấp là 18 lần trong một phút ($18 = 1 + 8 = 9$) cũng là 9.

Một điều lạ này, là con số hô hấp của một người, thường là 25.920 (trong 1 tiếng đồng hồ (24 giờ)

$$18 \times 60 \times 24 = 25.920$$

(Con số 25.920, con số căn cũng là con số 9:

$$2 + 5 + 9 + 2 + 0 = 18$$

$$18 = 1 + 8 = 9$$

Con số 25.920 là con số của một Nguyên của Trời Đất (Année mondiale). Như vậy, thì mỗi ngày của Trời Đất là 72 năm ($7 + 2 = 9$) =

Lại nữa, một cuộc vận hành của địa cầu do tác dụng của mặt trăng lâu đến 18 năm ($1 + 8 = 9$).

Bác sĩ Lavezzari lại tìm thấy thêm rằng: số tỉ lệ giữa sự tuần hoàn của máu, và vòng châu tuần của sự hô hấp. Quả tim đập 28 cái thì ta thở 7 lần. Có thở đủ 7 lần thì mới có thể lọc hết không khí trong phổi.

Quả tim đập 28 cái, nghĩa là ta thở 7 lần thì một hồng huyết cầu mới châu tuần được khắp thân thể; và con số 28 phải chăng cũng là con số ngày âm lịch của một tháng? số tỉ lệ 28/1 phải chăng là con số tỉ lệ của một ngày trong một tháng? theo âm lịch (cycle lunaire): $28 = 8 + 2 = 10$.

Dựa vào sự phát minh này, ta có thể tìm ra được những phù hợp ngộ nghĩnh nữa:

Một năm có 12 tháng, 4 mùa; mỗi mùa có 3 tháng. Như vậy số tỉ lệ cũng là giống như tỉ lệ của sự tuần hoàn và hô hấp.

Như đã nói, quả tim nhảy 28 cái thì một hồng huyết cầu mới châu tuần được cả thân thể, tỉ số ấy cũng giống như một ngày đối với một tháng (28 ngày âm lịch). Trong máu có thứ bạch huyết cầu chuyển vận chậm hơn hồng huyết cầu 12 lần, thì cũng giống như năm đối với tháng, cũng như sự luân chuyển của mặt trăng đối với sự vận hành của quả đất (1 năm địa cầu quay một vòng, thì mặt trăng quay 12 vòng).

Cứ mỗi giờ, một bạch huyết cầu chuyển vận cùng khắp châu thân 15 vòng. Vậy mỗi ngày luân chuyển $15 \times 24 = 360$ vòng. Một năm địa cầu vận chuyển chung quanh nó 360 lần (theo âm lịch).

Như vậy, tại sao người ta lại đề nghị bỏ Âm lịch mà chỉ dùng Dương lịch mà thôi? Tại sao lại tách con người ra khỏi ảnh hưởng của Mặt Trăng?

*
* *

Bàn về 2 tâm trạng tương phản của Tâm hồn: sự tuần hoàn và điều tiết của Tâm hồn.[1]

-
1. Allan W. Watts, trong *Amour et Connaissance* có viết: "*Joie et Chagrin, Plaisir et Tristesse, Méfiance et Remords... nous habitent alternativement, au gré d'une humeur toujours changeante... Nuit et Jour, ils se succèdent en nous et nous ne pouvons dire d'où ils viennent...*" (page 83). Câu này giống trong thiên *Tề Vật Luận* của *Trang Tử*: "...Mừng giận, thương

Dịch bảo: “*Các hữu Thái Cực*”. Thái cực thì gồm cả Âm Dương lưỡng tính. Trên đời, như ta đã thấy, làm gì có tình trạng cô âm hay cô dương? Văn hào Blaise Pascal có nói một câu độc đáo về Con người: “*L’Homme n’est ni Ange ni Bête mais à la fois l’Ange et la Bête. Et le malheur veut que “Qui veut faire l’Ange fait la*

.....

vui, phản phúc, kinh sợ, phù phiếm, phóng túng,... Ngày và đêm tiếp nhau mà hiện ra trước mặt, ai mà biết được đầu mỗi nó nơi đâu? *Ôi! một sớm một chiều, ai biết được từ đâu sinh ra?*” (Trang Tử Nam Hoa Kinh, bản dịch của Thu Giang Nguyễn Duy Cần, trang 176, 177, Saigon, 1963, nhà x.b. Khai Trí).

Khoa “*Tâm Lý Học về bề sâu*” gọi đây là “*hiện trạng lưỡng cực*” (*phénomène de l’Ambivalence*). “*L’Ambivalence est ce mélange de désir et de crainte, d’amour et de haine, d’appétence et de dégoût...* Si l’amour et la haine, le plaisir et la douleur ont été éprouvés à l’occasion du même objet, l’ambivalence cause la plupart des grandes souffrances humaines. Sans doute, il s’agit là d’une *tendance inconsciente*, car dans son Conscient, l’individu redoutera car qui l’a fait souffrir et fera tous les efforts possibles pour s’en détourner; son inconscient n’en restera pas moins fixé à l’image initiale et s’efforcera de la retrouver partout.” (*Le Problème de la Destinée* (par Dr René Allendry, Gallimard, 1927) page 100, 101. *Hữu tâm thì ghét, vô tâm thì ưa*).

Câu này có 2 nghĩa, cần giảng bằng 2 cách “*xen tiếp nhau*” (alternativement) và “*đồng thời*” (en même temps), như câu “*Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo*” có 2 nghĩa “*hết ngày đến đêm, hết đêm đến ngày*”, và “*âm dương cùng một lượt ở chung nhau*” (*coexistence*), tức là “*phương sinh phương tử*”, “*phương hữu, phương vô*”, nghĩa là Âm Dương đồng ở trong mỗi vật (như Thái âm ngậm Thiếu dương; Thái dương ngậm Thiếu âm), bề mặt là Âm thì bề trái là Dương, bề mặt là Dương thì bề trái là Âm. (Đọc *La Pensée Chinoise* của Marcel Granet, 1934, La Renaissance du Livre, page 119, 120). Hiện tượng này thường xảy ra, nên Allan Wats nói: “*Ceux que nous haïssons le plus sont souvent aussi ceux que nous aimons le plus*. Faute de sentir cette corrélation, on risque de confondre le sentiment partiel avec le sentiment global, et de tuer une personne qu’on aime ou d’épouser quelqu’un qu’on s’apprête à haïr.” (p. 82, *Amour et Connaissance*)

Bête” (Con người không phải là Thánh, cũng không phải Thú, mà là cả hai: *Thánh mà cũng là Thú*. Tai hại là, kẻ nào chỉ muốn làm Thánh lại biến thành con Thú[1] Con Thú bị cưỡng ép sẽ tìm cách trả thù!

Như bài “*Âm Dương Luận*” trong quyển “*Chu Dịch Huyền Giải*” chúng tôi đã có nói: “*Tâm linh con người là một bầu mâu thuẫn: vừa ưa Dương mà cũng vừa ưa Âm. Đâu phải ta chỉ ưa thích uống chén rượu đào ngon ngọt đầy hương thơm bát ngát, mà ta lại cũng ưa thích những gì cay đắng thối tha. Âm hay Dương đều có sức hấp dẫn của nó: người ta ưa Thiện mà cũng thích Ác. Lòng ta là một bãi chiến trường, trên đó trời lên một bản Tình ca bất tận.*” (trang 9).

Một nơi khác, có nói: “*Âm, tự nó là một Thái cực; Dương, tự nó cũng là một Thái cực, nghĩa là Âm có 2 bộ mặt, mà Dương cũng có 2 bộ mặt. Hay nói cách khác: Dương tượng trưng thần Thiện, nhưng tự nó có 2 bộ mặt: Thiện mà Ác. Cũng như Âm tượng trưng cho thần Ác nhưng tự nó cũng có 2 bộ mặt: Ác mà Thiện. Thực tế trên đời, không có một cái Hay nào mà không có cái Dở của nó; cũng như, không có cái Dở nào mà chẳng có cái Hay*

-
1. “Regarde-moi, dit le Sphinx-Nature, Ange, Aigle, Lion et Taureau, j'ai la Face auguste d'un Dieu et le Corps d'une Bête ailée et rugissante. Oh! homme qui passe... éphémère que tu es, tu n'as ni ma Croupe animale, ni mes griffes de lion, ni mes ailes d'aigle, mais ton buste est pareil au mien. Qui es-tu? D'où viens-tu? Où vas-tu? Es-tu sorti du limon de la Terre ou descends-tu du disque étincelant de ce glorieux soleil qui surgit là-bas de la Chaîne-arabique? Moi, Je suis, Je vois, Je sais depuis toujours. Car je suis un des Archétypes éternels qui vivent dans la Lumière-Incréée... mais... il m'est défendu de parler autrement que par ma Présence. Quant à toi, homme éphémère, voyageur obscur, ombre qui passe, cherche... et devine, sinon – désespère!”

của nó. Không có cái Hại nào mà chẳng có cái Lợi của nó; cũng như không có cái Lợi nào mà chẳng có cái Hại của nó. Vậy, phải nhận thấy được cái Âm trong cái Dương, cái Dương trong cái Âm, cái Phúc trong cái Họa, cái Họa trong cái Phúc mới là người tinh thông Dịch lý, hiểu thấu được chỗ huyền nghĩa của Âm Dương”. (trang 6)

*
* *

* *Tâm hồn con người là một Mâu thuẫn khổng lồ.* Nhà Bác học Robert Tocquet lại đặt cho nó cái tên là “*cyclothymie*”. Ông nói: tâm trạng này cũng gần đi đến bệnh thần kinh? Không hẳn như vậy: trước giờ những bậc vĩ nhân cũng thường bị người ta nghi ngờ là những “người điên”? Có “điên” mới dám làm những chuyện “phi thường” mà người ta lẫn lộn với sự “bất thường”.

Tocquet định nghĩa danh từ “*cyclothymie*” như sau: “*Dans le tempérament cyclothymique, le caractère est en état de perpétuelles oscillations. Après une période normale, plus ou moins longue, où l’individu est gai, plein d’entrain, survient une phase de dépression, ou rien n’intéresse plus le malade, tout lui coûte; ensuite succède une période d’excitation qui se termine souvent par une nuit sans sommeil. Puis le cycle recommence.*” (p. 249, *Les Rythmes psychologiques*).

Tâm hồn ta bao giờ cũng có 2 cực đoan là tích cực và tiêu cực, ta cần phải nhận thức rõ điều ấy, và trong khi cái gì lên tới cực điểm cũng phải biến đổi, vậy ta hãy thay đổi việc làm, và trong khi có vẻ hơi chán thì chuyển qua hoạt động khác... Như nhà văn, phải có nhiều hoạt động say mê khác về nghệ thuật chẳng hạn.

Khi cảm thấy hơi mệt mỗi thì chơi đờn, đánh cờ, đi dạo ngoài đồng v.v... như các nhà đại văn hào đã bảo.

Chỉ những ai có *ý chí thật mạnh*[1] có thể trấn tĩnh

1. Trong quyển "*Le Serpent de la Genèse*" của Stanislas de Guaita, chương nói về "*Sức Mạnh của Ý Chí*" (Force de la Volonté) có câu: "*La Volonté de l'Homme constitue l'Une des Trois Grandes Puissances qui régissent l'Univers.*" (p. 367)

Ý chí con người, nếu biết điều khiển đúng phép, mà Jésus gọi là "Đức Tin" (la Foi) có thể làm cả cái việc "di sơn, đảo hải" (la Foi transporte les montagnes). Một vài hiện tượng tầm thường nhất của ý chí, có thể thấy được nơi những "trò" của bọn "Fakir" Ấn Độ... Sức mạnh của Tư tưởng con người thật là phi thường... Với tốc độ ánh sáng là 300.000 cây số trong một giây đồng hồ, tư tưởng con người hể vừa nghĩ đến thì nó đến ngay liền tại chỗ bất cứ là xa có đến hàng triệu triệu năm ánh sáng.

Georges Lakhovsky, một nhà Bác học mà thế giới ngày nay đặt ngang hàng với Pasteur, Einstein, trong quyển sách độc đáo của ông, "*L'Eternité, La Vie et la Mort*" bàn về *sức mạnh của tư tưởng* có nói: "*Tư tưởng của ta vượt không gian vô tận trong nháy mắt: hể nghĩ đến cái gì, dù ở tận "không gian vô tận" của vũ trụ, nó liền có mặt nơi đó... với tốc độ kinh khủng... Tốc độ ánh sáng trong 1 giây đồng hồ là 300.000 cây số mà có nghĩa lý gì? "...les ondes de notre pensée peuvent sortir des limites bornées de notre atmosphère et se propager à l'infini instantanément à travers les espaces du firmament et de l'Univers sans fin...*

Les vibrations de la pensée sont tellement subtiles et tellement rapides qu'elles sont véhiculées par l'Univers indépendamment des électrons et des ions, de telle sorte qu'elles peuvent osciller constamment dans tout l'Univers. Nous savons que la lumière solaire met, à raison de 300.000 km par seconde, 8 minutes pour nous parvenir. Eh bien, notre pensée est beaucoup plus rapide que la lumière, parce qu'elle peut instantanément évoquer le soleil en image, même sans que nos yeux le regardent. De même nous voyons la lumière de certaines étoiles disparues depuis des millions d'années, car la distance de ces étoiles disparues est tellement considérable que la lumière a dù mettre tout ce temps pour nous parvenir. Eh bien, notre pensée peut franchir instantanément cette distance. Ainsi donc des ondes de la

lại và làm chủ lấy mình, sẽ không bị sự thăng giáng bất thường như đã nói trên. Hơn nữa những nhà Đạo học biết cách tu luyện như Tĩnh tọa sẽ vượt khỏi những biến thiên tâm hồn như đã nói trên. Họ hoàn toàn làm chủ mọi sự mọi vật, cả vấn đề sinh tử cũng không bao giờ làm cho lòng họ lay chuyển. Bậc Chân nhơn đắc Đạo, là kẻ mà sách Kybalion đã nói: "*Comprendre ce Principe de Correspondance et de Rythme confère les moyens de résoudre bien des paradoxes obscurs et bien des secrets cachés de la Nature. Cette Loi-Universelle de Correspondance, les Anciens Initiés la considéraient comme un des instruments mentaux les plus importants à l'aide duquel l'homme était capable de renverser victorieusement les obstacles qui surgissaient en face de l'Inconnu...*"[1]

.....

Pensée peuvent embrasser immédiatement tout l'Univers." (p.202)

1. Maurice Maeterlinck, trong quyển sách độc đáo của ông, quyển "*La Sagesse et la Destinée*" đã nói lên (như Dịch Kinh đã đề xướng) sức mạnh của Tâm đạo có thể bất chấp các ảnh hưởng tai hại của ngoại cảnh.

Ông nói: "À côté de ceux qui sont opprimés par les hommes et par les événements, il y a en effet d'autres êtres en qui se trouve une sorte de Force Intérieure appelée Sagesse – à laquelle se soumettent non seulement les hommes, mais même les événements qui les entourent." (p. 22)

... "Il est vrai que le bonheur ou le malheur, lors même qu'il arrive du dehors, n'existe qu'en nous-mêmes. Tout ce qui nous entoure devient ange ou démon selon l'état de notre cœur." (p. 111)

... "Il est si vrai que la présence du Sage paralyse le destin, qu'il n'existe peut-être pas un seul drame où paraisse un véritable Sage, et s'il y en paraît un, l'événement s'arrête de lui-même avant les larmes et le sang. Non seulement il n'y a jamais de drame entre les Sages, mais il y a très rarement un drame autour du Sage." (p. 34)

Ta cần đọc kỹ bộ sách này... Nó là cả một Bộ Dịch Kinh của ngày nay do người Tây phương viết. Cái mà tác giả gọi là "*le Sage*" chính là *Hiền giả* đã ghi trong Dịch Kinh.

*
* *

Cần đọc thêm “*Le Problème de la Destinée*” (Etude sur la Fatalité Intérieure) của Bác sĩ René Allendy (Paris, 1927, Lib. Gallimard). Sách này có nhiều nhận xét độc đáo ly kỳ về “*định mạng nội tại*”.

(Sự có mặt của bậc Hiền đủ làm cho Định Mạng phải thối lui, vì nó không còn nguyên vẹn sức tàn phá của nó nữa, không có bị kích gì cả đối với bậc Hiền, mà cũng không có bị kích nào cả chung quanh bậc Hiền.) Câu “*đức trọng quý thần kinh*”: Kẻ nào có nhiều hậu đức, quý thần còn phải nể, hướng hồ, con người... (Tất cả những biến cố xảy ra, đều trở thành những thần thiện hay thần ác tùy cái tâm tư của lòng mình (tout ce qui nous entoure devient Ange ou Démon selon l'état de notre Cœur): “phùng Hung hóa Kiệt”).

Ảnh hưởng của ngoại vật đối với người hiểu Đạo và đắc Đạo, không còn nữa. Trái lại, kẻ đắc Đạo, chỉ huy lại thiên nhiên... mới có những ví von này của Liệt Tử và Trang Tử: ...“Trên núi Diểu Cô Tạ có thần hơn da thịt như băng tuyết, dáng điệu mềm nhũn như người con gái chưa chồng. Không ăn năm loài thóc, chỉ hợp gió, uống sương, nương theo hơi mây, cỡi rồng mà bay ngao du ngoài bốn biển. Ngưng thần lại thì có thể làm cho vạn vật không bị hư hoại đau ốm, lúa thóc lại được mùa” “Kể như những con người ấy, Đức đã cùng vạn vật hợp làm Một rồi thì không còn vật nào hai đặng. Nước cả đưng trời mà không làm họ chết chìm được, nắng cả cháy mềm sắt đá, cháy núi, thiêu đất cũng không làm cho họ chết nóng!” (Tiêu Diêu Du)

Trong quyển Liệt Tử cũng có câu chuyện Tương Tử như sau: “*Triệu Tương Tử thống suất trăm ngàn người đi săn ở núi Trung Sơn. Họ dùng cỏ khô đốt rừng, cháy hừng cả trăm dặm. Bỗng thấy một người từ trong vách đá chui ra, cùng bay lên đáp xuống như ngọn khói và tàn lửa, mọi người đều cho là quỷ hiện. Lửa tắt rồi, người đó ung dung bước ra, như không có gì xảy ra cả.*

Tương Tử lấy làm lạ, giữ lại, xem xét kỹ lưỡng người đó, hình sắc, mặt mũi, đúng là người, hơi thở tiếng nói cũng đúng là người, rồi hỏi:

– *Anh có đạo thuật nào mà ở trong đá được, vô lửa được?*

Người đó hỏi lại:

– *Đá, là cái gì? Lửa, là cái gì?*

Tương Tử đáp:

– *Đá là chỗ mà lúc này anh chui ra! Còn lửa, là chỗ lúc này anh vượt qua đó!*

Người đó, tỏ vẻ ngạc nhiên nói:

– *Tôi đâu có biết!*

(Liệt Tử)

*
* *

Hai bài ngụ ngôn trên đây của Trang Tử và Liệt Tử chỉ là ngụ ngôn, nói lên ý chung này: *người đắc Đạo, là đã hòa đồng với vạn vật nên không thấy có Ta có vật mà cả thấy là Một...* Nếu ai có đọc tập sách về *Tây Tạng huyền bí của Bà Alexandra David Néel*, nhất là bộ *Mystiques & Magiciens du Tibet*, sẽ không còn cho

các bài ngụ ngôn trên đây là do có tưởng tượng mê tín dị đoan tạo ra. Nhất là bộ “*Initiations Lamaïques*” quả là độc đáo! và phi thường!

3. Luật *Tuần hoàn và Điều tiết*.

Như đã thấy, rất quan trọng trong Y học, vì Y học lo cho con người rất trực tiếp. Trong Y học, phần quan trọng là *Dưỡng sinh học*...

Tiết điệu của Mùa, trong 4 mùa, ảnh hưởng rất mạnh các bệnh chứng. Ở đây, thử quan sát qua các thứ bệnh mùa.[1]

Đông Y đã bàn qua thuyết *Ngũ Vận Lục Khí* (đọc Trang Y Học Khái Luận ,chương Phụ, trang 28. Bản dịch của Viện Nghiên cứu Đông y do Bệnh viện Đông Y Thanh Hóa tái bản 1975).

Trong vũ trụ mệnh mông ta thấy muôn triệu hiện tượng đều biến diễn theo lẽ *Tuần Hoàn*. Vạn vật đều

1. Xin giới thiệu quyển *THỜI CHÂM CỨU HỌC* của Bác sĩ Nguyễn Văn Thăng (Tài liệu phổ biến nội bộ) của Câu lạc bộ YHDT bệnh viện YHDT (Th. phố Hồ Chí Minh (1981).

Trong quyển này có đề cập đến các *nhịp tuần hoàn của Khí trong ngày* (rythmes circadiens) có cả phép *Tý Ngọ Lưu Trú* và *Linh Quy Bát Pháp* của Cổ Y.

Đọc bài của B.s Jean Choain “*Les Horloges biologiques ou les théories du Nei-King* (nội Kinh) *devant la Biologie Moderne*” mới thấy rõ sự hợp nhất của Đông Tây.

* Cũng cần tham khảo sách châm cứu của B.s A. Chamfrault và Bs. Nguyễn Văn Nghi (Tome VI, *L'Energétique humaine en Médecine Chinoise*, Imp. de la Charente (1969), và nhất là Bộ *Traité d'Acupuncture* của Bác sĩ Roger de la FUÏE (*synthèse de l'Acupuncture et de l'Homéopathie*), trong đó Bác sĩ Fuyê đã tổng hợp một cách khéo léo và tài tình Khoa Châm cứu cổ truyền với Khoa Homéopathie ngày nay... Có nhiều ý kiến tân kỳ.

biến chuyển có điều tiết, tiến triển có trật tự từ bao giờ đến bao giờ không hề sai chạy. Trong một năm, 4 mùa tiếp tục có điều tiết, tuần hoàn có định kỳ. Khó mà hiểu được cách điều trị bệnh tật nếu không hiểu rõ thuyết “*Ngũ vận lục khí*”: mỗi mùa có những bệnh của mỗi mùa.

Dù bệnh gì cũng tiến triển có điều tiết. Điều tiết là luật chung trong vũ trụ. Vòng tiến triển của bệnh tật có thể chia làm 4 giai đoạn, tương tự với 4 tuổi trong đời người, 4 mùa trong năm.

Xét về sự tiến triển của một chứng bệnh *mãn tính* ta cũng thấy có 4 thời kỳ kế tiếp nhau có điều tiết, tuy không rõ ràng bằng những chứng bệnh cấp tính.

Các bệnh *mãn tính kinh niên* thường hay có sự thay đổi đột ngột, ta gọi là *bệnh trở*. Mỗi lần *bệnh trở* là mỗi lần *sức đề kháng tự nhiên của cơ thể cố gắng trục xuất những chất độc đã làm cho các then máy phải loạn động*. Bệnh nào có trở, mới mong được lành; hoặc lành bệnh được lâu dài. Các bệnh nguy kịch như bệnh ban của lưỡi trắng có thể giết chết người trong nháy mắt, nhưng nếu cơ thể chịu đựng nổi, thì sau cơn bệnh các tế bào mới đã được hoàn toàn thay thế, người bệnh rụng tóc, nhưng càng ngày càng trẻ lại, sống lại một cuộc sống mới. Thành ra trong cuộc tranh đấu giữa cái Sống cái Chết, ta cũng nhận thấy sự điều tiết, lẽ tuần hoàn.

Nay, hãy quan sát một bệnh *mãn tính* mà kết cuộc cũng được lành mạnh. *Sức chống chọi của cơ thể mạnh hơn bệnh nên bài tiết được những chất độc ra ngoài bằng những hiện tượng ghẻ lở, mụn độc, ghẻ ngứa, hoặc bị các chứng đi tả liên miên và ra máu; hoặc mồ hôi xuất hạn dầm dề, nước tiểu đục và hôi thúi...* (bề mặt nào cũng có bề trái của nó).

Đó là những triệu chứng rất may mắn... vì chất độc trong cơ thể được tống sạch... Kẻ làm thuốc chẳng biết như vậy, bệnh bị tống ra, lại tìm cách cản trở, đánh lui nó bằng cách bắt buộc nó phải trở vào cơ thể... Người ta bị ngứa ngứa, có mụn ngứa nổi đầy da... đó là bệnh chạy thoát ra, họ lại không cho ra, bắt buộc nó phải trở vào trong như cũ, bằng cách cho thoa các thứ thuốc ghê ngứa hay ghê lở...! hoặc hơi nhức đầu thì mau cho một liều thuốc an thần... mà không lưu ý đến sự báo hiệu của nó.

Với việc trở về *Tự Nhiên*, cần đọc lại quẻ *Thiên Lôi Vô Vọng*, và *Nội Kinh*.

Nơi thiên “*Tứ Khí Điều Thân Luận*” trong *Nội Kinh* cũng đã nói lên sự quan hệ của cách sống gần gũi với *Thiên nhiên*, hòa hợp với nhịp điệu của *Thiên nhiên* (hòa với Âm Dương, thuận với bốn mùa)... là một nguyên tắc căn bản của *phép Dưỡng Sinh* theo Đông phương.

1. “*Ba tháng mùa Xuân*, gọi là *phát trần*” (“*thay cũ đổi mới*”). Khí Trời Đất mới phát sinh, muôn vật nảy nở tốt tươi. *Nên dậy sớm đi rong ngoài sân, buông xóa tóc, mặc áo rộng... cho khí trời vào trong lồng áo; Làm như vậy cho hợp với khí mùa Xuân*, đó là đạo *Dưỡng sinh* vậy! Nếu, làm trái lại, thì làm thương tổn đến *Can*, không đủ sức *dưỡng Tâm* (*Mộc sinh Hỏa*), *Tâm hỏa* sẽ bị *Thận thủy* khắc chế... đến mùa *Hạ* biến *Thành bệnh Hàn*.

2. *Ba tháng mùa Hạ*, khí Trời Đất giao nhau, muôn vật tốt tươi, nở hoa, kết trái. *Nên dậy sớm, chớ ngại ngày dài, chớ để trong tâm những điều giận dữ, bất bình cho Thần Khí được thơ thới, khí bên trong xuất được ra ngoài không gì ngăn chặn vít lấp. Làm như vậy là để hợp với khí mùa Hạ*, tức đó là đạo *dưỡng sinh*

vậy! Nếu trái lại, sẽ *thương (tổn) đến Tâm*, qua mùa Thu sẽ biến ra chứng “*ngược*” (sốt rét). Tâm Khí mà kém không đủ sức để cho Phế thu liễm, ở mùa Đông tất lại mắc thêm bệnh nguy hiểm. Tâm thuộc Hỏa nên vượng về mùa Hạ, nếu làm trái với Khí phù việt của mùa Hạ, thì Tâm sẽ bị tổn thương, đến mùa Thu không còn thu liễm được khiến cho 2 khí Âm Dương đối chọi nhau mà sinh ra chứng ngược (sốt rét), đến mùa Đông không còn gì bổ tàng. Dương khí không trở về nơi căn bản. Mùa Đông là thời kỳ Hàn thủy phát triển, bởi không còn có Dương khí làm cho ấm áp mà mất quân bình nên dễ mắc thêm bệnh nguy.

3. *Ba tháng mùa Thu*, khí trời hanh ráo, khí đất trong sáng, nên *ngủ sớm dậy sớm theo tiếng gà gáy (mùa Thu, gà gáy sớm, xuống chuồng muộn)* để cho *tâm chí được yên bình*, làm dịu bớt sự tức sái của mùa Thu, thu liễm Thần Khí cho Phế Khí được trong sạch. *Làm như vậy cho hợp với Khí mùa Thu*: Nếu trái lại sẽ bị *thương Phế*, không đủ sức cho sự thu tàng, mùa Đông sẽ sinh bệnh tiết tả (tiêu chảy). Vì mùa Thu và Phế đều thuộc hành Kim, Phế Kim bị tổn thương thì không sinh được Thận thủy ứng với mùa Đông. Thận khí suy, không giữ được Thủy, Tỳ thổ cũng không chế được Thủy nên bị “*thấp khí xâm lăng*” mà sinh ra chứng tiết tả...

4. *Ba tháng mùa Đông* bổ tàng, nước thành băng, đất nứt nẻ, không nên làm nhiều loạn Dương Khí. Nên đi *ngủ sớm, dậy muộn*, đợi lúc mặt trời mọc để cho khí của Tâm Thận giao nhau, tránh nơi lạnh, đến nơi ấm, đừng để thân mình có chỗ hở nhiều làm cho động tới căn khí bên trong. *Làm như vậy cho hợp với khí của*

mùa Đông, tức là cái đạo giúp cho sự thu tàng. Nếu làm trái lại sẽ tổn thương đến Thận, do đó sẽ không đủ khí, giúp cho sự sinh trưởng của Can mộc, nên tới mùa Xuân, Can đã bị suy yếu tất sinh ra bệnh chon tay mềm rũ, giá lạnh.

Nếu biết *sống thuận theo Thời Khí* sẽ không mắc phải những *bệnh tật kỳ quái*, sinh khí cũng được lâu bền mãi mãi...

Người thầy thuốc giỏi không chỉ biết trị bệnh khi bệnh nhon đã mắc, mà còn *biết phòng trước* từ lúc chưa mắc. Như Dịch Kinh đã khuyên: “*Phòng loạn hơn trị loạn*”.

*
* *

4. *Bốn thời kỳ trong đời người, vòng chu kỳ tiến triển của nhon thân:*

Trong vũ trụ mênh mông, các hiện tượng đều biến diễn theo lẽ Tuần hoàn tiết điệu. Đời người cũng bị những luật ấy chi phối...

Trong 1 năm có 4 mùa diễn tiến có điều tiết, tuần hoàn có định kỳ. Mùa Xuân, nụ nỡ nà; mùa Hạ quả chín đỏ; mùa Thu hoa lợi thu hoạch đầy đủ; mùa Đông thảo mộc điêu linh, nhựa cây tiềm phục để chờ khí xuân ấm áp sắp đến để cho cánh vật được hồi sinh rục rã.

Đời người cũng một thế.

a. *Tuổi thơ ấu* giống như mùa Xuân. Cây cối chứa đầy nhựa sống, như thân hình đứa trẻ uẩn súc tân dịch dồi dào. Hình vóc xinh xắn từ từ nẩy nở như chồi non trên cành hé dần những lá, đến mùa Hạ sau này sẽ trở thành rậm rạp.

b. Cũng như không khí mùa Hạ nóng bức, dương khí lên gần cực độ, khí huyết của *Thanh niên* hăng say sôi nổi. Tân dịch chuyển vận dồi dào như mưa to, nắng gắt: tuổi này là tuổi của huyết tính, sức lực sung mãn, tánh khí cương cường.

Hình vóc nảy nở hùng vĩ như cành lá xanh tươi rậm rạp... Trải bao trận giông tố bão bùng, biết bao việc lý kỳ điên đảo, nhưng cũng là mùa hoa nở tung bùng, trái chín xinh đẹp. Nhờ thế mà tuổi này mới gánh vác nổi những công việc kiến tạo to tát như chinh nam phạt bắc... tạo lũy xây thành.

Dành rằng huyết tính sôi nổi, làm nên sự nghiệp, nhưng nếu biết dành dụm sức lực, thì hoa không bị giông tố phũ phàng nắng hè thiêu đốt, sang Thu sẽ thu hoạch được những quả chín xinh tươi kết quả của một kỳ tráng niên lao碌. Dành rằng dục vọng nồng nàn là nguyên nhân của sự tiến bộ, nhưng nếu để cho ánh hè nóng bức cũng sẽ làm cho những đóa hoa tâm hồn héo hắt úa tàn, một mai Thu đến Đông sang, cõi lòng lạnh buốt thì còn biết lấy gì để ấp ủ giải sầu?

c. *Thu sang*, khí trời mát mẻ dịu dàng, huê lợi thu hoạch bộn bề, hình vóc và trí huệ đều được trưởng thành, đến đây là được hoàn toàn phát đạt vì nhu trái đã chín muồi. Sự nghiệp đã có. Cuộc đời đã định. Bây giờ đã vững vàng, lòng sáng suốt mà nhìn thẳng tương lai. Mùa thu, là mùa mà dục tình lắng dịu.

d. Thấm thoát *mùa Đông lại đến*: bầu trời âm đạm, cây cối đìu hiu. Trên mặt hồ nước biếc, ngọn gió may gợn sóng lăn tăn, thời gian đã in những vết nhăn theo trên gương mặt. Khí trời lạnh lẽo, cảnh vật ảm đạm, tuổi già cũng theo đó mà trở thành lạnh nhạt với việc đời,

việc gì cũng có vẻ hoài nghi thận trọng như con cáo già đã trải qua nhiều cạm bẫy!

Tiết đông thiên lạnh lẽo đem đến cho người già một tánh khí lãnh đạm, họ được cái hay hơn tuổi trẻ, là không còn nhìn đời theo bầu nhiệt huyết nữa, bằng mộng tưởng nữa, nên sự nhận thức rõ ràng sáng suốt hơn tuổi trẻ nhiều.

*
* *

5. Để tạm chấm dứt bài này, xin thử bàn thêm về ảnh hưởng của sự Tuần hoàn Điều tiết đối với sự *thay lông* và sự *phát động dục tình theo thời tiết*.^[1]

1. Thời nóng và thời lạnh: (thuộc về thời tiết, có lúc gọi là thời nóng (từ khoảng tháng 7 và tháng 8); thời lạnh (khoảng mùa Xuân).

Theo Bác sĩ Wheeler, những *thời nóng* trong quá khứ, là những thời mà người ta phải trải qua mọi thứ chiến tranh, độc tài tàn bạo đủ loại. Trái lại, những thời lạnh là những thời cải cách tốt đẹp, các dân tộc bị đàn áp bóc lột tháo gỡ được các chế độ độc tài, mà trong lúc nóng bức họ đã trở thành giả dượng, mệt mỏi và cam chịu thụ động.

Theo Wheeler, những đại tướng có tài xâm lược lại hiện lên trong những thời nóng như Attila, Guillaume le Conquérant, Charlemagne, Napoléon, Hitler. Kể ra, có đến 90% (chín chục phần trăm) các sự độc tài tàn bạo và chiến tranh xảy ra trong thời nóng nực.

Trái lại, các thời mát mẻ, lạnh hơn... là những thời buổi mà con người chống trả lại các chế độ độc tài bức hiếp. Đó là lúc giải phóng (ce sont alors les périodes de libération sociale) các ách nô lệ. Chín mươi hai phần trăm các vị Vua Chúa mà lịch sử gọi là đại đế cũng đều *sống trong những thời lạnh* ("Le Christ, l'Empereur Constantin, Charles Martel, Dante, Luther, Calvin, Washington, Lincoln ainsi quelque deux pour cent des Rois que l'histoire a qualifiés de Grands ont tous également vécu pendant des périodes froides")

(*Cycles et Rythmes*, Robert Tocquet)

(Ed. Planète 1969), pages 116–117).

Nhiều loài thú có một bộ lông mùa Hạ và một bộ lông mùa Đông. Trong một năm có hai lần thay lông: rụng 2 lần, mọc 2 lần.

Thay lông, thì màu lông cũng biến đổi. Đại loại như loài chồn bên Âu châu, mùa Hạ thì màu lông nâu xám, hoặc đen, đến mùa Đông đến biến thành sắc trắng.

Thời tiết có ảnh hưởng đến tình dục nữa. Cứ quan sát loài dã thú và loài gia súc mà còn giữ bản tánh tự nhiên, thì thấy chúng chỉ giao cấu về những mùa dục tình phát động mà thôi. Loài trâu bò hay giao cấu về mùa Xuân, mùa Thu. Còn con người thì sao? Ôi! con người bởi quá “thông minh”, “nhiều lý trí” quá, nên “phá giới” không tuân theo thời tiết nữa. Họ phóng túng, bừa bãi, luôn luôn sống nghịch với thiên nhiên, nghĩa là luôn luôn *sống lỗi thời*, bất chấp câu *“thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong”* bởi vậy, *con người là một loài thú đau khổ, và bệnh tật nhất trần gian.* Cái gọi là “Văn minh” lại càng giúp họ sống nghịch với Thiên lý. Tuy vậy, ta cũng vẫn nhận thấy *số sinh sản về tháng 9, tháng 10 mạnh mẽ hơn những trẻ sinh ra tháng 4, tháng 5.* Sinh tháng 9 tháng 10, là thụ thai khoảng mùa Xuân mùa Hạ, còn sinh ra tháng 4, tháng 5, là đã thụ thai khoảng mùa Thu mùa Đông.

6. Tuần hoàn qua các dân tộc: sự thịnh suy của các dân tộc

Cũng như cá nhân, các chủng tộc cũng tiến hóa có điều tiết theo luật tuần hoàn.

Theo màu da, nhơn loại có thể chia làm 4 giống người. Bốn chủng loại kế tiếp nhau có điều tiết như bốn tuổi trong một đời người, bốn mùa trong một năm.

Giống da đen giống như mùa Xuân, khác nào tuổi ấu thơ và người thuộc loại lâm ba chất; *giống da đỏ* có chỗ phù hợp với mùa Hạ, tuổi của thanh niên, với người thuộc loại đa huyết chất; *giống da trắng* như một kẻ trưởng thành, như người thuộc loại đờm dịch chất hợp với mùa Thu. Còn *giống da vàng*, thì như người thuộc loại “hắc đờm chất”. Cảnh tượng văn minh Á châu lại giống với cảnh vật tiết Đông thiên.

*
* *

Giống da đen hợp với mùa Xuân. Người da đen, giống Mọi Phi Châu, thân hình vạm vỡ, nở nang như cơ thể đứa bé thơ. Như lúa thơ ấu, họ rất đa cảm, và như người lâm ba chất họ có một tâm hồn ngây thơ, chất phác, hay tin đời. Vì thế, mà người da đen rất sùng Tôn giáo, thứ Tôn giáo rất phức tạp: họ thờ đủ thứ thần tượng, những lực lượng thiên nhiên đều được thần linh hóa cả, như thần sấm sét, thần sông, thần bể, thần núi, thần lửa...

Họ có tâm hồn tham thanh chuộng lạ như bọn trẻ thơ, nên dễ lấy lời ngon ngọt, màu sắc rực rỡ lòe loẹt mà dỗ dành. Hạng người rất nhẹ dạ. Họ rất chất phác, không thích lễ nghi phiền phức như các dân tộc tự xưng là văn minh ngày nay. Họ không biết giả dối, đầy đura, trong bụng nghĩ sao thì nói thẳng ra. Phép lịch sự của người Âu Mỹ, họ cho là những ràng buộc giả dối, che lấp bản tánh tự nhiên.

Có nhiều bộ lạc Châu Phi không có tục cưới xin phiền phức như ở các nước Á Châu như Trung Quốc chẳng hạn. Mỗi khi nhà bên gái đã thuận tình gả con cho nhà

trai, thì chàng rể tự do đến cướp vợ để lên mình ngựa phi thẳng về nhà.

Người da đen không biết hổ thẹn như người các nước “văn minh”, họ sống lỏa thân như các đứa trẻ, một cách tự nhiên. Họ cho rằng Tạo hóa sinh ra thế nào thì phải để tự nhiên như vậy, y phục bao nhiêu càng ràng buộc bấy nhiêu, đã vô ích, lại còn mất vẻ đẹp thiên nhiên.

Con người càng văn minh càng phức tạp, nên có nhiều người muốn trở về sống tự nhiên như đứa trẻ thơ, mà nhà Đạo gọi là “xích tử chi tâm”. Các nhà triết học Âu Châu sau này thường bảo với nhau: “Chúng ta hiện đã làm mất một báu vật vô cùng quý giá, “lòng ngây thơ của đứa trẻ con!”.

Tóm lại, hắc chủng là một đứa trẻ còn nhiều thiên tính, sống theo thiên tính và vật dục mạnh.

*
* *

Giống da đỏ ngày xưa đã đến một trình độ văn minh cũng khá cao, họ xứng hợp với *mùa Hạ* trong năm, và tuổi thanh xuân trong đời người. Tuy ngày nay giống ấy đã *gần như tiêu diệt*, nhưng cứ xem những đền đài còn lưu dấu, cách kiến trúc tráng lệ hùng vĩ cũng đủ chứng nhận một thời văn minh cường thịnh.

Tuy văn hóa họ không cao bằng người Bạch chủng, nhưng có một vẻ hùng cường dữ tợn như khí phách của tuổi thanh niên, như cảnh vật của thời Hạ thiên vậy. Người Hồng chủng có một quan niệm đúng đắn và cao thượng về gia đình. Cách giao tiếp giữa cha con, vợ chồng, anh em rất trọng lễ nghĩa cảm tình.

Đặc tính của họ, là lòng thành tín. Đã hứa với ai điều gì, thì chết cũng không dám bội ước. Dù phải hi sinh tánh mạng để bảo toàn sự Tín Nghĩa họ không ngần ngại chút nào cả!

*
* *

Giống da trắng hợp với mùa *Thu*. Người da trắng giống như *kẻ đã trưởng thành, nhiều kinh nghiệm, trí thức rộng*. Văn minh Âu Châu đến nay thật là phong phú không khác nào mùa *Thu* hoa quả xây thành chín mộng. Khoa học người Tây thương đã đạt đến cực điểm, các sự phát minh càng ngày càng kỳ diệu, hoán cải cả đời sống vật chất của loài người.

*
* *

Giống da vàng, như *tuổi già*, hiện như vào cảnh tượng *Đông thiên*. Nền văn minh nước Trung Hoa ngày nay đã bước qua cảnh hướng một kẻ già nua lụi cụp, đã sống nhiều trong lúc thiếu thời. Về phương diện Triết học thì Ấn Độ có thể tự hào là đã sản xuất những nhà đại triết gia sâu sắc nhất hoàn cầu, nhưng rồi quá lo trầm tư mặc tưởng mà quên đi thực tế, và đã trở thành bất động như cảnh vật vào buổi đông thiên gió lạnh. Thích nhàn nhã... ưa không tịch!

*
* *

Nhưng, luật Tuần hoàn đầu có thể cho phép kéo dài mãi, với ánh sáng mặt Trời và không khí ấm áp mùa xuân, cảnh vật rồi đây sẽ lại phục sinh mà khởi điểm một buổi bình minh mới khác, mà ta tin là *thời Thiếu dương sắp đến... trong lòng Thái âm cực độ*. Đêm càng khuya, bình minh càng mau đến sớm... *Chung tắc thủy... là một cái luật Tự nhiên...* Vận mạng của các chủng tộc đều bị luật Tuần hoàn chi phối, cuộc doanh hu tiêu trưởng kế tiếp nhau như ngày với đêm... “nguyệt vãng, tắc nhật lai”... Không thế thì sao hiện nay Âu Mỹ ò ạt chạy sang Đông phương cầu học, và *Dịch Kinh đang ở trong tình trạng được phục hưng rực rỡ, với Đông phương Y đạo...* Hiện thời nước Việt Nam cũng đang trọng dụng Đông Y, dĩ nhiên phải cầu đến cái học của Dịch Kinh. Không có cuộc đại cách mạng vật chất nào mà không có sự chết chóc và đổ máu, nhưng sự tàn phá hủy diệt đến cùng tận rồi, mới hiện lên được sức mạnh vô cùng của tinh thần: “*twong dục hấp chi, tất cố truong chi*” (Hòng muốn thu rút đó lại, là sắp mở rộng đó ra). “*Chỉ trong những lúc hăng say hủy diệt mới hiện lên được sự Sáng tạo thiêng liêng. Chỉ trong cái Chết, mới thấy hiện lên sức Sống vô tận của Trời Đất chói rực lên*” (Độc Tinh Hoa Đạo Học Đ. P, trang 77).

7. *Thể chất loài người*: Căn cứ vào sinh lý, ta có thể chia loài người ra làm 4 tính chất căn bản:[1]

a/ *Lâm ba chất* (le tempérament *lymphatique*)

b/ *Đa huyết chất* (le tempérament *sanguin*)

1. Độc Trang Tử Nam Hoa Kinh (bản dịch và bình chú của Thu Giang Nguyễn Duy Cần). (Bản năm 1963), trang 260.

c/ *Đỏm dịch chất* (le tempérament *bilieux*)

d/ *Hắc đả chất* (*l'atrabilaire*).

Bốn thể chất cũng tương tự như 4 tuổi trong một đời người, và 4 mùa trong một năm.

Mỗi thời kỳ trong đời người, mỗi mùa trong năm, là một giai đoạn của vòng tiến hóa, một cuộc tuần hoàn. Còn mỗi thể chất là tánh cách riêng của một đời người. Tuy nhiên, “tướng tự tâm sinh, tướng tùng tâm diệt”, kẻ nào không gắng công sửa đổi, thì suốt đời phải chịu ảnh hưởng nặng nề của thể chất ấy.

Thực ra chẳng có ai có một thể chất thuần túy mà thường có những *thể chất hỗn hợp* ít nhiều. Trong vòng các thể chất, nếu muốn kể cho đủ, nên thêm một thể chất thứ 5, là *thần kinh chất*. Bốn thể chất đã kể trên là những thể chất căn cứ trên sinh lý và cơ thể, còn “*thần kinh chất*” là *kẻ bị thần kinh lực chỉ huy* mà thần kinh thì dễ bị kích thích và loạn động.

*
* *

Bốn thể chất có nhiều chỗ xứng hợp với 4 mùa trong năm và 4 thời kỳ trong một đời người.

Người thuộc về loại *lâm ba chất*, nước da trắng, thịt nhão và bệu, tóc mềm, ít râu và lông. Cử chỉ yếu đuối, đi đứng chậm chạp. Khí lực yếu nên dễ bị cảm phong hàn. Người *lâm ba chất* chữ viết tròn trịa, yếu đuối, dù có những nét đậm song vẫn mềm mại. Đại khái như nét chữ T hay những nét thẳng như chữ Đ (đ) đều viết cong, không có lằn ngang mạnh, hoặc có, thì lại rất nhẹ.

Người *lâm ba chất* là người *thích yên tĩnh*, không muốn vận động mà cũng *nhác suy nghĩ*. Chỉ thích ngồi một cách uể oải.

Cũng như tuổi trẻ, tuy khí lực tiềm tàng nhưng còn yếu ớt; mùa Xuân cây cối tuy đầy nhựa sống nhưng vẫn còn non, người *lâm ba chất* tuy dư, đôi khi trông như nồn nà mập mạp mà sức vẫn còn kém cỏi. Hạng người này, tánh khí nhu nhược, nên có vẻ rụt rè e thẹn. Nhất là khi đứng trước đông người lại càng nhúc nhác rụt rè, nói năng lúng túng, cử chỉ ngượng nghịu. Đặc tính là hay tin, dễ tin người, như đứa trẻ ngây thơ. Họ dễ bị dụ dỗ nếu họ theo đạo nào, họ là những tín đồ ngoan đạo nhất. Họ theo dư luận, không có định kiến, không dám quyết định, cứ sống theo ý kiến kẻ khác. Họ ngây thơ, thật thà, không biết nham hiểm là gì, và ít khi làm ác. Dù họ có hảo tâm thiện niệm, họ không thực hành được chí nguyện, bởi *thiếu nghị lực*.

Người “*đa huyết chất*” thì lại khác hẳn. Nước da đỏ thắm, hồng hồng, tư nhuận, mịn màng. Thân hình cân xứng, gân cốt cứng cáp, bắp thịt nở nang.

Chữ viết cứng cỏi, nét đậm đà; những chữ đứng như chữ T thường được gạch mạnh, nghĩa là có ý chí cương quyết, đôi khi dấu trên chữ “t” lại còn đem ra trước xa, biểu hiện một tánh khí hăng hái hoạt bát. Họ thật là người quả cảm đôi khi liều lĩnh nữa là khác. Họ tự phụ, tự tin ở sức lực của mình, và nếu có gặp sự thất bại họ cũng vui vẻ trầm tĩnh như thường.

Những đau khổ ít khi thấm sâu vào xương tủy mà chỉ phốt bên ngoài, tựa hồ trận mưa dông tuy to lớn, dữ dội, nhưng trong chốc lát trời lại trở nên quang đãng, đất lại trở thành tạnh ráo như thường.

Họ tự tin và cũng tin cả mọi người, nên thường thích giao du trò chuyện và trong sự giao thiệp họ cũng được thành công vì bản tính cởi mở vui vẻ mà ai cũng muốn kết thân.

Khí huyết sung túc nên xứng hợp với tuổi trẻ thanh niên, với mùa Hè. Khí huyết bông bột như ở tiết Hạ thiên, phồn thịnh như cảnh vật mùa Hạ, nên thích tham gia vào những công việc xã hội.

Xem đó, người đa huyết chất có đủ tư cách làm một nhà Chánh trị, một tay kinh doanh... Nhưng trí tuệ của người đa huyết chất kém người “thần kinh chất” và người “đỏm dịch chất”. Họ chỉ được bề mặt mà kém về bề sâu: họ chỉ quan niệm được một cách dễ dàng về vật chất hữu hình mà không thấu triệt được cái gì trừu tượng vô hình...

Người đa huyết chất có thể đau khổ ê chề tha thiết, nhưng không “ôm sâu nuốt thảm”: họ không biết nỗi cái lạc thú đau khổ của triết gia và thi sĩ. Họ có thể hung dữ, nhưng trong lòng không mang oán cừu. Đa huyết chất có thể yêu thương nồng nàn, yêu như điên như dại; nhưng họ có thể dứt phăng mối tình, mà trong lòng không chút buồn rầu ân hận. Những cuộc ái ân của họ không bền bỉ, họ không chung tình, nên không bao giờ lụy vì tình. Cũng nên nói, ái tình của họ phần nhiều đặt trên sự khoái cảm nhục dục nên cũng là một cái cơ cho tình yêu dễ phai lạt.

Người “đỏm dịch chất” thì thân hình ốm o (khác với đa huyết chất, mập tròn). Da vàng như lá mùa thu. Bởi trong mình không được khoan khoái như người đa huyết chất nên họ không vui vẻ như người đa huyết chất.

Người này không ưa hoạt động về vật chất, mà rất thích hoạt động về tinh thần. Nếu so với người đa huyết chất, tu tưởng của họ ít hẳn tiếp, họ lại trôi về phần thâm trầm sâu sắc. Họ có một bộ óc tưởng tượng phi thường; mộng tưởng quá cao quá rộng, mà sức lực của họ không đủ... Đó, là hạng người mà Trang Tử đã nói: Sự muốn hiểu biết thì vô hạn mà sức người thì hữu hạn, lấy cái hữu hạn mà cung phụng cho cái vô hạn, là nguy... nên phải cần đến đạo dưỡng sinh (Thiên Dưỡng Sinh Chủ của Trang Tử): “Ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri dã vô nhai; dĩ hữu nhai tùy vô nhai, đãi hỉ!”.

Bởi họ cảm thấy, “lực bất tòng tâm” nên thường có tánh bực tức, gắt gỏng... Cử chỉ và ngôn ngữ không được tròn trịa mềm mỏng như người đa huyết chất. Họ như ngọn gió Thu rền rĩ trong chòm lá, lọt qua khe cửa mà làm cho lòng người tê tái lạnh lùng: họ thường là kẻ *bi quan* (không lạc quan như người đa huyết chất). Tâm trí người đờm dịch chất rầu rầu như trời thu âm đạm, tánh khí bao giờ cũng già dặn như kẻ đã trưởng thành. Đặc tính của người đờm dịch chất là lo lắng, ưu tư... và lo lắng bông lông vô sở cứ. Trong lãnh vực tu tưởng, họ làm chúa tể, mà trong cõi đời thực tế, họ phải cam làm một kẻ tạt nguyên. Nếu người đa huyết chất tự tín, thì người đờm dịch chất hay hoài nghi: họ là triết nhân: theo họ “tiểu nghi, tiểu ngộ; đại nghi, đại ngộ”. Họ thiên về Phật hơn là thiên về Lão.

Trong vòng tình ái, người đờm dịch chất không nóng nảy, không bôn chôn như người đa huyết chất, họ lại không dễ dứt phăng tình ái như người đa huyết chất: họ là kẻ rất chung tình, họ là kẻ đa sầu đa cảm như tác giả bài thơ Giọt Lệ Thu (của Trương Phố Phu nhon). Họ

không làm chủ được lòng họ, nên trong tình sử của họ có lắm trang rực rỡ mà cũng lắm chuyện đau thương. Họ thường là nhà văn, nhà tư tưởng trác tuyệt có thể làm rung động con tim mọi người: họ là một Lamartine hay một Alfred de Musset, một Nguyễn Du chứ không là một Đinh Chiếu!

Người *hắc đóm chất*, nước da đen đũi, thô xám, thân hình gầy còm. Về hình thể, có nhiều chỗ tương tự với người đóm dịch chất, nhưng sức lực rất kém, cử chỉ chậm chạp, quan năng trong người rất kém. Họ là hình ảnh mùa Đông, hình ảnh của hạng người lão đại. Nhác trông, màu da chì của hạng người này, ta nhớ đến màu trời âm đạm *tiết Đông thiên*, và thấy hình dạng gầy còm ốm yếu của họ, ta liền tưởng những cành cây trơ trọi, vỏ nhãn nhũn, phát phơ trước luồng gió bắc. Người ăn uống rất ít, hay nói đúng hơn, họ rất kén ăn, không ưa hoạt động và rất ghét sự giao du. Tuy trẻ mà trạng huống như kẻ đã già nua tuổi tác.

Về phương diện tâm lý cũng như về phương diện sinh lý, người hắc đóm như người đóm dịch được phóng đại ra. Người đóm dịch hay thêm thất nổi khó khăn; người hắc đóm chỉ thấy toàn là trở ngại: họ không thích giao du với ai cả, vì họ thấy toàn là những tánh hư thói xấu, những lầm lỗi của mọi người, nên tuy chưa đụng chạm gì với người nhiều, như người đứng tuổi hay lão thành, họ đã sẵn có nhiều thành kiến xấu đối với người chung quanh.

Đã chẳng những họ không chia sẻ sự vui thú của người đời, thấy sự vui thú của kẻ khác, họ cũng chẳng ưa. Càng lánh đời, họ càng thấy nổi buồn bức rức, cho nên cuộc đời của họ buồn bức lạnh lẽo, họ chẳng còn

biết gì là sinh thú, họ để bóng quang âm lặng lẽ thoáng qua, những phút vô vị của tuổi già nua cần cỗi, hay những ngày thê lương của mùa đông âm đạm.

*
* *

Nhưng, nếu lỡ sinh ra với tánh khí lạnh đạm này mà biết suy nghĩ chín chắn hơn, cái khiếu thích ẩn dật này mà học hỏi và nghiên cứu... thì cảnh âm đạm cũng có lúc trông thấy được ánh sáng vui tươi và ấm áp.

Tánh khí tiên thiên, không phải là điều cố định, còn ý chí muốn thay đổi sẽ biến đời ta từ xấu qua tốt, từ dở qua hay, từ thấp lên cao... Có “Trời” mà cũng có “Ta” là thế!

“Có Trời mà cũng có Ta
“Tu là cội phúc, Tình là giây oan!”
(Nguyễn Du)

*
* *

“Thể chất”, thực ra chỉ là *một chứng bệnh do di truyền để lại*, do sự sống trái thiên nhiên của nhiều đời ông cha ta... mà ta phải hứng chịu hậu quả.

“Không có thể chất nào hay hoặc dở, thể chất mà tốt vẫn có những cái xấu của nó. Cho nên, ta cần phải *biết rõ những sở trường sở đoản của thể chất* ta mà lo chữa lại... Thể chất, là một miếng đất để cho các bệnh tật tự do phát triển. Sức chống cự với vi trùng cũng tùy theo thể chất. Chính thể chất vạch trước cho ta biết, cơ thể

nào dễ bị nhiễm bệnh hơn; thể chất phác họa cho ta thấy rõ những nét đại khái về Trí khôn và Tánh tình; chính thể chất ước lượng cho ta biết sự thọ yếu của đời người”. Bác sĩ Paul Carton, trong quyển “*Diagnostic et Conduite des Tempéraments*” chỉ cho ta phép đi tìm hiểu đặc tính của mỗi thể chất để rồi phải lo mà sửa chữa lại: mỗi thể chất là một sự thiên lệch, một trạng thái mất thăng bằng, một sự mất quân bình về sinh lý.

Sự mất quân bình ấy gây ra bởi cách sinh hoạt trái với thiên nhiên của mình và bởi những cách sinh hoạt sai lầm của ông cha ta thuở trước.

Ban sơ, tổ tiên ta sinh hoạt trái với lẽ thiên nhiên, càng ngày lỗi lầm càng chồng chất mà nhiều chất độc đã tích tụ lâu ngày trong cơ thể. Lắm lúc, sự bị đầu độc còn nhẹ, hoặc đang ẩn núp ngấm ngầm nên ông cha ta không quan tâm để ý. Phong trào văn minh vật chất càng ngày càng bành trướng tạo bày ra nhiều thứ nhu cầu giả tạo nghịch thiên nhiên mới lạ, khiến nhân loại càng ngày càng chìm đắm trong sự dật lạc xa hoa, những lỗi lầm đã biến thành những tập quán hư hèn: Những đầu độc thoáng qua như những tật hút thuốc uống rượu lâu ngày đã biến thành tật bệnh trầm trọng, và truyền lại cho con cháu qua những tinh trùng đầy bệnh hoạn.

Chính sự đầu độc mà ta đã thừa hưởng của tổ tiên mà Cơ Đốc giáo gọi là “*tội tổ tông*”. Chính những thứ chất độc mà ta thừa nhận của tổ tiên ta, tạo thành những thể chất của ta hiện nay, chúng đã tạo cho ta có sẵn những năng lực, những khuynh hướng, những cách tư tưởng và tánh tình mà chúng tôi vừa diễn tả trên kia. Tóm lại, *thể chất quả là một chứng bệnh*.

Đại để như người “lâm ba chất” hay có bệnh nhức đầu, đau răng và sức hấp thụ rất kém, nên thân thể bạc nhược hay mắc bệnh lao. Còn hạng đa huyết chất và đờm dịch chất thì sự bài tiết bị ngưng trệ hoặc bị chậm trễ, nên chất độc tích tụ trong mình, nổi mụn mẩn, về sau thường chết về bệnh *ung thư*.

Như ta đã thấy, thể chất không phải là một định luật bất di bất dịch mà ta phải chịu ảnh hưởng suốt đời. Ta có thể chữa sửa và đánh đổ nó. Lý tưởng là không nên để phải bị thiên lệch về một bên theo một thể chất nào, mà cần phải dung hòa tất cả mấy thể thể chất. Như thể chất mà còn nhẹ, thì ta có thể gắng công bền chí sửa đổi lại được. Nếu rui, ta bị thụ lãnh một thể chất nặng nề quá, do một sự di truyền của ông cha đã tích tụ quá lâu, đến thất huyền cửu tổ (như trong bản số Tử Vi đã ghi ở cung Phúc có đầy ác tinh), thì nhiệm vụ cải số thật quá khó khăn... Tuy nhiên, ta cũng còn có phương thế điều trị những khuyết điểm hư hại và tăng bổ những điều lương hảo để tiêu trừ những chủng tử xấu xa tội lỗi đã huân tập trong a-lai-da thức (tiềm thức) của ta... bằng những *phương pháp dưỡng sinh* đặc biệt của các phép tinh tọa, vận công vận khí... của Đông phương Đạo học, mà trong Dịch Kinh đã thấy nơi ở những quẻ Cấn (52), quẻ Tỉnh (48), quẻ Vô Vọng.

*
* *

Theo phương pháp “loại suy”, ta cũng cần lưu ý đến thuyết *Diễn biến các nền Văn minh qua 4 thể chất*, hay *qua 4 mùa Vũ trụ*. Sự giống nhau giữa 4 thể chất con

người với 4 mùa vũ trụ, có thể nhận thấy bằng các hiện tượng sau đây:

Thế kỷ thứ 20, người ta đồng gọi là thế kỷ của sự Tiến bộ, dĩ nhiên tự cho là Tiến bộ, thì tất cả những ai không theo họ, là lũ người phản tiến hóa (hay lạc hậu).

Người ta đang mong chờ khoa học cho nhân loại những “phép lạ”: Khoa học ngày nay có mang lại sự tiến bộ về tinh thần đạo đức và hạnh phúc hơn xưa không? Con người có đầy đủ tiện nghi hơn những thời trước đây, quả họ đã tìm được hạnh phúc chưa? Nhưng, theo François Mauriac lại nói: *“chúng ta đã bước vào giai đoạn khắc nghiệt, tàn nhẫn và phũ phàng (nous entrons dans un Monde dur); nghĩa là chúng ta đã đi vào một vận hội mà Georges Duhamel gọi là “thời Sắt thép”*. Ông dùng danh từ (notre siècle de Fer et d’Acier). Đó, là một danh từ rất chính xác: thế kỷ thứ 20 này, là “thế kỷ sắt thép”. Danh từ “thép” (cứng hơn sắt) có lẽ hợp hơn vì là thời của Thái âm (vật chất đã cứng rắn như chất “uranium”, chất dùng để tạo bom nguyên tử. Dù thế nào, thì cái “thế kỷ thép” (ce siècle d’Acier) đã được người ta “ban” cho 2 trận thế chiến tiếp tục nhau trong khoảng cách không xa, mà sự tàn bạo càng ngày càng tăng một cách khủng khiếp (không ai dè loài người hung dữ đến độ ghê tởm như thế). Giặc bằng hơi độc (guerre des gaz asphyxiants năm 1918), giặc toàn là Sắt và Lửa (le Fer et le Feu) đã san bằng thành thị ra những đồng tro tàn. Nào là những trại giam vô cùng khắc nghiệt giết hàng triệu người bằng sự tra khảo dã man ngoài sức tưởng tượng trong những năm 1940–1945. Sinh mạng con người nhẹ hơn cỏ rác, nhân phẩm con người đã bị chà đạp thấp xa loài cầm thú... Giặc dã đã không còn đánh nhau cục diện, mà đã biến

thành những trận giặc toàn diện, không kể gì đàn bà con nít hay kẻ già tàn tật, chiến tranh đã bắt đầu được gọi là “*Chiến tranh toàn diện*”. Sau những thế chiến này, đến thời tạm gọi là thời bình, thì *trại giam mọc lên như nấm trong những chế độ độc tài khát máu...* Hiện nay, không một nơi nào mà chẳng có chiến tranh tàn khốc ngay cả những con người đồng chủng như giữa những dân Do Thái và Palestine (giữa Cơ Đốc giáo và Hồi giáo), lan tràn qua Ấn Độ và Pakistan vv...

Đứng về phương diện tinh thần, chúng ta phải chẵng con người đã trở thành “Vô thần”, nghĩa là chẳng còn gì được gọi là “thiên liêng” nữa cả!

Dịch Kinh khuyên ta: “Thiên địa bế, hiền nhơn ẩn” (Trời Đất đã bế mặt rồi, bậc hiền giả nên lui vào bóng tối). Thời Thiên Địa Bĩ đã tới khá lâu rồi... đó là Âm Dương đã bất giao, nên việc đòi đều bế tắc!

a. Hội “Bế vật” (theo Kinh Dịch) là một thời đại băng giá

b. Theo Hoàng cực Kinh thế, thì Trời mở ở hội Tỵ, Đất thành ở hội Sửu, Người sinh ở hội Dần...

Hết hội Tị sang hội Ngọ (quẻ Cấn) nhất Âm sinh, Dương bắt đầu tiêu, Âm bắt đầu trưởng để đi lần đến hội Thân (quẻ Bĩ). Mùa Thu ở 3 hội Thân, Dậu, Tuất, - Tuất là cuối thu (tiết Sung giáng)... bước qua hội Hợi là Lập đông, khoảng này là thời “bế vật” thời hoàn toàn gọi là Hắc ám (âge sombre); thời “Bế vật” là sắp đi vào hội Tận thế (hay thời đại băng giá), vì qua hội Hợi, Trời Đất sẽ tiêu tan tất cả...

c. Thiên Địa “bế”, hiền nhơn “ẩn”

Gặp thời Hắc ám, tiểu nhơn đương quyền, người

quân tử nên lui vào bóng tối mới yên thân. Độ sức với tiểu nhon, người quân tử bao giờ cũng phải chịu thua vì thiếu thủ đoạn.

Tận thế là tận một chu kỳ để khởi một chu kỳ khác.

Hết một chu kỳ Thái dương, là đến chu kỳ Thiếu âm, hết chu kỳ Thái âm thì đến chu kỳ Thiếu dương....

BAO GIỜ TẬN THẾ?

Thời Tận thế hay còn gọi là thời “bế mạc” một chu kỳ đại hóa... sẽ là một mùa Đông ở phương Tây Bắc, chứ không phải là một mùa Hạ nóng bỏng: Dương cực Âm sinh. Nếu chẳng có những công cuộc thử bom nguyên tử thì lạnh ở đâu mà đến?

Trong Nước mới có Lửa, phải chăng quẻ Khảm là quẻ “Âm hàm Dương”?

Thuyết Tận thế đã được nói nhiều, trong quyển Tân ước của Thánh Jean: “Un feu prodigieux parti du firmament et répandu dans les airs, descend sur la terre, où, dans la minute, il a tout consumé, tout détruit, tout purifié, sans qu’il en reste un seul vestige de souillure. Ainsi se fera par le Feu cette purification substantielle, cette admirable rénovation des éléments et de la nature entière, dont il résultera une nouvelle terre et de nouveaux cieux!...”

“Il est à rappeler ici, à titre documentaire le sens attribué à l’inscription INRI de la Croix de Jésus: Jesus Nazareus Rex Indaeorum (Jésus le Nazaréum roi des Juifs); - pas certains ésotéristes: Igne Natura Renovatur Intégra (la Nature sera rénovée par le Feu). (Nhờ Lửa mà thiên nhiên được đổi mới).

Trong phần Dẫn Nhập, chúng tôi đã đề cập đến công dụng của 2 quẻ Ly và Khảm...

Theo Cơ-đốc giáo, trận Đại Hồng Thủy đã quét sạch địa cầu bằng Nước (Khảm) và ngày Tận thế sau này sẽ xảy ra bằng Hỏa nạn? Kinh Dịch lại bảo khác: Thời “Bế vật” (Tận thế) không do Lửa mà do Băng giá... chiếu theo đồ Âm Dương tiêu trưởng chúng ta, theo Hoàng cực Kinh thế, hiện đang và đã đi sâu vào vận Bĩ... và Mặt Trời đã sắp lặn ở non Đoài (Dậu): văn minh Thái Tây đã đến cực độ, gọi là ‘văn minh nguyên tử. Người ta đều bảo thời này là “thời nguyên tử”. Phàm “sinh nghề tử nghiệp” làm sao ta đã tạo được sức tàn phá bằng nguyên tử, sao có thể không chết bằng nguyên tử? Đó là luận theo “lý luận hình thức” chứ không phải là “lý luận biện chứng” của Dịch.

Nhân hiện nay thấy các siêu cường quốc đua nhau vũ trang bằng đầu đạn nguyên tử nên ai ai cũng liên tưởng khó chạy khỏi một cuộc Đại chiến Thế giới sau này, một cuộc đại chiến tranh bằng sức Nóng của các vũ khí nguyên tử. Cho nên, mới có thuyết Đại chiến sắp tới sẽ tiêu diệt nhân loại bằng vũ khí nguyên tử như Cơ-đốc giáo đã dự đoán.

Có lẽ ta đã đi vào vận thế của cung Dậu, là cung của quẻ Phong Địa Quán (mùa Thu). Mùa Thu là mùa gió lạnh (Kim phong)... như đã có câu “lý sương kiên băng chí” (chờ đợi trên sương, mà biết trước được thời Băng giá sắp đến).

Khoảng năm 1943, Hans Horbiger có đưa ra một thuyết mới, thuyết Đại Băng giá sẽ chấm dứt thời Tận thế. Thuyết này giống với kết luận của Hoàng Cực

Kinh Thế: từ Bắc đến Phục, quả Địa cầu phải trải qua một thời đại Băng giá, tượng ở quẻ Thuần Khôn.

Một vài hiện tượng mà khoa học ngày nay chứng minh về thuyết Đại Băng giá, ta thấy trong Bộ Văn minh sử của Will Durant: “Người ta có thể nói rằng văn minh chỉ là một màn phụ giữa 2 thời đại Băng giá... Nếu một luồng khí lạnh lại xảy ra nữa... thì tất cả công trình của nhân loại sẽ bị băng giá phủ kín hết... và sẽ không còn có một ai sống sót”.

Robert Linssen, Viện trưởng Viện Tối cao Khoa học và Triết học ở Bruxelles, trong quyển “Avenir du Monde” có viết: Từ nhiều năm nay, thời tiết càng ngày càng lạnh đáng lo ngại. Tuyết đọng quá bất thường ở Nam cực, một phái đoàn gồm nhiều nhà bác học lỗi lạc đã đến ngay tại chỗ quan sát. Giáo sư Hugue Brown, Viện Đại học ở Colombia, chuyên viên nổi danh về các vấn đề hàng hải, đã ước lượng khối băng giá đọng lại dày độ ba ngàn hai trăm thước. Cái mũ cao của Băng giá hiện đã chiếm một diện tích tám triệu năm trăm ngàn thước vuông. Khối ấy đang tăng lên từng ngày.

(Depuis plusieurs années, il neige de façon inquiétante au Pôle Sud. La masse de neige est tellement anormale que, tout récemment, une Commission de savants réputés s'est rendue sur les lieux. Le Professeur Hugué Brown de l'Université de Colombie, spécialiste réputé des questions maritimes, évalue actuellement à 3.200 mètres d'épaisseur la croûte de glace résultant de l'accumulation incessante des neiges. L'étendue de cette calotte glacière serait assez menaçante. Elle recouvrait actuellement en

effet une superficie de 8.500.000 kilomètres carrés. Elle augmente chaque jour” (p.40).

Trong Kinh Dịch, ở hào Sơ-lục quẻ Khôn có câu: “Lý sương kiên băng chí”, phải chăng đã báo hiệu cho ta thấy, một mùa Băng giá sắp đến cho nhân loại. Sống trong khoảng mùa Đông, vạn vật, dù muốn hay không, đều phải bị đắm mình trong Âm lạnh.

Trong một bài, nhan đề “Những thay đổi về khí hậu của Trái đất hiện nay” cho biết, theo Reid Bryson, Giám đốc Viện Nghiên cứu môi sinh thuộc Đại học Wisconsin, “Hiện nay Trái đất đang đi vào một thời kỳ Băng giá lớn, Trái đất đã lạnh và càng ngày càng lạnh thêm”. (Báo Horizons, số 74/5, năm 1975).

Năm 1976, lạnh khủng khiếp quá.

Năm 1981, sang 1982 lại thêm một trận lạnh càng khủng khiếp hơn.

Nạn mất mùa liên tiếp luôn 3 năm liền, đến cuối năm 1981 băng giá phủ khắp đồng cỏ. Bên Liên xô (Liên Bang Xô Viết cũ bao gồm nước Nga ngày nay) mất mùa luôn 3 năm, và bởi không phòng bị cỏ khô nên bò ngựa thiếu ăn chết la liệt. Dự trù năm 1982 phải nhập cảng 57 triệu tấn lương thực cho dân Nga. Lạnh đến nổi bông gòn ở Turkistan cũng mất mùa nặng. Khắp Đông Âu đều như thế.

Năm 1985, lạnh đặc biệt khắp Âu châu, tin tức cho hay, ngay ở Paris lạnh đến độ chết người.

Năm 1986 lại càng lạnh thêm, theo đài khí tượng quốc tế, tại Lille (Pháp) lạnh xuống đến 40 dưới không độ, còn ở Paris, lạnh dưới 25 không độ. Năm 1987, lại càng lạnh hơn nữa...

Thuyết của Hans Horbiger, giống như Kinh Dịch, có thể đúng với những hiện tượng ngày nay, Trái đất thường bị bão tố và lụt lội do sức hút của Mặt trăng.[1]

1. Hans Horbiger, là người Áo đồng thời với Hitler, có đưa ra một học thuyết mới, làm đảo lộn tất cả học thuyết các nhà khoa học và thiên văn học. Tư tưởng của Hans Horbiger ăn khớp với thuyết về Thiên văn học của Kinh Dịch, và cả học thuyết huyền bí Đông phương cổ học. Năm 1913, một nhà thiên văn Philipp Fauth chuyên nghiên cứu về ảnh hưởng Mặt trăng đối với vận mạng Quả Đất và tất cả mọi hành tinh chung quanh Mặt trời, cho in một quyển sách to lớn cỡ 800 trang, nhan đề "La Cosmologie Glaciade de Horbiger", nhưng phần quan trọng của quyển sách do chính Hans Horbiger viết...

Hans Horbiger, sinh năm 1860 ở Vienne, có một quan niệm về vũ trụ quan nghịch lại với những quan niệm về vũ trụ quan của khoa học cận đại, nhưng lại rất giống với quan niệm của Kinh Dịch. Hans Horbiger căn cứ lý thuyết mình trên cơ sở hai quẻ Kiền Khôn, Ly Khảm (La doctrine d'Horbiger tire sa puissance d'une vision complète de l'histoire et de l'évolution du Cosmos. Elle explique la formation du système solaire, la naissance de la Terre, de la Vie et de l'Esprit... Tout repose sur l'idée de la lutte perpétuelle, dans les espaces infinis, entre la Glace et le Feu et entre la force de Répulsion et la force d'Attraction. Cette lutte, cette tension changeante entre des principes opposés, cette éternelle guerre dans le Ciel, qui est la loi des planètes, régit aussi la Terre et la matière vivante et détermine l'histoire humaine. Horbiger prétend révéler le plus lointain passé de notre Globe et son lointain avenir, et il introduit des notions fantastiques sur l'évolution des espèces vivantes. Il bouleverse ce que nous pensons généralement de l'histoire des Civilisations, de l'Apparition et du développement de l'homme et des ses sociétés. Il ne décrit pas, à ce propos, une montée continue, mais une série de chutes et d'ascensions au cours d'une histoire, qui, sur Terre comme dans le Cosmos, se déroule par Cycles. Car les lois du Ciel sont les mêmes que les lois de la terre et l'Univers tout entier participant du même mouvement est un Organisme vivant où tout retentit sur tout. L'aventure des hommes est liée à l'aventure des astres, ce qui se passe dans le Cosmos se passe sur terre, et réciproquement.

Mới đây, một số các nhà khảo cổ và sử học đã duyệt xét lại những lý thuyết cũ về sự sụp đổ của không biết bao nền văn minh xưa rất mạnh mẽ vững chắc như những nền văn minh người Indus, Hittites, Mycénaca và đế quốc Mali ở Phi châu. Hiện nay có nhiều bằng chứng cho ta thấy rằng những nền văn minh và những đế quốc ấy không bị sụp đổ vì những đám quân xâm lăng tàn ác, mà chính vì sự thay đổi của khí hậu. Rhys Carpenter của Viện Bryn Marvr đã tìm ra sự liên hệ giữa thời kỳ sụp đổ của những nền văn minh vừa kể trên trùng hợp với những thời kỳ mà Địa cầu trở nên quá lạnh gây ra bởi những năm hạn hán liên tiếp ở những miền mà trước đó được canh tác rất phong phú: dương cực âm sinh.

Những người tị nạn từ những miền văn minh bị sụp đổ ấy cũng có nhiều người di cư được đến những miền khí hậu hòa hoãn hơn. Giáo sư Bryson đưa ra giả thuyết rằng một hệ thống “mưa mùa mới” có thể làm sống lại những vùng sa mạc như miền Bắc Sahara và thung lũng Iran, những nơi này trước khi bị biến thành sa mạc đã là những miền trồng trọt rất tốt. Nhưng, nếu

.....

Comme on le voit, cette doctrine des Cycles et des Relations étroite quasi-magique entre l'homme et l'Univers donne de la force à la plus lointaine pensée traditionnelle. Elle réintroduit les très vieilles prophéties, les mythes et les légendes, les anciens thèmes de la Genèse, du Déluge, des Géants et des Dieux. Cette doctrine, comme on le comprendra mieux, est en contradiction avec toutes les données de la science admise (pages 292-293, Le Matin des Magiciens) mais qui justifiait d'anciens mythes.

Trường hợp mới đây của 2 nhà bác học Trung Hoa đã bác cái luật Song Tiến (loi de parité) một cái luật mà bấy lâu nay được các nhà bác học Âu Mỹ cho là vững vàng nhất (Dịch học Tinh hoa, tr. 236-237)

việc này xảy ra, tức một chỗ nào khác trên địa cầu sẽ lại trở thành sa mạc, và tình trạng này không chút nào có vẻ khả quan hào hứng được!

Sự nóng lạnh thay nhau biến mặt đất này thành sa mạc hoặc những đồng lúa tốt... cho nên cái lạnh quá sẽ do cái nóng quá tạo thành.

Việc thi đua vũ trang bằng những khí giới nguyên tử, sẽ tạo ra những cảnh lạnh lẽo đột ngột khó tránh, và cuộc đại băng giá sau này dễ hiểu là phải có để chấm dứt sinh mạng loài người trên quả đất này.

Quẻ Khảm đã nói lên chân lý vũ trụ này: Trong Nước có Lửa và Lửa này ở ngay chính giữa hào: đặc trung đặc chánh, nghĩa là ở ngay chánh vị. Theo trình phức khoa học thì Nước là H₂O, nghĩa là 2 phần chất Hydro mà Hydro là Lửa vậy. Cho nên hiện người ta đang lo rút lửa trong nước biển ra dùng làm chất đốt, đâu phải không đúng theo Dịch Lý. Lửa đun nước, nước sôi thành khí. Khí của Nước, là quẻ Đoài. Đoài là gì, phải chăng cũng là nguồn gốc của bão bùng, lụt lội và thiên tai... Ta há đã chẳng thấy mấy năm sau này, nạn hạn hán, mất mùa... toàn thế giới đã xảy ra lăm cảnh đói rét kinh khủng như ở Ethiopie chẳng hạn. Mùa đông vũ trụ đang đi tới... Thời đói rét hiện đang diễn ra và đã làm cho các nhà kinh tế điên đầu...

Hiện thời, như đồ Âm Dương Tiêu Trưởng đã ghi: Phải chăng nhân loại đang ở vào thời Thái Âm, Thái Âm là Mặt trăng làm chủ, nên hiện tượng Nước càng ngày càng dâng cao bị Mặt trăng hút... mạnh. Hiện, trên toàn thế giới, nạn lụt đang tràn lan, phải chăng là hiện tượng của thời Dương suy Âm trưởng?

Thuyết Đại Hồng Thủy của Cơ đốc giáo đã được sách

Thánh Kinh nói đến, lại rất hợp với thuyết Đại Bạng giá của Hans Horbiger! Thuyết Tán và Tụ của các cổ thuyết Tây phương, rất hợp với luật Tụ và Tán của Kinh Dịch.... trước Tán, sau Tụ... Hết Tụ đến Tán, hết Tán đến Tụ, Thiên văn học Tây phương ngày nay cũng phải chấp nhận...

Hans Horbiger nói: *Glace et Feu* (Khảm và Ly), *Répulsion et Attraction luttent éternellement dans l'Univers*. Cette lutte détermine la Vie, la Mort, et la Renaissance perpétuelle du Cosmos.”

Nhà văn Đức, Elmas Brugg có viết một quyển sách giới thiệu H. Horbiger, năm 1952, có đoạn “Aucune des doctrines de représentation de l'Univers ne faisait entrer en jeu le Principe de Contradiction, de Lutte entre 2 forces contraires, dont pourtant l'Âme des hommes est nourrie depuis des millénaires. Le mérite impérissable d'Horbiger est d'avoir ressuscité puissamment la Connaissance intuitive de nos ancêtres par le Conflit éternel du Feu et de la Glace... Il a exposé ce conflit aux regards de ses contemporains. Il a fondé scientifiquement cette image grandiose du monde liée au Dualisme de la Matière et de la Force, de la Répulsion qui disperse et de l'Attraction qui rassemble”.

“C'est donc certain: La Lune finira par tomber sur la Terre... Peu à peu, dans le cours des âges, la Lune se rapprochera. La force de gravitation qu'elle exerce sur la Terre ira en augmentant. Alors, les eaux de nos Océans se rassembleront en une Marée montante, et elles monteront, couvrant les terres, noyant les Tropiques et cernant les plus hautes montagnes.

Les Océans tourbillonnent en bouillonnant à la surface de la Terre, lavant tout, et la croûte terrestre éclatera. Notre Globe, mort, continuant à spiraler, sera rattrapé par des planètes des Glaces qui nagent dans le Ciel, et il deviendra une énorme boule de glace qui s'en ira se jeter à son tour dans le Soleil.

Après la collision, ce sera le Grand Silence, la Grande Immobilité, tandis que la Vapeur d'eau s'accumulera, durant des millions d'années à l'intérieur de la masse flamboyante.

“Enfin, il y aura une nouvelle explosion pour d'autres créations dans l'Éternité des forces ardentes du Cosmos.

“Tel est le Destin de notre système solaire dans la vision de H. Horbiger, “le Copernic du XVe siècle”.

*
* *

Về lý thuyết nói về Thái Âm (Mặt Trăng) theo Horbiger (cũng như của nhà bác học khoa Parapsychologie Rudolf Steiner trong quyển *La Science Occulte*, nhất là quyển *La Vie après la Mort*. Các nhà huyền học này đều bảo: Mặt Trăng là cái “Tinh linh thể” của Trái Đất (La Lune n'est que le Double Éthérique de la Terre).

*
* *

Sự quan hệ giữa Mặt Trăng và loài người trên Mặt Đất thật hết sức quan trọng. Bởi vậy, tháng Giêng năm 1958, một kỹ sư người Thụy Điển, Robert Engstrom, có

gởi đến Hàn lâm viện Khoa học ở New York (Hoa Kỳ) một bản báo cáo khuyến cáo Hoa Kỳ phải thận trọng trong công việc Du hành vũ trụ... Vị kỹ sư này nói, theo lối Horbiger, một trái bom nguyên tử (bom H) mà nổ trên Mặt Trăng sẽ gây nạn Đại Hồng Thủy trên Mặt Đất không sai! “L’explosion d’une Bombe H sur la Lune pourrait déclencher un effroyable Déluge sur la Terre.” vì nó đã động mạnh đến cái “corps éthérique” của Trái Đất. Là do ảnh hưởng của Mặt Trăng đối với Thủy triều.

Trong “Le Géon ou la Terre Vivante”, Bác sĩ Jaworski khi bàn về “Bí ẩn của Mặt Trăng (l’Énigme de la Lune) có nói: “Ce n’est pas la Terre qui gravite autour du Soleil, c’est le système complexe Lune-Terre (page 73, Chap. VII et VIII, Le Ciel, Alphonse Berget, Paris, Larousse, 1923).

“Le Géon, peut-être considéré comme une cellule, est comme un Être. Dans la Terre-cellule, la Lune joue le rôle de Centrosome; dans la Terre-être, la Lune est le placenta.

Bác sĩ H. Jaworski đã nghiên cứu rất kỹ về Mặt Trăng và Trái Đất với những chứng minh của khoa học cận đại: “La Lune et la Terre forment donc un Tour, sur le plan géonien. La Terre est le corps physique; La Lune est son double éthérique.”

Và như vậy, thuyết của Rudolf Steiner cũng như của Hans Horbiger không khác nhau.

*
* *

Ta thấy ngày nay, khoa Du hành không gian của Nga-Mỹ đã đi đến Mặt Trăng, nhưng họ thấy gì trên đó? Không có gì cả. Đúng như vậy, vì họ làm sao thấy rõ: Mặt Trăng chỉ là cái tinh linh thể của Trái Đất. Cả hai là một, một cái xác thân và một cái tinh thể như Horbiger đã nói!

Khoa Thiên văn học ngày nay chỉ biết có cái bề ngoài “thân xác” của các tinh tú. Khoa Chiêm tinh mới thật sự nghiên cứu về cái Hồn của các Tinh tú. Cũng như học Dịch mà chỉ học phần Triết lý của nó mà thôi, là làm mất phần Hồn của nó, khác nào học giá trị các con số về phần lượng của nó mà quên cái “sinh lực” của nó, thì Số học chỉ là sự “Cộng, Trừ, Nhân, Chia” mà thôi! Rất phiến diện và sai ngoa.

Trong quyển “L’Astrologie devant la Science” của Michel Guaguelin, có đoạn đặc biệt sau đây:

“L’Ère cosmique est commencée.

“Il est urgent de bâtir une science saine sur les rapports qui unissent l’Homme avec le reste de l’Univers, de savoir ce qu’il peut avoir de vrai dans l’Astrologie; et si elle ne contient rien de vrai, si rien ne se révèle utilisable, il faut alors essayer de découvrir ce qu’il y a au delà d’elle.”

(Kỷ nguyên du hành vũ trụ đã khởi đầu. Vậy cần phải thiết lập gấp một thứ khoa học lành mạnh về sự liên quan mật thiết giữa Con Người và Vũ Trụ, để tìm thấy những gì chính xác trong khoa Chiêm tinh; và, nếu nó chẳng có gì xác đáng, không có gì có thể dùng được, thì ít ra thử tìm xem nó có ý nghĩa gì...)

Trong quyển “L’Hérédité Planétaire”, giáo sư bác học Giorgio Piccardi, viện trưởng Viện Lý Hóa viện Đại học Florence có viết bài tựa độc đáo: “Làm cái việc nghiên cứu về khoa Chiêm tinh ngày nay, giáo sư M. Gauguelin đang làm một công việc nguy hiểm... Óc hẹp hòi thủ cựu của chúng ta ngày nay không thua gì óc cố chấp hẹp hòi của bọn người thời Trung cổ. William Crookes, một nhà lý học đại tài, cũng như nhiều nhà bác học lỗi lạc khác, chỉ vì dám dấn thân vào những công trình nghiên cứu những sự kiện mà khoa học hiện thời chưa chấp nhận hay chưa dám chấp nhận bởi quá rụt rè... William Crookes bị những đồng nghiệp xem như *một kẻ điên* hoặc na ná như thế. Mà nhà bác học vĩ đại này đã làm gì nên tội? Ông này chỉ vì muốn hiểu biết tường tận một số hiện tượng mà ngày nay người ta đã sắp vào loại “khoa siêu tâm lý học” (Il avait voulu savoir ce qu’il y avait de vrai dans certains phénomènes qu’aujourd’hui on classerait parmi les phénomènes parapsychologiques).

Nhưng ngày nay khoa Parapsychologie đã tràn ngập khắp hoàn cầu, nhất là trên đất Liên Xô, quê hương của duy vật chủ nghĩa. Hiện nay, nhà lãnh đạo chính quyền Liên Xô đã phát động phong trào “đổi mới tư duy”[1]. Ông ấy nói: “...un nouveau mode de pensée s’impose; il est nécessaire de renoncer aux stéréotypes et aux dogmes hérités d’un passé irrévocablement révolu.

Ce nouveau mode de pensée, qui est appelé à

1. Quyển Dịch Kinh Tường Giải này được tác giả hoàn tất 1986, trùng với thời kỳ đổi mới ở Liên Xô.

Sau được tác giả bổ sung tư liệu đến 1990.

liquider la coupure entre la pratique politique et les normes morales et éthiques unanimement admises, nous l'avons eu en quelque sorte dans la douleur.”

(Nên đọc quyển “Cải tổ tư duy mới đối với nước Liên Xô và cả thế giới” của Michail Gorbachev (bản dịch ra Việt văn, nhà xuất bản Sự Thật, 1988).

KHOA TIÊN TRI TIÊN GIÁC CÓ KHÔNG?

Số mạng có không? Hay chỉ là một ảo vọng của con người đang đắm chìm trong Địa Ngục Trần Gian?

Bên Đông phương huyền bí, đó là một vấn đề cũ rích, thử nhìn qua cõi trời Tây khoa học để hỏi, xem họ trả lời như thế nào?

Bác sĩ Albert Leprince, trong quyển “La Vie et son Secret” (Ed. Dangles, Paris) có viết: “À quoi bon la lutte pour un Avenir déterminé à l’avance? Être né sous une bonne étoile, avoir en naissant hérité de l’étincelle du Génie qui se développera peu à peu, quoiqu’il arrive; ou bien être né malchanceux et ne pouvoir, malgré toute sa volonté, son intrépidité, surmonter les difficultés, croire toucher le but et toujours le manquer, telle est la destinée que chacun de nous apporte en venant au monde, et que nous ne pouvons modifier à notre gré.

Certes, il est pénible de faire cette constatation et de voir s’évanouir toutes ces belles illusions qui ont pour noms Liberté, Libre arbitre, Volonté...?

La Prophétie anéantirait la liberté humaine. Le fait de voir, dès à présent, un fait se dérouler dans l’avenir, suppose que cet acte est déjà déterminé”.

(Một vấn đề rất quan trọng đã được đặt ra: “Tự do hay Định mạng?”. Và Triết học từ xưa đến nay đã hao không biết bao nhiêu giấy mực mà chẳng giải quyết được gì cả...

Kinh nghiệm gần suốt một đời người về vấn đề tiên tri, tiên giác, tôi quả quyết: Có số mạng, nhưng như Kinh Dịch đã bảo: Có mà Không. Chân lý bao giờ cũng có hai mặt: Mặt là Phàm, Trái là Thánh, như Đào Tiềm đã nói: “Đại nhơn tiên, bất khả ngôn Mạng”, với bậc Đại nhân không thể còn nói đến chữ Mạng, vì họ là đấng Tạo hóa thứ hai rồi. Ý chí của họ là Tạo Hóa đấy: họ muốn là Trời muốn: Ce que le Parfait veut, Dieu le veut!

Dĩ nhiên, hiện thời có nhiều kẻ khinh ngạo những sự tiên tri tiên đoán, nhưng cũng có khá đông những người tin tưởng, một cách dè dặt và kín đáo.

Pascal đã nói:

“Ôi! Những kẻ đa nghi, những người không tin gì cả! Các anh lại là kẻ quá tin hơn ai!”. Các anh cần phải thành thật với mình trước hết. Vì bởi với sự hiểu biết đương thời, ta không làm sao cắt nghĩa được, nhưng cho đó là phi lý, thì thái quá! Trên đời có biết bao việc “vô lý”, “khó tin” *vậy mà có thật*; còn có những sự việc có thể hữu lý và tin được lại là những sự không thật. (Il y a des choses incroyables et pourtant vraies. Il y a aussi des choses croyables qui ne sont pas vraies).

Renan nói, khoảng năm 1849: “Quá khứ vô thần, nhưng nghịch với khoa học; hiện thời không có tính cách tôn giáo, là rất khoa học; còn tương lai sẽ rất là tôn giáo và rất khoa học”. (Le passé a été religieux

et antiscientifique; le présent est areligieux et scientifique; l'avenir sera religieux et scientifique).

Nhà bác học đại danh, Camille Flammarion, là người trong những người đầu tiên chấp nhận có hiện tượng thần giao cách cảm và linh thị linh giác như là một sự kiện có thật trăm phần trăm, dù khoa học không giải thích nổi! Ta hãy nghe ông thuật một câu chuyện vô cùng kinh dị: “Chiếc quan tài bằng kim khí” ngoài sức tưởng tượng sau đây; “Mười lăm ngày cuối tháng 11 (năm 1871), tôi nhớ là ngày thứ tư, 22 tháng 11, tôi có mặt nơi nhà một người bạn thân, gia đình Davidson, ở Nouvelles-Orléans. Có một bà tên là Thilton cùng trong nhóm tân khách. Bà ấy thuật lại một số chiêm bao có tính cách tiên tri không bao giờ sai chạy: thấy đâu có đó. Nội thánh giả trong nhóm tân khách ai cũng đều biết bà.

Thấy bà thuật lại những giấc chiêm bao có tính cách tiên đoán, chủ nhân bảo:

- Thưa bà, tôi cấm bà chiêm bao có dính dấp gì đến tôi.

- Muộn rồi, ông bạn ơi! Tối hôm qua, tôi nằm chiêm bao thấy nói về ông.

Các quan khách yêu cầu bà thuật lại.

- Tôi mộng thấy, 6 tuần lễ sau đây (bắt đầu ngày nay) tôi sẽ đến nhà ông theo lời mời thiết tha của ông!

- Đúng quá, điềm chiêm bao này lại ăn với việc tôi trù liệu. Tôi kính mời bà ngày ấy đến chơi với gia đình tôi.

Một người trong các khách mới lật lịch đếm ngày, đúng là ngày thứ tư, mừng 3 tháng giêng năm 1872.

Tốt! Các bạn đều có mặt và đều đã chứng kiến giấc mộng của bà... Thôi, đơn giản lắm rồi! Xin nhớ cho.

Bà Thilton nói:

- Khoan đã, tôi chưa thuật hết điềm chiêm bao. Tôi thấy, khi tôi đến nhà ông chủ, thì sao lại thấy cảnh nhà ảm đạm quá, lại trống trơn. Tôi đi tìm ông chủ, không thấy đâu cả. Nhưng rồi tôi lại thấy nơi phòng thứ hai bên trong có một chiếc quan tài bằng kim khí to lớn. Nắp hòm đã đóng kín, tôi không thấy gì trong đó, nhưng tôi hiểu trong đó là xác chết của ông đã liệm rồi.

Chủ nhân nghe nói đến đó phát cười to... Cả quan khách cũng đều cười lớn lên. Ông chủ nhà Davidson vừa nhìn vợ vừa giễu cợt và bảo với vợ:

- Bà ạ! Nếu có liệm tôi, xin chớ bao giờ bỏ tôi vào chiếc hòm bằng kim khí, tôi ố nó lắm! Bà hãy hứa với tôi đi: phải liệm trong một chiếc hòm bằng cây tử đàn. Nhớ nhé!

Vẫn tươi cười và chế giễu, bà vợ cũng gật đầu, nói: “Vâng, tôi sẽ làm theo ý ông! Tôi hứa với ông như vậy, nếu tôi còn sống đến hôm đó!”

Tất cả mọi người trở nên nghiêm nghị và im lặng, đầy nghi hoặc.

Bà Thilton, chưa dứt, nói thêm:

- Tôi thấy nơi phòng ấy chỉ có một bà. Bà ấy đứng cạnh quan tài. Tôi bước đến bên bà. Tôi chợt thấy chiếc quan tài lại có những đóa hoa hồng bằng bạc dọc theo hai bên quan tài.

Tất cả đều phá lên cười. Xưa nay, chưa có ai thấy lối trang sức quan tài mà lạ lùng như thế. Nhưng bà Thilton còn nói tiếp:

- Điều ấy, chính tôi cũng lấy làm lạ, dù lúc ấy tôi đang nằm mộng. Tôi có chỉ cho bà đứng bên tôi hai dây bông hồng này. Bà ấy cũng tỏ vẻ ngạc nhiên.[1]

Sau đó tiệc tan, ai nấy về nhà mình, mỗi người hẹn nhau sẽ đến nhà ông Davidson theo lời mời đứng ngày đã định.

Trong khoảng 6 tuần lễ trôi qua... Việc này cũng là đề tài để tất cả nhạo cười giễu cợt.

Ôi! Đúng là ngày 2 tây tháng Giêng năm 1872, một ngày trước ngày ước định, thì ông Davidson bị xe lửa cán nát thây. Sáng hôm sau, vào buổi bình minh khoảng 4 giờ sáng thì gia đình phải lập tức đi mua hàng về liệm gấp...

Ai mà dè, mà chính bà Thilton cũng không dè, đến nhà ông Davidson đứng hẹn... Bà Thilton chỉ thấy có cái quan tài, chung quanh lặng lẽ như tờ... Bà Thilton nói với một bà có mặt tại đó: “Bà thấy không quả có 6 đóa hoa hồng bằng bạc trang trí cho chiếc quan tài bằng kim khí. Là vì quá cấp bách phải liệm gấp, đừng để cho ai thấy cảnh vô cùng ghê tởm ấy!”

1. Nếu vậy, câu nói của Mạnh Tử đâu phải lời nói vu vơ: Nhất ẩm, nhất trác, giai do tiên định. (và như vậy, sự tự do có không? Hẳn là không). Tất cả đều là tiên định. Nếu không có tiên định, làm sao lại có người biết trước?

Vấn đề “Tự do và Định mệnh” lại được đặt ra! Ta chưa nên bỏ qua cho rồi việc. Chưa cắt nghĩa được, thì nên ghi lại sự việc, chứ đừng bao giờ bỏ qua, cho là dị đoan cho rồi việc. Như vậy, sai rất xa với tinh thần khoa học.

Không tin có số mạng là ngu, mà tin có số mạng càng ngu hơn nữa, bởi có Trời mà cũng có Ta. Số mạng do Ta tạo ra, thì cũng có thể do Ta phủ nhận nó: “Ý chí là Trời nơi ta đó!”

Mười lăm ngày sau, chính bà vợ của ông Davidson nói: “Tôi vẫn nhớ lời chồng tôi căn dặn, nhưng làm sao kiếm cho ra chiếc quan tài bằng gỗ tử đàn, trong làng chỉ còn có một chiếc quan tài độc nhất này bằng kim khí và có hai hàng đóa hoa hồng bằng bạc... không còn làm thế nào khác hơn được. Đâu đó đã tiền định rồi!”.

Nhà bác học Camille Flammarion nói: “Gia đình này là gia đình thuộc dòng Calvinisme lấy làm xấu hổ mà phải bị đặt trong chuyện này một việc “dị đoan” như thế, nhưng vì là một sự thật không sao chối cãi được”. Bài này trích trong quyển “La Mort et son Mystère” của nhà thiên văn Camille Flammarion.

Còn câu chuyện vua nước Pháp Henri II làm lễ gả chị mình là Marguerite cho Quận công De Savoie, có tổ chức một cuộc kỵ đấu (cuối ngựa đấu kích) rất long trọng. Henri III đâu phải là tay vừa, long trọng mời một trong các người khách sang quý, công tước de Montgomery cùng nhà vua đấu kích. Nhà quý tộc khiêm tốn nhún nhường cái danh dự hiểm có là đấu với nhà vua. Trong lúc đổi ngựa xáp trận thì cây kích của Montgomery đâm thủng mũ vàng của vua Henri, đâm thủng luôn mắt phải. Vua Henri II liền té ngựa, lăn lộn trên vũng máu, và chết vô cùng đau đớn.

Sau việc này, không ai dám bàn tán... nhưng có người nói nhỏ trong tai các người quyền quý đương thời, rằng việc này đã được Nhà tiên tri Nostradamus tiên báo trước trong bài tứ tuyệt như sau (khoảng 1555), nhà vua Henri II chết sau lời tiên tri khoảng trước 5 năm: Bài tiên tri viết năm 1555, vua Henri chết thảm năm 1559.

Bài thơ tiên tri của Nostradamus nói:

*Con sư tử trẻ cùng con sư tử già đấu kịch
 Sư tử con đâm thủng mào vàng,
 thủng luôn con mắt
 Té xuống chết, chết thê thảm.
 “Le Lyon jeune le vieux surmontera,
 En champ bellique par singulier duelle;
 Dans cage d’or les yeux lui crèvera,
 Deux classes une, puis mourir, mort cruelle.”*

Một vấn đề hết sức quan trọng được đặt ra: “Có tiền định chăng? Nếu không, sao lại có thể biết trước?”

Sao lại biết trước được? Thế là có Định Mạng hay sao? Vấn đề Tự do hay Định mạng đã được đặt ra...

Trong một quyển sách vô cùng táo bạo, bác sĩ bác học gia Albert Leprince, giáo sư Viện cao học quốc tế ở Nice (Professeur à l’Institut International de Hautes Etudes de Nice) đã dành một chương đặc biệt về sự linh thị linh giác (từ trang 96 đến trang 126) đã tiết lộ câu chuyện tiên tri của nhà văn Jacques Cazotte. Docteur Albert Leprince, *La Vie et son Secret*, Ed. Dangles, Paris, p.101-106.

Nhà văn Laharpe thuật lại: “Bấy giờ là năm 1788, trước cuộc Đại cách mạng Pháp năm 1789, một năm. Chúng tôi có mặt gần như đầy đủ các nhà văn, các vị quyền tước trong triều, nhiều vị thuộc Hàn lâm viện... Các nhà văn tên tuổi đem tác phẩm của mình đọc lên cho tất cả hội nghị cùng nghe. Tất cả mọi người đều vui nhộn, hứng thú, cười đùa và nhậ nhệch thả cửa... Chỉ riêng có một người, bao giờ cũng trầm lặng, thỉnh thoảng chêm vào một vài câu dí dỏm và châm biếm nhẹ nhàng thôi. Đó là nhà văn Cazotte. Bỗng dưng,

ông bạn này đứng lên, gương mặt rất nghiêm nghị, đồng dục nói to: “Kính thưa quý vị, quý vị bàn tán huyền thuyên về cuộc Cách Mạng sắp đến với niềm mong mỗi mau được xảy ra nay mai, vì theo các Ngài, nó mang đến cho chúng ta nhiều tia hy vọng tràn trề... Cần phải có một cuộc Cách Mạng để phá hủy những tề đoan xã hội mục nát này!”

Cả thầy đồng thanh nói: Cần gì phải tiên đoán việc ấy. Nó phải đến nay mai thôi! Ai mà chả biết?

Nhà văn Cazotte nói:

- Đúng là như vậy rồi! Nhưng các Ngài có biết rồi đây số phận các Ngài sẽ ra sao chẳng?

Hầu tước Condorcet (một triết gia và toán học gia nổi tiếng) nói:

- Đây, một triết gia như tôi sẽ chẳng ân hận gì phải nói chuyện với một nhà đội lớp tiên tri như ông, một kẻ vô danh tiểu tốt!

Cazotte trả lời:

- Thưa ngài hầu tước, Ngài phải chết trên một sàn nhà gạch trong nhà giam. Ngài chết vì viên độc được mà Ngài mang theo, để tránh sự hành hạ và đem đi chém dưới đoạn đầu dài.

Tất cả đều kinh ngạc, nhưng rồi họ cho đây cũng chỉ là một câu chuyện “ác mộng” của nhà văn Cazotte mà thôi. Họ cười âm lên. Condorcet nói:

- Tôi nói đây là nhân danh Triết lý và Nhân loại cùng sự Tự do mà nói với anh, nghĩa là với Lý Trí của con người.

- Chuyện của anh vừa nói có ăn thua gì với Triết học và Lý Trí?

Cazotte nói:

- Đúng như vậy, thưa Ngài Hầu tước. Chính tôi cũng nhân danh Triết lý, Nhân loại và Tự do mà hầu chuyện với Ngài, và chính dưới chế độ của Lý Trí trơ trẽn mà Ngài phải bị trả quả một cách nặng nề khủng khiếp. Chính nước Pháp cũng đã phải chết trên vũng máu vì đã quá dùng Lý Trí như Ngài vậy!

Danh sĩ Chamfort cười sằng sặc, bảo:

- Có lẽ lắm, và anh có lẽ cũng sẽ chẳng còn là một nhà tiên tri nữa ở thời buổi ấy chứ!

- Chính có đúng như thế, thưa ông! Và cũng chính ông bạn Chamfort của tôi ơi, ông cũng sẽ là một trong những người bị Cách Mạng giết một cách gián tiếp, bởi ông đã phải chết bằng tự cắt mạch máu với 22 lần dao cạo, nhưng ông chỉ chết sau đó tới mấy giờ sau (vous vous couperiez les veines de 22 coups de rasoir, et pourtant vous n'en mourrez que quelque temps après).

Cả thảy nhìn nhau sững sốt. Cazotte lại nói tiếp:

- Còn ông Vicq-d'Azyr (một danh y đương thời), ông cũng sẽ chết vì cắt mạch máu 6 lần trong 1 ngày, ông chết vào khoảng nửa đêm.

- Lại còn ông Nicolai, ông sẽ chết trên đoạn đầu đài!

- Ông Bailly cũng vậy, ông cũng chết trên đoạn đầu đài.

Ông Boucher nói:

- Nhờ Trời, dường như ông Cazotte chỉ ghét các ông trong Hàn Lâm viện mà thôi! Còn như tôi, một tên tiểu tốt...

Cazotte ngắt lời:

- Không đâu, ông cũng sẽ chết trên đoạn đầu đài!

Thiên hạ đồng la lớn lên:

- Trời ơi! Anh này định sẽ giết tất cả sao mà?

Cazotte nói:

- Không, không phải tôi muốn lên án các anh em!

- Vậy thì, chúng ta sẽ chết vì bọn thổ phỉ, bọn Mông Cổ Thành Cát Tư Hãn ư? Họ chiếm chúng ta à?

Cazotte nói:

- Tôi đã nói: không! Các bạn sẽ bị Lý Trí, óc lý luận chi phối! Người sắp giết các ông cũng là người của Lý Trí, bởi vậy mà họ chẳng biết đến Tình Thương. Họ, như các ông, bô bô miệng nói vì Triết học, về Nhân sinh, về Hạnh phúc cho nhân dân mới giết các ông, họ chết vì Lý trí như các ông vừa bàn cãi sôi nổi đó!

Thiên hạ thì thảm:

- Anh này khủng rồi! Các anh em có nghe anh ta giễu cợt một cách vô duyên cợt nhã không?

Chamfort lên tiếng:

- Phải! Nhưng ta thử hỏi ông ấy, chùng nào sẽ xảy ra việc giết chóc này?

Cazotte nói:

- Khoảng 6 năm trở lại, mau hay chậm không thành vấn đề. Tôi thấy rất cận lắm rồi! Rất cận... Nay mai gì đây!

La Harpe nói:

- Nhờ Trời, tôi không bị kẹt trong số những người bị anh Cazotte lên án!

Cazotte nói:

- Đúng, chỉ có ông may mắn chạy khỏi tai họa khủng khiếp này, nhưng rồi anh bạn lại sẽ đi theo Đạo Chúa!

Chamfort la to:

- A, vậy thì chúng ta đồng cùng chạy theo đạo Chúa, chúng ta sẽ thoát nạn như anh này! Chúng ta sẽ trở thành bất tử!

Bà De Grammont (vợ của tướng Jacques Delma de Grammont) nói:

- Nói vậy chúng tôi là đàn bà, không biết gì về chính trị, sẽ không sao à?

Cazotte nói:

- Thưa bà, Cách Mạng này sẽ chẳng buông tha ai cả, dù là phái yếu!

- Trời ôi! Nói vậy là đến ngày tận thế còn gì? Bộ ông thuyết về tận thế sao?

Cazotte nói:

- Thưa bà, tôi cũng không hiểu có phải là đã đến thời tận thế chưa, nhưng cuộc tàn sát này sẽ không tha thứ một ai cả, dù nam hay nữ! Tôi chỉ biết, bà công tước de Grammont sẽ bị chở trên một chiếc xe, trong đó có nhiều bà quý phái khác lên đoạn đầu đài, hai tay bị trói lại sau lưng!

Bà De Grammont ôm mặt nói:

- Ôi, nếu thế thì tôi chỉ mong được quấn mình trong chiếc áo màu đen, ít ra là như vậy, nhất là với tước vị của tôi!

- Thưa bà, không được vậy! Tôi thấy có nhiều bà quyền quý hơn bà nhiều, đều bị trói tay lại cả!

- Ôi! Nhiều bà quyền quý hơn tôi ư? Các nàng công chúa, các bà quận chúa cùng một dòng vua ư?

- Thưa bà, đúng như vậy. Tôi thấy rõ ràng như vậy! Ngay cả hoàng hậu cũng không thoát khỏi... kia mà!

Trong phòng đã nổi lên nhiều lời bất bình. Bà De Grammont hỏi tiếp:

- Thưa ông Cazotte, người ta cũng sẽ không cho chúng tôi xưng tội nữa sao?

- Không được gì cả! Chính người lên đoạn đầu dài cuối cùng có lẽ sẽ được ân huệ đó mà thôi!

Nhưng Cazotte bỗng đứng im lặng. Bà De Grammont hỏi:

- Ai vậy? Ai là người cuối cùng được ân huệ ấy, được xưng tội? Ai? Ai?

- Thưa bà, đó là Nhà vua!

*
* *

Chủ nhà, các quan khách kéo đến trước mặt Cazotte, bảo:

- Này anh bạn, vừa vừa chứ! không thể kéo dài như thế này mãi được. Thôi nhé!

Nhưng bà De Grammont nói:

- Nãy giờ ông nói về chúng tôi, chưa hề nghe ông nói về số phận của ông. Ông có thể cho chúng tôi biết được chăng?

Cazotte lặng thinh. Mặt mày buồn bã:

-Tôi, cũng cùng một số phận như các người!

*
* *

Lạ thay! Những việc Cazotte nói đều xảy ra không sai một mảy, ngay với những chi tiết tỉ mỉ. Cazotte bị chết chém, năm 1792.

Có “Tiên định” không? Khoa tiên tri tiên giác có đúng không? Xin miễn trả lời.

Một câu chuyện khác nữa, trường hợp Bertause

Năm 1876, Bertause đang là sinh viên trường Luật, cùng nhiều bạn đến một quán coi tay của một người đàn bà dân Bohémien.

Bà Bohémienne này bảo một cách quả quyết:

- Anh sẽ giàu to, nhưng sẽ chết lúc hơi lớn tuổi, lúc anh làm Soái (Chef d'Armée) bị một chiếc xe bay đâm vào mình.

Lời tiên đoán này được xảy ra 30 năm sau đó, lúc ấy Bertause đang làm Bộ trưởng Nha chiến tranh, đang ngồi trên đài xem một cuộc đua máy bay từ Paris qua Madrid. Tên phi công lạc tay bánh (tên là Train) vì tránh một đoàn kỵ binh nên lạc tay bánh, đâm thẳng vào khán đài của các vị Tổng bộ trưởng, cái chong chóng quay mạnh quá, chặt đứt cái đầu Bertause, vị Tổng trưởng Quốc phòng.

Lời tiên tri này đã tuyên bố 25 năm trước khi người ta chế tạo ra được máy bay. Vị tổng trưởng Quốc phòng Bertause này, khi đang là sinh viên trường Luật cũng không tin được vì sao mình lại làm đến Nguyên soái trong khi mình đâu phải xuất thân trường Võ Bị? Làm

Tổng trưởng Quốc phòng là cầm quyền tối cao chỉ huy được Soái hướng.[1]

Chú thích:

Trường hợp tướng Kronprinz năm 1916 lại có tính cách lịch sử:

“Bấy giờ là năm 1916, từ các điểm ở Argonne đến Borsphore, quân Đức đại thắng”. Đây là lời nói của Kronprinz ghi trong nhật ký: “Chính tôi đang cầm một sư đoàn và đang lâm trận với hy vọng là chiếm Verdun. Giữa khoảng 2 cuộc tấn công, chúng tôi cho nghỉ quân để lấy sức, thì bộ tham mưu có dẫn đến tôi

1. Vài câu chuyện về những nhà tiên tri tài tử hoặc nhà nghề đã đoán trước được những khúc quanh lịch sử bên trời Âu rất chính xác.

Bá tước Louis Hamon: một người Ái-Nhĩ-Lan, mất tại New York năm 1936, là một trong các nhà tiên tri cỡ lớn của thế kỷ 20. Ông đã đoán trước cơn bệnh và cái chết của vị Nữ hoàng được tôn kính nhất ở nước Anh: bà Victoria, 6 tháng trước khi bà mất (1901). Ông nói với Hoàng tử Yales, người sau này sẽ trở thành Anh hoàng Edward đệ thất: Ngài sống được 69 tuổi. Thật vậy, vua Edward băng hà đúng năm được 69 tuổi!

Tài tình nhất là lời tiên đoán về Huân tước Kitchener. Lúc ông này còn là một trung tá, Hamon tiên đoán rằng Kitchener sẽ nắm được quyền to nhất trong đời binh nghiệp, nhưng rồi không chết trong trận mạc mà lại chết vì bị chìm tàu. Ông này tin lời tiên đoán ấy, nên mỗi khi lâm trận ông nói với chung quanh quân binh: “Tôi sẽ không bao giờ chết trận, chỉ chết chìm thôi!”. Ông rất để ý đến việc học bơi lội là môn thể thao quan trọng nhất đời ông. Thế mà ông lại chết chìm khi chiến hạm Hampshire bị đắm tại bờ biển Tô Cách Lan. Ông vừa ăn mừng sinh nhật của ông năm 66 tuổi cách đó vài ngày.

Bà Jeane Dixon, được nói khá rõ ràng, trong bộ sách của Ruth Montgomery: “A gift of Prophecy: the phenomenal Jeane Dixon”. Jeane Dixon đã tiên đoán sự phóng phi thuyền không gian đầu tiên Sputnik, việc Tổng thống Mỹ Kennedy bị ám sát, Gandhi bị ám sát, Truman sẽ lên thay thế Tổng thống Rossewell.

một người đàn bà Pháp, chuyên môn đoán số... Để giải khuây luôn thể, tôi cho phép người đàn bà này đến bộ tham mưu. Giữa các võ quan ăn mặc sang trọng như tôi, nàng này ngó tôi và nói: “Chính ông là tướng soái phải không?” Đi thẳng trước mặt tôi, nàng ấy nhìn thẳng vào đôi mắt của tôi, cầm bàn tay tôi và nói:

- Tôi muốn được nói chuyện riêng với ông mà thôi!

Tôi ra lệnh cho các tướng lui ra xa.

Người đàn bà này nói:

- Tôi đọc trên các chỉ tay của ông, tôi thấy triều đại của ông sắp tiêu tan!

Tôi thấy khó chịu, và bất bình! Làm gì có việc ấy, một tiếng lệnh của Hoàng đế, toàn thể nhân dân đứng lên như một người, không còn có một lực lượng nào chống lại nổi. Vậy mà con mụ đàn bà này hỗn láo!

Con mẹ ấy nói:

- Một người trong anh em của ông sẽ bị chết thê thảm.

- Chết trong trận mạc à? Tôi hỏi.

- Không! – Lại nói tiếp:

- Còn ông, ông sẽ bị đày đi qua xứ Hollande!

Các lời đoán của mụ ấy, thật khôi hài, nhưng lại đều đúng cả.

Chế độ quân chủ đổ nát. Em tôi, Joachim de Prusse chết thảm sau cuộc chiến tranh. Tôi đã phải bị đày 5 năm ở Wieringen.

Nhưng mụ này chưa chịu thôi, bóp tay tôi rồi nói thêm:

- Trong 5 năm nữa ông sẽ được trở về nước, bấy giờ ông lại sẽ đóng một vai trò kiến thiết lại xứ sở của ông.

Rồi mục ấy an ủi tôi theo lệ. Mục ấy còn tiên đoán một việc khác, nhưng tôi không muốn ghi lại trong trang nhật ký này. Nếu về sau lại đúng nữa thì quả là nên ghi lại trong các tài liệu của Khoa Huyền bí.

(Trích trong tập bút ký của Kronprinz)

(La vie et son Secret, Dr. A. Leprince, trang 109)

TIN MỘNG MỊ CÓ PHẢI LÀ MÊ TÍN DỊ ĐOAN CHĂNG?

Khoa Phân tâm học bảo KHÔNG

1. Le Rêve est la “voie royale” vers l’Inconscient”
(Freud)

(Mộng mị phải chăng là con đường chánh và dễ dàng nhất để đi tìm thấy vô thức?)

2. Hữu thức chỉ như phần băng đảo nổi lên mặt nước, trái lại Vô thức (chìm trong nước) lại chiếm đến 9/10 băng đảo. Mà Vô thức là cái bản lai diện mục của ta, gọi là Đan điền. Krishnamurti nói: “Notre Conscience ou Mental-Émotion est semblable à un “Iceberg” dont la plus grande partie est profondément immergée en profondeur, et dont une seule fraction (1/10) se montre au dehors. Nous avons connaissance de cette couche superficielle, mais c’est une connaissance confuse tandis que la partie intérieure, la plus grande, le profond inconscient, nous est à peine perceptible, ou si elle le devient, nous en prenons conscience à travers les Rêves, à travers des avertissements occasionnels, mais ces rêves et ces prémonitions, nous les interprétons selon nos préjugés et nos capacités intellectuelles

toujours limitées. Ainsi ces avertissements perdent leur signification pure et profonde.

(Krishnamurti (conférences données à Ojai, U.S.A, 1944)

Édition Jean Vigneau, 1947, 70 bis, Rue d'Amsterdam, Paris, page 18)

Lời nói trên đây của Krishnamurti có khác nào một nhà bác học khoa Tâm Lý học về bề sâu nói: Khi ta thức giấc, nghĩ về các điềm trong mộng, ta cũng bị cái Hữu thức đầy thành kiến và lý trí hướng dẫn, nên thực nghĩa của các điềm mộng mị mất cả những ý nghĩa thuần túy sâu xa của nó. Cần phải có một bậc giải thoát mới hiểu nổi... (xem kỹ sau đây về Giác mộng và những điềm báo trước của Đồng Trác).

La Doctrine Suprême có câu nói về Giác Ngủ: "... l'homme ordinaire a parfois l'attitude juste, discrète, non agissante; il l'a dans le sommeil profond. Alors, il cesse de s'agiter avec la prétention de faire son propre bien; il s'efface, il "lâche-prise", "il laisse les chaos comme elles peuvent être", il s'abandonne à son Principe et le laisse travailler sans intervenir (Vô vi, le non-agir). C'est parce que l'homme y est non-agissant que le sommeil a une si merveilleuse efficacité récréatrice."

Vô vi phải chăng là ngưng bật lại cái hữu thức của ta, để cho Vô thức được hoạt động như khi ta ngủ say. Vô vi là dừng để cho Hữu thức hoạt động nữa, hầu giúp cho Vô thức hoạt động tự do.

Jiddu Krishnamurti trong quyển Commentaires sur la Vie, chương 16 có viết về Giác Ngủ: "Le Sommeil

est une chose étrange et très importante. Durant le sommeil l'organisme interne, ayant sa vie propre, se renouvelle de lui-même. Il est évident que moins nous intervenons sur l'organisme interne, il n'en sera que mieux. L'organisme sera sain et naturel dans ses fonctions dans la mesure où le mental évitera d'en prendre la charge. Pendant le sommeil, les couches superficielles de la conscience voient leur tumulte s'apaiser, et peuvent ainsi recevoir les ordres des couches plus profondes..." (p. 36-39)

L'augmentation progressive du nombre des insomnies constitue un des maux des civilisations techniciennes. Le Sommeil est le grand réparateur des énergies nerveuses. Nous devons autant que possible nous coucher et nous lever tôt. Les personnes privées de tout exercice physique et d'air en raison de travaux de bureau pourront faire utilement une demie heure ou une heure de marche avant le sommeil.

*
* *

Trên đây đâu phải lời nói của một nhà bác học của khoa Tâm lý học nói mà chính là một Đạo sư cỡ lớn của Đông phương Đạo học.

*
* *

Sau đây, vài trường hợp về các điềm báo trước và những giấc mộng tiên tri:

Thành kiến của con người xưa nay, quá xem thường

về vấn đề mộng寐, và hai chữ này thường có hàm ý: mê muội, mê tín, dị đoan. Thực sự, quá xem trọng, sai; mà quá xem thường, cũng sai.

Bên Tây phương ngày nay, Đoán điềm và Giải mộng đã thành một Khoa học chính xác rồi và đã được đem ra nghiên cứu tại các Viện Siêu Tâm lý học, ngay ở các nước “duy vật”.

Quyển sách này có công dụng “khoa học hóa” những khoa mà trước giờ bị liệt vào những khoa “huyền bí dị đoan”.

Theo Đông phương huyền bí học, người ta cho rằng John Kennedy là hậu thân của A. Lincoln. Với những trường hợp giống nhau như ta đã thấy, trùng hợp một cách lạ kỳ.

1. Lincoln đắc cử Tổng thống năm 1860, còn Kennedy 1960 (sau Lincoln 100 năm).
2. Cả hai đều bị ám sát ngày thứ sáu.
3. Cả hai đều bị ám sát cùng đang ngồi chung với phu nhân.
4. Cả hai đều bị viên đạn bắn sau ót.
5. Người kế vị cùng một tên, Johnson.
6. Người kế vị đều thuộc phe dân chủ miền Nam.
7. Những ai kế vị sau này đều xuất thân ở Thượng viện.
8. Người kế vị Lincoln là Andrew Johnson, sinh năm 1808. Người kế vị Tổng thống Kennedy sinh năm 1908.
9. Tên sát nhân Tổng thống Lincoln là John Wilkes Booth, sinh năm 1839. Tên sát nhân Tổng thống Kennedy là Lee Harvey Oswald sinh năm 1939.

10. Hai tên sát nhân Booth và Oswald đều bị giết ngay, trước khi đem ra tòa.

11. Hai bà đệ nhất phu nhân, khi đang sống ở Bạch Cung, mỗi bà có một đứa con chết.

12. Tên thư ký của Tổng thống Lincoln đã yêu cầu Tổng thống đừng đi dự buổi hát ban đêm vì sợ bị ám sát. Tên thư ký của Tổng thống Kennedy cũng khuyên Kennedy đừng đi Dallas.

13. Tên sát nhân Tổng thống Lincoln, sau khi hạ sát tổng thống chạy trốn trong một kho hàng. Tên Oswald, núp trong một kho hàng để bắn tổng thống Kennedy rồi chạy trốn trong một rạp hát.

14. Tên của Lincoln có 7 chữ ghép lại, Kennedy cũng có 7 chữ ghép lại: đều là con số 7.

15. Còn tên của Andrew Johnson và Lyndon Johnson có 15 chữ kết thành. Còn tên của John Wilkes Booth và Lee Harvey Oswald gồm 15 chữ ghép lại.

*
* *

Trong Thánh kinh Thiên Chúa giáo thường nói đến các giấc chiêm bao, nhất là giấc mộng của vua Nabuchodonosor, về cái “hình khổng lồ mà bộ phận dưới chân là đất bùn” được nhà tiên tri Daniel giải thích. Đây là tượng của một chu kỳ đại hóa gồm 4 thời: thời kim và ngân, thời đồng và sắt (theo vòng Âm Dương tiêu trưởng).

Trong Thánh kinh Cựu ước (bộ phận Daniel) nói: “Ồ, Ngài Vương đế ôi! Nhà vua thấy một bức tượng khổng lồ hiện trước mặt. Tượng ấy, có cái đầu bằng

vàng, ngực và hai cánh tay bằng bạc (argent), bụng và bộ phận đến đầu gối bằng đồng, còn chân thì bằng sắt, còn chân dưới gót lại nửa sắt nửa đất bùn.

Rồi, một viên đá ở đâu bay lại (chẳng phải do con người bắn), tức là không phải chiến tranh do con người gây ra, mà do bởi đâu đâu (có lẽ là Thiên lý chăng?), bức tượng bể nát vì viên đá chạm vào chân bằng đất bùn, ngã quy tan tành. Cái đầu là tượng thời kim ngân; ngực và hai cánh tay bằng bạc, tượng thời Ngân, bụng và bắp vế bằng đồng, tượng thời đồng, còn chân bằng sắt và cẳng bằng bùn, tượng thời sắt. Cái tượng khổng lồ này miêu tả chu kỳ đại hóa bất cứ về vận mạng của một nước hay vận mạng của cả nhân loại. Từ đầu đi lần xuống phần hạ bộ, tức là từ tinh thần xuống lần đến vật chất, là lịch trình của văn minh loài người.

VẤN ĐỀ MỘNG MỊ^[1]

Như chúng ta vừa đã thấy trình bày trước đây về giấc mộng của một người đàn bà tên là Thilton đặc biệt có những “giấc mộng tiên tri”, một khía cạnh đặc biệt mà khoa “Tâm lý học về bề sâu” đã cố gắng nghiên cứu và đào sâu để tìm hiểu những sâu thẳm của lòng người.

Nghiên cứu về nó, khoa Parapsychologie ngày nay, nhất là bên Liên Xô^[2], đã và đang tìm cách đi sâu vào Tiềm thức con người... Người ta có thể, trong giấc mộng, vượt thời gian mà đi trước khi nó sắp xảy ra trong thực tế.

Hoặc thức hoặc ngủ, bao giờ con người cũng có thể biết được việc sẽ xảy ra, hoặc việc đã qua mà ta vô tâm không biết được. Vô thức hay Tiềm thức, hoặc Siêu thức (tên gọi có khác nhau) nhưng đều có một nghĩa, là một cái “thức” (conscience) khi lộ ra, khi tiềm ẩn. Ngày nay, khoa Tâm Lý học về bề sâu cho nó là có thật, là cái “thức” của con người một cách đương nhiên.

-
1. Mộng (những cảm giác trong khi ngủ. Mị (nằm ngủ) thấy gì có đầu đuôi, có ý nghĩa. Mộng Mị đêm ngủ thấy mộng và theo tôi, mộng my là những giấc mộng có ý nghĩa thực tế. Nếu Mộng mà đầu đuôi chẳng có ý nghĩa gì cả, mới chỉ là Mộng thôi.
 2. Thời điểm tác giả viết bộ Dịch Kinh Tường Giải là 1985-1986.

Ai mà chẳng biết câu chuyện đứa con trai của văn hào Dante, khi làm công việc sắp xếp lại bản thảo bộ Divine Comédie không tìm được 13 chương, chẳng biết lạc mất nơi đâu. Đã có trên 6 tháng rồi, vẫn không sao tìm lại được, thì một đêm cậu ngủ thấy cha về kéo chàng vô một cái phòng và chỉ cho thấy trong một hộp tủ. Sáng ngày, cậu tìm thấy đầy đủ.

Các nhà Tâm Lý học về bề sâu, gọi cái Tiềm thức (hay Đan Điền) này bằng cái tên “Siêu thức” còn cao hơn Hữu thức rất nhiều.

Chính cái Siêu thức này tạo thành những thần đồng, tuy còn nhỏ, không học mà biết, mà biết rất rõ, rất sâu xa hơn các nhà bác học có cấp bằng cao... các người có học nhiều, ráng cố gắng nhớ cho dai để trả bài cho các giám khảo mà có cấp bằng cao... nhưng vẫn còn thua xa những thần đồng như Mozart, như Pascal... hay những Nguyễn Hiền hay Lê Quý Đôn của chúng ta.

Người chúng ta ngày nay coi thường vô thức, bởi tin rằng ngũ quan của ta đủ rồi, thêm đó vài cái máy phụ vào như kính hiển vi là thừa sự hiểu biết.

Tự mãn quá đáng! Ở thời đại này mà như thế lạc hậu quá!

Maurice Maeterlinck, trong quyển “Hôte Inconnu” nói: “Người khách lạ” là kẻ đã thủ thủ trong tai ta, nhắc nhở sự dè dặt, cẩn thận, khuyên ta bỏ chỗ này đi đến chỗ kia thì ta sẽ khỏi bị tai họa... chính là những điềm chiêm bao, những lo âu đột ngột, đó là “đời sống bí mật” trong ta (notre vie secrète et profonde), đó là cái “Siêu thức” của ta vậy – toàn là do cái “Đan điền” của ta.

Theo các nhà Tâm Lý học về bề sâu, có 3 thứ “thức”: Vô thức, Hữu thức, và Siêu thức. Vô thức thuộc loại thiên tính thô sơ, còn Siêu thức là phần tinh thần cao nhất, nguồn gốc thiên tài, của trực giác và linh giác, những tư tưởng cao siêu nhất của con người. Ta gọi là Đan Điền (HARA). Kẻ nằm Mơng mà linh vô tâm hay vô tình đã có biết xuất thần... nếu biết cách luyện tập.

Boccare, viết về tiểu sử của Dante kể: “Sau khi thi hào mất, bản thảo lạc mất 13 chương chót. Bè bạn chí thân của thi hào tiếc quá, nhưng đành phải chịu, không làm sao tìm lại được.

Dante có 2 đứa con trai, Jacops và Piero, cả hai đều làm thơ giỏi như cha. Theo lời xúi giục của các người bạn chí thân, hai đứa này bằng lòng cùng viết đoạn chót cho bản thảo được đầy đủ. Jacops, tài hoa hơn em, nằm mơ thấy cha về chỉ cho cậu chỗ cất 13 chương chót ấy. Một anh nhà giàu ở Ravennu, Piero Giardino, nguyên là đệ tử của Dante, là một người nghiêm trang đứng đắn thuật lại rằng tám tháng sau khi thi hào Dante chết, Jacops, vào lúc bình minh sắp mọc đến cho ông ta hay rằng 13 chương cuối của bộ Divine Comédie đã tìm lại được, nhờ trong một cơn mộng thấy cha về, mặc một bộ đồ trắng bao bọc trong một hào quang sáng rực. Jacops hỏi: “Cha về đó ư? Cha còn sống sao?”. Dante trả lời: “Phải, ta sống, nhưng sống một đời sống không giống như con, một đời sống thật!”.

Jacops hỏi: “Cha đã viết xong chưa, đoạn cuối của quyển sách?”. Dante nói: “Ta đã viết xong rồi, hiện nó ở trong phòng ngủ của ta, chỗ ta thường nằm, dưới chiếc chiếu”. Nói xong, biến mất. Jacops tỉnh dậy, chạy thẳng đến nhà Piero Giardino cho biết việc mộng寐

ấy và bảo cùng đi tìm các tập sách ấy. Hai người đến nhà cũ, chỗ Dante ở, lại bên chiếc giường lật chiếc chiếu thấy xấp bản thảo nhưng đã bị ẩm gần như mục hết phân nửa. Đúng là 13 chương chót mà họ đã tìm mãi không ra. Có thể có hồn Dante về, mà cũng có thể chính Vô thức của đứa con, chứ không phải ai.

Bác sĩ Frederick A. Weiss bảo: “Mộng寐 là “con đường vương đạo” tức là con đường chính đáng nhất để đi sâu vào Tiềm thức”.

Theo Thiên đạo, Đan Điền là nơi trú ngụ của Vô thức (xem tập Thiên Đạo Tinh hoa của tác giả, tập số 17, 18, 19). Đan Điền cũng gọi là “Phúc não”, phải nói cho rõ hơn: “Đan Điền là nơi trú ngụ của Siêu thức”.

Câu chuyện về cái chết của Tổng thống Mỹ, Abraham Lincoln: Đây là lời mà Lincoln thuật lại cho người có phận sự viết tiểu sử của ông: “Tôi nằm mơ thấy tôi đang đi trong dinh Tổng thống... Đi một mình, từ phòng này đến phòng khác. Tất cả đều trống không, bỗng tôi nghe có tiếng khóc... Tôi lần đến gian phòng phía Đông, tôi thấy có đồng người họp lại, chính giữa gian phòng có đặt một chiếc quan tài rất đẹp. Tôi hỏi: “Ai chết?”. Một người trong đám nói: “Ngài Tổng thống Lincoln! Ngài vừa bị ám sát!”.

Vài hôm sau, quả thật A. Lincoln bị ám sát và đem quần tại gian phòng mà ông đã thấy trong giấc chiêm bao hôm qua.[1] Có thuyết bảo rằng vài hôm sau ông mới bị giết, hoặc cả tuần sau (!).

1. Về sau Tổng thống Kennedy cũng đã được tiên báo cái chết của ông, nhưng ông không nghe, cứ đi... và quả đã bị giết tại Dallas – in như trường hợp Tổng thống Lincoln.

Còn đây, là một giấc mộng của Calpurnia, vợ của nhà độc tài Jules César, trước ngày César bị ám sát. Plutarque thuật lại câu chuyện này: “Chính César nghe tiếng hét to của bà vợ trong cơn ác mộng. César nói: “Bà ta thấy bà bỗng trên tay xác chết của César! Sáng, bà năn nỉ César đừng ra khỏi phòng, đừng đi dự hội ở Thượng viện. César cũng đã được nhiều tu sĩ nói cho biết như thế, nhưng không muốn thiên hạ chê mình là kẻ mê tín dị đoan: ông ta đi dự hội nghị... và nơi đó ông bị giết chết.

Có biết bao trường hợp như thế, nhưng vì sợ thiên hạ chê là mê tín nên không nghe theo lời cảnh cáo của những giấc mộng tiên tri.

Trong quyển “De divinatione” của Cicéron có nói về thi sĩ Simonide, ngày nọ trên đường đi gặp một xác chết. Ông liền chôn cất người bạc mệnh bên đường cái. Sau đó, Simonide định vượt biển đi đâu đó, thì nằm mộng thấy người chết dọc đường được ông chôn cất ấy hiện về khuyên ông bỏ chuyến vượt biển đi, vì chiếc

.....

Về điềm chiêm bao của Lincoln, có nhiều thuyết khác nhau về thời gian giữa điềm chiêm bao và ngày ông bị ám sát. Theo Wara Hill Lamon, bạn rất thân của Lincoln, thì vài ngày sau giấc chiêm bao, chứ không phải ngày hôm sau.

Ngày ông bị ám sát, người ta thấy ông rất vui hơn mọi khi. Trước hội nghị, ông thuật: “Tôi chiêm bao thấy miền Bắc chúng ta chiến thắng miền Nam. Cho nên tôi đang đợi tin mừng. Tôi thấy chiếc tàu bị binh ta đuổi theo. Tôi tin chiến tranh chấm dứt và quân thù chạy trốn hỗn loạn. Hai điềm chiêm bao, một xấu một tốt làm cho lòng nghi hoặc của tôi không còn nữa. Cũng tưởng hai tin đó chế lẫn nhau, nhưng sự thật Lincoln vẫn bị ám sát như thường.

Cái chết bất đắc kỳ tử của hai vị tổng thống Mỹ đều đã được báo trước.

tàu mà ông sắp đi sẽ bị chìm giữa biển. Simonide nghe theo lời khuyên cáo ấy, nên đã thoát nạn. Sau nghe nói chiếc thuyền này bị chìm và trong thuyền không một ai sống sót cả.[1]

1. Đỗ Phủ nằm mộng thấy bạn chí thân là Lý Bạch chết đuối nên làm bài thơ sau đây, than thở:

Mộng Lý Bạch
Tử biệt dĩ thôn thanh,
Sinh biệt thường trắc trắc,
Giang Nam chướng lệ địa,
Trục khách vô tiêu tức.
Cố nơn nhập ngã mộng,
Mình ngã trường tương ước.
Khủng phi bình sinh hồn,
Lộ viên bất khả trắc.
Hồn lai phong lâm thanh,
Hồn phản quan tái hắc.
Quân Kim tại la võng,
Hà dĩ hữu vũ dục?
Lạc nguyệt mãn ốc lương,
Do nghi chiếu nhan sắc.
Thủy thâm ba lãng khoát
Võ sử giao long đắc.

Dịch:

(Lúc này Lý Bạch bị đày ở Giang Nam)
 Đã thôn thức khóc ai tử biệt,
 Thường xót xa thương kiếp sinh ly
 Không nghe tin tức người đi,
 Giang Nam chướng lệ còn gì là thân!
 Mơ hình dáng cố nhân trong mộng,
 Khiến lòng ta chạnh tưởng không nguôi.
 E không còn sống trên đời,
 Đường kia nghĩ nỗi xa vời mà kinh.
 Hồn trở lại rừng xanh núi thẳm,
 Hồn trở về mây ám ải quan.
 Lưới kia giam hãm tấm thân,

Valère Maxime, một sử gia La Mã, đồng thời với Tibère nói về những giấc mộng có nhiều chi tiết quan trọng và lý thú. Thường các giấc mộng đều tiên đoán những vụ án mạng khủng khiếp, như câu chuyện Artérius Ruffus, một chiến sĩ La Mã, nằm mộng thấy mình bị một tên giặc đầu cầm một cái lưới chụp lên

.....

*Lấy đâu lông cánh băng ngàn cao bay.
Trăng đã lặn, mái đây ánh bạc,
Trăng thường soi nhan sắc người xưa.
Sóng còn, nước rẫy bao la,
Giao long biết có buông tha bạn vàng?
(Bản dịch của Trần Trọng San)*

Bài thơ thật lâm ly thâm thúy... Tình bạn người xưa sao nồng thắm thế! Sợ bạn bị lam sơn chướng lệ mà chết! Thấy bạn, mong rằng đây không phải là hồn về... báo mộng mà chỉ là một giấc mộng băng quơ thôi!

Từ câu 1 đến câu 4: Đã nghẹn ngào khi tử biệt, lại thường đau đớn lúc sinh ly; Giang Nam là nơi thường có bệnh chướng lệ. Ta không được tin tức gì về người bị đày...

Từ câu 5 đến câu 8: Cổ nhân (Lý Bạch) đi vào giấc mộng ta, khiến ta luôn luôn thương nhớ. E rằng không phải là hồn bạn còn sống, vì đường xá xa xôi đâu có thể lường được sinh tử thế nào?

Từ câu 9 đến câu 12: Hồn đến chốn rừng phong xanh ngắt. Hồn về nơi quan tái tối đen. Nay bạn đang mắc trong lưới rập, làm sao có được lông cánh để mà thoát ra? Để mà cao bay xa chạy?

Từ câu 13 đến câu 16: Ánh trăng lặn, chiếu trên rường nhà. Ta còn ngỡ rằng đó là ánh trăng chiếu vào mặt bạn (dung nhan của bạn). Nước sông, sông lớn. Mong rằng bạn không bị phải giao long làm hại tính mạng.

Câu: Thủy thâm ba lãng khoáng, vô sử giao long đầu: (Sóng còn, nước chảy bao la, giao long biết có buông tha bạn vàng...) Lo cho Lý Bạch chết chìm... Lý Bạch quả bị chết đuối... ngồi trên thuyền, trăng sáng... Thấy bóng trăng dưới nước, cúi xuống vớt... chết chìm luôn. Về sau nơi đó có dựng lên một cái đài, đặt tên là "Tróc nguyệt đài" (Đài vớt trăng).

đầu anh ta và giết chết anh ta. Giác đấu, là tay lục sĩ, đấu võ trên công trường, chuyên môn đánh với thú dữ... Sáng hôm sau, anh ta đến võ trường, liền thấy rõ ràng tên ấy đứng chờ, đúng là hình dạng anh ta thấy trong mộng. Anh ta nói: “Thôi rồi! Chính người này mà tôi thấy trong mộng!”. Anh muốn chạy trốn, nhưng không kịp, tên này dồn anh ta tận chân tường, lật ngã anh ta và đâm chết.

Thống tướng Marmant thuật: “Trước khi lâm trận vào ngày mai, một võ quan trong quân đội Ý nằm mộng thấy mình bị một quân nhân mặc quân phục màu xanh lam đâm chết. Anh ấy, thuật lại việc ấy cho các bạn bè, nhưng không một ai để ý cả, bởi cho là mộng mị là việc bá vơ.

Cũng trong ngày đó, quân Pháp và Áo đánh nhau, Stingel bỗng thấy đằng xa một kỵ quân mặc quân phục màu lam bay ngựa đến trước mặt anh ta. Anh ta nói: “Đúng rồi! Anh này, tôi đã thấy đêm hôm qua trong mộng!”. Anh ta bị người bận quân phục màu lam chém chết trong nháy mắt không kịp trở tay. Chính viên phụ tá anh ta nói: “Stingel dặn tôi: Tôi mà bị giết, thì anh thay tôi cầm quân nhé! Việc trong mộng, mà lại có thực!

Thấy tên võ quan bay ngựa đến ngay đầu ngựa của mình, Stingel cảm thấy như bị thôi miên, như chuột gặp mèo... ngồi sững trên lưng ngựa để cho người ta giết mình mà không phản ứng. Điểm đặc biệt này, ta nên hết sức lưu ý.

*
* *

Trong lịch sử thành Rome, biết bao câu chuyện về giấc mộng tiên tri. Như chính Cicéron mộng thấy một người trai được giới thiệu sẽ là kẻ cầm quyền tối cao sau này. Sáng hôm sau, ông gặp người mà ông đã thấy trong giấc chiêm bao, người ta bảo với ông, đó là Octave, cháu của César. Cicéron, dù đã chế nhạo những kẻ tin về những giấc mộng tiên tri trong quyển “De Divinatione” của ông, bây giờ lại tin, nên ông cầu thân với Octave. Nhưng, khốn nạn thay, trong một cuộc nội loạn, Octave đã hy sinh Cicéron, đem giao nạp Cicéron cho kẻ thù mình là Antoine, về sau là vì vua đầu tiên của Rome với tên là Hoàng đế Auguste, thì Cicéron đã chết lâu rồi...

Ta thấy những giấc mộng tiên tri đã để cho người chiêm bao sự tự do lựa chọn... cũng có thể biết trước để mà tránh. Có 2 điểm chính sau đây về những giấc mộng tiên tri: thời gian và không gian đối với Tiềm thức ta hoàn toàn không hẳn chi phối ta: ta có khi cũng còn có quyền lựa chọn, tin hay không tin. Tiềm thức ta vượt cả không gian và thời gian, biết trước được mọi việc xảy ra và báo cho ta biết để tự mình tìm đường gỡ rối! Như sự bói toán của Kinh Dịch, bao giờ trong các quẻ xấu đều đã có để cho ta được tự do lựa chọn. Như trong quẻ Di, quẻ báo cho ta con đường nên cẩn thận về việc ăn uống và ăn nói: “Đại tượng khuyên: “Quân tử dĩ thận ngôn, tiết ẩm thực”. (De ces rêves prémonitoires... se dégagent 2 points importants: l’Espace et le Temps n’ont pas de limite pour notre Subconscient, qui voit au loin ou vit dans l’avenir. Grâce à l’expérience du Rêveur, des vies humaines ont été sauvées dans les cas précités).

Năm 1943, người ta động viên các nhà giáo ở nông thôn nên họp các trẻ nhỏ thành đoàn, rồi cho dời đi những chỗ nào an toàn... Mỗi buổi sáng có một chiếc xe vận tải đến chở các em đi... Ngày kia, một đứa gái nhỏ thuật rằng em đã nằm mơ, thấy chiếc xe vận tải rơi vào một cái hố bên đường. Ngày đó, 14 trẻ em trong nhóm này không chịu lên chiếc xe vận tải... cùng dắt nhau đi bộ... Đường đi gập ghềnh. Đi một lúc, chúng thấy chiếc xe ấy đã vượt qua chúng xa... lại đã lật ngửa bên đường đi, vì tên lái xe đã chở nặng nên phải bị lật nơi một khúc quẹo xấu... Các hành khách chết và bị thương la liệt... Thế là nhờ biết tin việc giấc mộng đã tiên báo mà lũ trẻ này (14 đứa) được thoát nạn.

Câu chuyện chiếc tàu Titanic chìm ngay buổi đi ban đầu (khoảng tháng 4 năm 1912), đụng phải một hòn băng thạch (iceberg).

Có hai giấc mộng tiên tri về việc chiếc tàu Titanic chìm, chết có trên 1.500 người trong tàu.[1]

1. Tàu Titanic (trích trong *Le Mystère des Rêves*).

Chiếc tàu khổng lồ Titanic rời bến Southamton ngày 10 tháng 4 năm 1912, và chìm đêm khoảng giữa 2 ngày 14 và 15 tháng 4. Và như vậy, các điềm chiêm bao đã xảy ra trước ngày tàu nhỏ neo, như thế đâu phải việc chiếc tàu này phải chìm là việc không có tiên định? Định mạng hay Tự do? Khiếp quá!

Bác sĩ A. Leprince có viết: "Le fait de voir, à présent, un fait se dérouler dans l'avenir, suppose que cet acte est déjà déterminé".

"Si un cas de prémonition nous donne des détails multiples absolument invraisemblables et dûment contrôlés, ce cas à lui seul suffirait pour établir que la prémonition existe et que l'avenir est déterminé: conclusion terrible, mais qui s'impose".

Những điềm báo trước khiến ta tự nhiên xúc động, hồi hộp, lo sợ... như Hoàng thân Karageorgevitch, anh em chú bác với vua Pierre (nước Serbie) ngày kia đi du lịch chung với nhà văn Pháp François

Một bà người Mỹ sống sót, kể lại: Tôi và chồng tôi với hai con tôi, mỗi năm đều có đi tàu trên biển. Lạ thay, trước khi tàu nhỏ neo, tôi cảm thấy bất rút và hồi hộp lạ, tôi khuyên chồng tôi trả giấy lại và đi qua chiếc tàu khác. Nhưng chồng tôi bảo: “Chiếc Titanic rất to lớn, máy móc tối tân nhiều, sợ gì!”. Thế là chúng tôi cùng lên chiếc Titanic. Trong một đêm, khi tàu đang chạy, bà mộng thấy chiếc Titanic bị chạm phải một cái gì rung rinh cả chiếc tàu, thiên hạ nhộn nháo kêu réo và chạy tán loạn. Bà giật mình ngồi dậy, lay ông chồng đang ngủ mê. Ông ấy mê ngủ không chịu dậy... Bà chạy ra boong tàu, thấy đều yên lặng. Ông chồng bà nói: “Bà thấy không, bà mộng mị mà hay tin nhảm! Thôi, bà uống viên thuốc ngủ này đi!”. Nhưng bà vẫn bị ám ảnh vì giấc mộng quá hãi hùng... Đêm sau, chính là đêm tai họa... Một tiếng chạm nặng làm rung rinh cả chiếc tàu: tàu đã đụng phải một tảng băng to... Bà dẫn hai con chạy và tìm được chiếc tàu nhỏ Carpathia... Thế là bà và hai con thoát nạn, còn ông chồng chết chìm bởi lo ăn uống trong phòng, không ra kịp.

.....

Coppée tại Tây Ban Nha. Họ tính với nhau, sáng ngày mai sẽ từ giả Malago mà về. Hôm ấy, là ngày chúa nhật, 2 người cùng đi dự lễ trong một nhà thờ trong tỉnh. Bỗng Hoàng thân cảm thấy như có ai xô mình ra đằng trước ra khỏi nhà thờ. F. Coppée hỏi: “Tại sao anh không đợi mãi lễ thánh, lại vội vã đi về?”. Karageorgevith nói: “Không thể cắt nghĩa cho anh được! Có điều là tôi phải đi khỏi Malago tức khắc ngay bây giờ, chứ không phải ngày mai như chúng ta đã quyết định”. Coppée chống lại, nhưng vô hiệu. Hai người ngay buổi chiều ấy rời Malago đi nơi khác. Sáng bữa sau, về chiều, có tin chiếc xe lửa chiều hôm ấy đã đụng vách núi và rớt xuống hố sâu. Có 40 người chết, tất cả đều bị thương nặng, được chở về bệnh viện cấp cứu... Hai người nhìn nhau. Hú hồn!

Trường hợp bà này lạ thật, có nhiều điềm xấu xảy ra trước tiên báo tai họa, bà đã nghe theo và lo dự bị trước nên bà và hai con được thoát nạn. Cái cảnh tượng rừng rợn xảy ra cho bà thấy đã đến 24 giờ trước tai nạn.

*
* *

Một trường hợp khác, do ông J. Cannon Middleton thuật lại với Ban điều tra sau sự đắm tàu Titanic. Chiếc tàu Titanic sắp nhổ neo ngày 10-4-1912. Ông Middleton đã mua giấy trước vào ngày 30 tháng 3 (20-3-1912). Vài hôm sau, ông nằm mộng thấy chiếc tàu khổng lồ này bị chìm giữa biển. Đêm sau, giấc mộng lại tái diễn. Ông nghĩ: điềm mộng mị này chắc là sẽ có thật. Nhưng ông không tiết lộ việc này cho ai cả, ngay với gia đình, vì ông sợ người ta cười chê ông là mê tín! Ngày 4-4-1912 (nghĩa là trước 6 ngày chiếc Titanic nhổ neo), thì ông được một điện tín đánh khẩn cấp, yêu cầu ông bỏ chuyến đi này, vì một việc buôn bán to khác rất có lợi... Ông mừng quá, bỏ ý định lên chiếc Titanic. Về sau, ông thuật lại giấc mộng của ông khi nghe tin chiếc Titanic bị chìm. Ông còn giữ 4 vé tàu (vé đi và về) chứ không trả lại cho hãng tàu để làm chứng cứ cho việc thoát nạn của ông (giữ làm kỷ niệm).

*
* *

Mộng mà thấy rụng răng, là có tang[1]: Thuở nhỏ, tôi cũng nghe bà tôi nói như thế. Sau này, nghiên cứu về “mộng tiên tri”, tôi thấy trong một hồ sơ của Stevens và Moufang, nhà bác học chuyên nghiên cứu về Mộng Mị, trong quyển sách nhan đề “Le Dossier fantastique du Rêve” par Stevens et Moufang.

Trong quyển “Les Mystère des Rêves”, phần thứ 2, quyển này gồm 2 phần: Phần thứ 1, do Aimé Michel viết; phần thứ 2 do ông Stevens và Moufang viết. Tài liệu trong sách rất dồi dào, ta cần phải đọc, vì thiết tưởng đời ta có 2 phần, lúc thức và lúc ngủ. Nếu không tìm hiểu phần Vô thức lúc ngủ, thành ra ta đã bỏ mất phân nửa đời ta. Về “Tâm Lý học về bề sâu”, nếu muốn hiểu phần sâu nhất của tâm hồn, không thể bỏ qua cái học về Tiềm thức, như Kinh Dịch đã khuyên: “Tẩy tâm thối tàng ư mật”, “cực thâm nghiên cơ”, “trí dĩ tàng vãng”.

*
* *

-
1. Ông Stevens nói: Một người đàn bà xứ Irlande có gởi cho tôi một bức thư: “Tôi như có khiếu tự nhiên, là có những giấc mộng tiên tri, nhưng mẹ tôi bảo tôi nên giấu, đừng cho ai biết việc tôi nằm mơ thấy bị rụng răng mặc dù tôi có hàm răng rất chắc và rất đẹp. Răng rụng đây có máu, chắc chắn phải có tang trong người thân, còn răng rụng mà không có máu, là có tang người quen thôi. Nếu là một cái răng phía trong, sẽ có người thân lớn tuổi chết, nếu là răng cửa, người chết còn nhỏ. Tôi thấy rất đúng, bởi em gái tôi chết, dù em nó đang mạnh khỏe.

Giấc mộng cũng có liên hệ đến việc xổ số và trúng số[1]. Bác sĩ Christoph Knape nói: “Khoảng năm 1769, tôi còn là một học viên tập sự ở một y dược của hoàng gia Prusse. Tôi chiêm bao thấy con số 22 và 60, tôi liền mua 2 con số ấy, quả kỳ đó tôi trúng độc đắc.

Lại còn có việc lạ kỳ khác: Giấc ngủ trị bệnh. Đó là trường hợp của Edgar Cayce, trị bệnh rất hay, lúc ngủ.

Ông bắt ngờ tìm ra khiêu đặc biệt ấy lúc còn nhỏ. Ông lúc nhỏ, đi học rất tầm thường. Có hôm, ông học bài mãi mà không thuộc. Ông nói với cha: “Con buồn ngủ quá! Để con ngủ rồi dậy con học”. Ông lót quyển sách dưới gối. Khi tỉnh dậy, ông thuộc lầu. Lạ hơn nữa, cậu bé này lại còn hiểu rõ ràng từng câu từng chữ không cần thầy cắt nghĩa.

(Le petit Cayce, un jour, apprenait à lire à côté de son père. Il dit tout à coup: “Laissez-moi dormir, papa, je suis fatigué!” Le père lui dit d’aller se coucher. Son livre se trouvait sous l’oreiller pendant qu’il dormait. Lorsque l’enfant se réveilla, le père constata avec étonnement qu’il récitait couramment sa leçon. De plus, il comprenait chaque mot qu’il épelait correctement. On eut dit que le texte entier du livre s’était imprimé dans sa tête, comme une plaque photographique.

Cette faculté extraordinaire ne quitta plus l’enfant. Lorsqu’il plaçait son livre sous la tête avant de s’endormir, il apprenait sa leçon par coeur pendant son

-
1. Người ta bảo Xổ số là may rủi, vậy trường hợp này may rủi chỗ nào? Nếu đã có người biết trước? Phải chăng không có cái gì may rủi cả! (le hasard n’existe pas, ne peut pas exister).

sommeil. Ce don extraordinaire l'aida beaucoup dans ses études...) (p.132 – Le Dossier fantastique du Rêve).

“Có một anh thanh niên ở Dordrecht, xứ Holland, sau khi xài phí hết gia tài của người cha để lại, còn thêm nợ nần và người ta sắp đưa anh ra tòa. Một đêm, anh nằm mộng thấy anh ta gặp một người trên cầu Kempen và người này chỉ dẫn anh ta tìm được cách gỡ rối. Sáng ngày, anh cũng thử xem, đến cầu ấy, nhưng không thấy ai nói gì với anh ta. Qua lại rồi lại qua trên cầu, cũng chẳng thấy ai. Chỉ thấy có anh ăn mỳ.. Anh ăn mỳ thấy anh có vẻ lo lắng, đột nhiên hỏi: “Anh tìm ai, anh tìm gì? Tôi có thể nào giúp anh chút nào chẳng?”. Chàng trai bèn thuật việc anh đang bị túng bấn và muốn thử xem điềm chiêm bao như thế nào.

Anh ăn mỳ nói: “Được, anh không cần đi đâu xa! Chính tôi cũng nằm chiêm bao thấy ngay ở thành phố này có một cái nhà, bên cạnh nhà có mấy cây cổ thụ... Để tôi vẽ họa đồ anh xem... Nhưng làm sao tôi biết nó ở đâu...”

Chàng trai mừng lắm, vì do sự chỉ dẫn tỉ mỉ, thì chính là nhà của anh ta đang ở. Anh chẳng nói gì cho tên ăn mỳ biết, anh ta chạy thẳng về nhà, đi thẳng đến cội cây sồi, đào lên tấy một hũ tiền vàng mà cha anh trước đây đã giấu. Vì chết bất ngờ nên không kịp trời lại cho con.

Sách này bảo : Khoa học bó tay, chưa làm sao giải nổi! Nhưng đều là sự thật.

Nhưng theo thuyết Đan Điền của Đông phương Đạo học, thì bảo đây chỉ là hiện tượng của Vô thức. Khi ta thức (à l'état de veille) thì Vô thức của ta bị Hữu thức chi phối, Hữu thức thuộc về Lý trí. Còn khi ta ngủ (à

l'état de sommeil), Hữu thức nhường chỗ cho Vô thức hoạt động mà hiện tượng của nó là Chiêm bao.

Cho nên có những hiện tượng mà một số đông các nhà bác học lỗi lạc đã trải qua[1].

Bác sĩ Alfred Lehmann, Giám đốc phòng Nghiên cứu về Khoa Tâm lý học ở Viện Đại học Copenhague, có viết trong quyển *Superstitions et Magie*: “Người ta đã cho tôi một số tài liệu về những giấc mộng sáng tạo của một

1. “La nuit porte conseil?”

“On est préoccupé d'un problème difficile, d'une affaire “impossible” à débrouiller, on se couche, on dort... et le lendemain matin, la solution... que le raisonnement avait cherché vainement à édifier, apparaît tout à coup, nette et lumineuse. L'Inconscient a fait son oeuvre pendant la nuit”. (p.120, votre Avenir révélé par les lignes de la main...)

Jean des Vigues Rouge, viết về đường Mercure sâu đậm, không đứt đoạn, từ dưới lên thẳng ngón út: “La ligne de Mercure longue, bien tracée, pas d'hésitation, diagnostique que le Sujet est un Intuitif apte à la création intellectuelle et artistique hors de pair... Elle représente cette partie de l'Inconscience où s'élaborent les inventions”.

Chắc chắn người có đường Thủy tinh dài và được khắc sâu, không bị đứt đoạn, là kẻ có một thứ trực giác thật dồi dào và bén nhạy, có óc sáng tạo phi thường... Hơn nữa, sống lâu và thật lâu, không bệnh hoạn gì cả, trái lại, bị đứt, sức khỏe suy và nhiều bệnh.

“C'est un esprit primesautier (qui agit, parle ou écrit à la première impulsion sans réflexion préalable) qui acquiert avec une très grande facilité de toutes sortes de connaissances, comme en se jouant”.

Kẻ có lần chỉ Thủy tinh, là người có cái tài đặc biệt nói và viết theo hứng lúc ban đầu mà không cần suy nghĩ, bất cứ về sự hiểu biết môn nào, họ học một cách rất dễ... vì họ có một Tiềm thức rất mạnh. Dĩ nhiên, họ có Đan Điền phong phú, tự nhiên, người Nhật gọi là “Hara-naturel”.

Chỗ này, nếu rõ ràng được khắc sâu, chính nó là Đan Điền của ta vậy. Vì đó là chỗ tụ ẩn của khí Đan Điền nguồn gốc của Sinh Lực Vũ Trụ.

số học giả, bác học và y sư... họ đã tìm ra được nhiều bài toán hết sức gút mắc mà lúc họ thức không tìm ra nổi, nhờ trong giấc mộng mà họ tìm ra giải đáp.” (On m’a communiqué plusieurs exemples de grandes personnes ayant trouvé en dormant la solution de problèmes géométriques ou d’énigmes qu’elles n’avaient pu, malgré tous leurs efforts, résoudre à l’état de veille”. (Rêves de Savants et de Médecins, p. 117).

Vương Bột, là một trong Tứ Kiệt đời Sơ Đường, là một thần đồng... Ông này có biệt tài là hễ mài mực xong, định viết về một đề tài nào, uống rượu cho say, trèm mền ngủ, khi tỉnh dậy ngồi viết một hơi là xong, không sửa được một chữ nào... Tương truyền bài *Tư Đằng Vương Các* mà nay đã thành một áng văn tuyệt tác, ông cũng đã viết một hơi, trong một bữa tiệc. Người đương thời bảo ông có cái tài “phúc cáo”, nghĩa là thảo văn trong bụng. Đó là do Đan Điền khí trong ông tuôn ra như thác đổ liên hồi!

Các văn nghệ sĩ thượng thặng từ xưa đến nay, nhiều người có cái tài “phúc cáo” như vậy. Các bài thi, các bài văn danh tiếng thường là những bài văn, những bài thi làm trong những lúc gọi là “cao hứng”! Theo người Trung Hoa, Họa và Thi đều phải được có hứng mới thật thấy rõ tài nghệ, cũng như Nhạc sĩ thiên tài chỉ đàn khi cao hứng, miễn cưỡng sẽ không bao giờ hay.

Thường khi nào nghệ sĩ hay tư tưởng gia “xuất thần” trong khoảng nửa thức nửa ngủ... (Ces Rêves appartiennent probablement à la catégorie de “rêves entre la veille et le sommeil”. Ce sont des Rêves perçus à l’état de somnolence (Rêves de Savants et de Médecins, p.125).

Trường hợp của Edgar Cayce, thuộc về loại này. (xin đọc Thiên Đạo Tinh Hoa, tập 17,18,19, quẻ Tĩnh, quẻ Vô vọng và quẻ Đỉnh). Nhất là, quyển Tinh Hoa Đạo học Đông phương (phần III).

Giờ đây xin trở về trường hợp trị bệnh trong giấc ngủ của Edgar Cayce, ông có cái tài khám bệnh trong giấc ngủ. Đây cũng là trường hợp ngày xưa người ta đến các đền thờ xin ngủ nhờ để chờ có thần linh đến mách thuốc, gọi là “Sommeil du Temple”. Đâu phải là lối mê tín dị đoan: thần linh đây chính là cái Tiềm thức của chính mình.

Việc “bốc phệ” mà thỉnh Thánh để xin quẻ, cũng đâu phải thần linh nào bên ngoài ứng vào, mà chính là thần linh nơi mình mới biết rõ mình hơn ai hết. Bởi vậy mới có câu căn dặn: “Coi bói, quan trọng là lòng chí thành, thì quẻ sẽ linh ứng. Ai đã từng luyện thuật Du già (yoga) đều rõ lẽ ấy: Đức tin mà mạnh thì việc gì cũng làm được. Như trong thuật bắn cung hay đánh kiếm cũng vậy, thật muốn cho cây tên của mình bắn trúng ngay vào đích, nó bay vào ngay! Việc này các cao thủ võ lâm đều biết. Tư tưởng con người vô cùng huyền bí, nó có thể điều khiển mọi vật bên ngoài phải làm như ý mình. Cục đá, mà ta bảo lăn, nó cũng lăn theo ý muốn! Phép thôi miên không có gì bí hiểm cả, chỉ vì sức mạnh của tư tưởng mà thôi.

“Muốn là được”, đâu phải là câu nói phào! Chỉ vì “ý muốn” chưa thật cương quyết mà ý chí chưa thực hiện được mà thôi.

Tiềm thức của ta chỉ hiện ra được những lúc nào ta không còn dùng đến Lý trí nữa mà lại rút hết tinh lực xuống dưới Đan Điền (dưới bụng, dưới rún 4 phân)

gọi là “đơn điền khí hải”. Trong tập “Thiền đạo Tinh hoa” bàn về Đan Điền, chúng tôi viết: “Người mà Đan điền được đầy Nguyên khí chẳng những không vật nào hại nổi! “Hàm đúc chi hậu, tỉ u Xích tử: độc trùng bất thích, mãnh thú bất cứ, cực diệu bất bác” (nghĩa là: Người có được cái Tâm của Con đỏ (xích tử chi tâm), độc trùng không hại, thú dữ không dám ăn, ác diệu không dám bắt); lại còn có tài trị bệnh như thần (tập 18, trang 497).

Vô thức của ta, tự nó có quyền năng thắng Hữu thức: “Cao dĩ Hạ vi cơ”, là nói Óc thông minh sáng tạo của con người, không phải ở trong khối óc nhị nguyên, mà ở ngay chỗ Đan Điền Khí hải, cái Bụng chứa đầy Nguyên khí. Tâm trí mà ngưng bật việc suy tư, thì cái Đan Điền nơi Bụng ta mới phát huy nguyên lý của nó, và cái Đan Điền ấy có tài trị bệnh phi thường:[1] tượng con Rồng hiện ở hào Cửu ngũ:

Điền đạm hư vô
 Chân khí từng chi
 Tinh thần nội thủ
 Bệnh an từng lai?

Nhà tu Thiền, gọi Đan Điền Khí Hải là “Bản lai diện mục”, trú ngụ tại Bụng, chỗ Thái Âm (mà ta thấy ghi ở đồ Thái cực) hiện lên giữa bụng nơi lỗ sâu của rún và bụng dưới.

-
1. Quan năng của Đan Điền như thế nào? Các nhà tu Thiền như các đạo sĩ (phái Đạo giáo) phải biết thật rõ công dụng và quan năng đặc biệt của Đan Điền như những phép tu về Đạo Dẫn (rất liên quan đến “Thai tức”, xem quẻ Tĩnh của Kinh Dịch).

Đầu thuộc Thái dương giữa quẻ Ly có hào Âm (đứt đoạn) đó là óc nhị nguyên.

Trí huệ Nhị nguyên như quẻ Ly, hào giữa bị đứt đoạn (sự sống bị chia đôi).

Trí huệ Bát Nhã (nhất nguyên luận)

Bụng: Thái Âm ngay rún có hào Dương: Thiếu Dương (chính cái Đan Điền) đó là óc nhị nguyên: Kiền là Sáng tạo. Đây là Tiềm thức, là Vô thức hay Siêu thức.

Người có Đan Điền sung mãn, có những đặc điểm sau đây:

1. Rất nhạy cảm, có những phản ứng cực kỳ mau lẹ và rất tự nhiên, không cần suy nghĩ...

2. Luôn luôn không biết bán loạn, điềm tĩnh phi thường.

3. Sức làm việc, ít ai làm theo nổi, làm việc luôn luôn hăng say, không mỏi mệt, không biết chán, ý chí kiên cường không gì làm trở ngại nổi.

4. Không gì hại được, như có một cái gì linh thiêng ủng hộ

Những ai có được một Đan Điền đầy đủ (hoặc nhờ công phu tu luyện, hoặc nhờ khi sinh ra đã có sẵn tự nhiên, gọi là “Đan Điền tự nhiên”, thì nếu không là một thần đồng thì cũng là một kẻ phi thường. Họ không bị những bệnh tật (gọi là nan y) không chết dữ, dường như chung quanh mình có một hào quang bảo vệ mà mọi nguy hiểm đều tránh được. Hơn nữa, họ có một thần lực tự nhiên, trị bệnh như thần (như trường hợp Jé-sus) như các vị thần y (tức là “mát tay”).

Các nhà trị bệnh như thần, các nhà hùng biện danh

tiếng, các nhà độc tài khét tiếng, các chính trị gia lỗi lạc nhất... đều do họ có một Đan Điền dồi dào nguyên khí. Ngoài ra, không còn có gì cất nghĩa nổi những khả năng đặc biệt như của Daniel (trong Thánh kinh Cơ Đốc giáo) bị bỏ vào hang sư tử... vẫn không con sư tử nào làm dữ, lại còn mọc bên chân. Daniel, là một bậc tiên tri tiên giác.

Câu trên đây, nên để ý đến hai chữ “force magique” (một sức mạnh linh thiêng lạ lùng). Chỉ sống gần bên họ, ta thấy hết sức thoải mái sung sướng như được sống trong một bầu không khí tràn đầy sinh lực buổi bình minh gió thoảng... như trường hợp các đạo sư cỡ Ramana Maharshi, Aurobindho Ghote, Ramakrishua.

Napoléon Bonaparte có một cái bụng to và cái rún khá sâu: suốt đời không hề bị thương. Napoléon không tu luyện, sinh ra là đã có Đan Điền tự nhiên rồi.[1]

1. Le Mystère des Rêves: Deuxième Partie, Rêves de Savants.

“Niels Bohr, le savant connu pour la théorie atomique qui porte son nom, eut un rêve étrange, alors qu’il était encore étudiant. Il cherchait depuis longtemps la solution d’un problème lorsqu’il s’endormit et se vit soudain transporter sur un Soleil de gaz brûlant, d’où il pouvait observer la Terre. Des planètes passaient rapidement devant le Soleil. Elles étaient reliées à celui-ci par de minces filaments et tournaient autour. Soudain, le gaz sur lequel il croyait être se solidifier et le Soleil et les planètes se réduisirent. Les planètes tournaient autour du Soleil à une vitesse prodigieuse. C’est ainsi que, selon le célèbre savant, fut faite la découverte de sa théorie atomique”. (p.124, Problèmes chimiques et autres problèmes)

Như trước đây, đã nói về những linh giác bất ngờ, nhưng đã biết trước được những việc xảy ra trong tương lai mà hiện chưa ai làm sao biết được: đó là những kẻ trúng độc đặc, những kẻ được bầu làm Tổng thống! Trong quyển l’Ectoplasmie et la Clairvoyance của bác sĩ Geley:

Nhà Thiên, như nhà Đạo, gọi Đan Điền là “Phúc nã” nghĩa là bộ óc nơi Bụng.

Trường hợp Edgar Cayce trị bệnh bằng giấc ngủ có thể hiểu được phần nào. trường hợp đặc biệt này của E. Cayce đã được L. Pauwels và Jacques Bergier nghiên cứu khá tường tận, trong quyển *Le Matin des Magiciens*, chương VII, trang 444,445, 447-450.

Người ta bảo Edgar Cayce lúc mơ ngủ mà nói gì nên có người ngồi bên ghi vào giấy và người ta nghe Cayce nói đủ thứ tiếng, tùy bệnh nhân thuộc về người nước nào (selon la nationalité de la personne à qui il adressait son ordonnance, s’exprimait quelquefois en italien, en espagnol ou en allemand, une fois même en hébreu, toutes langues qu’il ignorait totalement).

Trong khi mơ ngủ anh ấy nói gì, khi thức dậy quên hết, tức là nơi anh Hữu thức và Vô thức không có sự liên lạc với nhau. Phải có đủ Vô thức và Hữu thức cộng tác với nhau mới quý.

.....

“Ngày 27-6-1894, khoảng 9 giờ sáng, bác sĩ Gallet d’Annecy, bấy giờ còn là sinh viên ở Lyon. Bác sĩ đang làm việc trong phòng thí nghiệm là Varay, cũng là sinh viên trường thuốc ở Annecy. Bỗng dung Gallet bị ám ảnh mãi một ý định không lay chuyển: “Ông Casimir Perrier sẽ đắc cử Tổng thống bằng 451 lá thăm”. Câu nói này, cứ mãi ám ảnh không làm sao bỏ qua được, Gallet lấy một tờ giấy trắng, ghi vào đó câu ấy. Cuộc bầu cử sẽ chấm dứt ngay buổi chiều ngày ấy. Hết sức ngạc nhiên, Gallet gọi người bạn thân, Varay và đưa cho Varay tờ giấy mà Gallet vừa ghi xong. Các bạn được Gallet nói, đều cười rộ lên. Buổi chiều, khi ra khỏi Viện Y Khoa, các sinh viên ngồi uống rượu tại một cái quán. Thấy có thằng bé bán báo, họ mua một tờ, xúm lại coi ai trúng cử Tổng thống. Lạ thay! Họ hốt hoảng khi thấy một tựa to tât đăng trên tờ báo: “Ồ, Casimir Perrier đắc cử Tổng thống với 451 phiếu!”.

Sau hết, tôi cũng xin ghi lại đây những kinh nghiệm và những gì tôi được nghe thấy, để chứng minh thêm thuyết “Mộng tiên tri”.

Bấy giờ cha tôi đau nặng, tôi vào thăm, cha tôi nói: “Cha nằm chiêm bao thấy cha về Mỹ Tho, người ta đi đón cha rất đông. Tại sao có đủ mặt thân hào nhân sĩ toàn tỉnh? Có hai hàng quân lính bồng súng đi hai bên xe... Đông lắm! Hay là cha sắp chết?”

Tôi nghe, đâm lo.

Một tuần lễ sau, đúng là cha tôi mất. Đám tang rất đông, thiên hạ đi đưa chập đường dài trên 1.500 thước. Lại có một tiểu đoàn quân lính bồng súng đi hai bên linh cữu. Cha tôi là nhà văn, là một giáo sư thanh tra tỉnh, nhưng vì cha tôi có Bảo Quốc Huân chương, nên tỉnh trưởng phải cho một tiểu đội đến làm nghi lễ theo quân đội.[1]

-
1. Stevens trong “Le dossier fantastique du Rêve”, cũng có thuật câu chuyện một người đàn bà trẻ tuổi nọ, sinh tại Tiệp Khắc, mồ côi cha mẹ, được một cặp vợ chồng tốt bụng đem về nuôi, thương như con ruột. Cô này hay nằm chiêm bao và làm cho chung quanh rất lo ngại vì cô thấy gì không bao giờ sai cả. Cô lại thích nói ra những gì cô thấy trong mộng, người ta đi “mét” với cha sở trong vùng rằng cô này bị “quỉ nhập”, chứ sao nói gì có nấy, mà toàn là việc không hay. Vị linh mục làm phép giải, nhưng vô hiệu, cô ta cứ mơ như thường. Lâu ngày, cô lớn lên, cô bỏ xứ ra đi... Cô qua Mỹ, qua các nước Đông Nam Á, cuối cùng trở về ở tại New York. Mẹ nuôi của cô đến thăm và ở chơi với cô một thời gian lâu. Sau, cô lại trở về Tiệp Khắc, khỏe mạnh như thường. Một đêm, cô nằm mộng thấy một đám tang lớn, các người trong làng đi đưa khá đông, mỗi người cầm một cây đèn sáp đốt cháy. Lại một điều, là cô nhìn ra tất cả đều là những người quen thuộc. Đám tang đi chậm chậm, cô len vào đó hỏi thăm ai chết, lại được chôn cất long trọng đến thế? Người ta bảo: đây là một “bà lão”... Bỗng cô liên tưởng đến mẹ nuôi của mình, rùng mình, bỏ chạy,

Riêng tôi, cũng lại lăm chuyện nằm mơ mà hiểu được nhiều vấn đề rất khó khăn nghĩ không ra, lại cũng chẳng có thầy hay bè bạn để chất vấn... đành ôm bụng để đó... với những con dấu hỏi khổng lồ... và chờ Vô thức trả lời trong giấc ngủ.

Một đêm, nằm mơ thấy mình đến một vườn hoa trên núi... Vườn hoa không hiểu là thứ hoa nào, nhưng mùi hương là mùi hoa bách hợp (một mùi hoa thời thường rất thích và thường chung ở trên bàn viết. Tôi không thấy ai cả, nhưng vườn đẹp hoa thơm, lại có một cái ghế dài bằng cẩm thạch lóng lánh, dĩ nhiên là vườn có chủ... Tôi hỏi to: “Xin hỏi có ai ở đây chẳng?”. Vẫn lặng lẽ... chỉ nghe tiếng chim hót và gió thoảng nặc hương thơm hoa bách hợp (lys) mà thời thường tôi rất ưa thích. Tôi thấy trên ghế dài bằng cẩm thạch có để hai quyển sách. Tò mò, tánh ham sách, nên thử lật xem sách gì? Lạ thay, đó là 2 quyển Đạo Đức Kinh và Nam Hoa Kinh viết toàn bằng chữ Triện thật đẹp. Tôi ngồi ghé bên, lật sách ra đọc... Lạ thay, tôi đâu có học chữ triện, vậy mà đọc thấy hiểu cả như đọc chân tự... Các chú giải rất tỉ mỉ và tinh thâm. Tôi đọc một

.....
 hét to: “Ôi, chúa ơi! Hãy phù hộ mẹ tôi, đừng để bà chết!”. Nàng khóc ãm lên.. Tiếng kêu, tiếng khóc làm cho bè bạn nghe ở phòng kế bên, chạy đến kêu cô tỉnh dậy... Gối cô đầm đìa nước mắt.
 Các bè bạn hỏi: - Chị đau hả? Cô nói: - Không. Tôi nằm mộng, thấy đám tang mẹ tôi, tôi cầu trời phù hộ cho mẹ tôi.
 Bấy giờ cô đã rời Tiệp Khắc, đi qua New Jersey thăm bạn. Cô lật đật viết thư về cho ông cha nuôi, kể kỹ những gì cô thấy.
 Sau đó cô được tin mẹ cô mất, cha cô viết thư cho cô, nói: “Theo lời con kể, đúng từng chi tiết, đám tang của mẹ con. Nếu con có mặt ở đây, có lẽ con không tả kỹ như thế này được...”

hơi, cả hai quyển sách, thấy lòng sáng thêm lên, vì các chú giải có nhiều lý thú tân kỳ... Đang say mê trong giấc mộng thì có tiếng động... làm tôi giật mình tỉnh giấc. Lạ một điều, là tôi nhớ không sót chữ nào, bèn ngồi dậy lại bàn viết chép lại những gì mình đã đọc. Trí nhớ thật lạ... và viết mãi đến sáng, tôi cứ tiếp tục ghi chép cả hai ngày mới hết. Từ đó bắt đầu mờ dần trí nhớ, nhưng với bao nhiêu mới lạ ấy, tôi viết thành bộ Thiên đạo Tinh hoa... những gì đã đọc trong giấc mộng đã được nhập tâm.

Tôi đem việc chiêm bao này, thuật lại cho các bạn chí thân, không ai có ý gì... để bàn... Chỉ có ông bạn Quan Hồng Cơ (tức là Thế Minh) nói: “Tôi tin rằng hai quyển sách anh đọc trong hồi nằm mộng, không của ai cả, mà là của anh ở tiền kiếp, mà anh quên đi...”. Rồi anh ấy mới thuật cho tôi giấc mộng của Tô Đông Pha... tự nhiên nhận ra tiền kiếp của mình khi đi viếng một cảnh chùa.

Còn như thời thường, những gì tôi nghĩ chưa ra, tôi để đó... giấy má sẵn sàng để trên bàn viết... rồi tôi đi ngủ. Tôi được sự giải đáp thỏa mãn khi tỉnh dậy, tôi liền ghi vào nhật ký.

Sở dĩ tôi thích nghiên cứu về Mộng Mị, có lẽ cũng vì phần lớn do tôi sống nhiều trong Mộng...

Khi tôi viết, chỉ khi nào tôi có “hứng” mới viết, cũng như chỉ có “hứng” tôi mới đánh nhạc hay thổi tiêu, một cố tật từ thuở nhỏ không bao giờ thay đổi. Cái gì miễn cưỡng làm không bao giờ được chút nào vừa ý cả. Khi có hứng, khi biên soạn, thì viết bất chấp thời gian, bất cứ ngày hay đêm, nhưng làm việc lại thường làm lúc

sáng khoảng giờ Dần.[1] Đó là giờ tôi làm việc nhiều nhất, vì là lúc ngủ dậy nên có nhiều cao hứng.

Thuở nhỏ, tôi là một học sinh quá tầm thường... Tôi chỉ thích học những thì tôi thích. Hễ bắt buộc thì không bao giờ, tôi chịu theo... Trong khi người ta đổ xô đi học để ra “làm quan” thì tôi thích “học để biết”... Thời tôi sống, chữ Hán là thứ văn học “lỗi thời”, tôi lại mê say nghiên cứu về nó... Tôi đi theo con đường riêng của tôi, cho nên không có bè bạn với ai... mà cũng không ai chịu “chơi” với tôi! Bởi vậy, tôi sống hết sức cô đơn... mà lại thích như vậy, và có lẽ đó là cái may nhất đời tôi.

Quyển “Thiền đạo Tinh hoa” tôi đã viết nó trong một thời gian kỷ lục. Tự nhiên, hứng đâu viết đó... không có sơ đồ, cũng không viết bằng giấy nháp. Cứ cầm viết, viết luôn một hồi... để cho ngọn bút tự nhiên bay trên mặt giấy... và cũng không biết nó sẽ bay về đâu? Vậy mà khi tĩnh tâm soát lại, lại thấy có thứ tự, có mạch lạc rõ ràng.. Khi viết, lại cuộn cuộn như thác nước ồ ạt không thôi. Hễ dứt, là dứt ngay! Hễ mất hứng, không tiếp tục làm gì được nữa.

Khoảng năm 1983, vợ tôi đau... Một đêm, tôi nghe nàng la hét. Tôi lay dậy, hồi lâu mới tỉnh giấc. Tôi hỏi: “Thấy gì”. Bảo: “Ác mộng! Thấy hai chị em M... và Ng... về rủ đi... Tôi không đi, biết đó là hai hồn ma... Tôi nói: “Tôi thương chồng tôi, không đi đâu cả. không thể bỏ anh”.

1. Giờ Dần là giờ thuận tiện nhất cho tất cả mọi công phu luyện đạo, vì là giờ mà bình minh sắp đến, vạn vật đang đi vào Sáng tạo... giờ mà Sinh lực vũ trụ đang bùng dậy nơi vạn vật và con người...

Hai cô này, M... và Ng... là hai người bạn thân của vợ tôi... thương nhau lắm, cứ bảo tôi đi thăm thế. Nhưng hai người ấy đã chết lâu rồi, tôi không dám nói sự thật, cứ nói dối rằng hai nàng đã “xuất ngoại” rồi! (cho tới khi nằm mơ đây, vợ tôi vẫn chưa biết hai người ấy đã chết!) Tôi đâm lo, và để an ủi, và trấn tĩnh, tôi bảo: “Làm gì có chuyện đó! Hai chị ấy hiện sống bên Pháp mà!”. Nhưng vợ tôi cãi: “Họ đã chết rồi! Tôi biết tự nhiên.. có lẽ họ đã chết!”.

Theo “Hội nghiên cứu về Tâm linh” (Society for Psychical Research) ở Londres, các nhà nghiên cứu bảo: “Có rất nhiều người được “điềm chiêm bao tiên tri” mà đã thoát chết về vụ tàu Titanic chìm”.

Bác sĩ Tenhaeff, viện trưởng Viện Siêu Tâm lý, học

.....

Dần thời là thời của Phế Khí vượng, nhờ có đủ Âm Dương giao tế (tam âm, tam dương – quẻ Địa Thiên (Thái) nghĩa là “Thiên Địa giao thái, vạn vật phục sinh”.

Bàn về công hiệu của giấc mộng (hay khi ngủ) là phải bàn đến thuyết Đan Điền, chính là chỗ mà Hệ từ thượng truyện, tiết 1, chương 11 nói: “Thánh như dĩ thủ, tấy tâm thối tàng ư mật...”

Quyển “HARA, centre vital de l’Homme” của Harlfried Graf Durckheim, người Đức, bản dịch Pháp văn, năm 1974 (Le courrier du Livre, Paris, 1974).

Quyển sách này giúp ta hiểu rõ những gì đã nói trong quyển “Le Secret de la Fleur d’Or”, mà Richard Wilhem khuyên ta nên đọc để bổ túc cho phần Hình nhi thượng học của Kinh Dịch. *Le Secret de la Fleur d’Or* “mù mờ” lắm đối với chúng ta ngày nay, vì đó là cổ văn của Trung Hoa, nhiều bí hiểm, khó đọc, khó hiểu. Còn quyển HARA, là do người Tây phương viết, ta cần đồng thời tham khảo 2 quyển, cũng tạm đủ để hiểu công năng và công dụng của Đan Điền – Vô thức.

Bộ Tánh Mạng Khuê Chỉ (cần đọc kỹ) nhưng sách này hiện rất khó kiếm vì quá xưa. Quyển Kim Đơn (Le secret de la Fleur d’Or) là bản phỏng dịch lại bản này.

tại Viện Đại học Utrech nói: “Tôi có thể viết một quyển sách dày về các điềm chiêm bao tiên tri của trận Thế Chiến (1940-45) như trường hợp Hitler. Một đêm, Hitler lúc bấy giờ đang còn là một anh cai cùng một tiểu đội ngũ dưới hầm... Bỗng nghe một tiếng nổ to, giựt mình, thấy chung quanh yên lặng như tờ. Anh mới mò lên, xem xét tình hình... Tất cả im lặng, bèn nghĩ: “Ở đây coi chừng bên địch thấy sẽ bắn cho bỏ mạng...”, mới lật đật trở về hầm thì một trái bom nổ, làm cho tất cả binh lính dưới hầm chết hết. Từ đó Hitler tin rằng mình “mạng lớn” và có lẽ sẽ có sứ mạng to lớn sau này. (P. Match, 22/11/1938).

Trong quyển “những ký ức của đời tôi”, hoàng thân Kraft Zu Hohenlohe Ingelfingen thuật rằng “Ngày mùng 01 tháng 8 năm 1850, tôi có hẹn sẽ đi săn. Nhưng đêm 30 rạng ngày 01 tháng 8, tôi thấy trong người khó chịu, tôi cho bạn bè hay, có lẽ tôi sẽ không cùng đi săn với họ. Tôi đi ngủ sớm. Đêm ấy, tôi chiêm bao thấy con ngựa của tôi, khi không lại nhảy lên và dừng lại... tôi té ngựa va đầu vào một gốc cây to, tôi cảm thấy cái đầu bị thương nặng, máu chảy đầm dề... Bỗng các hình ảnh mờ đi, tôi thức giấc, rất hãi hùng. Rồi hồi sau ngủ lại, điềm chiêm bao trở lại lần thứ hai. Rồi hình ảnh lu mờ. Tôi không ngủ lại được. Bấy giờ, cũng gần sáng. Tôi bị điềm chiêm bao làm nao động, nhưng tỉnh tôi kỳ khôi... Tôi lại nhất định phải đi săn. Khi các bè bạn hội nhau đủ mặt, tôi thuật điềm chiêm bao cho em tôi là Fredrick Wilhelm và cùng cười lớn lên...

Nhưng khi còi thổi, các người đi săn và đoàn chó săn bắt đầu khởi hành, bỗng con ngựa tôi lồng lên và liệng tôi xuống đất, đụng đầu vào một gốc cây to... Tôi chết

giác. Khi tỉnh lại, thấy mình nằm trên cỏ, cả bên mặt, mặt tôi bị trầy nặng, còn đầu thì bị bể một lần sâu, máu chảy đầm đề. Người ta phải chở tôi về bệnh viện cấp cứu tại Potsdam. Nằm đó 4 tuần, có em tôi bên cạnh. Tôi bèn trở về Berlin. Lấy kiếng soi lại mặt, thấy đúng như tôi đã mộng hôm đêm qua.”

Điềm chiêm bao quả là một điềm báo trước thế mà tôi ương ngạnh, hoàng thân liêu lĩnh đi sẵn. Giả sử mà ông ấy nghe và tin theo điềm báo trước, có lẽ không phải bị tai nạn dữ dần như thế.[1]

Trong truyện Tam Quốc diễn nghĩa, tác giả La Quán Trung đã tả khá tỉ mỉ những điềm báo trước cho Đổng Trác trước ngày ông ta bị âm mưu ám sát.

Vương Tư Đồ, là Vương Doãn bày kế triệu Trác về triều để thay ngôi vua, lúc bấy giờ đau vừa mạnh. Vương Tư Đồ sai Lý Túc đem 2 vạn quân qua My Ô quận, rước Đổng Trác. Nghe nói có chiếu nhà vua, Trác cho phép Lý Túc được vào. Lý Túc vào lạy, thưa:

1. Theo truyền thuyết, Khổng Tử một sáng kia, lại ghé tiêu dao ngoài cổng, hát rằng:

Núi Thái sắp đổ chăng?

Cây rường sắp nát chăng?

Triết nhân sắp nguy chăng?

Rồi đi vào nhà, ngồi ở cửa. Tử Cống nghe thấy, nói rằng: “Núi Thái mà đổ thì ta biết ngẩng trông vào đâu? Triết nhân mà nguy, thì ta biết noi gương ai? Có lẽ thầy sắp bệnh ư?”.

Khổng Tử than: “Này Tử, sao con đến chậm thế? Đêm qua ta chiêm bao thấy ngồi giữa hai cây trụ... Ôi! Đấng minh vương không dấy, trong thiên hạ ai là người biết ta? Chắc ta sẽ chết!”.

Rồi Ngài ngộ bệnh, bảy ngày sau thì mất.

(Văn học Trung Hoa đời Chu Tần, của Trần Trọng Kim, Sài Gòn, 1969, trang 116).

“Vua đau mới hơi nhẹ, ý muốn nhượng vị cho Chúa công, nên sai tôi đến Kinh mời Ngài về triều”.

Đổng Trác hỏi: “Ý Vương Doãn chịu không?”. Túc nói: “Quan Tư đồ đã sai người đắp nền 3 tầng làm Thọ Thiên đài, sửa sửa nghiêm trang để đợi Chúa công về!”

Đổng Trác nghe nói, mừng lắm, nói: “Hèn chi đêm qua ta thấy Rồng phủ đè trên mình ta! Quả nhiên bây giờ đăng hỉ báo”. Bèn truyền cho thuộc tướng lãnh 3 ngàn quân Phi hùng gìn giữ Mỹ Ô quận.

Nội ngày ấy, an bày xe giá, trở về kinh.

Đổng Trác còn một bà mẹ đã hơn 90 tuổi. Trác vào thưa mẹ: “Nay vua cho mời con vào triều nhường ngôi, mai mốt đây mẹ sẽ đăng làm Hoàng Thái hậu. Giờ đây con sửa soạn ra đi, vậy vào thưa mẹ rõ”. Người mẹ nói: “Mấy bữa nay, khi không mẹ bị thụt giụt hoài, mẹ nghi là điềm không tốt, đó con!”. Đổng Trác cười nói: “Gần làm mẹ vua, nên trước bày điềm ấy. Xin mẹ chớ lo!”.

Đổng Trác lên xe, tiền hô hậu tống... Đi mới chừng mươi dặm, ngựa nhẩy chồm lên, cán đứt dây cương và hí to lên. Đổng Trác hỏi Lý Túc: “Xe gãy bánh, ngựa cán cương, là điềm gì?”. Lý Tư thưa: “Đó là trời ứng điềm cho Chúa công hãy bỏ đồ cũ, thay đồ mới, làm vua thì hãy bỏ xe ngựa này đi, để đi xe ngựa khác!”. Đổng Trác tin theo lời vì hợp với ý muốn của mình.

Qua ngày sau, đang đi giữa đường bỗng gió trốt thổi đến ào ào, thiên hôn địa ám. Đổng Trác hỏi: “Điềm gì vậy?”. Lý Túc thưa: “Trời giúp uy thế cho Chúa công đăng làm vua vững vàng!”. Đổng Trác cũng muốn hiểu như vậy. Đổng Trác vào triều, thấy Vương Doãn với các quan đều cầm gương bén... nhìn Trác hần học.

Vương Doãn hô to, các võ sĩ hai bên nhảy ra đâm Đổng Trác. Té xuống xe, Trác kêu lớn: “Phụng Tiên ở đâu?” Lữ Bố đứng sau xe, nhảy ra ứng tiếng: “Chiếu vua sai ta giết phản tặc!”. Nói rồi đâm Đổng Trác một kích tại yết hầu... chết lập tức.

Trường hợp này giống César khi bị ám sát, thấy có Brutus (con nuôi của César) cầm gươm đâm mình, nói: “Con nữa sao... con của ta!”.

Như trước đây đã nói: Các điềm thật xấu, thế mà lòng tham đã che mờ lý trí. Đổng Trác một mực tin theo lời Lý Túc, vì những điều giải thích đều là những gì Đổng Trác mong muốn. Đổng Trác chiêm bao thấy mình bị rồng quăn chú đầu phải cuôi rồng! Lại là giải thích theo ý muốn của mình[1]... Krishnamurti đã nói: “...mais ces rêves et ces prémonitions, nous les interprétons selon nos préjugés... Ainsi ces avertissements perdent leur signification pure et profonde”. Chính Krishnamurti cũng lưu ý đến vấn đề Mộng Mỹ.

*
* *

Á Đông có cả một kho tàng về Mộng Mị. Có lẽ Đông phương là cái ổ chứa Mộng Mị và người bình dân tin tưởng đến như mê tín là khác...

Nhưng chúng tôi thích nói về Âu Tây là bởi nơi đây, sau này Mộng Mị đã thành một khoa học gọi là “Science Onirique” do nhiều nhà bác học lỗi lạc nghiên

1. ... “nhưng những Mộng ấy, những Điềm ấy, ta lại giải thích theo những thành kiến (những ý muốn của ta) cho nên những điều tiên báo ấy mất hết ý nghĩa thuần túy và sâu xa của chúng.”

cứ có phương pháp. Tôi muốn nói đến trường phái Freud và Jung.

Thiện Khang Triết há đã chẳng tiết lộ câu chuyện đoán điềm một cách hết sức khoa học của ông: Khi đi du ngoạn trên Thiên Tân Kiều, nghe tiếng đờ quyên kêu, bay từ Bắc sang Bắc, than: “thiên hạ sắp trị, địa khí từ Bắc sang Nam, thiên hạ sắp loạn, địa khí từ Nam sang Bắc. Nay địa khí đang chuyển từ Nam sang Bắc, loài cầm điệu nhận được khí ấy trước, ấy đòi sắp đại loạn rồi!”. Quả đúng như vậy, vì đây là thời Nam Tống, khoảng đời nhà Nguyên... Trung Quốc trải qua nhiều thống khổ điêu linh.. Địa khí từ Bắc sang Nam là Dương trưởng Âm tiêu từ Tí đến Ngọ, còn địa khí chuyển từ Nam sang Bắc, là thời Âm trưởng Dương tiêu, khoảng nhân loại đi từ quẻ Bĩ đến quẻ Bác... (điều linh thống khổ).

Trong Thánh kinh Cựu ước có ghi biết bao giấc mộng tiên tri, như “giấc mộng của Jacob” (ghi ở chương Genèse, XXVIII, 12-17); “giấc mộng Jacob đấu tranh với Chúa Trời” (le songe de la lutte de Jacob avec Dieu). (Genèse, XXXII, 24-32), “Giấc mộng của vua Ai Cập” (les Songes du Pharaon”, Genèse, XLL, 1-4, 25-36); “Giấc mộng tiên tri của vua Nabuchodonosor” (Le songe prémonitoire de Nabuchodonoson). (Daniel IV, 10-18), v.v...

Trong Thánh kinh Tân ước (Nouveau Testament) có ghi “giấc mộng về sự đồng trinh của Marie và việc sinh ra Jésus”. Trong “Évangile de Matthieu” có đoạn: “L’Ange du Seigneur lui apparut en Songe et lui dit: “Joseph, fils de David, ne crains point de prendre chez toi Marie, ton épouse: car ce qui a été engendré en elle

vient de l'Esprit-Saint. Elle enfantera un fils, auquel tu donneras le nom de Jésus; car c'est lui qui sauvera son peuple de ses péchés...". Une fois réveillé, Joseph fit comme l'Ange du Seigneur lui avait prescrit". (Matthieu, I, 18-25).

Trong một giấc mộng, một vị thiên thần hiện lên, gọi Joseph: Hãy thức dậy, bồng đứa trẻ và giết mẹ nó, trốn qua Ai Cập". (Lève-toi, prends l'Enfant et sa Mère et fuis en Égypte". (Matthieu, 11-19).

Đó là đại khái những "giấc mộng tiên tri" được ghi trong quyển Thánh Kinh (La Saint Bible, Desclée de Brouwer, Paris, 1955 – Edition du Cerf).

*
* *

Bây giờ sang qua các giấc mộng tiên tri trong Phật giáo:

a. Giấc mộng của Mẹ Phật Thích Ca:

Bà Maya, mộng thấy một con Bạch tượng trắng như tuyết, sáng hơn mặt trăng mặt trời, tuyệt đẹp... có 6 cái ngà bóng như đá kim cương đâm thẳng vào bụng.

Thuật lại điềm chiêm bao cho Nhà vua và các quan chuyên về việc đoán mộng. Các quan đoán mộng nói: Việc này là một điềm rất vui! Hoàng hậu sẽ sinh được một quý tử... và vị này sẽ là Vua trên các vì Vua của nhân thế! Vị này sẽ bỏ đời, lìa gia đình và sẽ đăc đạo, cứu khổ cho toàn thể nhân loại. (Les Songes et leur Interprétation (sources Orientales), Dr. C. Alberto Sequin, p.237)

b. Giấc mộng của Vua cha Cudhodana, cha của Phật Thích Ca: ((le songe du Roi Cudhodana, père du Bouddha)

Vua cha của thái tử Sidhartha mộng thấy một vị bồ tát từ trong nhà đi ra, mặc một bộ đồ vàng sậm. Vua tỉnh giấc, lật đật gọi người giữ hoàng cung thái tử, hỏi: “Thái tử đâu rồi?”. Người giữ cung thưa: “Ở trong phòng thái tử!”.

Nhưng không kịp rồi! Thái tử đã trốn mất!

(Chương XIV, quyển Les Songes et leur interprétation, p.301)

c. Giấc mộng của Gôpa, vợ của thái tử:

Gôpa cùng thái tử Sidhartha nằm ngủ chung trên giường. Khuya, “nàng” bỗng thấy một loạt chiêm bao nối tiếp nhau. “Nàng” thấy mặt đất chuyển động, các tảng đá, các đỉnh núi lở, cát bay gió cuốn, cây cối tróc gốc nằm ngửa nghiêng trên đất. “Nàng” thấy mặt trời mặt trăng mờ cả, rụng cả xuống đất. Cả áo quần, mũ miện đều tan tành, tay chân bị chặt đứt ra từng mảnh... Cái giường ngủ bị gãy cả bốn chân, tất cả chung quanh đều bị nước cuốn... đồ đạc của chồng cũng bị bể nát. Lại thấy có một vì tinh tú sáng chói, bay ra khỏi thành và tất cả đều bị chìm trong bóng tối...

Kinh khủng quá, khi thức dậy, bèn đem chuyện ấy kể cho chồng nghe. Thì người chồng là thái tử Siddhartha, ôn tồn và âu yếm bảo: “Không phải điềm dữ đâu! Đó là điềm tốt lắm đó, công nương ạ!”

“Công nương thấy mặt đất, cả núi non đều rung chuyển, là công nương sắp thấy công việc chọc trời khuấy nước của ta... sẽ đảo lộn cả trật tự tự nhiên của

trời đất! Cả những truyền thống đạo học! Công nương thấy mặt trời mặt trăng cùng các vì tinh tú đều rơi xuống đất, là công nương sắp thấy ánh sáng nhiệm màu của ta làm mờ cả các nguồn ánh sáng xưa nay trên thế gian này!” Công nương thấy một vị tinh tú sáng chói, chính ta đấy! Ta sẽ soi sáng mọi người mê muội... có lẽ ta sắp đắc đạo và xuất gia!”.

*
* *

Thái tử Siddhartha ý thức mình sẽ đóng vai trò một nhà cách mạng làm đảo lộn nhân loại cho nên Gôpa mới thấy một cuộc đảo lộn trời đất. Sự bỏ gia đình ra đi của Siddhartha là một biến cố làm điên đảo đời nàng Gôpa như điềm chiêm bao đã tiên đoán.

René Grousset, trong quyển “Figures de Proue” noi chương 2 (trang 17-23) có nói về điềm chiêm bao của bà mẹ Alexandre le Grand (Alexandre đại đế) người đã xâm chiếm cả vùng Syrie, rồi đến Ai Cập, Mésopotamie, Babylone, Ba Tư, và chiếm cả Afganistan và Pakistan, Ấn Độ... Lúc bà mẹ sắp cần thai, nằm mộng thấy sấm sét long trời lở đất, rồi một tia sáng bắn thẳng vào bụng... Đó là chính Thượng đế Zeus xuống phàm để lại cho bà đứa con trai này. Đó là vị bán thần (demi-dieu) con của Thượng đế. (La nuit qui précéda leur union, la jeune fille rêva qu’un coup de tonnerre, accompagné d’un aveuglant éclair, la frappait au sein. C’était Zeus lui-même qui, devant Philippe, l’avait miraculeusement fécondée. Alexandre sera l’enfant du miracle, le fils

de Dieu, comme l'oracle d'Amon le lui rappellera un jour" (p. 21 Figures de Proue).

Nên biết: Sét (la foudre) là oai của vua trời. Ngài đến đây có sấm sét theo liền ủng hộ quyền thế tối thượng của ngài (theo thần thoại Hy Lạp). "Sét" đánh vào bụng Olympias (mẹ vua Alexandre) là tượng chính thượng đế đã nhập vào bụng bà mẹ Alexandre, nên cần thai, sinh Alexandre.

Nên để ý, huyền thoại Mẹ của Phật Thích Ca nằm mộng thấy một con bạch tượng (voi trắng) đâm vào bụng bà. Trùng ý với điềm chiêm bao của Mẹ Alexandre đại đế.

Như ta thấy, Phật giáo về sau bành trướng rộng cả vùng Á châu, phải chăng nhờ vua A Dục, người đã lấy Alexandre đại đế làm gương truyền đạo. Đạo học Đông phương nói chung, không có việc lo đi truyền đạo như Cơ đốc giáo... Chỉ có phần hình nhi hạ mới có thể phổ thông được mà thôi. Ở đây ta cần để ý đến bề mặt và bề trái của sự đời...

Sách của Việt Nam nói về Mộng Mị:

Bàn về Điềm và Mộng, ta cũng có bộ "Thối Thực Ký Văn" của Trương Quốc Dung, đời Minh Mạng (đầu tiên sĩ). Ở chương thứ 1, nhan đề Trung Kỳ (có nghĩa là điềm lạ).

"Đời truyền: Khi Vua Lê Thánh Tông, mẹ là Thái hậu họ Ngô, chiêm bao thấy đến chỗ ở của Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng chỉ vào một tiên đồng, bảo: "Cho người làm con người đàn bà này!". Nhưng tiên đồng, dùng dằng, không chịu đi, bị Ngọc Hoàng giận, lấy hốt đánh vào trán. Khi tỉnh dậy, sinh ra vua Lê Thánh Tông,

trên trán tự nhiên có như cái vết son. Sinh ra, khóc cả đêm ngày... Có một đạo sĩ tự xưng có phép làm cho trẻ không khóc, được mời vào xem. Đến nơi, đạo sĩ vỗ đứa trẻ mà bảo: “Thượng đế sau có truyền cho thêm nước Chàm nữa”. Đứa trẻ nín, không khóc nữa!”.

(Thối Thực Ký văn)

Trong “Tang thương ngẫu lục” cũng có ghi một câu chuyện như trên về giấc mộng của bà Thái hậu họ Ngô với nhiều chi tiết như sau:

Vua Lê Thánh Tông (1460-1497), húy là Tư Thành, sơ phong là Bình Nguyên Vương, con thứ 4 của Lê Thái Tông.

Vua, là một bậc anh minh thánh chúa, văn công võ trị đứng vào hàng nhất trong lịch sử nước nhà. Nên biết đây là thời Quân chủ tuyệt đối quyền uy tối thượng. Không như ngày nay quyền hành chia ba xe bốn, lại còn lệ thuộc lưỡng viện như ở các chế độ dân chủ ngày nay.

Lạc hoàng hậu, tạc năm Vĩnh Trị (thứ 4, 1681) đời vua Lê Hi Tông.

Trong quyển Việt Nam Ca trù biên khảo của Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trung Huệ, cũng có ghi lại câu chuyện này (trang 158).

Nhà vua có quyền phong thần phong thánh cho những người chết là khác như bậc Đại giáo chủ có quyền phong thánh vậy. Nói là có cộng đồng Hồng Y... nhưng quyền tối thượng thực sự là nơi Đại Giáo chủ. Đã là tối thượng quyền uy thì lời phán của Vua là lời của thượng đế (mới gọi là thiên tử).

Vua Lê Thánh Tông là con bà Quang Thục. Hoàng thái hậu Ngô Thị Ngọc Dao. Lúc bà Ngô thị còn là

thứ dân có họ hàng với các phi tần trong cung nên thường được vào cung thăm hỏi. Vua Lê Thái Tông thấy đẹp, vừa ý... nên khi về có mang sinh ra vua Lê Thánh Tông.

Bà nằm chiêm bao, thấy lên thiên đình, gặp Thượng đế sai Tiên đồng xuống trần làm vua nước Nam, lại còn cho Ngọc nữ cùng xuống sánh đôi. Tiên đồng có ý ngần ngại, không muốn vâng chỉ. Thượng đế nổi giận cầm viên ngọc bích ném vào trán Tiên đồng. Tiên đồng sợ hãi, dập đầu lạy tạ, xin cho người phụ giúp. Nhưng viên quan cũng cố từ, Thượng đế đập mạnh vào vai, không cho từ chối.

Tình dậy, sinh ra Thánh Tông, vết ngọc bích trên trán còn in rõ như dấu son.

Đòi Lê Thái Tông, Nguyễn Trãi xin về hưu, lui về Côn Sơn, đem theo nàng hầu là Thị Lộ, cũng được vua thương mến và lưu luyến. Sau vua lúc duyệt quân ở Chí Linh, ghé vào Côn Sơn thăm Nguyễn Trãi. Lúc vua hồi loan, Thị Lộ đi tiễn đến trạm Lệ Chi, huyện Gia Lâm thì vua bị bạo bệnh thặng hà. Triều đình buộc tội Thị Lộ. Khép Nguyễn Trãi vào tử tội và bị tru di tam tộc.

Nguyễn Trãi có người con gái câm từ khi mới còn bế ngựa. Bởi nàng là con của một tì thiếp, nên được miễn tử mà phải bị sung vào làm con ở nhà quan. Lớn lên, đi theo giáo phường được tuyển vào ban Nữ nhạc. Nàng này tuy câm, mà nhan sắc tuyệt vời, nên được chọn làm một tên nữ nhạc để ngồi gõ phách.

Khi vua Lê Thánh Tông bước vào ngự tọa, thì nàng này bỗng lại hát được. Vừa gõ phách, vừa hát rằng:

*Hẹn nhau từ thuở Thiên đình,
Lòng nào nữ phụ tấm tình thế ru?*

Hỏi ra là người câm mà nay hát lên được, vua bèn sai cung nữ dẫn vào hậu Thái hậu. Nghe lời nói và nhìn kỹ dáng điệu, Thái hậu nhận ra quả như bà đã thấy trong giấc chiêm bao, đúng là nàng Ngọc nữ mà Thượng đế cho đi theo xuống trần sánh đôi. Vua mừng, liền nạp vào hậu cung lập làm Trường Lạc Hoàng hậu.

Đến năm Quang Thuận thứ 4 (1463), ngày truyền lô Trạng nguyên Lương Thế Vinh vào bài yết, thời thấy vai bị lệch, đi không bằng phẳng. Vua nghi sai nội giám dẫn Trạng nguyên vào hậu Thái hậu. Nhận thấy dung mạo Thế Vinh, quả giống hệt viên quan trên Thiên đình bị Thượng đế đập mạnh vào vai. Vua liền phong cho Thế Vinh tước Hàn Lâm thị độc, dự vào hàng Nhị thập bát tú ở Tao Đàn.

Ở đền Dục Khánh ngày nay có thờ 3 pho tượng: gian giữa là tượng vua Lê Thánh Tông, gian bên trái là bà Quang Thục Hoàng thái hậu họ Ngô, còn gian bên phải là tượng bà Trường Lạc hoàng hậu, tạc năm Vĩnh Trị thứ 4 (1681), đời vua Lê Hi Tông.

(Trong quyển *Việt Nam Ca từ biên khảo* của Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trung Huệ cũng có ghi lại câu chuyện này, trang 158).

TỈNH VÀ MỘNG

Phụ chú về vấn đề Tỉnh và Mộng, theo Liệt Tử và Trang Tử (những đạo gia lỗi lạc nhất sau Lão Tử).

1.Theo Liệt tử: Một người nước Trịnh ra đồng kiếm củi, gặp một con hươu chạy trốn. Anh ta rình, đón, đập chết được. Sợ người khác thấy, anh ta giấu nó trong cái hào cạn, lấy cành cây phủ lên, mừng rỡ lắm.

Bỗng rồi anh ta lại quên mất chỗ giấu, cho rằng có lẽ mình đã nằm mộng, nên vừa đi vừa lẩm bẩm một mình về chuyện đó. Một người đi đường nghe lỏm được, theo lời anh ta nói mà tìm ra được con hươu đem về. Tới nhà, bảo vợ:

- Một gã kiếm củi nằm mộng thấy bắt được con hươu mà quên không biết giấu chỗ nào, ta tìm ra được nó đây! Gã đó đúng là đã nằm mơ!

Vợ nói:

- Hay là chính anh mộng mà thấy người kiếm củi bắt được con hươu, chứ có người kiếm củi nào đâu! Nay quả thực anh được con hươu, thì mộng anh là thực vậy!

Người chồng bảo:

- Ta đã thực bắt được con hươu thì cần gì biết ta nằm mộng hay gã đó nằm mộng.

*
* *

Người kiếm củi về nhà, rầu rĩ vì mất con hươu, đem đó lại nằm mộng, thấy chỗ giấu nó và cũng mộng thấy người đã chiếm được nó. Sáng dậy cứ theo mộng ấy mà tìm ra được người ấy, trách mắng, đòi lại con hươu. Việc đưa lên quan sĩ sự. Quan sĩ sự bảo người kiếm củi:

- Trước tiên, quả thật anh đã bắt được con hươu, nhưng vì nghĩ lầm mà tự bảo rằng mình nằm mộng; hoặc là lúc đầu anh nằm mộng thật mà bắt được con hươu, nhưng vì nghĩ lầm mà bảo đó là chuyện thực.

Còn anh kia, thật đã lấy được con hươu của anh mà đi tranh giành lại hay không? Bởi vợ anh ấy lại đã bảo với chồng rằng chính chồng chị mộng mà thấy con hươu của người ta, chứ không có ai thật sự được hươu cả! Nhưng mà, đây quả lại có thật con hươu, thì ta tính cho cả hai nên chia hai cho nhau có phải hơn không?

Rồi trình lên vua nước Trịnh để Ngài xét phán. Vua Trịnh phán: “Ta cũng ngờ rằng quan sĩ sự nằm mộng thấy mình xẻ con hươu ra làm hai đấy”. Rồi vua nước Trịnh hỏi quan Tướng quốc. Tướng quốc tâu:

- Mộng hay chẳng mộng, thần không thể quyết đoán được. Phân biệt được Mộng hay không Mộng chỉ còn có Hoàng đế hay Khổng Tử may ra. Nhưng hai ông ấy đều đã chết hết rồi, còn ai mà phân biệt được. Thôi thì cứ tính như ông sĩ sự là xong!

(Liệt Tử, thiên Mộng giác)

*
* *

Lời bình: Theo Lý trí nhị nguyên thì có Mộng có Thực, nhưng theo trực giác nhất nguyên luận thì Thực tức Mộng, Mộng tức Thực hay là “sắc tức thị không, không tức thị sắc”, “Giác và Mộng không phải Hai”... mà Tây phương có thi sĩ nói: “La vie n’est qu’un Rêve”.

“Ngãm nghìn xưa, ai tài hoa, ai tiết liệt, ai đài trang

“Còn ai, ai tỉnh ai mê, những ai thiên cổ đi về những đâu?

2. Sách Liệt Tử cũng có bàn về Mộng, nơi chương Mộng Giác, có đoạn quan trọng sau đây:

“Giác hữu bát trưng... Trạng thái Tỉnh có tám hiện tượng còn trạng thái Mộng có 6 điềm. Tám hiện tượng đó là gì? Là chuyện đã qua, những hành động, những việc được mất, buồn vui, sinh tử. Đó là 8 hiện tượng lúc tỉnh (thức), (Nhứt viết Cố (là cố sự) việc đã qua). Hiện tượng thứ hai là hành động của ta lúc thức (nhị viết). Hiện tượng thứ ba, là những việc “được”. Hiện tượng thứ tư là những việc “mất”, hiện tượng thứ 5 là những việc “buồn” (ngũ viết ai), hiện tượng thứ sáu là những việc “vui” (lục viết lạc), hiện tượng thứ bảy, là những việc sinh (thất viết sinh), hiện tượng thứ tám là sự chết chóc (bát viết tử).

Còn 6 điềm gì? Là chính mộng (bình yên mà có mộng); kinh mộng (bởi có việc kinh khủng mà có mộng), nhớ nhưng mà mộng, thức mà mộng, vui mà mộng, lo âu mà mộng. Sáu thứ mộng đó do thần giao mà có (ở trong cõi tinh thần).

Ai không biết những cảm biến đó phát sinh từ đâu thì khi việc xảy ra, không hiểu được nguyên nhân; ai biết những cảm biến đó phát sinh từ đâu thì khi việc ấy

xảy ra, hiểu liền được nguyên nhân. Hiểu được nguyên nhân thì không còn kinh ngạc xót xa nữa.

Bất kỳ cơ thể nào, dù đầy voi, suy thịnh, hoạt động hay nghỉ ngơi, đều cảm thông với Trời Đất, cảm ứng với vạn vật. Cho nên khi Âm khí mạnh thì mộng thấy qua sông lớn, mà hoảng sợ; khi Dương khí mạnh thì mộng thấy đi qua đồng lửa rực mà cảm thấy nóng bỏng. Khí âm và khí dương đều mạnh thì mộng thấy sống hoặc chết.

No thì mộng thấy mình cho người ta, đổi thì mộng thấy mình lấy của người. Khi ta đau nếu thấy thân thể ta đầy (thực) thì mộng thấy ta bị chìm sâu; trái lại nếu tạng phủ bị hư (trống) thì thấy mình nhẹ và bay bổng lên cao. Nếu ngủ mà vặn dây lưng quá chặt, sẽ thấy rần, thấy chim ngậm tóc mà bay thì mộng thấy bay. Lại gần cái Âm, thì mộng thấy lửa; sắp đau, thì mộng thấy ăn; sau khi uống rượu, thì buồn; sau khi hát múa, thì khóc.

Tinh thần người ngủ mà gặp cái gì, thì cái đó là Mộng, cơ thể tiếp xúc cái gì thì cái đó là Thực, cho nên ngày nay nghĩ tới cái gì thì đêm mộng thấy cái đó, thế là tinh thần và cơ thể gặp nhau.

*
* *

Liệt Tử dường như sinh ra vào khoảng 450 trước Công nguyên (450 avant J.C) mà viết được bài này có thua gì một nhà bác học cuối thế kỷ 20 ngày nay.

3. Mộng để bù vào Thực:

Ở nước Châu có người họ Doãn, gia sản rất lớn, bọn tôi tớ hầu hạ từ sáng tới tối, không bao giờ được nghỉ.

Có một tên tớ già, đã kiệt lực mà lại phải làm rất nhiều. Ban ngày chú ta làm việc đầu tắt mặt tối, ban đêm mệt ngủ li bì, tinh thần phiêu tán, đêm nào cũng nằm mơ thấy mình làm vua một cõi, cai trị muôn dân, nắm hết quyền hành trong nước, tới lui trong cung điện, muốn làm gì thì làm, sung sướng vô cùng. Tỉnh dậy lại làm cái thân tôi đòi.

Có người thấy chú vất vả, tỏ lời thương hại và an ủi. Chú ta đáp:

- Đòi người dù sống đến trăm năm, thì cũng như chỉ nửa ngày thôi! Còn một nửa là đêm. Ban ngày tôi làm thân nô lệ, khổ thì có khổ thật. Nhưng ban đêm được làm vua, nhất hô bá ứng, muốn gì được nấy, sung sướng gì bằng. Vậy còn oán hận nỗi gì?

Còn cái ông họ Doãn kia, lòng luôn luôn bận rộn việc đòi, trí luôn luôn chỉ lo cho sản nghiệp, chỉ biết làm tôi mọi cho tiền bạc, tâm thần thể xác mệt mỏi, đêm nào cũng ngủ li bì, nằm mê thấy mình làm tôi tớ, tất cả làm mọi việc mà còn bị đánh đập, mắng chửi, trăm chiều khốn khổ. Trong mộng, ông ta mê sáng, thồn thức suốt đêm vì lúc ban ngày có lúc nào tâm thần thư thái, đau đầu lo bị lường công, cướp của, sáng dậy mới hết sợ một cách tạm thời thôi.

Họ Doãn thấy vậy lo buồn, hỏi ý kiến một người bạn. Người này đáp;

- Địa vị của bác đủ vẻ vang rồi, tài sản bác dư dật lắm rồi. Ban đêm có nằm mê làm tôi tớ người ta, thì cũng

là vui khổ thay phiên nhau, đó là lẽ thường. Muốn cho lúc tỉnh lúc mộng đều sướng cả, thì đâu có được!

Nghe bạn nói vậy, ông ta nói tay cho tôi tở, giảm việc lo làm ăn và lo lắng của mình nên “tật mộng” (hung mộng) bớt nhiều.

Theo Trang Tử: Trang Châu hồ điệp

Xưa Trang Châu chiêm bao thấy mình là Bướm, vui phận làm Bướm, tự thấy thích thú, không còn biết có Châu nữa. Chợt tỉnh giấc thì lại thấy mình là Châu. Không biết Châu chiêm bao là Bướm hay Bướm chiêm bao là Châu. Châu và Bướm ắt phải có tánh phận riêng khác nhau. Đó gọi là Vật hóa.

(Tề Vật luận, Trang Tử, trích trong *Trang Tử Nam Hoa Kinh*, của Thu Giang, trang 241).

Những bài của Liệt Tử và Trang Tử đều đề cập đến sự đồng nhất của Mộng và Thực, tức là của Âm và Dương. Âm là Tiềm thức (hoặc Siêu thức), người hiểu rõ thuyết Lương cực của Kinh Dịch không bao giờ nhìn thấy cái Hữu thức mà không tìm hiểu cái Vô thức, hễ thấy bề mặt không bao giờ không nhìn cả bề trái của sự vật – điều mà bọn thế nhân của chúng ta không ưa thích. Chúng ta muốn sướng sợ khổ, muốn nên sợ hư, muốn sống sợ chết... điều mà Trang Tử (cũng như Liệt Tử) thường nhắc nhở: Sướng Khổ là Một, Nên Hư là Một, Sống Chết là Một... cũng như “Thức” sống theo Hữu thức, “Ngủ” sống theo Vô thức, tương tiếp nhau theo nguyên tắc “nhất âm, nhất dương”. Hữu thức nằm trong Vô thức, cũng như Vô thức nằm trong Hữu thức, không bao giờ gián đoạn. Nói cách khác, Mộng có phần Thực của nó, cũng như Thực cũng có phần Mộng của nó.

Một nhà bác học khoa “Tâm Lý học về bề sâu” nói: “Je crois d’ailleurs que plus tard on ne casse jamais un objet que l’Inconscient n’ait pas désigné d’avance (...) Ainsi, en plein jaillissement créateur grouillent constamment des éléments de dégénérescence, de vieillissement, de décomposition. Vie et Mort voisinent dans le même organisme. (Psyché, N°2, Décembre 1946, Maryse Choisy, page 202).

(Tôi tin rằng, không ai đập phá một vật gì mà không phải do Vô thức của ta chỉ định trước... Phải chăng trên đây là những chân lý mà Kinh Dịch đã nêu lên, có trên 5000 năm nay): “Vật phương sinh, phương tử”. Schelegel có nói: “Ce n’est que dans l’enthousiasme de la Destruction que se révèle le sens de la Création divine. Ce n’est qu’au milieu de la Mort que fulgure la Vie divine”. (Chỉ trong những lúc hăng say hủy diệt mà cái ý nghĩa Sáng Tạo thiêng liêng mới hiển lộ ra. Chỉ trong cái Chết mới thấy nhoáng lên cái Sống vô tận của Đất Trời. Cái Sống nào cũng đồng thời có cái Chết nằm trong đó. Ai dám bảo đây không phải là những ý tưởng trong Kinh Dịch? Hễ là chân lý thì đâu cũng có chân lý, đâu phải chỉ ở trong Kinh Dịch mới nói lên những chân lý của Vũ Trụ, mà chính bên Tây phương cũng có Kinh Dịch, là những bộ “La Cabbale”, “le Kybalion”, “la Table d’émeraude”, nhất là “la Sainte Bible” của Công giáo... Nên nhớ khi Jésus giảng sinh đã phải lánh nạn bên Ai Cập... Bộ Thánh kinh là một bộ sách phi thường, nhưng hiện nay đã bị thất truyền như các bộ sách khác cùng loại. Bộ Thánh Kinh này đã và đang ngự trị cả vùng chung quanh Địa Trung Hải.

Trí thức ngày nay, dù bên Đông hay bên Tây, dù ở phương Bắc hay phương Nam phải biết rõ tinh thần của Phật giáo, Lão giáo, cả Thiên Chúa giáo và Cơ Đốc giáo. Tất cả là Một, và mỗi một vật nào cũng chứa Tất Cả.

HÌNH ẢNH TÁC GIẢ QUA CÁC THỜI KỲ GẮN LIỀN VỚI SỰ NGHIỆP BIÊN KHẢO



Đầu thập niên 30, thế kỷ 20
(Thời kỳ viết Toàn Chân Triết
Luận, Thanh Dạ Văn Chung...).



Nửa sau thập niên 40, thế kỷ 20
(Rời Mỹ Tho lên Sài Gòn chuyên tâm
công việc biên khảo, viết lách,
soạn Cái Dựng Của Thành Nhân...).



Thập niên 50, thế kỷ 20
(Thời kỳ xuất bản Cái Dựng Của Thánh
Nhân, Thuật Xử Thế Của Người Xưa...).



Tác giả và con gái 1968.



Tác giả và vợ, nửa sau thập niên 60, thế kỷ 20
(Thời kỳ soạn Một Nghệ Thuật Sống, Lão Tử Đạo Đức Kinh...).



Cùng Giáo sư Lê Ngọc Trụ đầu thập niên 70, thế kỷ 20.



Đầu thập niên 80, thế kỷ 20
(Thời kỳ soạn Dịch Kinh Tường Giải, Thiên Đạo Tinh Hoa...).



Bên các con, cháu những năm tháng cuối đời.

Chu-Giang
NGUYỄN-DUY-CÂN
(Dịch, bình chú và minh họa)

DỊCH-KINH TƯỚNG GIẢI

(TẬP ĐẦU)

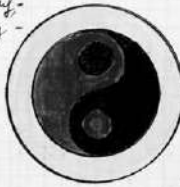
易經詳解

Riêng tặng các ~~học~~
sinh viên tân cử của tôi...
~~trong các trường đại học~~ nhất là
những kẻ chán - thối say -
mê nghiên cứu về Dịch lý -

01-01-1985



Nguyễn Duy Cẩn



(1985)

(Nhắc nhở, lặp đi lặp lại, - johai chōng 'ta' lưi' dạy-hay nhất... như tưới cây johai tưới từ từ... Chấn dạy ta: 'nhắc lại niềm xuất, như tưới xuân' -)

• "Enseigner, c'est répéter"
"Ce sont précisément les répétitions apparentes qui en discours sont dans ces de nous aux aspects -"
(Richard Wilhelm)

"Lis, lis, relis, prie et tu trouveras."
(Củi tọc, tọc thêm, tọc lại mới... và nghiên cứu các công trình-học, tọc từ ra...)

Thủ bút của tác giả bộ Dịch kinh tường giải.

Như đã nói: Bộ "Dịch-Kinh [Tĩnh-Giải]"
hôm nay, là đề lễ-túc cho 2 Bộ
sách Dịch-học Jinh-học và Chu-Dịch
Huyền-Giải, - đọc-giải nên đọc Rỳ-lại
Chương I (Cẩm Điạ luôn) và Chương
II (Từ-Từ-luôn) quyết Chu-Dịch
Huyền-Giải - mới có thể đọc trợ
quyển này -

Tập sách hôm nay cũng có thể gọi
là một loại đặc biệt của Bộ Chu-Dịch
Huyền-Giải, nghĩa là cổ giảng-giải
đến chỗ Huyền-nhiệm của Kinh-Dịch
(hỏi đầu hay đó) theo Kiến-giải hiện-thời,

Tập Dịch-Kinh Tĩnh-Giải này do
những bài giảng khúc đầy tại Giảng Đường
Đại-học Văn-Khoa, đức đầy-xếp lại có
thủ-từ và lễ-túc thêm nhiều chương thiên
mới... viết lại, do đòi yêu-cầu các Sinh-viên
còn ham-mê học Dịch -

Viết để nhớ lại khoảng dài của một
đời dạy học... vì Triết-học Đông-phương
tại Văn-khoa Đại-học, nhất
là giảng về Kinh-Dịch - là phần
căn-bản đọc đào nhất của Cải-học
về Zam-Huyền -

LỜI CỦA MỘT NGƯỜI ĐỌC SÁCH

Tư tưởng của cụ Thu Giang Nguyễn Duy Cần phần nào đã trải dài trong khoảng 30 tác phẩm của cụ (kể từ tác phẩm đầu tay xuất bản năm 1936 đến sau này, trong đó phải kể đến những tập di cảo đồ sộ mà cụ để lại từ sau năm 1975).

Nhưng nổi bật nhất là phần Dịch học như các quyển *Dịch Học Tinh Hoa*, *Chu Dịch Huyền Giải* đã xuất bản trước đây và nay là cuốn *Dịch Kinh Tường Giải* mà nhà xuất bản Trẻ sẽ ra mắt bạn đọc vào đầu năm 2014 này.

Dịch vốn là: “Dịch quán quần kinh chi thủ” là đầu não bao quát các kinh sách. Trước đây Cốc Quang Tử có nói: “Không học Dịch thì làm gì rõ được đầu mối của tạo hóa? Dịch mà thông thì sự lý trong vạn vật tự thông. Chưa từng thấy ai chưa thông Dịch, lại thông được cả cái lý của sự vật”.

Ngày nay người ta cho rằng: “Dịch là một pho sách tối cổ mà cũng tối tân” vì vốn nó là cái chìa khóa vừa “đa năng” vừa “vạn năng”.

Ở Việt Nam, bà Bùi Thị Bích Trâm đã dựa vào Dịch để làm luận án về Thiên văn học, ông Trần Văn Mãi

cũng dựa vào Dịch để làm luận án về Văn Hóa Việt nam, ông Nguyễn Hữu Lương làm luận án “ Kinh Dịch với vũ trụ quan Phương Đông”... Đặc biệt gần đây nhất tổ chức văn hóa và giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) đã công nhận phong trào “Đòn ca tài tử Nam Bộ” của chúng ta là Di sản văn hóa phi vật thể, mà theo giáo sư Trần Văn Khê thì: Bài vọng cổ Nam Bộ vừa có Vũ vừa có Trụ theo đúng tinh thần Dịch Học.

Vấn đề sắp xếp mật mã di truyền của môn Di truyền học giống như sự sắp xếp 64 quẻ trong kinh Dịch. Yếu tố Âm Dương Ngũ Hành cũng là Toán Âm Dương cổ xưa và nay hợp với Toán Nhị phân hiện đại sử dụng trong tính toán.

Hai nhà bác học về nguyên tử là Lý Chánh Đạo và Dương Chấn Ninh ở đại học Columbia và Princeton đã chứng minh hạt nguyên tử khi nổ phóng ra tia ly tử Âm và Dương theo tỷ lệ $3/2$ và đạt giải Nobel vật lý năm 1957. Hai ông đã thừa nhận nhờ tìm hiểu Dịch lý mà biết được định luật Cơ ngẫu mà các nhà Nho thường gọi là “Tham Thiên Lương Địa” (Trời 3, đất 2). Trong y học cổ truyền cũng có 3 là dương, 2 là âm và đồng thời cũng là những con số căn bản $3+2=5$ và số 5 cũng là số hành Thổ ở trung cung của Hà Đồ và Lạc Thu.

Riêng ngành Đông y, các bậc Thánh y và Y tổ thường nhắc đi nhắc lại: “Bất tri Dịch bất khả dĩ ngôn y – không biết Dịch xin đừng nói đến làm thuốc”. Hải Thượng Lãn Ông cũng bảo: “Học Dịch trước rồi sẽ học Y sau”. Cụ Nguyễn Đình Chiểu cũng không nói khác:

“Đạo Y vốn ở Dịch kinh

Không thông lẽ Dịch sao rành chước Y”

Ngày nay giáo sư Huỳnh Minh Đức cũng cùng một nhận định: “Chưa từng thấy một thầy thuốc Đông y nào giỏi mà không lầu thông kinh Dịch”.

Vậy nên, chúng ta thấy Dịch kinh quan trọng đối với người thầy thuốc biết chừng nào! Và cũng chính vì sự hệ trọng của Kinh Dịch trong các ngành học ở phương Đông chúng ta nên tôi yêu cầu một đại bộ phận trí thức ngày nay vẫn xem Dịch Kinh là loại sách chuyên về bói toán nên suy nghĩ lại.

Cụ Thu Giang Nguyễn Duy Cần trong quyển Dịch Học Tinh Hoa có viết: “Sau khi nghiên cứu học hỏi nhiều cách để đi vào rừng Dịch mãi cho đến khi cụ gặp được một vị dưỡng phụ cũng là một thầy thuốc Đông y cụ mới vỡ lẽ ra “Y đạo thông Tiên đạo” và cũng từ đây cụ bảo: “Muốn thông được Dịch rất khó vì Dịch không phải ở “Lời” mà ở “Tượng” và ở “Số” và cũng không phải ở “Tượng” và ở “Số” mà là ở “Ý” “Ý tại ngôn ngoại”

Vậy, trước khi đi vào rừng Dịch chúng ta phải “Ngộ” được cái chỗ “Ý tại ngôn ngoại” này.

Tôi có cái may mắn là được hấp thụ tư tưởng của cụ Thu Giang từ rất sớm, tuy không phải là môn đệ chính thức của cụ ở trường Văn Khoa, nhưng nhờ được đọc những sách vở của cụ mà tôi đã hình thành nên con đường đi rõ rệt trong sự nghiệp Đông Y của mình. Trong quyển *Dịch Lý Y Dịch* của tôi (Nxb Trẻ, 2013), trong phần đề tựa tôi có ghi: “*Thành kính dâng lên cụ Thu Giang Nguyễn Duy Cần với tấm lòng biết ơn vô hạn. Vì sớm được hấp thụ tư tưởng của cụ nên con mới có được thành tựu như hôm nay*”. *Dịch Lý Y Dịch* là kết quả của hơn 30 năm kinh nghiệm cá nhân trong nghề Đông Y của tôi và như tôi đã nói, nếu không có

những duyên may được tiếp thu những tư tưởng của cụ Thu Giang trong Dịch học thì công trình viết sách của tôi cũng khó có cơ may được thành tựu dễ dàng như mong ước.

Nhân dịp bộ *Dịch Kinh Tuờng Giải* của cụ Thu Giang Nguyễn Duy Cần được hân hạnh ra mắt bạn đọc lần đầu, tôi xin minh định lại vài điều như trên để các bạn đọc, nhất là các bạn trẻ mới bắt đầu nghiên cứu Dịch học thêm vững tâm trên con đường đi vào thế giới “Dịch” bao la và thẳm sâu phía trước.

Thành phố Hồ Chí Minh,
cận ngày Đông Chí năm Quý Tỵ, 2013
Lương y **Võ Phước Hưng**

SÁCH THAM KHẢO

1. *Tcheou-Yi, Le Yi-King (Livre des Changements de la Dynastie des Tchéou, par P.L.F Philastre, Paris, Ernest Leroux, Editeur, 1885.*
2. *Le Yhi-King, Texte Primitif, rétabli, traduit et commenté par Charles de Harlez (Membre de l'Académie Ryale de Belgique, Bruxelles, 1889.*
3. *Le Yi-King, Traduit d'après les Interprètes Chinois avec la Version Mandchoue par Ch. De Harlez, Paris, Le Roux, Lib. Editeur, 1897.*
4. *Tchou-Hi (Sa doctrine – son influence) par P. Stanislas Le Gall, S.J.Chang Hai, 1894 (Variétés Sinologiques N°6)*
5. *La Philosophie Morale de Wang-Yang-Ming par Wang Tch'ang Tche, S.J.Chang Hai, Lib. Orientalisme P.Geutner 1936 (Variétés Sinologiques N°63)*
6. *Yi-King (Le Livre des Transformations, (Texte complet) Version allemande de R.Wilhem, préfacé et traduit en français par Etienne Perrot, Lib. Médicis, 1973.*
7. *Le Livre des Mutations (Le texte primitif traduit*

- du Chinois par Charles de Harlez, présenté et annoté par *Raymond de Becker*, Ed. Denoël, 1959.
8. *Le Livre de la Terre et du Ciel* (les Secrets du Yi-King, par *J.Lavier*, Tchou, éditeur, 1969.
 9. *La Philosophie Morale dans le Néo-Confucianisme* (Tcheou Touen-Yi, Châu Đôn Di) par *Chow Yih Ching*, P.U.F., 1954.
 10. (Textes Chinois des œuvres de Châu Đôn Di) (do Chu Hi bình giải) (Commentaires de Tchou-Hi (Chu Hi)
 11. *La Voie Métaphysique* par Matgioi (Albert Puyou, comte de Pouvoirville) Ed. Traditionnelles, 1936. (Bản về Dịch lý)
 12. *La Voie Rationnelle* (du nî auteur) Ed. Traditionnelles, 2^e édition, 1941.
 13. *Nho Giáo, Quyển III*, của Lê Thần Trần Trọng Kim (T.B.T.V Ed., 1933)
 14. *Tống Nho*, Bửu Cầm, Ed. Nhân Văn.
 15. *La Cabbale* (Tradition Secrète de l'Occident), Papus, Ed. Niclaus, 1937.
 16. *Doctrine Secrète*, par H.P.Blavassry, Collection complète en 6 vol. (1921).
 17. *Méthode Pratique de Divination Chinoise par le "Yi-King"*, par Le Maître *Yüan-Kuang*, avec Préface et Notes explicatives de Tchou-Houa et Charles Canone (Jean Rivière), Les Ed, Véga, Paris, 1950.
 18. *Le Livre de Marco Polo* (Albert Nachbaur – Editeur à Pékin), Marco Polo, citoyen de Venis,

Haut Fonctionnaire à la Coin de Koubilaï-Khan, Généralissime des Armées mongoles Gouverneur de Province, Ambassadeur du Grand Khan vers l'Indochine, les Judes, La Perse et les Royaumes Chrétiens d'Occident (rédigé en français sous la dictée de l'Auteur en 1295 par Rusticien de Pise, revu et corrigé, par Marco Polo lui-même, en 1307, publié par G.Pauthier en 1867, traduit en français moderne et annoté d'après les sources Chinoises par A.J.H. Chariguon (Tome I), PéKin, Albert Nachbaur Editeur, 1924)

19. *Le Parfum des Humanités*, par E.Vayrac, Ed. du Trung Bắc Tân Văn, Hanoi, 1925, Sử Ký Thanh Hoa, bản dịch của Nguyễn Văn Vĩnh.
20. *Figures de Proue*, René Grousset, Paris, Plon, 1949.
21. *Histoire de l'Extrême-Orient* (2 tomes), René Grousset, Paris, Paul Geuthner, 1929.
22. *Survol de l'Histoire du Monde* (l'œuvre de 150 générations), par René Sédillot, Lib. Arthème Fayard, 1940.
23. *Histoire de l'Humanité*, par Hendrik Willem Van Loon (Traduit de l'Anglais par Maurice Soulié), Payot, 1946.
24. *Histoire de la Chine, de l'Antiquité jusqu'en 1929*, par George Soulié de Morant, Payot, 1929.
25. *L'Histoire*, par Arnold J. Toynbee (traduit de l'Anglais par Elisabeth Julia), Lib. Gallimard, 1951.
26. *La Civilisation à l'Épreuve*, par A.J.Toynbee,

- traduit de l'Anglais par Renée Willoteau, Gallimard, 1951.
27. *Guerre et Civilisation*, A.J.Toynbee, traduit de l'Anglais par Albert Conat, Gallimard, 1953.
 28. *Le Monde et l'Occident*, A.J.Toynbée traduit de l'Anglais par Primerose Du Bos, Desclée de Brouwer, 1953.
 29. *Histoire de l'Asie*, René Grousset, P.U.F 1947.
 30. *L'Ombre et son Histoire*, René Grousset, Plon, 1954.
 31. *Histoire de l'E.O (2 vol)*, René Grousset, Geutner Ed., 1929.
 32. *Bilan de l'Histoire*, René Grousset, Plon, 1946.
 33. *La Face de l'Asie*, René Grousset, Payot, 1955.
 34. *Histoire de la Chine*, R. Grousset, Lib. Arthème Fayard, 1942.
 35. *Histoire de la Civilisation Chinoise*, par Richard Wilhem.
 36. *La Pensée Chinoise*, par Marcel Granet, Albin Michel, La Renaissance du Livre, Paris, 1934.
 37. *La Civilisation Chinoise*, Marcel Granet, Ed. Albin Michel, 1948.
 38. *La Pensée Grecque*, par Léon Robin, Albin Michel, 1932.
 39. *La Science Orientale*, par Abel Rey, Ed. Albin Michel, 1942.
 40. *L'Inde Antique et la Civilisation Indienne*, par

- Masson Oursel, H. de Wilman Grabowska, Phillipe Stern, Ed. Albin Michel, 1951.
41. *La Naissance de la Chine*, par Herrlee Glessner Creel, traduit de l'Anglais par M. Clerc Salles, Payot, 1937.
 42. *Chronologie de l'Histoire Mondiale*, par E. Cavaignac. Payot, 1946.
 43. *Esquisse de l'Histoire Universelle*, par H.G.Wells, Traduction de Edouard Guyot, couronnée par l'Académie française, Payot, 1948.
 44. *Trung Quốc Sử Luận*, Phan Khoang, Văn Sử Học x.b., 1970.
 45. *Trung Hoa Sử Cương*, Đào Duy Anh.
 46. *A Short History of Chinese Philosophy*, Fung-Yu-Lan, Edited by Derk Bodde, New York the Macmillan Company, 1964.
 47. *Trung Quốc Triết Học Sử*, Phùng Hữu Lan (*Đại Học Tùng Thư*), Thương Vụ Ấn Thư Quán phát hành (Bản chữ Hán của P.H.Lan).
 48. *Tân Lý Học*, Phùng Hữu Lan, Thương Vụ Ấn Thư Quán phát hành (*Đại học Tùng Thư*).
 49. *Đại Cương Triết Học Sử Trung Quốc*, Phùng Hữu Lan (Bản dịch: Nguyễn Văn Dương), Huế (1962).
 50. *Précis d'Histoire de la Philophie Chinoise* par Fong Yeou Lan (d'après le texte anglais édité par Derk Bodde Prof de Chinois à l'Université de Pensilvanie, Payot, 1952.
 51. *Héraclite d'Ephère* (Doctrines philosophiques), traduites intégralement et précédées d'une

- Introduction par Maurice Solovine, Lib. F.Alcan, Paris, 1931.
52. *Héraclite, Shrî Aurobindo Ghose*, Traduction français de J. Herbert et D.N. Bonarjee, Lyon, Paul Derain Ed., 1951.
 53. *Histoire de la Dialectique*, par Paul Sandor, Les Ed. Nagel, 1947.
 54. *La Dialectique*, par Paul Foulquié, P.U.F. (Que Sais-je), Paris, 1949.
 55. *Marxisme et Dialectique*, par Victor Kronstadt, traduit de Russe, Ed. Siboney, 1947.
 56. *Description du Marxisme*, par Roger Caillois, Gallimard, 1950.
 57. *Psychanalyse du Marxisme*, par Mathilde Niel, Le Courrier du Livre, Paris, 1967.
 58. *De Marx au Marxisme*, (1848–1948) par 1 groupé d’auteurs sous la direction de Robert Aron (Ed. de Flore, Paris, 1948).
 59. *A la lumière du Matérialisme Dialectique*, par Henri Lefebvre, Edition Sociales, Paris, 1947.
 60. *Psychanalyse du Communisme*, par Henri Pollès, Paris, Editeur Henri Lefebvre, 1949.
 61. *Le Septième Sens (L’Aisthésis)* par Paul Le Cour, Dervy Ed., Paris, 1952.
 62. *Introduction à la Parapsychologie* (Bilan actuel des Sciences Occultes), Traduction française par L.Lamorlette, Agriégé de Sciences Naturelles,

- Payot, Paris, 1951) par Fudolf Tischner (Membre de la Society for Psychical Research de Loudres).
63. *Psyché (Numéro Spécial sur la Parapsychologie)* N° 55 (Mai 1951), La Connaissance paranormale et sa place dans la Psychologie par le Dr. Laurence T. Bendit.
64. *Le Matin des Magiciens*, par Louis Pauwels et Jacques Berger, Introduction au Réalisme fantastique (Gallimard, 1960).
65. *Les Rythmes et la Vie*, collection Présences, Lib. Plon, par le Professeur Laignel Lavastine de l'Académie de Médecine avec la collaboration de Lue Benoît; Dr. René Biot; Jean Thibaud; Dr. Henry Duprat; Dr. Henri Cordot; Dr. G. Morin; Françai Mentré; Jean Chevalier; Edmond Bucher; Dr. G. Richard; Jean Guitton; Gustare Thibon, 1947.
66. *Cycles et Rythmes*, Robert Tocquet, Ed. Planète, Paris, 1969.
67. *Les Horloges Biologiques ou les théories du Nei-King (Nôi Kinh) devant la Biologie Moderne*, par le Docteur Jean Choain.
68. *Les Grands Secrets de la Nature*, par Jean Charle de Monlor, 1948.
69. *Symboles fondamentaux de la Science Sacrée*, René Guénon, Gallimard, 1952.
70. *Le Symbolisme de la Croix*, par René Guénon, Les Ed. Véga, Paris, 1931.
71. *La Grande Triade*, René Guénon, La Table Ronde, 1946.

72. *La Métaphysique Orientale*, René Guénon, Les Editions Traditionnelle, 1945.
73. *La Crise du Monde Moderne*, R.Guénon, Ed. Bossard, Paris, 1927.
74. *Le Règne de la Quantité et les Signes des Temps*, par R.Guénon, Gallimard, 1945.
75. *Le Kybalion*, par les Trois Initiés, Henri Durville, Paris, 1925.
76. *La Cabbale Mystique*, par Dion Fortune, Traduit de l'Anglais par Gabriel Trarieux d'Egmont, Ed. Adyar, 1937 – (Hoàn toàn khó kiếm) (Rare)
77. *Les Forces Magiques* (Etudes Archéomètres) par Shoral, H.Durville éditeur, Paris, (sans date).
78. *La Science Secrète*, H.Durville, Paris, 1924.
79. *Mystères Initiatiques*, H.Durville, Paris 4^e, 1925 (La Haute Science Egyptienne)
80. *Spiritualité de la Matière*, par Robert Lissen (Directeur de l'Institut Supérieur de Sciences & de Philosophies de Bruxelles) Editions la Planète, 1966.
81. *Le Matérialisme Spirituel*, R.Linssen, Ed. Etre Libre, Bruxelles, 1935.
82. *L'Avenir du Monde*, R.Linssen, Ed. Etre Libre, 20 Rue Père Dedeken, 1951 (Bruxelles) (De 1950 à 2000), (1951).
83. *Tham Đồng Khế*, của Ngụy Bá Dương (sách đầu não các Đơn Kinh phe Đạo giáo): đây là bộ Dịch Kinh của Đạo giáo (đời Hậu Hán).
84. *Châu Dịch Xiển Chơn*, của Ngộ Nguyên Tử và Lưu

- Nhất Minh (Đơn Kinh của Đạo giáo) Quyển I và II.
85. *Lão Tử Đạo Đức Kinh* (bản dịch của Thu Giang Nguyễn Duy Cần).
 86. *Lão Tử Tinh Hoa* (T.g. Nguyễn Duy Cần)
 87. *Trang Tử Nam Hoa Kinh* (T.g. Nguyễn Duy Cần)
 88. *Trang Tử Tinh Hoa* (T.g. Nguyễn Duy Cần)
 89. *Liệt Tử Xung Hu Chân Kinh* (Bản chữ Hán) Bản dịch của Nguyễn Hiến Lê.
 90. *Đông Lai Bác Nghị*, Lữ Đông Lai (bản dịch của Bs. Dương Tấn Tươi).
 91. *Chiến Quốc Sách* (Bản chữ Hán).
 92. *Sử Ký Tư Mã Thiên* (Bản chữ Hán).
 93. *Le Parfum des Humanités*, E.Vayrac, Trung Bắc Tân Văn, Bản dịch ra Viet Văn.
 94. *Le Science Secrète des Initiés et la Pratique de la Vie*, par Serge Marcotoune (Traduit du Russe par Eugène et Marc Semenoff (revue par l'auteur), ed. André Delpeuch, Paris, 1928.
 95. *Le Retour Eternel & la Philosophie de la Physique*, par Abel Rey, Editeur Ernest Flammarion, Paris, 1927.
 96. *Introduction aux Nombres Théosophiques*
 97. I. *Astral des Plantes* (1922)
 98. II. *Astral des Sons* (1924)
 99. par le Professeur Paviot
 100. (Ed. Rhéa, Paris, 1922–1924)
 101. *La Dialectique*, par Paul Foulquié, P.U.F. (Que Sais-je?), 1949, La Pensée Marxis Le, Thierry Maulnier, Ed. F.Bronty, J. Fayard, 1948.

102. *L'Évangile de St Jean dans ses rapports avec les 3 autres Évangiles*, R.Stenier (1945).
103. *Le Marxisme*, Henri Lefebvre, P.U.F (Que Sais-je?), 1948.
104. *Six Essais sur Trois Tyrannies*, par Etiemble, Fontaine, Paris, 1947, “*Dialectique Matérialisme et Dialectique Taoïste*”
105. *La Révolution Mondiale et la Responsabilité de l'Esprit*, Hermann de Reyslering, Ed. Stock, 1934.
106. *L'Esprit Synthétique de la Chine*, par Liou-Ria-Hway, P.U.F., Paris, 1961.
107. *Le Monde qui naît*, Hermann de Reyseiling, Stock Ed., Paris, 1929.
108. *Le Secret de la Fleur d'Or*, par Lu-Tsou, Traduction de Lou-Tse-Houa, Lib de Médecis, Paris, 1969.
109. *Les Procédés de Nourrir le Principe Vital dans la religion taoïste ancienne*, par Henri Maspéro, Journal Asiatique (Avril-Juin 1937) et (Juillet Septembre 1937).
110. *Les Triomphes de la Psychanalyx*, Pierre Daco, Marabout Service, 1965.
111. *Les Prodigieuses Victoires de la Psychologie Moderne*, Pierre Daco, Marabout Service.
112. *La Sainte Bible, (La Bible de Jérusalem)* (1957 des Ed. Desché De Brouwer).
113. *L'Évangile de l'Esprit, Saint Jean* (Traduit et Commuté par Alta) (1918, Ed. H.Durville).
114. *La Science Spirituelle dans ses rapports avec L'Apocalypse*, R.Steiner (1945).

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
31. Trạch Sơn Hàm.....	9
32. Lôi Phong Hằng	20
33. Thiên Sơn Độn	34
34. Lôi Thiên Đại Tráng.....	44
35. Hỏa Địa Tấn.....	52
36. Địa Hỏa Minh Di	61
37. Phong Hỏa Gia Nhon.....	77
38. Hỏa Trạch Khuê	90
39. Thủy Sơn Kiến	106
40. Lôi Thủy Giải	119
41. Sơn Trạch Tồn	127
42. Phong Lôi Ích	142
43. Trạch Thiên Quả	156
44. Thiên Phong Cấu	171
45. Trạch Địa Tụy.....	183
46. Địa Phong Thăng.....	192

47. Trạch Thủy Khổn.....	200
48. Thủy Phong Tinh.....	213
49. Trạch Hỏa Cách	227
50. Hỏa Phong Đỉnh	243
51. Bát Thuần Chấn.....	257
52. Bát Thuần Cấn	269
53. Phong Sơn Tiệm.....	289
54. Lôi Trạch Quy Muội	305
55. Lôi Hỏa Phong	316
56. Hỏa Sơn Lữ	329
57. Bát Thuần Tốn.....	343
58. Bát Thuần Đoài	355
59. Phong Thủy Hoán.....	365
60. Thủy Trạch Tiết.....	378
61. Phong Trạch Trung Phù.....	389
62. Lôi Sơn Tiểu Quá.....	403
63. Thủy Hỏa Ký Tế.....	413
64. Hỏa Thủy Vị Tế.....	424

Phụ lục

Luật tuần hoàn theo Quẻ Thủy Trạch Tiết..	440
Sự điều tiết của địa cầu và sự xoay vòng của đời sống nhân sinh.....	459
Khoa Tiên tri Tiên giác có không?	508
Tin mộng mị có phải là Mê Tín Dị Đoan chăng?	524

Vấn đề Mộng Mị.....	530
Tỉnh và Mộng.....	569
Hình ảnh tác giả qua các thời kỳ gắn liền với sự nghiệp biên khảo.....	577
Lời của một người đọc sách.....	582

DỊCH KINH TUỜNG GIẢI

Quyển Hạ

Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN
dịch và bình chú

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó giám đốc - Phó tổng biên tập NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập và sửa bản in: ĐỖ BIÊN THÙY

NGUYỄN THỊ KIM ANH - NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG

Bìa: BÙI NAM

Trình bày: ĐỖ VĂN HẠNH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 39316289 - 39316211 - 38465595 - 38465596 - 39350973
Fax: 84.8.8437450 - E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn
Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, p. Bạch Đằng, q. Hai Bà Trưng, Hà
Nội
ĐT: (04)37734544 - Fax: (04)35123395
E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

Công ty TNHH Sách điện tử Trẻ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM
ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450
Email: info@ybook.vn
Website: www.ybook.vn

DỊCH KINH TUỒNG GIẢI

QUYỂN HẠ

“Học Dịch, để làm gì?

Học Dịch là để hiểu *Thiên Lý* (các luật lý vận hành của vũ trụ), và để hiểu *minh* (tự tri) hầu thực hiện được nguyên lý căn bản của đời người, là *Thiên Nhơn tương hợp* (con người tương hợp và hòa điệu cùng vũ trụ).

Dịch kinh, không phải là một bộ sách luân lý theo nghĩa thông thường của Nhị Nguyên lý trí, nó không thiên hẳn về bên Thiện hay bên Ác, cho nên “sống” không phải là “phúc”; mà “chết” cũng không phải là “họa”; “nên” không phải là “công”; mà “hư” cũng đâu phải là “tội”. Bởi vậy đọc Dịch và học Dịch sẽ làm cho lòng ta trở nên thản nhiên đối với bất cứ việc gì, tốt hay xấu, lợi hay hại.

Hiểu Dịch lý sẽ giúp ta thoát khỏi tính câu chấp hẹp hòi của Nhị Nguyên lý trí, thoát khỏi thị kiến phiến diện và méo mó của vấn đề Thiện Ác, Thị Phi, Vinh Nhục. Dịch học giúp ta thấy rõ chân tướng sự vật bao giờ cũng có hai mặt: Không có cái Phải nào mà chẳng có cái Quấy của nó... Vì cả hai đều là *Thiên Lý* cả, nhờ đó mà lòng ta được luôn luôn bình thản đối với sự đời quá nhiều náo động và đầy mâu thuẫn. Nên gọi Dịch học là thứ Triết lý của sự Giải thoát toàn diện.”

— *Trích bài giảng “Tìm hiểu kinh Dịch”
của Thu Giang Nguyễn Duy Cần cho sinh viên
khoa triết học phương Đông tại đại học
Văn Khoa Sài Gòn, 1970.*



[facebook.com/
nhaxuatban.tre](https://facebook.com/nhaxuatban.tre)

nxbtre.com.vn